

ARTURO PÉREZ - REVERTE

"Có thể coi đây là cuốn tiểu thuyết
về cờ vua xuất sắc nhất."

- CHESS MONTHLY

BÍ
ẤN
QUÂN
HẬU
ĐEN

LÊ ĐÌNH CHI dịch



TRƯỜNG SA
CÁI LẬP



BÍ ẨN QUÂN HẬU ĐEN



Tác giả: Arturo Pérez-Reverte

Người dịch: Lê Đình Chi

Nhã Nam phát hành

Nhà xuất bản Lao Động - 10/2016

ebook©vctvegroup

*Dành tặng Julio và Rosa, những luật sư của Quý
Và Cristiane Sanchez Azevedo*

NHỮNG BÍ MẬT CỦA DANH HỌA VAN HUYS

*Chúa điều khiển người chơi cờ, người chơi di chuyển các quân cờ.
Nhưng vị thần nào ở trên Chúa đã khởi động ván cờ của cát bụi, và thời gian,
của giấc ngủ và những nỗi thống khổ.*

_ Nhà văn Argentina Jorge Luis Borges _

Một chiếc phong bì dán kín là một bí ẩn chứa đựng trong nó những điều bí ẩn khác. Chiếc bì thư cụ thể này là loại bì nâu cỡ lớn, dày cộp, với tên phòng thí nghiệm được đóng dấu ở góc dưới bên trái. Và khi cô cảm nhận khối lượng của nó đè lên bàn tay mình trong lúc lục tìm con dao rọc giấy giữa đồng cọ lông và những lọ màu vẽ cùng véc ni, Julia không thể hình dung ra động tác mở chiếc phong bì sẽ thay đổi cuộc đời cô tới mức nào.

Thực tế, cô đã biết trước chiếc phong bì chứa đựng thứ gì bên trong. Hay, như sau này khám phá ra, chí ít cô cũng nghĩ là mình đã biết. Có lẽ vì thế cô không cảm thấy chút linh tính đặc biệt nào cho đến khi đã lấy những tấm ảnh ra khỏi phong bì, rải chúng lên mặt bàn và nhìn vào chúng, hầu như nín thở. Chỉ tới lúc ấy cô mới nhận ra rằng nghiên cứu của cô về bức *Ván cờ* sẽ không phải là một công việc thông thường. Những khám phá không ngờ tới trong các bức họa, trong các món đồ nội thất, hay thậm chí trên bì những cuốn sách cổ là chuyện thường tình trong nghề của cô. Trong sáu năm gắn bó với công việc phục chế các tác phẩm nghệ thuật, cô đã khám phá ra không ít các bản phác thảo, các bức họa gốc bị vẽ đè lên, các nét chỉnh sửa, vẽ lại, và thậm chí là những tác phẩm giả mạo. Nhưng chưa bao giờ cô gặp một dòng chữ khắc dưới lớp màu vẽ của một bức họa: đó là ba từ được phát hiện ra nhờ ảnh chụp tia X.

Cô cầm bao thuốc lá không đầu lọc nhàu nhĩ của mình và châm một điếu, không thể rời mắt khỏi những tấm ảnh. Với bằng chứng trên những tấm ảnh chụp tia X cỡ 30 × 40 cm, không còn gì để nghi ngờ nữa. Bức họa là một tác phẩm vẽ trên ván gỗ từ thế kỷ 15 thuộc trường phái Flemish*, và bản phác

họa gốc màu đen trắng hiện lên cũng rõ ràng như những vân gỗ hay các mép nối được dính keo gắn liền ba mảnh gỗ sồi thành tấm ván mà trên đó, từ những nét phác họa, những nét cọ và những lớp sơn lót, người họa sĩ đã dần định hình nên tác phẩm của mình. Dưới đáy bức tranh, được đưa ra ánh sáng sau năm thế kỷ nhờ vào kỹ thuật chụp tia X, là dòng chữ ẩn giấu, các chữ cái Gothic của nó hiện lên rõ nét, tương phản với tấm ván màu đen trắng.

QUIS NECAVIT EQUITEM?

Vốn tiếng Latin của Julia đủ để có thể dịch được dòng chữ mà không cần đến từ điển: *Quis*, đại từ nghi vấn có nghĩa là “ai”, *necavit*, xuất phát từ *neco*, nghĩa là “giết”, và *equitem*, đối cách số ít của *eques*, nghĩa là “hiệp sĩ”. Ai đã giết hiệp sĩ? Việc thêm vào một dấu chấm hỏi mà trong tiếng Latin là dư thừa vì *quis* đã mang sắc thái nghi vấn, làm cho dòng chữ đượm vẻ bí hiểm.

AI ĐÃ GIẾT HIỆP SĨ?

Thật khó hiểu. Cô rút một hơi thuốc dài, giữ đều thuốc trên tay phải trong lúc dùng tay trái sắp xếp lại các tấm ảnh chụp tia X trên mặt bàn. Ai đó, nhiều khả năng là chính tác giả bức họa, đã lồng một kiểu câu đố vào bức tranh rồi giấu nó dưới một lớp sơn. Hoặc có thể là một người khác đã làm việc ấy vào một thời điểm muộn hơn. Có nghĩa là có cả một quãng thời gian xấp xỉ năm trăm năm để cô phỏng đoán thời điểm xuất hiện dòng chữ. Ý nghĩ đó khiến Julia thích thú. Tìm ra lời giải cho câu đố này hẳn sẽ không quá khó khăn. Xét cho cùng, đó chính là nghề của cô.

Cô cầm các tấm ảnh lên rồi đứng dậy. Luồng sáng âm đạm chiếu qua khung cửa sổ lớn trên mái nhà nằm nghiêng rọi thẳng vào bức tranh đặt trên giá vẽ. Bức *Ván cờ*, chất liệu sơn dầu trên nền gỗ, được Pieter Van Huys vẽ vào năm 1471. Cô đứng trước bức họa, chăm chú nhìn nó hồi lâu. Đó là một bức họa vẽ cảnh nội thất với những chi tiết tỉ mỉ của thế kỷ 15, kiểu bố cảnh mà cùng với nó các bậc thầy hội họa vĩ đại của trường phái Flemish, những

người đầu tiên sử dụng sơn dầu, đã đặt nền móng cho hội họa hiện đại. Các nhân vật chính trong tranh là hai người đàn ông trung niên có dáng vẻ quý phái ngồi hai bên một bàn cờ với ván cờ đang chơi dở.

Ở hậu cảnh phía bên phải, gần khung cửa sổ có đỉnh hình chóp mở ra phong cảnh bên ngoài, một quý bà mặc đồ đen đang chăm chú đọc cuốn sách đặt trong lòng. Bối cảnh được hoàn tất với những chi tiết tỉ mỉ điển hình của trường phái Flemish, được họa lại với sự hoàn hảo gần như ám ảnh: nội thất và đồ trang trí, nền nhà lát gạch trắng đen, các họa tiết trên tấm thảm, một vết nứt nhỏ trên tường, bóng của một cái đỉnh nhỏ xíu trên một trong những thanh rầm nhà. Bàn cờ và các quân cờ được thể hiện cũng chính xác như những khuôn mặt, bàn tay và trang phục của các nhân vật trong tranh, với mức độ tả thực hoàn hảo, đem đến cho toàn bộ bức họa dáng vẻ tinh xảo đến khó tin, màu sắc của nó vẫn còn sống động khác thường dù không tránh khỏi bị tối màu do quá trình ôxy hóa từ từ của lớp dầu véc ni nguyên bản.

Ai đã giết hiệp sĩ? Julia nhìn xuống tấm ảnh đang cầm trong tay, rồi nhìn trở lại bức họa, không thể phát hiện ra trên đó bất cứ dấu vết nào của dòng chữ bị che giấu nếu nhìn bằng mắt thường. Thậm chí việc kiểm tra kỹ càng hơn bằng cách sử dụng một chiếc kính hiển vi hai mắt có độ phóng đại bảy lần cũng không giúp phát hiện ra điều gì. Cô kéo tấm rèm cuốn trên cửa sổ trần xuống, làm cả căn phòng chìm vào bóng tối, rồi kê một chiếc giá ba chân có lắp đèn soi tử ngoại bên trên lại gần giá vẽ. Dưới ánh đèn tử ngoại, tất cả các chất liệu lâu đời nhất, màu vẽ và dầu bóng sẽ phát huỳnh quang, trong khi những chất liệu có tuổi đời ngắn hơn sẽ hiện màu tối hoặc đen, nhờ đó để lộ ra bất kỳ chi tiết chỉnh sửa hay vẽ lại nào sau này. Tuy nhiên, trong trường hợp này ánh đèn tử ngoại chỉ làm hiện lên một bề mặt phát huỳnh quang đồng nhất, kể cả phần che đi dòng chữ. Kết quả này cho thấy những từ bí hiểm đó hoặc đã bị chính họa sĩ vẽ đè lên, hoặc đã bị che phủ không lâu sau

khi bức họa hoàn tất.

Cô tắt đèn và kéo rèm lên. Thứ ánh sáng xám mờ như ánh thép của buổi sáng mùa thu lại rọi vào chiếc giá vẽ và bức họa; nó tràn ngập khắp gian phòng bừa bộn sách với những chiếc giá chật ních sơn, cọ vẽ, véc ni và dung môi, sàn nhà bày la liệt dụng cụ thợ mộc, khung tranh và các dụng cụ đo chính xác, những bức tượng cổ, khung căng toan bằng gỗ và đồng, những bức tranh dựng úp vào tường, nằm trên tấm thảm Ba Tư đắt giá nhưng đã dính đầy màu. Trong một góc nhà, trên chiếc bàn viết kiểu Louis XV, đặt một dàn âm thanh hifi vây quanh bởi những chồng đĩa của: Don Cherry, Mozart, Miles Davis, Satie, Lester Bowie, Michael Hedges, Vivaldi*... Tấm gương khung mạ vàng kiểu Venice treo trên tường đang hiện lên hình ảnh hơi mờ của Julia: tóc ngang vai, hai quầng thâm nhẹ (do thiếu ngủ) dưới đôi mắt to, đen và chưa được trang điểm của cô. Mỗi khi César nhìn thấy khuôn mặt cô hiện lên giữa chiếc khung mạ vàng của tấm gương đó, ông thường nói trong cô đáng yêu như một trong những người mẫu của Leonardo da Vinci, *mỹ nhân đẹp nhất của tôi*. Và cho dù có thể coi César là một chuyên gia sành sỏi về các chàng trai trẻ hơn là các cô gái đẹp, Julia biết rõ những gì ông nói hoàn toàn đúng. Ngay cả cô cũng rất thích ngắm mình trong tấm gương có khung mạ vàng đó, vì nó luôn đem đến cho cô cảm giác vừa đột ngột đi qua bên kia một cánh cửa thần kỳ, một cánh cửa đã giúp cô vượt qua không gian và thời gian, trả lại cho cô hình ảnh của chính mình với tất cả sự khỏe khoắn đầy sức sống của một vẻ đẹp thời Phục hưng của Italia.

Cô mỉm cười khi nghĩ về César. Cô luôn mỉm cười mỗi khi nghĩ đến ông, kể từ khi còn là một cô bé. Đó là một nụ cười triu mến, thường cũng là một nụ cười đồng lõa. Cô đặt những tấm ảnh chụp tia X xuống bàn, dụi điều thuốc vào chiếc gạt tàn nặng nề bằng đồng có chữ ký của nhà điêu khắc Tây Ban Nha Benlliure* rồi ngồi xuống trước chiếc máy chữ của mình.

VÁN CỜ

Sơn dầu trên ván gỗ. Trường phái Flemish. Vẽ năm 1471.

Nghệ sĩ: Pieter Van Huys (1415-1481).

Vật liệu nền: Ba tấm ván gỗ sồi được ghép lại bằng keo.

Kích thước: 60 × 87 cm (gồm ba tấm ván giống hệt nhau có kích thước 20 × 87 cm).

Độ dày của ván: 4 cm.

Tình trạng bảo tồn vật liệu nền: Không bị cong vênh. Không có tổn hại đáng kể do mọt gây ra.

Tình trạng bảo tồn bề mặt tranh: Các lớp cấu trúc gắn và liên kết với nhau tốt. Không có thay đổi về màu sắc. Có vài vết rạn do lão hóa theo thời gian, nhưng không có hiện tượng phồng hay bong tróc.

Tình trạng bảo tồn lớp phủ bề mặt: Không có vết gỉ muối hay bị ẩm rõ rệt. Lớp sơn bóng bề mặt bị sẫm màu nghiêm trọng do quá trình ôxy hóa; nên tách bỏ lớp sơn vec ni cũ để sơn lại lớp vec ni mới.

Bình cà phê reo lục bục trong bếp. Julia đứng dậy rót cho mình một cốc to, cà phê đen, không đường. Cô quay lại với cốc cà phê cầm ở một tay, tay kia chùi vào chiếc áo len rộng thùng thình kiểu đàn ông đang mặc bên ngoài bộ pyjama. Một cú bấm nhẹ bằng ngón trỏ, và giai điệu bản *Concerto cho đàn luyt và viola trữ tình* của Vivaldi tràn ngập khắp căn phòng, bồng bềnh trong ánh sáng xám mờ của buổi sáng. Cô nhấp một ngụm cà phê đen đặc quánh và dang đến tê đầu lưỡi. Sau đó cô lại ngồi xuống, đôi chân trần đặt lên tấm thảm, và tiếp tục gõ bản báo cáo.

Kiểm tra dưới đèn tử ngoại và tia X: Không phát hiện thấy thay đổi quan trọng nào, dù là chỉnh sửa hay vẽ lại sau này. Các ảnh chụp tia X cho thấy một dòng chữ khắc chìm được viết bằng kiểu chữ Gothic vào cùng thời điểm bức tranh được vẽ (xem các ảnh chụp kèm theo). Dòng chữ này không thể được phát hiện bằng các phương pháp kiểm tra thông thường. Có thể khiến cho dòng chữ lộ ra mà không làm tổn hại đến bức tranh gốc bằng cách loại bỏ lớp sơn đang phủ đè lên nó.

Cô rút tờ giấy ra khỏi chiếc máy chữ, cho nó vào một chiếc phong bì cùng các bức ảnh chụp tia X, uống nốt cốc cà phê lúc này vẫn còn nóng, rồi ngồi xuống hút một điếu thuốc nữa. Trên chiếc giá vẽ trước mặt cô, ở đằng trước quý bà chăm chú đọc sách bên cửa sổ, hai kỳ thủ đang để hết tâm trí vào ván cờ tới giờ đã kéo dài được năm thế kỷ, ván cờ được Pieter Van Huys họa lại một cách chân thực và tài tình đến mức, giống như tất cả những chi tiết khác trong bức tranh, những quân cờ trông như thể nổi bật hẳn lên trên bề mặt. Cảm giác hiện thực rõ rệt đến mức bức tranh dễ dàng đạt được những hiệu ứng mà các bậc thầy Flemish cổ điển tìm kiếm: đưa người xem hòa nhập vào tổng thể của bức họa, thuyết phục anh ta rằng không gian anh ta đang đứng cũng chính là không gian được thể hiện trong tác phẩm, như thể bức họa là một mảnh ghép của thực tế, hay thực tế là một mảnh ghép của bức họa. Bổ sung cho hiệu ứng này là khung cửa sổ bên phải của bối cảnh, mở ra một phong cảnh nằm *phía sau* bối cảnh trung tâm, và một tấm gương lồi tròn treo trên bức tường bên trái, phản chiếu hình ảnh thu nhỏ của các kỳ thủ và bàn cờ, bị biến dạng theo đúng góc nhìn phối cảnh của người xem, những người sẽ đứng *đối diện* với bối cảnh trong tranh. Nhờ đó, bức họa đã đạt được thành công đáng kinh ngạc trong việc kết hợp ba tầng mặt phẳng – khung cửa sổ, căn phòng và tấm gương – vào một không gian. Như thế, Julia thầm nghĩ,

người xem được phản chiếu vào giữa hai kỳ thủ, vào hần bên trong bức tranh.

Cô đứng dậy đến bên giá vẽ. Khoanh hai tay trước ngực, cô đứng nhìn bức họa hồi lâu, hoàn toàn bất động, ngoại trừ việc thỉnh thoảng rít một hơi thuốc lá và nheo mắt trước làn khói. Một trong hai kỳ thủ, người ngồi bên trái, có vẻ chừng ba mươi lăm tuổi. Mái tóc nâu của ông ta được cạo sát ngay bên trên tai theo kiểu thời Trung cổ; ông ta có chiếc mũi điều hâu mạnh mẽ, cái nhìn tập trung cao độ. Ông ta mặc một chiếc áo chên được vẽ bằng một thứ màu đỏ mà đáng ngưỡng mộ thay, đã kháng cự lại cả thời gian và quá trình ôxy hóa của lớp sơn dầu. Người đàn ông này đeo trên cổ phù hiệu Hiệp sĩ Cừu Vàng* và gắn bên vai phải là một cây trâm vô cùng tinh xảo, các đường nét chạm khắc trên đó được vẽ lại rất chi tiết tỉ mỉ, thậm chí cả những tia sáng nhỏ long lanh trên mỗi viên đá quý. Ông ta ngồi với khuỷu tay trái và bàn tay phải đặt xuống hai bên bàn cờ. Giữa các ngón tay của bàn tay phải, ông ta đang cầm một quân cờ: một quân hiệp sĩ trắng*. Bên cạnh đầu ông ta là dòng chú thích nhận diện viết bằng kiểu chữ Gothic: *FERDINANDUS OST. D.*

Kỳ thủ còn lại có vóc người gầy hơn, trạc bốn mươi tuổi. Trán ông ta nhăn thín, và mái tóc màu sậm gần như đen bắt đầu ngả xám ở hai bên thái dương, nơi chỉ có thể lờ mờ nhận ra những nét cọ trắng loại mảnh nhất. Chi tiết này, cùng với vẻ mặt và toàn bộ thần thái ở con người ông ta, đem đến cho kỳ thủ thứ hai vẻ chín chắn từng trải hơn độ tuổi. Khuôn mặt nhìn nghiêng của ông ta toát lên vẻ bình thản và cao quý. Không như kỳ thủ thứ nhất, người đàn ông này không mặc triều phục sang trọng mà chỉ khoác trên mình một chiếc áo giáp da đơn giản với miếng giáp che cổ bằng thép sáng bóng, đem lại cho người mặc dáng vẻ của một chiến binh không lẫn vào đâu được. Ông ta cúi người xuống bàn cờ nhiều hơn đối thủ của mình, như thể đang dồn hết tâm trí vào ván cờ, dường như hoàn toàn lãng quên mọi thứ xung quanh mình, hai cánh tay ông ta khoanh lại bên mép bàn. Sự tập trung cao độ của người đàn

ông có thể được thấy rõ qua những nếp nhăn mờ thảng đứng giữa hai bên lông mày của ông ta. Ông ta nhìn chăm chăm vào các quân cờ như thể chúng đang thách thức ông ta với một tình thế cực kỳ khó khăn mà người ta phải dốc hết năng lực trí tuệ mới có thể tìm ra lời giải. Dòng chú thích trên đầu ông ta ghi: *RUTGIER AR. PREUX*.

Quý bà ngồi bên cửa sổ được tách riêng ra khỏi hai kỳ thủ bằng việc sử dụng một đường phối cảnh sắc bén đưa bà lên một mặt phẳng cao hơn bên trong khuôn khổ bức tranh. Lớp vải nhung đen trên chiếc váy của bà, được tạo độ phồng với những chỗ điểm xuyết khéo léo bằng bóng mờ màu trắng và xám, dường như đang vượt ra khỏi bức tranh và hướng về phía người xem. Vẻ chân thực của nó không hề kém cạnh ngay cả khi so sánh với những chi tiết tỉ mỉ đến hoàn hảo của đường viền tấm thảm, hay độ chính xác trong việc thể hiện sàn nhà lát gạch cũng như từng mắt gỗ, khớp nối và từng ván gỗ trên rầm nhà. Nhoài người lại gần bức tranh để nghiên cứu những hiệu ứng này kỹ càng hơn, Julia run lên vì cảm giác ngưỡng mộ của một người trong nghề trào lên trong lòng. Chỉ một bậc thầy như Van Huys mới có thể sử dụng màu đen trên một bộ xiêm y ấn tượng đến vậy, tận dụng màu sắc bằng chính sự thiếu hụt màu sắc ở một mức độ mà ít người dám làm. Và tất cả sống động đến mức Julia có cảm giác bất cứ lúc nào cô cũng có thể nghe thấy tiếng sột soạt khe khẽ của nhung trên lớp da được chạm nổi của chiếc ghế đầu lùn.

Cô ngấm nhìn khuôn mặt người phụ nữ. Một khuôn mặt rất xinh đẹp và quá nhợt nhạt so với một thời thượng lúc bấy giờ. Mái tóc dày vàng óng được cẩn thận chải mượt mà từ hai bên thái dương ra phía sau và búi gọn lại trong một tấm mạng màu trắng. Hai cánh tay nằm trong làn vải dệt hoa Damask màu xám nhạt, hé ra từ trong các ống tay áo xòe; hai bàn tay dài và mảnh mai cầm một cuốn sách ghi các bài kinh cầu nguyện. Ánh sáng chiếu qua khung cửa sổ làm lóe lên ánh kim loại từ cả chiếc khóa cài đang mở của cuốn sách

lần chiếc nhẫn vàng duy nhất tô điểm cho bàn tay của người phụ nữ. Hai hàng mi đang sụp xuống, che khuất đôi mắt chắc hẳn có màu xanh lam, thể hiện vẻ bình yên và khiêm tốn đầy đức hạnh đặc trưng của chân dung phụ nữ thời kỳ đó. Ánh sáng trong tranh đến từ hai nguồn, khung cửa sổ và tấm gương, vừa kết nối người phụ nữ với hai kỳ thủ vừa tách bà riêng ra một cách tinh tế, khiến chân dung người phụ nữ càng trở nên ấn tượng hơn với các góc nhìn theo phối cảnh và các mảng bóng tối. Dòng chú thích của người phụ nữ ghi: *BEATRIZBURG. OST. D.*

Julia lùi lại vài bước để nhìn tổng thể bức họa. Không còn nghi ngờ gì nữa: đây là một kiệt tác, với đầy đủ tài liệu làm bằng chứng được các chuyên gia công nhận. Có nghĩa nó sẽ đạt được một mức giá cao trong cuộc bán đấu giá do công ty Claymore tổ chức vào tháng Một. Biết đâu một dòng chữ được giấu kín, cùng với những tài liệu bằng chứng lịch sử phù hợp, sẽ còn nâng giá trị của bức tranh lên cao hơn nữa. Mười phần trăm cho Claymore, năm phần trăm cho Menchu Roch, phần còn lại cho chủ sở hữu của bức tranh. Chưa đến một phần trăm cho phí bảo hiểm cũng như thù lao của cô trong việc phục chế và làm sạch bức họa.

Cô cởi quần áo, bước vào dưới vôi hoa sen, cửa để mở, cho phép giai điệu của Vivaldi tiếp tục bầu bạn với mình dưới làn hơi nước. Phục chế bức *Ván Cờ* để đưa nó ra thị trường nghệ thuật có thể đem lại cho cô một khoản kha khá. Chỉ trong vòng vài năm sau khi được cấp bằng, Julia đã tạo dựng được danh tiếng vững chắc và trở thành một trong những chuyên gia phục chế tác phẩm nghệ thuật được các bảo tàng và nhà buôn đồ cổ săn đón nhất. Làm việc có phương pháp và nghiêm ngặt, bản thân cũng là họa sĩ vào thời gian rảnh, cô được biết đến như một chuyên gia phục chế luôn tôn trọng tác phẩm gốc, một khía cạnh mang tính đạo đức không phải lúc nào các đồng nghiệp của cô cũng đồng tình. Trong mối quan hệ tinh thần đầy khó khăn và thường

khá lúng túng giữa một chuyên gia phục chế và tác phẩm mà anh ta hay cô ta phải xử lý, trong cuộc giằng co quyết liệt giữa bảo tồn và phục chế mới, cô gái trẻ có ưu điểm là không bao giờ để tầm nhìn của mình chệch khỏi một nguyên lý cơ bản: không tác phẩm nghệ thuật nào có thể được phục chế về trạng thái nguyên thủy của nó mà không phải chấp nhận những tổn thất đáng kể. Julia tin rằng những điều như quá trình lão hóa tự nhiên theo thời gian, những lớp gỉ, sự thay đổi của màu sắc và lớp véc ni, thậm chí cả những tì vết, những chỗ vẽ lại hay chỉnh sửa, tất cả, cùng với dòng chảy của thời gian, đều trở thành một hợp phần hữu cơ của tác phẩm nghệ thuật, không kém gì sáng tác ban đầu. Có lẽ cũng vì điều đó, những bức họa từng qua tay cô chưa bao giờ gặp nguy cơ bị trang hoàng lại bởi những màu sắc và ánh sáng lạ hoặc mới tinh được giả thiết là vóc dáng ban đầu của chúng – “những ả điểm bụi son dày phấn,” César vẫn hay gọi chúng như thế – mà luôn được xử lý một cách tinh tế, cho phép hòa nhập các dấu ấn của thời gian vào tác phẩm.

Cô bước ra khỏi phòng tắm, người quấn trong một chiếc áo choàng, mái tóc ướt đầm nhỏ nước xuống hai bờ vai. Châm một điếu thuốc lá nữa, cô đứng trước bức họa trong lúc mặc đồ: một đôi giày đế thấp, một chiếc váy có xếp li màu nâu và một chiếc áo khoác da. Cô đưa mắt nhìn hình ảnh của mình trong tấm gương Venice treo trên tường một cách hài lòng, rồi quay sang hai kỳ thủ mặt mày căng thẳng và nháy mắt với họ đầy khiêu khích. *Ai đã giết hiệp sĩ?* Trong lúc cô cho những bức ảnh và bản báo cáo vào túi, câu hỏi đó cứ lờn vờn trong đầu cô như một câu đố đầy thách thức. Cô bật hệ thống báo động điện tử lên, rồi xoay hai vòng chìa trong ổ khóa an toàn. *Quis necavit equitem.* Theo cách này hay cách khác, câu hỏi đó phải có ý nghĩa nào đó. Cô nhắm đi nhắm lại những từ đó trong lúc xuống cầu thang, lướt các ngón tay theo lan can mạ đồng thau. Cô thực sự bị bức tranh và dòng chữ bí ẩn khơi dậy trí tò mò, song vẫn còn một chuyện khác nữa: Cô đang có một dự cảm

xấu rất lạ, giống hệt như cảm giác cô đã từng có khi còn là một cô bé đứng ở đầu cầu thang, cố tìm đủ can đảm để nhìn vào tầng áp mái tối om.



“Cô phải thừa nhận kia quả là một kiệt tác tuyệt đẹp. Thuần chất *quattrocento**.”

Không phải Menchu Roch đang nhắc đến một trong những bức họa đang được trưng bày trong phòng tranh mang tên bà. Đôi mắt nhạt màu được trang điểm rất đậm của bà đang nhấn nhá dừng lại trên đôi vai vạm vỡ của Max, anh chàng đang nói chuyện với một người quen của anh ta tại quầy phục vụ cà phê. Max cao một mét tám mươi, với đôi vai của một vận động viên bơi lội dưới chiếc áo khoác được cắt may hoàn hảo. Anh ta cột mái tóc dài của mình ra sau gáy thành một túm đuôi ngựa ngắn với một dải ruy băng lụa sẫm màu và cử động với phong thái uyển chuyển một cách biếng nhác. Menchu ngắm nhìn anh ta hồi lâu với vẻ tán thưởng, rồi nhấp một ngụm martini trong ly của bà, không che giấu sự hài lòng đặc trưng của người sở hữu. Anh chàng này chính là nhân tình mới nhất của bà.

“Thuần chất *quattrocento*,” bà lặp lại, nhâm nhi cả những từ ngữ đó lẫn món đồ uống của mình. “Anh ta có làm cô liên tưởng tới một trong những bức tượng đồng Italia tuyệt vời không?”

Julia miễn cưỡng gật đầu. Hai người đã trở thành bạn bè từ lâu, nhưng vẻ thoải mái của Menchu trong việc thêm những ngụ ý đầy khêu gợi vào bất cứ nhận xét nào liên quan đến nghệ thuật dù chỉ là mơ hồ nhất chưa bao giờ khiến cô thôi ngạc nhiên.

“Một bức tượng đồng Italia, ý tôi muốn nói tới một trong những bức tượng

nguyên bản, sẽ rẻ hơn nhiều.”

Menchu bật ra một tiếng cười ngắn đượm vẻ chua chát.

“Rẻ hơn Max ư? Chắc vậy rồi.” Bà thở dài một cách hơi phô trương rồi cắn vào quả ô liu trang trí trên ly martini của mình. “Michelangelo quả là may mắn; ông ta tạc nên các anh chàng đó hoàn toàn khỏa thân. Ông ta không phải trang trải các hóa đơn mua sắm quần áo cho bọn họ qua thẻ American Express.”

“Không ai buộc bà phải thanh toán các hóa đơn cho anh ta.”

“Tất cả vấn đề nằm ở đây, cô em thân mến,” Menchu nói, chớp mắt một cách uể oải như thể đang diễn kịch. “Rằng chẳng có ai buộc tôi phải làm chuyện đó cả, ý tôi là vậy. Thế nên cô thấy không...”

Bà uống nốt ly martini, luôn chú ý giữ cho ngón tay út ghếch lên; bà làm vậy một cách có chủ ý, hoàn toàn để khiêu khích. Menchu đang ở gần cột mốc năm mươi tuổi hơn là bốn mươi và luôn kiên định với niềm tin rằng tình dục có thể được tìm thấy ở bất cứ nơi nào, kể cả trong những sắc thái mơ hồ nhất của một tác phẩm nghệ thuật. Có lẽ cũng vì thế bà có thể ngắm nhìn những người đàn ông bằng chính con mắt đầy ham muốn pha lẫn toan tính mà bà vẫn dùng khi đánh giá tiềm năng của một bức tranh. Với những người biết rõ bà, chủ nhân của phòng trưng bày Roch luôn có tiếng chưa bao giờ để lỡ dù chỉ một cơ hội để đoạt lấy bất cứ thứ gì thu hút sự chú ý của bà, cho dù đó là một bức tranh, một người đàn ông hay một vệt bột cocain. Bà vẫn còn hấp dẫn, cho dù tuổi tác đã khiến việc tàng lờ đi cái mà César vẫn cay độc nhắc đến như một thứ “thẩm mỹ sai niên đại” mỗi lúc một khó khăn hơn. Menchu không chấp nhận để mình trở nên già đi, chủ yếu vì bà không muốn vậy. Và, có lẽ như một cách thách thức bản thân, bà chống lại nó bằng cách chọn cho mình một phong cách thô thiển có tính toán trong trang điểm, trang phục và cả người tình. Phần còn lại, đúng như niềm tin rằng những người

kinh doanh tác phẩm nghệ thuật và đồ cổ chẳng khác gì những tay buôn đồng nát được tô điểm cho bảnh chọe, bà luôn đóng vai một kẻ thiếu văn hóa, một điều còn xa mới là sự thật, luôn chủ tâm sử dụng các trích dẫn về nghệ thuật và văn chương một cách cầu thả, và công khai giễu cợt chính cái thế giới khá chọn lọc nơi bà gây dựng nên sự nghiệp của mình. Bà khoe khoang tất cả những điều này với cùng sự thẳng thắn như có lần bà từng tuyên bố rằng đã trải qua sự cực khoái tuyệt vời nhất đời mình khi thủ dâm trước một bản sao tượng David của nhà điêu khắc Italia Donatello đã được đánh số và lập danh sách trong ca ta lô, một giai thoại mà César, với sự tàn nhẫn tinh tế gần như nữ tính của ông, luôn trích dẫn như ví dụ duy nhất về khiếu thẩm mỹ đích thực mà Menchu Roch từng bộc lộ trong cuộc đời mình.

“Vậy chúng ta sẽ làm gì với bức họa của Van Huys đây?” Julia hỏi.

Menchu nhìn lần nữa vào những bức ảnh chụp tia X đang nằm trên mặt bàn giữa ly rượu của bà và cốc cà phê của cô bạn trẻ. Bà đánh phấn mắt màu xanh và mặc chiếc váy cũng màu xanh, một chiếc váy quá ngắn đối với bà. Julia thầm nghĩ, hầu như không hề có chút ác ý nào, rằng có lẽ hai mươi năm trước Menchu chắc hẳn trông thực sự rất đẹp khi mặc màu xanh.

“Tôi vẫn chưa rõ,” Menchu nói. “Claymore đã cam kết sẽ đưa bức tranh ra đấu giá với đúng giá trị của nó... Chúng ta sẽ phải cân nhắc xem dòng chữ đó có ảnh hưởng tới giá trị của nó như thế nào.”

“Hãy chỉ nghĩ xem dòng chữ đó có nghĩa gì thôi.”

“Tôi thích điều này đấy. Cô đã trúng độc đặc mà thậm chí còn không nhận ra chuyện đó.”

“Hãy hỏi chủ của bức tranh xem ông ta muốn làm gì.” Menchu cho mấy bức ảnh lại vào phong bì, rồi bắt tréo chân. Hai người đàn ông trẻ đang uống rượu khai vị ở bàn kế bên lén đưa mắt ném những cái nhìn đầy hứng thú về phía cặp đùi rám nắng của bà. Julia không khỏi thấy bồn chồn xen lẫn chút

bực bội. Cô vẫn thường thấy thú vị trước cách thức công khai mà Menchu hay làm để tạo ra ấn tượng đặc biệt nhằm thu hút những đối tượng khán giả nam giới của mình, song đôi lúc cô cảm thấy những màn trình diễn kiểu đó hoàn toàn không cần thiết. Cô nhìn xuống chiếc đồng hồ hãng Omega mặt vuông đeo quay mặt vào trong trên cổ tay trái. Vẫn còn quá sớm để một người đàn bà phô diễn bộ đồ lót gợi tình nhất của mình ra.

“Về phần chủ của bức tranh, sẽ không có rắc rối gì đâu,” Menchu giải thích. “Ông ta là một ông lão vui tính ngồi xe lăn. Và nếu việc khám phá ra dòng chữ làm tăng khoản lợi nhuận mà ông ta thu được, ông ta sẽ chỉ càng thêm hài lòng... Cô cháu gái của ông ta và anh chồng là một cặp đĩa hút máu thứ thiệt.”

Max vẫn đang tán gẫu ở quầy bar, nhưng luôn ý thức được trách nhiệm của mình, thỉnh thoảng anh ta quay lại để tặng Julia và Menchu một nụ cười chói lóa. Đúng là một con đĩa hút máu người thứ thiệt, Julia thầm nghĩ, song quyết định không nói ra thành lời. Không phải vì Menchu sẽ phật ý khi nghe nó – bà luôn thể hiện một thái độ hoài nghi chua chát đáng ngưỡng mộ mỗi khi nhắc tới đàn ông – song Julia là người có ý thức rất cao về phép tắc, điều luôn giúp cô dừng lại đúng lúc để không đi quá xa.

Tặng lời Max, cô nói: “Chỉ còn hai tháng nữa là tới cuộc bán đấu giá. Chừng đó thời gian chắc chắn không đủ nếu tôi phải tẩy đi lớp véc ni bên trên, loại bỏ lớp sơn che phủ dòng chữ, rồi quét lại véc ni. Ngoài ra, việc tập hợp các tài liệu liên quan tới bức họa cùng những nhân vật trong đó và viết lại thành một báo cáo cũng cần đến thời gian. Tốt nhất nên xin phép chủ sở hữu càng sớm càng tốt.”

Menchu đồng ý, tính cách đồng bóng phù phiếm của bà không bao giờ lấn sang công việc chuyên môn, trong lĩnh vực này lúc nào bà cũng hành động với tất cả sự khôn khéo của một kẻ lão luyện sành sỏi. Bà đang giữ vai trò

trung gian trong cuộc rao bán này, vì chủ sở hữu bức họa của Van Huys không biết chút gì về cách thức hoạt động của thị trường nghệ thuật. Chính bà là người đã đảm đương việc thương thảo với chi nhánh của Claymore ở Madrid để đưa bức tranh ra bán đấu giá.

“Mai tôi sẽ gọi điện cho ông ta. Ông ta là *don** Manuel Belmonte, bảy mươi tuổi, và theo lời ông ta, ông ta rất vui khi được hợp tác với một phụ nữ trẻ xinh đẹp mà lại có đầu óc công việc đến thế.”

Còn một việc nữa, Julia chỉ ra. Nếu dòng chữ vừa được phát hiện có khả năng liên quan tới câu chuyện của các nhân vật trong tranh, chắc chắn Claymore sẽ dựa vào đó để nâng giá chào bán lên.

“Bà đã xoay xở để thu thập được thêm tài liệu hữu ích nào chưa?”

“Rất ít,” Menchu nói, bà mím môi trong lúc cố vắt óc nhớ lại. “Tôi đã đưa cho cô tất cả những gì tôi có cùng với bức tranh. Vậy nên cô sẽ phải tự tìm hiểu thêm vậy.”

Julia mở túi xách và dành nhiều thời gian hơn mức cần thiết để tìm thuốc lá của mình. Cuối cùng, cô chậm rãi lấy ra một điếu thuốc và đưa mắt nhìn người bạn.

“Chúng ta có thể hỏi Alvaro.”

Menchu nhướn mày và lập tức nói rằng ý tưởng ấy khiến bà chết điếng, hay hóa muối, hay một cách diễn đạt nào đó đại loại như thế, giống như bà vợ của Noah, hay của Lot? Nói tóm lại, giống bà vợ của gã ngớ ngẩn đã thấy ngán tận cổ cuộc sống ở Sodom*.

“Tất nhiên là tùy cô thôi,” bà nói, giọng bà hơi khàn đi vì trông đợi. Bà có thể cảm nhận thấy một sự xúc động mạnh mẽ trong không khí. “Nói cho cùng, cô và Alvaro...”

Bà bỏ dở câu nói và phô ra bộ dạng quan tâm hơi phóng đại thái quá, như bà vẫn luôn làm bất cứ lúc nào chủ đề nói chuyện chuyển sang những rắc rối

của người khác, những người bà vẫn thích coi là những kẻ không thể tự bảo vệ bản thân trong chuyện tình cảm.

Julia giữ nguyên ánh nhìn, không chút bối rối và chỉ nói: “Anh ta là nhà sử học nghệ thuật giỏi nhất mà chúng ta biết. Và chuyện này không liên quan gì đến tôi, mà đến bức họa.”

Menchu giả bộ cân nhắc vấn đề một cách nghiêm túc rồi gật đầu. Dĩ nhiên việc này là tùy vào Julia. Nhưng nếu ở vị trí của Julia, bà nhất định sẽ không làm vậy. *In dubio pro reo**, như ông già César hay lên lớp luôn nói. Hay là *pluvio** nhỉ?

“Tôi có thể đảm bảo với bà rằng, về chuyện của Alvaro, tôi đã hoàn toàn bình phục rồi.”

“Cứng ả, có một số loại bệnh người ta chẳng thể nào vượt qua. Và một năm chưa là gì cả. Như lời bài hát ấy đã nói.”

Julia không thể dừng được một nụ cười đầy giễu cợt dành cho chính mình. Một năm trước, Alvaro và cô đã đặt dấu chấm hết cho một cuộc tình dài, và Menchu biết tất cả về nó. Chính Menchu, một cách khá vô tình, đã đưa ra lời phán quyết cuối cùng, một câu nói đi thẳng tới tâm điểm của vấn đề, một lời tổng kết chua chát theo kiểu: Cuối cùng thì, cô gái thân mến của tôi ơi, một gã đàn ông đã lập gia đình kiểu gì cũng nghiêng về phía bà vợ chính thức của anh ta. Bấy nhiêu năm giặt đồ lót và sinh con luôn chứng tỏ chúng là yếu tố quyết định. “Chỉ đơn giản đó là bản chất của họ rồi,” bà tổng kết lại giữa hai lần hít mạnh, mũi dán sát xuống một dải bột cocain. “Trong sâu thẳm con người, bọn họ đều là những gã chung thủy đến bệnh hoạn.” Thêm một cú hít nữa. “Đám con hoang mắc dịch.”

Julia thở ra một đám khói đặc quánh rồi chậm rãi nhâm nhi nốt chỗ cà phê còn lại của cô, cố không để sánh ra ngoài. Cuộc chia tay đó quả thực rất đau đớn, khi những lời cuối cùng đã được nói ra và cánh cửa đã được đóng sập

lại. Và nó vẫn tiếp tục đau âm ỉ ngay cả sau đó. Hai hay ba dịp Alvaro và cô tình cờ gặp nhau trong các buổi thuyết trình hay tại các bảo tàng, cả hai đều xử sự với vẻ kiên cường mẫu mực: “Trông anh tuyệt lắm.”

“Em nhớ chăm sóc bản thân nhé.” Nói cho cùng, cả hai đều coi mình là những con người văn minh, vốn chia sẻ cùng một mối quan tâm trong thế giới nghệ thuật bên ngoài mảnh quá khứ chung đó. Nói tóm lại, họ đều đã trưởng thành, đều là người lớn.

Cô biết rằng Menchu đang quan sát mình một cách hứng thú đầy ma mãnh, hân hoan dự đoán về một cuộc phiêu lưu tình ái vụng trộm mới mà bà có thể can dự vào với tư cách một cố vấn chiến thuật. Bà vẫn không ngừng phàn nàn rằng từ khi Julia cắt đứt với Alvaro, những mối quan hệ tiếp theo của cô diễn ra thưa thớt đến mức hầu như chẳng đáng nhắc đến: “Cô đang trở nên khắt khe quá đấy, cô gái thân mến,” bà luôn nói vậy, “và điều đó thật tệ nhạt chết đi được. Thứ cô cần là một chút đam mê, đắm mình trở lại trong vòng xoáy của ái tình.” Từ góc nhìn đó, chỉ riêng việc nhắc đến Alvaro dường như cũng đủ cho phép nghĩ tới những khả năng vô cùng thú vị.

Julia nhận ra tất cả những điều này nhưng không hề cảm thấy khó chịu một chút nào. Menchu là Menchu và bà vẫn luôn là thế. Bạn không chọn những người bạn của mình, chính họ là người chọn bạn, và hoặc bạn chối bỏ họ, hoặc chấp nhận họ mà không hề nghi ngại. Đó là một điều nữa cô đã học được từ César.

Điều thuốc đã cháy gần hết, cô liền dụi nó vào gạt tàn và uể oải mỉm cười với Menchu.

“Alvaro không phải là điều quan trọng. Thứ làm tôi bận tâm là bức tranh của Van Huys.” Cô ngập ngừng, cố tìm đúng từ thích hợp để diễn tả thật rõ ý nghĩ của mình. “Có điều gì đó lạ lùng ở bức tranh này.”

Menchu lơ đãng nhún vai, như thể bà đang nghĩ đến một chuyện khác.

“Đừng quá đau đầu về chuyện đó, cô em yêu quý. Một bức tranh chỉ đơn giản là toan vẽ, gỗ, màu và véc ni. Điều đáng bận tâm là nó để lại bao nhiêu tiền trong túi cô khi nó được chuyển sang tay chủ mới.” Bà đưa mắt nhìn về phía đôi vai vạm vỡ của Max và nháy mắt đầy tự mãn. “Những thứ còn lại chỉ là chuyện cổ tích cho trẻ con mà thôi.”



Trong suốt thời gian qua lại với Alvaro, Julia luôn nghĩ về anh như một người phù hợp hoàn hảo với những khuôn mẫu chuyên nghiệp khắt khe nhất, phù hợp tới cả vẻ bề ngoài và phong cách ăn mặc của anh. Anh có ngoại hình dễ ưa, khoảng hơn bốn mươi tuổi, hay mặc những chiếc áo vest bằng vải tuyết kiểu Anh, đeo cà vạt len, và, trên hết, hút thuốc bằng tẩu. Lần đầu tiên khi cô trông thấy anh bước vào giảng đường – chủ đề hôm đó của anh là “Nghệ thuật và con người” – cô đã mất hẳn mười lăm phút trước khi thực sự nghe được những gì anh đang nói, vì cô vốn không thể tin bất cứ ai có vẻ ngoài trông giống một vị giáo sư trẻ đến thế lại thực sự là một vị giáo sư. Sau đó, khi Alvaro cho lớp nghỉ cho đến buổi học của tuần tiếp theo và khi tất cả sinh viên đang ùa ra ngoài hành lang, cô đã tới gặp anh như thể đó là việc tự nhiên nhất trên đời, dù cô biết quá rõ những gì sẽ xảy đến: tình tiết cũ rích của một câu chuyện cũng chẳng có gì mới mẻ, kịch bản kinh điển về mối quan hệ thầy – trò, và Julia chỉ đơn giản là diễn tiếp vở kịch ấy, thậm chí từ trước cả khi Alvaro, lúc đó đang đi qua cửa lớp học, quay lại mỉm cười với cô lần đầu tiên. Có điều gì đó tất yếu trong toàn bộ câu chuyện này – hay ít nhất đó là những gì Julia cảm thấy khi cô dẫn đo cân nhắc về những điều được mất từ nó – chút mơ mộng về một *fatum** cổ điển đầy ngọt ngào, về những con

đường do Số phận chỉ dẫn, một cách nhìn cô vẫn luôn cố vũ từ ngày còn học phổ thông, khi cô dịch những vở kịch xuất chúng về gia đình của tác gia Hy Lạp đầy ảnh hưởng đó, ngài Sophocles. Cô đã không đủ can đảm để nhắc đến chuyện này với César cho tới mãi sau này, còn ông, người luôn đóng vai người chia sẻ mọi tâm tình thầm kín của cô trong chuyện tình cảm suốt nhiều năm qua – lần đầu có lẽ là từ khi Julia vẫn còn đang đi tất ngắn và để tóc đuôi sam – chỉ bình thản nhún vai rồi, bằng giọng điệu nông cạn một cách có chủ ý, lên tiếng phê phán cách lựa chọn vô cùng thiếu độc đáo một cốt truyện mà, cô bé yêu quý của bác ời, vốn đã cung cấp cảm hứng lãng mạn cho chí ít cũng ba trăm cuốn tiểu thuyết và chẳng ít hơn từng ấy bộ phim, nhất là – đến đây ông chường ra một khuôn mặt đầy vẻ dè biu – nhất là phim Pháp và phim Mỹ: “Và bác tin chắc cháu sẽ đồng ý với bác, công chúa thân mến ạ, rằng điều đó đã rọi một thứ ánh sáng mới mẻ và thực sự kinh khủng xuống toàn bộ vấn đề này.” Nhưng tất cả chỉ có vậy. César không bao giờ đi xa tới những nhận xét đượm vẻ trách cứ hay những lời cảnh báo của một người cha, điều mà cả hai người đều hiểu quá rõ sẽ chẳng đem lại gì hữu ích. César không có đứa con đẻ nào, mà cũng sẽ không bao giờ có, song quả thực ông đặc biệt tinh tế khi xử trí những tình huống như thế. Ở một thời điểm nào đó trong cuộc đời mình, César đã nhận ra rằng chẳng có ai từng học được điều gì từ những sai lầm của bất cứ người nào khác, vậy nên một người bảo trợ chỉ nên có một thái độ đúng đắn và đáng tôn trọng duy nhất – mà nói cho cùng đó quả thực đúng là vị thế của ông – và thái độ đó bao gồm ngồi xuống bên cạnh con người trẻ tuổi được ông bảo trợ, nắm lấy bàn tay cô và lắng nghe câu chuyện về những mối tình và những nỗi muộn phiền của cô với lòng nhân ái vô bờ, để yên cho tự nhiên đi theo con đường khôn ngoan và không thể tránh khỏi của nó.

“Trong chuyện tình cảm, công chúa thân mến,” César thường hay nói,

“người ta không nên đưa ra lời khuyên hay giải pháp... chỉ cần một chiếc khăn mùi soa sạch vào thời điểm thích hợp.”

Và đó chính xác là những gì ông đã làm khi mọi thứ giữa cô và Alvaro chấm dứt, vào buổi tối hôm đó, khi cô tìm tới căn hộ của César, vật vờ như một kẻ mộng du, mái tóc vẫn còn ướt, và ngủ thiếp đi trong lòng ông.

Nhưng chuyện đó diễn ra rất lâu sau cuộc gặp gỡ đầu tiên ngoài hành lang của trường đại học, thời điểm vẫn chưa hề có biến động nào đáng để ý tới ngoài kịch bản đã được tiên liệu trước. Vở diễn cứ thế trôi đi theo cách thức dễ đoán vốn đã được bao bước chân đi mòn lối, song dấu thế vẫn chứng minh sự hài lòng mà nó đem lại quả là không ngờ. Julia từng có những mối quan hệ khác, nhưng trước đó chưa bao giờ – như vào buổi chiều khi lần đầu tiên cô và Alvaro cùng gieo mình xuống một chiếc giường chật hẹp trong phòng khách sạn – cô cảm thấy sự cần thiết phải nói ra câu “Em yêu anh” như thể đó là tiếng vọng nức nở từ một con tim đang bị vò xé, đồng thời tự lắng nghe mình nói ra những từ đó với tâm trạng ngỡ ngàng đầy vui sướng, những từ cô vẫn luôn từ chối nói ra, bằng một giọng nói hầu như cô không còn nhận ra là của mình nữa, mà giống một tiếng rên rỉ hay một lời than thở nhiều hơn. Thế là, vào một buổi sáng, khi cô thức giấc, mặt áp vào ngực Alvaro, cô đã cẩn thận vuốt những lọn tóc xõa xuống khuôn mặt mình, rồi ngắm những đường nét trên khuôn mặt nhìn nghiêng của anh trong lúc anh còn đang ngủ một hồi lâu, cảm nhận nhịp đập nhẹ nhàng của trái tim anh trên má cô, cho tới khi anh mở mắt và mỉm cười đáp lại. Trong khoảnh khắc đó, Julia biết một cách hoàn toàn chắc chắn rằng cô yêu anh, và cô cũng biết rồi đây cô sẽ còn có những người tình khác, nhưng cô sẽ không bao giờ tìm lại được thứ cảm xúc cô đang cảm thấy khi ở bên anh. Hai mươi tám tháng sau, những tháng cô đã sống qua và gần như đếm từng ngày, cuối cùng cũng đến lúc bừng tỉnh đau đớn khỏi mối tình đó, đến lúc cô cần tới chiếc khăn mùi soa trứ danh của

César. “Cái khăn mùi soa đáng ghê sợ,” ông đã gọi nó như thế, đầy chất kịch như bất cứ lúc nào khác, nửa đùa cợt nhưng cũng sáng suốt như nàng Cassandra*, “chiếc khăn chúng ta giờ lên vẫy chào khi chia tay nhau mãi mãi.” Và về cơ bản, đó là câu chuyện xảy ra giữa họ.

Một năm đủ để làm các vết thương lành sẹo, nhưng những kỷ niệm thì không, những kỷ niệm mà dù sao Julia cũng không có ý định ném vào quên lãng. Cô đã trưởng thành lên khá nhanh, và toàn bộ quá trình biến đổi về tinh thần ấy đã kết tinh thành niềm tin – mà cô rút ra không chút xấu hổ từ những gì César rao giảng – rằng cuộc sống cũng giống như một nhà hàng sang trọng đắt tiền, nơi mà sớm hay muộn ai đó cũng sẽ đưa cho bạn hóa đơn thanh toán, nhưng nói vậy không có nghĩa là bạn phải chối bỏ niềm vui và khoái cảm mà những món ăn bạn đã ăn mang lại.

Lúc này, Julia đang nghĩ ngợi về chuyện đó trong khi quan sát Alvaro ngồi tại bàn làm việc, lật giở từng trang của một cuốn sách và ghi chú lên những tấm thẻ màu trắng, vẻ ngoài của anh hầu như không hề thay đổi, ngoại trừ mái tóc có thêm vài sợi bạc. Đôi mắt anh vẫn bình thản và thông minh như trước. Cô từng yêu đôi mắt đó biết chừng nào, cũng như đôi bàn tay thon dài với móng tay tròn cắt tỉa gọn gàng. Cô ngắm nhìn trong lúc các ngón tay anh lật giở từng trang sách, cầm bút, và bỗng cảm thấy bối rối bất an khi nghe thấy một tiếng vọng buồn bã xa xăm, thế rồi sau một thoáng trầm suy nghĩ, cô quyết định chấp nhận nó như một chuyện hoàn toàn bình thường. Giờ đây đôi bàn tay anh không còn thối bùng lên trong cô cùng một thứ cảm xúc như trước, nhưng dấu sao chúng cũng từng vuốt ve mơn trớn cơ thể cô. Mỗi lần tiếp xúc dù nhỏ nhất với đôi bàn tay đó, cũng như hơi ấm của chúng, vẫn còn lưu lại trên làn da cô; dấu ấn của chúng không người tình nào khác có thể xóa mờ đi được.

Cô cố kìm nén cho dòng cảm xúc của mình dịu xuống. Cô không hề có ý

định nhượng bộ những cảm dỗ vừa nảy sinh từ hồi ức đó. Hơn nữa, lúc này nó không phải là mối bận tâm hàng đầu. Cô không tới đây để khuấy động những hoài niệm về quá khứ. Vì thế cô buộc mình tập trung vào những gì người tình cũ nói thay vì vào chính con người anh. Sau vài phút lúng túng ban đầu, Alvaro nhìn cô với vẻ suy tư, như thể anh đang cố ước lượng tầm quan trọng của điều đã đưa cô tới đây sau ngần ấy thời gian. Anh mỉm cười trìu mến như một người bạn cũ hay một đồng nghiệp lâu ngày gặp lại, thoải mái và chăm chú, sẵn sàng đáp ứng những gì cô cần với sự hiệu quả âm thầm mà cô vốn quen, với những khoảng trống im lặng và những nhận xét đầy cân nhắc được anh đưa ra bằng giọng nói trầm trầm. Sau những ngạc nhiên ban đầu, chỉ còn lại một thoáng bối rối trong đôi mắt anh khi Julia hỏi anh về bức tranh, mặc dù cô không đã động gì đến dòng chữ bị phủ kín mà cô và Menchu đã quyết định giữ bí mật. Alvaro xác nhận anh biết khá rõ về người họa sĩ này, về các tác phẩm của ông ta cũng như thời kỳ lịch sử đó, nhưng anh không hề biết bức họa sắp được đưa ra bán đấu giá hay việc Julia được giao nhiệm vụ phục chế nó. Thậm chí, anh không cần đến những bức ảnh màu mà Julia mang theo, và anh có vẻ rất quen thuộc với những nhân vật trong tranh. Lướt ngón tay trở đọc một trang trong cuốn sách cũ về lịch sử thời Trung cổ để kiểm tra lại ngày tháng, anh tập trung cao độ vào công việc của mình và có vẻ hoàn toàn dừng dừng với mối quan hệ thân mật trong quá khứ mà Julia cảm thấy đang lơ lửng giữa họ như một bóng ma. Nhưng rất có thể anh cũng đang cảm thấy điều tương tự, cô thầm nghĩ. Có thể theo cách nhìn nhận của Alvaro, dường như cô cũng có vẻ xa cách và dừng dừng một cách kỳ lạ.

“Đây rồi,” anh nói, và Julia bám lấy âm thanh giọng nói của anh chẳng khác gì người sắp chết đuối vớ được cọc, ý thức được một cách nhẹ nhõm rằng cô không thể làm hai điều dưới đây cùng một lúc: nhớ về anh như anh

ngày đó và lắng nghe anh lúc này. Không chút hối tiếc, cảm giác hoài niệm của cô lập tức bị bỏ lại sau lưng, và vẻ nhẹ nhõm trên khuôn mặt cô chắc phải rất rõ ràng, đến mức anh nhìn cô đầy ngạc nhiên trước khi dành sự chú ý trở lại với trang sách.

Julia liếc qua tiêu đề của cuốn sách: *Thụy Sĩ, Burgundy** và *Vùng Đất Thấp** trong thế kỷ 14 và 15.

“Xem này.” Alvaro chỉ vào một cái tên trong sách. Sau đó chỉ sang tấm ảnh chụp bức họa mà cô để trên bàn.

“FERDINANDUS OST. D. là dòng chú thích cho kỳ thủ ngồi bên trái, người đàn ông mặc bộ đồ màu đỏ. Van Huys vẽ bức *Ván cờ* năm 1471, vậy thì không còn gì nghi ngờ nữa. Người đàn ông này chính là Ferdinand Altenhoffen, công tước xứ Ostenburg, *Ostenburgensis Dux**, sinh năm 1435, mất năm... đúng, phải rồi, năm 1474. Ông ta khoảng ba mươi lăm tuổi khi ngồi làm mẫu cho họa sĩ.”

Julia cầm một tấm thẻ trên mặt bàn và chỉ vào từ được viết trên đó.

“Ostenburg từng nằm ở đâu vậy?... Ở Đức phải không?”

Alvaro lắc đầu và mở một cuốn bản đồ lịch sử ra.

“Ostenburg là một công quốc có lãnh thổ gần tương đương với vùng Rodovingia thời vua Charlemagne*... Nó nằm ở đây, bên trong biên giới Pháp – Đức, giữa Luxembourg và Flanders. Vào các thế kỷ 15 và 16, các công tước của Ostenburg đã cố gắng duy trì nền độc lập, nhưng rốt cuộc công quốc này vẫn bị thôn tính, đầu tiên bởi Burgundy, sau đó đến vua Maximilian của nước Áo. Trên thực tế, triều đại Altenhoffen bị diệt vong cùng với chính vị công tước Ferdinand này. Nếu em muốn, anh có thể sao chép cho em vài bản.”

“Em sẽ biết ơn anh lắm.”

“Không có gì đâu.” Alvaro ngồi xuống ghế, lấy một chiếc hộp thiếc đựng

thuốc lá từ trong ngăn kéo bàn làm việc rồi bắt đầu nhồi thuốc vào chiếc tẩu của mình. “Vây thì theo lý, quý bà ngồi bên cửa sổ, với dòng chú thích *BEATRIX BURG. OST. D.* chỉ có thể là Beatrice xứ Burgundy, phu nhân của vị công tước này. Thấy chưa? Beatrice kết hôn với Ferdinand Altenhoffen năm 1464 khi bà hai mươi ba tuổi.”

“Vì tình yêu à?” Julia hỏi kèm theo một nụ cười đầy ẩn ý, trong lúc đưa mắt nhìn xuống tấm ảnh. Alvaro đáp lại bằng một tiếng cười ngắn, có phần gượng gạo.

“Như em biết đấy, rất ít cuộc hôn nhân kiểu này là vì tình yêu... Đám cưới chính là một nỗ lực của Philip Nhân Từ, bác của Beatrice và cũng là công tước xứ Burgundy để thiết lập một mối liên hệ mật thiết hơn với Ostenburg trong liên minh chống lại Pháp, lúc đó đang tìm cách thôn tính cả hai công quốc.” Alvaro nhìn vào tấm ảnh và kẹp chiếc tẩu giữa hai hàm răng. “Tuy thế, Ferdinand xứ Ostenburg đã gặp may, vì cô dâu rất xinh đẹp. Ít nhất là theo những gì sử gia đáng chú ý nhất thời đó, Nicolas Flavin, đã viết trong cuốn *Biên niên xứ Burgundy* của ông ta. Ông bạn Van Huys của em dường như cũng có cùng suy nghĩ như vậy. Có vẻ ông ta đã từng vẽ vị nữ công tước này trước khi thực hiện bức họa, vì có một tài liệu được sử gia Pijoan viện dẫn cho biết Van Huys từng có thời gian là họa sĩ cung đình tại Ostenburg. Năm 1463, Ferdinand Altenhoffen đã dành cho ông ta một khoản trợ cấp tương đương một trăm bảng mỗi năm, được trả một nửa vào dịp Lễ Thánh John, và nửa còn lại vào dịp Giáng sinh. Tư liệu đó cũng nói tới việc ông ta được giao vẽ một bức chân dung của Beatrice, người lúc đó đang là vị hôn thê của Ferdinand.”

“Còn tài liệu nào khác không?”

“Vô khối. Van Huys đã trở thành một nhân vật khá quan trọng.” Alvaro lấy một cặp tài liệu từ trong tủ ra. “Jean Lemaire, họa sĩ Pháp thế kỷ 17, trong

bài *Vương miện của Margaret* được ông ta viết để ca tụng Margaret của nước Áo, toàn quyền của Vùng Đất Thấp, có nhắc tới các danh họa thế kỷ 15, 16 là Pierre xứ Brugge (Van Huys), Hughes xứ Gand (Van der Goes) và Dietric xứ Louvain* (Dieric Bouts*), bên cạnh người ông ta coi như vua của các danh họa trường phái Flemish là Johannes (Van Eyck). Những từ chính xác mà ông ta sử dụng trong bài thơ như sau: ‘Pierre de Brugge, qui rant eut les traits utez’, câu này có thể dịch nghĩa là ‘người vẽ nên những đường nét thật rõ ràng’. Vào thời gian bài thơ này được viết ra, Van Huys đã qua đời được hai mươi lăm năm.” Aivaro cẩn thận kiểm tra thêm vài tấm thẻ khác. “Ngoài ra còn có những lần vị họa sĩ này được nhắc đến sớm hơn. Chẳng hạn, những bản kê khai có nguồn gốc từ vương quốc Valencia, ngày nay thuộc Tây Ban Nha, cho biết vua Alfonso Hào Hiệp của họ sở hữu các tác phẩm của Van Huys, Van Eyck và các họa sĩ khác, ngày nay tất cả đều đã thất lạc. Bartolomeo Fazio, một cận thần thân tín của vua Alfonso cũng nhắc tới vị họa sĩ của chúng ta khi viết cuốn *Các danh nhân*, mô tả Van Huys với cách gọi ‘*Pietrus Husyus, insignis pictor*’*. Một số tác giả khác, nhất là các tác giả người Italia, gọi ông ta là ‘*Magistro Pietro Van Hus, pictori in Bruggia*’*. Có một bài viết vào năm 1470 trong đó Guido Rasofalco nhắc đến một trong các bức tranh của ông ta, một bức họa vẽ cảnh Đức Chúa chịu nạn đóng đinh trên thánh giá, là ‘*Opera buona di mano di un chiamato Piero di Juys, pictor famoso in Fiandra*’*, bức họa này cũng không còn tồn tại tới ngày nay. Và một tác giả Italia khác, lần này khuyết danh, đề cập tới một bức họa của Van Huys còn được bảo tồn tới hiện tại, bức *Hiệp sĩ và Quỷ dữ*, viết rằng ‘*A magistro Pietrus Juisus magno et famoso flandresco fuit depictum*’*. Người họa sĩ của chúng ta còn được sử gia Guicciardini và họa sĩ Van Mander nhắc đến vào thế kỷ 16 và sử gia nghệ thuật James Weale nhắc đến vào thế kỷ 19 trong các tập sách của ông ta về các họa gia trường phái Flemish bậc thầy.”

Anh thu các tấm thẻ lại, cẩn thận cho chúng vào tập tài liệu rồi cất trở về chỗ cũ trong tủ. Sau đó, anh ngồi xuống ghế, nhìn Julia mỉm cười. “Hài lòng chứ?”

“Rất hài lòng.” Cô đã ghi lại tất cả và lúc này đang rà soát lại những gì thu thập được. Sau một lát, cô đưa tay vuốt tóc ra sau lưng rồi nhìn Alvaro với vẻ tò mò: “Bất cứ ai cũng sẽ nghĩ anh đã chuẩn bị trước mọi thứ. Em thực sự thấy ấn tượng đấy.”

Nụ cười trên khuôn mặt vị giáo sư nhạt đi đôi chút, anh tìm cách lảng tránh ánh mắt của Julia. Một tấm thẻ trên mặt bàn dường như đột ngột thu hút sự chú ý của anh.

“Đó là công việc của anh,” anh nói. Và cô không dám chắc giọng nói của anh chỉ đơn giản hơi lơ đãng hay đang cố tình lẩn tránh. Không rõ vì sao, điều này làm cô cảm thấy bất an một cách mơ hồ.

“Chà, tất cả những gì em có thể nói, là anh vẫn cực kỳ xuất sắc trong công việc đó.” Cô tò mò quan sát anh rồi quay trở lại với những ghi chú của mình. “Chúng ta có khá nhiều thông tin về người họa sĩ và hai trong số các nhân vật của bức họa.” Cô cúi người xuống nhìn tấm ảnh chụp lại bức tranh và đưa một ngón tay chỉ vào kỳ thủ thứ hai. “Nhưng không có gì về ông ta.”

Alvaro đang bận bịu nhồi tẩu thuốc và không trả lời ngay. Trán anh hơi cau lại.

“Khó mà nói chính xác được gì,” anh nói giữa những lần rít tẩu. “Dòng chú thích *RUTGIER AR. PREUX*. không được rõ ràng lắm. Mặc dù cũng đủ để đi tới một giả thiết.” Anh dừng lại, nhìn chăm chú vào đầu tẩu như thể hy vọng nó xác nhận ý tưởng của mình. “Rurgier có thể là Roger, Rogelio, Ruggiero, tất cả đều là những dạng biến thể dễ tìm thấy của một cái tên rất thông dụng vào thời đó – mà có ít nhất mười biến thể khác nhau. Preux có thể là tên họ, trong trường hợp đó, chúng ta sẽ gặp phải ngõ cụt thực sự, vì không

có vị Preux nào có sự nghiệp đủ hiển hách để được ghi danh vào các cuốn biên niên sử. Tuy thế, *preux* cũng được sử dụng vào thời Trung cổ như một tính từ mang nghĩa trang trọng, thậm chí như một danh từ, với nghĩa ‘can đảm’, ‘nghĩa hiệp’. Danh xưng này đã được dành cho Lancelot* và Roland*, đây chỉ là hai ví dụ nổi tiếng nhất để minh họa cho em thấy. Tại Pháp và Anh, người ta sẽ dùng cụm ‘soyez preux’ khi phong tước hiệp sĩ cho ai đó, có nghĩa là ‘hãy trung thành hoặc can đảm’. Đây là một danh xưng riêng biệt, dành để nhận biết những nhân vật tinh hoa xuất chúng nhất của giới hiệp sĩ.”

Một cách vô thức, do thói quen nghề nghiệp, Alvaro đã sử dụng cách nói rất thuyết phục như thể đang giảng bài, đó là xu hướng mà sớm hay muộn anh cũng rơi vào mỗi khi tham dự một cuộc đối thoại liên quan tới khía cạnh nào đó trong chuyên môn của anh. Julia nhận ra điều đó và ít nhiều thấy giật mình, nó khiến cô nhớ đến những kỷ niệm cũ, làm sống dậy những dư âm của một mối tình đã từng nắm giữ một vị trí trong thời gian và không gian của cuộc đời cô, cũng như trong việc hình thành nên tính cách hiện tại của cô. Đó là dư vị của cuộc sống đã qua, cũng như của vô vàn cảm xúc khác mà một cuộc vật lộn mệt mỏi không ngừng nghỉ đã thành công trong việc bóp nghẹt và gạt bỏ nó, cũng giống như khi bạn bỏ mặc một cuốn sách trên giá cho bụi phủ, không hề có ý định giở nó ra xem lần nào nữa, thế nhưng mọi thứ vẫn luôn còn đó, bất chấp tất cả.

Phải đối diện với những cảm xúc như thế, cô biết mình cần viện tới các chiến thuật khác: giữ cho đầu óc tập trung vào vấn đề đang cần giải quyết; trao đổi, hỏi thêm những chi tiết khác dù có cần đến chúng hay không; cúi người qua bàn, giả bộ tập trung cao độ vào việc ghi chú lại thông tin; tưởng tượng rằng cô đang đứng trước một Alvaro khác, mà đúng là vậy thật; hành động, cảm nhận như thể những kỷ niệm đó không phải thuộc về họ mà của hai người khác, ai đó cô từng có lần nghe người khác nhắc tới, những số phận

chẳng đáng bận tâm đến.

Một giải pháp khác là châm một liều thuốc lá, và Julia làm đúng như thế. Khói thuốc choán đầy hai buồng phổi giúp cô dịu lại và đem đến cho cô ít nhiều sự tách biệt. Cô đưa mắt nhìn Alvaro, sẵn sàng tiếp tục.

“Vây giả thiết của anh là gì?” Giọng nói của cô nghe khá bình thường, và điều này làm cô cảm thấy bình tâm hơn nhiều. “Theo như em thấy, nếu Preux không phải là tên họ, vậy thì chìa khóa của lời giải rất có thể nằm trong hai chữ viết tắt AR.”

Alvaro gật đầu. Hơi khép đôi mắt giữa làn khói tỏa ra từ chiếc tẩu, anh lần giở một cuốn sách khác cho tới khi tìm ra một cái tên.

“Hãy nghe này. Roger de Arras, sinh năm 1431, cùng năm mà người Anh thiêu sống nữ tướng Jeanne d’Arc ở Rouen. Gia đình ông ta có họ hàng với dòng họ Valois, triều đại trị vì nước Pháp vào thời đó, và ông ta chào đời tại lâu đài Bellesang, nằm rất gần công quốc Ostenburg.”

“Liệu ông ta có thể là kỳ thủ thứ hai không?”

“Rất có thể. AR có thể hoàn toàn chính xác là viết tắt của Arras. Và Roger de Arras quả thực có xuất hiện trong mọi biên niên sử của thời kỳ này. Ông ta chiến đấu trong cuộc chiến tranh Trăm năm* bên cạnh Charles VII, vua nước Pháp. Thấy không? Ông ta tham gia vào quá trình chiếm lại Normandy và Guyenne* từ tay người Anh. Năm 1450, ông ta tham gia trận Formigny và ba năm sau, chiến đấu trong trận Castillon. Hãy nhìn vào bức tranh khắc này. Ông ta hoàn toàn có thể là một trong những người đó; có thể là vị hiệp sĩ với tấm giáp che mặt bị đóng xuống, người đã nhường ngựa của mình cho vua nước Pháp giữa sa trường khi ngựa của nhà vua bị giết, song nhà vua thì vẫn tiếp tục đi bộ chiến đấu...”

“Anh làm em kinh ngạc đấy, thưa giáo sư,” Julia nói, nhìn anh với vẻ ngỡ ngàng không giấu giếm. “Ý em muốn nói đến hình ảnh sống động về người

chiến binh giữa sa trường vừa rồi. Anh là người vẫn luôn nói tưởng tượng chính là bệnh ung thư đối với tính chính xác của lịch sử mà.”

Alvaro bật cười.

“Hãy coi đó là một phút ngẫu hứng đầy thi vị dành cho em. Làm sao anh quên được em thích vượt qua giới hạn đơn thuần của các sự kiện như thế nào chứ? Anh vẫn nhớ khi em và anh...”

Anh ngừng bật, đột nhiên trở nên do dự. Câu nói bóng gió về quá khứ của anh đã khiến cho khuôn mặt Julia tối sầm lại. Nhận ra mình vừa mới buột miệng nhắc về quá khứ, Alvaro vội vã lùi bước.

“Anh xin lỗi,” anh khẽ nói.

“Không sao đâu,” Julia đáp, hồi hải dục điều thuốc vào gạt tàn đến mức làm bóng cả mấy đầu ngón tay. “Thực sự đó là lỗi của em.” Cô nhìn anh một cách bình tĩnh hơn. “VẬY anh có những thông tin gì về vị hiệp sĩ của chúng ta rồi?”

Với vẻ nhẹ nhõm thấy rõ, Alvaro quay lại với sân chơi quen thuộc của anh. Roger de Arras, anh giải thích, không chỉ là một chiến binh, ngoài chinh chiến ông ta còn nhiều khía cạnh khác đáng chú ý. Chẳng hạn, ông ta là một hình mẫu về tinh thần thượng võ, là nhà quý tộc hoàn hảo của thời Trung cổ. Vào những lúc rảnh rỗi, ông ta còn là một thi sĩ và một nhạc sĩ. Vị hiệp sĩ rất được ái mộ trong triều đình của dòng họ Valois, những người anh em họ với ông ta. Thế nên danh xưng “Preux” hợp với ông ta như găng tay với bàn tay vậy.

“Ông ta có mối liên hệ nào với môn cờ vua không?”

“Không có manh mối nào nhắc tới chuyện đó cả.”

Julia đang bận rộn ghi chép, hoàn toàn bị cuốn theo dòng câu chuyện, nhưng rồi cô đột ngột dừng lại và nhìn Alvaro.

“Điều mà em không hiểu,” cô vừa nói vừa căn bút, “đó là Roger de Arras đang làm gì khi ngồi chơi cờ với công tước Ostenburg trong một bức họa của

Van Huys chứ?”

Alvaro cựa người trong chiếc ghế của mình với vẻ bối rối thấy rõ, như thể đột nhiên bị nổi ngờ vực ám ảnh. Anh ngậm tẩu, đưa mắt nhìn chăm chăm lên bức tường sau lưng Julia với dáng vẻ của một người đang trải qua một cuộc tranh đấu nội tâm. Cuối cùng, anh cố nở một nụ cười thận trọng.

“Anh không biết ông ta đang làm gì ở đó – trừ việc đánh cờ ra.” Julia biết chắc anh đang nhìn cô với vẻ thận trọng rất không bình thường, như thể anh không thể nói ra thành lời một ý nghĩ đang lớn vờn trong đầu mình. “Những gì anh thực sự biết,” cuối cùng anh nói thêm, “và anh biết vì điều đó được nói đến trong tất cả những cuốn sách viết về chủ đề này, là Roger de Arras không chết tại Pháp, mà tại Ostenburg.” Sau một thoáng chần chừ, anh chỉ vào tấm ảnh chụp bức họa. “Em có thấy thời điểm bức tranh được vẽ không?”

Julia bối rối nói: “Có, 1471. Vậy thì sao?”

Alvaro chậm rãi nhả một ít khói rồi phát ra một âm thanh nghe giống như một tiếng cười cộc lốc khê khàng. Anh đang nhìn Julia như thể cố tìm trong đôi mắt cô câu trả lời cho một câu hỏi anh không thể nói ra lời.

“Có điều gì đó không được ổn lắm ở đây,” cuối cùng anh nói. “Hoặc thời điểm ghi trên tranh không chính xác, hoặc các cuốn biên niên ký đều nói láo, nếu không vị hiệp sĩ này không phải là quý ông Rutgier Ar. Preux. trong bức họa.” Anh cầm lên một bản sao in bằng máy ronéo của cuốn *Biên niên sử các công tước xứ Ostenburg*, và sau một hồi tìm kiếm trong đó, anh đặt cuốn sách trước mặt cô. “Cuốn sách này được Guichard de Hainaut, một người Pháp sống cùng thời với những sự kiện ông ta mô tả, viết vào cuối thế kỷ 15, dựa vào lời kể của những nhân chứng trực tiếp. Theo Hainaut, vị hiệp sĩ của chúng ta chết vào dịp lễ Hiển linh năm 1469, hai năm *trước khi* Pieter Van Huys vẽ bức *Ván cờ*. Em có hiểu không, Julia? Roger de Arras không bao giờ có thể ngồi làm mẫu cho bức tranh đó, vì vào thời điểm nó được vẽ, ông ta đã

chết rồi.”



Anh tiễn cô ra tận bãi đỗ xe của trường đại học và đưa cho cô cặp tài liệu đựng toàn bộ các bản sao. Gần như tất cả mọi thứ đều nằm trong đó, anh nói: các dẫn chứng lịch sử, một danh sách cập nhật các tác phẩm đã được thống kê của Van Huys, một danh mục sách tham khảo... Anh hứa sẽ gửi cho cô một bản tập hợp tư liệu theo trình tự thời gian cùng vài tài liệu khác ngay khi anh thu xếp được thời gian. Anh đứng nhìn cô, miệng ngậm chiếc tẩu, hai tay đút trong túi áo khoác, như thể vẫn còn điều gì đó muốn nói nhưng không dám chắc có nên nói ra hay không. Anh hy vọng, anh nói thêm sau một lát im lặng, rằng anh đã giúp được cô ít nhiều.

Julia gật đầu, cảm thấy bối rối. Những chi tiết của câu chuyện cô vừa được nghe vẫn còn quay cuồng trong tâm trí cô. Và còn cả một thứ khác nữa.

“Em rất ấn tượng, giáo sư. Trong chưa tới một giờ đồng hồ anh đã xây dựng lại một cách hoàn chỉnh cuộc đời của những nhân vật trong một bức tranh trước đây anh chưa hề nghiên cứu qua.”

Alvaro quay đi, đưa mắt lướt quanh khuôn viên trường. Rồi nhả mặt.

“Thực ra bức tranh đó không hoàn toàn xa lạ với anh,” anh nói. Julia nghĩ cô vừa phát hiện ra một chút âm hưởng ngờ vực trong giọng nói của anh, và điều đó làm cô thấy bất an. Cô cẩn thận lắng nghe thật kỹ lưỡng những lời anh nói. “Không bàn tới bất kỳ điều gì khác, có một bức ảnh trong cuốn ca ta lô năm 1917 của bảo tàng Prado* cho thấy *Ván cờ* từng được trưng bày ở đó. Bức tranh được cho mượn trong khoảng hai mươi năm, từ đầu thế kỷ cho tới năm 1923, khi những người thừa kế yêu cầu lấy lại nó.”

“Em không hề biết chuyện đó.”

“Giờ thì em đã biết rồi đấy.” Anh để tâm trở lại vào chiếc tẩu, lúc này có vẻ sắp tàn hết thuốc. Julia nhìn anh qua khước mắt. Cô biết rõ anh, hay nói đúng hơn, từng biết rõ anh, quá rõ để cảm nhận được có điều gì đó quan trọng đang ám ảnh tâm trí anh, một điều anh không thể nói ra.

“Còn gì anh chưa nói với em sao, Alvaro?”

Anh không cử động, chỉ đứng đó ngậm chiếc tẩu, đôi mắt nhìn chăm chăm vào khoảng không. Rồi anh chậm chạp quay về phía cô.

“Anh không rõ ý em muốn nói gì.”

“Em chỉ muốn nói rằng mọi thứ liên quan tới bức tranh này đều quan trọng.” Cô nhìn anh với vẻ nghiêm trọng. “Em đã đặt cược rất nhiều vào vụ này.”

Cô nhận thấy Alvaro đang nhai cán tẩu một cách do dự. Anh phác một cử chỉ đầy mâu thuẫn trong không khí.

“Em đang đẩy anh vào một tình thế rất khó xử. Dường như gần đây ông bạn Van Huys của em đang trở nên rất hợp mốt.”

“Hợp mốt ư?” Cô cứng người lại hoảng hốt, như thể nền đất có thể bất ngờ mở toang dưới chân mình. “Ý anh là có ai đó đã trao đổi với anh về ông ta trước em sao?”

Đến lúc này Alvaro mỉm cười không được tự tin lắm, như thể hối tiếc vì đã nói quá nhiều.

“Có thể.”

“Ai vậy?”

“Rắc rối là vậy đấy. Anh không được phép nói cho em biết.”

“Đừng có ngốc thế.”

“Anh không đùa đâu. Đúng là thế đấy.” Anh nhìn cô với ánh mắt van nài.

Julia hít một hơi thật sâu, cố gắng lấp đầy cảm giác trống rỗng lạ lùng mà

cô đang cảm thấy trong lòng; ở đâu đó một hồi chuông báo động đang réo vang. Nhưng Alvaro lại nói tiếp, vậy là cô chăm chú lắng nghe, cố tìm kiếm một dấu hiệu nào đó. Anh nói anh rất muốn được xem qua bức tranh, tất nhiên là nếu Julia không thấy phiền. Và anh cũng muốn gặp cả cô nữa.

“Anh có thể giải thích tất cả,” anh chốt lại, “khi tới thời điểm thích hợp.”

Có thể đó là một cái bẫy, cô thầm nghĩ. Anh hoàn toàn có khả năng dựng lên toàn bộ màn kịch ấn tượng vừa rồi chỉ để có cơ gặp lại cô. Cô căn môi. Bên trong cô, bức tranh giờ đây đang phải chiến đấu với những cảm xúc và kỷ niệm chẳng có chút liên quan nào tới nó.

“Vợ anh dạo này thế nào?” cô dừng dừng hỏi, nhưng bộ mặt cô ác ý bộc phát.

Cô ngược nhìn một cách ranh mãnh và trông thấy Alvaro đã cứng người lại và có vẻ đột nhiên cảm thấy lúng túng.

“Cô ấy ổn,” là tất cả những gì anh nói. Anh chăm chăm nhìn vào chiếc tẩu đang cầm trên tay, như thể không nhận ra nó. “Cô ấy đang ở New York chuẩn bị cho một cuộc triển lãm.”

Một mảnh ký ức lướt qua tâm trí Julia: một phụ nữ tóc vàng hấp dẫn trong bộ vest may đo màu nâu bước ra khỏi ô tô. Chỉ mười lăm giây về một hình ảnh khá mờ nhạt mà cô chỉ còn nhớ mang máng, nhưng chính nó đã đánh dấu chấm hết cho tuổi trẻ của cô, một cách sắc lẹm như vết cắt bằng dao mổ. Cô nhớ hình như vợ anh làm việc cho một tổ chức nào đó của chính quyền, thứ gì đó liên quan tới Bộ Văn hóa Nghệ thuật, tới những cuộc triển lãm và những chuyến đi. Đã có lúc điều đó khiến cho nhiều thứ trở nên thuận lợi. Alvaro chưa bao giờ nói về vợ anh, Julia cũng không, nhưng họ luôn cảm nhận được sự hiện diện của chị giữa hai người, giống như một bóng ma. Và bóng ma đó, mười lăm giây ngắn ngủi của một khuôn mặt thoáng nhìn thấy hoàn toàn tình cờ, rốt cuộc đã giành phần thắng trong cuộc đấu.

“Em hy vọng mọi chuyện đều tốt đẹp với cả hai người.”

“Cũng không đến mức quá tệ. Ý anh là không hoàn toàn tồi tệ.”

“Tốt quá.”

Hai người cùng bước đi một lát trong im lặng, họ không nhìn mặt nhau. Cuối cùng, Julia tặc lưỡi, nghiêng đầu và mỉm cười với không gian trống rỗng.

“Dù sao thì điều đó bây giờ cũng chẳng quan trọng nữa,” cô nói rồi dừng bước trước mặt anh, hai tay chống nạnh, một nụ cười tinh quái trên môi. “Trông em giờ thế nào?”

Anh nhìn cô từ đầu đến chân một cách không mấy tự tin, đôi mắt khép hờ.

“Trông em tuyệt lắm. Thật đấy.”

“Còn anh cảm thấy thế nào?”

“Hơi lúng túng.” Anh mỉm cười rầu rĩ và trông có vẻ như đang hối lỗi. “Anh cứ mãi tự hỏi mình rằng quyết định anh đưa ra một năm trước có đúng không.”

“Đó là một điều anh sẽ không bao giờ tìm ra câu trả lời.”

“Em không bao giờ biết chắc được chuyện đó đâu.”

Trông anh vẫn hấp dẫn, Julia thầm nghĩ, với một cơn nhói đau trợn lẫn lo âu và bực bội khiến dạ dày cô thắt lại. Cô nhìn vào đôi bàn tay và đôi mắt anh, biết rằng cô đang đi chênh vênh bên rìa của một thứ vừa khiến cô khó chịu vừa làm cô bị cuốn hút.

“Em đang có bức tranh ở nhà,” cô chọn cách nói thận trọng, không hứa hẹn trước điều gì trong lúc cố sắp xếp lại các ý nghĩ trong đầu. Cô muốn trấn an bản thân về cái giải pháp cô đã có được một cách đau đớn đến thế, nhưng đồng thời cũng cảm nhận được những nguy cơ và sự cần thiết phải giữ vững cảnh giác. Bên cạnh đó – mà thực ra là hơn hết – cô đang phải bận tâm về bức họa của Van Huys.

Lập luận đó ít nhất cũng giúp cô làm rõ được suy nghĩ của mình. Vậy là cô bắt tay anh, cảm nhận được trong khoảnh khắc tiếp xúc đó sự lúng túng của một người đang không chắc chắn về tình hình. Điều đó khiến cô thấy phấn chấn hơn, làm bùng lên trong cô một cảm giác vui vẻ ngấm ngấm pha chút ác độc. Trong khoảnh khắc bộc phát vừa có chủ đích vừa vô thức, cô hôn nhanh lên miệng anh – như một khoản ứng trước để tạo lập sự tin tưởng – trước khi mở cửa chui vào chiếc Fiat bé nhỏ màu trắng của mình.

“Nếu anh muốn ngó qua bức họa, hãy tới gặp em,” cô nói lập lờ một cách hờ hững trong lúc nổ máy xe. “Chiều mai. Và một lần nữa, cảm ơn anh.”

Cô biết, với anh cô không cần nói gì thêm. Cô nhìn anh xa dần trong gương chiếu hậu, còn anh đứng đó vẫy tay chào với vẻ mặt đăm chiêu bối rối, khoảng sân và khu nhà bằng gạch của trường đại học mờ dần sau lưng anh. Cô mỉm cười trong lúc nhấn ga vượt đèn đỏ ở một khúc đường giao nhau. Anh sẽ căn câu thôi, giáo sư, cô thầm nghĩ. Em không biết vì sao, nhưng có ai đó, ở một nơi nào đó, đang tìm cách chơi khăm em. Và anh sẽ nói cho em biết kẻ đó là ai, nếu không tên em không phải là Julia nữa.



Trên chiếc bàn nhỏ, thoải mái trong tầm tay với, chiếc gạt tàn đã đầy ắp đầu mẩu thuốc lá. Nằm trên xô pha, cô miệt mài đọc cho tới tận khuya. Câu chuyện về bức tranh, về họa sĩ và những nhân vật ông ta tạo ra dần dần định hình. Cô đọc hăm hở, chăm chú tìm tòi từng manh mối nhỏ nhất, hoàn toàn bị cuốn theo khao khát muốn tìm ra lời giải đáp cho ván cờ bí hiểm vẫn đang diễn ra dang dở trên chiếc giá vẽ đặt đối diện với xô pha, lẫn giữa những hình bóng tối đen khác trong căn phòng nửa tối nửa sáng:

... Được giải phóng khỏi thân phận chư hầu của nước Pháp vào năm 1453, các công tước của Ostenburg cố vật lộn để duy trì trạng thái cân bằng khó khăn giữa Pháp, Đức và Burgundy. Chính sách của Ostenburg đã làm dấy lên những nghi ngờ từ vua nước Pháp là Charles VII, người lo sợ công quốc này có thể bị nuốt chửng bởi Burgundy hùng mạnh, đất nước lúc bấy giờ đang tìm cách nâng mình lên vị thế một vương quốc độc lập. Trong vòng xoáy quay cuồng của những âm mưu toan tính chốn cung đình, những liên minh chính trị và các hiệp ước bí mật, nỗi lo sợ của người Pháp càng gia tăng cùng với hôn lễ được cử hành năm 1464 giữa Ferdinand, con trai và cũng là người thừa kế của công tước Wilhelmus xứ Ostenburg, và Beatrice xứ Burgundy, cháu gái của Philip Nhân Từ, đồng thời cũng là em họ công tước tương lai của Burgundy là Charles Can Đảm.

Vậy là vào những năm tháng có ý nghĩa quyết định tới tương lai của châu Âu đó, hai phe nhóm không thể thỏa hiệp đã hình thành và đối kháng nhau trong triều đình Ostenburg: phe thân Burgundy, ủng hộ việc sáp nhập vào công quốc láng giềng, và phe thân Pháp, nghiêng về hợp nhất trở lại nước Pháp. Cho tới tận khi Ferdinand qua đời năm 1474, thời kỳ trị vì đầy sóng gió của ông ở Ostenburg vẫn in đậm dấu ấn của cuộc đối đầu giữa hai phe phái này.

Cô đặt cặp tài liệu xuống sàn rồi ngồi dậy, hai tay bó gối. Căn phòng lặng như tờ. Cô ngồi bất động hồi lâu, sau đó đứng dậy bước tới bức tranh. *QUIS NECAVIT EQUITEM*. Không thực sự chạm vào bề mặt bức tranh, cô lướt một ngón tay lên trên vị trí dòng chữ bị ẩn kín dưới những lớp sơn màu lục mà Van Huys đã sử dụng để vẽ tấm khăn trải bàn. Ai đã giết hiệp sĩ? Với những thông tin mà Alvaro vừa cung cấp, lúc này, trên bức họa chỉ được một

ngọn đèn nhỏ chiếu sáng lờ mờ, câu hỏi đó dường như vừa có thêm âm hưởng của một điềm gỡ. Cô ghé sát hết mức có thể vào khuôn mặt của *RUTGIER AR. PREUX*. Cho dù ông ta có phải là Roger de Arras hay không, Julia tin chắc dòng chú thích này là của ông ta. Dòng chữ đó rõ ràng là một kiểu câu đố, nhưng cô thực sự không thể hiểu được ý nghĩa của việc chơi cờ ở đây. *Chơi cờ*. Có thể tất cả chỉ đơn giản là vậy, một trò chơi.

Cô vừa cảm thấy bức tức khó chịu, giống như những gì vẫn đến với cô mỗi khi phải dùng lưỡi dao mổ để bóc đi một lớp véc ni bướng bỉnh, và cô đan hai bàn tay lại sau gáy rồi nhắm mắt. Khi mở mắt ra, trước mặt cô là khuôn mặt trông nghiêng của vị hiệp sĩ vô danh, đang cau mày tập trung cao độ trong lúc đắm mình vào ván cờ. Chắc chắn ông ta từng là một người đàn ông hấp dẫn. Ông ta có phong thái quyền quý, một vầng hào quang nghiêm nghị cao cả được tạo ra một cách thông minh nhờ vào những màu sắc họa sĩ đã lựa chọn để vẽ quanh ông ta. Thêm vào đó, đầu ông ta được đặt vào đúng giao điểm giữa hai đường vẫn được xem là có tỷ lệ vàng trong hội họa, đó là một quy luật bố cục tác phẩm mà các họa gia cổ điển kể từ thời kiến trúc sư La Mã Vitruvius trở đi luôn dùng như kim chỉ nam trong việc phân chia bố cục các nhân vật trong một bức tranh.

Khám phá này khiến cô sửng sốt. Theo quy luật thông thường, nếu khi vẽ bức họa này, Van Huys có chủ ý làm nổi bật nhân vật công tước Ferdinand xứ Ostenburg – người rõ ràng xứng đáng với vinh dự này nếu xét tới địa vị của ông ta – người họa sĩ hiển nhiên sẽ đặt vị công tước vào giao điểm đặc biệt trong hình mẫu tỷ lệ vàng chứ không phải sang bên trái. Cũng có thể nói hoàn toàn tương tự với Beatrice xứ Burgundy, thực tế bà đã bị đẩy vào hậu cảnh cạnh cửa sổ, bên phải bức tranh. Vì thế, hoàn toàn có lý khi đưa ra giả thiết rằng nhân vật trung tâm trong ván cờ bí ẩn này không phải là vị công tước hay phu nhân của ông ta, mà là *RUTGIER AR. PREUX*., người rất có thể

cũng chính là Roger de Arras. Ngoại trừ một điểm đáng bàn, đó là khi ấy Roger de Arras đã chết.

Không rời mắt khỏi bức tranh mà quay đầu nhìn nó như thể sợ rằng ai đó bên trong bức họa có thể di chuyển trong lúc cô quay lưng lại, Julia tới một chiếc giá chất đầy sách. Pieter Van Huys chết tiệt, cô lẩm bẩm, ông ta đã bày ra những chi tiết khó hiểu khiến cô phải mất ngủ năm trăm năm sau đó. Cô lấy tập sách viết về hội họa Flemish trong bộ *Lịch sử Mỹ thuật* của giáo sư Amparo Ibanez, ngồi xuống xô pha với cuốn sách để trong lòng. Van Huys, Pieter. Brugge 1415 – Ghent 1481.

... Trong khi Van Huys không hoàn toàn loại bỏ những mảng thô thừa cầu kỳ, những món đồ trang sức và những khung cảnh tràn ngập đá cẩm thạch mà người họa sĩ cung đình thường hay đưa vào tranh, không khí gia đình trong các bức tranh của ông, cũng như con mắt tinh tế của ông trong việc tạo nên những chi tiết sống động đắt giá đã làm nên dấu ấn nghệ sĩ của tầng lớp thị dân ở ông. Mặc dù vẫn chịu ảnh hưởng từ Jan Van Eyck, và trên hết từ chính người thầy Robert Campin* của ông (Van Huys đã ứng dụng rất thông minh các kỹ thuật hội họa của cả hai nghệ sĩ bậc thầy đó), phong cách của ông thể hiện quá trình phân tích thực tế một cách sáng sủa, với con mắt quan sát thế giới bình thản đậm chất Flemish. Nhưng người họa sĩ này luôn thể hiện sự quan tâm tới các biểu tượng, và các tác phẩm của ông đều chứa đựng những thông điệp ngầm (chẳng hạn chai thủy tinh bị bịt kín hay cánh cửa trên tường được sử dụng như những biểu tượng cho sự trinh tiết của mẹ Mary trong bức *Đức Mẹ Đồng Trinh trong nhà nguyện*, hay cách những cái bóng chồng lên nhau trong cảnh nội thất của bức *Gia đình Lucas Bremer*). Tài nghệ bậc thầy của Van Huys nằm trong việc phác họa một cách sắc sảo cả

những nhân vật lẫn các đồ vật, cũng như trong cách ông tiếp cận những vấn đề thách thức nhất với hội họa thời đó, chẳng hạn như thể hiện cấu trúc mềm dẻo của các bề mặt, sự tương phản khó phân định rạch ròi giới hạn giữa bối cảnh tranh tối tranh sáng trong nhà với khung cảnh ánh sáng ban ngày ở ngoài trời, hay sự thay đổi của những chiếc bóng tạo ra theo bản chất vật liệu của vật được ánh sáng chiếu vào.

Những tác phẩm còn lưu giữ được: *Chân dung người thợ kim hoàn Guillermo Walhuus* (1448), bảo tàng Metropolitan, New York. *Gia đình Lucas Bremer* (1452), phòng trưng bày Uffizi, Florence. *Đức Mẹ Đồng Trinh trong nhà nguyện* (khoảng 1455), bảo tàng Prado, Madrid. *Người đổi tiền ở Louvain* (1957), bộ sưu tập tư nhân, New York. *Chân dung thương gia Matteo Conzini và vợ* (1458), bộ sưu tập tư nhân, Zurich. *Ban thờ ở Antwerp** (khoảng 1461), một phòng tranh, Vienne. *Hiệp sĩ và Quý dũ* (1462), bảo tàng Rijksmuseum, Amsterdam. *Ván cờ* (1471), bộ sưu tập tư nhân, Madrid. *Đưa Đức Chúa xuống khỏi Thập Giá* (khoảng 1478), nhà thờ Thánh Bavon, Ghent.

Bốn giờ sáng, khi miệng đã nóng rát vì uống quá nhiều cà phê và hút quá nhiều thuốc lá, Julia cuối cùng cũng hoàn tất việc đọc các tài liệu cô có trong tay. Câu chuyện về người họa sĩ, về bức tranh và những nhân vật chứa đựng trong đó rốt cuộc cũng trở nên gần như rõ ràng. Họ không còn là những hình ảnh được vẽ trên một tấm ván gỗ sồi, mà là những con người thực, đã từng hiện hữu tại một thời gian và không gian cụ thể trong khoảng cách giữa sự sống và cái chết. Pieter Van Huys, người họa sĩ, Ferdinand Altenhoffen và vợ ông, Beatrice xứ Burgundy. Và Roger de Arras. Vì Julia đã tìm thấy bằng chứng khẳng định vị hiệp sĩ trong bức họa, kỳ thủ đang xem xét vị trí các quân cờ với sự tập trung cao độ trong yên lặng của một người mà cả cuộc

sống phụ thuộc vào ván cờ đang diễn ra đó, quả thực chính là Roger de Arras, sinh năm 1431, mất năm 1469 tại Ostenburg. Cô hoàn toàn tin tưởng vào điều này, cũng như cô hoàn toàn tin bức họa được vẽ hai năm sau khi vị hiệp sĩ qua đời chính là mối dây liên hệ bí ẩn kết nối ông với hai nhân vật còn lại trong tranh và người họa sĩ. Một bản mô tả chi tiết về cái chết của ông đang nằm trên tay cô, trong một trang sách được sao chép lại từ cuốn *Biên niên sử* của Guichard de Hainaut:

Vậy là, vào lễ Hiến linh năm 1469 của Kỷ nguyên Thiên Chúa, khi đức ông Ruggier đang đi tản bộ như thường lệ dọc con hào chạy qua Cửa Đông, một tay nỏ nấp ở đó đã bắn một mũi tên xuyên qua tim ông. Đức ông Ruggier nằm tại đó, thét lên thật lớn để người ta nghe thấy lời xưng tội của ông, nhưng khi những người trợ giúp đến nơi, linh hồn ông đã ra đi qua miệng vết thương hở. Cái chết của đức ông Ruggier, một hiệp sĩ mẫu mực, một nhà quý tộc chân chính, là một tổn thất nặng nề cho phái thân Pháp tại Ostenburg, phe phái mà theo đồn đại được ông ủng hộ. Sự kiện bi thảm đã khiến người ta đưa ra nhiều lời buộc tội nhằm vào những người ủng hộ triều đình Burgundy. Một số người khác gắn vụ ám sát ghê tởm này với một câu chuyện tình, trong đó Ruggier bất hạnh có can dự vào không ít. Vài người thậm chí còn nói chính công tước Ferdinand là người đứng sau vụ ám sát, và một kẻ thứ ba nào đó đã thực hiện việc này, vì đức ông Ruggier đã dám công khai tình yêu của mình dành cho nữ công tước Beatrice. Mỗi nghi ngờ về một vết như thế đã đeo đuổi công tước tới tận lúc xuống mồ. Và thế là biến cố đáng buồn khép lại mà không bao giờ tìm được những kẻ sát nhân, cho dù dưới những mái hiên hay trong các tửu quán vẫn có thể nghe thấy những lời thì thầm đồn đại rằng bọn chúng đã thoát tội nhờ sự che chở của một bàn

tay thế lực nào đó. Vậy là việc thi hành công lý chỉ còn có thể trông chờ vào Chúa. Và đức ông Ruggier quả là một người có thân hình và khuôn mặt đẹp đẽ, bất chấp những cuộc chiến đã kinh qua để phụng sự vua nước Pháp trước khi ông tìm tới Ostenburg để phụng sự công tước Ferdinand, người đã cùng lớn lên bên ông thuở thiếu thời. Và vị hiệp sĩ đã được rất nhiều phu nhân thương khốc. Khi bị sát hại, đức ông đang ở tuổi ba mươi tám, ở đỉnh cao quyền lực...

Julia tắt đèn, và trong lúc ngồi trong bóng tối tựa đầu vào chiếc ghế xô pha, cô đưa mắt nhìn đầu điếu thuốc đang cháy lập lòe trên tay. Cô không thể nhìn thấy bức tranh ở trước mặt mình, mà cũng không cần làm thế. Mọi chi tiết trong bức họa đã được ghi lại trên võng mạc và trong bộ não của cô. Cô có thể thấy nó ngay cả trong bóng tối.

Cô ngáp dài, đưa hai lòng bàn tay lên xoa mặt. Cô vừa mệt rũ vừa cảm thấy hân hoan tột độ, một cảm giác đặc trưng kỳ lạ, chưa toàn vẹn nhưng thật hứng khởi, giống như linh cảm vẫn thường đến với bạn giữa một cuộc đua dài, báo cho bạn biết bạn vẫn còn có khả năng về tới đích. Cô đã vén lên được một góc tấm màn che, và cho dù vẫn còn nhiều thứ cần tìm hiểu, có một điều đã rõ như ban ngày: không có gì đồng bóng hay ngẫu nhiên trong bức tranh này hết. Bức họa là tác phẩm được thực hiện kỹ lưỡng trong một kế hoạch được tính toán chu toàn, mục tiêu của nó gói gọn trong câu hỏi *Ai đã giết hiệp sĩ?*, một câu hỏi mà ai đó, xuất phát từ động cơ cá nhân hay từ nỗi sợ hãi, đã che đậy hoặc ra lệnh che đậy. Và cho dù kẻ đó là ai, Julia cũng sẽ tìm ra. Vào đúng lúc đó, đứng một mình trong bóng tối, mắt hoa lên vì mệt mỏi và thiếu ngủ, trong đầu đầy ắp những hình ảnh và những đường giao cắt về thời Trung cổ, mà bên dưới chúng rít lên những mũi tên bắn ra từ những cây nỏ nấp trong bóng tối, tâm trí Julia không còn bận tâm tới việc phục chế

bức tranh nữa, mà dồn cả vào việc phục dựng lại bí ẩn nó chứa đựng. Hẳn sẽ rất thú vị, cô thầm nghĩ trong lúc sắp đầu hàng cơn buồn ngủ, khi cô tìm ra lời giải đáp cho câu hỏi mà một họa sĩ trường phái Flemish có tên Pieter Van Huys đã đặt ra sau năm thế kỷ chìm trong im lặng, như một bí ẩn cần được khám phá, cho dù tất cả những ai can dự vào câu chuyện giờ đây chỉ còn là những nắm xương tàn đã tan thành bụi đất dưới nấm mồ của họ.

LUCINDA, OCTAVIO, SCARAMOUCHE³⁰

*“Tôi tuyên bố nó được kẻ giống như một bàn cờ lớn vậy!” cuối cùng Alice
lên tiếng.*

_ Nhà văn Lewis Carroll tác giả của “Alice ở xứ sở diệu kỳ” _

Chiếc chuông gắn trên cánh cửa kêu leng keng khi Julia đẩy cửa bước vào cửa hàng đồ cổ. Cô chỉ cần bước vào trong là lập tức cảm thấy mình được bao quanh bởi một bầu không khí yên bình ấm áp, quen thuộc. Những ký ức đầu tiên cô còn lưu giữ được đều tràn ngập thứ ánh sáng vàng dịu dịu chiếu xuống các món đồ gỗ cổ, những bức phù điêu và cột chạm khắc theo phong cách Ba Rốc, những chiếc tủ nặng nề bằng gỗ óc chó, những món đồ bằng ngà voi, những tấm thảm thêu, rồi đồ sứ và những bức tranh đã sẫm màu lại theo thời gian với những nhân vật có khuôn mặt nghiêm nghị luôn đắm chìm trong sâu muộn, chính những khuôn mặt nhiều năm trước từng chứng kiến những trò chơi thời thơ ấu của cô. Kể từ thời đó nhiều món đồ đã bị bán đi và được thế chỗ bằng những món đồ khác, nhưng ấn tượng tạo ra bởi những căn phòng muôn màu muôn vẻ và ánh sáng phản chiếu trên các món đồ cổ được sắp xếp một cách lộn xộn nhưng rất hài hòa thì vẫn luôn không thay đổi. Giống như màu sắc trên những bức tượng các nhân vật hài kịch bằng sứ mong manh được bàn tay nhà tạo mô hình thế kỷ 18 Bustelli tạo ra: một bức tượng Lucinda, một bức tượng Octavio và một bức tượng Scaramouche, chúng không chỉ là những món đồ chơi ưa thích của Julia khi còn nhỏ, mà còn là niềm tự hào, niềm vui bất tận của César. Có lẽ chính vì thế ông chưa bao giờ muốn chia tay mấy bức tượng mà giữ chúng lại trong tủ kính phía sau cửa hàng, bên cạnh khung cửa sổ có ô kính đã mờ xin mở ra khoảng sân phía trong của cửa hàng, nơi ông vẫn hay ngồi đọc sách – những cuốn sách của các nhà văn nổi tiếng như Stendhal, Mann, Sabatini, Dumas, Conrad – trong lúc đợi chuông kêu thông báo sự xuất hiện của một vị khách hàng.

“Chào bác, bác César.”

“Chào công chúa thân mến.”

César khoảng hơn năm mươi tuổi – Julia chưa bao giờ thành công trong việc ép ông khai ra tuổi thực của mình – và ông có đôi mắt xanh luôn tươi cười, giễu cợt của một đứa trẻ tinh quái, lấy việc thách thức thế giới mà ông buộc phải sống trong đó làm niềm vui lớn nhất cho mình. Ông có mái tóc trắng tinh lượn sóng – cô ngờ rằng ông đã nhuộm nó từ nhiều năm trước – và vóc dáng của ông vẫn rất chuẩn, ngoại trừ phần hông có hơi đầy đặn một chút. Ông luôn mặc những bộ đồ được cắt may rất đẹp, với chúng lời phê bình duy nhất người ta có thể nói là, trông chúng có vẻ hơi táo bạo so với một người ở độ tuổi như ông. Ông không bao giờ đeo cà vạt, thậm chí cả trong những sự kiện xã giao chọn lọc nhất, thay vào đó ông chọn những chiếc khăn Italia tuyệt đẹp thắt trên cổ áo sơ mi để mở, luôn bằng lụa, bên trên khăn có thêu hai chữ cái đầu tên họ của ông lồng vào nhau bằng chỉ màu xanh da trời hoặc trắng ở vị trí ngay bên dưới trái tim ông. Ông sở hữu một bề rộng và cấp độ văn hóa Julia chưa từng gặp ở bất cứ ai, ông thực sự là hiện thân hoàn hảo của câu nói rằng trong các tầng lớp thượng lưu, thái độ lịch thiệp đến thái quá chẳng qua chỉ là cách diễn đạt tinh tế nhất để một người thể hiện sự khinh thường dành cho những người khác. Trong môi trường xã hội của César, một khái niệm hoàn toàn có thể mở rộng để bao hàm toàn bộ nhân loại, Julia là người duy nhất có thể thoải mái tận hưởng thái độ lịch thiệp đó mà biết chắc cô hoàn toàn nằm ngoài tầm ngắm của sự khinh thường. Kể từ khi cô bắt đầu có khả năng tự suy nghĩ, với cô César là một sự pha trộn kỳ lạ của người cha, người tâm sự, người bạn và cha xưng tội, đồng thời cũng không thực sự chính xác là bất cứ ai trong số những vai trò ấy.

“Cháu gặp một rắc rối, bác César.”

“Thứ lỗi cho bác, nhưng trong trường hợp đó, *chúng ta* có một rắc rối mới

đúng. Giờ hãy kể cho bác nghe đi nào.”

Và Julia kể cho ông nghe, không bỏ sót điều gì, kể cả dòng chữ bị giấu kín, chi tiết được César tiếp nhận với một cái nhướn mày thoáng qua. Hai người đang ngồi bên khung cửa sổ có ô kính mờ xỉn, và César đang hơi nhoài người về phía cô, chân phải vắt chéo lên chân trái, một bàn tay, trên đó lấp lánh một viên đá topaz đắt giá cần trên chiếc nhẫn vàng, hờ hững đặt lên trên chiếc đồng hồ hãng Patek Philippe ông đeo ở cổ tay bên kia. Chính tư thế quen thuộc này của ông, không hề có chút tính toán nào (mặc dù rất có thể từng một lần có lúc như vậy), đã luôn dễ dàng thu hút được những chàng trai trẻ đang bối rối tìm kiếm những cảm xúc tinh tế, những họa sĩ, nhà điêu khắc, những nghệ sĩ non nớt mới vào nghề mà César đón nhận và che chở với sự tận tụy hết lòng và bền lâu mà, phải nói là, thường kéo dài hơn nhiều so với những mối quan hệ tình cảm của ông.

“Cuộc đời rất ngắn và vẻ đẹp rất chóng tàn, công chúa thân mến ạ.” Bất cứ khi nào César lựa chọn giọng điệu tâm tình, hạ giọng xuống khẽ tới mức gần như thì thầm, những lời ông nói luôn mang chút âm hưởng buồn bã pha lẫn giễu cợt. “Và sẽ thật không phải khi muốn sở hữu nó mãi mãi. Vẻ đẹp nằm trong việc dạy một chú chim sẻ mới ra ràng tập bay, vì ẩn trong sự tự do của nó chính là việc ta thả cho nó bay đi. Cháu có nhận ra điểm tế nhị bác đang muốn nói trong câu chuyện ẩn dụ này không?”

Như cô từng công khai thừa nhận trước đây khi César, nửa tự mãn nửa thích thú, buộc tội cô gây ra một màn ghen tuông, Julia luôn cảm thấy bực bội một cách không thể lý giải nổi với tất cả những con chim sẻ mới ra ràng đang bay lượn quanh César, và chỉ sự yêu mến cô dành cho ông cũng như ý thức đầy lý trí nhắc nhở cô rằng ông cũng có quyền sống cuộc sống của riêng mình mới ngăn cô không nói ra thành lời. Như Menchu vẫn hay nói với tính cách thiếu tế nhị thường thấy của bà: “Thứ mà cô có ở đây, cô em thân mến,

là phức cảm Electra* giả dạng phức cảm Oedipus³¹, hoặc ngược lại...” những câu ví von ẩn dụ của Menchu, không giống như của César, thường có xu hướng quá rõ ràng.

Khi Julia đã thuật lại xong câu chuyện liên quan tới bức tranh, César vẫn im lặng, trầm ngâm suy nghĩ về những gì cô vừa nói. Dường như ông không có vẻ ngạc nhiên – nếu nói về mỹ thuật, nhất là ở tuổi của ông, rất ít thứ có thể khiến ông ngạc nhiên – song sự giễu cợt trong mắt ông đã nhường chỗ cho vẻ quan tâm thực sự.

“Rất hấp dẫn,” cuối cùng ông cũng lên tiếng, và ngay lập tức Julia hiểu cô có thể trông cậy vào ông. Kể từ khi cô còn là một đứa trẻ, mấy lời này luôn là sự khuyến khích dẫn bước vào những lần đồng lõa giữa hai người và những cuộc phiêu lưu lần theo dấu vết của một bí mật nào đó: kho báu của bọn hải tặc được giấu trong ngăn kéo chiếc bàn viết Isabelline – chiếc bàn mà ông đã bán cho bảo tàng Romantico ở Bồ Đào Nha – và câu chuyện ông bịa ra về một tác phẩm được cho là của họa sĩ Pháp thế kỷ 19 Ingres, bức chân dung vị phu nhân mặc bộ váy viền đăng ten, có người tình là một sĩ quan khinh kỵ tử trận ở Waterloo khi đang gọi tên bà ta giữa lúc đoàn kỵ binh xung trận. César đã nắm tay cô cùng trải qua cả trăm cuộc phiêu lưu như thế trong hàng trăm cuộc đời khác nhau, và một cách bất di bất dịch, trong mỗi câu chuyện đó những gì cô học được từ ông luôn là hãy biết trân trọng cái đẹp, đức hy sinh và sự tế nhị dịu dàng, cũng như niềm vui tinh tế và sâu sắc có được khi chiêm ngưỡng một tác phẩm nghệ thuật, từ bề mặt trong mờ của một món đồ sứ cho tới một ánh phản chiếu khiêm tốn của một tia nắng mặt trời trên bức tường được một món đồ pha lê tinh khiết tách ra thành dải phổ lộng lẫy sắc màu.

“Việc đầu tiên bác cần phải làm,” César nói, “là quan sát thật kỹ lưỡng bức tranh. Tối mai bác có thể ghé qua căn hộ của cháu, vào lúc khoảng 7 giờ 30.”

“Hay lắm,” cô nói, thận trọng đưa mắt nhìn ông. “Chỉ là rất có thể Alvaro cũng sẽ có mặt ở đó.”

Nếu César ngạc nhiên, ông cũng không nói ra lời. Ông chỉ phô ra một khuôn mặt tàn nhẫn với đôi môi bĩu lại.

“Thật vui làm sao. Lâu lắm rồi bác chưa gặp con lợn bản thiu đó, vậy nên bác sẽ rất vui nếu có cơ hội gửi tặng hẳn vài mũi phi tiêu tẩm độc, được bọc ngoài bằng dăm ba lời quanh co tinh tế, tất nhiên rồi.”

“Cháu xin bác mà, bác César.”

“Đừng lo, cô bé yêu quý, bác sẽ rất dễ mến... vì hoàn cảnh là vậy. Tay bác có thể có chút hung hãn, nhưng sẽ không có giọt máu nào rơi xuống tấm thảm Ba Tư của cháu đâu... mà chuyện đó thực tình hoàn toàn có thể giải quyết được bằng một lần cọ rửa cẩn thận.”

Cô dịu dàng nhìn ông, đưa hai bàn tay mình đặt lên hai bàn tay ông.

“Cháu yêu bác, bác César.”

“Bác biết. Cũng tự nhiên thôi mà. Hầu như ai cũng vậy.”

“Tại sao bác ghét Alvaro đến thế?”

Một câu hỏi thật ngốc nghếch, và ông dành cho cô một cái nhìn có phần chê trách.

“Bởi vì hẳn ta làm cháu đau khổ,” ông nghiêm nghị đáp. “Nếu cháu cho phép, bác sẵn sàng móc mắt hẳn ra mang cho chó ăn trên những con đường bụi bặm của thành Thebes. Tất cả đều đượm chất cổ điển, cháu có thể đóng vai dàn hợp xướng. Ngay lúc này bác cũng có thể mừng tượng ra cháu, lộng lẫy như một nữ thần, đưa đôi cánh tay trần hương lên Olympus, nơi chắc hẳn các vị thần đang ngáy vang, ngủ lịm đi vì say.”

“Cưới cháu đi, bác César. Ngay bây giờ.”

César cầm một bàn tay cô nâng lên hôn, ép chặt đôi môi của ông lên nó.

“Khi cháu lớn lên đã, công chúa.”

“Nhưng cháu lớn rồi mà.”

“Không, chưa đâu. Vẫn chưa đâu. Nhưng khi cháu đã lớn, công chúa yêu quý, bác sẽ dám nói với cháu rằng bác yêu cháu. Và rằng các vị thần, khi bọn họ tỉnh giấc, đã không tước đi của bác mọi thứ. Họ chỉ lấy mất vương quốc của bác.” Dường như ông có vẻ ngẫm nghĩ một lát trước khi nói thêm. “Mà nói cho cùng, đó cũng chỉ là một thứ vô giá trị.”

Đó là một cuộc trò chuyện rất riêng tư, đầy ắp kỷ niệm, những câu chuyện chỉ họ mới biết, nó cũng lâu năm như chính tình bạn giữa hai người. Họ ngồi trong im lặng, chỉ có tiếng kêu đều đặn vọng lại từ những chiếc đồng hồ cổ làm bạn, trong lúc chúng cần mãi đếm từng khoảnh khắc thời gian trôi qua trong khi chờ đợi ai đó tới mua chúng.

“Nói tóm lại,” César nói, “nếu bác hiểu đúng cháu, vấn đề ở đây là tìm ra câu trả lời cho một vụ án mạng.”

Julia ngạc nhiên nhìn ông.

“Thật lạ khi bác có thể nói ra điều đó.”

“Tại sao? ít nhiều thì đúng là vậy mà. Việc nó xảy ra vào thế kỷ XV chẳng làm thay đổi điều gì hết.”

“Đúng thế. Nhưng từ ‘án mạng’ làm mọi thứ trở nên nhuộm màu tăm tối.” Cô lo lắng mỉm cười với César. “Có thể tối qua cháu quá mệt mỏi để có thể nhìn nhận sự việc theo hướng đó, nhưng cho tới lúc này cháu vẫn coi toàn bộ chuyện này như một trò chơi, giống như giải mã một bức mật thư... nói theo cách nào đó, như một chuyện hoàn toàn cá nhân. Một chuyện can hệ đến niềm tự hào cá nhân.”

“Vậy giờ thì sao?”

“À, như thế đó là điều tự nhiên nhất trên đời, bác nói đến việc điều tra một vụ án mạng *thực sự*, và đột nhiên cháu hiểu ra...” Cô ngừng lời, miệng há hốc, cảm thấy như thể mình đang đứng chơi với bên bờ vực thẳm. “Bác

không thấy sao? Vào ngày 6 tháng Một năm 1469, ai đó đã sát hại Roger de Arras, hay sai người sát hại ông ta, và danh tính của kẻ sát nhân nằm ẩn trong bức họa.” Cô đứng lên trong sự phấn khích. “Chúng ta có thể tìm ra lời giải cho một bí ẩn đã tồn tại từ năm trăm năm nay. Và có lẽ sẽ tìm ra lý do tại sao một sự kiện nhỏ trong lịch sử châu Âu đã diễn ra theo hướng này mà không phải hướng khác. Thử tưởng tượng xem giá của bức *Ván cờ* có thể lên tới mức nào trong cuộc đấu giá nếu chúng ta có thể làm được điều đó!”

“Hàng triệu peseta*, cô bé của tôi ơi,” César xác nhận, với một tiếng thở dài như thể bị đẩy ra khỏi mũi ông chỉ đơn giản bởi sức nặng của sự hiển nhiên. “Rất nhiều tiền.” Ông ngẫm nghĩ về ý nghĩ ấy, lúc này đã hoàn toàn bị nó thuyết phục. “Với một chút quảng cáo khéo léo, Claymore có thể tăng giá chào bán lên gấp ba bốn lần. Bức tranh của cháu đúng là một mỏ vàng.”

“Chúng ta cần đi gặp Menchu. Ngay lập tức.”

César lắc đầu với vẻ dè dặt pha lẫn phật ý.

“Ôi không. Bất cứ việc gì trừ việc đó. Quên nó đi. Sẽ không có chuyện cháu lôi bác vào bất cứ trò ma quái nào của bà bạn Menchu quý hóa của cháu đâu. Mặc dù bác sẽ rất hạnh phúc được đứng đằng sau rào chắn, như một trợ thủ cho võ sĩ đấu bò.”

“Đừng khó khăn thế chứ. Cháu cần bác.”

“Bác hoàn toàn sẵn sàng để cháu tùy ý sử dụng, cô bé yêu quý. Nhưng đừng ép bác phải kề vai với cô ả Nefertiti* mới được sơn lại đó cùng đám trai bao luôn thay đổi xoành xoạch của bà ta, hay nếu cháu thích ăn nói một cách sành điệu, đám chuyên gia đào mỏ của bà ta. Bà bạn quý hóa của cháu khiến bác phát chứng đau nửa đầu” – ông ấn vào một bên thái dương – “ngay ở đây này. Thấy chứ?”

“Bác César...”

“Thôi được, bác chịu thua. *Vae victis**. Bác sẽ gặp Menchu.”

Cô đặt một cái hôn thật kêu lên cái má được cạo nhẵn nhụi của ông, và cùng lúc ngửi thấy mùi nhựa thơm thoang thoảng. César luôn mua nước hoa ở Paris, còn những chiếc khăn quàng ở Rome.

“Cháu yêu bác, bác César. Rất nhiều.”

“Đừng cố làm bác mềm lòng. Thử hình dung cảnh cháu cố lượn lờ quanh bác như thế xem. Và ở độ tuổi của bác nữa.”

Menchu cũng mua nước hoa ở Paris, nhưng mùi của nó có phần kém tinh tế hơn so với César. Bà xuất hiện, bước đi vội vã và không có Max bên cạnh, giữa mùi hương nước hoa Rumba của hãng Balenciaga tỏa ra phía trước bà như một đội tiền trạm, bay ngang qua phòng tiền sảnh của khách sạn Palace.

“Tôi có vài tin mới đây,” bà nói, đưa một ngón tay gõ lên mũi rồi hít vào liên tiếp mấy lần trước khi ngồi xuống. Hẳn bà vừa ghé vào phòng vệ sinh nữ, vài chấm bột trắng nhỏ vẫn còn dính ở môi trên của bà. Điều này, Julia thầm nghĩ, lý giải vì sao trông bà lại đầy vẻ hào hứng như thế.

“*Don Manuel* đang đợi chúng ta tại nhà ông ta để thảo luận về bức tranh,” bà nói.

“*Don Manuel* ư?”

“Chủ sở hữu bức tranh. Cô có bị đần không thế? Cô biết đấy, ông ta chính là quý ông bé nhỏ dễ mến mà tôi đã nói đến.”

Cả hai người đều gọi cocktail nhẹ, và Julia bắt đầu cập nhật cho bạn cô những kết quả mà cuộc tìm kiếm của cô đem lại. Menchu mở to mắt trong khi nhanh chóng tính nhẩm các khoản phần trăm trong đầu.

“Điều đó thực sự làm thay đổi nhiều thứ.” Trên tấm khăn trải bằng vải dũi phủ lên chiếc bàn thấp kê giữa hai người, bà bận rộn làm phép tính với một móng tay sơn đỏ như máu. “Khoản năm phần trăm của tôi quá ít. Vậy nên tôi sẽ đề nghị một thỏa thuận với người của Claymore: trong số mười lăm phần trăm hoa hồng tính trên giá bức tranh đạt được ở buổi đấu giá, họ sẽ được bảy

phẩy năm, và tôi được bảy phẩy năm.”

“Họ sẽ không bao giờ đồng ý. Như thế thấp hơn quá xa so với biên lợi nhuận thông thường của họ.”

Menchu bật cười. Sẽ là như thế hoặc không gì hết. Bên Sotheby và bên Christie đang chờ sẵn, và bọn họ hẳn sẽ rú lên vui sướng trước triển vọng được giành lấy vụ bức tranh của Van Huys lần này. Đây sẽ là chuyện chấp nhận hay bỏ cuộc.

“Thế còn chủ sở hữu ? Quý ông bé nhỏ của bà biết đâu lại có điều gì đó muốn nói về món tài sản của ông ta. Sẽ thế nào nếu ông ta quyết định tự mình thương thảo với Claymore? Hay với ai đó khác.”

Menchu dành cho cô một cái nhìn ranh mãnh.

“Ông ta không thể. Ông ta đã ký vào một cam kết.” Bà chỉ vào chiếc váy ngắn của mình, vốn cho phép phô bày một cách hết sức hào phóng đôi chân được lồng trong cặp tất sẫm màu. “Bên cạnh đó, như cô thấy đấy, tôi đã ăn vận sẵn sàng để xung trận. Nếu *don* Manuel bé bỏng của tôi không cản cầu, tôi sẵn sàng chấp nhận đeo mạng đi tu.” Như thế để kiểm tra thử hiệu quả, bà không ngừng gác tréo hai chân lên nhau rồi lại bỏ chân ra cho đám khách hàng nam giới của khách sạn tha hồ thưởng lãm. HÀi lòng với kết quả thu được, bà chú tâm trở lại vào ly cocktail của mình. “Còn về phần cô...”

“Tôi muốn một phẩy năm trong số bảy phẩy năm phần trăm của bà.”

Menchu kêu lên như thể bị cắt ruột. Như thế là quá nhiều tiền, bà ta thốt lên đầy phẫn nộ. Gấp ba hay bốn lần mức thù lao người ta sẵn lòng trả cho công việc phục chế. Julia để cho bà thoải mái phản đối trong lúc lấy bao thuốc lá từ trong túi ra và châm một điếu.

“Bà không hiểu rồi,” cô giải thích trong khi nhả khói ra. “Thù lao cho phần việc của tôi sẽ được lấy trực tiếp từ *don* Manuel của bà, từ mức giá bức họa đạt được trong cuộc bán đấu giá. Khoản phần trăm còn lại chỉ là phần

thêm vào chỗ thù lao này, và sẽ được tính từ phần lợi nhuận bà thu được. Nếu bức tranh bán được một trăm triệu peseta, Claymore sẽ đút túi bảy triệu rưỡi, bà được sáu triệu và tôi một triệu rưỡi.”

“Ai có thể ngờ được chứ?” Menchu nói, lắc đầu ra vẻ không thể tin nổi. “Cô dường như có vẻ là một cô gái đáng mến, với những chiếc cọ bé nhỏ và những lọ sơn dầu của cô. Vô hại biết chừng nào.”

“Thế ư, vậy thì bà biết rồi đấy. Chúa từng nói chúng ta cần tử tế với đồng loại của mình, nhưng ông ấy có nói gì về việc chúng ta nên chấp nhận để ông ấy rút xương sườn của chúng ta ra đâu.”

“Cô thực sự làm tôi choáng váng đấy. Hóa ra tôi vẫn ôm ấp một con rắn bên ngực trái của mình như Aida* vậy. Hay đó là Cleopatra* nhỉ? Tôi không thể ngờ cô lại biết về những khoản phần trăm.”

“Bà thử đặt mình vào vị trí của tôi xem. Nói cho cùng, tôi chính là người đã khám phá ra bí mật đó.” Cô đưa ngón tay lên khua khua trước mũi người bạn. “Bằng chính đôi bàn tay duyên dáng của mình.”

“Cô đang tận dụng sự mềm yếu của tôi đấy, cô nàng rắn độc bé bỏng.”

“Thôi vờ vịt than thở đi. Bà còn cứng hơn cả đá.”

Menchu trút ra một tiếng thở dài cường điệu thái quá. Vụ này sẽ giật mất miếng ăn khỏi miệng anh chàng Max của bà, nhưng bà tin chắc họ có thể đi tới một thỏa hiệp nào đó. Tình bạn dầu sao vẫn là tình bạn. Bà liếc mắt nhìn ra cửa rồi làm bộ bí mật.

“Nói đến quỷ sứ...”

“Ý bà là Max?”

“Đừng có xấu tính thế chứ. Max đâu phải là quỷ sứ, anh ta là một chàng trai ngọt ngào.” Bà đảo mắt sang bên, gợi ý Julia đưa mắt nhìn theo. “Paco Montegrifo, người của Claymore, vừa mới bước vào. Và anh ta nhìn thấy cô và tôi rồi.”

Montegrifo là giám đốc chi nhánh của Claymore tại Madrid. Anh ta ngoài bốn mươi tuổi, cao ráo, hấp dẫn, ăn mặc với vẻ lịch lãm nghiêm chỉnh của một ông hoàng Italia. Mái tóc anh ta cũng bóng mượt như chiếc cà vạt anh ta đang đeo, và khi mỉm cười, anh ta phô ra một loạt những chiếc răng đều tăm tắp, quá hoàn hảo để có thể tin là thực.

“Xin chào các quý bà. Một sự tình cờ mới hạnh phúc làm sao!”

Anh ta vẫn đứng trong khi Menchu giới thiệu hai người với nhau.

“Tôi đã từng chiêm ngưỡng một số công việc cô thực hiện,” anh ta nói với Julia khi được biết cô chính là người đang phục chế bức họa của Van Huys, “và tôi chỉ có một từ duy nhất để diễn tả chúng: hoàn hảo.”

“Cảm ơn ông.”

“Tôi tin chắc công việc phục chế bức *Ván cờ* của cô cũng sẽ có chất lượng cao như thế.” Anh ta lại phô ra hàm răng trắng bóng của mình trong một nụ cười đầy chuyên nghiệp. “Chúng tôi đang gửi gắm những hy vọng lớn lao vào bức họa này.”

“Chúng tôi cũng vậy,” Menchu nói. “Nhiều hơn những gì anh có thể nghĩ.”

Montegrifo hẳn đã nhận ra vẻ châm chọc của bà trong nhận xét đó, vì đôi mắt nâu của anh ta đột nhiên trở nên đầy cảnh giác. Anh ta không hề là một gã ngốc, Julia thầm nghĩ khi anh ta ra hiệu chỉ về phía một chiếc ghế trống. Có người đang chờ anh ta, anh ta nói, song những người này chắc chắn sẽ vui lòng đợi thêm vài phút.

“Tôi có thể ngồi chứ?”

Anh ta ra hiệu cho một người phục vụ đang lại gần rằng mình không muốn thứ gì rồi ngồi xuống đối diện với Menchu. Vẻ niềm nở thân mật của anh ta vẫn nguyên vẹn không hề suy suyển, song bên cạnh nó giờ đây có thêm chút trông đợi pha lẫn thận trọng, như thể anh ta đang căng tai ra lắng nghe để tìm

kiếm một âm hưởng bất đồng xa xôi nào đó.

“Có rắc rối gì sao?” anh ta bình thản hỏi.

Menchu lắc đầu. Không có rắc rối nào hết, không hẳn thế. Không có điều gì đáng để lo ngại. Montegrifo dường như không hề có chút lo ngại nào, chỉ đơn giản là quan tâm một cách lịch sự.

“Có lẽ,” Menchu đề xuất sau một lát cân nhắc, “chúng ta nên thương thảo lại các điều khoản trong hợp đồng giữa chúng ta.”

Tiếp theo là một quãng im lặng lúng túng. Montegrifo đang nhìn bà như thể nhìn một khách hàng không thể kiềm chế được cơn phấn khích của mình trong bầu không khí sôi sục của cuộc đấu giá.

“Thưa quý bà đáng mến, Claymore là một tổ chức nghiêm túc.”

“Tôi không hề nghi ngờ về điều đó,” Menchu cương quyết đáp. “Nhưng những nghiên cứu tiến hành trên bức tranh của Van Huys đã giúp chúng tôi khám phá ra một vài chi tiết quan trọng làm thay đổi hoàn toàn giá trị của nó.”

“Các chuyên gia đánh giá của chúng tôi không tìm thấy gì hết.”

“Nghiên cứu này được thực hiện sau khi người của các vị tiến hành kiểm tra. Những điều được khám phá...” – Menchu dường như có phần do dự, và thái độ này không hề bị bỏ qua – “không thể thấy ngay lập tức bằng mắt thường.”

Montegrifo quay sang Julia, trông có vẻ trầm ngâm. Đôi mắt anh ta lạnh như băng.

“Cô đã tìm ra cái gì vậy?” anh ta hỏi một cách lịch sự, giống như một cha xưng tội mở lời để giúp ai đó trút bỏ gánh nặng lương tâm của họ.

Julia nhìn Menchu với vẻ bối rối.

“Tôi không nghĩ tôi...”

“Chúng tôi không được phép nói,” Menchu chen vào cứu nguy cho cô. “Ít

nhất cũng không phải hôm nay. Chúng ta phải chờ chỉ dẫn từ khách hàng của tôi.”

Montegrifo trầm ngâm lắc đầu, rồi từ tốn đứng dậy với vẻ mặt uể oải của một người từng trải.

“Tôi sẽ cân nhắc xem có thể làm được gì. Tôi xin phép...” Dường như anh ta không có vẻ lo lắng. Anh ta chỉ đơn thuần thể hiện một hy vọng – mà không rời mắt khỏi Julia dù chỉ một tích tắc, cho dù những lời anh ta nói đều dành cho Menchu – rằng “những khám phá” kia sẽ không tạo ra bất cứ thay đổi nào tới bản hợp đồng hiện tại giữa họ. Sau lời chào tạm biệt rất chân tình, anh ta quay đi, len lỏi giữa những dãy bàn để tới ngòi xuống góc đối diện của căn phòng.

Menchu nhìn chăm chăm vào chiếc ly của bà, khuôn mặt hiện lên vẻ ân hận.

“Tôi đã tự đẩy mình vào thế bí rồi.”

“Ý bà là sao? Sớm muộn gì ông ta cũng tìm ra thôi mà.”

“Phải, nhưng cô không biết Paco Montegrifo đâu.” Bà quan sát người phụ trách đấu giá qua chiếc ly của mình. “Có thể cô không nghĩ thế khi ngắm nhìn anh ta, với phong thái niềm nở và khuôn mặt điển trai của anh ta, nhưng nếu anh ta biết *don* Manuel, chắc chắn anh ta đã mò tới chỗ ông lão nhanh như một tia chớp để tìm hiểu xem chuyện gì đang xảy ra, đồng thời tìm cách gạt chúng ta khỏi cuộc chơi.”

“Bà nghĩ vậy sao?”

Menchu khẽ bật cười mỉa mai. Con người Paco Montegrifo chẳng còn gì là bí mật với bà.

“Anh ta có khiếu mồm mép và là người tinh tế. Hơn nữa, anh ta không ngần ngại làm bất cứ việc gì và có thể đánh hơi thấy một vụ làm ăn hời từ cách xa năm mươi cây số.” Bà tặc lưỡi ngưỡng mộ. “Người ta còn nói anh ta

có dính dáng đến chuyện đưa các tác phẩm nghệ thuật ra nước ngoài một cách bất hợp pháp cũng như việc anh ta thực sự là một nghệ sĩ thiên tài nếu bàn tới việc hối lộ các vị tu sĩ ở vùng nông thôn.”

“Dẫu vậy đi nữa, ông ta vẫn tạo cho người ta ấn tượng tốt.”

“Đấy chính là cách anh ta kiếm sống mà.”

“Điều tôi không hiểu là, nếu anh ta sở hữu một quá khứ bất hảo như thế, tại sao bà không tìm tới một người phụ trách đấu giá khác.”

Menchu nhún vai. Đời sống riêng và những gì Paco Montegrifo từng làm chẳng có gì liên quan tới chuyện đó. Bản thân Claymore vốn đã là một tổ chức hoàn hảo.

“Bà đã từng ngủ với ông ta chưa?”

“Với Montegrifo ư?” Menchu cười phá lên. “Không đâu, cô bé thân mến. Anh ta hoàn toàn không phải kiểu người tôi thích.”

“Tôi nghĩ ông ta hấp dẫn đấy chứ.”

“Đó là do lứa tuổi của cô thôi, cô bạn của tôi ơi. Tôi thích họ mãnh liệt hơn một chút, như Max chẳng hạn, kiểu những anh chàng lúc nào cũng có vẻ như họ sắp sửa nện cho cô một trận vậy. Những anh chàng như thế ấn tượng hơn nhiều khi ở trên giường và về lâu dài cô sẽ thấy họ kinh tế hơn.”



“Tất nhiên cả hai người đều còn quá trẻ để có thể biết được thời kỳ đó.”

Họ đang ngồi uống cà phê bên một chiếc bàn tròn nhỏ mặt sơn mài kiểu Trung Quốc, bên cạnh một ban công bày đầy các chậu cây xanh rậm lá. Bản *Musical Offering* của Bach đang được chơi trên một chiếc máy quay đĩa cổ. Thịnh thoảng *don* Manuel Belmonte lại ngừng lời, như thể có vài đoạn nhạc

thu hút sự chú ý của ông. Sau khi lắng nghe một hồi, ông bắt đầu khẽ đệm theo bằng cách gõ các ngón tay lên thanh vịn bằng kim loại của chiếc xe lăn. Trán và hai bàn tay ông lấm tấm những đốm đồi mồi của tuổi già. Những đường tĩnh mạch căng phồng, xanh lét và nổi hẳn lên, chạy theo hai bên cổ tay và trên cổ ông.

“Lúc đó chắc khoảng năm 1940,” ông nói tiếp, đôi môi khô nẻ nở một nụ cười buồn bã. “Thời thế thật khó khăn, chúng tôi đã phải bán đi gần như toàn bộ các bức tranh. Tôi đặc biệt còn nhớ một bức của danh họa Muñoz Degrain và một bức khác của danh họa Murillo. Ana tội nghiệp của tôi đã không bao giờ nguôi ngoai được chuyện mất đi bức tranh của Murillo, mong Chúa giúp linh hồn bà ấy được yên nghỉ. Đó là một bức tranh vẽ Đức Mẹ Đồng Trinh khổ nhỏ rất đẹp, rất giống những bức họa trưng bày ở bảo tàng Prado.” Ông khép mắt, như thể cố gắng hình dung ra bức tranh đó từ ký ức của mình. “Một sĩ quan quân đội, người sau này trở thành mục sư, đã mua bức tranh. Tên ông ta là Garcia Pontejos, tôi nghĩ vậy. Tên vô lại đó thực sự đã lợi dụng tình thế bất lợi của chúng tôi. Ông ta đã trả cho chúng tôi một món tiền còm cõi rẻ mạt.”

“Đó chắc hẳn là một mất mát rất đau đớn.” Menchu lựa chọn một giọng nói đầy cảm thông rất hợp ngữ cảnh. Bà đang ngồi đối diện với Belmonte, dành cho ông chủ nhà góc nhìn vô cùng hào phóng để ngắm nghía đôi chân của mình. Ông già tàn phế gật đầu đầy vẻ cam chịu, một cử chỉ đã hình thành từ nhiều năm trước, một cử chỉ quen thuộc của những người chỉ học hỏi được từ những ảo tưởng của chính mình.

“Không còn cách nào khác. Thậm chí gia đình vợ tôi và tất cả bạn bè cũng đều quay lưng lại với chúng tôi sau chiến tranh, khi tôi bị sa thải khỏi vị trí nhạc trưởng của dàn nhạc giao hưởng Madrid. Vào thời kỳ đó, nếu bạn không thuộc về phe họ có nghĩa là bạn chống lại họ. Và chắc chắn tôi không thuộc

về phe họ.”

Ông dừng lại một lát, mọi sự chú ý của ông dường như đều tập trung vào tiếng nhạc đang vang lên từ góc phòng, giữa những chồng đĩa cũ, phía trên bày những bản phù điêu khắc hình dấu của các nhà soạn nhạc Schubert, Verdi, Beethoven và Mozart lồng trong những chiếc khung rất hợp nhau. Một lúc sau, ông lại nhìn Julia và Menchu với một thoáng ngạc nhiên, như thể vừa quay về từ một nơi rất xa và không trông đợi thấy hai người vẫn còn ngồi đó.

“Thế rồi tôi bị đột quy, và tình hình còn trở nên phức tạp hơn. May thay chúng tôi vẫn còn khoản thừa kế của vợ tôi, khoản thừa kế mà không ai có thể lấy được của bà ấy. Và chúng tôi đã cố gắng giữ lại được ngôi nhà này, vài món đồ đạc và hai hay ba bức tranh đẹp, trong đó có bức *Ván cờ*.” Ông già buồn bã đưa mắt nhìn lên khoảng trống trên tường, lên chiếc đỉnh đang nằm trơ trọi cũng như dấu vết của một khoảng hình chữ nhật còn lưu lại trên lớp giấy dán tường, rồi ông đưa tay lên xoa cằm, trên đó còn vài sợi râu bạc trắng đã thoát khỏi lưỡi dao cạo của ông. “Đó luôn là bức tranh yêu thích của tôi.”

“Ông được thừa kế bức tranh đó từ ai vậy?”

“Từ một chi khác của gia đình, dòng họ Moncada. Một ông bác. Moncada chính là họ thứ hai của Ana. Một trong những tổ tiên của bà ấy, Luis Moncada, là một sĩ quan hậu cần dưới quyền công tước Alejandro Farnesio xứ Parma*, vào khoảng năm 1500 thì phải... Hẳn ông ta ít nhiều cũng là một người say mê nghệ thuật.”

Julia tìm trong tập tài liệu đang nằm trên mặt bàn.

“ ‘Có được năm 1585’, trong này viết như vậy, ‘có thể ở Antwerp, vào thời gian Flanders và Brabant* đầu hàng...’ ” Ông già gật đầu, như thể từng đích thân chứng kiến sự kiện đó.

“À, phải rồi. Bức họa có thể là một trong những chiến lợi phẩm đoạt được

khi cướp phá thành phố. Binh lính thuộc trung đoàn do vị tổ tiên của vợ tôi chỉ huy không phải loại người lịch sự gõ cửa và sẵn lòng ký hóa đơn.”

Julia đang giở từng trang tài liệu.

“Trước đó không có gì nhắc tới bức tranh,” cô nhận xét. “Ông có nhớ bất cứ câu chuyện nào trong gia đình liên quan tới bức tranh không, bất cứ câu chuyện truyền miệng nào? Bất kỳ thông tin nào ông có cũng sẽ giúp ích rất nhiều cho chúng tôi.”

Belmonte lắc đầu.

“Không, tôi không biết thêm gì khác nữa. Gia đình vợ tôi luôn gọi bức tranh là *Flanders* hay *Bức tranh trên ván gỗ Farnesio*, chắc chắn để không phải nhớ tới cách họ có được nó. Nó đã xuất hiện dưới những cái tên này trong suốt hơn hai mươi năm được mang cho bảo tàng Prado mượn, cho tới khi bố vợ tôi lấy lại nó năm 1923 nhờ Primo de Rivera, một người bạn của gia đình. Bố vợ tôi luôn rất trân trọng bức tranh này của Van Huys, vì ông cũng là một người ham mê cờ vua. Đó là lý do vì sao khi bức tranh được thừa kế lại cho con gái ông, bà ấy đã không muốn bán nó đi.”

“Thế còn bây giờ?” Menchu hỏi.

Ông già im lặng một lát, nhìn chăm chăm vào tách cà phê của mình như thể không hề nghe thấy câu hỏi.

“Giờ mọi thứ đã khác,” cuối cùng ông lên tiếng. Dường như ông đang tự giễu chính mình. “Giờ tôi thực sự đã là một kẻ tàn phế già nua, điều này thì quá rõ rồi.” Ông vỗ lên đôi chân gần như vô dụng của mình. “Cô cháu Lola của tôi và chồng nó chăm lo cho tôi, vậy thì tôi cũng nên đền đáp chúng theo cách nào đó, bà không thấy thế sao?”

Menchu khẽ xin lỗi. Bà không có ý thiếu tế nhị. Đây hoàn toàn là chuyện riêng của gia đình, tất nhiên rồi.

“Không có gì phải xin lỗi cả,” Belmonte nói, đưa tay lên như thể ban sự xá

tội. “Chuyện này cũng hoàn toàn tự nhiên thôi. Bức tranh đó đáng giá rất nhiều tiền và nó chẳng có ích gì nếu cứ được treo trong ngôi nhà này. Cháu tôi và chồng nó nói chúng có thể làm nên chuyện nếu được giúp đỡ ít nhiều. Lola còn có tiền trợ cấp của bố nó, nhưng chồng cháu tôi, Alfonso...” Ông chủ nhà nhìn Menchu như thể muốn van nài bà hãy thấu hiểu. “Thế đấy, bà cũng biết nó thế nào rồi: nó chưa bao giờ làm việc gì trong đời cả. Còn về phần tôi...” Nụ cười chua chát trở lại trên môi ông. “Nếu tôi cho bà biết tôi phải trả bao nhiêu tiền thuế mỗi năm chỉ để giữ lấy ngôi nhà này và được sống trong đó, chắc bà sẽ thấy kinh hoàng.”

“Nơi này là một khu vực đẹp,” Julia nói. “Và đây là một ngôi nhà đẹp.”

“Phải, nhưng khoản lương hưu của tôi rất còm cõi. Đó là lý do khiến tôi phải bán dần đi từng kỷ vật của mình. Bức tranh sẽ giúp tôi dễ thở hơn.”

Ông già giữ nguyên vẻ trầm ngâm, chậm chạp gật đầu, dù dường như ông không chán nản lắm. Ngược lại, thậm chí có vẻ ông còn thấy tất cả chuyện này rất thú vị, như thể trong đó có những khía cạnh hài hước mà chỉ mình ông biết. Có thể ban đầu chỉ đơn giản là một trò đào mỏ tầm thường của cô cháu gái vô liêm sỉ và chồng cô ta, giờ với ông nó còn là một thử nghiệm kỳ dị về thói tham lam trong gia đình: lúc nào cũng luôn là “bác thế này và bác thế kia”, giờ chúng cháu ở đây hầu hạ bác đủ đường, và khoản lương hưu của bác chỉ vừa đủ trang trải các khoản chi phí, tốt hơn bác nên dọn tới ở với những người cùng độ tuổi như bác; thật xấu hổ, cả đồng tranh treo trên tường chẳng để làm gì cả. Giờ thì với bức họa của Van Huys làm mỗi nử, Belmonte chắc hẳn đang cảm thấy rất an tâm. Ông có thể lấy lại thể thượng phong sau bấy nhiêu năm bị sỉ nhục. Nhờ bức tranh, cuối cùng ông cũng có thể tính sổ với cô cháu gái cùng chồng cô nàng.

Julia mời ông một điếu thuốc, ông dành cho cô một nụ cười biết ơn song lại do dự.

“Thực sự tôi không nên hút,” ông nói. “Lola chỉ cho phép tôi uống một tách cà phê sữa và hút một điếu thuốc lá mỗi ngày.”

“Quên Lola đi,” Julia đáp, với sự bật phát khiến chính cô cũng phải ngạc nhiên. Menchu có vẻ bất ngờ, nhưng ông già dường như lại chẳng hề bận tâm chút nào. Ông hướng về Julia với một cái nhìn trong đó cô nghĩ có một tia tán đồng vừa lóe lên rồi lập tức tắt đi, và chìa những ngón tay gầy guộc của ông ra. Nhoài người qua bàn để châm điếu thuốc, Julia nói: “Về bức tranh... Có một điều không ngờ tới đã xảy ra.”

Ông chủ nhà khoan khoái nuốt một ngụm khói, giữ nó lại trong phổi mình lâu nhất có thể rồi khép hờ mắt lại.

“Không ngờ tới theo hướng tốt hay xấu vậy?”

“Theo hướng tốt. Chúng tôi đã khám phá ra một dòng chữ được giấu kín dưới lớp sơn. Làm nó lộ ra rất có thể sẽ làm tăng giá trị của bức tranh.” Cô ngồi lại xuống ghế, mỉm cười. “Ông là người quyết định chúng ta sẽ làm gì.”

Belmonte đưa mắt nhìn Menchu và Julia, như thể tự làm một phép so sánh nào đó, hay đang bị lôi kéo giữa hai sự trung thành đối lập nhau. Cuối cùng, dường như ông đã đi đến quyết định. Rút thêm một hơi thuốc dài nữa, ông đặt hai bàn tay lên trên đầu gối với vẻ hài lòng.

“Cô không chỉ xinh đẹp, mà rõ ràng còn rất thông minh nữa,” ông nói với Julia. “Tôi dám cược thậm chí cô còn thích Bach.”

“Tôi rất thích Bach.”

“Nào, làm ơn cho tôi biết dòng chữ đó viết gì.”

Và Julia thuật lại cho ông biết.

“Ai có thể ngờ được chứ!” Belmonte, đầy hoài nghi, vẫn còn lắc đầu sau một hồi lâu im lặng. “Bấy nhiêu năm ngắm nhìn bức tranh đó và tôi chưa bao giờ ngờ đến, dù chỉ một lần...” Ông đưa mắt nhìn khoảng trống mà bức họa của Van Huys để lại trên tường trong khoảnh khắc, đôi mắt khép hờ trong lúc

ông nở một nụ cười hài lòng. “Vậy là ông họa sĩ này thích những bí ẩn.”

“Có vẻ là thế,” Julia nói.

Belmonte chỉ vào chiếc máy quay đĩa đặt trong góc phòng.

“Ông ta không phải là người duy nhất,” ông nói. “Các tác phẩm nghệ thuật chứa đựng các câu đố và những đầu mối ẩn giấu trong đó đã từng rất phổ biến. Hãy lấy Bach làm ví dụ. Mười lăm khúc hợp thành bản *Musical Offering* của ông là tác phẩm hoàn hảo nhất mà ông sáng tác, ấy vậy mà không có bài nào trong chúng được viết ra trọn vẹn từ khởi đầu đến kết thúc. Ông đã làm vậy một cách có chủ ý, như thể tác phẩm là một chuỗi những câu đố ông đặt ra cho vua Phổ là Frederick. Đó là một phong cách đánh đố quen thuộc trong âm nhạc thời ấy. Nó bao gồm việc soạn ra một giai điệu chủ đề, kèm theo là những chỉ dẫn ít nhiều bí hiểm, rồi để một nhạc sĩ, nhạc công hay người thể hiện khác tự khám phá ra luân khúc dựa vào giai điệu chủ đề đó, vì thực ra đó là một trò giải đố.”

“Thật thú vị làm sao!” Menchu nói.

“Bà không tưởng tượng nổi nó thú vị đến mức nào đâu. Giống nhiều nghệ sĩ khác, Bach cũng là người thích đùa cợt. Ông luôn nghĩ ra những cách thức khác nhau để đánh lừa thánh giá. Ông sử dụng các mẹo vận dụng nốt nhạc và ca từ, những biến tấu tài tình, những đoạn ngẫu hứng kỳ lạ. Chẳng hạn, ở một trong những bài hợp xướng ông viết cho sáu giọng, nhà soạn nhạc đã khéo léo lồng vào tên của chính mình, được chia ra giữa hai giọng cao nhất. Và những chuyện như thế không chỉ xảy ra trong âm nhạc. Lewis Carroll, một nhà toán học và say mê môn cờ vua không kém gì văn học, từng đưa trò chơi chữ theo chữ cái đầu vào các bài thơ của ông. Có những phương thức rất thông minh để ẩn giấu những thứ người ta muốn trong các bản nhạc, bài thơ hay các bức tranh.”

“Chắc chắn rồi,” Julia nói. “Những biểu tượng và đầu mối ẩn vẫn hay xuất

hiện trong nghệ thuật. Thậm chí cả trong nghệ thuật hiện đại. Rắc rối ở chỗ không phải lúc nào chúng ta cũng có trong tay đúng chìa khóa để giải mã những thông điệp ấy, nhất là những thông điệp cổ xưa.” Lúc này đến lượt cô trầm ngâm nhìn vào khoảng trống trên tường. “Nhưng với bức *Ván cờ*, ít nhất chúng ta cũng đã có vài manh mối để tìm kiếm. Chúng ta có thể thử tìm một lời giải.”

Belmonte ngả người tựa lưng ra sau trên chiếc xe lăn của ông, đôi mắt giễu cợt nhìn chăm chăm vào Julia.

“Được thôi, hãy thông tin thường xuyên cho tôi,” ông nói. “Tôi có thể cam đoan với hai người là không gì có thể đem đến cho tôi niềm vui lớn hơn thế.”

Ba người đang chào tạm biệt trên lối đi thì cháu gái Belmonte và chồng cô ta về đến. Lola là một phụ nữ gầy trơ xương, đã vượt xa cột mốc ba mươi tuổi, với mái tóc đỏ hoe và đôi mắt nhỏ tham lam. Cánh tay phải của cô ta, lọt thỏm trong ống tay áo một chiếc áo choàng lông thú, đang cặp chặt lấy cánh tay trái của anh chồng. Anh ta có nước da ngăm, vóc người dong dỏng, trẻ hơn cô vợ một chút, bệnh hói đầu sớm được che giấu đi phần nào nhờ nước da sẫm màu. Kể cả chưa được nghe lời nhận xét của ông già đi nữa, Julia cũng dễ dàng đoán ra anh chàng này có một chỗ đứng vững chắc trong hàng ngũ những kẻ thích làm càng ít càng tốt để kiếm sống. Với hai bọng mắt hơi chảy xệ tô điểm làm tăng thêm vẻ phóng dãng, khuôn mặt anh ta phô ra một cái nhìn sừng sĩa đầy ngờ vực mà khuôn miệng to xảo quyết như của một con cáo chẳng hề lạc quẻ. Anh ta mặc một chiếc áo khoác màu xanh đính khuy vàng, không đeo cà vạt, bộ dạng không lẫn vào đâu được của một kẻ chỉ phân chia quỹ thời gian rồi chẳng mấy eo hẹp của mình giữa ngồi kê cà uống rượu khai vị ở những quầy bar đắt tiền và ghé thăm các hộp đêm thời thượng, dù rõ anh chàng cũng không xa lạ gì với các bàn chơi roulette hay các loại bài bạc.

“Cháu tôi, Lola, và chồng nó, Alfonso,” Belmonte nói, và họ trao đổi những lời chào hỏi, không chút hào hứng từ phía cô cháu, nhưng đầy vẻ quan tâm không giấu giếm từ phía Alfonso, anh này giữ bàn tay Julia có phần lâu hơn cần thiết, liếc nhìn cô từ đầu đến chân bằng con mắt của một tay chơi sành sỏi. Sau đó anh ta quay sang Menchu, gọi bà bằng tên riêng như thể hai người là chỗ quen biết lâu ngày.

“Hai quý cô đây đến vì bức tranh,” Belmonte giải thích.

Alfonso chắc lưỡi.

“Tất nhiên rồi, bức tranh. Bức tranh trứ danh của bác.”

Belmonte cập nhật cho vợ chồng cô cháu biết tình hình mới. Alfonso đứng đút hai tay vào túi quần, mỉm cười nhìn chăm chăm vào Julia.

“Nếu như thế có nghĩa là giá trị bức tranh sẽ tăng lên,” anh ta nói, “thì với tôi đây quả là một tin tuyệt vời. Cô có thể quay lại bất cứ lúc nào cô muốn nếu cô lại mang tới cho chúng tôi những điều ngạc nhiên như thế. Chúng tôi thích những điều ngạc nhiên thú vị.”

Cô cháu ông chủ nhà không lập tức chia sẻ tâm trạng hài lòng với chồng mình.

“Chúng ta cần thảo luận về việc này,” cô ta nói. “Liệu có gì đảm bảo làm thế không phải chỉ làm hỏng bức tranh mà thôi?”

“Nếu thế thì quả là không thể tha thứ,” Alfonso hòa theo. “Nhưng anh không nghĩ quý cô trẻ tuổi đây lại bất cần đến mức gây ra việc đó.”

Lola ném về phía ông chồng một cái nhìn bực bội.

“Anh đừng chõ vào việc này. Đây là chuyện làm ăn của tôi.”

“Thế thì em sai rồi, em yêu quý,” nụ cười của Alfonso càng nở rộng hơn. “Chúng ta cùng chia sẻ mọi thứ mà.”

“Tôi nói với anh rồi đấy: đừng chõ vào việc này.”

Alfonso chậm rãi quay về phía cô vợ. Khuôn mặt anh ta trở nên cứng rắn

và càng hiện rõ vẻ cáo già ranh mãnh, nụ cười của anh ta giờ có vẻ giống một lưỡi dao sắc lẹm.

Julia nghĩ có lẽ tay chơi này cũng không hẳn vô hại như ấn tượng ban đầu mà anh ta đem lại. Sẽ là không khôn ngoan nếu để xảy ra bất cứ chuyện làm ăn lừng lơ nào với một gã sở hữu nụ cười như thế.

“Đừng có ngốc thế... em yêu.”

Hai từ “em yêu” được nói ra với đủ mọi sắc thái cảm xúc, trừ sự âu yếm dịu dàng, và Lola có vẻ ý thức được điều đó rõ hơn ai khác. Họ lặng lẽ quan sát cô ta cố gồng mình che giấu sự ê chề và căm hận của mình. Menchu bước lên một bước, quyết định can thiệp vào cuộc cãi cọ.

“Chúng tôi đã trao đổi với *don Manuel* về vấn đề này,” bà thông báo. “Và ông ấy đã đồng ý.”

Hai bàn tay đặt trong lòng, ông già tàn tật đã theo dõi màn đấu khẩu từ chiếc xe lăn như một khán giả đã lựa chọn đứng ngoài nhưng luôn quan sát mọi diễn biến với vẻ hào hứng thích thú đầy ác ý.

Quả là một gia đình không giống ai! Julia thầm nghĩ.

“Đúng thế,” ông già xác nhận, không cụ thể với ai trong những người còn lại. “Tôi đã đồng ý. Về mặt nguyên tắc.”

Cô cháu gái đang vịn vịn hai bàn tay, những chiếc vòng cô ta đeo trên cổ tay va vào nhau rộn rảng. Dường như cô ta đang lâm vào trạng thái đau khổ tột độ – hoặc vậy, hoặc đang giận sôi lên. Mà cũng có thể cô ta đang rơi vào cả hai tâm trạng đó cùng một lúc.

“Bác, đây là vấn đề cần phải bàn bạc. Cháu không hề nghi ngờ thiện ý của hai quý bà đây...”

“Hai quý cô trẻ tuổi,” chồng cô ta chen vào, mỉm cười với Julia.

“Thì hai quý cô trẻ tuổi.” Lola khó khăn lắm mới thốt được nên lời, lưỡi cô ta ríu lại vì tức giận. “Nhưng đáng ra họ cũng phải hỏi ý kiến cả vợ chồng

cháu nữa.”

“Nếu nói đến phần tôi,” ông chồng lên tiếng, “hai quý cô đây nhận được sự tán đồng hoàn toàn.”

Menchu đang ngắm nghía Alfonso một cách khá lộ liễu và dường như định nói gì đó. Nhưng rồi bà chọn không lên tiếng và đưa mắt nhìn cô cháu gái ông chủ nhà.

“Cô đã nghe chồng mình nói gì rồi đấy.”

“Tôi không quan tâm. Tôi mới là người thừa kế hợp pháp.”

Belmonte đưa một bàn tay xương xẩu lên làm một cử chỉ mỉa mai, như thể xin phép được chen vào.

“Tôi vẫn còn sống đây, Lola. Cô sẽ nhận được gia tài thừa kế của cô khi thời điểm đó chính thức đến.”

“Amen,” Alfonso lẩm bẩm.

Cô cháu gái chìa cái cằm xương xẩu ra theo cách thức độc địa nhất, hướng thẳng vào Menchu, và trong một khoảnh khắc Julia đã nghĩ cô ta chuẩn bị nhảy xổ vào họ. Với bộ móng tay để dài của cô ta cùng dáng vẻ của một con chim săn mồi, quả thực có chút gì đó đầy đe dọa trong con người cô cháu gái ông chủ nhà. Julia thầm chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc đối đầu, tim đập rộn lên. Khi cô còn là một đứa trẻ, César từng dạy cô vài mẹo nhỏ khá tệ hại nhưng hữu dụng nếu cần phải hạ thủ những tên cướp biển. May thay, thái độ hung dữ của cô cháu chỉ dừng lại trên vẻ mặt cô ta, cũng như cách cô ta vùng vằng quay người, ùng ùng bỏ ra khỏi phòng.

“Các người sẽ biết tay tôi,” cô ta nói. Và tiếng nện gót giày bọc bệ của cô ta nhỏ dần trên lối đi.

Hai bàn tay vẫn để nguyên trong túi quần, Alfonso giữ nụ cười bình thản nhẹ nhàng trên khuôn mặt.

“Đừng để ý đến cô ấy,” anh ta nói, rồi quay sang Belmonte. “Phải không

nào, bác thân mến? Bác hẳn chưa bao giờ nghĩ đến, nhưng Lolita thực sự có một trái tim vàng. Cô ấy đúng là một cô gái dễ thương.”

Belmonte lơ đãng gật đầu. Rõ ràng ông chủ nhà đang bận suy nghĩ về chuyện khác. Cái nhìn của ông dường như hướng tới khoảng trống hình chữ nhật trên tường, như thể nó chứa đựng những dấu hiệu bí ẩn mà chỉ mình ông, với đôi mắt mệt mỏi của mình, có thể đọc được.



“Vậy là trước đây bà đã từng gặp Alfonso rồi,” Julia lên tiếng ngay khi hai người ra đến ngoài đường.

Menchu, lúc này đang nhìn vào khung cửa kính của một cửa hiệu, gật đầu.

“Phải, trước đây ít lâu,” bà nói, cúi người xuống để xem giá của vài đôi giày. “Ba hay bốn năm trước, tôi nghĩ vậy.”

“Giờ thì tôi hiểu cả về bức tranh rồi. Không phải ông già là người tiếp cận bà, mà là Alfonso.”

Menchu nở nụ cười ranh mãnh.

“Cô đáng được trao giải nhất về suy đoán, cô bé thân mến. Cô đoán cũng không sai đâu. Tôi và anh ta từng có với nhau thứ mà chắc cô sẽ kín đáo gọi là một ‘vụ ngoại tình’. Chuyện đó đã qua lâu lắm rồi, nhưng khi nảy sinh ra vụ bức tranh của Van Huys, anh ta vẫn còn đủ tử tế để nghĩ đến tôi.”

“Tại sao anh ta không trực tiếp đứng ra thương lượng?”

“Vì chẳng ai tin tưởng anh ta cả, kể cả *don Manuel*.” Bà bật cười. “Alfonsito Lapena, con bạc và tay chơi trứ danh, kẻ thậm chí quỵ cả tiền của những gã đánh giày. Mấy tháng trước chỉ chút nữa là anh ta đã phải vào tù. Một vụ rắc rối nào đó với những tấm séc không có khả năng thanh toán.”

“Vậy anh ta sống bằng cách nào ?”

“Dựa vào cô vợ, vào việc xoáy trộm của những người bất cần cũng như sự vô liêm sỉ hoàn toàn của anh ta.”

“Và anh ta trông đợi vào Van Huys để giúp mình thoát khỏi khó khăn?”

“Đúng thế. Anh ta đang nóng lòng được biến bức tranh thành những chồng xèng đánh bài nhỏ nhắn đặt trên nền vải ni bóng bẩy màu xanh lục.”

“Tôi thấy anh ta có vẻ là một kẻ chẳng ra gì.”

“Ồ, đúng vậy đấy. Nhưng tôi luôn yếu đuối trước những gã đòi bại, và tôi thích Alfonso.” Bà giữ nguyên vẻ trầm ngâm thêm một lát. “Mặc dù, như tôi còn nhớ, kỹ năng của anh ta chắc chắn chẳng có gì đáng gọi là đặc sắc. Anh ta... biết nói thế nào nhỉ...?” Bà ngẫm nghĩ cố tìm từ thích hợp. “Hơi thiếu trí tưởng tượng. Không thể so sánh với Max. Quá đơn điệu, cô biết đấy: kiểu đàn ông chỉ biết hùng hục cật lực, nổ bùng rồi thề thào cảm ơn quý bà. Nhưng với anh ta cô có thể cười thoải mái. Anh ta biết vài câu đùa bỡn thực sự bản thủ.”

“Vợ anh ta có biết chuyện của bà và anh ta không?”

“Tôi nghĩ cô ta có cảm thấy điều gì đó, vì rõ ràng cô nàng không phải là một ả ngốc. Đó là lý do vì sao cô ta dành cho tôi cái nhìn đó, đồ bỏ cái thói tha.”

MỘT THẾ CỜ VUA

Trò chơi cao quý này, than ôi, có những vực thẳm sâu không đáy nơi vô vàn linh hồn tinh tế và hồn hậu đã bị cuốn vào mất hút.

_ Một kiện tướng cờ vua lớn tuổi người Đức _

“Tôi nghĩ,” César nói, “ở đây chúng ta đang đối diện với một thế cờ vua.”

Họ đã thảo luận về bức họa được nửa giờ đồng hồ. César đang tựa lưng vào tường, điệu đà cầm một ly gin pha chanh bằng ngón cái và ngón trỏ, Menchu ngồi uể oải trên xô pha, còn Julia đang ngồi bệt dưới thảm trải sàn, một chiếc gạt tàn để giữa hai chân, bận rộn cắn móng tay. Cả ba người đều chăm chú nhìn vào bức tranh như thể nhìn vào một màn hình ti vi. Sắc màu trên bức tranh của Van Huys sẫm dần lại trước mắt họ khi những tia sáng cuối cùng của buổi chiều muộn biến mất khỏi bầu trời.

“Hai người có nghĩ ai đó nên bật đèn lên không?” Menchu gợi ý. “Tôi có cảm giác như thể đang dần trở nên mù lòa.”

César bật công tắc sau lưng ông, và những luồng ánh sáng gián tiếp, phản chiếu từ các bức tường, đem về sống động và các sắc màu trở lại với Roger de Arras và hai vợ chồng công tước xứ Ostenburg. Gần như cùng lúc, chiếc đồng hồ treo tường đổ tám tiếng chuông theo nhịp đu đưa của quả lắc có cần dài bằng đồng thau. Julia quay đầu lại, trông đợi tiếng bước chân vẫn chưa chịu vang lên ngoài cầu thang.

“Alvaro đến muộn rồi,” cô nói, và thấy César nhăn mặt.

“Cho dù gã phàm tục đó có đến muộn thế nào đi nữa,” ông lầm bầm, “chừng đó cũng chẳng bao giờ đủ muộn để tránh mặt bác.”

Julia dành cho ông một cái nhìn đầy trách móc.

“Bác đã hứa với cháu sẽ cứ xử đàn hoàng. Đừng quên đấy.”

“Bác sẽ không quên đâu, công chúa thân mến. Bác sẽ kìm nén cái thôi thúc muốn giết người của mình, nhưng chỉ vì tình cảm bác dành cho cháu

thôi.”

“Cháu sẽ biết ơn bác mãi mãi.”

“Bác hy vọng là thế.” Ông nhìn chiếc đồng hồ trên cổ tay như thể không tin vào chiếc đồng hồ treo tường, một món quà cũ của chính ông. “Nhưng con lợn này rõ ràng không được đúng giờ cho lắm, phải không nào?”

“Bác César.”

“Được rồi, cô bé thân mến. Bác sẽ không nói thêm lời nào nữa.”

“Không, bác cứ tiếp tục nói đi.” Julia chỉ về phía bức tranh. “Bác đang nói chuyện này có gì đó liên quan tới một thế cờ vua mà.”

César gật đầu. Ông dừng lại đầy kiêu cách như thể đang diễn kịch, nhấp một hớp rượu gin, rồi lau khô môi bằng chiếc khăn mùi soa trắng tinh vừa lấy từ túi áo ra.

“Hãy để tôi giải thích cho cả hai người,” ông đưa mắt nhìn Menchu và khẽ thở dài. “Có một chi tiết trong dòng chữ mà cho tới lúc này chúng ta chưa nhận ra, hay ít nhất là tôi chưa nhận ra. *Quis necavit equitem* quả thực có thể dịch là ‘Ai đã giết hiệp sĩ?’ Và như thế, theo những hiểu biết của chúng ta, có thể được suy đoán như một câu hỏi về cái chết hay vụ ám sát Roger de Arras. Tuy nhiên, ba từ đó còn có thể được hiểu theo cách khác.” Ông trầm ngâm đưa mắt nhìn bức tranh, thầm đánh giá mức độ đúng đắn trong lý lẽ sắp đưa ra. “Diễn dịch lại theo các khái niệm trong môn cờ vua, rất có thể câu hỏi ở đây không phải ‘Ai đã giết hiệp sĩ?’ mà là ‘Quân nào đã *đoạt mất*, hay *ăn mất*, quân hiệp sĩ?’ ”

Không ai nói gì. Cuối cùng Menchu phá vỡ sự im lặng, khuôn mặt bà hiện rõ vẻ thất vọng.

“Những kỳ vọng lớn lao của chúng ta thế là xong. Chúng ta đã dựng nên cả câu chuyện này chỉ căn cứ vào một câu hỏi vớ vẩn vô nghĩa.”

Julia, lúc này đang nhìn chăm chăm vào César, lắc đầu. “Không hề; bí ẩn

vẫn còn nguyên đó. Phải vậy không, bác César? Roger de Arras đã bị ám sát trước khi bức họa được vẽ.” Cô đứng dậy chỉ vào góc bức tranh. “Thấy không? Thời điểm bức tranh hoàn thành được ghi ở đây: *Petrus Van Huys fecit me, anno MCDLLXXI**. Hai năm sau khi Roger de Arras bị sát hại, Van Huys đã chọn cách sử dụng một trò chơi chữ khéo léo để vẽ một bức tranh trong đó cả nạn nhân và thủ phạm cùng xuất hiện.” Cô dừng lại, vì một ý tưởng nữa vừa chợt lóe lên trong đầu cô. “Và, rất có thể, cả nguyên nhân gây ra tội ác: Beatrice xứ Burgundy.”

Menchu đang lúng túng, đồng thời cũng rất phấn khích. Bà nhích người ra mép xô pha, đưa mắt nhìn bức họa Flanders như thể lần đầu tiên nhìn thấy nó.

“Tiếp tục đi. Tôi đang hồi hộp phát điên lên đây.”

“Theo những gì chúng ta biết, có thể có nhiều lý do tại sao Roger de Arras bị ám sát, và một trong số chúng là lời đồn đại về mối quan hệ lãng mạn giữa ông ta và nữ công tước Beatrice, quý bà mặc bộ đồ màu đen đang ngồi đọc sách bên cửa sổ.”

“Có phải cô đang định nói công tước đã giết ông ta vì ghen tuông không?” Julia xua tay phủ nhận.

“Tôi không định nói gì hết. Tôi chỉ đưa ra một khả năng, vậy thôi.” Cô chỉ về những chồng sách, tài liệu và ảnh để đầy trên bàn. “Có lẽ họa sĩ muốn thu hút sự chú ý tới tội ác này. Rất có khả năng đó là điều khiến ông quyết định vẽ bức tranh này, mà cũng có thể ông được đặt hàng để vẽ nó.” Cô nhún vai. “Chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết chắc chắn được, nhưng có một thứ đã rõ ràng: bức tranh chứa đựng chìa khóa để làm sáng tỏ vụ ám sát Roger de Arras. Dòng chữ ấy minh chứng cho điều đó.”

“Dòng chữ *bị giấu kín*,” César đính chính lại.

“Điều đó càng khẳng định lập luận của cháu.”

“Nếu chỉ đơn giản là họa sĩ sợ rằng ông ta đã quá lộ liễu thì sao?” Menchu hỏi. “Ngay cả vào thế kỷ 15 cô cũng không thể bỗng dưng khơi khơi buộc tội người khác như thế.”

Julia nhìn vào bức họa.

“Rất có thể Van Huys sợ rằng ông đã thể hiện mọi thứ quá rõ ràng.”

“Hoặc có thể ai đó đã vẽ đè lên dòng chữ vào một thời điểm muộn hơn,” Menchu đề xuất.

“Không. Tôi cũng đã nghĩ tới khả năng này, và ngoài việc kiểm tra bức tranh dưới đèn tử ngoại, tôi đã lấy một mẫu lát cắt dọc rất nhỏ để kiểm tra dưới kính hiển vi.” Cô cầm một tờ giấy lên. “Kết quả ở cả đây, lần lượt từng lớp một: lớp ván gỗ sồi, một lớp lót rất mỏng được làm từ canxi cacbonat và keo dính có nguồn gốc động vật, lớp phủ nền từ bột trắng chì và dầu, sau đó là ba lớp gồm trắng chì, đỏ thàn sa và màu đen từ than xương động vật, trắng chì và màu xanh lục nhựa đồng, và véc ni, cứ như thế. Tất cả đều tương thích với phần còn lại: cùng thành phần pha trộn, cùng loại màu. Chính Van Huys là người đã vẽ đè lên dòng chữ, chỉ ít lâu sau khi viết ra nó. Về chuyện này không còn gì phải nghi ngờ nữa.”

“Vậy thì sao?”

“Hãy nhớ chúng ta đang lần theo sợi dây mong manh kéo dài năm thế kỷ, về điều này tôi hoàn toàn nhất trí với César. Rất có thể chìa khóa của bí ẩn nằm trong ván cờ. Còn về việc ngoài nghĩa ‘giết’, ‘*necavit*’ hoàn toàn có thể hiểu là ‘đoạt lấy’, thì tôi chưa bao giờ tính đến khả năng này.” Cô nhìn César. “Bác nghĩ thế nào?”

César ngồi xuống đầu đối diện của chiếc xô pha, bắt chéo hai chân sau khi nhấp một hớp gin nhỏ.

“Bác cũng nghĩ như cháu, cô bé yêu quý. Bác nghĩ bằng việc hướng sự chú ý của chúng ta từ vị hiệp sĩ thật sang quân cờ hiệp sĩ, người họa sĩ đã

cung cấp cho chúng ta manh mối đầu tiên.” Ông điệu bộ uống cạn ly của mình rồi đặt nó xuống chiếc bàn nhỏ kê bên cạnh ông, những viên đá còn lại trong ly đập vào nhau kêu lách cách. “Bằng cách hỏi ai đã ăn quân hiệp sĩ, ông ta buộc chúng ta phải nghiên cứu ván cờ. Ông già Van Huys ma mãnh này, một người mà bác bắt đầu cho rằng sở hữu khiếu hài hước lạ lùng đến mức đáng ghi nhận, có vẻ đang mời chúng ta chơi cờ.”

Mắt Julia sáng lên.

“Vậy thì chúng ta chơi cờ thôi,” cô reo lên, quay về phía bức tranh. Những lời cô nói khiến César buông ra một tiếng thở dài nữa.

“Bác cũng muốn thế lắm, nhưng bác e rằng chuyện này vượt quá khả năng của bác.”

“Thôi nào, bác César, bác phải biết chơi cờ vua chứ.”

“Một phỏng đoán cực kỳ ngốc nghếch, cô bé thân mến. Cháu đã bao giờ tận mắt thấy bác chơi cờ chưa?”

“Chưa bao giờ. Nhưng ai mà chẳng biết qua loa về cách chơi.”

“Trong trường hợp này, cháu cần nhiều hơn hiểu biết chung chung mơ hồ về cách di chuyển các quân cờ. Cháu đã thử quan sát kỹ lưỡng bàn cờ trong tranh chưa? Vị trí các quân cờ rất phức tạp.” Ông ngả người ra sau với vẻ uể oải cường điệu quá mức, như thể bị kiệt sức. “Ngay cả bác cũng có những hạn chế hết sức đáng bực mình, cô bé yêu quý. Chẳng ai hoàn hảo cả.”

Đúng lúc đó có người bấm chuông cửa.

“Chắc là Alvaro,” Julia nói rồi chạy ra mở cửa.

Người bấm chuông không phải là Alvaro. Cô chủ nhà quay vào cầm theo chiếc phong bì vừa được một người mang đến đưa cho cô. Trong đó có vài bản sao chụp tài liệu và một danh sách sự kiện được đánh máy theo trình tự thời gian.

“Xem này. Có vẻ như anh ấy quyết định không đến, nhưng đã gửi cho

chúng ta thứ này.”

“Vẫn khiếm nhã như xưa,” César lẩm bẩm dè biu. “Đáng ra hẳn ta phải gọi điện đến để xin lỗi trước, đồ chuột cống thối tha.” Ông nhún vai. “Nhưng hai người biết không, tự trong lòng, tôi thực sự thấy mừng đấy. Gã thối tha này gửi gì cho chúng ta vậy?”

“Đừng xấu tính với anh ấy như thế,” Julia nói. “Phải mất rất nhiều công sức để tập hợp được những thông tin này đấy.”

Rồi cô bắt đầu đọc thành tiếng.

PIETER VAN HUYS VÀ CÁC NHÂN VẬT ĐƯỢC THỂ HIỆN TRONG BỨC TRANH VÁN CỜ.

SƠ LƯỢC VỀ CUỘC ĐỜI THEO TRÌNH TỰ THỜI GIAN

1415: Pieter Van Huys sinh ra tại Brugge, Flanders, thuộc Bỉ ngày nay.

1431: Roger de Arras ra đời ở lâu đài Bellesang, tại Ostenburg. Bố ông, Fulk de Arras, là một chư hầu của vua Pháp và có họ hàng với dòng họ Valois đang trị vì. Mẹ ông, không rõ tên, thuộc gia đình công tước xứ Ostenburg, dòng họ Altenhoffen.

1435: Burgundy và Ostenburg xóa bỏ quan hệ chư hầu với Pháp. Ferdinand Altenhoffen, công tước tương lai của Ostenburg, ra đời.

1437: Roger de Arras được nuôi nấng tại triều đình Ostenburg, là bạn cùng chơi cùng học với công tước Ferdinand tương lai. Đến năm mười bảy tuổi, ông tháp tùng bố mình, Fulk de Arras, tham gia cuộc chiến chống lại người Anh do vua Pháp Charles VII phát động.

1441: Beatrice, cháu gái công tước xứ Burgundy là Philip Nhân Từ, ra đời.

1442: Vào khoảng thời gian này Pieter Van Huys vẽ bức tranh đầu tiên của mình sau khi theo học việc anh em danh họa Van Eyck tại Brugge và danh họa Robert Campin tại Tournai*. Không tác phẩm nào ông vẽ trong khoảng thời gian kể từ thời kỳ này cho tới năm 1448 còn tồn tại.

1448: Van Huys vẽ bức *Chân dung người thợ kim hoàn Guillermo Walhuus*.

1449: Roger de Arras tạo lập danh tiếng cho mình khi chiến đấu chống lại người Anh trong cuộc chinh phục Normandy và Guyenne.

1450: Roger de Arras tham chiến trong trận Formigny.

1452: Van Huys vẽ bức *Gia đình Lucas Bremer* (Tác phẩm đẹp nhất của ông còn tồn tại).

1453: Roger de Arras tham chiến trong trận Castillon. Cùng năm này ông công bố tập *Thơ về hoa hồng và hiệp sĩ* tại Nuremberg* (Có một bản in của tập sách này tại Thư viện Quốc gia Paris).

1455: Van Huys vẽ bức *Đức Mẹ Đồng Trinh trong nhà nguyện* (Không ghi rõ thời điểm, nhưng các chuyên gia xác định là vào khoảng thời gian này).

1457: Wilhelmus Altenhoffen, công tước xứ Ostenburg, qua đời. Kế vị ông là Ferdinand, con trai công tước, lúc đó vừa bước sang tuổi hai mươi hai. Một trong những hành động đầu tiên của vị công tước mới là cho gọi Roger de Arras về bên mình. Vị hiệp sĩ có lẽ lúc đó vẫn đang lưu lại triều đình Pháp, bị ràng buộc bởi cam kết trung thành với vua Charles VII.

1457: Van Huys vẽ bức *Người đổi tiền ở Louvain*.

1458: Van Huys vẽ bức *Chân dung thương gia Matteo Conzini và vợ*.

1461: Vua Pháp Charles VII băng hà. Coi như được giải phóng khỏi lời cam kết trung thành với nhà vua Pháp, Roger de Arras quay về Ostenburg. Cũng vào khoảng thời gian đó, Pieter Van Huys hoàn toàn thành bức *Ban thờ ở Antwerp* và chuyển tới sống trong triều đình Ostenburg.

1462: Van Huys vẽ bức *Hiệp sĩ và Quý dũ*. Những bức ảnh chụp lại tranh gốc (đang Lưu giữ tại bảo tàng Rijksmuseum, Amsterdam) cho thấy nhiều khả năng người hiệp sĩ ngồi làm mẫu cho bức tranh là Roger de Arras, mặc dù sự giống nhau giữa nhân vật được thể hiện trong bức tranh đó và trong bức *Ván cờ* không đặc biệt rõ ràng.

1463: Ferdinand, công tước Ostenburg, chính thức đính hôn với Beatrice xứ Burgundy. Trong đoàn sứ giả được cử tới triều đình Burgundy có mặt Roger de Arras và Pieter Van Huys, người họa sĩ được cử đi vẽ chân dung Beatrice, việc này được ông thực hiện trong cùng năm đó. (Bức chân dung, được nhắc tới trong cuốn biên niên sử mô tả đám cưới công tước và trong một bản kê thực hiện năm 1474, không còn tồn tại đến ngày nay).

1464: Đám cưới công tước. Roger de Arras đứng đầu phái đoàn hộ tống cô dâu từ Burgundy về Ostenburg.

1467: Philip Nhân Từ qua đời; con trai ông, Charles Can Đảm, anh họ Beatrice, kế thừa công quốc Burgundy. Sức ép từ Pháp và Burgundy làm nảy sinh các âm mưu bên trong triều đình Ostenburg. Ferdinand Altenhoffen cố duy trì sự cân bằng một cách khó khăn. Phái thân Pháp ủng hộ Roger de Arras, người rất có ảnh hưởng tới công tước Ferdinand.

Phái thân Burgundy trông cậy vào ảnh hưởng của nữ công tước Beatrice.

1469: Roger de Arras bị ám sát. Một cách không chính thức, những lời buộc tội được đưa ra hướng về phía phái thân Burgundy. Ngoài ra còn có những lời đồn đại về một mối quan hệ tình cảm giữa Roger de Arras và Beatrice xứ Burgundy. Không có bằng chứng nào về việc Ferdinand, công tước Ostenburg, can dự vào vụ ám sát.

1471: Hai năm sau vụ ám sát Roger de Arras, Van Huys vẽ bức *Ván cờ*. Không rõ vào thời điểm đó họa sĩ còn sống ở Ostenburg hay không.

1474: Ferdinand Altenhoffen qua đời, không có con kế vị. Vua Pháp Louis XI tìm cách áp đặt lại những quyền trước đây của dòng họ mình lên công quốc. Việc này chỉ làm mối quan hệ giữa Pháp và Burgundy xấu đi. Charles Can Đảm tấn công vào công quốc, đánh bại người Pháp trong trận Looven. Burgundy sáp nhập Ostenburg.

1477: Charles Can Đảm tử trận trong trận Nancy, trận đánh cuối cùng trong cuộc chiến Burgundy. Hoàng đế Áo Maximilian I cướp được quyền thừa kế toàn bộ lãnh thổ Burgundy, di sản này sẽ được truyền lại cho cháu ông, Charles (Hoàng đế Charles V tương lai) và cuối cùng thuộc về triều đại Habsburg của Tây Ban Nha.

1481: Pieter Van Huys qua đời ở Ghent, trong khi đang thực hiện một bức tranh ghép bộ ba dự kiến dành cho nhà thờ Thánh Bavon, vẽ lại cảnh đưa Đức Chúa xuống khỏi cây thập tự.

1485: Beatrice xứ Burgundy qua đời trong một tu viện ở Lieges*.

Trong một hồi lâu, không ai lên tiếng nói gì. Ba người đưa mắt nhìn nhau và nhìn bức tranh. Sau khi bầu không khí im lặng kéo dài tưởng như vô tận,

César lắc đầu và khẽ nói, “Tôi phải thú nhận tôi thực sự thấy ấn tượng.”

“Tất cả chúng ta đều thấy thế,” Menchu nói thêm.

Julia đặt tập tài liệu xuống bàn và chống tay xuống đó.

“Tất nhiên Van Huys biết rất rõ Roger de Arras,” cô nói, chỉ tay vào tập tài liệu. “Có khi họ còn là bạn.”

“Và bằng cách vẽ bức tranh này, ông ta muốn tính sổ với kẻ sát nhân,” César nói. “Tất cả đều ăn khớp.”

Julia đi tới chỗ thư viện của cô, bao gồm hai bức tường bị che kín bởi những giá gỗ đang oằn xuống dưới sức nặng của những hàng sách xếp lộn xộn. Cô đứng đó một hồi, hai tay chống nạnh, trước khi chọn ra một cuốn sách dày cộp có hình minh họa, rồi hồi hải giở lướt qua các trang sách. Sau đó cô ngồi xuống giữa Menchu và César với cuốn sách, cuốn *Bảo tàng Rijksmuseum tại Amsterdam*, mở ra đặt trên hai đầu gối. Tấm hình chụp lại không được lớn lắm, song có thể thấy rõ hình một hiệp sĩ mặc áo giáp, đầu để trần, cưỡi ngựa đi qua dưới chân ngọn đồi trên đỉnh có một tòa thành. Bên cạnh người hiệp sĩ, đang chuyện trò thân mật với ông ta, là Quý dũ, cưỡi một con ngựa đen gầy gơ xương, tay phải chỉ về phía tòa thành, nơi có vẻ hai người đang hướng đến.

“Có thể là ông ta lắm,” Menchu nói trong lúc so sánh khuôn mặt vị hiệp sĩ trong ảnh minh họa của cuốn sách với kỳ thủ trong bức tranh.

“Và cũng nhiều khả năng không kém là không phải ông ta,” César nói. “Cho dù, tất nhiên, cũng có chút ít tương đồng.” Ông quay sang Julia. “Bức tranh đó được vẽ khi nào vậy?”

“1462.”

“Nghĩa là chín năm trước khi bức *Ván cờ* được vẽ. Hoàn toàn có thể lý giải được. Người ký sĩ đi cùng Quý dũ trông trẻ hơn nhiều.”

Julia không nói gì. Cô đang chăm chú xem xét tấm ảnh chụp lại trong

sách.

“Có gì không đúng sao?” César hỏi.

Julia chậm chạp lắc đầu, như thể một cử động quá đột ngột sẽ làm những linh hồn dè dặt dễ hoảng hốt bị xua đuổi và không dễ gì mời gọi lại được.

“Đúng vậy rồi,” cô nói, bằng giọng của một người không còn cách nào khác ngoài thừa nhận một điều quá hiển nhiên. “Mọi việc quá mức trùng hợp.” Và cô chỉ vào trang sách.

“Tôi không thấy gì bất thường cả,” Menchu nói.

“Không ư?” Julia mỉm cười. “Hãy nhìn chiếc khiên của vị hiệp sĩ xem. Vào thời Trung cổ, tất cả các nhà quý tộc đều trang trí mặt khiên của họ bằng biểu trưng riêng. Hãy nói cho cháu xem bác đang nghĩ gì, César. Trên chiếc khiên có vẽ gì vậy?”

César thở dài trong lúc đưa một tay lên vuốt trán. Ông cũng kinh ngạc không kém Julia.

“Những ô vuông,” ông nói ngay không do dự. “Những ô vuông trắng và đen.” Ông ngược mắt nhìn lên bức họa Flanders, và giọng nói của ông dường như run rẩy. “Giống như những ô vuông trên một bàn cờ.”

Để cuốn sách đang mở trên xô pha, Julia đứng dậy.

“Đây không phải là một trùng hợp ngẫu nhiên,” cô nói, cầm một chiếc kính lúp có độ phóng đại lớn rồi bước đến bên bức tranh. “Nếu vị hiệp sĩ Van Huys vẽ năm 1462 đi bên Quỷ dữ chính là Roger de Arras, điều đó có nghĩa là, chín năm sau, người họa sĩ đã lựa chọn biểu trưng của vị hiệp sĩ này làm đầu mối chính cho một bức tranh, trong đó chúng ta đang giả thiết rằng ông muốn thể hiện cái chết của vị hiệp sĩ, nếu lưu ý thêm đến chi tiết sàn căn phòng nơi ông thể hiện làm bối cảnh cho các nhân vật trong tranh cũng lát những ô gạch vuông đen và trắng. Chi tiết này, cũng như bản chất đậm tính biểu tượng của bức họa, cho phép khẳng định kỳ thủ ở trung tâm bức tranh

chính là Roger de Arras. Và toàn bộ cấu trúc của bức tranh thực sự xoay quanh cờ vua.”

Cô quỳ xuống trước bức tranh, đưa kính lúp lướt qua những quân cờ ở trên bàn cờ hay trên mặt bàn. Cô cũng cẩn thận kiểm tra tấm gương lồi tròn treo trên tường ở góc trên bên trái bức tranh, trong đó phản chiếu bàn cờ và hình bóng của hai kỳ thủ, tất cả đều bị biến dạng đi theo góc phối cảnh. “Bác César.”

“Có bác đây, cô bé yêu quý.”

“Có bao nhiêu quân cờ trong một bộ cờ vua?”

“À... hai lần tám, vậy là mười sáu quân cho mỗi màu, nghĩa là, nếu bác không nhầm, ba mươi hai quân tất cả.” Julia dùng một ngón tay chỉ vào từng quân cờ và đếm. “Cả ba mươi hai quân cờ đều ở đây. Chúng ta có thể thấy chúng rất rõ ràng: những quân tốt, vua, hậu và hiệp sĩ... Một số trên bàn cờ, một số ngoài mặt bàn.”

“Đó là những quân cờ đã bị ăn.” César đã quỳ xuống bên cạnh cô, lúc này ông đang chỉ tay vào quân cờ không nằm trên bàn cờ, quân cờ Ferdinand xứ Ostenburg đang cầm. “Một quân hiệp sĩ đã bị ăn; chỉ duy nhất một. Ba quân còn lại, một trắng và hai đen, vẫn còn trong cuộc. Vậy là dòng chữ *Quis necavit equitem* hẳn ám chỉ tới quân cờ này.”

“Nhưng quân cờ nào đã ăn nó?”

César cau mày.

“Đó, cô bé thân mến, chính là mấu chốt của vấn đề,” ông nói, mỉm cười đúng như ông vẫn cười khi cô còn là một cô bé con nũng nịu ngồi trên đầu gối ông. “Chúng ta đã khám phá ra khá nhiều thứ: ai đã vật lông chú gà và ai đã lược nó lên. Nhưng chúng ta vẫn chưa biết kẻ khốn kiếp nào đã chén chú gà khốn khổ.”

“Bác vẫn chưa trả lời câu hỏi của cháu.”

“Không phải lúc nào bác cũng có sẵn những câu trả lời thông thái.”

“Đã từng là như thế.”

“À phải, nhưng khi đó bác cũng có thể nói dối.” Ông nhìn cô trù mếu.
“Cháu đã lớn rồi, và giờ không còn dễ mắc lừa như xưa nữa.”

Julia đặt một bàn tay lên vai ông, như cô vẫn quen làm mười lăm năm trước khi cô đòi ông kể cho cô câu chuyện về một bức tranh hay một món đồ sứ. Trong giọng nói của cô cũng phảng phất một chút âm hưởng nài nỉ trẻ con.

“Nhưng cháu cần biết, bác César.”

“Chưa đầy hai tháng nữa là đến cuộc bán đấu giá rồi,” Menchu nói.
“Không còn nhiều thời gian đâu.”

“Quý tha ma bắt cuộc bán đấu giá đi,” Julia nói. Cô đang nhìn César như thể ông nắm trong tay lời giải đáp. César lại buông một tiếng thở dài chậm chạp nữa, đưa tay phủi qua loa tấm thảm trước khi ngồi xuống nó, hai tay bó lại quanh đầu gối. Hai hàng lông mày của ông cau lại, ông cắn đầu lưỡi như vẫn luôn làm mỗi khi tập trung suy nghĩ.

“Chúng ta đã có vài đầu mối để bắt đầu,” ông nói sau một lúc trầm ngâm nghĩ ngợi. “Nhưng có đầu mối vẫn chưa đủ; điều quan trọng là việc chúng ta sử dụng chúng như thế nào.” Ông nhìn vào tấm gương lồi trong tranh, nơi cả hai kỳ thủ và bàn cờ đều phản chiếu lên. “Chúng ta vẫn hay tin rằng bất cứ đồ vật nào và ảnh của nó trong gương cũng đều chứa đựng cùng một thực tế, nhưng không phải vậy.” Ông chỉ vào tấm gương vẽ trong tranh. “Thấy không? Chúng ta có thể nói ngay là hình ảnh đã bị đảo ngược. Ý nghĩa của ván cờ đang diễn ra trên bàn cờ cũng bị đảo ngược, và nó đã xuất hiện trong gương đúng như thế.”

“Hai người làm tôi đau đầu quá,” Menchu than vãn. “Tất cả những thứ này đều quá phức tạp với bộ óc yếu ớt của tôi. Tôi đi rót cho mình một ly đây.”

Bà rót một ly khá hào phóng thứ vodka của Julia, nhưng trước khi cầm ly lên, bà lấy từ trong túi áo ra một mảnh mã não được mài nhẵn bóng, một ống tuýp bằng bạc và một chiếc hộp nhỏ, rồi bắt đầu chuẩn bị một dải bột cocain mỏng. “Nhà thuốc mở cửa rồi đây. Có ai có hứng thú không?”

Không ai trả lời. César như đang bị bức tranh hút hồn, trở nên hoàn toàn dừng đứng với mọi thứ khác, còn Julia chỉ cau mày không chút tán thưởng. Menchu nhún vai cúi người xuống, hít mạnh hai hơi ngắn. Khi bà đứng thẳng người lên trở lại, một nụ cười đã ngự trị trên khuôn mặt, còn đôi mắt xanh của bà có vẻ sáng và lơ đãng hơn.

César nhích lại gần bức tranh của Van Huys hơn, cầm cánh tay Julia kéo cô theo, như thể khuyến cô nên lờ Menchu đi.

“Chúng ta đã rơi vào bẫy một lần,” ông nói, như thể chỉ có ông và Julia trong phòng, “khi nghĩ rằng thứ này trong bức tranh là thật, trong khi thứ khác lại không phải. Các nhân vật và bàn cờ xuất hiện trong tranh hai lần, trong đó có một lần theo một cách thức có vẻ như ít thật hơn lần kia. Cháu hiểu chứ? Chấp nhận sự thật đó buộc chúng ta phải đặt mình vào bên trong căn phòng, xóa mờ đi ranh giới giữa những gì có thật và những gì được vẽ ra. Cách duy nhất để chúng ta tránh khỏi điều đó là cần giữ đủ khoảng cách để chỉ nhìn thấy các mảng màu và các quân cờ. Nhưng có quá nhiều chi tiết bị đảo ngược giữa hai phiên bản.”

Julia nhìn vào bức tranh, rồi quay lại phía sau, chỉ tay vào tấm gương Venice treo trên bức tường phía đối diện của căn phòng.

“Không hẳn,” cô đáp. “Nếu chúng ta sử dụng một tấm gương nữa để quan sát bức tranh, nhiều khả năng chúng ta có thể tái hiện lại được hình ảnh ban đầu.”

César nhìn cô hồi lâu, im lặng cân nhắc ý kiến cô đề xuất.

“Quả đúng là thế,” cuối cùng ông lên tiếng, và sự tán đồng của ông được

thể hiện bằng một nụ cười nhẹ nhõm. “Nhưng công chúa này, bác e rằng cả những bức tranh lẫn các tấm gương đều tạo ra những thế giới chứa đựng quá nhiều điểm mâu thuẫn. Có thể sẽ rất thú vị khi đứng ngoài ngắm nhìn chúng, nhưng thâm nhập vào bên trong lại chẳng dễ chịu chút nào. Để làm được điều đó chúng ta cần đến một chuyên gia; ai đó có khả năng cảm nhận bức tranh khác hơn so với chúng ta. Và bác nghĩ bác biết cần tìm người này ở đâu.”



Sáng hôm sau, Julia gọi điện thoại cho Alvaro, nhưng không có ai trả lời. Cô cũng không gặp may khi cố gọi điện đến nhà cho anh, vậy là cô bật một đĩa nhạc của Lester Bowie lên, khởi động máy pha cà phê, đứng dưới vòi hoa sen một hồi lâu, sau đó tự thưởng cho mình vài điếu thuốc lá. Với mái tóc vẫn ướt rượt và chỉ mặc độc một chiếc áo len cũ trên người, cô vừa uống cà phê vừa bắt tay vào việc với bức tranh.

Giai đoạn đầu tiên của quá trình phục chế là lấy đi lớp véc ni ban đầu. Người họa sĩ, chắc chắn rất chú trọng để tâm đến việc bảo vệ tác phẩm của mình khỏi khí hậu ẩm thấp của mùa đông phương Bắc giá lạnh, đã dùng một lớp véc ni trơn bóng được hòa loãng trong dầu ép hạt lanh. Đây là một giải pháp đúng đắn, nhưng sau một khoảng thời gian dài đến năm trăm năm, không một ai, kể cả bậc thầy như Pieter Van Huys, có thể ngăn lớp véc ni khỏi bị ngả vàng, làm giảm đi mức độ lộng lẫy của màu sắc ban đầu.

Sau khi Julia đã thử vài loại dung môi khác nhau lên một góc bức tranh, cô chuẩn bị một hỗn hợp dung môi phù hợp và lúc này đang dồn hết tâm trí vào việc làm lỏng lớp sơn phủ bằng những miếng bông thấm dấm dung môi kẹt ở đầu một chiếc nhíp. Cô hết sức thận trọng, bắt đầu từ chỗ có lớp sơn dày

nhất, để những vùng có lớp sơn mỏng và dễ hư hỏng lại sau cùng. Cô thường xuyên dừng lại kiểm tra xem có vết màu nào xuất hiện trên miếng bông hay không để đảm bảo không làm mất đi bất cứ lớp màu nào dưới lớp véc ni. Julia làm việc miệt mài không nghỉ suốt buổi sáng, thỉnh thoảng dừng lại trong chốc lát, hơi nheo mắt ngắm nghía bức tranh để đánh giá xem công việc đã tiến triển tới đâu. Khi lớp véc ni cũ mất dần đi, bức tranh bắt đầu khôi phục lại vẻ cuốn hút đầy ma thuật của những gam màu nguyên thủy đã tạo nên nó, phần lớn vẫn còn y nguyên như những gì ban đầu bậc thầy người Flanders lớn tuổi đã pha trộn trên bảng pha màu của ông: màu đỏ hung sienna, màu lục đồng, màu trắng chì, màu xanh nước biển đậm... Với vẻ trân trọng đầy ngưỡng mộ, như thể tất cả những bí mật huyền bí nhất của nghệ thuật và cuộc sống đang được bày ra trước mắt cô, Julia quan sát bức họa kiệt tác dần dần hồi sinh dưới bàn tay mình.

Đến giữa trưa, cô gọi điện thoại cho César, hai người hẹn sẽ gặp nhau tối hôm đó. Julia tranh thủ khoảng thời gian dừng tay để làm nóng một chiếc bánh pizza trong lò. Cô pha thêm cà phê, rồi ngồi ăn trên xô pha, chăm chú ngắm nhìn những vết rạn khó lòng tránh khỏi trên bề mặt bức tranh do quá trình lão hóa cũng như việc phải tiếp xúc với ánh sáng và chịu đựng những lần khùng đỡ bằng gỗ xê dịch gây ra. Những vết rạn này đặc biệt rõ trên những chỗ thể hiện làn da con người và những mảng màu trắng chì, khó thấy hơn ở những mảng màu sẫm hay đen. Điều này đặc biệt đúng với bộ xiêm y của Beatrice xứ Burgundy, Julia có cảm giác chỉ cần lướt ngón tay lên trên bộ trang phục ấy là cảm nhận được lớp nhung mềm mại êm ái.

Thật lạ lùng, cô thầm nghĩ, những bức họa hiện đại trở nên chẳng chịt những vết rạn, thường là không bao lâu sau khi chúng được hoàn tất, những vết rạn và phòng rộp mà việc sử dụng các chất liệu hiện đại hay các phương pháp làm khô nhân tạo đã gây ra, trong khi tác phẩm của các bậc thầy xa xưa,

những người thường cẩn trọng đến mức gần như bị ám ảnh và sử dụng những kỹ thuật bảo vệ tranh rất khéo léo, luôn chống lại dấu ấn thời gian kéo dài hàng thế kỷ với sự kiêu hãnh và vẻ đẹp tuyệt vời hơn nhiều. Vào khoảnh khắc đó, Julia cảm thấy cực kỳ có cảm tình với ông lão Pieter Van Huys chu đáo, đến mức cô có thể hình dung ra ông bận bịu trong xưởng vẽ thời Trung cổ của mình, cặm cụi pha trộn bột màu, thử nghiệm với các loại dầu trong lúc tìm kiếm tông màu chính xác ông cần cho một khoảng bóng mờ, với sự khao khát thúc đẩy ông để lại dấu ấn vĩnh cửu trên tác phẩm của mình, vượt qua cả cái chết của chính ông và của những người ông họa lại trên mảnh ván gỗ sồi khiêm tốn đó.

Sau bữa trưa, cô tiếp tục việc loại bỏ lớp véc ni khỏi phần dưới của bức tranh, phần có dòng chữ bị che phủ. Cô thực hiện công việc cực kỳ thận trọng, cố hết sức để tránh làm tổn hại tới lớp màu lục đồng, thứ bột màu này được trộn lẫn với nhựa thông để tránh bị sẫm màu đi theo thời gian. Van Huys sử dụng loại màu này để vẽ tấm khăn trải bàn, cũng chính tấm khăn sau này được ông vẽ thêm vào những nếp gấp bằng cùng một thứ màu để che đi dòng chữ tiếng Latin. Julia biết rõ, bên cạnh những khó khăn về kỹ thuật thông thường, ở đây còn một rắc rối về mặt lương tâm nữa. Nếu một người muốn tôn trọng tinh thần của bức tranh, liệu có chính đáng không khi tìm cách làm lộ ra một dòng chữ mà chính họa sĩ đã quyết định che đi? Một chuyên gia phục chế sẽ được phép đi xa đến đâu trong việc làm trái với mong ước của tác giả tạo nên họa phẩm, những mong ước được thể hiện rõ ràng trên tác phẩm của ông với tất cả sự chính thống của một di nguyện cuối cùng? Và còn cả giá trị của bức tranh nữa; một khi sự tồn tại của dòng chữ được những bức ảnh chụp tia X xác nhận và thông tin ấy được công bố, liệu giá bán sẽ cao hơn khi dòng chữ được che kín hay bộc lộ ra?

Thật may, cô đi đến kết luận, cô chỉ là người làm thuê. Quyết định là của

chủ sở hữu bức tranh, cùng Menchu và tay đại diện của Claymore, Paco Montegrifo. Cô sẽ thực hiện đúng những gì bọn họ quyết định. Mặc dù, khi nghĩ về tất cả chuyện này, nếu được lựa chọn, chắc hẳn cô sẽ muốn để nguyên mọi thứ trong tình trạng hiện tại hơn. Dòng chữ thực sự tồn tại, họ biết nội dung của nó, vì thế không cần thiết phải để lộ nó ra. Nói cho cùng, lớp màu đã phủ lên trên nó suốt năm thế kỷ qua cũng là một phần của lịch sử bức tranh.

Những nốt nhạc từ chiếc kèn saxophone của Lester Bowie tràn ngập căn phòng, tách cô khỏi mọi lo toan khác. Cô nhẹ nhàng lướt miếng bông thấm ẩm dung môi trên khuôn mặt trông nghiêm của Roger de Arras, lại gần cái mũi và khuôn miệng vị hiệp sĩ, và một lần nữa cô lại đắm mình để cả tâm trí vào quan sát đôi mi mắt đang hạ xuống, những đường nét tinh tế thể hiện những nếp nhăn mờ mờ quanh đôi mắt ông trong khi ánh mắt ông đang chăm chú tập trung vào ván cờ. Cô thả lỏng cho trí tưởng tượng của mình mặc sức tự do lần theo âm hưởng những ý nghĩ của vị hiệp sĩ xấu số. Hương vị của tình yêu và cả cái chết lơ lửng bao quanh chúng, đúng như cách những bước chân của Số phận lần theo điệu vũ ba lê huyền bí của những quân cờ đen và trắng trên những ô vuông của bàn cờ, trên chính biểu trưng của ông, bị mũi tên bắn ra từ một cây nỏ đâm xuyên qua. Và trong cảnh tối sáng một giọt nước mắt ánh lên long lanh, giọt nước mắt của một người phụ nữ thoát nhìn có vẻ đang chăm chú đọc cuốn sách ghi các bài kinh cầu nguyện (hay đó chính là tập *Thơ về hoa hồng và hiệp sĩ?*), một giọt nước mắt ứa ra từ chiếc bóng lạng im bên cửa sổ, thăm hồi tưởng lại về những tháng ngày của nắng ấm và tuổi trẻ, của những bộ giáp trụ kim loại bóng loáng và những tấm thảm lông lầy, hồi tưởng lại về tiếng bước chân mạnh mẽ của người chiến binh quý phái vang lên trên những viên đá lát sàn trong cung đình Burgundy, với chiếc mũ trụ kẹp dưới cánh tay, đang ở vào độ đỉnh cao của sức mạnh và tiếng tăm,

vị sứ giả đầy kiêu hãnh mà người đàn ông khác, người bà được mỗi láis để lấy làm chồng vì lý do chính trị, cử tới. Và cả về tiếng thì thầm của các phu nhân quyền quý trong triều đình, những khuôn mặt nghiêm nghị của các triều thần, rồi khuôn mặt ửng đỏ của chính bà khi đôi mắt bình thản của ông bắt gặp đôi mắt bà, khi bà nghe thấy giọng nói của ông vang lên, giọng nói đã kinh qua biết bao trận đánh, đầy ắp sự tự tin chỉ tìm thấy ở những người hiểu rõ mình đang nói gì khi hô lớn tên Chúa, tên đức vua họ đang phụng sự hay tên quý bà họ tôn thờ khi thúc ngựa lao vào trận quyết chiến với kẻ thù. Và về cái bí mật vẫn ẩn sâu trong trái tim bà suốt những năm sau đó. Rồi cả về người bạn thầm lặng, người bạn đồng hành cuối cùng của bà, kiên nhẫn chuốt nhọn lưỡi hái của mình, đứng gần hào nước Cửa Đông chuẩn bị bắn đi mũi tên từ chiếc nỏ của y.

Các màu sắc, bức họa, căn phòng, giai điệu u ám của cây kèn saxophone tràn ngập căn phòng dường như đều đang quay cuồng xung quanh cô. Julia ngừng tay, ngồi xuống nhắm nghiền mắt lại, cảm thấy người nôn nao, cô cố hít thở thật sâu, thật đều đặn, để xua đuổi cơn hoảng loạn bất chợt vừa lướt qua tâm trí cô khi, bị rối loạn trước phối cảnh của bức họa, cô bắt đầu có cảm tưởng mình thực sự đang ở trong bức tranh. Như thế chiếc bàn và các kỳ thủ đột nhiên dịch sang bên trái cô, còn cô bị đẩy về phía trước, băng qua căn phòng được họa lại trong tranh, hướng tới khung cửa sổ nơi Beatrice xứ Burgundy đang ngồi cạnh đọc sách; như thế cô chỉ cần cúi người một chút qua khung cửa sổ là có thể nhìn thấy những gì nằm phía dưới nó, ngay dưới chân tường: con hào chảy qua Cửa Đông, nơi Roger de Arras bị một mũi tên bắn vào lưng.

Phải mất một lúc cô mới trấn tĩnh lại được, và cô cũng chỉ thực sự làm được điều đó khi quẹt một que diêm lên châm vào điếu thuốc đang ngậm trên miệng. Cô thấy thật khó giữ cho que diêm đứng yên, vì bàn tay cô đang run

lấy bẫy như thể vừa chạm phải khuôn mặt của Thần Chết.



“Đó là một câu lạc bộ cờ vua,” César nói khi họ bước lên cầu thang. “Câu lạc bộ Capablanca.”

“Capablanca?” Julia uể oải nhìn qua khung cửa đang để mở. Cô có thể nhìn thấy những chiếc bàn kê bên trong, với các kỳ thủ đang cúi người ra trước cùng đám đông khán giả quây quanh họ.

“Theo tên Jose Raul Capablanca,” César giải thích, kẹp cây gậy đi bộ của ông dưới nách trong khi bỏ mũ và tháo găng tay ra. “Nhiều người nói ông ta là kỳ thủ xuất sắc nhất từ trước đến nay. Có rất nhiều câu lạc bộ cờ vua và các cuộc thi đấu mang tên ông ta ở khắp mọi nơi trên thế giới.”

Hai người vào trong. Câu lạc bộ gồm ba căn phòng rộng, bên trong kê mười hai chiếc bàn, gần như tại mỗi bàn đều đang có một ván cờ diễn ra. Có một tiếng vo vo lạ lẫm luôn thường trực, không phải là tiếng ồn mà cũng chẳng phải thứ âm hưởng ta vẫn hay nghe thấy trong không gian im lặng, mà là một kiểu thì thầm êm ả đầy kiểm chế, đồng thời pha lẫn chút gì đó trang trọng, giống như những tiếng động ta vẫn nghe thấy khi người ta dần dần vào đông kín bên trong nhà thờ. Vài kỳ thủ và khán giả đưa mắt nhìn Julia với vẻ ngờ vực hoặc khó chịu. Câu lạc bộ chỉ dành riêng cho thành viên nam giới. Đây là một nơi sặc mùi khói thuốc lá và mùi đồ gỗ cũ.

“Không lẽ phụ nữ chưa bao giờ chơi cờ vua?” Julia hỏi. César đưa cánh tay ra mời cô trước khi hai người đi vào. “Thú thực là bác chưa bao giờ thực sự nghĩ đến điều đó,” ông nói. “Nhưng hiển nhiên là họ không chơi cờ ở đây. Có lẽ những người phụ nữ vẫn chơi cờ tại nhà, xen giữa thời gian họ dành

cho may vá thêu thùa và bếp núc.”

“Sặc mùi miệt thị của đám đàn ông!”

“Khó có thể xem đó là một nhận xét thích hợp với bác, cô bé thân mến. Dù sao thì cũng đừng khó chịu làm gì.”

Ngoài tiền sảnh, hai người được một quý ông dễ mến hay chuyện bước tới chào đón, ông ta cũng đã có tuổi với cái đầu hình vòm đã hói nhẵn và một hàng ria mép được xén tỉa cẩn thận. César giới thiệu với Julia đây là *senor** Cifuentes, giám đốc câu lạc bộ giải trí Jose Raul Capablanca.

“Chúng tôi có năm trăm thành viên đăng ký,” ông giám đốc tự hào khoe với hai vị khách trong lúc chỉ cho họ thấy những giải thưởng, chứng chỉ và những bức ảnh trang hoàng cho các bức tường. “Chúng tôi cũng tài trợ cho một giải đấu cấp quốc gia.” Ông ta dừng lại trước chiếc tủ kính trưng bày một loạt các bộ quân cờ, có vẻ cũ hơn là cổ kính. “Đẹp đấy chứ, hả? Mặc dù ở đây, tất nhiên, chúng tôi chỉ dùng các bộ quân cờ kiểu Staunton*.”

Ông giám đốc quay sang César như thể chờ đợi một lời tán thưởng từ vị khách, và đến lượt mình, vị khách lại cảm thấy có bốn phận phải thể hiện thái độ trang trọng một cách tương xứng.

“Tất nhiên rồi,” ông nói, và Cifuentes tưởng thưởng cho vị khách một nụ cười thân mật.

“Bằng gỗ, các vị biết đấy,” ông ta nói thêm. “Không có chuyện đồ nhựa ở đây.”

“Tôi hy vọng là không.”

Cifuentes quay sang Julia.

“Cô phải tận mắt chứng kiến nơi này vào một buổi chiều thứ Bảy.” Ông giám đốc đưa mắt nhìn quanh với vẻ hài lòng, tựa như gà mẹ kiểm tra lại đàn con của mình. “Hôm nay là một ngày tương đối bình thường: một số người mê chơi cờ đi làm về sớm, những người đã nghỉ hưu dành cả buổi chiều ngồi

chơi cờ. Và, hẳn cô đã nhận ra, nơi này luôn có bầu không khí rất dễ chịu. Rất...”

“Có tính khai sáng,” Julia bật ra một cách vô thức. Nhưng dường như Cifuentes lại thấy tính từ này rất hợp cảnh.

“Phải, đúng thế, khai sáng. Như các vị thấy đấy, ở đây có khá nhiều người trẻ tuổi. Cậu thanh niên ngồi đằng kia chẳng hạn, một chàng trai rất đáng chú ý. Cậu ta mới chỉ mười chín tuổi, nhưng đã kịp viết một công trình nghiên cứu dày một trăm trang chỉ riêng về bốn thế cờ của thế phòng thủ Nimzo-Ấn Độ.”

“Thật sao? Nimzo-Ấn Độ? Nghe có vẻ rất...” – Julia cố vắt óc tìm một từ phù hợp – “dứt khoát.”

“À, về dứt khoát thì tôi không rõ,” Cifuentes chân thành đáp. “Nhưng chắc chắn là rất ấn tượng.”

Julia đưa mắt cầu cứu César, nhưng ông chỉ nhướn một bên mày lên, như thể bày tỏ sự quan tâm một cách hết sức nhã nhặn tới cuộc trao đổi. Ông đang cúi người lại gần Cifuentes, hai bàn tay đặt sau lưng giữ cả cây gậy lẫn chiếc mũ, với vẻ khoái chí ra mặt.

“Mấy năm trước,” Cifuentes nói thêm, đưa ngón tay cái chỉ vào chiếc cúc cao nhất trên ngực áo gi lê của mình, “tôi đã đóng góp phần nhỏ nhoi của chính mình.”

“Thật sao?” César hỏi, Julia lập tức dành cho ông một cái nhìn đầy lo ngại.

“Đúng thế, dù ông có tin hay không,” Cifuentes đáp với vẻ khiêm tốn vờ vĩnh. “Một biến thể thứ cấp của thế phòng thủ Caro-Kann, sử dụng hai quân hiệp sĩ. Ông biết cách đấy: hiệp sĩ lên ô ba – giám mục – hậu. Nó được gọi là biến thể Cifuentes,” ông ta nói thêm, nhìn César đầy hy vọng. “Có lẽ ông đã nghe nói đến nó?”

“Tất nhiên rồi,” César trả lời đầy tự tin.

Cifuentes mỉm cười hàm ơn.

“Tôi có thể chắc chắn với hai vị rằng không hề phóng đại khi nói trong câu lạc bộ, hay cộng đồng giải trí này, như tôi vẫn ưa gọi nơi đây, các vị sẽ tìm thấy các kỳ thủ giỏi nhất Madrid, thậm chí toàn Tây Ban Nha.” Sau đó dường như ông ta nhớ ra điều gì đó. “Nhân tiện, tôi muốn báo luôn để hai người biết tôi đã tìm ra người các vị cần.” Ông ta đưa mắt nhìn quanh căn phòng, khuôn mặt sáng lên. “À, ông ấy kia rồi. Mời hai vị theo tôi.”

Họ đi theo ông giám đốc qua một căn phòng tới tận góc trong cùng.

“Quả là không dễ dàng gì,” Cifuentes nói khi họ gần tới nơi. “Tôi đã mất cả ngày nghĩ ngợi mãi. Nhưng biết sao được,” ông ta hơi quay người về phía César với một cử chỉ ra hiệu xin lỗi, “ông đã yêu cầu tôi giới thiệu kỳ thủ giỏi nhất chúng tôi có ở đây.”

Ba người dừng lại gần một bàn cờ nơi hai người đàn ông đang ngồi chơi, quanh bàn có sáu người khác theo dõi. Một trong hai kỳ thủ khẽ gõ các ngón tay lên mép bàn cờ trong lúc cúi người nhìn xuống đó với đúng vẻ tập trung nghiêm túc mà Van Huys đã thể hiện trên khuôn mặt các kỳ thủ trong tranh, Julia thầm nghĩ. Đối diện ông ta, có vẻ không bị động tác gõ ngón tay của đối thủ quấy rầy chút nào, kỳ thủ còn lại ngồi hoàn toàn bất động, hơi ngả lưng ra sau trên chiếc ghế gỗ của mình, hai bàn tay đút trong túi quần, cằm chúi xuống ngực. Không thể biết được đôi mắt của ông ta, nhìn chăm chăm xuống bàn cờ, đang tập trung vào đó hay hoàn toàn bị hút vào thứ gì khác.

Các khán giả đều im lặng đến mức kính cẩn, như thể những gì đang diễn ra trên bàn cờ là một vấn đề sinh tử. Chỉ còn lại vài quân cờ trên bàn cờ, đã xen lẫn vào nhau lộn xộn đến mức không thể, ít nhất với những người vừa mới đến, xác định được ngay người nào chơi quân trắng, người nào chơi quân đen. Sau vài phút, kỳ thủ vừa gõ ngón tay sử dụng cùng bàn tay đó di chuyển một quân giám mục trắng, đặt nó vào giữa quân vua của ông ta và một quân

tháp đen. Thực hiện xong nước đi, ông ta liếc mắt nhìn nhanh về phía đối thủ rồi quay trở lại quan sát bàn cờ trong lúc tiếp tục giai điệu gõ ngón tay nhẹ nhàng của mình.

Nước đi làm dậy lên khá nhiều tiếng xì xào trong đám khán giả. Julia bước lại gần hơn và nhận thấy kỳ thủ còn lại, không hề nhúc nhích chút nào khi đối thủ thực hiện nước đi, đang nhìn chăm chăm vào quân giám mục trắng mới chen vào. Ông ta ngồi bất động như thế một hồi, rồi với một cử chỉ chậm chạp đến mức không thể biết được quân cờ nào được ông ta lựa chọn cho tới tận khoảnh khắc cuối cùng, người kỳ thủ di chuyển một quân hiệp sĩ đen.

“Chiếu,” ông ta nói, rồi quay trở về dáng vẻ bất động trước đó của mình, hoàn toàn dừng đứng trước những lời rì rào tán thưởng xung quanh.

Mặc dù không ai nói gì, nhưng Julia hiểu ngay ông ta chính là người mà Cifuentes giới thiệu cho César. Vì vậy cô để tâm quan sát ông ta thật kỹ. Người đàn ông này hẳn mới chỉ ngoài bốn mươi tuổi, rất gầy gò, và nhiều khả năng chỉ có chiều cao trung bình. Mái tóc của ông ta được chải thẳng ra sau, không rẽ ngôi, và bắt đầu hói ở hai bên thái dương. Ông ta có đôi tai to, chiếc mũi hơi khoằm, đôi mắt sẫm màu nằm sâu trong hai hốc mắt, như thể đang nhìn thế giới đầy ngờ vực. Người đàn ông này thiếu hoàn toàn vẻ thông minh mà giờ đây Julia tin là điều cần thiết hàng đầu ở một kỳ thủ cờ vua, thay vào đó, vẻ mặt ông ta đượm vẻ thờ ơ biếng nhác, một vẻ mặt mỗi tâm căn cố để khiến ông ta dừng đứng với mọi thứ quanh mình. Julia hết sức thất vọng, thậm chí nghĩ ông ta có bộ dạng của một kẻ trông đợi rất ít từ chính mình, ngoại trừ việc thực hiện được những nước đi chính xác trên bàn cờ.

Dẫu vậy – mà cũng có thể chính vì vẻ buồn tẻ chán ngắt như được khắc sâu trên từng đường nét khuôn mặt vô hồn của ông ta – mà khi đối thủ của ông ta lui vua của mình lại một ô và rồi ông ta chậm chạp vươn bàn tay phải về phía những quân cờ còn lại, sự im lặng ngự trị trong góc phòng lại trở nên

tuyệt đối. Có lẽ vì Julia không hiểu chuyện gì đang diễn ra nên cô chợt nhận thấy đám khán giả không ưa ông ta, rằng họ không dành cho ông ta chút cảm tình nào. Cô thấy rõ trên khuôn mặt họ vẻ chấp nhận đầy ác cảm đối với sự vượt trội của ông ta trên bàn cờ, vì, với tư cách là những người say mê cờ vua, họ không thể làm gì ngoài chứng kiến những bước tiến chậm chạp, chính xác, không gì cản nổi từ các quân cờ mà ông ta đang điều khiển.

“Chiếu,” ông ta lặp lại lần nữa. Ông ta vừa thực hiện một nước đi thoát nhìn có vẻ đơn giản, chỉ là đẩy một quân tốt khiêm tốn tiến lên thêm một ô. Nhưng đối thủ của ông ta lập tức ngừng giai điệu của những ngón tay và thay vào đó, áp các ngón tay lên thái dương, như thể để làm dịu lại một cơn rần rật căng thẳng. Sau đó ông này lùi chéo vua trắng lại thêm một ô nữa. Dường như ông ta còn lại ba ô an toàn để lựa chọn, nhưng vì một lý do nào đó Julia không rõ, ông ta lại chọn đúng ô này. Một tràng rì rầm đầy ngưỡng mộ vang lên quanh ông ta dường như cho thấy nước đi là lựa chọn hợp lý, nhưng đối thủ của ông ta vẫn không phản ứng.

“Đáng ra đã có thể chiếu hết,” kỳ thủ còn lại nói, và không có chút đắc thắng nào trong giọng nói của ông ta; người kỳ thủ chỉ đơn thuần đang báo cho đối phương biết một sự thật khách quan. Nhưng cũng không có chút thương hại nào. Ông ta nói ra những lời đó trước khi thực hiện một nước đi nữa, như thể ông ta cảm thấy không cần thiết phải kèm thêm vào đó một minh họa thực tế. Và rồi, gần như miễn cưỡng, không có vẻ gì bị ảnh hưởng bởi thái độ hoài nghi hiện rõ trên khuôn mặt đối thủ cũng như không ít khán giả, ông ta thực hiện một nước đi chéo với quân giám mục qua bàn cờ, đưa nó, từ một vị trí ban đầu vốn ở khá xa, tới đặt xuống gần vua của đối thủ, nhưng không đủ gần để ngay lập tức gây ra bất cứ mối nguy nào. Giữa những tiếng rì rầm bình luận râm ran quanh bàn cờ, Julia nhìn xuống ván cờ, ít nhiều cảm thấy bối rối. Cô không biết nhiều lắm về cờ vua, song đủ để hiểu

chiếu hết là một tình huống đe dọa trực tiếp đến vua. Mà ở đây vua trắng có vẻ vẫn an toàn. Hy vọng tìm được lời giải thích, cô đưa mắt nhìn, đầu tiên là César, rồi sau đó đến Cifuentes. Ông này vừa mỉm cười hiền hậu vừa lắc đầu đầy thán phục.

“Quả thực, đáng ra ông ấy đã có thể chiếu hết ở ô số ba,” ông ta nói với Julia. “Cho dù ông ấy có làm gì đi nữa, vua trắng cũng không còn đường thoát.”

“Vậy thì tôi không hiểu,” Julia nói. “Chuyện gì đã xảy ra vậy?”

Cifuentes bật cười.

“Quân giám mục đen đó đáng ra chính là quân cờ ra đòn quyết định, mặc dù cho tới tận khi ông ấy di chuyển nó, không ai trong chúng ta nhìn ra được nước đi này. Tuy nhiên, điều vừa xảy ra là quý ông của chúng ta, mặc dù biết rõ cần đi nước cờ nào, đã chọn không thực hiện nó nữa. Ông ấy di chuyển quân giám mục để cho chúng ta thấy chuyện gì đáng lẽ đã xảy ra với nước đi đúng, nhưng ông ấy lại cố tình đặt quân cờ xuống sai ô, và như thế làm nó trở nên hoàn toàn vô hại.”

“Tôi vẫn không hiểu,” Julia nói. “Chẳng lẽ ông ấy không muốn thắng ván cờ sao?”

“Đó chính là điều kỳ lạ. Ông ấy đã tới đây chơi cờ được năm năm nay, và là kỳ thủ xuất sắc nhất tôi từng biết, nhưng tôi chưa từng chứng kiến ông ấy thắng dù chỉ một lần.”

Lúc đó, người kỳ thủ lạ lùng ngược mắt lên, đôi mắt ông ta bắt gặp cái nhìn của Julia. Toàn bộ dáng vẻ đỉnh đạc, thái độ đầy tự tin ông ta thể hiện trong ván cờ dường như đã biến mất. Như thế, một khi ván cờ kết thúc và ông ta lại trở về với thế giới quanh mình, người kỳ thủ chợt nhận ra ông ta đã bị lấy mất những năng khiếu luôn khiến mình nhận được từ người khác cả sự ngưỡng mộ lẫn ghen tị. Chỉ lúc đó Julia mới nhận ra chiếc nơ rẻ tiền ông ta

đeo, chiếc áo vest màu nâu có lưng áo nhẵn nhúm và hai khuỷu tay rộng lòng thùng, chiếc cằm lờm chớm mới cạo vệt vàng lúc năm hay sáu giờ sáng trước khi hối hả bắt tàu điện ngầm hay xe buýt để đi làm. Ngay cả ánh sáng trong đôi mắt ông ta cũng tắt ngấm, chỉ còn lại vẻ tối sẫm, mờ đục.

Cifuentes nói: “Tôi xin phép giới thiệu *senor* Muñoz, kỳ thủ cờ vua.”

KỠ THỦ THỨ BA

“Vậ đấ, Watson,” Holmes tặ lười nói tiế, “không phải rất thú vị khi có những lúc hóa ra để biết đượ quá khứ, người ta trước hết cần biết rõ tương lai sao?”

_ Nhà toán học Raymond Smullyan _

“Đây là một ván cờ thực thụ,” Muñoz nói. “Hơi kỳ lạ, nhưng hoàn toàn hợp lý. Quân đen là bên đi nước cuối cùng.”

“Ông chắc chứ?” Julia hỏi.

“Phải, tôi chắc.”

“Làm thế nào ông biết được?”

“Chỉ là tôi biết, vậy thôi.”

Họ đang ở trong căn phòng của Julia, trước bức tranh được chiếu sáng bằng mọi nguồn sáng có trong phòng. César ngồi trên xô pha, Julia ngồi lên mép bàn, còn Muñoz đang đứng trước bức tranh của Van Huys, trầm ngâm suy nghĩ. “Ông muốn uống chút gì không?”

“Không.”

“Một điếu thuốc nhé?”

“Không. Tôi không hút thuốc.”

Có chút gì đó lúng túng giữa những người đang có mặt ở đây. Muñoz xem chừng có vẻ không được thoải mái. Ông ta đang mặc một chiếc áo mưa nhàu nhĩ, để nguyên khuy áo cài kín từ trên xuống dưới, như thể dành cho mình quyền ra về bất cứ lúc nào mà không cần một lời giải thích. Người kỳ thủ vẫn giữ nguyên thái độ ngại ngùng, dè chừng. Thuyết phục được ông ta đến đây đã không hề dễ dàng. Khi César và Julia đưa ra đề nghị dành cho người kỳ thủ, vẻ mặt Muñoz thể hiện thái độ rõ ràng đến mức không cần đưa ra thêm lời bình phẩm nào nữa; ông ta coi họ như hai kẻ mất trí bệnh hoạn. Sau đó, thái độ của ông ta chuyển sang ngờ vực, thủ thế. Hai người họ cần thứ lỗi cho ông ta nếu ông ta có vẻ khiếm nhã, song toàn bộ câu chuyện về vụ án mạng

từ thời Trung cổ và một ván cờ được họa lại trong tranh chỉ đơn giản là quá sức kỳ lạ.

Và ngay cả khi những gì họ nói với ông ta là đúng sự thật, người kỳ thủ cũng không thực sự hiểu chuyện đó có liên quan gì tới ông ta. Nói cho cùng, ông ta không ngớt lặp đi lặp lại, như thể bằng cách đó ông ta có thể tạo ra sự phân biệt cần thiết về mặt xã hội, ông ta chỉ đơn thuần là một nhân viên kế toán, một người làm việc văn phòng.

“Nhưng ông chơi cờ,” César đã nói vậy kèm theo nụ cười hấp dẫn nhất của ông. Ba người đã cùng nhau đi qua đường vào một quán bar và lúc đó đang ngồi cạnh chiếc máy đánh bạc bằng xèng cứ thỉnh thoảng lại khiến họ điếc tai với tiếng kêu leng keng đơn điệu được bày ra đó để cài bẫy những kẻ bất cẩn.

“Vậy thì sao?” Câu trả lời không có vẻ gì thách thức, chỉ đơn giản là sự dừng dừng. “Có rất nhiều người cũng chơi cờ. Và tôi không thấy tại sao tôi...”

“Người ta nói ông là người giỏi nhất.”

Muñoz dành cho César một cái nhìn mơ hồ. Julia thầm đoán nghĩa của nó: Có thể đúng là vậy, nhưng điều đó chẳng dính dáng gì tới chuyện này. Là người giỏi nhất chẳng có nghĩa gì cả. Người ta có thể là người giỏi nhất, cũng như ai đó có thể tóc vàng hay có bàn chân bẹt gí, mà không buộc phải chứng tỏ điều đó với cả bàn dân thiên hạ.

“Nếu đúng là vậy,” người kỳ thủ đáp sau một thoáng im lặng. “Tôi đã đi dự các giải đấu hay các cuộc thi rồi. Nhưng tôi đâu có làm thế.”

“Tại sao?”

Muñoz nhìn chăm chăm vào tách cà phê đã cạn sạch của mình rồi nhún vai.

“Vì tôi không làm thế thôi. Cô cần phải có ham muốn làm những việc kiểu

đó. Ý tôi là, cô cần phải có ham muốn thắng cuộc...” Ông ta nhìn hai người như thể chưa chắc liệu họ có hiểu những điều ông ta nói hay không. “Và tôi không bận tâm đến việc mình có thắng hay không.”

“Vậy ông là một nhà lý thuyết,” César nhận xét, với giọng nghiêm túc mà trong đó Julia nhận ra ẩn chứa cả sự mỉa mai.

Muñoz tiếp tục trầm ngâm nhìn hai người, như thể đang cố tìm ra một câu trả lời phù hợp.

“Có lẽ vậy,” cuối cùng ông ta lên tiếng. “Đó là lý do vì sao tôi không nghĩ tôi sẽ có ích nhiều cho hai người.”

Ông ta định đứng dậy, nhưng bị Julia đưa tay ra, đặt bàn tay cô lên vai ông ta để ngăn lại. Lần tiếp xúc chỉ diễn ra trong khoảnh khắc ngắn ngủi, nhưng đủ để truyền đạt sự khẩn thiết đầy lo lắng. Sau đó, khi chỉ còn hai người với nhau, César nhướn một bên mày lên mô tả cử chỉ đó của cô là “nữ tính đến cực độ, cô bé yêu quý; cô thiếu nữ cầu xin sự giúp đỡ, cho dù không hề thổi phồng tình thế của mình lên, và đảm bảo chắc chắn chú chim sẽ không vỗ cánh bay đi mất.” Bản thân ông cũng không thể làm tốt hơn thế; ngoại trừ việc ông sẽ phải cất lên một tiếng kêu khê thảng thốt hoàn toàn không thích hợp với hoàn cảnh lúc đó. Muñoz nhanh chóng đưa mắt nhìn theo đôi bàn tay Julia, lúc này đã đang rút lại, rồi dừng lại nhìn vào đôi bàn tay ông ta, với những móng tay không lấy gì làm sạch sẽ, đang lặng lẽ nằm yên hai bên tách cà phê của mình.

“Chúng tôi cần ông giúp,” Julia hạ giọng nói. “Việc này thực sự quan trọng, tôi có thể cam đoan với ông như vậy, quan trọng với tôi và công việc của tôi.”

Muñoz nghiêng đầu sang một bên, đưa mắt nhìn cô, hay đúng hơn là nhìn vào cằm cô, như thể ông ta sợ nhìn thẳng vào đôi mắt cô sẽ làm hình thành nên giữa họ một cam kết mà ông ta chưa sẵn sàng để thực hiện.

“Tôi thực sự không cho rằng việc đó khiến tôi quan tâm,” cuối cùng ông ta lên tiếng.

Julia cúi người qua bàn.

“Hãy nghĩ về nó như một ván cờ khác hẳn với bất cứ ván cờ nào ông từng chơi. Một ván cờ mà, lần này, sẽ đáng để thắng.”

César đã trở nên nóng ruột.

“Ông bạn thân mến, tôi phải thừa nhận,” ông nói, tâm trạng bức bối hiện rõ qua cách ông không ngừng mân mê chiếc nhẫn mặt đá topaz đeo trên bàn tay phải, “rằng tôi thấy sự lãnh đạm của ông thực không sao hiểu nổi. Vậy tại sao ông lại bận tâm chơi cờ mà làm gì?”

Muñoz nghĩ ngợi một hồi. Sau đó ông ta nhìn thẳng vào mắt César.

“Có lẽ,” ông ta bình thản nói, “vì cùng lý do khiến ông là người đồng tính.”

Như thể có một luồng gió lạnh buốt vừa thổi qua chỗ họ. Julia hồi hải cầm một liều thuốc, phát hoảng trước câu nhận xét thiếu tế nhị vừa được Muñoz nói ra nhưng không hề cao giọng cũng như không hề có chút dụng ý gây hấn nào. Ngược lại, ông ta đang nhìn César với thái độ quan tâm lịch sự, như thể, giống như trong một cuộc đối thoại hoàn toàn bình thường, ông ta đang chờ đợi câu trả lời từ một người đối thoại đáng trân trọng. Trong cái nhìn đó hoàn toàn không có sự ác ý, Julia thầm nghĩ, thậm chí còn có phần ngây thơ, giống như một vị khách du lịch, xuất phát từ sự lạ lẫm thiếu kiến thức của một người ngoại quốc, đã vô tình làm điều gì đó động chạm tới phong tục sở tại.

César chỉ hơi cúi người về phía Muñoz với cái nhìn đầy quan tâm trên khuôn mặt và một nụ cười thú vị trên đôi môi mỏng nhợt nhạt của ông.

“Ông bạn thân mến,” ông dịu giọng nói, “từ giọng nói và vẻ mặt của ông, tôi có thể suy ra ông không có gì bất bình với điều mà người đây tỏ khiêm nhường đây của ông có thể đại diện, mà cũng có thể không. Cũng giống như,

tôi hình dung, ông không có gì khó chịu với một quân vua trắng hay người kỳ thủ ông vừa đấu cùng lúc này tại câu lạc bộ. Đúng vậy không?”

“Ít nhiều.”

César quay sang Julia.

“Cháu thấy chứ, công chúa? Tất cả đều ổn; không có gì đáng để lo lắng cả. Quý ông đáng mến đây chỉ muốn giải thích rằng ông ấy chơi cờ vì trò chơi này chính là một phần bản chất con người ông ấy.” Nụ cười của César càng tươi tắn, dễ mến hơn. “Một điều gì đó gắn bó sâu sắc với những thách thức, những tổ hợp, những ảo tưởng. Một nước chiếu hết tầm thường có là gì ngoài tất cả những điều đó?” Ông ngồi lại xuống ghế, đưa mắt nhìn Muñoz, ông này vẫn tiếp tục lặng lẽ quan sát ông. “Bác xin nói luôn với cháu: Chẳng là gì hết.” Ông giơ hai bàn tay lên cao hết mức, như thể mời gọi Julia và Muñoz kiểm chứng sự đúng đắn trong những lời ông nói. “Đúng vậy không, ông bạn thân mến của tôi? Chỉ là một dấu chấm hết đáng thất vọng, một sự ép buộc trở lại với thực tế.” Ông nhăn mũi. “Với thực tế, với nhịp điệu nhàm chán của cuộc sống thường ngày.”

Muñoz vẫn tiếp tục im lặng một hồi lâu.

“Thật buồn cười,” cuối cùng ông ta lên tiếng, ngược mắt lên trong khi cố thể hiện một nụ cười chưa bao giờ thực sự định hình được trên môi, “nhưng tôi cho rằng đúng là thế. Chỉ đơn giản là trước đây tôi chưa từng nghe thấy ai nói điều đó thành lời.”

“Vậy thì tôi rất vui được làm người dẫn dắt ông tới vấn đề này,” César đáp, không phải không có chút ma mãnh, kèm theo một tiếng cười khẽ khiến ông nhận được một cái nhìn đầy trách móc từ Julia.

Muñoz có vẻ ít nhiều bối rối.

“Ông cũng chơi cờ sao?”

César bật cười. Hôm nay thái độ đóng kịch của ông quả thực khó mà chịu

đứng nổi, Julia nghĩ, như ông vẫn luôn như thế mỗi khi kiếm được khán giả phù hợp.

“Như mọi người khác, tôi biết di chuyển các quân cờ ra sao. Nhưng nếu nhìn nhận ở góc độ một trò chơi, tôi không thực sự đam mê cho lắm.” Ông đột nhiên dành cho Muñoz một cái nhìn nghiêm túc. “Thứ mà tôi quen chơi, ông bạn đáng kính ạ, và cũng là một thứ không nhỏ nhặt gì, là việc làm thế nào để thoát khỏi những cú chiếu hết vẫn diễn ra hằng ngày của cuộc sống.” Ông đưa bàn tay kiểu cách ra dấu về phía cả hai người. “Và giống như ông, như bất kỳ ai, tôi cũng có những cách riêng của mình để vượt qua chúng.”

Vẫn chưa hết bối rối, Muñoz đưa mắt nhìn về phía cửa ra vào. Điều kiện ánh sáng ở quầy bar làm ông ta trông thật mệt mỏi và càng tô đậm thêm những quầng thâm dưới hai mắt ông ta, làm đôi mắt như càng trũng sâu thêm. Với đôi tai to nhô ra ngay bên trên cổ chiếc áo mưa ông ta đang mặc, chiếc mũi to cùng khuôn mặt hốc hác, trông người kỳ thủ có dáng vẻ của một con chó gầy guộc, lóng ngóng vụng về.

“Được thôi,” ông ta nói. “Chúng ta hãy cùng đi xem bức tranh.”

Và giờ họ có mặt tại đây, chờ đợi lời phán quyết của Muñoz. Về không thoải mái ban đầu của ông ta khi có mặt ở một nơi xa lạ, bên cạnh sự hiện diện của một phụ nữ trẻ xinh đẹp, một ông chủ hiệu đồ cổ có nhiều thiên hướng không thể đoán trước được và một bức tranh có nội dung bí hiểm dường như biến mất ngay lập tức khi ván cờ diễn ra trong tranh thu hút sự chú ý của ông ta. Trong vài phút đầu tiên, người kỳ thủ lặng lẽ nghiên cứu ván cờ mà không nói một lời, ông ta đứng gần như bất động, hai bàn tay chấp sau lưng, giống hệt, Julia thầm nghĩ, như bộ dạng của những khán giả tại câu lạc bộ Capablanca khi họ theo dõi những ván cờ do người khác chơi diễn ra. Và, tất nhiên, đây chính xác là điều ông ta đang làm. Sau một hồi lâu, suốt quãng thời gian đó không ai nói một lời, ông ta hỏi xin giấy và bút chì, và sau

một thoáng suy nghĩ ngắn nữa, ông ta cúi người xuống bàn để vẽ lại ván cờ, chốc chốc lại ngẩng lên để kiểm tra vị trí các quân cờ.

“Bức tranh được vẽ vào thế kỷ bao nhiêu?” ông ta hỏi. Vị khách đang vẽ một hình vuông, trên đó ông ta vạch một mạng lưới những đường kẻ ngang và dọc chia nó thành sáu mươi tư ô vuông nhỏ hơn.

“Cuối thế kỷ 15,” Julia nói.

Muñoz cau mày.

“Biết được thời gian là điều rất quan trọng. Vào thời kỳ đó, các quy tắc của cờ vua đã gần giống như hiện tại. Nhưng cho tới thời điểm đó, một số quân cờ có thể đi theo những cách rất khác. Như quân hậu chẳng hạn, từng có lúc chỉ có thể đi chéo một ô, rồi sau đó, vào một thời kỳ muộn hơn, nhảy cóc qua ba ô. Và nước nhập thành* mãi tới thời Trung cổ mới xuất hiện.” Ông ta ngừng vẽ một lát để nhìn cận cảnh hơn bức tranh. “Nếu người vẽ nên ván cờ này sử dụng các quy tắc hiện đại, nhiều khả năng chúng ta có thể tìm ra lời giải. Nếu không, việc đó sẽ rất khó.”

“Bức tranh được vẽ ở vùng nước Bỉ ngày nay,” César nói, “vào khoảng năm 1470.”

“Vậy thì tôi nghĩ sẽ không có rắc rối nào hết. Không có điều gì là không thể giải đáp, dù ở mức độ nào đi nữa.”

Julia đứng dậy khỏi bàn, tới bên bức tranh để quan sát vị trí các quân cờ được vẽ trong đó.

“Làm sao ông biết quân đen vừa đi?”

“Điều đó hoàn toàn hiển nhiên. Cô chỉ cần nhìn vào vị trí các quân cờ. Hay vào các kỳ thủ.” Muñoz chỉ vào Ferdinand xứ Ostenburg. “Người bên trái, cũng là người chơi quân đen và ngoảnh mặt về phía họa sĩ, hay về phía chúng ta, trông thư thái hơn, thậm chí có phần lơ đãng, như thể ông ta đang để tâm vào những người theo dõi ván cờ hơn là vào cục diện trên bàn cờ.”

Ông ta chỉ sang Roger de Arras. “Tuy nhiên, kỳ thủ kia lại đang chăm chú nghiên cứu nước đi mà đối thủ của ông ta vừa thực hiện. Chẳng lẽ cô không thấy vẻ tập trung trên khuôn mặt ông ta sao?” Muñoz quay lại bức phác họa của mình. “Có một cách khác để kiểm tra việc này; trên thực tế, đó là phương pháp ta sẽ sử dụng. Nó được gọi là phân tích hồi cứu.”

“Phân tích gì cơ?”

“Hồi cứu. Theo phương pháp này, chúng ta sẽ chọn một tình thế cụ thể nào đó trên bàn cờ làm điểm xuất phát của mình, sau đó tái hiện lại diễn biến trước đó của ván cờ để tìm hiểu xem bằng cách nào ván cờ đi tới tình thế đó. Một kiểu chơi cờ theo trình tự ngược lại, hai người có thể hiểu như vậy. Tất cả đều được thực hiện bằng quy nạp. Chúng ta bắt đầu bằng kết quả cuối cùng và lần ngược trở lại tới nguyên do.”

“Giống như Sherlock Holmes vậy,” César nhận xét, không hề giấu sự quan tâm.

“Kiểu như vậy.”

Julia quay lại nhìn Muñoz, thực sự ngưỡng mộ. Cho tới lúc này, với cô cờ vua chỉ đơn thuần là một trò chơi, một trò chơi với các quy tắc ít nhiều phức tạp hơn cờ cá ngựa hay Domino, đồng thời cũng đòi hỏi sự tập trung và mức độ trí tuệ cao hơn. Nhưng từ cách Muñoz phản ứng sau khi quan sát bức tranh của Van Huys, rõ ràng các tầng mặt phẳng được thể hiện trong tranh: tấm gương, căn phòng, cửa sổ – từ hậu cảnh cho đến khoảnh khắc được Van Huys ghi lại trong tác phẩm của ông, một không gian trong đó chính cô từng trải qua những cảm giác quay cuồng chóng mặt vì các ảo ảnh quang học do bàn tay bậc thầy của người họa sĩ tạo ra – không đặt ra bất cứ khó khăn nào cho Muñoz, người hầu như không biết gì về bức tranh, và khó có thể biết được chút gì về những hàm ý rộng hơn ẩn chứa trong đó. Với ông ta, bức họa là một không gian thật thân thuộc, vượt ra ngoài thời gian và con người cụ

thể. Một không gian trong đó ông ta có vẻ hòa nhập vào một cách dễ dàng, như thể bằng cách bỏ qua mọi thứ khác, ông ta có thể lập tức hiểu được vị trí các quân cờ và hòa mình vào ván cờ. Càng tập trung vào bức *Ván cờ*, ông ta càng được giải thoát khỏi dáng bộ lúng túng, dè dặt và ngượng ngập từng thể hiện trong quán bar, và trở lại là người kỳ thủ đầy tự tin và bình thản cô từng nghĩ là con người thật của ông ta khi cô thấy ông ta ở câu lạc bộ Capablanca. Như thể người đàn ông e dè, ừ ê, luôn do dự này chỉ cần sự hiện diện của một bàn cờ để lấy lại sự tự tin và quyết đoán của mình.

“Ý ông là có thể lần ngược lại ván cờ được thể hiện trong tranh, tới tận điểm khởi đầu?”

Muñoz phác một cử chỉ thể hiện ông ta không hứa chắc điều gì.

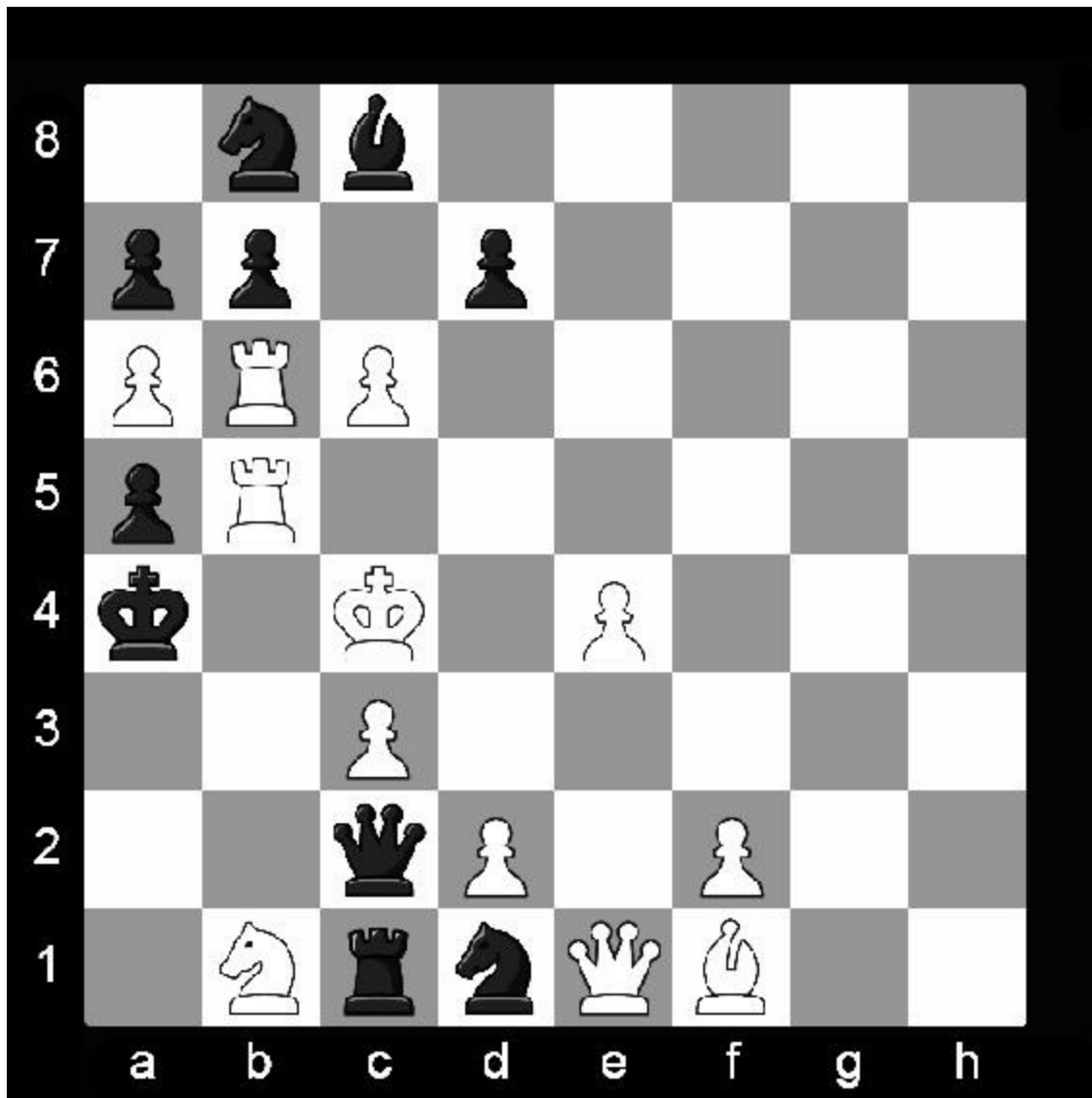
“Về chuyện quay ngược về tận điểm khởi đầu thì tôi không rõ... nhưng tôi cho rằng chúng ta có thể tái hiện lại khá nhiều nước đi.” Ông ta lại nhìn vào bức tranh như thể vừa cảm nhận được nó dưới một góc độ mới, rồi quay sang nói với César: “Tôi đoán đó chính là dụng ý của họa sĩ.”

“Đó chính là thứ ông cần tìm ra,” César đáp. “Câu hỏi đầy thách thức ở đây là: Quân cờ nào đã ăn quân hiệp sĩ?”

“Ý ông là quân hiệp sĩ trắng,” Muñoz nói. “Quân duy nhất thiếu trên bàn cờ.”

“Sơ đẳng thôi,” César nói, kèm theo một nụ cười, “Watson thân mến ạ.”

Muñoz tảng lờ câu nói này; khiếu hài hước rõ ràng không phải là điểm mạnh của ông ta. Julia bước tới xô pha và ngồi xuống cạnh César, mê mẩn như một cô bé con đang háo hức theo dõi một màn trình diễn đầy hấp dẫn. Lúc này Muñoz đã hoàn tất bản phác họa của mình, ông ta mang nó tới cho hai người họ xem.



“Đây,” ông ta giải thích, “là vị trí của các quân cờ đúng như ở trong tranh.”

“Như hai người thấy, tôi đã đánh dấu vị trí của từng ô, để việc tìm vị trí các quân cờ dễ dàng hơn cho các vị. Như vậy, theo góc nhìn của kỳ thủ bên phải...”

“Của Roger de Arras,” Julia nói.

“Phải, Roger de Arras. Nhìn xuống bàn cờ từ hướng đó, chúng ta sẽ đánh số các ô bàn cờ theo chiều dọc từ 1 đến 8 và ký hiệu mỗi ô bằng một chữ cái, từ a đến h, theo chiều ngang,” ông ta nói, đồng thời dùng chiếc bút chì chỉ

cho hai người thấy. “Có những cách phân loại nặng tính chuyên ngành hơn, nhưng điều đó có thể chỉ làm các vị rối thêm.”

“Và mỗi biểu tượng tương ứng với một quân cờ?”

“Đúng thế. Chúng là những biểu tượng thông dụng, một số màu đen, một số màu trắng. Dưới đây tôi đã ghi chú lại ý nghĩa của từng biểu tượng.”



“Như thế, cho dù biết rất ít về cờ vua, hai người cũng dễ dàng thấy vua đen, chẳng hạn, đang nằm tại ô a4, và ở ô f1 có một quân giám mục trắng. Mọi người hiểu chứ?”

“Hoàn toàn hiểu.”

Muñoz tiếp tục chỉ cho họ một số biểu tượng khác ông ta đã vẽ ra.

“Bây giờ, chúng ta đã tìm hiểu xong các quân cờ còn lại trên bàn cờ, nhưng để phân tích được ván cờ, ta cần phải biết những quân cờ nào đã bị loại khỏi bàn cờ.” Ông ta đưa mắt nhìn bức tranh. “Kỳ thủ bên trái tên là gì vậy?”

“Ferdinand xứ Ostenburg.”

“Được rồi, Ferdinand xứ Ostenburg, người chơi quân đen, đã ăn những quân trắng sau đây.”



“Nghĩa là: một giám mục, một hiệp sĩ và hai tốt. Về phần mình, Roger de

Arras đã ăn các quân sau đây từ đối thủ của mình.”



“Nghĩa là bốn tốt, một tháp và một giám mục.” Muñoz trầm ngâm nhìn bản phác họa. “Khi chúng ta nhìn vào ván cờ từ góc độ này, dường như quân trắng đang chiếm lợi thế so với đối thủ. Nhưng nếu tôi hiểu đúng, đó không phải là điều đáng quan tâm. Câu hỏi ở đây là quân cờ nào đã ăn quân hiệp sĩ trắng. Hiển nhiên đó phải là một trong các quân đen, một điều nghe có vẻ quá hiển nhiên, nhưng chúng ta cần đi tuần tự từng bước, từ điểm khởi đầu.” Ông ta đưa mắt nhìn César và Julia như thể cần được thứ lỗi về những gì mình vừa nói. “Không gì dễ gây sai lầm hơn một sự thật quá hiển nhiên. Đây là một nguyên tắc suy luận hoàn toàn phù hợp khi áp dụng vào cờ vua: những gì trông có vẻ hiển nhiên không phải lúc nào cũng là những gì đã thực sự xảy ra hay chuẩn bị xảy ra. Nói tóm lại: điều đó có nghĩa là chúng ta cần tìm ra quân cờ nào trong số các quân đen ở trên bàn cờ hay nằm ngoài mặt bàn đã ăn quân hiệp sĩ trắng.”

“Hay giết ông ta,” Julia nói thêm.

Muñoz phác một cử chỉ lẩn tránh.

“Đó không phải việc của tôi, *senorita**.”

“Nếu muốn, ông có thể gọi tôi là Julia.”

“Được thôi, Julia, dù sao đó vẫn không phải việc của tôi.” Ông ta nhìn chăm chú vào tờ giấy có bức phác họa như thể trên đó viết nội dung một cuộc hội thoại ông ta đã để mất đầu mối. “Tôi tin rằng hai vị đưa tôi tới đây để cho các vị biết quân cờ nào đã ăn quân hiệp sĩ trắng. Nếu tìm ra được điều đó mà hai người có thể đưa ra được một vài kết luận hay giải mã được một bí ẩn, vậy thì tốt thôi.” Ông ta nhìn hai người một cách tự tin hơn, như vẫn thường diễn ra khi ông ta kết luận một vấn đề mang tính kỹ thuật, như thể ông ta lấy

thêm được một chút tự tin nhất định từ hiểu biết của mình. “Điều đó tùy các vị. Tôi chỉ là một người chơi cờ mà thôi.”

César cảm thấy thái độ này hoàn toàn hợp lý.

“Tôi thấy không có gì không ổn với chuyện đó cả,” ông nói, đồng thời đưa mắt nhìn Julia. “Ông ấy thực hiện các nước cờ, còn chúng ta giải thích chúng. Làm việc theo nhóm, cô bé thân mến ạ.”

Julia quá chăm chú đến vấn đề cần giải quyết nên không còn bận tâm tới các chi tiết về phương pháp. Cô đặt tay lên tay César, cảm nhận nhịp mạch đập nhẹ nhàng, đều đặn dưới làn da cổ tay ông.

“Sẽ mất bao lâu để giải quyết chuyện này?”

Muñoz gãi chiếc cằm được cạo lờm chớm của mình. “Tôi không biết. Nửa giờ, một tuần. Còn tùy.”

“Tùy cái gì?”

“Nhiều thứ. Tùy thuộc vào việc tôi có thể tập trung tốt tới đâu. Và vào vận may.”

“Ông có thể bắt đầu ngay bây giờ không?”

“Tất nhiên. Tôi đã làm thế rồi.”

“Vậy tiếp tục đi.”

Nhưng đúng khoảnh khắc đó điện thoại đổ chuông, và ván cờ đành phải hoãn lại.



Rất lâu sau này, Julia nói cô đã biết ngay lập tức cuộc điện thoại gọi đến về việc gì, nhưng chính bản thân cô phải thừa nhận thật dễ nói ra điều đó khi sự đã rồi. Cô cũng nói chính từ lúc đó cô nhận ra mọi thứ đang bắt đầu trở nên

phức tạp ghê gớm đến mức nào. Trên thực tế, như cô sẽ sớm nhận ra, các rắc rối đã bắt đầu từ trước đó rất lâu, nối với nhau thành những nút thắt chặt chẽ, cho dù vào thời điểm ấy những khía cạnh tệ hại nhất của vụ việc vẫn chưa hé lộ. Nếu nhìn nhận thật chính xác, hoàn toàn có thể nói rằng ngọn nguồn của mọi rắc rối bắt đầu từ năm 1469, khi một kẻ giết thuê với chiếc nỏ, một con tốt vô danh mà tên họ không còn lưu lại, tới nấp kế bên con hào của lâu đài Ostenburg để chờ đợi, với sự kiên nhẫn của một tay thợ săn, nạn nhân của y, người đã đem lại những đồng tiền vàng đang rổn rang trong túi y bằng chính cái chết của mình.

Thoạt đầu, người cảnh sát không hề có vẻ khó chịu, nếu tính tới bối cảnh lúc đó cũng như tính tới việc ông ta là một cảnh sát, mặc dù việc ông ta thuộc Đội điều tra các vụ án liên quan tới nghệ thuật dường như không có vẻ gì làm ông ta khác biệt nhiều so với các đồng nghiệp của mình. Mỗi quan hệ mang tính công việc của ông ta với thế giới trong đó ông ta thường xuyên thực hiện chức trách của mình chỉ nhiều lắm để lại trên con người ông ta chút dấu ấn thoáng qua, một chút thiện cảm trong cách ông ta nói “Chúc buổi sáng tốt lành” hay “Mời ngồi”, cũng như cách ông ta thắt chiếc cà vạt của mình. Viên cảnh sát nói rất thông thả, không hề lên giọng, và liên tục gật đầu một cách không cần thiết. Julia không dám chắc đây có phải là một thủ thuật nhà nghề nhằm tạo dựng sự tin tưởng hay là một phần của vai diễn giả vờ rằng ông ta biết chính xác chuyện gì đang diễn ra. Viên cảnh sát là một người vừa lùn vừa béo, có bộ ria kiểu Mexico thật lạ lẫm và mặc tuyền một màu nâu. Nếu nói đến nghệ thuật, thanh tra Feijoo tự nhìn nhận bản thân, một cách đầy khiêm tốn, như một người say mê nhiệt thành: ông ta là một người sưu tầm dao cổ.

Julia được biết tất cả những điều này trong một phòng làm việc tại đồn cảnh sát ở đại lộ Paseo del Prado sau khi Feijoo mô tả lại một vài chi tiết về

cái chết của Alvaro. Việc giáo sư Alvaro Ortega được tìm thấy trong bồn tắm nhà mình với một cái cổ gãy, có lẽ vì trượt chân trong lúc tắm vòi hoa sen, quả là một sự kiện vô cùng đáng tiếc. Thi thể đã được người lao công đến dọn nhà tìm thấy. Nhưng phần đáng phiền muộn – và Feijoo lựa chọn từ ngữ của ông ta rất cẩn thận trước khi dành cho Julia một cái nhìn đầy ái ngại, như thể đề nghị cô nhìn vào khía cạnh bi kịch của thân phận con người – là việc giám định pháp y đã phát hiện ra vài chi tiết đáng lo ngại, và cho tới lúc này chưa thể xác định chắc chắn được rằng liệu cái chết là một tai nạn hay kết quả của một hành động có chủ ý. Nói cách khác, ở đây hoàn toàn có khả năng – ông thanh tra nhắc lại từ “khả năng” hai lần – vết rạn ở đáy sọ là do một cú đánh bằng vật cứng gây ra chứ không phải do va chạm với thành bồn tắm.

“Ý ông muốn nói,” Julia nói, nhòai người ra trước qua chiếc bàn, “rằng rất có thể ai đó đã giết giáo sư khi ông ấy đang tắm sao?”

Viên cảnh sát lựa chọn một thái độ hiển nhiên có dụng ý ngăn không để cô gái đi quá xa.

“Tôi chỉ đề cập tới điều đó như một khả năng mà thôi. Kết quả điều tra ban đầu và lần giải phẫu tử thi đầu tiên nhìn chung đều xác nhận giả thiết về cái chết do tai nạn.”

“Nhìn chung? Ông đang cố nói gì vậy?”

“Tôi đang cố cho cô biết sự thật. Có một số chi tiết, như đặc điểm hình thái của vết thương, tư thế của tử thi – những chi tiết chuyên môn mà tôi không muốn đi sâu vào – đã làm nảy sinh một số băn khoăn, một vài nghi vấn hoàn toàn có cơ sở.”

“Thật lố bịch.”

“Tôi hầu như hoàn toàn nhất trí với cô,” ông ta nói, bộ ria kiểu Mexico uốn thành hình dấu mũ đầy thiện cảm. “Nhưng nếu những nghi vấn được khẳng định, tình hình sẽ trở nên khác hẳn: Nhiều khả năng giáo sư Ortega đã

bị sát hại bằng một cú đánh mạnh vào sau cổ. Rồi sau khi đã lột quần áo nạn nhân, ai đó đã lôi ông ấy vào dưới vòi hoa sen và mở vòi nước để cái chết trông giống một vụ tai nạn. Một cuộc giám định pháp y mới đang được tiến hành để điều tra khả năng nạn nhân bị đánh hai lần chứ không phải một; cú đánh thứ nhất khiến nạn nhân ngất đi, còn cú đánh thứ hai để đảm bảo chắc chắn nạn nhân đã chết.” Viên thanh tra ngả người ra sau tựa vào lưng ghế, đan hai bàn tay vào nhau và bình thản nhìn cô. “Tất nhiên, đó chỉ là một giả thiết.”

Julia nhìn chăm chăm vào viên cảnh sát, như một người tin rằng mình đang bị lôi ra làm trò đùa. Cô không hiểu nổi những gì vừa nghe; cô không thể tưởng tượng ra bất cứ mối liên hệ nào giữa Alvaro và điều Feijoo đang khơi gợi. Một giọng nói từ sâu trong tiềm thức cô đang thì thầm rằng đây rõ ràng là một trường hợp trả nhằm giấy tờ; chắc hẳn ông ta đang nói về một ai đó hoàn toàn khác. Thật ngớ ngẩn khi hình dung ra Alvaro, Alvaro mà cô từng quen biết, bị sát hại, như một con thỏ, bằng một cú đánh vào sau cổ, nằm trần truồng bất động, đôi mắt mở to vô hồn, dưới vòi hoa sen xối xả nước lạnh buốt. Thật ngu ngốc, vô lý.

“Hãy thử giả thiết,” cô nói, “rằng cái chết không phải là tai nạn. Vậy ai lại muốn giết ông ấy chứ?”

“Đó, như người ta vẫn nói trong các bộ phim, là một câu hỏi rất hay.” Viên cảnh sát căn môi dưới với một cử chỉ thận trọng đậm chất nghề nghiệp. “Nói thật lòng, tôi không hề có bất cứ ý tưởng nào.” Ông ta dừng lại, lựa chọn thái độ có dụng ý bày tỏ mình đã đặt mọi quân bài trong tay lên mặt bàn. “Trên thực tế, tôi đang trông đợi sự giúp đỡ của cô để làm sáng tỏ vụ việc.”

“Sự giúp đỡ của tôi? Tại sao?”

Viên thanh tra nhìn Julia từ trên xuống dưới với vẻ chậm rãi một cách có

chủ ý. Ông ta không còn tỏ ra thân thiện nữa, vẻ mặt ông ta hé lộ vẻ tư lợi thô lỗ, như thể ông ta đang tìm cách thiết lập một mối quan hệ mờ ám nào đó giữa hai người.

“Cô từng có một mối quan hệ với nạn nhân... Thứ lỗi cho tôi, nhưng chức trách của tôi quả là một công việc chẳng vui vẻ gì,” ông ta nói, cho dù nếu xét đoán từ nụ cười tự mãn xuất hiện dưới bộ ria, viên thanh tra dường như không hề thấy công việc của mình là có gì khó chịu. Ông ta cho tay vào túi lấy ra một bao diêm có tên một nhà hàng bốn sao bên trên, rồi với một cử chỉ làm ra vẻ lịch sự, châm lửa cho điếu thuốc Julia vừa đưa lên môi. “Ý tôi là một... ừm... cuộc tình. Đúng vậy không?”

“Đúng thế,” Julia phả khói ra, nhắm hờ đôi mắt, cảm thấy vừa bối rối vừa giận dữ. Một cuộc tình, vị thanh tra cảnh sát vừa mới nói, gói trọn lại một cách giản đơn đến tột bậc một phần đời của cô mà những vết sẹo để lại vẫn còn đau nhói. Và không nghi ngờ gì nữa, cô thầm nghĩ, gã đàn ông béo phì thô thiển này, với bộ ria ketchup của ông ta, đang thầm đánh giá chất lượng món hàng. Cô bạn gái của nạn nhân quả là một món hàng thượng hạng, viên thanh tra rồi sẽ nói với đồng nghiệp của ông ta khi mò xuống cặng tin nốc một lon bia. Tôi sẽ không ngại giúp đỡ cô nàng ít nhiều.

Nhưng cô còn bận tâm hơn tới những khía cạnh khác của tình thế cô đang lâm vào. Alvaro đã chết, nhiều khả năng bị sát hại. Cho dù thoát nhìn việc này có vẻ thật lố bịch, nhưng cô đang ngồi trong đồn cảnh sát, và còn quá nhiều điều cô không biết. Và chuyện không hiểu rõ một vài điều rất có thể sẽ cực kỳ nguy hiểm.

Cả người cô căng lên, cảnh giác, thủ thế. Cô nhìn chăm chú vào Feijoo, còn ông ta lúc này không còn thể hiện chút thông cảm hay dễ mến nào. Tất cả chỉ là vấn đề chiến thuật, cô tự nhủ. Cố giữ bình tĩnh, cô đi đến kết luận rằng thực sự không có bất cứ lý do nào để viên thanh tra phải ý tứ với cô. Ông ta

đơn thuần là một cảnh sát, cũng thô lỗ và vụng về như bất cứ viên cảnh sát nào khác, và cũng chỉ đang thực hiện công việc của mình. Dù sao đi nữa, cô nghĩ, trong khi cố nhìn nhận tình thế hiện tại từ góc độ của viên thanh tra: cô là tất cả những gì ông ta có, đầu mối duy nhất, cô bạn gái cũ của nạn nhân.

“Nhưng đó là chuyện cũ rồi,” cô nói, gõ tàn từ điều thuốc của cô xuống chiếc gạt tàn trắng bóc đựng đầy ghim giấy mà Feijoo để trên mặt bàn làm việc. “Chúng tôi đã thôi gặp nhau từ hơn một năm nay... mà tôi chắc việc này ông đã biết.”

Viên thanh tra chống hai khuỷu tay lên mặt bàn, cúi người ra trước về phía cô.

“Phải,” ông ta nói, gần như thì thầm, như thể cách nói của ông ta là một bằng chứng không thể chối cãi cho thấy giờ họ đã là hai người quen biết, và ông ta hoàn toàn đứng về phía cô. “Nhưng cô có gặp ông ấy ba ngày trước.”

Julia cố che giấu vẻ ngạc nhiên của cô và chỉ đơn thuần nhìn viên cảnh sát với dáng bộ của một người vừa phải nghe một câu bình phẩm ngớ ngẩn hiếm có. Tất nhiên Feijoo đã tới trường đại học điều tra. Bất cứ vị thư ký hay lao công nào cũng đều có thể đã kể hết với ông ta. Nhưng đây cũng chẳng phải là chuyện gì cô cần phải che giấu.

“Tôi tới nhờ ông ấy giúp đỡ tìm hiểu về một bức tranh tôi đang phục chế.” Cô thấy thật lạ là viên cảnh sát không hề ghi lại gì, nhưng thầm đoán đây là một phần trong phương pháp của ông ta: người ta sẽ nói năng thoải mái hơn khi họ nghĩ những lời họ nói ra đều đã bay đi theo gió. “Như ông có vẻ đã biết rất tường tận, chúng tôi trao đổi với nhau gần một giờ đồng hồ trong phòng làm việc của ông ấy. Thậm chí chúng tôi còn hẹn gặp lại nhau sau đó, nhưng tôi không bao giờ gặp lại ông ấy.”

Feijoo mân mê lật hộp diêm quay tròn hết vòng này tới vòng khác.

“Hai người đã trao đổi những gì vậy, nếu cô không thấy phiền trước câu

hỏi của tôi? Tôi chắc cô sẽ hiểu và thứ lỗi cho một câu hỏi... ừm... đi quá sâu vào chuyện riêng tư như vậy. Tôi xin cam đoan với cô câu hỏi đó chỉ mang tính quy trình mà thôi.”

Julia im lặng quan sát viên cảnh sát trong lúc đưa điều thuốc lên môi, rồi cô chậm rãi lắc đầu.

“Có vẻ ông đang coi tôi là một ả ngớ ngẩn thì phải.”

Viên cảnh sát nhìn cô với đôi mắt khép hờ, nhưng ông ta đã ngồi thẳng người lên hơn một chút.

“Xin lỗi, tôi không hiểu ý cô muốn nói gì.”

“Tôi sẽ nói để ông rõ ý tôi là gì,” cô nói và đập mạnh điều thuốc lá xuống đồng ghim giấy nhỏ trong gạt tàn, hoàn toàn dừng đứng trước cái nhìn xót xa khi ông ta dõi theo cử chỉ của cô. “Tôi không có gì phản đối việc trả lời các câu hỏi của ông. Nhưng trước khi chúng ta tiếp tục, tôi muốn ông nói cho tôi biết Alvaro có trượt chân trong bồn tắm hay không.”

Feijoo dường như bị bất ngờ. “Tôi không có bằng chứng vững chắc nào...”

“Vậy thì cuộc trao đổi này hoàn toàn vô ích. Nếu ông cho rằng có điều gì đó ám muội trong cái chết của ông ấy và đang cố tìm cách buộc tôi nói ra, tôi muốn được biết ngay bây giờ liệu có phải tôi đang bị thẩm vấn như một đối tượng nghi vấn hay không. Bởi vì, trong trường hợp đó, hoặc tôi sẽ rời khỏi đồn cảnh sát ngay lập tức, hoặc tôi yêu cầu được có luật sư.”

Viên thanh tra giơ hai tay lên tỏ thái độ dàn hòa.

“Như thế sẽ có phần hấp tấp quá.” Với một nụ cười nhếch miệng, ông ta tựa mình trên ghế như thể lại một lần nữa phải loay hoay tìm những từ ngữ phù hợp. “Hướng chính thức, ít nhất vào lúc này, là giáo sư Ortega đã gặp phải một tai nạn.”

“Và sẽ thế nào nếu các chuyên gia pháp y xuất chúng của các ông kết luận

khác đi?”

“Trong trường hợp đó” – Feijoo mơ hồ khoát tay – “cô cũng không bị nghi ngờ hơn bất cứ ai khác quen biết nạn nhân. Cô có thể hình dung ra danh sách các ứng viên rồi đấy...”

“Vấn đề là ở chỗ đó đấy. Tôi không thể hình dung ra có ai muốn giết Alvaro.”

“À phải, đó là quan điểm của cô. Tôi nhìn nhận việc này khác hẳn: các sinh viên bị đình chỉ học, những đồng nghiệp ghen tị, người tình căm hận, những ông chồng bị căm sùng...” Ông ta kể ra từng trường hợp bằng cách đưa ngón cái chỉ lần lượt vào các ngón của bàn tay kia, rồi dừng lại khi không còn ngón tay nào nữa để chỉ tiếp. “Không. Điều đáng nói ở đây, mà tôi chắc cô sẽ là người đầu tiên nhận ra việc này, là lời khai của cô sẽ vô cùng có giá trị.”

“Tại sao? Có phải ông đang xếp tôi vào hạng mục người tình căm hận không đấy?”

“Tôi sẽ không đi xa đến thế, *senorita*. Nhưng cô đã gặp nạn nhân chỉ vài giờ trước khi chính giáo sư, hay ai đó, làm vỡ sọ ông ấy.”

“Vài giờ?” Lần này Julia thực sự mất bình tĩnh. “Ông ấy chết lúc nào?”

“Ba ngày trước. Vào thứ Tư, trong khoảng từ hai giờ chiều đến nửa đêm.”

“Không thể nào. Chắc chắn có nhầm lẫn.”

“Nhầm lẫn?” Thái độ của viên thanh tra thay đổi hẳn. Giờ đây ông ta nhìn Julia với vẻ nghi ngờ công khai. “Chắc chắn là không. Đó là kết luận của bác sĩ pháp y.”

“Chắc chắn phải có nhầm lẫn. Nhầm lẫn lệch đi hai mươi bốn giờ.”

“Tại sao cô lại nghĩ vậy?”

“Vì vào tối thứ Năm, một ngày sau khi tôi có cuộc trao đổi với ông ấy, giáo sư đã gửi cho tôi một số tài liệu mà tôi nhờ ông ấy cung cấp.”

“Tài liệu loại gì vậy?”

“Về lịch sử bức tranh mà tôi đang phục chế.”

“Cô nhận được chúng qua đường bưu điện phải không?”

“Không, qua người giao hàng, vào cùng tối hôm đó.”

“Cô còn nhớ tên công ty chuyển phát không?”

“Có. Urbexpress. Và tài liệu được giao vào thứ Năm, khoảng 8 giờ. Ông có thể lý giải việc này thế nào không?”

Viên cảnh sát buông một tiếng thở dài ngờ vực dưới bộ ria.

“Tôi không thể. Vào tối thứ Năm, Alvaro Ortega đã chết được hai mươi tư giờ, vì vậy ông ấy không thể gửi những tài liệu đó đi được. Ai đó...” – Feijoo ngừng lại một lát để Julia có thể bắt kịp ý tưởng ông ta đưa ra – “chắc chắn ai đó đã làm việc đó thay ông ấy.”

“Ai đó? Nhưng ai?”

“Kẻ đã sát hại ông ấy, nếu thực sự ông ấy bị giết. Gã đàn ông đã ra tay thủ ác trong giả thiết. Hay người đàn bà đã ra tay thủ ác.” Ông ta nhìn Julia với vẻ ít nhiều tò mò. “Tôi không biết tại sao chúng ta luôn lập tức giả thiết rằng kẻ gây ra tội ác là một người đàn ông.” Rồi viên cảnh sát nảy ra một ý nghĩ khác. “Có lá thư hay tờ ghi chú nào kèm theo các tài liệu mà cô cho là của Alvaro Ortega gửi tới không?”

“Không, chỉ có các tài liệu thôi. Nhưng hoàn toàn hợp lý để nghĩ người gửi là ông ấy. Tôi tin chắc ở đây có nhầm lẫn nào đó.”

“Không có nhầm lẫn nào hết. Nạn nhân đã chết từ ngày thứ Tư, và cô nhận được tài liệu vào thứ Năm. Trừ phi công ty chuyển phát đã chậm trễ trong việc giao hàng...”

“Không, tôi chắc chắn về việc này. Phong bì được ghi cùng ngày hôm đó.”

“Có ai ở cùng cô vào tối đó không?”

“Hai người: Menchu Roch và César Ortiz de Pozas.” Viên cảnh sát có vẻ

thực sự ngạc nhiên.

“*Don César?* Người buôn bán đồ cổ ở phố Calle del Prado ư?”

“Chính là ông ấy. Ông biết ông ấy sao?”

Feijoo do dự trước khi gật đầu. Viên thanh tra có biết ông, ông ta nói, do công việc. Nhưng ông ta không biết Julia và César là bạn bè quen biết.

“Vậy giờ ông đã biết rồi đấy.”

“Phải, giờ tôi đã biết.”

Viên cảnh sát gõ chiếc bút của mình xuống bàn, đột nhiên trở nên lúng túng, và hoàn toàn có lý do. Như Julia biết được từ César ngày hôm sau, thanh tra Casimiro Feijoo còn xa mới là một sĩ quan cảnh sát gương mẫu. Mỗi quan hệ nghề nghiệp của ông ta với giới nghệ thuật và kinh doanh đồ cổ cho phép viên thanh tra bổ sung thêm thu nhập vào đồng lương cảnh sát mỗi kỳ cuối tháng. Thỉnh thoảng, khi một lô tác phẩm bị đánh cắp được phát hiện, một vài món trong số đó sẽ lại biến mất theo đường cửa sau. Vài tay môi giới trung gian tin cần tham gia vào những phi vụ này và chia cho ông ta một phần trăm lợi nhuận. Và, bởi vì đây là một cộng đồng rất nhỏ, César cũng là một người trong số này.

“Dù sao đi nữa,” Julia, người hiện tại vẫn chưa biết gì về lai lịch con người Feijoo, nói, “tôi đoán việc có hai nhân chứng cũng không chứng tỏ được gì. Tôi hoàn toàn có thể tự mình gửi những tài liệu đó đến.”

Feijoo chỉ đơn thuần gật đầu, nhưng đôi mắt ông ta để lộ một mức độ thận trọng lớn hơn nhiều, cũng như một thái độ tôn trọng hoàn toàn mới mẻ, một thái độ, như Julia hiểu ra sau này, hoàn toàn xuất phát từ lý do thực dụng.

“Sự thật là,” cuối cùng ông ta lên tiếng, “toàn bộ vụ việc này có vẻ rất lạ lùng.”

Julia đưa mắt nhìn chăm chăm vào khoảng không. Từ góc độ nhìn nhận của cô, nó không đơn thuần chỉ là lạ lùng nữa; tất cả chuyện này bắt đầu

đượm về ám muội đầy đe dọa.

“Điều tôi không hiểu là ai có thể quan tâm tới việc tôi có nhận được các tài liệu đó hay không đến thế.”

Lại căn môi dưới lần nữa, Feijoo lấy một cuốn sổ tay từ trong ngăn kéo ra, bộ ria của ông ta có vẻ đang rũ xuống đầy trầm tư. Rõ ràng ông ta chẳng mấy hào hứng khi phải dính dáng vào vụ này.

“Đó,” ông ta lẩm bẩm, miễn cưỡng viết những ghi chú đầu tiên vào sổ, “đó, *senorita*, lại là một câu hỏi rất hay nữa.”



Cô đứng trên bậc thềm của đồn cảnh sát, ý thức được rằng viên cảnh sát mặc đồng phục gác cổng đang nhìn cô với vẻ ít nhiều tò mò. Nằm sau hàng cây bên kia đại lộ Paseo, mặt tiền theo phong cách Tân Cổ điển của bảo tàng Prado được thắp sáng nhờ những bóng đèn công suất lớn được giấu kín đáo trong các khu vườn gần đó, giữa các băng ghế đá, bức tượng và đài phun nước. Trời đang mưa, một cơn mưa phùn nhẹ khó nhận ra được, nhưng cũng đủ để ánh đèn ô tô và đèn tín hiệu giao thông đang không ngừng nhảy từ xanh sang vàng, sang đỏ phản chiếu lại trên mặt đường rải nhựa.

Julia kéo cổ chiếc áo khoác da đang mặc lên, tiếp tục bước đi, lắng nghe tiếng bước chân của cô vang lên trên lối đi vắng tanh. Không có nhiều xe cộ đi lại; chỉ thỉnh thoảng mới có đèn pha của một chiếc xe hơi chiếu sáng cô từ phía sau lưng, hắt một chiếc bóng dài, hẹp, vươn xa về phía trước, rồi sau đó ngã sang một bên, ngắt dần, không ngừng biến đổi và run rẩy khi tiếng động cơ của chiếc xe bắt kịp cô, để lại bóng cô hắt lên tường rồi biến mất, trong khi chiếc xe, giờ chỉ còn là hai chấm đỏ cùng bóng của chúng phản chiếu

dưới lòng đường ướt át, cũng dần mất hút vào màn đêm.

Cô dừng lại trước một cột đèn giao thông. Trong lúc đợi đèn chuyển sang xanh, cô đưa mắt tìm kiếm trong màn đêm những ánh đèn xanh khác, và tìm thấy chúng trên đèn hiệu những chiếc taxi lao vụt qua, trên những trụ đèn giao thông khác đang nhấp nháy dọc đại lộ, trong ánh đèn nê ông màu lam, lục và vàng trên nóc một tòa nhà chọc trời lấp lánh, những ô cửa cao nhất vẫn sáng đèn, nơi ai đó đang lau dọn hay thậm chí vẫn còn làm việc tới tận lúc muộn màng này. Đèn giao thông chuyển xanh, Julia băng qua đường và bắt đầu tìm kiếm các ánh đèn đỏ, dễ thấy hơn nhiều trong màn đêm của một thành phố lớn. Nhưng ánh chớp màu lam của một chiếc xe cảnh sát lao qua ở phía xa, ở xa tới mức Julia không nghe thấy tiếng còi hú, đã lại chen vào. Đèn đỏ của những chiếc xe, đèn xanh trên trụ đèn giao thông, ánh đèn nê ông màu lam, rồi màu lam trên ánh đèn nhấp... đó, cô thầm nghĩ, sẽ là những tông màu ta cần để vẽ lại bối cảnh lạ lùng này, là bảng màu phù hợp để thực hiện một bức họa mà cô sẽ đặt tên, một cách mỉa mai, là *Cảnh đêm*, để trưng bày tại phòng trưng bày Roch cho dù chắc chắn thế nào Menchu cũng muốn được giải thích tên bức họa. Tất cả sẽ tạo thành một tổng thể u ám thật hài hòa: màn đêm đen, những bóng đen, nỗi sợ hãi tối đen, cảm giác cô độc đen ngòm.

Có thực cô đang sợ không? Vào lúc khác, câu hỏi này hẳn là một chủ đề hay ho cho những cuộc thảo luận phù phiếm, trong bầu không khí vui vẻ giữa bạn bè, tại một căn phòng ấm áp tiện nghi, trước lò sưởi, kèm theo một chai rượu vang. Sợ hãi giống như một yếu tố không thể lường trước, giống như sự khám phá đột ngột đầy choáng váng ra một thực tế vẫn luôn hiện diện, cho dù nó chỉ mới được hé lộ vào đúng khoảnh khắc đó. Sợ hãi giống như hồi kết tàn khốc của sự ngu muội, hay như sự chấm dứt đột ngột của một thời kỳ tốt đẹp. Giống như tội lỗi.

Tuy nhiên, trong khi bước đi giữa những gam màu của ban đêm, Julia khó lòng nhìn nhận cảm giác hiện tại của mình như một vấn đề phù phiếm. Tất nhiên, cô từng trải nghiệm qua những biểu hiện trong thoáng chốc khác của cùng cảm giác hiện tại. Kim đồng hồ tốc độ vượt quá vạch giới hạn cho phép, trong lúc phong cảnh hai bên đường lướt đi nhanh vùn vụt bên phải và bên trái, còn đường kẻ đứt giữa đường trở nên giống một luồng đạn nối nhau bay tới như trong các bộ phim chiến tranh, để rồi bị nuốt chửng vào cái bụng tham lam của chiếc xe. Hay cảm giác của sự trống rỗng, của vực sâu xanh thẳm không thấy đáy khi ta nhảy từ trên boong một chiếc thuyền xuống biển sâu để bơi, cảm nhận làn nước biển lướt đi trên làn da trần của ta, và biết chắc chắn một cách chẳng mấy vui vẻ gì rằng hai chân ta đang cách xa bất cứ mảnh đất liền vững chãi nào. Kể cả những nỗi sợ hãi mơ hồ luôn đi theo chúng ta trong giấc ngủ và gây ra những cuộc đấu tay đôi thất thường giữa lý trí và tưởng tượng, những nỗi sợ vốn chỉ cần một nỗ lực ý chí đơn lẻ là gần như luôn đủ để có thể bị đẩy lùi vào hồi ức hay có thể lập tức bị lãng quên khi ta mở bừng mắt ra nhìn những bóng dáng thân thuộc trong phòng ngủ của mình.

Nhưng nỗi sợ mới mẻ này, thứ Julia vừa khám phá ra, lại hoàn toàn khác. Mới mẻ, lạ lẫm, chưa hề biết tới đến tận lúc này, phảng phất bóng dáng cái Ác với một chữ A viết hoa, chữ cái đầu tiên của mọi thứ nằm sâu dưới cội rễ của nỗi thống khổ và đau đớn. Một cái Ác sẵn sàng mở vòi nước chảy xối xuống khuôn mặt của một người vừa bị sát hại. Cái Ác chỉ có thể diễn tả bằng những gam màu tăm tối của đêm đen, của những bóng hình xấu xa và nỗi cô độc ám muội. Cái Ác với một chữ A viết hoa, nỗi Sợ với chữ S viết hoa và Giết người với một chữ G viết hoa.

Giết người. Đó chỉ là một giả thiết, cô tự nhủ trong lúc quan sát cái bóng của chính mình. Người ta vẫn trượt chân trong bồn tắm, ngã xuống cầu thang,

vượt đèn đỏ và chết. Các bác sĩ pháp y và nhân viên cảnh sát đôi lúc tự tin về trí thông minh của họ đến mức khó chịu; đó là một mối nguy hiểm mang tính nghề nghiệp. Phải, tất cả đều đúng. Nhưng cũng đúng là có ai đó đã gửi cho cô các tài liệu của Alvaro khi anh đã chết trước đó hai mươi tư giờ. Điều này không phải là giả thiết; những tài liệu đó vẫn đang nằm trong căn hộ của cô, trong một ngăn kéo tủ. Và chúng là có thật.

Cô rùng mình đưa mắt ngoái nhìn phía sau xem liệu có ai bám theo mình hay không. Và dù không hề trông đợi điều này, đúng là cô nhìn thấy ai đó thật. Thật khó đoán chắc liệu có phải anh ta đang bám theo cô hay không, nhưng ai đó đang bước đi trên vỉa hè phía sau cô chừng năm mươi mét, một hình bóng thỉnh thoảng lại được chiếu sáng khi đi ngang qua những quầng sáng đang chiếu xuyên qua tầng lá cây và lên mặt tiền rực rỡ của tòa bảo tàng.

Julia nhìn thẳng về phía trước trong khi tiếp tục dẫn bước. Từng sợi cơ của cô đang căng lên trước mong muốn vùng chạy đang giục giã, cảm giác cô từng gặp khi còn nhỏ mỗi lần bước qua lối vào tối om của tòa nhà nơi cô sống, trước khi hồi hải lao lên cầu thang và bấm chuông cửa. Nhưng lý trí của một đầu óc quen thuộc với nhịp sống bình thường lại can thiệp. Bỏ chạy chỉ vì ai đó đang bước đi theo cùng hướng với cô, sau cô năm mươi mét, không chỉ vô lý, mà còn thật ngớ ngẩn. Dầu vậy, cô thầm nghĩ, bước đi bình thản trên một con đường tối tăm với một người hoàn toàn có thể là kẻ sát nhân bám theo sau, cho dù mới chỉ là một giả thiết, là một hành động không những không hợp lý chút nào; đó còn là một hành động tự sát. Cuộc tranh luận giữa hai suy nghĩ này chiếm hữu tâm trí cô trong vài khoảnh khắc, trong quãng thời gian đó cô tạm đẩy cảm giác sợ hãi của mình lui xuống một vị trí hợp lý và quả quyết rằng trí tưởng tượng hẩn đang đùa bỡn cô. Cô hít vào thật sâu, liếc nhìn lại phía sau qua khóe mắt, cố giấu cơn nổi sợ hãi của chính mình. Và

đúng lúc ấy cô nhận ra khoảng cách giữa mình và người lạ mặt đã ngắn lại vài mét. Cô lại thấy hoảng sợ. Có lẽ Alvaro thực sự đã bị sát hại, và chính kẻ sát nhân sau đó đã gửi cho cô các tài liệu liên quan tới bức tranh. Điều đó sẽ hình thành nên một mối liên hệ giữa bức *Ván cờ*, Alvaro, Julia và kẻ được giả thiết hay có thể là tên sát nhân. Mình đã ngập tới cổ vào chuyện này rồi, cô tự nhủ, và không còn có thể tìm thấy lý do nào để có thể cười cợt nỗi bất an vừa cảm thấy nữa. Cô đưa mắt nhìn quanh, tìm kiếm ai đó cô có thể lại gần cầu cứu, hay thậm chí chỉ đơn giản là khoác tay anh ta và đề nghị anh ta đưa cô đi khỏi đây. Cô cũng nghĩ tới việc quay trở lại đồn cảnh sát, nhưng giải pháp này có một rắc rối: kẻ lạ mặt đang chặn mất con đường quay lại đó. Vậy thì có lẽ là một chiếc taxi.

Nhưng không tấm biển nào với ánh đèn xanh lục báo hiệu xe chưa nhận khách, lúc này đã trở thành màu xanh của hy vọng, xuất hiện. Cô chợt nhận ra miệng mình đang khô khốc, khô đến mức lưỡi cô dính chặt lên vòm miệng. Bình tĩnh, cô tự nhủ, bình tĩnh nào, đồ ngốc, không là mi sẽ thực sự gặp rắc rối đấy. Và cuối cùng cô cũng thành công trong việc ít nhiều trấn tĩnh lại, chỉ vừa đủ để có thể bắt đầu chạy.



Tiếng kèn trumpet réo rất chói tai, cô độc đến não lòng. Một bản nhạc của Miles Davis vang lên từ máy chơi đĩa, cả căn phòng chìm trong bóng tối, trừ ánh sáng tỏa ra từ chiếc đèn bàn nhỏ đặt trên sàn để chiếu sáng bức tranh. Tiếng tích tắc đều đặn của chiếc đồng hồ treo trên tường và tiếng lách cách khê khàng của kim loại va vào nhau mỗi lần quả lắc chuyển động tới điểm xa nhất về bên phải. Bên cạnh xô pha, đặt trên tấm thảm trải sàn, có một gạt tàn

đang bốc khói và một chiếc ly đựng chút ít đá và vodka còn sót lại, và đang ngồi trên xô pha là Julia, hai tay bó gối, một lọn tóc xõa xuống che trên khuôn mặt. Cô đang nhìn thẳng về phía trước, hai đồng tử nở to, chăm chăm hướng vào bức tranh mà không hề thực sự nhìn vào nó, mà đang dồn cả vào một điểm tưởng tượng nào đó phía sau bề mặt bức họa, nằm giữa bề mặt ấy và phong cảnh thấp thoáng phía hậu cảnh, ở vào khoảng giữa vị trí của hai kỳ thủ và vị phu nhân ngồi bên cửa sổ.

Cô đã mất hết khái niệm về thời gian, thả mình theo điệu nhạc chậm chạp trôi qua trong đầu giữa màn sương mờ ảo của vodka, cảm nhận rõ hơi ấm từ đôi chân và hai đầu gối để trần đang áp vào hai cánh tay. Thình thoảng, một nốt nhạc từ chiếc kèn trumpet chọt vút lên giữa bóng tối, và những lúc như thế cô lại chậm chạp lắc lư đầu qua lại theo giai điệu bản nhạc. Ôi, trumpet, ta yêu mi. Tối nay, mi là người bạn tâm tình duy nhất của ta, uế oải đầy hoài niệm như nỗi buồn đang trào ra từ tâm hồn ta. Âm nhạc bỗng bèn lờ lững trong căn phòng tối tăm, lan sang căn phòng tràn đầy ánh sáng còn lại, nơi hai kỳ thủ vẫn tiếp tục ván cờ của họ, trườn qua khung cửa sổ căn phòng của Julia, tìm tới những ánh đèn đang soi sáng con đường bên dưới. Tối tận nơi mà một người nào đó, ẩn dưới bóng tối của một tán cây hay một khung cửa, có lẽ đang ngược mắt nhìn lên, lắng nghe điệu nhạc vang ra từ cả khung cửa sổ kia nữa, khung cửa được vẽ trong bức tranh, đang lan ra khoảng không gian tràn ngập màu xanh lá cây êm dịu và màu hoàng thổ, nơi người ta có thể nhìn thấy ngọn tháp nhỏ xíu màu xám của một tháp chuông nằm tận đằng xa được vẽ lại bằng những nét cọ mảnh nhất.

BÍ MẬT CỦA QUÂN HẬU ĐEN

Giờ thì tôi biết tôi đã ghé thăm hang ổ tâm tối của nó, nhưng tôi vẫn chưa biết các luật lệ của cuộc đấu.

_ Kiện tướng cờ vua G. Kasparov _

Với thái độ im lặng đầy cung kính và bộ dạng hoàn toàn bất động, Octavio, Lucinda và Scaramouche đang quan sát họ bằng đôi mắt vẽ trên sứ của chúng phía sau tấm kính của chiếc tủ trưng bày. Chiếc áo vest nhung của César lốm đốm những vệt sáng đầy màu sắc lóng lánh như những viên kim cương nhỏ nhờ ánh sáng chiếu qua khung cửa sổ có ô kính mờ xỉn. Julia chưa bao giờ thấy người bạn lớn tuổi của cô lặng lẽ và im lìm như thế, không khác gì một trong những bức tượng bằng đồng thau, đất nung hay đá cẩm thạch được bày rải rác xen giữa các bức tranh, hình người bằng thủy tinh và những tấm thảm thêu trong cửa hiệu của ông. Có thể nói cả César và Julia dường như đều hòa lẫn vào khung cảnh của nơi này, vốn phù hợp làm bối cảnh cho một vở hài kịch đầy màu sắc theo phong cách Ba Rốc hơn thế giới thực nơi họ trải qua phần lớn cuộc sống của mình. César trông đặc biệt nổi bật – trên cổ ông quàng một chiếc khăn lụa đỏ sẫm, một chiếc đót hút thuốc bằng ngà voi kẹp giữa hai ngón tay – và giữa luồng ánh sáng nhiều màu sắc, ông đã lựa chọn một tư thế đặc biệt cổ điển, gần như đậm hơi hướng Goethe, hai chân bắt chéo, một bàn tay đặt hờ hững một cách cố ý lên bàn tay kia, bàn tay đang giữ điếu thuốc lá, mái tóc bạc trắng óng ả như lụa nổi bật trong vầng hào quang của ánh sáng đỏ, lam và vàng đang ủa vào qua cửa sổ. Julia mặc một chiếc áo đen có cổ kết đăng ten, khuôn mặt trông nghiêm đậm chất Venice của cô được phản chiếu lên một tấm gương to cùng một mớ đồ đạc lung củng gồm đồ nội thất bằng gỗ gụ và những chiếc rương khảm xà cừ, thảm thêu và tranh thêu Gobelin, những chiếc cột xiêu vẹo đỡ dưới những bức phù điêu chạm khắc theo phong cách Gothic nứt nẻ và khuôn mặt trống rỗng, cam chịu của

một võ sĩ giác đấu trần trụi bằng đồng thau, vũ khí rơi cạnh người, dùng một khuỷu tay nâng người dậy trong lúc chờ đợi lời phán quyết, thể hiện qua những ngón tay cái chìa lên trên hay xuống dưới* của một vị hoàng đế vô hình có quyền lực tối thượng.

“Cháu đã phát hoảng,” Julia nói, và César đáp lại bằng một cử chỉ nửa an ủi, nửa bất lực, một bằng chứng nho nhỏ của sự đồng cảm cao thượng và vô ích, một tình yêu ý thức được những hạn chế của mình, kiểu cử chỉ đầy biểu cảm lịch thiệp mà một triều thần thế kỷ 18 hẳn sẽ dành cho quý bà ông ta tôn thờ vào đúng khoảnh khắc ông ta nhìn thấy bóng dáng của chiếc máy chém hiện lên ở cuối con đường mà hai người đang bị giải đi, trên cỗ xe chở tội nhân.

“Cháu chắc mình không phóng đại lên quá đáng đấy chứ, cô bé yêu quý? Hay có phần hơi hấp tấp? Đâu đã có ai chứng minh được không phải Alvaro bị trượt chân trong bồn tắm đâu.”

“Thế còn các tài liệu thì sao?”

“Chuyện đó thì, bác phải thừa nhận là bác không thể giải thích được.”

Julia nghiêng đầu sang một bên, mái tóc xõa lên vai cô. Tâm trí cô đầy ắp những hình ảnh bất an.

“Sáng nay, khi tỉnh dậy cháu đã cầu nguyện rằng đây chỉ là một nhầm lẫn phiền hà mà thôi.”

“Có thể là thế,” César nói. “Theo như bác biết, chỉ có trong những bộ phim mới có chuyện các vị cảnh sát và chuyên gia pháp y lúc nào cũng đáng kính trọng và không bao giờ phạm sai lầm. Thực ra thì bác tin rằng bây giờ thậm chí cả trong phim bọn họ cũng chẳng còn được vậy nữa.”

Ông nở một nụ cười chua chát miễn cưỡng. Julia nhìn ông mà không hề thực sự lắng nghe những gì ông nói. “Alvaro, bị sát hại... Bác có tin nổi không?”

“Đừng dẫn vật bản thân như thế, công chúa. Đó chỉ là một giả thiết khó có khả năng là sự thật mà cảnh sát đưa ra. Hơn nữa, cháu không nên nghĩ về anh ta nhiều như thế. Chấm dứt rồi, anh ta đã ra đi. Anh ta đã rời bỏ cháu từ lâu rồi.”

“Không phải thế này, không.”

“Chuyện đó xảy ra theo cách nào thì cũng đâu có gì khác biệt. Anh ta đã ra đi, thế thôi.”

“Chỉ là chuyện này kinh khủng quá.”

“Bác biết. Nhưng cháu sẽ chẳng được gì khi cứ để ý nghĩ này luẩn quẩn trong đầu như thế.”

“Không ư? Alvaro chết, cảnh sát thẩm vấn cháu, cháu nghĩ ai đó quan tâm tới công việc cháu đang thực hiện với bức *Ván cờ* và đã theo dõi cháu... và bác băn khoăn tại sao cháu cứ nghĩ đi nghĩ lại mãi tới chuyện đó ư? Cháu còn có thể làm gì khác đây?”

“Rất đơn giản thôi, cô bé yêu quý. Nếu đúng những điều đó thực sự xảy ra với cháu, cháu có thể trả lại bức tranh cho Menchu. Nếu cháu tin cái chết của Alvaro không phải là một tai nạn, vậy hãy tạm đi đâu đó. Chúng ta có thể lưu lại chơi hai hay ba tuần ở Paris; bác có không ít việc cần làm ở đó. Điều quan trọng là lánh đi cho tới khi tất cả đã kết thúc.”

“Nhưng chuyện gì đang xảy ra vậy?”

“Bác không biết, và đó là điều tệ hại nhất... không có một ý tưởng nào, dù mơ hồ nhất, về chuyện gì đang xảy ra, ý bác là vậy. Giống như cháu, bác cũng sẽ chẳng bận tâm tới việc điều gì đã xảy ra với Alvaro nếu không có chuyện khó hiểu liên quan những tài liệu đó.” Ông nhìn cô, mỉm cười lúng túng. “Và bác phải thừa nhận là bác lo ngại, vì bác không phải loại người thích làm anh hùng... Rất có thể ai đó trong chúng ta đã vô tình mở toang một bí mật ám muội nào đó, như mở một chiếc hộp Pandora.”

“Bức tranh,” Julia nói, bất giác rùng mình. “Dòng chữ bị che kín.”

“Bác e là vậy. Có vẻ như mọi chuyện bắt đầu từ đó.”

Cô quay về hướng hình ảnh phản chiếu của mình trong gương, nhìn chăm chăm vào chính mình một hồi lâu, như thể không nhận ra người phụ nữ trẻ tóc sẫm đang im lặng nhìn lại cô bằng đôi mắt to, đen, làn da trắng trên hai gò má cô gái đã mang dấu vết bóng mờ của những đêm mất ngủ.

“Có thể họ muốn giết cả cháu nữa, bác César.”

Các ngón tay ông kẹp chặt lấy chiếc đót thuốc lá bằng ngà voi.

“Chừng nào bác còn sống thì đừng hòng,” ông nói, để lộ sự quyết tâm hung hãn dưới vẻ bề ngoài điệu bộ đến mức như pha trộn giữa hai giới tính. Giọng nói của ông chứa đựng một âm hưởng sắc bén, gần như nữ tính. “Bác có thể bị hoảng sợ đến mất trí, thậm chí tệ hơn thế nữa, nhưng sẽ không ai có thể động đến cháu chừng nào bác còn có thể làm bất cứ điều gì để can thiệp.”

Julia không khỏi mỉm cười, cảm động trước sự quan tâm của ông.

“Nhưng chúng ta có thể làm gì?” cô hỏi sau một hồi im lặng.

César cúi gằm xuống, nghiêm túc suy nghĩ về vấn đề họ đang gặp phải.

“Lúc này còn quá sớm để làm bất cứ điều gì. Chúng ta vẫn chưa biết liệu cái chết của Alvaro có phải là tai nạn hay không.”

“Thế còn các tài liệu?”

“Bác tin chắc rằng người nào đó, ở đâu đó, biết câu trả lời. Vậy nên bác cho rằng câu hỏi đặt ra ở đây là liệu có phải người gửi chúng tới cho cháu cũng chính là người phải chịu trách nhiệm về cái chết của Alvaro hay không, hay hai sự việc này hoàn toàn không có liên hệ gì với nhau.”

“Sẽ thế nào nếu những nghi ngờ tồi tệ nhất của chúng ta được xác nhận?”

Phải một lúc sau César mới trả lời.

“Trong trường hợp đó, bác chỉ thấy có hai lựa chọn, toàn là những phương án cổ điển, công chúa thân mến ạ, đó là: hoặc cháu chạy trốn, hoặc ở lại đối

mặt với thử thách. Nếu bác lâm vào tình thế này, bác chắc mình sẽ lựa chọn phương án bỏ chạy; tất nhiên, tất nhiên nói thế bây giờ cũng không có nghĩa gì nhiều. Nếu lúc nào bác cũng chỉ chăm chăm nghĩ tới nó, bác có thể trở thành một kẻ nhát gan kinh khủng, như cháu biết đấy.”

Julia đan hai bàn tay sau gáy.

“Không lẽ bác sẽ thực sự bỏ chạy mà không đợi tìm ra xem tất cả chuyện này có nghĩa gì sao?”

“Tất nhiên rồi. Hãy nhớ, tò mò hại thân.”

“VẬY bác nói sao về những điều bác từng dạy cháu khi cháu còn nhỏ? Đừng bao giờ rời khỏi một căn phòng trước khi kiểm tra tất cả các ngăn kéo.”

“À, phải. Nhưng khi đó chưa có ai trượt chân trong bồn tắm cả.”

“ĐỐ ĐẠO ĐỨC GIẢ. SÂU TRONG TÂM TRÍ MÌNH, bác cũng đang tò mò đến chết đi được và muốn biết tất cả chuyện này có nghĩa là gì thôi.”

César trông có vẻ trách móc.

“Nói bác muốn thế *đến chết đi được*, cô bé thân mến, là cách diễn đạt tệ hại nhất có thể, nếu xét tới hoàn cảnh bây giờ. Chết chính xác là điều bác không hề muốn, giờ khi bác gần như đã trở thành một ông già và có tất cả các chàng trai trẻ đáng mến đó để an ủi tuổi già của mình. Và bác cũng không muốn cháu chết.”

“VẬY sẽ thế nào nếu cháu quyết định dẫn tới để khám phá xem điều gì thực sự ẩn sau vụ việc liên quan tới bức tranh này?”

César bĩu môi, đưa mắt nhìn lơ đãng như thể ông thậm chí chưa từng tính đến khả năng này.

“Tại sao cháu muốn làm thế? Hãy cho bác một lý do hợp lý.”

“VÌ ALVARO.”

“NHƯ THẾ VỚI bác chưa đủ. Bác biết cháu đủ rõ để hiểu rằng Alvaro giờ không còn quan trọng với cháu nữa. Bên cạnh đó, theo những gì cháu vừa kể

với bác, anh ta cũng chẳng phải hoàn toàn thẳng thắn với cháu trong chuyện này.”

“Được rồi, vậy cháu sẽ làm việc đó vì chính bản thân cháu.” Julia khoanh tay lại đầy thách thức. “Nói cho cùng, đó là bức tranh của cháu.”

“Nghe này, bác nghĩ cháu đang hoảng sợ. Đó là điều lúc này cháu đã nói.”

“Cháu vẫn thấy sợ. Cháu thực sự hoảng loạn.”

“Bác hiểu,” César nói, tựa cằm lên hai bàn tay đang đan vào nhau, trên một trong hai bàn tay lấp lánh chiếc nhẫn gắn đá topaz. “Trên thực tiễn,” ông nói, sau một lát dừng lại cân nhắc, “chuyện này giống như một cuộc săn tìm kho báu. Có phải đó là điều cháu đang cố nói ra không? Giống như ngày trước, khi cháu còn là một cô bé bướng bỉnh.”

“Giống như ngày trước.”

“Thật kinh khủng làm sao! Ý cháu là chỉ cháu và bác?”

“Bác và cháu.”

“Cháu quên mất Muñoz rồi. Giờ chúng ta đã chiêu mộ ông ta.”

“Bác nói đúng. Tất nhiên rồi, Muñoz, bác và cháu.”

César cau mày, nhưng đôi mắt ông lại ánh lên những tia sáng đầy thích thú.

“Vậy thì tốt hơn chúng ta nên dạy cho ông ta biết bài hát của bọn cướp biển. Bác nghĩ ông ta chẳng hề biết đâu.”

“Cháu nghĩ không nên làm thế.”

“Chúng ta rất điên rồ mà, cô bé yêu quý,” César nhìn chăm chăm vào Julia. “Cháu biết rõ thế mà, đúng không?”

“Thế thì sao?”

“Đây không phải là một trò chơi, cô bé thân mến. Lần này thì không.”

Cô đón nhận cái nhìn của ông, không chút nao núng. Trông Julia thực sự rất xinh đẹp với tia sáng đầy kiên quyết mà tấm gương phản chiếu lại trong

đôi mắt sẫm màu của cô.

“Thế thì sao?” cô khẽ lặp lại.

César lắc đầu một cách khoan dung. Rồi ông đứng dậy, những đốm sáng nhiều màu lấp lánh như những viên kim cương trượt từ trên lưng ông xuống sàn nhà và phủ lên chân Julia. Ông đi về phía văn phòng của mình, rồi lúi húi vài phút ở chỗ chiếc két an toàn nằm chìm trong tường, được giấu kín sau một tấm thảm cũ không mấy giá trị, một bản sao chụp thảm hại của bức *Quý bà và kỳ lân*. Khi quay trở lại, ông cầm theo một gói nhỏ trong tay.

“Công chúa, thứ này là dành cho cháu. Một món quà.”

“Một món quà ư?”

“Đó là những gì bác vừa nói. Chúc một ngày không phải sinh nhật vui vẻ.”

Ngỡ ngàng, Julia gỡ lớp ni lông bọc ngoài và lớp vải dầu, rồi cầm lên tay một khẩu súng ngắn nhỏ làm bằng kim loại mạ crom, bóng súng được khảm xà cừ.

“Nó là một khẩu súng cổ, vậy nên cháu sẽ không cần giấy phép,” César giải thích. “Nhưng nó cũng tốt chẳng kém gì một khẩu súng mới, và sử dụng đạn cỡ 45. Khẩu súng này không hề cồng kềnh, cháu có thể mang nó trong túi. Nếu ai đó lại gần cháu hay lượn lờ quanh nơi cháu ở trong vài ngày tới,” ông nói, nhìn cô chăm chú, trong đôi mắt mệt mỏi không hề có chút bông đùa hài hước nào, “bác sẽ rất biết ơn nếu cháu chịu lấy món đồ bé nhỏ này ra bắn vỡ đầu hắn ta. Nhớ chưa? Như thế hẳn chính là thuyền trưởng Hook* vậy.”



Julia nhận được ba cuộc điện thoại trong vòng nửa tiếng đồng hồ kể từ lúc về đến nhà. Cuộc gọi đầu tiên của Menchu, bà đã đọc được tin trên báo và đang

rất lo lắng. Theo bà, vẫn chưa có ai cho rằng sự việc đó không phải một tai nạn. Julia nhận ra người bạn của cô không quan tâm gì tới cái chết của Alvaro, điều bà bận tâm là nguy cơ có những rắc rối có thể ảnh hưởng đến thỏa thuận của cô với Belmonte.

Cuộc gọi thứ hai khiến cô ngạc nhiên. Đó là lời mời ăn tối của Paco Montegrifo vào ngày tối hôm đó để bàn công việc. Julia nhận lời, hai người hẹn gặp nhau lúc 9 giờ tại quán Sabatini. Sau khi gác máy, cô ngồi trầm ngâm hồi lâu, cố tìm một lý do cho sự quan tâm đột ngột của anh ta. Nếu chuyện này có gì đó liên quan tới bức tranh của Van Huys, điều anh ta cần làm là nói chuyện với Menchu, hay gặp đồng thời cả cô và bà. Cô đã đi xa tới mức đề cập tới ý này trong cuộc nói chuyện điện thoại, nhưng Montegrifo đã trả lời rất rõ ràng rằng đó là một chuyện chỉ liên quan tới mình cô.

Cô ngồi xuống trước bức tranh, tiếp tục việc tẩy lớp véc ni cũ. Cô vừa dùng miếng bông tẩm dung môi lau được vài nhát thì điện thoại lại đổ chuông lần thứ ba.

Cô với đường dây để kéo chiếc điện thoại đang nằm dưới sàn về phía mình và nhắc ống nghe lên. Trong mười lăm hay hai mươi giây tiếp theo, cô không hề nghe thấy gì, bất kể những tiếng “Xin chào” cô liên tục lặp đi lặp lại vào ống nói với tâm trạng càng lúc càng bức bối. Hoảng sợ, cô im bật, nín thở đợi thêm vài giây nữa rồi gác máy, trong lúc một cảm giác u ám, một cơn hoảng loạn phi lý chợt bùng lên trong cô như một cơn sóng bỗng dưng ào tới. Cô nhìn chiếc điện thoại đang nằm trên thảm như thể đó là một con quái vật có nọc độc, đen ngòm, lóng lánh, và bất giác rùng mình, một bên khuỷu tay cô lóng ngóng hất đổ hộp dầu thông.

Cuộc điện thoại chẳng hề giúp tâm trí cô được bình yên hơn. Vì vậy, khi chuông cửa reo, cô vẫn ngồi gẩn như bất động, nhìn đăm đăm về phía cánh cửa đóng kín cho tới khi lần chuông reo thứ ba buộc cô phải trấn tĩnh lại. Đã

vài lần kể từ khi rời khỏi hiệu đồ cổ sáng hôm đó, Julia hình dung ra mình thực hiện điều lúc này cô đang làm và mỉm cười gượng gạo. Nhưng cô không hề thấy có hứng muốn cười chút nào khi dừng bước trước khi ra mở cửa, đủ lâu để lấy khẩu súng ngắn nhỏ ra khỏi túi xách, lên đạn rồi cho vào túi quần. Sẽ không có chuyện ai đó cho cô ngâm nước trong một chiếc bồn tắm.



Muñoz giũ nước đọng trên chiếc áo mưa đang mặc, đứng lóng ngóng ngoài lối đi. Cơn mưa đã làm mái tóc ông ta dính chặt xuống đầu, nước vẫn còn nhỏ giọt trên trán và chóp mũi ông ta. Ông ta mang theo một bộ cờ trong túi áo, được gói trong chiếc túi đựng hàng của một chuỗi siêu thị lớn.

“Ông đã tìm ra câu trả lời chưa?” Julia hỏi trong lúc đóng cửa lại.

Muñoz cúi mặt xuống, nửa xin lỗi, nửa bối rối. Rõ ràng ông ta vẫn cảm thấy không thoải mái khi phải ở trong nhà của người khác, nhất là khi đó lại là căn hộ của Julia.

“Vẫn chưa,” ông ta nói, nhìn vũng nước nhỏ dưới chân mình với vẻ áy náy. “Tôi mới vừa xong việc ở chỗ làm, và hôm qua chúng ta đã hẹn gặp nhau ở đây vào giờ này.” Ông ta bước lên hai bước rồi dừng lại, như thể băn khoăn xem có nên cởi chiếc áo mưa của mình ra không. Ông ta quyết định cởi nó ra khi Julia chìa một bàn tay ra chờ đón để cầm lấy chiếc áo, rồi ông ta đi theo cô vào trong phòng.

“Có rắc rối gì sao?” cô hỏi.

“Về nguyên tắc thì không.” Giống như lần trước, Muñoz không hề thể hiện chút tò mò nào khi nhìn quanh căn phòng. Ngược lại, có vẻ ông ta tìm kiếm một đầu mối nào đó để biết nên xử sự ra sao. “Chỉ là vấn đề đầu tư công

sức suy nghĩ và thời gian thôi. Tôi không làm gì khác ngoài suy nghĩ về nó.”

Vị khách đang đứng giữa phòng, cầm bộ cờ bằng cả hai tay. Julia không cần phải nhìn theo hướng mắt của ông ta để biết người kỳ thủ lập dị đang quan sát cái gì. Vẻ mặt của ông ta đã đổi khác, chuyển từ lảng tránh sang bị hứng thú cao độ, giống như một người bất ngờ bị chính hình ảnh đôi mắt của mình thôi miên.

Muñoz để bộ cờ lên mặt bàn, bước lại gần bức tranh hơn, chỉ để tâm vào phần có ván cờ và các quân cờ. Ông ta cúi người lại gần hơn nữa, quan sát chăm chú hơn so với hôm trước. Và Julia nhận ra ông ta không hề quá lời chút nào khi nói với cô “Tôi không làm gì khác ngoài suy nghĩ về nó”. Ông ta là một người đang tập trung vào việc lý giải một điều gì đó không chỉ đơn thuần là khó khăn của mình cô.

Ông ta quan sát bức tranh hồi lâu trước khi nhìn sang Julia.

“Sáng nay tôi đã thiết lập lại hai nước đi trước đó,” ông ta nói, giọng không hề có chút khoa trương nào. “Rồi sau đó tôi vấp phải một rắc rối. Một vấn đề liên quan tới vị trí không bình thường của các quân tốt.” Ông ta chỉ vào các quân cờ trong tranh. “Ở đây, thứ chúng ta đang gặp không phải là một ván cờ bình thường.”

Julia thực sự thất vọng. Khi cô ra mở cửa và thấy Muñoz đứng đó, cô đã gần như tin rằng câu trả lời đang nằm trong tầm tay. Tất nhiên, Muñoz không hề biết gì về sự khẩn cấp của vấn đề cần ông ta giải quyết, hay những biến cố mới đầy phức tạp vừa xảy đến với nó. Nhưng cô không phải người sẽ giải thích tất cả với ông ta, ít nhất là chưa.

“Những nước đi khác không quan trọng,” cô nói. “Chúng ta chỉ cần tìm ra quân cờ nào đã ăn quân hiệp sĩ trắng.”

Muñoz lắc đầu.

“Tôi đã dành hết thời gian có thể cho việc này.” Ông ta do dự, như thể

những gì sắp nói ra là một bí mật hệ trọng. “Tôi mừng tượng lại các nước cờ trong đầu, đi lại chúng theo thứ tự xuôi và ngược.” Ông ta lại dừng lời, đôi môi tạo thành một nụ cười nửa miệng xa xăm có phần đau đớn. “Nhưng có gì đó thật lạ lùng trong ván cờ này.”

“Nó không chỉ là một ván cờ,” cô nói. “Vấn đề là ở chỗ bác César và tôi nhìn nhận nó như phần trung tâm của bức tranh, vì chúng tôi không thể thấy được gì khác hơn.” Julia nghĩ lại những gì cô vừa nói. “Nhưng rất có thể phần còn lại của bức tranh chỉ đơn thuần là phần bổ sung cho ván cờ.”

Muñoz khẽ gật đầu, và Julia chợt có cảm giác như thể ông ta sẽ không bao giờ gật đầu xong. Những cử động chậm chạp ấy, như thể ông ta luôn dành nhiều thời gian cho chúng hơn mức thực sự cần thiết, dường như là một phần mở rộng trong phương thức tư duy của ông ta.

“Cô đã sai khi nói mình không thấy gì khác. Cô thấy mọi thứ, cho dù có thể cô không giải nghĩa được chúng.” Muñoz không hề nhúc nhích khỏi chỗ ông ta đang đứng; ông ta chỉ đơn thuần dùng cằm ra hiệu về phía bức tranh. “Tôi tin rằng điều này xuất phát từ cách nhìn nhận. Điều chúng ta có ở đây là các tầng không gian khác nhau, nằm lồng vào nhau: bức tranh có một sàn nhà đồng thời cũng là một bàn cờ chứa đựng các nhân vật phía trên. Những nhân vật này lại ngồi bên một bàn cờ có các quân cờ. Tất cả đều được thu vào tấm gương tròn bên trái. Và để làm cho thử thách thêm phức tạp, có thể thêm vào một tầng không gian nữa: không gian của chúng ta, nơi chúng ta đang đứng để ngắm nhìn bối cảnh, hay đúng hơn là các bối cảnh nối tiếp lồng vào nhau trong tranh. Và xa hơn nữa còn có tầng không gian trong đó họa sĩ hình dung ra chúng ta, những khán giả chiêm ngưỡng tác phẩm của ông.”

Vị khách nói không chút sôi nổi, trên khuôn mặt là một cái nhìn lơ đãng, như thể ông ta đang trình bày một bản mô tả đơn điệu mà tầm quan trọng chỉ được ông ta đánh giá cao lắm ở mức trung bình, và ông ta đề cập đến nó cũng

chỉ bởi muốn làm vui lòng người khác. Sững sốt, Julia khẽ huýt sáo.

“Thật lạ là ông có thể nhìn nhận nó như thế.”

Muñoz bình thản lắc đầu một lần nữa, không rời mắt khỏi bức tranh.

“Tôi không rõ tại sao cô lại thấy thế là kỳ lạ. Tôi nhìn thấy một ván cờ. Không chỉ một, mà là vài ván cờ, nhưng tất cả về cơ bản đều chỉ là một.”

“Điều này quá phức tạp với tôi.”

“Không hề. Vào lúc này, chúng ta đang dừng lại ở một tầng không gian trong đó chúng ta có thể thu thập một lượng lớn thông tin: không gian của ván cờ. Một khi ván cờ được lý giải, chúng ta có thể sử dụng bất cứ kết luận nào thu được cho phần còn lại của bức tranh, chỉ đơn giản là một câu hỏi về tư duy, tư duy toán học.”

“Tôi chưa bao giờ nghĩ toán học lại có gì liên quan tới việc này.”

“Nó liên quan tới mọi thứ. Bất cứ thế giới nào ta có thể tưởng tượng ra, như bức tranh này chẳng hạn, đều tuân theo cùng những quy luật như thế giới thực.”

“Thậm chí cả cờ vua?”

“Đặc biệt là cờ vua. Những dòng suy nghĩ của một kỳ thủ thực thụ di chuyển theo một dòng chảy khác với suy nghĩ của những người chơi cờ nghiệp dư. Tư duy của anh ta không cho phép anh ta cân nhắc tới những nước đi có thể thực hiện nhưng không thích hợp, vì anh ta luôn tự động loại trừ chúng. Tương tự như thế, một nhà toán học tài năng không bao giờ để tâm đến những ngõ cụt trong lúc tìm đường tới định lý anh ta đang nghiên cứu, trong khi đó chính xác sẽ là điều những người kém tài năng hơn sẽ làm, dò dẫm để tiến lên từ sai lầm này qua sai lầm khác.”

“Ông không bao giờ phạm sai lầm sao?”

Muñoz chậm rãi đưa mắt từ bức tranh sang Julia. Thứ gì đó giống một nụ cười thấp thoáng trên môi ông ta hoàn toàn không có chút âm hưởng hài hước

nào.

“Trong cờ vua thì không.”

“Làm thế nào ông biết được?”

“Khi ta chơi cờ, ta phải đối diện với một số lượng vô hạn các tình huống có thể xảy ra. Đôi lúc ta có thể giải quyết chúng nhờ sử dụng các quy tắc đơn giản, và đôi lúc ta cần tới những quy tắc khác để quyết định xem nên sử dụng quy tắc nào trong các quy tắc đơn giản kể trên. Hoặc có lúc những tình huống hoàn toàn mới lạ xuất hiện và ta cần hình dung ra những quy tắc mới, có thể bao hàm hay không bao hàm những quy tắc trước đó. Thời điểm duy nhất ta có thể phạm sai lầm là khi lựa chọn quy tắc này thay vì quy tắc khác, lúc đang lựa chọn con đường để theo. Và tôi chỉ thực hiện một nước đi sau khi đã loại bỏ hết các quy tắc không thể áp dụng.”

“Tôi thấy mức độ tự tin như thế thật đáng kinh ngạc.”

“Tôi không rõ tại sao. Đó chính là lý do khiến các vị lựa chọn tôi.”

Chuông cửa reo lên, thông báo sự xuất hiện của César, đem theo một cái ô nhỏ nước tong tong, đôi giày ướt sũng cùng những lời nguyện rửa cả thời tiết mùa này cũng như cơn mưa đang trút xuống.

“Bác căm ghét mùa thu, cô bé thân mến, bác thực sự căm ghét nó. Mùa của sương mù và đủ thứ khốn kiếp.” Ông thở dài, bắt tay Muñoz. “Sau khi người ta đến một độ tuổi nào đó, một vài mùa dường như trở nên giống như sự nhại lại chính con người của ta một cách kinh khủng. Tôi có thể rót cho mình chút gì để uống chứ? Ôi ngọc quá, tất nhiên là tôi có thể rồi.”

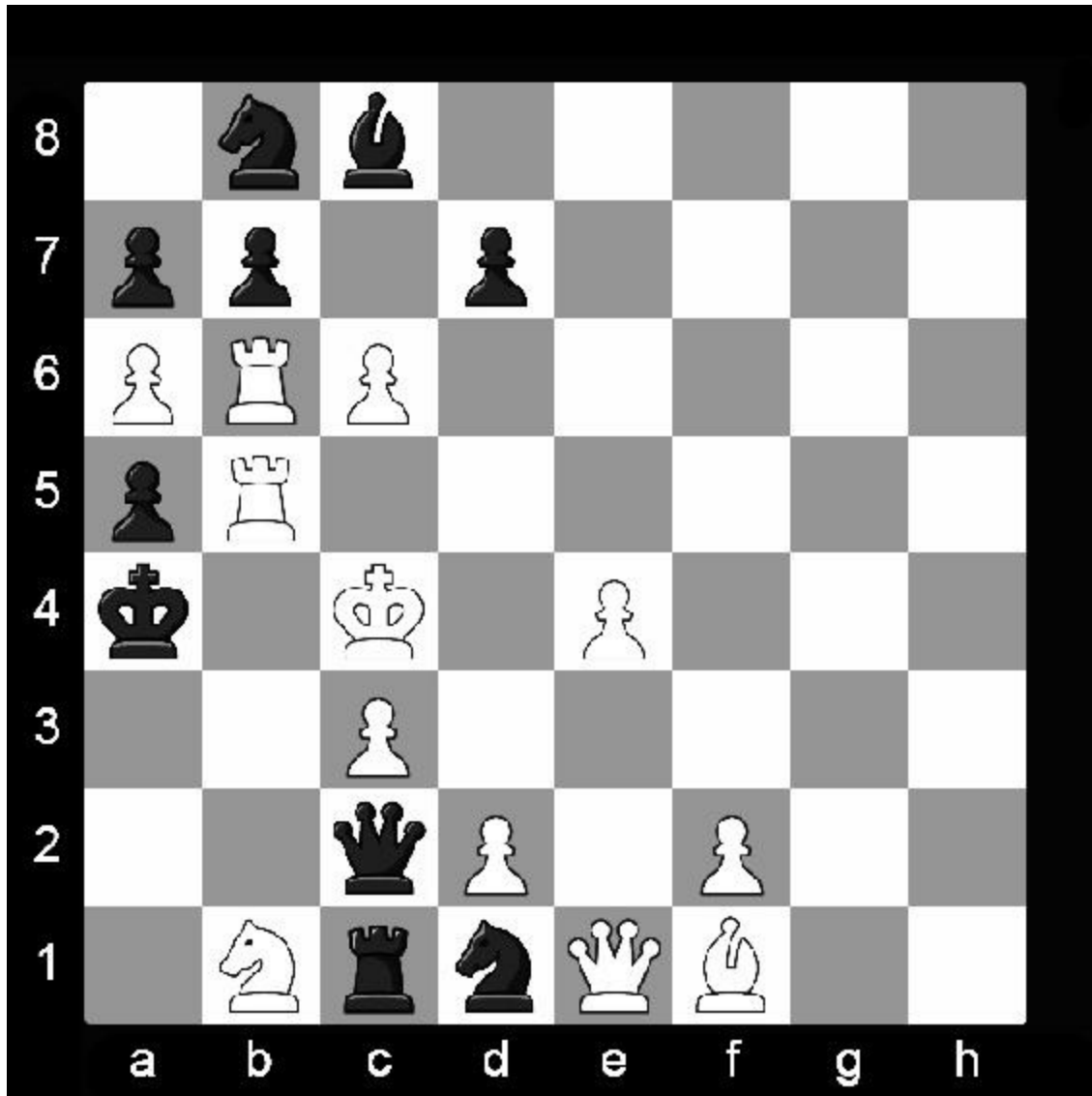
Ông rót cho mình một ly gin hào phóng cùng đá và chanh, rồi vài phút sau quay trở lại cùng hai người kia, đúng lúc Muñoz đang bày bộ quân cờ của mình ra.

“Dù tôi chưa đi được xa đến nước cờ liên quan tới quân hiệp sĩ trắng,” ông ta giải thích, “tôi nghĩ hai người vẫn muốn biết những tiến triển tôi đã có

được tới lúc này.” Sử dụng những quân cờ nhỏ bằng gỗ, ông ta thiết lập lại vị trí của bàn cờ được vẽ trong bức tranh. Julia nhận thấy ông ta làm việc này hoàn toàn nhờ vào trí nhớ của mình, không hề nhìn vào bức tranh của Van Huys hay bức phác họa ông ta đã vẽ tối hôm trước, lúc này vừa được ông ta lấy ra khỏi túi và đặt xuống một bên trên chiếc bàn. “Nếu hai người muốn, tôi có thể giải thích quá trình suy luận ngược trở lại mà tôi đã thực hiện cho tới hiện tại.”

“Phân tích hồi cứu,” César nói, nhấp thêm một ngụm gin.

“Đúng vậy,” Muñoz nói. “Và chúng ta sẽ sử dụng hệ thống ký hiệu mà tôi đã giải thích hôm qua.” Ông ta cúi người sang phía Julia, trong bàn tay ông ta là bức phác họa, rồi bắt đầu giải thích cho cô tình thế trên bàn cờ.



“Theo cách các quân cờ phân bố,” Muñoz nói tiếp, “và theo thông tin ta đã biết là quân đen vừa đi, điều đầu tiên cần tìm ra là quân cờ nào của bên đen vừa thực hiện nước đi cuối cùng đó.” Ông ta cầm một chiếc bút chì chỉ vào bức tranh, rồi vào mảnh giấy phác họa và cuối cùng là vào thế cờ được dựng lại trên bàn cờ thực. “Cách đơn giản nhất là loại trừ các quân đen không có khả năng di chuyển vì đang bị khóa chặt hay vì vị trí cụ thể của chúng. Có thể thấy rõ không quân nào trong số ba quân tốt đen ở các ô a7, b7, hay d7 đã di chuyển, vì tất cả chúng vẫn nằm nguyên vị trí ban đầu khi ván cờ bắt đầu. Quân tốt thứ tư và cuối cùng, ở ô a5, cũng không thể di chuyển, vì nó nằm

kẹt giữa một quân tốt trắng và chính vua đen. Chúng ta cũng có thể loại trừ giám mục đen ở ô c8, vẫn nằm nguyên tại vị trí ban đầu của nó, vì quân giám mục di chuyển theo đường chéo, và cả hai hướng chéo có thể đi của quân này đều bị các quân tốt đen chưa di chuyển chặn. Quân hiệp sĩ đen ở ô b8 cũng chưa di chuyển, vì nó chỉ có thể tới vị trí này từ các ô a6, c6 hay d7, mà cả ba ô kể trên đều đã có những quân cờ khác chiếm chỗ. Cô hiểu chứ?”

“Rất rõ,” Julia nói, cô đang cúi xuống bàn cờ dõi theo những lời giải thích của ông ta. “Có nghĩa là sáu trong số tám quân cờ đen không có khả năng vừa di chuyển.”

“Hơn cả sáu. Quân tháp đen ở ô c1 không thể di chuyển, vì nó chỉ có thể đi theo hàng dọc hay ngang, mà cả ba ô xung quanh đều đã có quân cờ khác chặn đường. Vậy nên không quân nào trong bảy quân cờ đen kể trên có thể là quân vừa đi nước cuối cùng. Và chúng ta cũng có thể loại trừ luôn quân hiệp sĩ ở ô d1.”

“Tại sao?” César hỏi. “Nó có thể tới đó từ ô b2 hay e3.”

“Không, nó không thể. Vì nếu ở một trong các ô đó, quân hiệp sĩ này đã có thể chiếu vua trắng ở ô c4; trong phân tích hồi cứu cờ vua, đây là điều chúng tôi có thể gọi là một nước chiếu tưởng tượng. Và không quân hiệp sĩ, hay bất kỳ quân cờ nào khác, đang chiếu vua đối phương lại tình nguyện rời khỏi vị trí đó; chỉ đơn giản điều đó là không thể. Thay vì rút lui, nó đã có thể bắt được vua đối phương, kết thúc ván cờ. Vì một tình huống như thế không thể xảy ra, chúng ta có thể suy luận quân hiệp sĩ ở ô d1 cũng không thể vừa di chuyển.”

“Nếu vậy,” Julia nói, mắt vẫn không rời bàn cờ, “chỉ còn lại hai khả năng với hai quân cờ nữa, phải vậy không?” Cô chỉ ngón tay vào từng quân cờ một. “Vua và hậu.”

“Phải. Nước cờ cuối cùng chỉ có thể do quân vua hay hậu thực hiện.”

Muñoz nghiên cứu bàn cờ rồi đưa tay về phía vua đen mà không thực sự chạm vào quân cờ này. “Thứ nhất, hãy phân tích vị trí vua, quân có thể di chuyển một ô theo bất kỳ hướng nào. Có nghĩa là quân vua có thể tới vị trí hiện tại của nó ở ô a4 từ ô b4, b3 hay a3... về lý thuyết.”

“Thậm chí cả tôi cũng có thể thấy ý ông muốn nói gì về các ô b4 và b3,” César nhận xét. “Không quân vua nào có thể ở tại ô xung quanh một quân vua khác. Đúng vậy không?”

“Phải. Ở ô b4 vua đen có thể bị tháp, vua hay tốt của bên trắng chiếu. Ở ô b3, nó có thể bị quân tháp hay vua chiếu. Cả hai đều là những khả năng không thể xảy ra.”

“Vậy nó có thể di chuyển từ dưới lên, từ ô a3 không?”

“Không, không bao giờ. Khi đó nó sẽ bị hiệp sĩ trắng ở ô b1 chiếu, mà quân cờ này, nếu suy đoán theo vị trí của nó, rõ ràng không phải mới di chuyển tới đó, mà đã có mặt ở ô này từ vài nước đi trước.” Muñoz nhìn cả hai người. “Vậy là ở đây, thêm một trường hợp dùng nước chiếu tưởng tượng khác cho chúng ta thấy vua không phải là quân vừa di chuyển.”

“Do đó, nước đi cuối cùng,” Julia nói, “là của quân hậu đen.”

Người kỳ thủ trông có vẻ thờ ơ.

“Về nguyên tắc, đó là điều chúng ta cần suy đoán,” ông ta nói. “Theo tư duy thuần túy, một khi chúng ta đã loại bỏ hết những gì không thể xảy ra, khả năng còn lại, cho dù có khó hiện thực hay khó tin đến đâu đi nữa, chắc chắn phải đúng. Hơn nữa, trong trường hợp này chúng ta còn có thể chứng minh được điều đó.”

Julia nhìn ông ta với vẻ tôn trọng mới mẻ.

“Thật không thể tin nổi. Nghe như thể chuyện trong một tiểu thuyết trinh thám.”

César bĩu môi.

“Cô bé yêu quý, bác e rằng chính xác là đúng vậy đấy.” Ông nhìn Muñoz. “Tiếp tục đi, Sherlock Holmes,” ông nói thêm với nụ cười thân mật. “Chúng tôi đang háo hức mong đợi đây.”

Một bên khóe miệng của Muñoz hơi nhếch lên không chút hài hước, chỉ là một phản ứng lịch sự thuần túy. Rõ ràng tâm trí ông ta đã tập trung cả vào bàn cờ. Đôi mắt ông ta dường như trũng sâu hơn trong hai hốc mắt, từ chúng đang lóe lên một tia sáng đầy đam mê: biểu hiện của một người đang chiêm ngưỡng một không gian tưởng tượng vô hình nào đó chỉ riêng anh ta có thể thấy.

“Bây giờ,” ông ta lên tiếng, “chúng ta hãy cùng tìm hiểu những nước đi mà quân hậu có khả năng đã thực hiện để tới vị trí của nó ở ô c2. Julia, tôi không biết cô có biết hậu là quân mạnh nhất trong các quân cờ hay không. Nó có thể đi qua bao nhiêu ô, theo hướng nào tùy ý, có thể di chuyển như bất cứ quân cờ nào khác, trừ quân hiệp sĩ. Như chúng ta thấy, hậu đen có thể tới ô hiện tại từ bốn ô: a2, b2, b3 và d3. Đến lúc này, hẳn cô cũng tự mình thấy được nó không thể di chuyển từ ô b3 tới, phải không nào?”

“Tôi nghĩ là vậy,” Julia cau mày lại tập trung quan sát. “Tôi đoán không thể có chuyện nó rời khỏi một vị trí cho phép nó chiếu vua trắng.”

“Chính xác. Thêm một trường hợp dùng nước chiếu tưởng tượng nữa, cho phép loại trừ ô b3 khỏi danh sách các vị trí ban đầu có thể có của quân hậu đen. Thế còn ô d3 thì sao? Liệu cô nghĩ có khả năng quân hậu đã di chuyển từ đó tới, để tránh nguy cơ đe dọa từ quân giám mục trắng ở ô f1 chẳng hạn?”

Julia suy nghĩ một hồi về khả năng đó. Cuối cùng khuôn mặt cô sáng lên.

“Không, không thể, cũng vì lý do như trước,” cô giải thích, ngạc nhiên trước việc mình tự tìm ra lời giải. “Tại ô d3, hậu đen cũng đã có thể chiếu vua trắng trong một nước chiếu tưởng tượng như ông vẫn gọi, đúng không? Đó là lý do không thể có khả năng nó từ ô này di chuyển tới.” Cô quay sang César.

“Chẳng phải thật tuyệt sao? Cháu chưa bao giờ chơi cờ vua trong đời mình.”

Lúc này Muñoz chỉ cây bút chì trong tay ông ta vào ô a2.

“Ta cũng lại có một nước chiếu tướng tương nữa nếu quân hậu từng ở đây, vậy nên chúng ta có thể loại trừ cả ô này.”

“Vậy thì hiển nhiên nó chỉ có thể di chuyển từ ô b2 tới,” César nói.

“Có thể lắm.”

“Ý ông nói ‘có thể’ là sao?” César có vẻ vừa không hiểu vừa tò mò. “Với tôi điều này hoàn toàn hiển nhiên.”

“Trong cờ vua,” Muñoz trả lời, “rất ít thứ có thể được gọi là ‘hiển nhiên’. Hãy nhìn vào các quân trắng trên cột b. Chuyện gì đã phải xảy ra nếu hậu đen từng ở ô b2?”

César trầm ngâm xoa cằm.

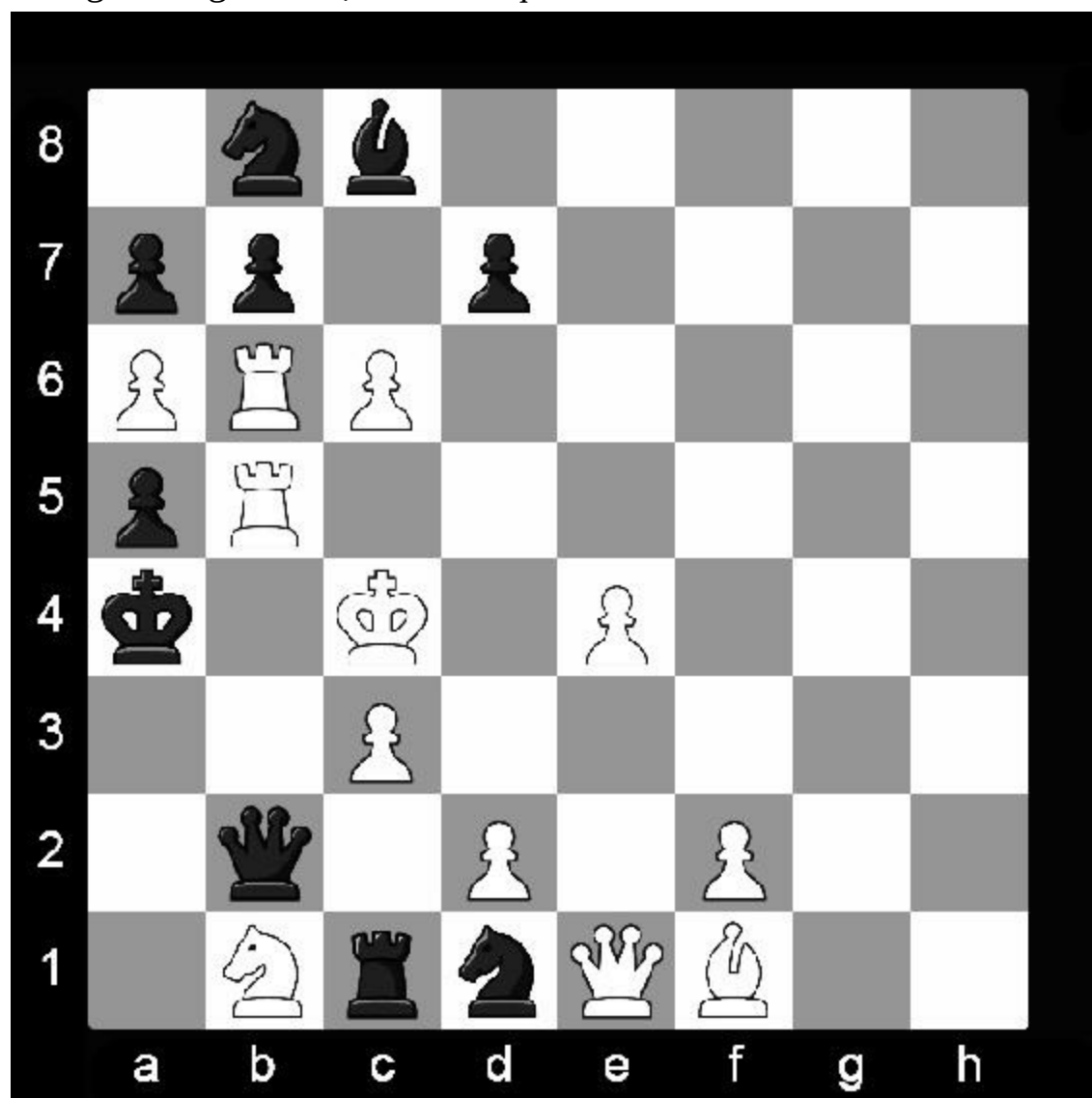
“Trong trường hợp đó, nó sẽ nằm trong tầm đe dọa của quân tháp trắng ở ô b5. Và có lẽ vì thế nó di chuyển sang ô c2 để tránh quân tháp này.”

“Không tồi,” Muñoz thừa nhận. “Nhưng chỉ là một khả năng. Dù thế nào đi nữa, lý do khiến nó di chuyển lúc này không quan trọng với chúng ta. Ông còn nhớ điều tôi từng nói với ông trước đây không? Một khi những điều không thể xảy ra đã được loại trừ, khả năng còn lại chắc chắn phải đúng. Nói tóm lại, một là quân đen vừa đi, hai là chín trong số mười quân đen trên bàn cờ không thể nào vừa di chuyển, ba là quân duy nhất có khả năng vừa di chuyển là quân hậu, và cuối cùng, ba trong bốn nước đi giả thiết của quân hậu không có khả năng xảy ra. Như vậy, hậu đen đã thực hiện nước đi duy nhất có thể: nó di chuyển từ ô b2 sang ô c2, có lẽ để chạy thoát khỏi mối đe dọa từ các quân tháp trắng ở ô b5 và b6. Đã rõ chưa?”

“Rất rõ,” Julia nói, César gật đầu tán đồng.

“Có nghĩa là,” Muñoz tiếp tục, “chúng ta đã thành công ở bước đầu tiên trong ván cờ ngược đang chơi. Vị trí tiếp theo, hay đúng hơn là trước đó, vì

chúng ta đang đi lùi lại, của các quân cờ sẽ như sau.”



“Hai người thấy không? Hậu đen vẫn ở ô b2, trước khi nó di chuyển sang ô c2. Vậy bây giờ chúng ta cần tìm hiểu xem quân trắng đã đi nước gì để buộc hậu đen phải làm như thế.”

“Chắc phải là quân tháp trắng,” César nói. “Quân ở ô b5. Gã quý đó có thể chuyển sang từ bất cứ ô nào thuộc hàng 5.”

“Có thể lắm,” Muñoz nói. “Nhưng điều đó không hoàn toàn giải thích được tại sao quân hậu phải bỏ chạy.”

César chớp mắt đầy ngạc nhiên.

“Tại sao không?” Đôi mắt ông đưa từ bàn cờ sang Muñoz rồi lại quay trở về bàn cờ. “Rõ ràng quân hậu đã chạy trốn mỗi đe dọa từ quân tháp. Chính ông vừa nói thế còn gì.”

“Tôi nói *có lẽ* nó đang chạy trốn các quân tháp trắng, chứ không hề nói chính quân tháp ở ô b5 đã khiến quân hậu phải bỏ chạy.”

“Tôi không hiểu gì nữa,” César thú nhận.

“Hãy nhìn thật chăm chú vào bàn cờ. Quân tháp trắng ở ô b5 đã di chuyển ra sao lúc này không quan trọng, vì quân tháp trắng còn lại, ở ô b6, *vốn trước đó đã chiếu quân hậu đen rồi*. Ông thấy chứ?”

César xem xét ván cờ lần nữa, lần này khá lâu.

“Tôi vẫn chưa hiểu,” cuối cùng ông chán nản lên tiếng. Ông đã uống cạn sạch món gin và chanh của mình, trong khi bên cạnh ông, Julia đang hút hết điếu thuốc này tới điếu thuốc khác. “Nếu không phải quân tháp trắng di chuyển tới ô b5, vậy thì toàn bộ lập luận của ông sẽ sụp đổ. Cho dù quân cờ đó có ở đâu di chuyển tới, bà hoàng hậu chết tiệt này cũng đã phải chuồn từ trước nước đi ấy, vì vốn bà ta đã bị chiếu rồi...”

“Không,” Muñoz nói. “Không nhất thiết phải như thế. Quân tháp này có thể vừa ăn một quân đen nào đó ở ô b5 chẳng hạn.”

Phấn chấn trước khả năng này, César và Julia chăm chú nghiên cứu ván cờ với sự hăng hái mới bùng lên trở lại. Vài phút sau, César ngược mắt lên dành cho Muñoz một cái nhìn đầy vị nể.

“Đúng thế,” ông ngạc nhiên nói. “Cháu thấy không, Julia? Một quân đen ở ô b5 trước đó đang che chở hậu đen khỏi mỗi đe dọa từ tháp trắng ở ô b6. Khi quân đen đó bị quân tháp thứ hai ăn, quân hậu bị đe dọa trực tiếp.” Ông đưa mắt nhìn Muñoz chờ sự xác nhận. “Chắc chắn phải là thế. Không còn khả năng nào khác.” Ông lại nhìn xuống bàn cờ, lần này với vẻ nghi ngờ. “Không có, phải không nào?”

“Tôi không biết,” Muñoz thành thật trả lời, và khi cô nghe thấy câu nói của người kỳ thủ, Julia thốt lên tuyệt vọng “Ôi Chúa ơi!”

“Ông mới chỉ vừa thiết lập nên một giả thiết,” ông ta nói tiếp, “và khi ta làm điều đó, ta luôn có nguy cơ thường trực là làm biến dạng thực tế đi ít nhiều cho phù hợp với giả thiết, thay vì tìm ra một giả thiết phù hợp với thực tế.”

“Vậy thì sao?”

“À, chỉ là vậy thôi. Tới lúc này chúng ta chỉ có thể coi ý tưởng rằng quân tháp trắng đã ăn một quân đen ở ô b5 là một giả thiết. Chúng ta vẫn cần xác định chắc chắn xem liệu còn có khả năng nào khác hay không, và nếu có, phải loại trừ hết những khả năng không phù hợp.” Tia sáng trong đôi mắt ông ta tắt dần. Dường như ông ta trở nên mệt mỏi hơn, u ám hơn trong lúc phác một cử chỉ không thể cắt nghĩa trong không khí, một phần như biện hộ, một phần không chắc chắn. Sự tự tin ông ta thể hiện khi giải nghĩa các nước đi đã biến mất; lúc này ông ta có vẻ dè dặt lúng túng. “Đó là những gì tôi muốn nói,” ông ta nói, cố lảng tránh ánh mắt Julia, “khi tôi bảo cô rằng tôi đang vấp phải một rắc rối.”

“Vậy thì bước tiếp theo là gì đây?” Julia hỏi.

Muñoz nhìn các quân cờ với vẻ cam chịu.

“Một cuộc điều tra mất nhiều thời gian và vô cùng khó khăn để kiểm tra toàn bộ sáu quân đen đã bị loại khỏi bàn cờ. Tôi sẽ cố tìm ra xem từng quân đã bị ăn theo cách nào và ở đâu.”

“Có thể phải mất hàng mấy ngày trời,” Julia nói.

“Hay vài phút, cũng còn tùy. Đôi khi, vận may và linh tính cũng giúp người ta một phần.” Ông ta nhìn hồi lâu xuống bàn cờ rồi nhìn vào bức tranh của Van Huys. “Nhưng có một điều tôi dám chắc,” ông ta nói sau một thoáng suy nghĩ. “Cho dù người vẽ bức tranh này là ai, ông ta cũng có một cách chơi

cờ rất khác thường.”

“Ông có thể mô tả ông ấy như thế nào?” Julia hỏi.

“Ai kia?”

“Người kỳ thủ vắng mặt. Người ông vừa nhắc tới.”

Thoạt tiên, Muñoz nhìn xuống tấm thảm, rồi nhìn vào bức tranh. Có gì đó tựa như sự ngưỡng mộ trong đôi mắt ông ta, Julia thầm nghĩ. Có lẽ là sự ngưỡng mộ từ trong nội tâm của một kỳ thủ trước một bậc thầy.

“Tôi không biết nữa,” ông ta khẽ nói, như thể đang lảng tránh. “Cho dù ông ta là ai, ông ta cũng là một người rất ranh ma. Tất cả kỳ thủ hàng đầu đều như thế, nhưng con người này còn có một thứ khác nữa: một tài năng hiếm có trong việc tạo ra những đầu mối giả, trong việc sắp đặt đủ loại cạm bẫy. Và ông ta thích làm chuyện đó.”

“Có thể nào như vậy không?” César hỏi. “Ta có thể thực sự đánh giá được tính cách một người qua cách người đó chơi cờ sao?”

“Tôi nghĩ là có,” Muñoz trả lời.

“Trong trường hợp đó, ông nghĩ sao về con người đã nghĩ ra ván cờ này, nếu xét tới việc ông ta đã thực hiện nó vào thế kỷ 15?”

“Tôi sẽ nói rằng” – Muñoz nhìn vào bức tranh như bị hút hồn – “tôi sẽ nói rằng có điều gì đó ‘ma quái’ trong cách chơi cờ của ông ta.”

BÀN CỜ VÀ GƯƠNG

Và đâu là kết cuộc?

Bạn sẽ tìm ra câu trả lời khi tới lúc ấy.

_ Khúc ballad của ông lão ở Leningrad _

Vì chiếc xe của họ bị chiếc xe khác đỗ chặn cửa, Menchu đã chuyển chỗ sang ghế lái khi Julia trở lại xe. Cô mở cửa chiếc Fiat nhỏ nhắn rồi ngồi xuống ghế.

“Bọn họ đã nói gì?” Menchu hỏi.

Julia không trả lời ngay; cô vẫn còn quá nhiều thứ phải bận tâm suy nghĩ, chăm chú dõi theo dòng xe cộ đang nối nhau đi trên đường phố, cô lấy một điều thuốc từ trong túi ra, đặt lên môi rồi bấm vào bật lửa tự động trên bảng đồng hồ.

“Hôm qua có hai nhân viên cảnh sát tới đây,” cuối cùng cô lên tiếng, “họ cũng hỏi những câu hỏi giống như tôi vậy.” Khi bật lửa bật lên, cô chìa điều thuốc của mình vào châm. “Theo người phụ trách, phong bì đã được đưa cho họ để chuyển phát vào thứ Năm, ngay đầu giờ chiều.”

Hai bàn tay Menchu nắm chặt lấy vô lăng, các đốt ngón tay của bà trắng bệch, nổi bật giữa những chiếc nhẫn lấp lánh. “Ai đã mang nó tới?”

Julia từ từ thở ra.

“Theo lời ông ta, đó là một phụ nữ.”

“Một phụ nữ sao?”

“Trung tuổi, ăn mặc lịch sự, tóc vàng. Mặc áo mưa, đeo kính râm.” Cô quay sang bạn mình. “Có thể là bà lắm.”

“Không buồn cười tí nào đâu.”

“Không, tôi biết là không.” Julia thở dài. “Nhưng cũng có thể là bất kỳ ai. Người phụ nữ không hề cho biết tên hay địa chỉ, bà ta chỉ cung cấp các thông tin của Alvaro và nói đó là người gửi. Bà ta yêu cầu sử dụng dịch vụ chuyển

phát nhanh. Và đúng là nó đã được chuyển đi rất nhanh.”

Hai người hòa vào dòng xe cộ. Có vẻ trời lại sắp mưa, vài giọt nước nhỏ đã bắt đầu đập vào kính chắn gió. Menchu tăng ga, nhãn mũi đầy vẻ không hài lòng.

“Cô biết đấy, Agatha Christie chắc sẽ có thể tạo nên một tiểu thuyết bán chạy hạng nhất từ vụ này.”

Julia mỉm cười không chút vui vẻ.

“Phải. Nhưng như thế nó sẽ chứa đựng cả một cái chết có thật.” Cô hình dung ra cảnh Alvaro trần trụi nằm ướn sững trong nước. Nếu có điều gì còn tệ hại hơn cả cái chết, thì đó hẳn là phải chết trong một bộ dạng khó coi, trong khi có những người khác đến nhìn ngó ta.

“Anh chàng khốn khổ tội nghiệp,” cô nói lên thành tiếng.

Hai người dừng lại trước chỗ cho người đi bộ qua đường. Menchu liếc mắt nhìn sang cô bạn. Bà nói cảm thấy rất lo về việc Julia bị dính vào một tình thế như lúc này. Bà cảm thấy bất an, tới mức bà đã phá vỡ một trong những nguyên tắc vàng của mình và đưa Max về ở nhà bà cho tới khi mọi chuyện trở nên rõ ràng hơn. Julia cũng nên làm như thế.

“Cái gì, đưa Max tới sống trong căn hộ của tôi? Không, xin cảm ơn. Thà tôi ở một mình mà tiêu đời còn hơn.”

“Đừng có lại bắt đầu như thế. Và đừng làm bộ chậm hiểu.” Đèn tín hiệu chuyển sang xanh, Menchu vào số và tăng ga. “Cô thừa biết ý tôi không muốn nói tới anh ta. Hơn nữa, anh chàng quả là dễ thương.”

“Một kẻ hút máu người.”

“À, ít nhất thứ anh ta hút cũng không hút máu tôi.”

“Đừng có thô thiển thế.”

“Ô, hóa ra bây giờ tôi đang được ngồi bên xờ Julia thánh thiện cơ đấy.”

“Rất hân hạnh.”

“Xem nào. Có thể Max đúng là loại người cô nói, nhưng anh ta quá đẹp trai, đến mức làm tôi ngây ngất quay cuồng mỗi khi nhìn anh ta. Cũng giống như những gì Bà Bướm cảm thấy trước trung úy Pinkerton... giữa hai cơn ho rũ rượi. Hay anh chàng đó là Armand Duval* nhỉ?” Bà bật lời chửi rủa một người đi bộ bất ngờ băng qua đường, phần nộ bấm còi inh ỏi, lách xe vào khoảng trống nhỏ hẹp giữa một chiếc taxi và một chiếc xe buýt đang nhả khói mù mịt. “Nhưng nói một cách nghiêm túc, tôi không nghĩ việc cô ở một mình là ý tưởng hay đâu. Sẽ thế nào nếu thực sự có một tên sát nhân và hẳn quyết định ra tay với cô?”

Julia bực bội nhún vai.

“Vậy bà muốn tôi làm gì với chuyện đó?”

“Tôi không biết. Chuyển tới ở cùng ai đó chẳng hạn. Tôi sẽ chấp nhận thực hiện sự hy sinh cao cả nhất nếu cô muốn. Tôi sẽ tống khứ anh chàng Max đi, như thế cô có thể tới ở tại nhà tôi.”

“Thế còn bức tranh?”

“Cô có thể mang theo và tiếp tục công việc với nó tại nhà tôi. Tôi sẽ chuẩn bị thật nhiều đồ hộp, coca, những băng video tục tĩu và rượu, chúng ta có thể cố thủ tại đó, cô và tôi, giống như trong phim *Fort Apache*, cho tới khi tống khứ được bức tranh đi. À, và còn hai việc khác nữa. Thứ nhất, tôi đã mua bảo hiểm bổ sung, chỉ là để đề phòng.”

“Chỉ là để đề phòng, ý bà là sao? Bức tranh của Van Huys hoàn toàn được an toàn trong căn hộ của tôi, dưới các lần khóa và mật mã. Tôi đã phải bỏ ra cả một gia tài để lắp đặt hệ thống an ninh, bà nhớ chứ? Nó không khác gì kho vàng Fort Knox của Mỹ, chỉ thiếu vàng thôi.”

“Cô không bao giờ biết chắc được.” Trời bắt đầu mưa nặng hạt hơn, và Menchu bật cần gạt nước lên. “Điều thứ hai là: đừng nói gì, dù chỉ một lời, về chuyện này với *don Manuel*.”

“Tại sao lại không?”

“Cô có điên không vậy? Cô cháu gái bé bỏng của ông ta, cô ả Lola, chỉ cần có thể để làm hỏng toàn bộ vụ làm ăn này của tôi.”

“Cho tới lúc này chưa có ai liên hệ bức tranh với Alvaro.”

“Cầu trời là không. Nhưng đám cảnh sát không phải loại người tế nhị và rất có thể họ sẽ liên hệ với khách hàng của tôi. Hay với con bò cái cháu gái của ông ta. À, thế đấy. Mọi thứ đang mỗi lúc một thêm rối tinh rối mù. Tôi chỉ muốn tổng khứ hết cục nợ này cho Claymore, nhận món tiền hoa hồng trung gian của mình rồi chuồn cho nhẹ người.”

Làn mưa tạo ra những hình ảnh xám lơ mờ nổi nhau trôi qua ngoài khung cửa kính, khiến chiếc xe như thể đang nằm giữa một phong cảnh lạ lùng, không có thực. Julia đưa mắt nhìn bạn cô.

“Nhân tiện,” cô nói, “tôi có hẹn ăn tối cùng Montegrifo tối nay.”

“Bà nghe thấy rồi đấy. Ông ta có vài chuyện làm ăn muốn trao đổi với tôi.”

“Chuyện làm ăn? Có lẽ anh ta sẽ muốn chơi cả trò đôi lứa đêm tân hôn nữa ấy chứ.”

“Tôi sẽ gọi điện thoại và kể cho bà nghe tất cả.”

“Tôi sẽ không tài nào ngủ được cho tới khi cô gọi cú điện thoại đó. Rõ ràng là anh ta đánh hơi được có chuyện gì đó đang diễn ra. Tôi xin cược toàn bộ trình tiết trong ba kiếp sau của mình vào vụ này.”

“Tôi đã bảo bà đừng nói năng thô thiển như thế rồi mà.”

“Và cô không được phản bội tôi. Tôi là bạn cô, hãy nhớ lấy. Người bạn tốt nhất của cô.”

“Tin tôi đi, và đừng có lái xe nhanh thế.”

“Tôi sẽ đâm cô chết tươi nếu cô phản bội tôi. Giống như Jose trong truyện *Carmen* của Merimée* ấy.”

“OK. Xem kìa, bà vừa vượt đèn đỏ đấy. Vì chiếc xe này là của tôi, tôi sẽ phải trả bất cứ khoản tiền phạt nào bà gây ra.” Cô liếc nhìn vào gương chiếu hậu và thấy một chiếc xe khác, một chiếc Ford màu xanh lấp kính đen, cũng vượt đèn đỏ theo họ, nhưng rồi nhanh chóng rẽ sang phải và biến mất. Cô nhớ lảng máng dường như đã nhìn thấy chiếc xe này đỗ bên kia đường, cũng bị đỗ chặn đường như họ, khi cô bước ra khỏi công ty chuyển phát. Nhưng khó có thể chắc chắn được gì trong lúc đường sá đông đúc giữa cơn mưa tầm tã như thế này.



Paco Montegrifo thuộc kiểu người quyết định, ngay từ khi anh ta đủ lớn để đưa ra các quyết định như thế, rằng những đôi tất đen chỉ dành cho lái xe và phục vụ bàn, vì thế anh ta chỉ luôn chọn những đôi tất màu xanh hải quân có tông đậm nhất. Anh ta đang mặc một bộ đồ may đo vừa như in màu xám sẫm không chê vào đâu được, một bộ đồ như thế vừa bước ra từ những trang tạp chí thời trang dành cho nam giới, vẻ ngoài hoàn hảo của anh ta được hoàn tất bằng một chiếc áo sơ mi cổ cồn kiểu Windsor, một chiếc cà vạt lụa và một chiếc khăn mùi soa đang hơi nhô ra khỏi túi áo trên. Anh ta đứng dậy từ một chiếc ghế bành trong phòng chờ và tới chào Julia.

“Quả thực,” anh ta nói trong lúc bắt tay cô, hàm răng trắng muốt lóng lánh tương phản thật bắt mắt với làn da rám nắng, “trông cô thật lộng lẫy.”

Màn chào hỏi đó cũng ấn định luôn sắc thái của phần đầu bữa tối. Và anh ta đã thể hiện sự ngưỡng mộ vô bờ bến dành cho chiếc váy nhung đen bó sát người Julia đang mặc, thậm chí trước cả khi hai người ngồi xuống chiếc bàn đã được giữ sẵn cho họ bên khung cửa sổ, với góc nhìn toàn cảnh xuống cung

điện Palacio Real trong đêm. Từ đó trở đi, anh ta không ngớt trình diễn một loạt những cái nhìn – luôn được điều tiết để đượm vẻ nồng nàn nhưng không bao giờ quá đà – kèm theo những nụ cười quyến rũ. Sau ly rượu khai vị, trong lúc người phục vụ chuẩn bị mang món ngêu ra, anh ta bắt đầu tấn công Julia dồn dập bằng hàng loạt câu hỏi và đổi lại là những câu trả lời thông minh mà anh ta lắng nghe trong lúc chống cằm lên hai bàn tay đang đan các ngón vào nhau, miệng hơi hé mở, trên khuôn mặt thường trực thái độ đầy chăm chú và hài lòng, đồng thời cũng cho phép ánh sáng từ ngọn nến phản chiếu lấp lánh trên hàm răng hoàn hảo của mình.

Lần duy nhất anh ta đã động đến Van Huys trước món tráng miệng là lúc anh ta cẩn thận lựa chọn một loại vang trắng Burgundy để dùng kèm với món cá. Vì nghệ thuật, anh ta nói với một cái nhìn thoáng qua đầy ẩn ý, và lựa chọn đó cũng cho anh ta cơ hội để khơi mào một bài diễn thuyết nho nhỏ về rượu vang Pháp.

“Kể cũng thật lạ,” anh ta nói trong lúc mấy người phục vụ vẫn đang hối hả lượn quanh bàn, “dường như có điều gì đó thay đổi khi tuổi tác chúng ta tăng lên theo năm tháng. Thoạt đầu, chúng ta là người hâm mộ nhiệt thành vang trắng hay vang đỏ của vùng Burgundy: chúng là người bạn đồng hành tuyệt vời nhất cho tới khi chúng ta bước sang tuổi ba mươi. Nhưng rồi sau đó, cho dù không chia tay hoàn toàn với vang Burgundy, đã tới lúc chuyển sang vang Bordeaux: một thứ vang cho người lớn, đứng đắn và điềm đạm. Chỉ đến tuổi ngoài bốn mươi chúng ta mới thuyết phục được bản thân mình bỏ ra cả một gia tài để đổi lấy một thùng vang Petrus hay Château d’Yquem.”

Anh ta ném thử rượu vang, thể hiện sự tán thưởng bằng một cái nhướng mày, còn Julia ngả người thoải mái trên ghế và chiêm ngưỡng màn trình diễn, thực sự thấy thú vị khi cùng diễn trò với anh ta. Thậm chí cô còn thực sự thích bữa ăn tối cùng cuộc chuyện văn dông dài này, và đi đến kết luận rằng

nếu vào hoàn cảnh khác, hẳn Montegrifo sẽ là một người bạn đồng hành thú vị, với giọng nói nhẹ nhàng, đôi bàn tay có làn da rám nắng, kèm theo mùi nước hoa, mùi da thuộc hảo hạng và mùi thuốc lá ngon luôn thoang thoảng một cách tinh tế xung quanh, bất chấp thói quen đưa ngón tay trở lên vuốt lông mày bên phải cũng như việc thỉnh thoảng anh ta lại kín đáo liếc mắt nhìn vào bóng mình phản chiếu trên cửa sổ.

Họ tiếp tục trò chuyện về đủ mọi chủ đề, trừ bức tranh. Khi cô đã ăn xong lát cá hồi, anh ta vẫn còn bận rộn với món cá biển của nhà hàng Sabatini, chỉ dùng một chiếc nĩa bạc duy nhất. Một quý ông thực thụ – anh ta giải thích kèm theo một nụ cười nhằm nhấn mạnh rằng lời giải thích không nên được đón nhận một cách hoàn toàn nghiêm túc – sẽ không bao giờ dùng dao với món cá.

“Nhưng ông lọc xương bằng cách nào vậy?” Julia hỏi.

Người phụ trách đầu giá đón nhận cái nhìn của cô không chút nao núng.

“Tôi không bao giờ đặt chân tới các nhà hàng phục vụ món cá còn để cả xương.”

Sau món tráng miệng, và trước lúc cà phê, anh ta cũng gọi cà phê đen thật đặc giống như cô, được dọn ra, Montegrifo lấy ra một chiếc hộp đựng thuốc lá bằng bạc rồi cẩn thận chọn một điếu thuốc lá Anh. Sau đó anh ta cúi người về phía cô.

“Tôi rất muốn mời cô về làm việc cho tôi,” anh ta hạ giọng khẽ nói, như thể sợ ai đó ở Palacio Real có thể nghe thấy.

Lúc đó Julia đang cầm một điếu thuốc không đầu lọc của mình đưa lên môi, nhìn thẳng vào đôi mắt nâu của anh ta trong lúc anh ta đưa bật lửa châm thuốc cho cô.

“Tại sao?” cô hỏi, với vẻ hờ hững, như thể anh ta vừa nói với một ai khác.

“Vì vài lý do.” Montegrifo đặt chiếc bật lửa mạ vàng lên trên hộp đựng

thuốc lá, cần thận chỉnh cho chiếc bật lửa nằm đúng chính giữa nắp hộp. “Trong đó lý do chính là vì cho tới giờ tôi chỉ nghe thấy những đánh giá rất tốt về cô.”

“Tôi rất vui được nghe điều đó.”

“Tôi hoàn toàn nghiêm túc đấy. Như cô có thể hình dung, tôi đã đi dò hỏi. Tôi biết những tác phẩm cô từng phục chế cho Prado cũng như các phòng trưng bày tư nhân. Cô vẫn làm việc cho bảo tàng đúng không?”

“Đúng vậy, ba ngày một tuần. Hiện giờ tôi đang phục chế một tác phẩm mà bảo tàng mới nhận được, một bức tranh của danh họa người Ý Duccio di Buoninsegna.”

“Tôi đã nghe nói về bức họa đó. Một công việc khó khăn. Tôi biết họ luôn giao cho cô những nhiệm vụ quan trọng.”

“Đôi lúc đúng là thế thật.”

“Thậm chí tại Claymore chúng tôi cũng từng vinh dự được ủy quyền bán đấu giá một số tác phẩm đã được cô phục chế. Bức tranh của danh họa Madrazo trong bộ sưu tập Ochoa chẳng hạn. Kết quả phục chế của cô đã giúp chúng tôi nâng mức đấu giá lên một phần ba. Và còn một bức tranh nữa, vào mùa xuân vừa rồi. *Buổi hòa nhạc* của sử gia Lopez de Ayala, đúng không nhỉ?”

“Đó là bức *Người phụ nữ chơi đàn piano* của danh họa Rogelio Egusquiza.”

“Đúng rồi, đúng rồi, thứ lỗi cho tôi. *Người phụ nữ chơi đàn piano*, tất nhiên là nó rồi. Bức tranh đã bị hơi ẩm làm hỏng nặng, và cô đã thực hiện công việc phục chế nó một cách tuyệt hảo.” Anh ta mỉm cười, và bàn tay hai người gần như chạm nhau khi cùng gõ tàn thuốc lá xuống gạt tàn. “Cô có hạnh phúc với công việc đang làm không? Ý tôi là, chỉ đơn thuần phục chế bất cứ bức tranh nào tới tay mình.” Anh ta lại khoe hàm răng long lanh của

mình ra lần nữa. “Như một người làm việc tự do.”

“Tôi chẳng có gì để phàn nàn cả,” Julia nói, quan sát người đối thoại với mình qua làn khói thuốc lá. “Bạn bè giúp đỡ tôi, họ tìm việc làm cho tôi. Hơn nữa, như thế này có nghĩa là tôi được độc lập.”

Montegrifo nhìn cô chăm chú.

“Trong mọi thứ?”

“Trong mọi thứ.”

“Vậy thì cô quả là một phụ nữ trẻ may mắn.”

“Có lẽ vậy. Nhưng tôi cũng phải làm việc vất vả.”

“Claymore có rất nhiều dự án cần đến chuyên môn của một người như cô. Cô nghĩ sao?”

“Tôi không thấy có hại gì khi trao đổi về việc đó.”

“Hay quá. Chúng ta có thể thu xếp một cuộc gặp nữa, một buổi chuyện trò chính thức hơn, trong vài ngày nữa.”

“Tùy ông vậy.” Julia nhìn Montegrifo hồi lâu. Cô cảm thấy không thể dừng được nụ cười giấu cợt trên môi mình. “Giờ ông có thể trao đổi với tôi về bức tranh của Van Huys.”

“Cô nói gì cơ?”

Julia dụi điếu thuốc vào gạt tàn rồi hơi cúi người về phía Montegrifo.

“Bức tranh của Van Huys,” cô lặp lại, cẩn thận phát âm chính xác tên họa sĩ. “Tất nhiên, trừ phi ông có ý định cầm tay tôi và nói rằng tôi là người phụ nữ đáng yêu nhất ông từng gặp, hay thứ gì đó dễ thương tương tự.”

Montegrifo mất một khoảnh khắc để mỉm cười trở lại, song anh ta làm vậy với vẻ tự tin tuyệt đối.

“Tôi cũng muốn lắm, nhưng tôi không bao giờ nói những điều tương tự cho tới khi đã dùng xong cà phê. Thậm chí dù tôi có nghĩ đến chúng,” anh ta giải thích. “Đó là một vấn đề mang tính chiến thuật.”

“Vậy chúng ta hãy nói về bức tranh của Van Huys.”

“Nhất trí.” Anh ta nhìn cô một lúc lâu, và cô có thể nhận ra, dù nụ cười đang nở trên môi anh ta, nhưng đôi mắt nâu của anh ta thì không hề cười; trong đôi mắt đó hiện rõ vẻ thận trọng cao độ. “Tôi đã nghe thấy vài lời đồn đại – cô biết đó là chuyện gì rồi đấy. Thế giới nhỏ bé của chúng ta quả thực là một cửa hàng đầy ắp những chuyện ngòi lê đôi mách, nơi mọi người đều biết nhau.” Anh ta thở dài, như thể không mấy tán thưởng thế giới mình vừa mô tả. “Theo tôi hiểu, cô đã khám phá ra điều gì đó trong bức tranh. Và theo những gì tôi nghe được, có vẻ như điều đó sẽ làm tăng giá trị của bức tranh lên đáng kể.”

Julia vẫn giữ khuôn mặt hoàn toàn bình thản, ý thức được cô cần phải làm nhiều hơn thế nếu muốn qua mặt Montegrifo.

“Ai đã kể cho ông nghe câu chuyện tầm phào đó vậy?”

“Một chú chim nhỏ.” Người phụ trách đấu giá vượt lông mày bên phải của mình với vẻ băn khoăn. “Nhưng đó chỉ là chuyện nhỏ. Điều đáng nói là bạn cô, *senorita* Roch, nói theo cách nào đó, đang định tống tiền tôi.”

“Tôi không biết ông đang nói về chuyện gì.”

“Tôi tin chắc là cô không biết.” Nụ cười của Montegrifo vẫn không thay đổi. “Bạn cô muốn hạ tỷ lệ phần trăm hoa hồng của Claymore trong vụ làm ăn này và tăng tỷ lệ của bà ta lên.” Anh ta cố làm ra vẻ khách quan. “Sự thật là về mặt pháp lý chẳng có gì ngăn cản bà ta làm thế, vì thỏa thuận giữa chúng tôi chỉ là thỏa thuận miệng. Bà ta có thể dễ dàng phá vỡ nó, tìm tới các đối thủ cạnh tranh của chúng tôi để tìm một tỷ lệ phần trăm hơi hơn.”

“Tôi rất mừng vì ông hiểu vấn đề đến thế.”

“Tất nhiên tôi là người như thế rồi. Nhưng như thế không có nghĩa là tôi sẽ không tiến hành tìm hiểu điều tra vì lợi ích của công ty mình.”

“Tôi nên hy vọng là không.”

“Tôi không giấu cô là tôi đã tìm ra chủ sở hữu bức tranh của Van Huys; một quý ông đã khá cao tuổi. Hay nói một cách chính xác, tôi đã tiếp xúc với cháu gái ông ta và anh chồng cô ấy. Ý định của tôi, và ngay cả điều này nữa tôi cũng sẽ không giấu cô, là thuyết phục gia đình đó không dùng bạn cô làm trung gian nữa mà giao dịch trực tiếp với tôi. Cô hiểu chứ?”

“Rất rõ. Ông đang tìm cách qua mặt Menchu.”

“Phải, nói vậy cũng được. Tôi cho rằng cô có thể gọi việc này như thế.” Một quầng tối lướt qua trên vầng trán rám nắng của anh ta, đem đến cho khuôn mặt anh ta chút gì đó phiền muộn, giống như dáng vẻ của một người bị chỉ trích oan uổng. “Không may là bạn cô, một phụ nữ cực kỳ thận trọng, đã yêu cầu chủ sở hữu phải ký một thỏa thuận cho phép vô hiệu hóa bất cứ đề nghị nào tôi có thể đưa ra. Cô nghĩ thế nào?”

“Tôi rất thông cảm với ông. Chúc ông lần tới may mắn hơn.”

“Cảm ơn cô,” Montegrifo châm một điếu thuốc nữa. “Nhưng rất có thể chưa phải mọi thứ đã chấm hết. Cô là bạn thân của *senorita* Roch. Biết đâu cô có thể thuyết phục bà ấy chấp nhận một thỏa thuận hữu nghị nào đó. Nếu tất cả chúng ta cùng hợp tác với nhau, chúng ta có thể kiếm được cả một gia tài từ bức tranh đó, cả cô, bạn cô, Claymore và tôi đều có lợi. Cô nghĩ sao?”

“Có thể lắm. Nhưng tại sao ông lại nói tất cả chuyện này với tôi mà không nói với Menchu? Như thế ông sẽ tiết kiệm được một bữa tối.”

Vẻ mặt Montegrifo chuyển sang thái độ phật ý thực sự.

“Tôi thích cô, và ý tôi không phải chỉ đơn thuần chỉ là thích một chuyên gia phục chế tranh. Nói thực lòng, tôi rất thích cô. Tôi có ấn tượng cô là một người phụ nữ thông minh và hợp tình hợp lý, cũng như cực kỳ thu hút. Tôi thà đặt niềm tin vào tài thương thuyết của cô hơn là nói thẳng với bạn cô, một người hơi phù phiếm theo cách nhìn nhận của tôi, tôi e là phải nói thẳng như vậy.”

“Nói cách khác,” Julia nói, “ông muốn tôi thuyết phục bà ấy.”

“Nếu cô vui lòng, quả thực sẽ rất” – người phụ trách đấu giá ngập ngừng, cẩn thận lựa chọn từ thích hợp – “tuyệt vời.”

“Và tôi sẽ được gì từ việc đó?”

“Sự biết ơn của công ty tôi, tất nhiên rồi. Hiện tại và cả trong tương lai. Nếu nói tới lợi ích tức thời, tôi sẽ không hỏi cô trông đợi nhận được bao nhiêu từ việc phục chế bức tranh của Van Huys, nhưng tôi có thể đảm bảo với cô gấp đôi con số đó. Như khoản ứng trước cho số hai phần trăm trên mức giá cuối cùng bức *Ván cờ* đạt được tại cuộc bán đấu giá, tất nhiên rồi. Tôi cũng có thể đề xuất với cô một hợp đồng làm phụ trách bộ phận phục chế của Claymore tại Madrid. Cô thấy thế nào?”

“Rất cảm ơn. Ông thực sự trông đợi kiếm được nhiều đến thế từ bức tranh sao?”

“Đã có những khách hàng ở London và New York quan tâm đến nó. Nếu quảng cáo một cách hợp lý, đây hoàn toàn có thể trở thành sự kiện lớn nhất trong giới nghệ thuật kể từ khi công ty Christie mang ra bán đấu giá kho báu của Pharaoh Tutankhamun. Xét tình hình hiện nay, tôi chắc cô sẽ hiểu, việc bạn cô muốn chia đôi ngang bằng với chúng tôi thực sự là quá nhiều. Tất cả những gì bà ấy đã làm là tìm một chuyên gia phục chế và chào hàng bức tranh tới chúng tôi. Chúng tôi làm tất cả những việc còn lại.”

Julia cân nhắc những điều anh ta vừa nói mà không để lộ chút gì ngạc nhiên, dù là nhỏ nhất; những điều có thể và không thể khiến cô ngạc nhiên đã thay đổi khá nhiều trong mấy ngày vừa qua. Cô đưa mắt nhìn bàn tay trái của Montegrifo, giờ đang đặt rất gần tay cô trên mặt bàn phủ khăn, và cố đánh giá xem chuyện đã đi xa tới mức nào trong vòng năm phút vừa qua. Đủ xa để kết thúc bữa tối ở đây.

“Tôi sẽ cố gắng,” cô nói, đưa tay cầm lấy túi xách. “Nhưng tôi không thể

đảm bảo bất cứ điều gì.”

Montegrifo vuốt một bên chân mày.

“Hãy cứ cố thử xem.” Đôi mắt nâu của anh ta nhìn cô với cái nhìn dịu dàng mượt như nhung. “Vì lợi ích của tất cả mọi người; tôi chắc cô sẽ làm được.”

Giọng nói của anh ta không có chút đe dọa nào, chỉ có vẻ cầu khẩn trìu mến, thân mật và hoàn hảo đến mức gần như có thể coi là chân thành. Anh ta cầm lấy bàn tay Julia, đặt lên đó một cái hôn nhẹ nhàng, gần như chỉ thoáng chạm môi lên đó.

“Tôi không nhớ đã từng nói điều này chưa,” anh ta hạ giọng khẽ nói thêm, “nhưng cô thực sự là một phụ nữ tuyệt đẹp.”



Cô yêu cầu anh ta cho mình xuống xe gần hộp đêm Stephan và đi bộ quãng đường còn lại. Sau nửa đêm, nơi này mở cửa đón chào những khách hàng sang trọng mà mức độ thưởng lưu để được chấp nhận được điều tiết bằng mức giá cao ngất ngưỡng và chính sách kết nạp thành viên rất chặt chẽ. Tất cả các nhân vật có tên tuổi trong giới nghệ thuật ở Madrid tụ tập ở đó, từ những người đại diện làm việc cho các nhà bán đấu giá nước ngoài chỉ ghé qua trong lúc tìm kiếm một tấm bình phong cổ hay một bộ sưu tập tư nhân đang được mang ra chào bán, cho tới các chủ phòng trưng bày, các nhà nghiên cứu, các ông bầu, các nhà báo chuyên viết về giới nghệ thuật và các họa sĩ thời thượng.

Cô để áo khoác ngoài phòng gửi áo rồi bước tới chiếc xô pha ở góc trong cùng, nơi César vẫn hay ngồi, sau khi đã chào hỏi xã giao vài người quen

biết. Và đúng là ông đang ngồi đó, chân bắt chéo, một tay cầm chiếc ly, chăm chú trò chuyện thân mật với một anh chàng trẻ tuổi đẹp trai có mái tóc vàng óng. Julia biết rõ sự khinh thường đặc biệt César dành cho các hộp đêm được riêng dân đồng tính ưa chuộng. Ông coi chuyện ít tiếp xúc với bầu không khí tù túng phô trương kịch cỡm, đôi khi còn thô bạo của những chỗ này chỉ đơn giản là vấn đề sở thích lành mạnh, vì, cô bé thân mến của tôi ơi, chúng là nơi, như ông hẳn sẽ giải thích với vẻ bồn chột hiện rõ trên khuôn mặt, người ta khó lòng không cảm thấy mình như một bà hoàng già nua đang lần mò quanh một trại ngựa giống. César là một thợ săn độc hành – sự lập lờ giới tính trong con người ông đã được trau chuốt đến độ tinh hoa lịch lãm nhất – một người hoàn toàn thoải mái trong thế giới của những người dị tính, nơi ông cảm thấy hoàn toàn tự do trong việc thiết lập các mối quan hệ bằng hữu và tiến hành những cuộc chinh phục, thường là những chàng trai trẻ đầy nhiệt huyết có máu nghệ sĩ mà ông sẽ dẫn dắt tới việc khám phá ra sự rung động thực thụ của họ, điều mà những chàng trai thánh thiện trước đó thường chưa hề biết đến. Ông thích thú với việc đảm nhiệm cả hai vai Maecenas* và Socrates* cho các chàng trai trang nhã của mình. Sau những kỳ trăng mật xứng đáng, trong đó Venice, Marrakesh hay Cairo thường được chọn làm bối cảnh, mỗi mối quan hệ sẽ lại đi theo dòng chảy tự nhiên mang dấu ấn đặc trưng của nó. Julia biết rõ cuộc đời dài và sôi động của César đã được khắc họa lại bằng một chuỗi nối tiếp nhau của hỗn loạn, thất vọng và phản bội, nhưng đồng thời cũng hiện diện cả sự trung thành mà trong những khoảnh khắc riêng tư giữa hai người, cô từng nghe ông tâm sự về chúng một cách rất tế nhị, bằng giọng nói luôn đượm âm hưởng mỉa mai và có phần xa cách mà, xuất phát từ sự khiêm tốn cá nhân, ông luôn dùng để che giấu mọi khát khao thầm kín của mình.

Ông mỉm cười với cô từ xa. Cô bé ưa thích của tôi, đôi môi của ông nói trong im lặng, đồng thời ông đặt ly xuống bàn, thôi bắt chéo chân và đứng dậy

đưa hai bàn tay về phía cô.

“Bữa tối thế nào, công chúa? Chắc là khủng khiếp, bác có thể hình dung được. Nhà hàng Sabatini không còn được như trước nữa.” Ông bĩu môi, trong đôi mắt xanh ánh lên vẻ ma mãnh. “Đám quản lý và giám đốc ngân hàng mới phất với thẻ tín dụng của bọn họ cùng với các tài khoản nhà hàng có thể chuyển về thanh toán tại công ty họ sẽ làm hỏng hết mọi thứ. À, cháu đã gặp Sergio chưa nhỉ?”

Julia đã gặp Sergio, và, như vẫn luôn xảy ra với những người bạn của César, cô cảm nhận được tâm trạng lúng túng của anh ta khi cô có mặt vì không thể nắm bắt được bản chất thực của mối dây liên hệ gắn bó ông chủ hiệu đồ cổ với cô gái trẻ xinh đẹp có phong thái bình thản này. Chỉ nhìn qua một lần, cô có thể thấy ngay mối quan hệ của anh ta và César không thực sự nghiêm túc, ít nhất là không phải vào đêm đó và không phải từ phía Sergio. Anh chàng trẻ tuổi, nhạy cảm và thông minh này không hề có chút ghen tuông. Hai người đã gặp nhau vài lần. Sự hiện diện của Julia chỉ đơn giản là khiến anh ta e dè.

“Montegrifo muốn đưa ra một lời đề nghị với cháu.”

“Thật tử tế quá.” César có vẻ thực sự quan tâm nghiêm túc tới vấn đề này khi họ cùng ngồi xuống. “Nhưng cho phép bác, giống như ông lão triết gia La Mã Cicero, hỏi cháu câu này: *Cui bono?* Ai sẽ là người hưởng lợi?”

“Anh ta, cháu đoán thế. Thực ra anh ta muốn mua chuộc cháu.”

“Anh chàng Montegrifo cừ lắm. Thế cháu có để mình bị mua chuộc không vậy?” Ông đặt mấy đầu ngón tay lên miệng Julia. “Không, đừng nói gì với bác vội, cô bé thân mến; hãy cho phép bác được tận hưởng cảm giác mơ hồ tuyệt diệu này lâu hơn chút nữa... Bác hy vọng lời đề nghị của anh ta chỉ ít cũng lọt tai.”

“Không tệ chút nào. Có vẻ như anh ta kèm thêm cả chính mình vào đó nữa

thì phải.”

César liếm môi háo hức chờ đợi.

“Đúng bản chất của anh ta, một mũi tên trúng hai đích. Anh chàng này luôn rất thực tế.” César hơi quay người sang người bạn đồng hành tóc vàng của ông, như thể cảnh báo anh chàng đừng lắng nghe những chuyện trần tục không phù hợp. Rồi ông quay lại nhìn Julia với vẻ chờ đợi tinh nghịch, gần như run người lên với khoái cảm của việc chờ đợi. “Và cháu đã nói gì?”

“Rằng cháu sẽ suy nghĩ về lời đề nghị của anh ta.”

“Hoàn hảo. Đừng bao giờ lấp mất đường lui của mình. Cậu nghe rõ chứ, Sergio thân mến? Đừng bao giờ.”

Chàng trai trẻ dành cho Julia một cái liếc xéo rồi uống một ngụm lớn món cocktail sâm banh của anh ta. Một cách khá vô tư, Julia hình dung ra cảnh anh ta trần truồng trong căn phòng ngủ tranh tối tranh sáng của César, đẹp và im lặng như một pho tượng cẩm thạch, những lọn tóc vàng xõa xuống khuôn mặt, với thứ mà César vẫn gọi, theo một cách ví von mà Julia tin rằng ông đã thuổng của nhà văn Pháp Cocteau, là cây quyền trượng vàng, dựng đứng, sẵn sàng để được tôi luyện trong *antrum amoris** của người bạn tình trưởng thành hơn của anh ta, hay cũng có thể sẽ là ngược lại, người bạn tình trưởng thành bận rộn khám phá *antrum* của chàng trai trẻ. Julia chưa bao giờ đẩy tình bạn của cô với César đi xa tới mức hỏi ông một mô tả chi tiết về những chuyện đại loại như thế, những chuyện dầu sao thỉnh thoảng vẫn khiến cô cảm thấy tò mò một cách không mấy lành mạnh. Cô đưa mắt liếc nhanh César. Trông ông thật chín chu lịch thiệp trong bộ đồ sẫm màu, áo sơ mi vải lanh màu trắng và chiếc khăn lụa quàng cổ màu xanh da trời có chấm bi màu đỏ, mái tóc hơi lượn sóng ở sau tai và gáy, và một lần nữa Julia tự hỏi điều gì đã tạo nên sự hấp dẫn đặc biệt ở ông, một người đàn ông, dù đã qua tuổi năm mươi, vẫn có khả năng quyến rũ những chàng trai trẻ như Sergio. Hẳn đó là

những tia mìa mai giấu cợt trong đôi mắt xanh của ông, dáng vẻ lịch lãm được kết tinh qua nhiều thế hệ sinh trưởng trong giới thượng lưu, cùng vẻ chán đời dễ dãi giả bộ của một người từng trải, bao dung vô bờ bến, một thái độ ông chưa bao giờ thể hiện ra hoàn toàn – sự thật là hiếm khi ông nhìn nhận mình một cách hoàn toàn nghiêm túc – nhưng dấu vẩy thái độ ấy vẫn hiển hiện trong từng lời ông nói.

“Cháu phải xem bức tranh mới nhất của cậu ấy mới được,” César nói, và Julia phải định thần một lúc mới hiểu ra ông muốn nói về Sergio. “Một bức tranh thực sự ấn tượng, cô bé thân mến.” Bàn tay ông đưa lên cánh tay chàng trai trẻ, gần như nắm lấy nó song chưa thực sự chạm vào. “Phải nói ánh sáng, ở trạng thái tinh túy nhất của nó, tràn ngập trên tấm toan. Đẹp tuyệt vời.”

Julia mỉm cười, chấp nhận ý kiến của César như một lời đảm bảo chắc chắn. Sergio vừa xúc động vừa bối rối, khép hờ đôi mắt với hàng mi vàng óng của mình, giống như một chú mèo vừa được vuốt ve.

“Tất nhiên,” César tiếp tục, “chỉ mình tài năng thôi thì chưa đủ để một người giành được chỗ đứng cho mình trên thế giới. Cậu hiểu điều đó mà, phải không, chàng trai trẻ? Mọi hình thái nghệ thuật lớn lao đều đòi hỏi những hiểu biết nhất định về thế giới, một trải nghiệm sâu sắc về mối quan hệ giữa người với người. Với những hoạt động trừu tượng thì lại là chuyện khác, với chúng tài năng là quyết định, còn trải nghiệm chỉ là một yếu tố phụ trợ mà thôi. Ý tôi muốn nói tới âm nhạc, toán học... và cờ vua.”

“Cờ vua,” Julia nói. Hai người nhìn nhau, còn đôi mắt Sergio lo ngại đưa đi đưa lại giữa hai người.

“Phải, cờ vua.” César cúi người, lấy ly của ông lên uống một hơi dài. Hai đồng tử mắt ông co nhỏ lại, đắm chìm vào bí ẩn chúng đang nghiền ngẫm. “Cháu có để ý cách Muñoz quan sát bức *Ván cờ* không?”

“Có. Có gì đó khác biệt.”

“Chính xác. Khác biệt so với cách mà cháu, hay trên thực tế là cả bác nữa, chiêm ngưỡng bức tranh. Muñoz nhìn thấy trong bức tranh đó những điều mà người khác không thấy.”

Sergio đang chăm chú lắng nghe, bèn cau mày và cố ý cọ vào vai César, dường như anh chàng đang cảm thấy bị bỏ rơi. César nhìn anh ta một cách rộng lượng.

“Chúng tôi đang thảo luận về những chuyện quá đen tối đối với đôi tai của cậu, chàng trai yêu quý của tôi.” Ông lướt ngón tay trở lên các đốt ngón tay của Julia, hơi nhắc bàn tay lên, như thể do dự giữa hai ham muốn của mình, rồi đặt bàn tay mình xuống giữa hai bàn tay Julia, song vẫn tiếp tục nói với chàng trai trẻ – “Hãy giữ gìn sự trong sáng của cậu, chàng trai. Hãy phát triển tài năng của cậu, và đừng làm cho cuộc sống của mình phức tạp.”

Ông dành cho Sergio một cái hôn đúng lúc Menchu, mặc áo khoác lông chồn vizon, khoe ra đôi chân trần, xuất hiện cùng Max và hỏi thăm tin tức về Montegrifo.

“Gã con hoang khốn kiếp,” bà nói khi Julia đã thuật lại toàn bộ những gì xảy ra. “Mai tôi sẽ nói chuyện với *don* Manuel. Chúng ta cần phản kích lại.”

Sergio rút lui khỏi dòng nước lũ từ ngữ đang ào ào tuôn chảy từ Menchu trong lúc bà hồi hải chuyển từ Montegrifo sang bức tranh của Van Huys, từ Van Huys tới đủ điều vô vị nhạt nhẽo, và từ ly đồ uống thứ hai sang ly thứ ba, đang được bà cầm trong tay mỗi lúc một kém vững vàng. Max im lặng hút thuốc bên cạnh bà, với bộ dạng của một con ngựa đực giống mỡ màng bảnh bao vừa được chủ dắt ra khỏi trại nuôi ngựa. Mang một nụ cười dửng dưng trên khuôn mặt, César nhâm nhi ly gin và chanh của ông, rồi thấm khô môi bằng chiếc khăn mùi soa lấy ra từ trong túi áo vest. Thình thoảng ông lại chớp mắt, như thể vừa quay về từ một nơi xa xôi nào đó, và lơ đãng vỗ lên bàn tay Julia.

“Trong vụ làm ăn này có hai loại người, anh bạn thân mến,” Menchu đang nói với Sergio, “những người cặm cụi vẽ và những người đút tiền vào túi. Và hiếm khi một người thuộc loại này cũng lại thuộc về loại kia.” Bà thở dài thật to, động lòng trước vẻ trẻ trung của chàng trai. “Và tất cả những chàng trai nghệ sĩ trẻ trung với mái tóc vàng óng như cậu, chàng trai yêu quý.” Bà ném về phía César một cái liếc mắt độc địa. “Thật sự ngon lành.”

César cảm thấy buộc phải miễn cưỡng bứt ra khỏi những suy nghĩ xa xăm của ông.

“Anh bạn trẻ của tôi, đừng để ý tới những giọng nói đang cố đầu độc tâm hồn vàng ngọc của cậu,” ông nói với giọng chậm rãi, bi thảm, như thể đang dành cho Sergio những lời phân ưu chứ không phải lời khuyên. “Người đàn bà này luôn cất lời với một cái lưỡi lắt léo đối trá, như tất cả phụ nữ đều vậy.” Ông đưa mắt nhìn Julia, cúi xuống hôn tay cô, rồi nhanh chóng lấy lại thái độ. “Thứ lỗi cho tôi. Như hầu hết phụ nữ đều vậy.”

“Xem ai đang nói kìa.” Menchu nhăn mặt. “Quý ông Sophocles của riêng chúng ta đây rồi. Hay là Seneca nhỉ? Ý tôi đang muốn nói tới ông già đã sờ soạng các chàng trai trẻ trong lúc uống nước cây độc cần*.”

César ngả đầu ra sau, nhắm mắt lại một cách cường điệu.

“Con đường một nghệ sĩ cần phải đi theo, và tôi đang nói với cậu, chàng Alcibiades* trẻ trung của tôi, hay Patroclus*, mà cũng có thể là Sergio nữa... con đường đó bao gồm việc vượt qua hết thử thách này tới thử thách khác, cho tới khi cuối cùng cậu có thể nhìn sâu vào nội tâm của chính mình. Một cuộc hành trình đầy chông gai, nếu cậu không có một Virgil* của riêng mình ở bên để chỉ lối dẫn đường. Cậu có hiểu điểm mấu chốt hết sức tinh tế tôi đang chỉ ra không, chàng trai trẻ? Như thế cuối cùng người nghệ sĩ có thể cạn chiếc cốc chứa đựng sự ngọt ngào từ tận sâu thẳm của những khoái lạc tuyệt vời nhất. Cuộc sống của anh ta trở thành một cuộc đời thuần túy cho sáng tạo,

anh ta không còn cần đến những thứ ngoại lai khốn khổ nữa. Anh ta đã vươn xa, rất xa lên trên những kẻ đồng loại ti tiện đáng khinh còn lại của mình. Và sự phát triển, sự trưởng thành đều chọn anh ta làm nơi cư ngụ.”

Tràng diễn thuyết được chào đón bằng vài tiếng vỗ tay đầy mỉa mai. Sergio đưa mắt nhìn họ, mỉm cười nhưng không giấu nổi vẻ lúng túng. Julia phá lên cười.

“Đừng để ý đến ông ấy. Tôi dám cược ông ấy đã thuồng những câu này của ai đó thôi. Ông ấy luôn là một kẻ lừa gạt người khác.”

César mở một mắt ra.

“Tôi là một gã Socrates đang chán chường. Và tôi vô cùng phần nộ phần đối lời cáo buộc của cô rằng tôi đánh cắp lời lẽ của ai đó.”

“Ông ấy cũng dí dỏm đấy chứ, phải không nào?” Menchu nói với Max, người vẫn nhíu mày lắng nghe, trong khi bà tự xoay xử châm cho mình một liều thuốc lấy của anh ta. “Cho em xin tí lửa nào, *condottiere mio**.”

Danh hiệu này lập tức lọt vào đôi tai ma mãnh của César.

“*Cave canem**, hồi tuổi trẻ cường tráng,” ông nói với Max, và Julia chắc hẳn là người duy nhất đang có mặt biết từ tiếng Latin *canem* vừa có thể là giống đực vừa có thể là giống cái. “Theo các cuốn sách lịch sử, loại người các chàng *condottieri* thực sự cần dè chừng cẩn thận lại chính là những người họ phụng sự.” Ông đưa mắt nhìn Julia, cúi chào đầy bồn chột; rõ ràng là đồ uống đã bắt đầu tác động đến cả ông nữa. “Theo Burckhardt*,” ông giải thích.

“Đừng lo, Max,” Menchu nói, cho dù Max chẳng có vẻ gì bức bối. “Thấy không? Thậm chí đó còn chẳng phải là ý tưởng của ông ấy nữa. Ông già này kết vương miện cho mình bằng những chiếc lá quế của người khác... hay là nguyệt quế nhỉ?”

“Chắc ý bà muốn nói tới lá ô rô,” Julia bật cười nói.

César dành cho cô một cái nhìn đầy đau khổ.

“*Et tu, Bruta?*”* Ông quay sang Sergio. “Cậu có hiểu bản chất bi kịch của vấn đề không, Patroclus?” Sau một ngụm gin pha chanh dài nữa, ông đột ngột đưa mắt nhìn quanh như thể tìm kiếm một khuôn mặt thân thiện. “Tôi thực sự không rõ các vị có gì không bằng lòng với những vòng nguyệt quế của người khác, các bạn thân mến của tôi. Thực ra,” ông nói thêm sau khi suy nghĩ về những gì vừa nói, “không có chiếc vòng nguyệt quế nào có thể được coi là chỉ thuộc về một người. Tôi rất xin lỗi phải làm người loan tin xấu, nhưng sự sáng tạo thuần túy chỉ đơn giản không tồn tại. Chúng ta không phải, hay nói đúng hơn, các vị không phải, vì bản thân tôi vốn đã không phải là nhà sáng tạo rồi... Cả bà cũng không phải, Menchu thân mến của tôi. Max, có lẽ anh... Giờ đừng nhìn tôi như thế, chàng *condottiere* hung dữ điển trai. Có lẽ anh là người duy nhất ở đây thực sự sáng tạo ra thứ gì đó.” Ông phác một cử chỉ uể oải, tao nhã, đầy biểu cảm thể hiện vẻ ngán ngấm tội độ, có lẽ bắt nguồn từ chính tràng triết lý của ông, sau đó bàn tay ông, như thể tình cờ, hạ xuống gần đầu gối Sergio. “Picasso – và tôi rất tiếc phải nhắc đến sự lừa gạt xưa cũ này – là Monet, là Ingres, là Zurbaran, là Brueghel*, và Pieter Van Huys... Thậm chí cả ông bạn Muñoz của chúng ta, chắc chắn vào lúc này đang cúi người trầm ngâm nhìn xuống một bàn cờ ở đâu đó, cố gắng xua đuổi con quỷ của ông ta, đồng thời giải thoát chúng ta khỏi những con quỷ của chính chúng ta, cũng không phải là chính ông ta, mà là Kasparov và Karpov. Ông ta là Fischer và Capablanca và Paul Morphy, và cả kỳ thủ bậc thầy thời Trung cổ đó, Ruy Lopez*... Tất cả chỉ là một giai đoạn cụ thể của cùng một câu chuyện, mà có khi chỉ là cùng một câu chuyện liên tục được lặp đi lặp lại; tôi không hoàn toàn chắc chắn về điều đó. Còn cháu, Julia đáng yêu của bác, đã bao giờ, khi đứng trước bức họa trứ danh của chúng ta, cháu từng thôi nghĩ xem chính xác mình đang ở đâu, bên trong hay bên ngoài bức tranh không?

Bác tin chắc cháu từng nghĩ vậy, vì bác hiểu rõ cháu, công chúa. Và bác cũng biết cháu chưa tìm được ra câu trả lời.” Ông bật một tiếng cười ngắn không chút hài hước, rồi nhìn từng người một. “Trên thực tế, các con thân mến của ta, những đứa con sùng đạo, chúng ta hợp thành một nhóm người đủ cung bậc màu sắc. Chúng ta dám hỗn hào theo đuổi những bí mật mà suy cho cùng không là gì khác ngoài những bí ẩn về chính cuộc sống của chúng ta.” Ông nâng ly như thể uống mừng, nhưng không cụ thể với một ai. “Và điều đó, khi các vị nghĩ về nó, không phải không tiềm ẩn nguy cơ. Nó cũng giống như đập vỡ một tấm gương để rồi khám phá ra thứ nằm phía sau chính là thủy ngân. Các bạn của tôi, chẳng phải điều đó khiến các vị cảm thấy một cảm giác sợ hãi lạnh buốt chạy dọc sống lưng sao?”



Mãi 2 giờ sáng Julia mới về đến nhà. César và Sergio đã đi bộ tháp tùng cô về tận cửa khu nhà. Hai người muốn cùng cô leo ba tầng gác lên tận căn hộ cô đang sống, nhưng cô không đồng ý, chỉ hôn tạm biệt họ rồi đi lên. Cô chậm chạp bước lên từng bậc cầu thang, đưa mắt nhìn quanh đầy e dè. Và khi cô thò tay vào túi lấy chìa khóa, các ngón tay cô bất ngờ chạm phải lớp kim loại lạnh ngắt của khẩu súng, một cảm giác giúp trấn an cô không ít.

Trong lúc xoay chìa khóa mở cửa, cô ngạc nhiên nhận ra, bất chấp tất cả, cô vẫn đang thực hiện việc này một cách bình tĩnh. Cô cảm nhận thấy một nỗi sợ hãi thuần túy và chính xác, thứ cô có thể đánh giá mà không cần viện đến bất cứ tài năng nào về các vấn đề trừu tượng, như César hẳn sẽ nói khi ám chỉ tới Muñoz một cách châm biếm. Nhưng nỗi sợ hãi đó không thổi bùng lên trong cô bất cứ cảm giác bị giày vò đầy bề bàng nào hay khiến cô muốn

vùng bỏ chạy. Ngược lại, nó pha lẫn cảm giác tò mò cao độ, trong đó in đậm dấu ấn tự hào cá nhân và sự thách thức. Tựa như một trò chơi nguy hiểm đầy kích thích, giống như cuộc lòng giết cướp biển tại Neverland*.

Lòng giết cướp biển. Cô đã trở nên quen thuộc với cái chết từ khi còn rất nhỏ. Kỷ niệm đầu tiên thời thơ ấu của cô là hình ảnh bố cô nằm hoàn toàn bất động, mắt nhắm nghiền, trên tấm đệm trong phòng ngủ, vây quanh là những người mặc đồ đen buồn bã khe khẽ trò chuyện với nhau, như thể sợ đánh thức ông dậy. Lúc đó cô mới sáu tuổi, và hình ảnh đó, trang nghiêm và khó hiểu, mãi mãi gắn liền với hình ảnh của mẹ cô, mặc toàn màu đen, khó gần hơn bao giờ hết, người cô chưa bao giờ thấy rơi một giọt nước mắt, kể cả lúc đó; cùng hình ảnh bàn tay khô khốc, độc đoán của bà nắm lấy tay cô khi bà buộc Julia đặt nụ hôn cuối cùng lên trán người đã khuất. Chính César, một César còn trẻ hơn rất nhiều trong ký ức của cô, đã bế cô lên trong vòng tay ông, đưa cô ra khỏi nơi đó. Ngồi trên đầu gối ông, Julia nhìn chăm chăm vào cánh cửa chắn giữa cô và những nhân viên nhà đờn đang chuẩn bị quan tài.

“Trông không giống bố cháu, bác César,” cô đã nói, cố gắng không òa lên khóc. Con dứt khoát không bao giờ được khóc, mẹ cô vẫn hay nhắc nhở như thế. Đó là bài học duy nhất học được từ bà mà cô còn nhớ. “Bố cháu trông không còn như trước nữa.”

“Phải rồi, không giống. Đó không còn là bố cháu nữa,” ông trả lời. “Bố cháu đã đi tới một nơi khác.”

“Nơi nào vậy ạ?”

“Lúc này điều đó không còn quan trọng, công chúa. Nhưng bố cháu sẽ không quay lại nữa.”

“Không bao giờ sao?”

“Không bao giờ.”

Julia cau mày theo kiểu trẻ con và vẫn giữ vẻ trầm ngâm.

“Cháu không muốn hôn bố nữa đâu. Da bố lạnh quá.”

César im lặng nhìn cô hồi lâu, rồi ôm chặt lấy cô, Julia có thể nhớ rõ cảm giác ấm áp trong vòng tay ông, mùi hương tinh tế từ làn da và trang phục của ông.

“Được rồi, cháu có thể tới hôn bố bao nhiêu lần tùy thích.”

Julia không thể nhớ chính xác thời điểm cô khám phá ra César là người đồng tính. Có lẽ cô đã nhận ra điều này một cách từ từ, qua những chi tiết nhỏ nhặt hay bằng linh cảm. Nhưng đến một ngày, khi cô mới bước sang tuổi mười hai, cô ghé vào cửa hiệu của ông sau giờ học và bắt gặp César đang vuốt má một người đàn ông trẻ. Tất cả chỉ có vậy; ông chỉ khẽ vuốt má chàng trai bằng những đầu ngón tay. Chàng trai bước qua trước mặt Julia, mỉm cười với cô rồi ra về. Lúc đó César đang châm một điếu thuốc lá, nhìn cô hồi lâu, rồi quay sang lên dây những chiếc đồng hồ.

Mấy ngày sau, trong lúc đang chơi với mấy hình nhân bằng sứ nhỏ nhắn của Bustelli, Julia hỏi:

“Bác César, bác có thích các cô gái không?”

Ông đang ngồi trước bàn làm việc và rà soát lại sổ sách. Thoạt đầu ông dường như không nghe thấy câu hỏi của cô. Chỉ một lát sau ông mới ngẩng đầu lên, đôi mắt xanh bình thản nhìn thẳng vào mắt Julia.

“Cô gái duy nhất bác thích là cháu, công chúa ạ.”

“Thế các cô gái khác thì sao?”

“Cô gái khác nào cơ?”

Đó là lần cuối cùng hai người nói về chủ đề này. Nhưng tối hôm đó, khi lên giường đi ngủ, Julia đã nghĩ tới những lời César nói và cảm thấy thật hạnh phúc. Sẽ không ai đoạt mất ông của cô; không có nguy hiểm nào hết. Ông sẽ không bao giờ rời xa cô như bố trước đây, tới nơi người ta không thể quay trở về nữa.

Rồi sau đó là quãng thời gian của những câu chuyện dài được kể dưới ánh đèn vàng trong cửa hiệu đồ cổ; thời trai trẻ của César, Paris và Rome cùng hòa quyện với lịch sử, nghệ thuật, những cuốn sách và những cuộc phiêu lưu. Rồi những câu chuyện thần thoại được cùng nhau chia sẻ, và câu chuyện *Đảo kho báu* được đọc từ chương này qua chương khác giữa những chiếc rương cũ và những món binh khí han gỉ. Những gã cướp biển đa sầu đa cảm đáng thương cảm thấy trái tim chai đá của chúng như tan chảy trong những đêm sáng trăng miền Caribe khi chúng nghĩ tới những người mẹ già của mình. Vì cả những tên cướp biển cũng có mẹ, thậm chí cả một gã vô lại mặt hạng như thuyền trưởng Hook, kẻ đã bộc lộ bản chất thật qua tính cách bẩn thỉu của y, vào cuối tháng cũng vẫn gửi vài đồng tiền vàng Tây Ban Nha về để phụng dưỡng tuổi già của người phụ nữ đã sinh ra y. Và giữa các câu chuyện, César lại lấy một đôi kiếm cũ từ trong một chiếc rương và chỉ cho cô thấy đám hải tặc sử dụng chúng ra sao trong chiến đấu – khi tự vệ và rút lui, mục đích là gây ra những vết sẹo chứ không phải để cắt cổ đối phương – cũng như cách tốt nhất để ném một chiếc móc bám bằng sắt. Ông lấy ra chiếc kính lục phân và dạy cô cách tìm đường trên biển dựa vào các vì sao. Còn cả con dao găm cán bạc do Benvenuto Cellini* chế tác, ông này, ngoài việc là thợ kim hoàn, còn hạ sát nguyên soái xứ Bourbon bằng một phát súng hỏa mai trong thời gian diễn ra cuộc cướp phá thành Rome; và con dao hóa kiếp ghê rợn, dài và tang tóc, mà tiểu đồng của Hoàng tử Đen từng dùng để đâm xuyên qua tấm giáp che mặt của các hiệp sĩ Pháp ngã ngựa trên chiến trường tại Crécy*...

Năm tháng trôi qua, và tính cách của Julia dần dần định hình. Giờ đến lượt César im lặng trong lúc lắng nghe những lời tâm tình thầm kín của cô. Tình yêu đầu ở tuổi mười bốn. Người yêu đầu tiên năm mười bảy tuổi. Ông lắng nghe mà không bao giờ phán xét. Ông chỉ mỉm cười, một lần duy nhất, mỗi khi cô nói xong.

Tối hôm nay, Julia sẵn lòng đổi bất cứ thứ gì để được thấy nụ cười đó, một nụ cười đem đến cho cô sự can đảm, đồng thời làm cho những thứ khác dường như trở nên ít quan trọng hơn, thu nhỏ chúng về đúng kích thước thực tế của chúng giữa một tổng thể lớn lao hơn, và giữa dòng chảy không gì cưỡng lại được của một đời người. Nhưng César không ở đó, và cô buộc phải tự xoay xở lấy. Như ông chắc hẳn sẽ nói, không phải lúc nào chúng ta cũng tự lựa chọn được bạn đời hay số phận của mình.

Cô bận rộn chuẩn bị một ly vodka kèm đá và bất chợt mỉm cười trong bóng tối khi đứng trước bức tranh của Van Huys. Cô có linh cảm lạ lùng là nếu có chuyện gì đó không hay sắp xảy ra, nó sẽ xảy ra với một người khác. Chưa bao giờ có chuyện không hay xảy đến với nhân vật chính, cô nhớ lại trong lúc uống vodka và cảm nhận những viên đá lạnh chạm vào răng mình. Chỉ có những người khác chết, những vai phụ, như Alvaro chẳng hạn. Trong tâm trí cô vẫn còn hiển hiện sống động hàng trăm cuộc phiêu lưu như thế, cô đã trải qua tất cả và luôn thoát ra mà không có lấy một vết xước nhỏ, tạ ơn Chúa. Còn cách nói khác nào nhỉ? Lạy chúa lòng lành!

Cô ngắm mình trong chiếc gương Venice, chỉ là một chiếc bóng giữa những chiếc bóng khác, hơi sáng hơn ở vùng khuôn mặt, với những đường nét mơ hồ, đôi mắt to, đen, một Alice ở xứ sở trong gương* thực sự. Cô cũng nhìn vào chính mình cả ở trong bức tranh của Van Huys, trong tấm gương vẽ trên bức tranh đang phản chiếu lại một tấm gương khác, tấm gương Venice trên tường, phản chiếu của phản chiếu trong phản chiếu. Và cô lại có cảm giác quay cuồng như lần trước. Cô chợt nảy ra ý nghĩ rằng vào ban đêm, những tấm gương, bức tranh và bàn cờ có thể tạo ra những ảo giác thật lạ lùng. Mà cũng có thể là do những khái niệm giống như thời gian và không gian rốt cuộc đã trở nên tương đối đến mức hầu như chẳng đáng bận tâm đến. Cô nhấp thêm một ngụm món đồ uống của mình, lại một lần nữa cảm thấy

các viên đá va vào răng mình. Cô thầm nghĩ nếu vươn tay ra, cô hoàn toàn có thể đặt ly đồ uống xuống mặt chiếc bàn phủ khăn màu xanh lục, đúng nơi dòng chữ nằm ẩn dưới lớp sơn màu, giữa bàn tay bất động của Roger de Arras và bàn cờ.

Cô bước lại gần bức tranh hơn. Beatrice xứ Ostenburg đang ngồi bên khung cửa sổ có phần trên hình chóp nhọn, đôi mắt cụp xuống, đắm chìm vào cuốn sách đặt trong lòng. Bà làm Julia nhớ tới những hình ảnh Đức Mẹ Đồng Trinh được vẽ bởi các bậc thầy của trường phái Flemish thời kỳ đầu: mái tóc vàng chải ra sau, được túm gọn dưới một chiếc mũ gần như trong suốt. Làn da trắng muốt. Trang trọng và xa cách trong bộ xiêm y màu đen, khác xa những chiếc áo khoác thông thường bằng vải len màu huyết dụ, thứ vải đặc trưng của vùng Flanders, quý giá hơn cả lụa hay gấm thêu. Màu đen, Julia bất chợt hiểu ra một cách rõ ràng, là biểu tượng của tang tóc, và bộ tang phục Pieter Van Huys, một thiên tài luôn say mê các biểu tượng và nghịch lý, đã khoác lên mình nữ công tước, không phải để tang cho chồng bà, mà cho người tình bị ám sát.

Khuôn mặt trái xoan của bà thanh tú một cách hoàn hảo, mọi sắc thái, mọi chi tiết đều làm nổi bật vẻ tương đồng với những bức chân dung Đức Mẹ Đồng Trinh thời Phục hưng. Không phải một Đức Mẹ mang vóc dáng của các phụ nữ Italia mà Giotto trân trọng, vốn có thể là thị nữ, bảo mẫu, hay thậm chí là những cô nhân tình cũng không giống những phụ nữ Pháp ngồi làm mẫu vẽ Đức Mẹ, nhưng lại thường là các bà mẹ hay các bà hoàng, mà như một cô gái thị dân, hay phu nhân của một ông ủy viên hội đồng thành phố hoặc một chủ đất quý tộc cai trị những đồng cỏ nhấp nhô rải rác những lâu đài, biệt thự, những dòng suối và tháp chuông giống như tòa tháp được họa lại trong mảng phong cảnh ngoài cửa sổ trong bức tranh của Van Huys. Người phụ nữ này trông có vẻ kiêu kỳ và bình thản, nghiêm trang và lạnh

lùng, hiện thân của vẻ đẹp phương bắc *a la maniera ponentina** vốn rất được ưa chuộng ở các quốc gia miền Nam châu Âu, tại Tây Ban Nha và Italia. Và đôi mắt xanh – ít nhất có thể đoán chúng màu xanh – cho dù tia nhìn của chúng không hướng về phía người chiêm ngưỡng bức tranh mà có vẻ tập trung vào cuốn sách của bà, vẫn đầy tinh táo và sắc sảo, giống như đôi mắt của tất cả các phụ nữ vùng Flanders được các danh họa Van Huys, Van der Weyden và Van Eyck vẽ lại. Những đôi mắt huyền bí không bao giờ hé lộ nơi chúng đang nhìn tới hay muốn nhìn tới, cũng như những gì chủ nhân của chúng đang suy nghĩ hay cảm nhận.

Julia vuốt tóc ra sau, đưa mấy ngón tay sờ lên bề mặt bức tranh, lần theo đường viền đôi môi của Roger de Arras. Trong vầng sáng vàng bao quanh vị hiệp sĩ như một vầng hào quang, tấm giáp che cổ bằng thép gần như có độ sáng của kim loại được đánh bóng kỹ càng. Ông đang tựa cằm lên ngón cái của bàn tay phải, bàn tay hơi nhuộm màu của quầng sáng xung quanh, còn cái nhìn chăm chú dõi xuống bàn cờ tượng trưng cho cả cuộc sống và cái chết của ông. Nếu suy đoán từ góc khuôn mặt nhìn nghiêng của ông, giống như khuôn mặt trông nghiêng được đúc trên một tấm mề day cổ, Roger de Arras có vẻ không hề ý thức được sự hiện diện của người phụ nữ đang ngồi đọc sách phía sau ông. Nhưng có thể những ý nghĩ của ông không hề dành cho ván cờ; có thể chúng đang hướng tới Beatrice xứ Burgundy, người ông không hề đưa mắt nhìn vì kiêu hãnh, vì thận trọng, mà cũng có thể đơn thuần vì tôn trọng chủ nhân của mình. Trong trường hợp đó, chỉ có những ý nghĩ của ông được phép tự do tôn thờ bà. Và cũng vào chính khoảnh khắc ấy, nhiều khả năng tâm trí vị phu nhân cũng không hề có cuốn sách đang giở ra trong tay bà, và đôi mắt bà, không cần phải thực sự nhìn theo hướng của hai vị kỳ thủ, đang chiêm ngưỡng tấm lưng vạm vỡ, khuôn mặt bình thản, cao quý của vị hiệp sĩ, hồi tưởng lại những ký ức về đôi bàn tay và làn da của ông, hay chỉ

đơn giản là tiếng vọng từ sự im lặng bị kìm nén, từ cái nhìn buồn bã, bất lực bà từng thổi bùng lên trong đôi mắt tràn ngập tình yêu của ông.

Tấm gương Venice treo trên tường và tấm gương vẽ trong tranh đóng khung Julia lại trong một không gian tưởng tượng, xóa nhòa đi ranh giới giữa hai bề mặt gương. Vàng sáng vàng cũng bao trùm lên cô trong khi, một cách rất chậm rãi, gần như từ một bàn tay lên tấm vải xanh trải trên chiếc bàn vẽ trong tranh, thận trọng để không làm động tới các quân cờ trên bàn cờ, cô cúi người về phía Roger de Arras và dịu dàng hôn lên khoe môi giá lạnh của ông. Và khi cô quay lại, cô bắt gặp một tia sáng, ánh lên từ tấm phù hiệu Hiệp sĩ Cừu vàng nổi bật trên nền nhung đỏ chói của chiếc áo chên trên người kỳ thủ còn lại, Ferdinand Altenhoffen, công tước xứ Ostenburg, đôi mắt ông đang nhìn cô chăm chăm, tối tăm và sâu thẳm.



Khi chiếc đồng hồ trên tường đổ chuông điểm ba giờ, gạt tàn đã đầy ắp đầu mẩu thuốc lá, còn chiếc cốc cùng bình cà phê đã gần cạn sạch, nằm chen giữa những chồng sách và giấy tờ lặt vặt. Julia ngồi xuống ghế, đưa mắt nhìn chăm chăm lên trần nhà, cố sắp xếp lại các ý nghĩ theo trật tự. Để xua đuổi những bóng ma đang ám ảnh xung quanh mình, cô bật hết đèn lên, và những ranh giới của thực tế chậm chạp trở lại, dần dần quay về đúng chỗ của chúng trong thời gian và không gian.

Cô kết luận ở đây còn có những cách đặt câu hỏi khác thực tế hơn; có một cách nhìn nhận khác, chắc chắn là một cách nhìn nhận chính xác, nếu Julia chịu khó lưu ý với chính mình rằng cô giống với một Wendy* đã trưởng thành hơn là một cô bé Alice trẻ con. Để tiếp cận sự việc theo góc nhìn đó, tất

cả những gì cô phải làm là nhắm mắt lại rồi mở mắt ra lần nữa, nhìn vào bức tranh của Van Huys giống như cô sẽ quan sát bất cứ bức tranh nào khác được vẽ từ năm trăm năm trước, sau đó cầm một chiếc bút chì và một tờ giấy lên. Và cô đã làm đúng như thế, sau khi đã uống nốt chỗ cà phê còn lại, lúc này đã nguội ngắt. Vào lúc khuya khoắt này, cô chợt nghĩ, không hề cảm thấy buồn ngủ và lo ngại sẽ rơi xuống con dốc trơn trượt của sự điên rồ hơn bất kỳ điều gì khác, rằng sắp xếp lại các suy nghĩ của mình dưới ánh sáng của những sự kiện gần đây cũng không phải là một ý tưởng tồi. Vậy là cô bắt đầu viết:

I. Bức tranh được vẽ năm 1471. *Ván cờ*. Bí ẩn: Chuyện gì đã thực sự xảy ra giữa Ferdinand Altenhoffen, Beatrice xứ Burgundy và Roger de Arras? Ai đã ra lệnh ám sát vị hiệp sĩ? Ván cờ có liên quan gì tới sự kiện này? Tại sao Van Huys lại vẽ bức tranh? Tại sao, sau khi đã viết ra dòng chữ *Quis necavit equitem*, ông lại vẽ đè lên để che lấp nó đi? Liệu có phải người họa sĩ e ngại rất có thể người ta sẽ ám hại cả ông?

II. Tôi đã cho Menchu biết khám phá của mình. Tôi đã tới gặp Alvaro. Anh đã biết trước mọi thứ liên quan tới bức tranh, có ai đó đã tìm đến hỏi anh. Nhưng ai?

III. Alvaro đã chết. Chết hay bị giết? Hiển nhiên có liên hệ tới bức tranh, hay có lẽ với cuộc tới thăm của tôi và cuộc tìm kiếm tôi đang thực hiện. Phải chăng có điều gì đó người ta không muốn tôi biết? Có phải Alvaro đã tìm ra điều gì đó quan trọng mà tôi không biết hay không?

IV. Một người lạ mặt (có thể chính là kẻ sát nhân) gửi cho tôi các tài liệu mà Alvaro đã tập hợp được. Điều Alvaro biết là gì mà người nào đó lại tin rằng nó rất nguy hiểm? Kẻ đó (hay những kẻ đó) muốn tôi biết gì, và điều hãn ta (hay ả ta) không muốn tôi biết là gì?

V. Một phụ nữ tóc vàng mang phong bì tài liệu tới Urbexpress. Liệu bà ta có liên quan tới cái chết của Alvaro hay chỉ đơn thuần là kẻ trung gian?

VI. Mặc dù cả hai chúng tôi đang tìm hiểu về cùng một thứ, Alvaro đã chết còn tôi (vào lúc này) vẫn còn sống. Kẻ đó muốn tạo điều kiện thuận lợi cho công việc của tôi hay dẫn dắt cuộc tìm kiếm của tôi tới điều gì đó? Và nếu đúng thế thì để làm gì? Liệu có phải việc đó liên quan tới giá trị tiền bạc của bức tranh không? Hay công việc phục chế của tôi? Hay dòng chữ bị che lấp? Hay bí ẩn trong ván cờ? Hay vấn đề ở đây là tìm ra hay không tìm ra một vài sự thật lịch sử nào đó? Liệu có thể có mối liên hệ nào giữa ai đó ở thế kỷ 20 với một người sống vào thế kỷ 15 không?

VII. Câu hỏi chính đặt ra ở đây (vào thời điểm hiện tại): Liệu kẻ sát nhân có hưởng lợi nhờ giá bức tranh tăng lên trong cuộc bán đấu giá không? Còn có gì về bức tranh nữa mà cho tới nay tôi chưa khám phá ra?

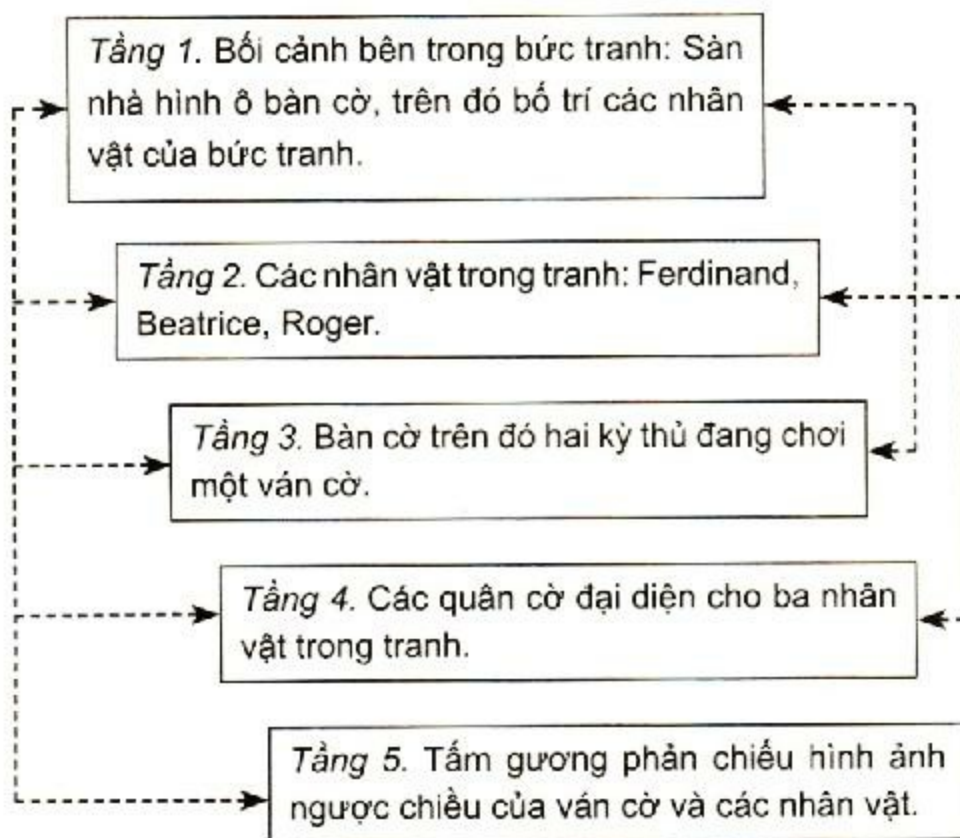
VIII. Liệu có khả năng toàn bộ chuyện này không liên quan gì tới giá trị của bức tranh, mà tới bí mật của ván cờ mà nó thể hiện không? Phần việc của Muñoz. Thế cờ vua. Làm thế nào điều đó lại gây ra một cái chết năm thế kỷ sau đó? Nghe không chỉ ngớ ngẩn mà còn hoàn toàn ngu ngốc (tôi cho là vậy).

IX. Liệu có phải tôi đang gặp nguy hiểm không? Biết đâu có ai đó đang chờ tôi khám phá ra thêm chút ít nữa. Có khi tôi đang làm việc cho hãn mà không hề nhận ra. Có thể tôi còn sống vì hãn vẫn còn cần đến tôi.

Cô nhớ lại điều gì đó Muñoz từng nói khi lần đầu tiên ông ta nhìn thấy bức tranh của Van Huys, và cô bắt đầu thiết lập lại ý tưởng này trên giấy. Ông ta đã nói về các tầng không gian khác nhau trong bức tranh. Việc giải thích được một trong số chúng có thể giúp cô hiểu được toàn bộ bí ẩn.

Cô nhìn vào kết quả, vẽ những đường liên hệ giữa các tầng không gian khác nhau, và chỉ xoay xở tìm ra được những mối liên hệ khiến cô phải băn khoăn suy nghĩ. Tầng không gian thứ năm chứa đựng cả bốn tầng trước, tầng thứ nhất gắn với tầng thứ ba, tầng thứ hai với tầng thứ tư. Chúng tạo thành

một sơ đồ tổng thể thật lạ lùng.



Quả thực, cô tự nhủ khi ngắm nhìn bản sơ đồ kỳ cục, dường như đây là một chuyện vô bổ mất thì giờ không hơn không kém. Thứ duy nhất những mối liên hệ này cho thấy là người đã vẽ nên bức tranh đó có một bộ óc ranh ma xuất chúng. Nó chẳng giúp được gì trong việc làm sáng tỏ cái chết của Alvaro. Năm trăm năm sau khi bức *Ván cờ* được vẽ, anh hoặc đã trượt chân trong bồn tắm, hoặc đã bị ai đó đẩy trượt chân. Cho dù các hình hộp và mũi tên này có đưa đến kết quả nào đi nữa, cả Alvaro và cô đều không thể có mặt trong bức tranh của Van Huys, người sáng tạo nên nó không thể nào tiên đoán trước được sự tồn tại của họ. Hay ông ta có thể? Một câu hỏi đầy lo âu hiện lên trong tâm trí cô. Khi đối diện với một tập hợp các biểu tượng giống như bức tranh đó, liệu người xem có thể tùy ý gán cho chúng các ý nghĩa, hay

vốn chúng đã hàm chứa sẵn ý nghĩa cụ thể từ khi được tạo ra?

Cô vẫn đang bận rộn vẽ những hình hộp và mũi tên khi điện thoại đổ chuông. Cô giật nảy mình bật dậy, đưa mắt nhìn chiếc điện thoại nằm trên tấm thảm, không chắc có nên nhắc máy trả lời hay không. Ai có thể gọi điện cho cô vào lúc 3 giờ 30 phút sáng? Không cái nào trong số những câu trả lời khả thi cho câu hỏi này có thể giúp cô yên tâm, và chuông điện thoại reo thêm bốn lần nữa trước khi cô cựa quậy người. Cô chậm chạp lại gần điện thoại, rồi chợt cảm thấy sẽ còn tồi tệ hơn nhiều nếu nó ngừng đổ chuông trước khi cô biết được ai đang gọi tới. Cô hình dung mình sẽ trải qua cả phần còn lại của đêm nay ngồi thu lu trên xô pha, kinh hoàng nhìn chăm chăm vào điện thoại, đợi nó đổ chuông lần nữa. Cô vội vàng lao tới với bộ dạng gần như phần nộ.

“Xin chào?”

Tiếng thở dài nhẹ nhõm cô phát ra hẳn có thể nghe thấy rõ ràng ở đầu máy bên kia của Muñoz, vì ông ta ngừng giải thích để hỏi xem cô có sao không. Ông ta rất xin lỗi vì đã gọi cho cô vào lúc muộn thế này, nhưng ông ta cảm thấy hoàn toàn có lý do để đánh thức cô dậy. Chính ông ta cũng đang rất phấn khích về điều vừa khám phá ra; chính vì thế ông ta đã tự cho phép mình gọi điện thoại cho cô. Gì cơ? Phải, chính xác là vậy. Chỉ năm phút trước, vấn đề đã bất ngờ... Xin chào? Cô vẫn còn ở đó chứ? Ông ta đang nói với cô rằng giờ đây đã có thể xác định rõ, một cách hoàn toàn chắc chắn, quân cờ nào đã ăn quân hiệp sĩ.

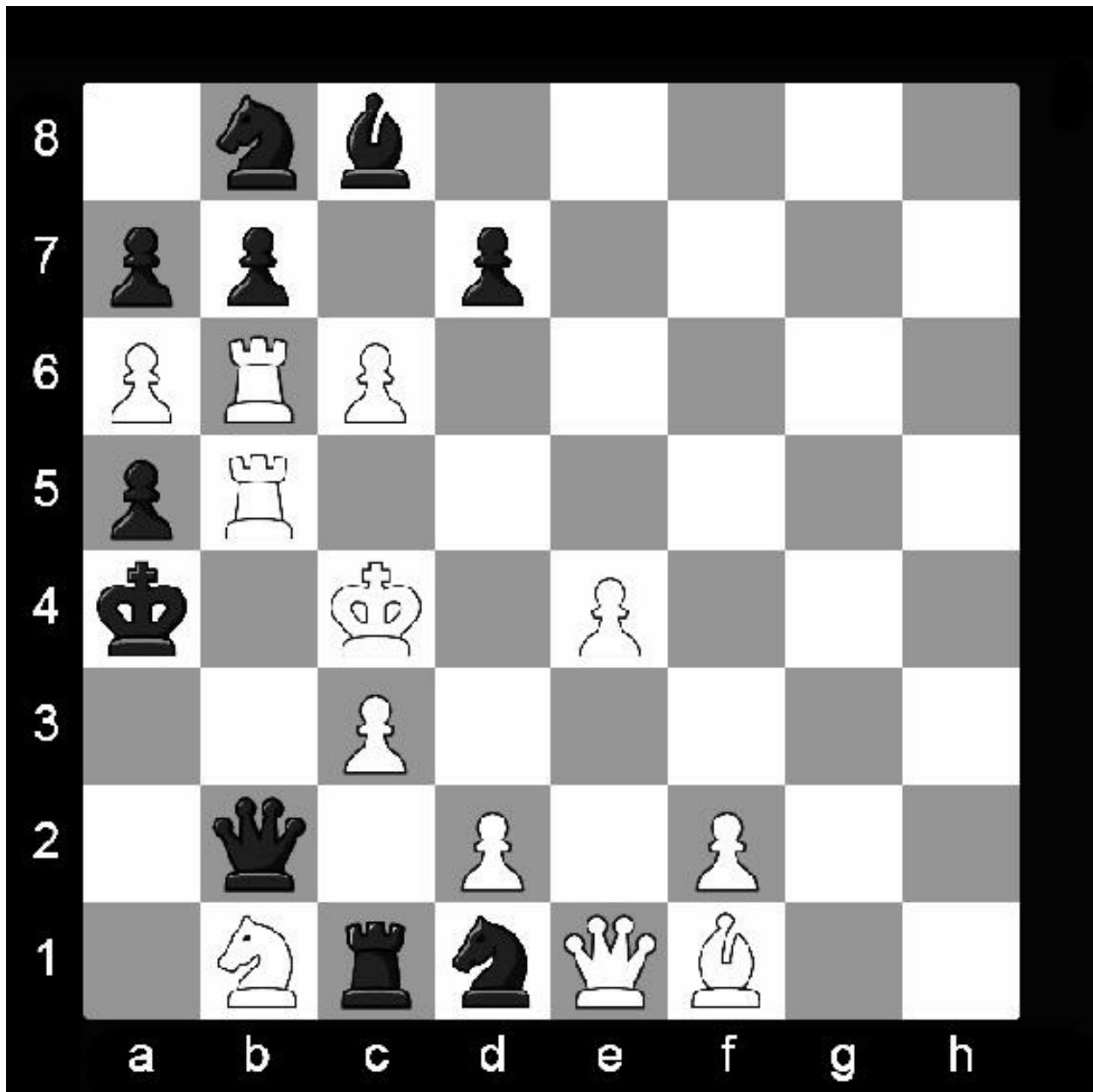
AI ĐÃ GIẾT HIỆP SĨ

Các quân trắng và các quân đen dường như đại diện cho sự đối lập giữa ánh sáng và bóng tối, tốt và xấu, trong tâm hồn của chính con người.

_ Kịch tương cờ vua G. Kasparov _

“Tôi không thể nào ngủ được vì cứ suy nghĩ về nó... Rồi đột nhiên tôi nhận ra điều tôi đang phân tích là nước đi duy nhất khả thi.” Muñoz đặt bộ cờ bỏ túi của ông ta xuống mặt bàn, lấy tờ phác thảo đầu tiên của ông ta ra, lúc này đã nhăn nhúm và chi chít những ghi chú, vuốt phẳng lại, rồi đặt xuống bên bộ cờ. “Ngay cả khi đó, tôi cũng không tin nổi. Tôi đã mất cả giờ đồng hồ để rà soát lại tất cả, từ đầu đến cuối.”

Họ đang ở trong một siêu thị kiêm quầy bar mở cửa suốt đêm, ngồi bên một khung cửa sổ lớn cho phép họ có tầm nhìn rộng ra đại lộ vắng tanh bên ngoài. Hầu như không còn mấy người ở đây trừ vài diễn viên từ một nhà hát gần đó và sáu con cú đêm cả nam lẫn nữ. Một nhân viên an ninh mặc đồng phục bán vũ trang đang đứng bên cửa an ninh điện tử ở lối vào, vừa ngáp vừa nhìn đồng hồ.



“Bây giờ,” vị kỳ thủ nói, đầu tiên chỉ tay vào bản phác thảo, sau đó vào bàn cờ nhỏ, “hãy nhìn vào đây. Chúng ta đã tái hiện được nước đi cuối cùng của hậu đen, từ ô b2 sang ô c2, nhưng chúng ta không biết trước đó bên trắng đã đi nước cờ nào để buộc nó phải làm thế... Cô nhớ chứ? Khi chúng ta xem xét mối đe dọa từ hai quân tháp trắng, chúng ta đã cho rằng quân tháp ở ô b5 có thể di chuyển từ bất cứ ô nào thuộc hàng 5 tới; nhưng điều đó không giải thích được tại sao hậu đen phải bỏ chạy, vì trong trường hợp đó, nó vốn đã bị

chiếu bởi một quân tháp trắng khác ở ô b6. Chúng ta cũng nói rằng nhiều khả năng quân tháp đã ăn một quân đen khác ở ô b5. Nhưng là quân nào? Đến đó chúng ta lâm vào bế tắc.”

“VẬY ĐÓ LÀ QUÂN NÀO?” Julia chăm chú nhìn bàn cờ. Những ô vuông đen trắng xen kẽ nhau giờ không còn xa lạ, mà đã trở thành chốn quen thuộc, nơi cô có thể xoay xử thoải mái. “Ông nói ông có thể tìm ra nó bằng cách nghiên cứu các quân cờ không còn ở trên bàn cờ.”

“Và đó là điều tôi đã làm. Tôi nghiên cứu từng quân một, và đi tới một kết luận đáng kinh ngạc.”

“Quân tháp ở ô b5 có thể đã ăn quân đen nào đây?” Muñoz nhìn vào bàn cờ với đôi mắt của người mất ngủ, như thể thực sự ông ta không biết câu trả lời. “Đó không phải là một quân hiệp sĩ đen, vì cả hai vẫn còn nguyên trên bàn cờ. Cũng không phải là quân giám mục, vì ô b5 là ô trắng, mà quân giám mục đen có thể di chuyển chéo qua các ô trắng thì vẫn nằm yên ở vị trí ban đầu của nó. Nó vẫn ở nguyên ô c8, hai đường tiến bị chặn bởi hai quân tốt vẫn chưa nhập cuộc.”

“Có thể là một quân tốt đen,” Julia đề xuất. Muñoz lắc đầu.

“Tôi đã mất nhiều thời gian hơn để loại trừ khả năng này, vì vị trí của các quân tốt là điểm hóc búa nhất trong ván cờ này. Nhưng không thể là một trong các quân tốt đen vì quân ở ô a5 di chuyển từ ô c7 tới. Như cô đã biết, tốt ăn quân đối phương bằng cách tiến chéo về phía trước một ô, và có khả năng quân tốt này đã ăn hai quân trắng ở ô b6 và ô a5. Về phần bốn quân tốt đen còn lại, chắc chắn chúng đều ở cách nơi chúng ta quan tâm rất xa khi bị ăn. Chúng chưa bao giờ bén mảng tới chỗ nào gần ô b5.”

“VẬY CHẮC CHẴN PHẢI LÀ QUÂN THÁP ĐEN. QUÂN THÁP TRẮNG HẸN ĐÃ ĂN NÓ Ở Ô b5.”

“Không, không thể. Nếu xét đến cách các quân cờ bố trí quanh ô a8, rõ

ràng quân tháp đen bị ăn ở đó, ngay tại ô ban đầu của nó, thậm chí còn chưa kịp di chuyển. Nó bị quân hiệp sĩ trắng ăn – mặc dù với chúng ta việc nó bị quân nào ăn không quan trọng lắm.”

Julia ngẩng đầu lên, hoàn toàn mất phương hướng.

“Tôi không hiểu. Như thế là loại trừ hết các quân đen rồi. Vậy thì quân tháp trắng đã ăn quân nào ở ô b5?”

Muñoz hơi mỉm cười, song không hề có chút tự mãn nào; dường như ông ta chỉ thấy thú vị trước câu hỏi của Julia, mà cũng có thể trước câu trả lời ông ta sắp dành cho cô.

“Thực ra nó không ăn quân nào hết. Giờ đừng có nhìn tôi như thế. Ông họa sĩ Van Huys của cô đúng là bậc thầy trong việc bày ra những đấu mỗi giả. Hóa ra chẳng có quân nào bị ăn ở ô b5 hết.” Ông ta khoanh tay lại, cúi xuống bàn cờ bỏ túi cỡ nhỏ, đột nhiên trở nên im lặng. Rồi ông ta đưa mắt nhìn Julia và đặt một ngón tay lên quân hậu đen. “Nếu nước đi cuối cùng của quân trắng không phải là nước chiếu hậu đen bằng quân tháp, điều đó có nghĩa là một quân trắng buộc phải di chuyển để lộ ra nước chiếu của tháp trắng lên hậu đen. Ý tôi là một quân trắng hẳn đã có mặt ở ô b4 hay ô b3. Van Huys hẳn đã được một trận cười thoải mái vì ông ta biết rõ bất cứ ai cố gắng giải câu đố này kiểu gì cũng bị mắc lừa bởi chiếc bẫy với hai quân tháp.”

Julia chậm rãi gật đầu. Chỉ vài lời nói của Muñoz là đủ để biến một góc bàn cờ, vốn dường như bất động và không có gì quan trọng, đột ngột trở nên sống động với vô vàn khả năng. Có điều gì đó thực sự ma thuật trong khả năng dẫn dắt người khác của ông ta, đi qua mê cung của những ô vuông trắng và đen này, một mê cung ông ta nắm trong tay mọi chìa khóa bí mật. Như thế ông ta có khả năng định hướng cho mình nhờ một mạng lưới những mối liên hệ chằng chịt chạy ngầm dưới bàn cờ và đưa ra những đáp án không thể nào ngờ tới mà chỉ cần được ông ta đề cập đến vài lời là vụt sống dậy, trở nên

hiển nhiên đến mức ta phải ngỡ ngàng vì trước đó đã không nhận ra chúng.

“Tôi hiểu rồi,” cô nói sau vài giây. “Quân trắng đó đã bảo vệ hậu đen khỏi bị quân tháp chiếu. Và khi di chuyển, nó đã để quân hậu bị chiếu.”

“Chính xác.”

“Và đó là quân nào?”

“Có lẽ cô có thể tự tìm ra.”

“Một quân tốt trắng ư?”

“Không. Một quân tốt trắng đã bị ăn ở ô a5 hoặc ô b6, còn quân kia cách quá xa. Và cũng không thể là một trong những quân tốt trắng khác.”

“À vậy thì, nói thực lòng, tôi không còn ý tưởng nào khác.”

“Hãy nhìn thật kỹ xuống bàn cờ. Tôi hoàn toàn có thể nói cho cô ngay từ đầu, nhưng như thế sẽ tước mất của cô một niềm vui mà tôi nghĩ cô xứng đáng được hưởng. Hãy cứ dành thời gian suy nghĩ đi.” Ông ta đưa tay khoát một vòng về phía quầy bar, con phố vắng tanh bên ngoài và những chiếc tách cà phê trên bàn. “Chúng ta đâu có vội.”

Julia chăm chú nhìn xuống bàn cờ. Không lâu sau, không rời mắt khỏi bàn cờ, cô lấy ra một điều thuốc, rồi một nụ cười nhẹ nhàng thoáng xuất hiện trên khuôn mặt cô.

“Tôi nghĩ có thể tôi đã tìm ra,” cô thận trọng nói.

“OK, vậy cô nghĩ thế nào?”

“Quân giám mục có khả năng đi chéo theo các ô trắng thì đang nằm ở ô f1 và không có thời gian để di chuyển tới đó từ vị trí ban đầu khả thi duy nhất của nó ở ô b3, vì vị trí kia, ô b4, là ô đen.” Cô nhìn Muñoz tìm kiếm sự xác nhận trước khi tiếp tục. “Ý tôi là, nó phải thực hiện ít nhất” – cô đưa ngón tay lần đếm trên bàn cờ – “ba nước để đi từ ô b3 tới vị trí hiện tại của mình là ô f1. Có nghĩa là nước đi đã làm hậu đen bị lộ ra trước nước chiếu của quân tháp trắng không phải một nước đi của quân giám mục này. Đúng vậy

không?”

“Hoàn toàn đúng. Tiếp tục đi.”

“Cũng không thể là quân hậu trắng, lúc này đang ở ô e1, làm lộ ra nước chiếu đó. Vua trắng cũng không. Còn về quân giám mục trắng có khả năng đi theo các ô đen, lúc này đã ở ngoài bàn cờ vì bị ăn, nó không bao giờ có khả năng xuất hiện ở ô b3.”

“Rất tốt,” Muñoz nói. “Tại sao không?”

“Vì ô b3 là một ô trắng. Dù sao thì, nếu quân giám mục đó đã di chuyển chéo theo những ô đen từ ô b4 thì nó vẫn còn phải nằm trên bàn cờ, mà nó thì đã bị ăn mất. Tôi cho rằng nó đã bị ăn từ trước đó, từ khi ván cờ bắt đầu được ít lâu.”

“Chính xác. Vậy chúng ta còn lại quân cờ nào?”

Julia nhìn xuống bàn cờ, một cơn rùng mình chạy dọc sống lưng và hai cánh tay cô, như thể ai đó vừa lướt một lưỡi dao sát trên làn da cô. Chỉ còn một quân cờ duy nhất họ chưa nhắc đến.

“Quân cờ duy nhất còn lại là quân hiệp sĩ,” cô nói, nuốt khan một cách khó khăn, giọng bất giác hạ xuống khe khẽ. “Quân hiệp sĩ trắng.”

Muñoz nghiêm trang cúi người về phía cô.

“Đúng thế, quân hiệp sĩ trắng.” Ông ta im lặng một hồi, lúc này không nhìn vào bàn cờ mà nhìn Julia. “Chính quân hiệp sĩ trắng đã di chuyển từ ô b4 tới ô c2, làm lộ ra quân hậu đen và làm quân này gặp nguy hiểm. Và nó đã ở đó, ở ô c2, nên quân hậu, để bảo vệ mình khỏi quân tháp và cũng để loại thêm một quân của đối phương, đã ăn quân hiệp sĩ.” Muñoz lại im lặng, chăm chú kiểm tra xem ông ta có bỏ sót chi tiết nào quan trọng không. Rồi tia sáng trong đôi mắt ông ta vụt tắt đột ngột như thể có ai vừa ngắt công tắc nguồn của chúng. Ông ta tránh không nhìn Julia trong lúc nhặt các quân cờ lên bằng một tay, tay kia gập bàn cờ lại, như thể đặt dấu chấm hết cho sự can thiệp của

ông ta vào câu chuyện này.

“Quân hậu đen,” cô lặp lại đầy ngỡ ngàng, cảm thấy, thật ra gần như nghe thấy, những ý nghĩ đang lao đi vùn vụt trong đầu.

“Phải,” Muñoz nhún vai, “chính là quân hậu đen đã ăn, hay đã giết, hiệp sĩ. Cho dù điều đó có nghĩa là gì.”

“Nó có nghĩa là,” cô lẩm bẩm, vẫn còn sững sờ trước khám phá vừa được hé lộ, “Ferdinand Altenhoffen vô tội.” Cô bật một tiếng cười ngắn, đưa bàn tay về phía tờ phác thảo và đặt ngón trỏ xuống ô c2, con hào ở Cửa Đông lâu đài Ostenburg, nơi Roger de Arras đã bị ám sát. “Có nghĩa là,” cô nói thêm, giọng run rẩy, “Beatrice xứ Burgundy là người ra lệnh ám sát vị hiệp sĩ.”

“Beatrice xứ Burgundy?”

Julia gật đầu. Giờ đây điều đó dường như trở nên rõ ràng, hiển nhiên với cô đến mức cô chỉ muốn nện cho mình một cú nện thân vì trước đây đã không nhận ra điều đó. Mọi thứ đều ở kia, trong ván cờ và trong bức tranh, bày ra rành rành trong tầm mắt. Van Huys đã họa lại tất cả một cách cẩn thận tới từng chi tiết nhỏ nhất.

“Còn có thể là ai nữa chứ?” cô nói. “Tất nhiên là quân hậu đen rồi: Beatrice, nữ công tước Ostenburg.” Cô chần chừ một chút để tìm từ thích hợp. “Con ả khốn nạn.”



Giờ đây, cô nhận ra điều đó một cách hoàn toàn rõ ràng: xưởng vẽ bữa bột nông mùa sơn dầu và dầu thông, người họa sĩ đi lại giữa những đồ vật trong xưởng dưới ánh sáng của những cây nến mỡ bò đặt gần bức tranh. Ông đang trộn bột màu xanh đồng với nhựa thông để tạo nên một màu xanh lục bền

vững sẽ chịu đựng được sự tàn phá của thời gian. Ông từ tốn đưa màu lên tranh, hết lớp này tới lớp khác, tạo thành các nếp gấp của tấm khăn trải bàn cho tới khi đã che kín dòng chữ *Quis necavit equitem* mà ông đã viết lên đó vài tuần trước bằng màu vàng sáng. Dòng chữ được viết bằng những chữ cái Gothic tuyệt đẹp, và người họa sĩ không khỏi cảm thấy đau đớn khi phải che lấp nó đi mãi mãi. Nhưng công tước Ferdinand nói đúng: “Nó lộ liễu quá, ngài Van Huys.”

Chắc chắn đó là điều đã xảy ra, ít nhiều là thế, và không nghi ngờ gì nữa, người họa sĩ già thâm tụt nhũ với chính mình trong lúc chậm rãi phủ từng nhát cọ màu xanh lục lên bức tranh, mảng màu dầu mới vẽ sáng long lanh dưới ánh nến. Có khi ông đã lấy tay xoa đôi mắt mệt mỏi của mình và lắc đầu. Thị lực của ông không còn như trước, và sự suy giảm đã bắt đầu diễn ra một thời gian; năm tháng trôi qua đã để lại dấu ấn của chúng. Thậm chí chúng còn gặm nhấm dần mòn khả năng tập trung của ông, điều ông cần cho thú vui duy nhất có thể giúp tâm trí ông bứt ra khỏi việc vẽ tranh trong quãng thời gian thư nhàn vào mùa đông, khi ngày trở nên ngắn ngủi và không đủ ánh sáng để vẽ. Thú vui ấy là cờ vua, một niềm đam mê ông cùng chia sẻ với đức ông Roger, vị hiệp sĩ được nhiều người thương tiếc, người từng là người bảo hộ và một người bạn với ông khi ông ấy còn sống, một người, bất chấp danh tiếng và địa vị của mình, không bao giờ ngại bị sơn màu dính lên trang phục khi tìm tới xưởng vẽ để chơi một ván cờ giữa các lọ sơn dầu, đất sét, cọ vẽ và cả những bức họa đang vẽ dở. Vị hiệp sĩ thực sự là một người đặc biệt, luôn vui vẻ thoải mái khi lao vào cuộc đấu trí trên bàn cờ cũng như khi thả mình trong những cuộc đàm đạo miên man về nghệ thuật, tình yêu và chiến tranh, cũng như về các ý tưởng lạ lùng của ông, vẫn hay được ông nhắc đi nhắc lại, tới mức giờ đây nó dường như trở thành một điềm báo khủng khiếp: ý tưởng coi cờ vua như một trò chơi dành cho những người thích thú với khoái cảm

ngạo ngược việc táo tợn dẫn bước lại gần hàm răng Quý dữ.

Bức tranh đã được hoàn thành. Khi còn trẻ hơn, Pieter Van Huys thường cầu nguyện một chút trước khi đưa nhát cọ cuối cùng, cảm ơn Chúa đã giúp ông hoàn thành tác phẩm mới một cách hoàn hảo; nhưng năm tháng qua đi đã làm đôi môi ông lặng câm, cũng như chúng đã làm cho đôi mắt ông khô đi và khiến mái tóc ông ngả bạc. Ông chỉ khẽ gật đầu xác nhận, đặt cây cọ vẽ xuống một lọ dung môi bằng đất nung rồi lau các ngón tay lên tấm tạp dề da đã cũ sờn. Cầm giá nển lên, ông lùi lại vài bước. Chúa tha lỗi cho ông, nhưng người họa sĩ không thể không cảm thấy tự hào. Bức *Ván cờ* đã vượt xa đơn đặt hàng mà công tước, chủ nhân của ông, đã yêu cầu. Vì tất cả đều ở kia: sự sống, cái chết, cái đẹp, tình yêu và sự phản bội. Bức tranh là một tác phẩm nghệ thuật sẽ tồn tại lâu hơn ông và hơn tất cả những nhân vật hiện diện trong đó. Người họa sĩ Flemish bậc thầy già nua cảm thấy trong trái tim ông hơi thở ấm áp của sự trường tồn.



Cô nhìn thấy Beatrice xứ Burgundy, nữ công tước xứ Ostenburg, ngồi bên cửa sổ, đọc tập *Thơ về hoa hồng và hiệp sĩ*, một tia nắng chiếu xiên xuống vai bà, soi sáng các trang sách. Cô nhìn thấy bàn tay Beatrice, trắng như ngà voi, ánh sáng phản chiếu long lanh trên chiếc nhẫn vàng. Cô nhìn thấy bàn tay ấy khẽ run rẩy, tựa như một chiếc lá khi bị một cơn gió thổi qua. Có thể bà đã yêu và phải chịu nỗi bất hạnh vì sự kiêu hãnh của bà không chịu nỗi việc bị từ chối bởi người đàn ông đã dám từ chối bà điều mà thậm chí cả Lancelot cũng không từ chối hoàng hậu Guinevere*. Có lẽ tay nỏ được thuê chỉ là kẻ báo thù cho sự thất vọng của người đàn bà quyền quý sau cái chết của một

niềm đam mê cũ, như một cái hôn cuối cùng và lời từ biệt tàn nhẫn. Những đám mây trôi trên cảnh đồng quê trong hậu cảnh, giữa bầu trời xứ Flanders xanh thắm, và vị phu nhân vẫn đắm chìm vào cuốn sách trong lòng. Không, điều đó là không thể, Ferdinand Altenhoffen sẽ không bao giờ tỏ lòng kính trọng một hành động phản bội, và Pieter Van Huys cũng sẽ không bao giờ dồn hết tài năng nghệ sĩ của ông vào một bức tranh như thế. Julia muốn tin rằng đôi mắt Beatrice cúi gằm xuống vì chúng đang giấu đi một giọt lệ, rằng bộ đồ đen nhung đen kia là để tang cho chính trái tim bà, trái tim cũng bị xé nát bởi mũi tên đã rít lên trên con hào kia; một trái tim đã cam chịu tuân theo đòi hỏi của lợi ích quốc gia, của bức mật thư được mã hóa từ anh họ của bà, công tước Charles của Burgundy: bức thư được gấp lại nhiều lần với dấu xi niêm phong đã vỡ mà bà dùng tay vò nát trong cơn đau đớn tột cùng trước khi đốt cháy trên ngọn lửa của một cây nến. Một bức mật thư, được một tín sứ bí mật chuyển tới. Các âm mưu giống như những tấm mạng nhện chẳng chịt quấn lấy công quốc và tương lai của nó, đồng thời cũng là tương lai của châu Âu. Phái thân Pháp và phái thân Burgundy. Một cuộc chiến bí mật giữa các vị đại thần, cũng tàn nhẫn không khoan nhượng như bất cứ trận chiến đẫm máu nào, không có anh hùng, chỉ có những kẻ đồ tể khoác trên mình triều phục lộng lẫy đặng ten với vũ khí ưa thích là dao găm, thuốc độc và nỏ. Tiếng nói của mỗi liên hệ huyết thống, trách nhiệm trước yêu cầu của gia tộc, không yêu cầu bà điều gì mà sau đó không thể được tẩy sạch bởi một lễ xưng tội thành tâm. Tất cả những gì cần thiết là sự có mặt của bà, vào một ngày cụ thể, tại một thời điểm cụ thể, bên cửa sổ tòa tháp cạnh Cửa Đông, nơi mỗi buổi tối bà vẫn ngồi cho người hầu gái chải tóc, bên khung cửa sổ mà bên dưới đó, Roger de Arras vẫn một mình đi bộ qua vào cùng giờ ấy, trầm tư suy nghĩ về mối tình vô vọng và những tiếc nuối của mình.

Phải, rất có thể vị phu nhân mặc đồ đen cúi mặt nhìn xuống cuốn sách

trong lòng mình không phải vì bà đang đọc sách mà vì bà đang khóc. Nhưng cũng có thể vì bà không muốn đối diện với đôi mắt của họa sĩ, người là hiện thân cho cái nhìn sáng suốt của lịch sử và sự vĩnh hằng.



Cô nhìn thấy ông hoàng bất hạnh, Ferdinand Altenhoffen, bị vây giữa những cơn lốc thổi tới từ phía Đông và phía Tây, trong một châu Âu đang thay đổi quá nhanh so với sự thích ứng của ông. Cô nhìn thấy vị công tước đầy cam chịu và bất lực, một người bị cầm tù trong chính con người mình và trong thế kỷ ông sống, dùng đôi găng tay da mềm đập mạnh xuống ống quần lụa, run lên vì căm hận và phiền muộn, vì không thể ra tay trừng phạt thủ phạm đã sát hại người bạn duy nhất ông từng có trong đời. Cô thấy ông tựa người vào một cột chống trong căn phòng treo đầy những lá cờ và thảm, hồi tưởng lại những năm tháng tuổi trẻ của hai người, những giấc mơ họ đã từng cùng nhau chia sẻ và sự ngưỡng mộ ông dành cho chàng quý tộc trẻ tuổi đã lên đường xông pha trận mạc và quay về với rất nhiều thương tích nhưng đầy những vinh quang. Tiếng cười của vị hiệp sĩ, giọng nói bình tĩnh, sáng suốt, những nhận xét nghiêm trang của ông, những lời ngợi khen lịch lãm ông dành cho các phu nhân trong triều đình, những lời khuyên xác đáng cùng tình bạn chân thành và ấm áp ông dành cho công tước vẫn còn vang vọng trong căn phòng. Nhưng vị hiệp sĩ không còn ở đây nữa. Ông đã ra đi tới một nơi tối tăm hơn.

“Và điều tồi tệ nhất, quý ông Van Huys, điều tồi tệ nhất, hồi ông bạn lâu năm của ta, hồi người họa sĩ già, ông, người cũng yêu quý ông ấy nhiều như ta, điều tồi tệ nhất là không có cách nào để báo thù. Vì nàng cũng như ta và thậm chí cả chính ông ấy, chỉ là những món đồ chơi trong tay những kẻ uy

quyền hơn, những kẻ, bởi có tiền và sức mạnh, có thể đơn giản quyết định rằng những thế kỷ tới sẽ xóa tên Ostenburg khỏi các tấm bản đồ được các nhà bản đồ học vẽ ra. Ta chẳng thể điệu kẻ nào tới để chém đầu trước mộ bạn ta – mà cho dù có, ta cũng sẽ không làm thế. Chỉ nàng biết và lựa chọn giữ im lặng. Nàng đã sát hại bạn ta bằng sự im lặng của nàng, để mặc ông ấy xuất hiện, như ông ấy vẫn làm hằng đêm – à, phải, cả ta cũng có các gián điệp của mình, gần con hào tại Cửa Đông – bị thu hút bởi bài hát im lặng của các nàng tiên cá, thứ luôn kéo mọi người đàn ông tới số phận của họ, một số phận dường như luôn ngủ gật hay thậm chí mù lòa cho tới tận ngày nó mở bừng mắt nhìn thẳng vào chúng ta.

Như ông thấy đấy, quý ông Van Huys, không có cách báo thù nào hết. Ta đặt niềm tin vào tài năng xuất chúng của ông và sẽ không có ai trả cho ông cái giá ta sẽ trả cho bức tranh này. Ta muốn công lý, dù chỉ dành riêng cho ta, dù chỉ để nàng biết rằng ta đã biết tất cả, và để khi tất cả chúng ta đều đã trở thành cát bụi giống như Roger de Arras, có ai đó ngoài Chúa có thể biết được sự thật. Vậy hãy vẽ bức tranh đi, quý ông Van Huys, vì chúa, hãy vẽ nó. Ta muốn ông ghi lại mọi chi tiết, và hãy để nó trở thành bức tranh tuyệt diệu nhất, tác phẩm khủng khiếp nhất của ông. Hãy vẽ nó, rồi sau đó cứ để Quỷ dữ, kẻ đã có lần được ông vẽ trong tư thế cưỡi ngựa cạnh ông ấy, bắt chúng ta đi.”



Và cuối cùng, cô nhìn thấy người hiệp sĩ. Cả chiếc áo dài xẻ hai bên và chiếc quần chên của ông đều có màu đỏ tía; ông đeo một sợi dây chuyền vàng quanh cổ, một con dao găm vô dụng đeo bên thắt lưng. Ông đang bước đi dọc

theo con hào tại Cửa Đông trong ánh hoàng hôn chạng vạng, một mình, không có người hầu nào đi theo để làm ngắt quãng dòng suy nghĩ của ông. Cô thấy ông đưa mắt nhìn lên khung cửa sổ hình chớp và nhìn thấy ông mỉm cười, chỉ là một chút thoáng qua khiến người ta nghĩ tới nụ cười, một nụ cười xa xăm và buồn bã, một nụ cười về sự hoài niệm, về những mối tình và hiểm nguy trong quá khứ, và dường như có chút ý niệm mơ hồ nào đó về số phận của chính mình. Và có lẽ Roger de Arras cảm thấy, ở phía sau những lỗ châu mai trên tường thành đổ nát, nơi những chồi cây dại đang mọc lên giữa các phiến đá, sự hiện diện của một tay nỏ đang ẩn mình, kẻ đang kéo căng dây nỏ và ngắm vào nạn nhân của y. Đột nhiên vị hiệp sĩ hiểu ra cả cuộc đời ông, cả con đường dài ông đã đi qua, những trận đánh ông từng tham dự, hò hét đến khản giọng và ướt đầm mồ hôi người trong bộ áo giáp kêu kèn kẹt, những thân hình phụ nữ ông từng biết, cả ba mươi tám năm ông mang trên lưng như một gánh nặng, tất cả sẽ kết thúc tại đây, tại chính nơi này, vào đúng khoảnh khắc này, và rằng sau khi ông cảm nhận được mũi tên xuyên qua mình, sẽ chẳng còn gì thêm nữa. Vị hiệp sĩ chìm trong cảm giác phiền muộn tột cùng, vì với ông dường như thật bất công khi phải chết như thế này, vào lúc chạng vạng tối, bị một mũi tên xuyên qua người như một con lợn rừng. Và ông giơ một bàn tay quý phái đẹp đẽ lên, một bàn tay đầy nam tính, một bàn tay khi nhìn thấy người ta sẽ nghĩ ngay tới thanh kiếm nó từng vung lên, sợi dây cương nó từng nắm lấy, làn da nó từng vuốt ve, cây bút nó từng cầm và chấm vào lọ mực trước khi viết lên một mảnh giấy da cừu, vị hiệp sĩ đã giơ bàn tay đó lên như một cách phản đối, cho dù ông biết chỉ vô ích, vì, ngoài những lý do khác, ông thậm chí còn không chắc mình nên bày tỏ sự phản đối ấy với ai. Ông muốn hét lên thật to, nhưng lại nhớ tới những quy tắc ứng xử mà một hiệp sĩ buộc phải tuân theo. Vậy là ông dùng bàn tay còn lại với lấy con dao, với suy nghĩ chí ít với một lưỡi thép trong tay, dù chỉ là một con dao găm, cái

chết của ông cũng sẽ phù hợp với một hiệp sĩ hơn. Ông nghe thấy tiếng bật của dây nổ, một ý nghĩ mơ hồ thoáng qua trong đầu mách bảo ông nên tránh xa khỏi đường tên, nhưng ông biết rõ một mũi tên luôn lao đi nhanh hơn bất cứ người nào. Ông cảm thấy linh hồn mình đang dần dần hòa tan vào lời than vãn cay đắng cho chính mình, trong lúc tuyệt vọng lục tìm trong trí nhớ một Đức Chúa để bày tỏ sự ăn năn. Thế rồi ông kinh ngạc nhận ra rằng mình không hề cảm thấy hối tiếc về bất cứ điều gì, mặc dù cũng chẳng rõ trong lúc màn đêm đang sắp buông xuống này, liệu có Đức Chúa nào sẵn lòng lắng nghe ông hay không. Rồi ông cảm thấy mũi tên. Ông từng chịu nhiều mũi tên khác, ở nơi hiện tại đã thành các vết sẹo, song ông biết mũi tên này sẽ không để lại vết sẹo nào cả. Thậm chí nó còn không làm ông đau đớn, linh hồn ông chỉ đơn giản lướt bay ra. Màn đêm vô tận ập xuống, nhưng trước khi rơi vào trong đó, ông hiểu lần này sẽ là mãi mãi. Và khi Roger de Arras hét lên, ông không còn có thể nghe thấy giọng nói của chính mình nữa.

KỶ THỦ THỨ TƯ

Những quân cờ không biết khoan nhượng. Chúng giữ chặt lấy và nuốt chửng anh. Ở đây có cái gì đó thật kinh khủng, nhưng đó cũng là sự hài hòa duy nhất. Vì còn thứ gì nữa tồn tại trên thế giới ngoài cờ vua?

_ Nhà văn Vladimir Nabokov _

Muñoz mỉm cười nửa miệng, theo kiểu máy móc, lạnh nhạt, khiến ông ta dường như không hề bộc lộ bất cứ điều gì, kể cả là cố gắng thể hiện sự thông cảm.

“Vậy ra tất cả là thế,” ông ta khẽ nói, rảo bước lên đi ngang hàng với Julia.

“Phải.” Cô bước đi, đầu cúi xuống đắm chìm trong suy nghĩ. Đưa tay ra khỏi túi chiếc áo khoác da của mình, cô vuốt những lọn tóc đang xòa ra trên mặt. “Giờ ông đã biết toàn bộ câu chuyện. Ông có quyền được biết, tôi cho là thế. Ông xứng đáng được như vậy.”

Người kỳ thủ nhìn thẳng về phía trước, ngẫm nghĩ về cái quyền mới vừa nhận được đó.

“Tôi hiểu,” ông ta lầm bầm.

Hai người thong thả rảo bước đi cạnh nhau. Trời lạnh buốt. Những con phố hẹp kín đáo vẫn chìm trong màn đêm, ánh sáng từ những ngọn đèn đường chỉ đủ soi sáng từng khoảng mặt đường nhựa ướt sũng, làm chúng sáng lên như được phủ một lớp véc ni mới. Dần dần những chiếc bóng trở nên bớt tối tăm hơn khi buổi bình minh nặng nề xám xịt hé rạng ở cuối đại lộ phía xa, nơi hình dáng của các tòa nhà, nổi bật lên trên nền ánh sáng, chuyển dần từ đen sang xám.

“Liệu có lý do đặc biệt nào,” Muñoz hỏi, “khiến cô giữ kín phần này của câu chuyện với tôi tới tận bây giờ không?”

Cô đưa mắt nhìn ông ta trước khi trả lời. Dường như người kỳ thủ có vẻ quan tâm, một cách mơ hồ, nhưng không hề cảm thấy bị xúc phạm. Ông ta lơ đãng nhìn con phố vắng tanh trải ra phía trước họ, hai tay đút trong túi áo

mưa, cổ áo kéo dựng lên.

“Tôi nghĩ có thể ông sẽ thích không can dự đến nó hơn.”

“Tôi hiểu rồi.”

Khi hai người rẽ vào góc phố, họ được một chiếc xe dọn rác đang ồn ào ép rác vào thùng chào đón, và Muñoz giúp cô len lỏi đi qua chỗ những thùng rác trống rỗng.

“Giờ cô nghĩ mình sẽ làm gì?” ông ta hỏi.

“Tôi không biết nữa. Hoàn tất công việc phục chế, chắc vậy. Và viết một bản báo cáo dài về câu chuyện liên quan tới bức tranh. Nhờ ông, thậm chí tôi còn có thể ít nhiều trở nên nổi tiếng nữa.”

Muñoz lắng nghe một cách lơ đãng, như thể tâm trí ông ta đang để tận đâu đâu.

“Thế còn cuộc điều tra của cảnh sát thì sao?”

“Giả sử đúng là có một kẻ sát nhân thì họ sẽ tìm ra hắn thôi. Họ luôn tìm ra thủ phạm mà.”

“Cô có nghi ngờ ai không?”

Julia bật cười.

“Lạy Chúa, không!” Cô cau mày trong lúc trầm ngâm suy nghĩ về khả năng đó. “Ít nhất tôi cũng hy vọng là không.” Cô nhìn Muñoz. “Tôi cho rằng điều tra một tội ác mà có thể không phải là một tội ác rất giống điều ông vừa làm với bức tranh.”

Muñoz cười nửa miệng.

“Tất cả là vấn đề logic, tôi nghĩ vậy,” ông ta trả lời. “Và có thể đó là một điểm tương đồng giữa các kỳ thủ cờ vua và thám tử.” Julia không chắc ông ta đang nghiêm chỉnh hay bỡn cợt. “Hình như Sherlock Holmes cũng chơi cờ.”

“Ông có đọc tiểu thuyết trinh thám không?”

“Không. Dù những cuốn sách tôi đọc về mặt nào đó cũng giống như thế.”

“Sách nào vậy?”

“Sách về cờ vua, tất nhiên rồi. Cũng như sách về các câu đố toán học, các bài toán suy luận, những chủ đề kiểu như vậy.”

Họ cùng băng qua đại lộ vắng tanh. Khi hai người sang tới vỉa hè bên kia, Julia lén nhìn người bạn đồng hành lần nữa. Trông ông ta không có vẻ gì là một người thông minh xuất chúng, và cô không dám chắc mọi thứ diễn ra suôn sẻ với ông ta ngoài đời thực. Bước đi cắm cúi với hai bàn tay đút trong túi áo, chiếc cổ áo sơ mi nhàu nhĩ thò ra ngoài, đôi tai to nhô lên trên chiếc áo mưa cũ kỹ, trông ông ta đúng chính xác như con người thật của mình, một nhân viên văn phòng vô danh, với sự giải thoát duy nhất khỏi cảnh khốn khó là những gì cờ vua đem đến, một thế giới của những khả năng kết hợp, những thế cờ và giải pháp. Điều lạ lùng nhất ở ông ta là tia sáng trong ánh mắt luôn tắt ngấm mỗi khi ông ta rời cái nhìn khỏi bàn cờ, cũng như cách ông ta cúi đầu xuống như thể đang bị thứ gì đó nặng nề đè sau gáy, nghiêng đầu về phía trước, có lẽ để cho phép thế giới bên ngoài lướt qua mà không xâm chiếm thế giới của ông ta nhiều hơn những gì thực sự cần thiết. Ông ta làm cô ít nhiều nghĩ đến hình ảnh các tù binh chiến tranh mà cô từng trông thấy trong những bộ phim tài liệu cũ, nặng nề lê bước với cái đầu cúi gằm. Người bạn đồng hành lúc này của cô có dáng vẻ không lẫn vào đâu được của một người thua trận từ trước cả khi trận chiến bắt đầu, của một người thức giấc vào mỗi buổi sáng chỉ để thất bại.

Thế nhưng vẫn còn một điều gì đó nữa. Khi Muñoz giải thích về một nước đi, lần theo đầu mối rối rắm của ván cờ, ở ông ta lóe lên một tia sáng của thứ gì đó vững chắc, thậm chí xuất chúng. Như thế, hoàn toàn đối nghịch với vẻ bề ngoài, bên trong con người ông ta đang tồn tại một tài năng hiếm có về mặt nào đó, về logic, về toán học, hoặc cũng có thể là thứ gì khác nữa, thứ đem đến cho lời nói và cử chỉ của ông ta sự tự tin nhất định và uy quyền

không thể bác bỏ.

Cô nhận ra mình không biết gì về ông ta ngoài việc ông ta chơi cờ và là một nhân viên kế toán. Nhưng giờ đã quá trễ để tìm hiểu nhiều hơn về người đàn ông này. Nhiệm vụ của ông ta đã kết thúc và khó có khả năng họ còn gặp lại nhau.

“Chúng ta có một mối quan hệ thật lạ lùng,” cô nói.

“Về cờ vua mà nói, đó là một mối quan hệ hoàn toàn bình thường,” ông ta đáp. “Hai người, cô và tôi, gặp gỡ nhau trong khoảng thời gian của một ván cờ.” Ông ta lại mỉm cười một cách lơ đãng, không mang bất cứ ý nghĩa nào. “Hãy gọi cho tôi bất cứ khi nào cô muốn chơi một ván cờ nữa.”

“Ông làm tôi bối rối,” cô lập tức buột miệng, “thực sự đấy.”

Ông ta ngạc nhiên nhìn cô, không còn mỉm cười nữa.

“Tôi không hiểu.”

“Tôi cũng vậy.” Julia thoáng cảm thấy do dự, không chắc chắn lắm về những gì cô muốn nói. “Ông dường như là hai con người khác nhau, đôi lúc thật rụt rè kín đáo, với vẻ gì đó vụng về. Nhưng chỉ cần có bất cứ điều gì liên quan tới cờ vua xuất hiện, ông lập tức trở nên tự tin đến mức đáng kinh ngạc.”

“Vậy sao?” Khuôn mặt người kỳ thủ không biểu lộ bất cứ cảm xúc nào, dường như Muñoz đang chờ đợi phần nhận xét còn lại của cô.

“À, thực sự là vậy đấy,” cô lấp bắp, hơi bối rối về nhận xét có phần thiếu tế nhị của mình. “Tôi nghĩ những gì tôi vừa nói thật ngớ ngẩn vào lúc sớm tinh mơ thế này. Tôi xin lỗi.”

Người bạn đồng hành của cô có một cục yết hầu rất lớn, lộ rõ trên cổ áo sơ mi không cài khuy của ông ta, và quả thực ông ta cũng đang cần cạo râu gấp. Đầu ông ta hơi nghiêng sang trái, như thể đang ngẫm nghĩ về những gì cô vừa nói. Nhưng ông ta không hề có vẻ gì ngạc nhiên.

“Tôi hiểu,” ông ta nói, rồi cử động cảm như thể xác nhận mình đã hiểu, mặc dù Julia khó có thể biết chính xác ông ta đã hiểu điều gì. Ông ta đưa mắt nhìn xuyên qua cô, như thể hy vọng sẽ có ai lại gần mang theo một lời nói bị lãng quên. Và rồi ông ta làm một điều khiến Julia sẽ nhớ mãi cùng sự kinh ngạc. Ngay ở đó, chỉ bằng sáu câu nói, với giọng bình thản lạnh lùng như thể ông ta đang nói về một người thứ ba nào đó, ông ta tóm tắt lại cho cô nghe cả cuộc đời mình, hoặc đó là điều mà Julia nghĩ ông ta đã làm, mà không hề dừng lại hay cân nhắc trong khi nói, với cùng sự chính xác ông ta vẫn thể hiện khi bình luận các nước đi trong một ván cờ. Chỉ sau khi ông ta đã nói xong và chìm vào im lặng, một nụ cười thoáng qua mới trở lại trên môi ông ta, với vẻ tự giễu cợt nhẹ nhàng chính bản thân mình, vẻ giễu cợt không hề che giấu, giễu cợt chính người ông ta vừa mô tả lại, con người mà trong sâu thẳm nội tâm mình ông ta chẳng hề cảm thấy có chút trắc ẩn hay coi thường nào, chỉ đơn giản là sự đồng cảm pha lẫn thất vọng.

Julia chỉ biết đứng sững ra đó, không biết phải nói gì, tự hỏi mình bằng cách nào một con người kiệm lời có thể diễn tả mọi điều về mình rõ ràng đến thế. Cô vừa được biết về một đứa trẻ từng chơi cờ trong đầu mình, ngược mắt nhìn chăm chăm lên trần phòng ngủ mỗi khi bị bố phạt vì bỏ bê việc học tập; về những người phụ nữ có khả năng mổ xẻ chi tiết, với sự tỉ mỉ của một người thợ sửa đồng hồ, những cơ chế vận hành bên trong của một người đàn ông; về nỗi cô độc tìm đến với con người sau những thất bại và về sự thiếu vắng niềm hy vọng. Julia không có thời gian để nhập tâm tất cả, và tới lúc cuối cùng, mà cũng gần như là lúc khởi đầu, cô không dám chắc trong đó bao nhiêu là do ông thuật lại cho cô nghe, bao nhiêu là do cô tự tưởng tượng ra, nếu giả thiết rằng Muñoz còn làm thêm gì khác ngoài đơn thuần cúi đầu xuống mỉm cười như một võ sĩ giác đấu mệt mỏi chán chường, đứng đưng hoàn toàn với việc những ngón tay cái quyết định số phận anh ta đang hướng

lên trên hay xuống dưới. Khi ông ngừng lời – nghĩa là, nếu ông vừa thực sự nói – và thứ ánh sáng xám xịt của buổi bình minh chiếu sáng một nửa khuôn mặt ông, Julia hiểu một cách hoàn toàn rõ ràng ý nghĩa của cái khoảng nhỏ nhỏ gồm sáu mươi tư ô vuông đen và trắng đó với người đàn ông này: một chiến trường thu nhỏ, trên đó diễn ra bí ẩn của chính sự sống, của thành công và thất bại, của những thế lực khủng khiếp giấu mình đang nắm trong tay vận mệnh con người.

Cô hiểu ra điều đó, cũng như hiểu ra nụ cười chưa bao giờ thực sự thành hình trên đôi môi ông. Cô chậm chậm cúi đầu trong lúc ông ngược mắt nhìn lên bầu trời và nhận xét về việc thời tiết hôm đó lạnh ra sao. Cô đưa bao thuốc lá ra mời; ông nhận một điếu, và đây là lần đầu tiên, mà cũng gần như là lần cuối cùng cô thấy Muñoz hút thuốc. Họ lại cùng rảo bước cho tới khi đến tòa nhà nơi Julia sống. Đến lúc này, dường như Muñoz sẽ ra đi mãi mãi. Ông bắt tay cô, chào tạm biệt, nhưng Julia chợt nhìn thấy một chiếc phong bì nhỏ, chùng cỡ một chiếc danh thiếp thông thường, gài trên song sắt khung cửa nhỏ bên cạnh chuông cửa nhà cô. Khi mở phong bì và xem qua những gì được ghi trên tấm thẻ nằm trong đó, cô hiểu Muñoz không thể ra đi, chưa thể, và rất có thể còn vài điều nữa, những điều chẳng tốt lành gì, sẽ xảy ra trước khi chúng cho phép cô chia tay ông.



“Tôi không thích thứ này chút nào,” César nói, và Julia nhận thấy những ngón tay đang kẹp chiếc đót thuốc lá bằng ngà voi của ông hơi run. “Tôi thực sự không thích ý tưởng đang có một gã điên luẩn quẩn ngoài kia chơi trò đóng giả con ma nhà hát Opera.”

Như thế những lời ông vừa nói là một ám hiệu, tất cả đồng hồ trong cửa hàng bắt đầu đổ chuông, chiếc này tiếp sau chiếc khác một chút, hay có khi cùng một lúc, với đủ cung bậc từ những tiếng nhạc thì thầm nhẹ nhàng tới những tiếng chuông gam trầm nghiêm trang của mấy chiếc đồng hồ treo tường nặng nề. Nhưng sự trùng hợp này cũng không khiến Julia mỉm cười nổi. Cô nhìn bức tượng sứ Lucinda của Bustelli, đứng im lìm hoàn toàn bất động trong tủ kính, và cảm thấy bản thân mình cũng mong manh dễ vỡ như nó.

“Cháu cũng chẳng thích gì nó. Nhưng cháu không dám chắc chúng ta có lựa chọn nào khác.”

Cô rời mắt khỏi bức tượng sứ, nhìn về phía chiếc bàn thời Nhiếp chính mà trên đó Muñoz đã bày ra bộ cờ vua bỏ túi của ông, và một lần nữa bày lại vị trí các quân cờ trên bàn cờ trong bức tranh của Van Huys.

“Nếu có lúc nào đó bác tóm được con lợn bắn thiu đó...” César lẩm bẩm, ném một cái nhìn đầy nghi ngờ về phía tấm thẻ Muñoz đang cầm một góc, như thể đó là một quân tốt ông chưa biết chắc nên đặt xuống đâu. “Trò đùa này đi quá xa rồi.”

“Đây không phải là trò đùa,” Julia nói. “Bác đã quên những gì xảy ra với Alvaro tội nghiệp sao?”

“Quên hẳn ư?” César đưa đót thuốc lá lên môi và rít một hơi thuốc ngắn với vẻ bực bội. “Ước gì bác quên được!”

“Thế nhưng,” Muñoz nói, “những gì ghi trong này hoàn toàn có ý nghĩa.”

Hai người đưa mắt nhìn ông. Muñoz hoàn toàn không nhận ra hiệu ứng mà những lời ông vừa nói gây ra, vẫn cúi người nhìn xuống bàn cờ, tay cầm tấm thẻ. Ông vẫn chưa cởi chiếc áo mưa ra, và ánh sáng lọt qua khung cửa sổ có ô kính mờ xin tạo nên một tông màu xanh lam trên chiếc cầm chưa cạo của người kỳ thủ, đồng thời làm đậm thêm quang thâm dưới đôi mắt mệt mỏi

của ông.

“Ông bạn thân mến của tôi,” César nói, bằng một giọng nói pha lẫn giữa sự nghi ngờ đầy lịch thiệp và vẻ tôn trọng đậm chất mĩa mai, “tôi lấy làm mừng rằng ông có thể suy ra được một ý nghĩa nào đó từ thứ này.”

Muñoz nhún vai, phớt lờ nhận xét của César. Rõ ràng ông đang tập trung vào vấn đề mới, vào những ký hiệu được viết trên tấm thẻ nhỏ:

Rb3?... Pd7 – d5+

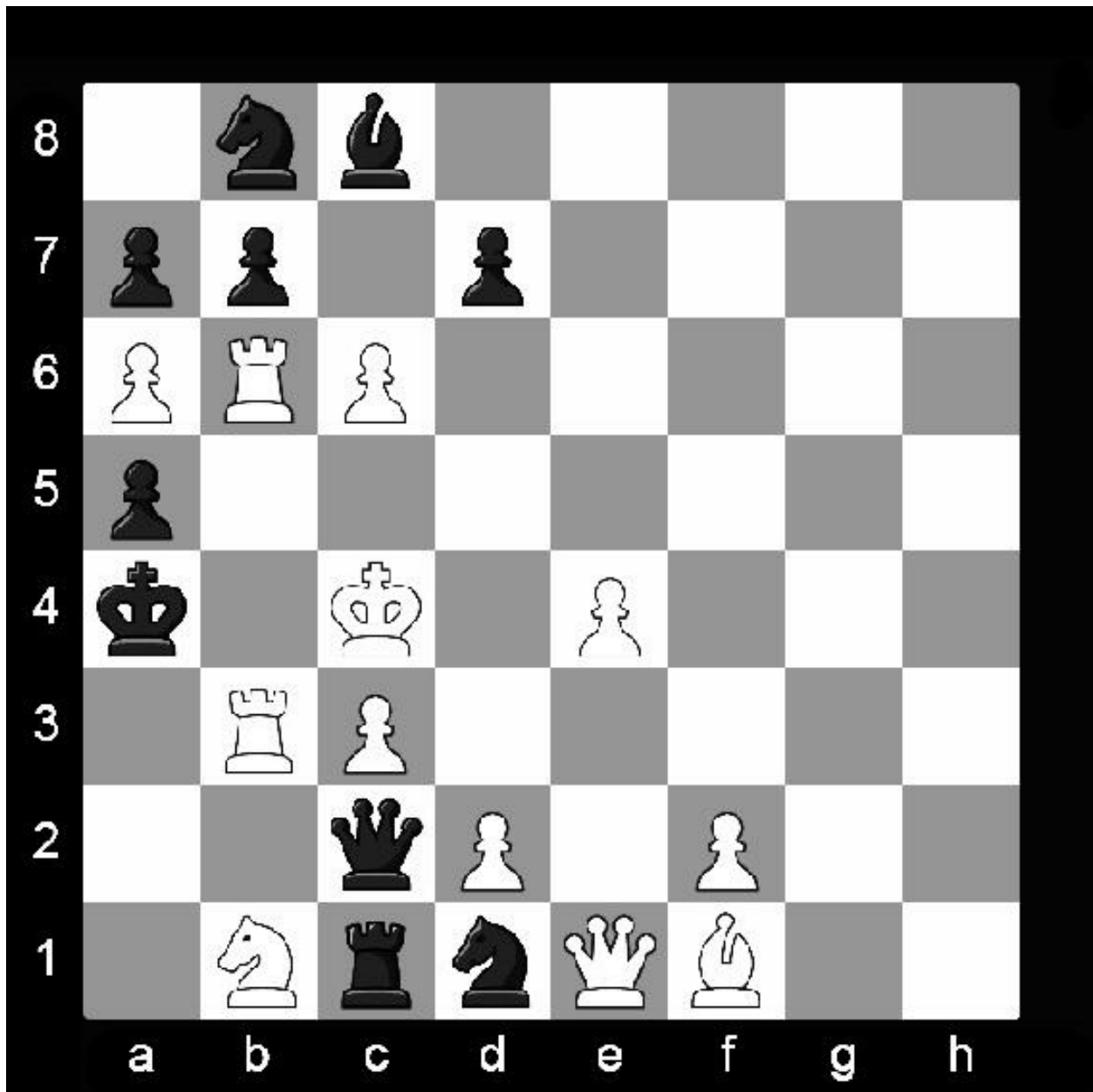
Muñoz nhìn chúng thêm một lúc nữa, so sánh chúng với vị trí các quân cờ trên bàn cờ.

“Có vẻ như ai đó” – và Julia rùng mình khi nghe tới từ “ai đó”, như thể cánh cửa vô hình vừa mở ra ngay gần chỗ cô ngồi – “có quan tâm tới ván cờ đang diễn ra trong tranh.” Ông khép hờ mắt và gật đầu, như thể bằng một cách bí hiểm nào đó ông có thể suy đoán ra động cơ của kẻ chơi cờ bí ẩn này. “Cho dù hãn là ai, hãn biết tình thế trên bàn cờ và cũng biết, hoặc nghĩ rằng hãn biết, chúng ta đã thành công trong việc tìm ra lời giải cho bí ẩn trong ván cờ đó bằng phân tích hồi cứu. Bởi vì hãn đang đề nghị chơi tiếp, tiếp tục ván cờ từ vị trí hiện tại của các quân cờ trong tranh.”

“Hãn ông đang đùa rồi,” César nói.

Bầu không khí im lặng nặng nề bao trùm lên ba người, trong suốt khoảng thời gian đó Muñoz nhìn chăm chăm vào César.

“Tôi không bao giờ đùa,” cuối cùng ông lên tiếng, như thể đã phải mất thời gian để cân nhắc xem có đáng đưa ra lời giải thích hay không. “Và tất nhiên đùa về cờ vua lại càng không.” Ông dùng ngón tay trở gõ nhẹ lên tấm thẻ. “Đây, tôi có thể đoán chắc với các vị, chính xác là điều hãn đang làm: tiếp tục ván cờ từ thời điểm nó đang dừng lại trong tranh. Hãy nhìn vào bàn cờ xem.”



“Thấy không,” Muñoz nói, chỉ tay vào tấm thẻ. “Rb3 có nghĩa là quân trắng nên đưa quân tháp hiện đang ở ô b5 tới ô b3. Theo tôi, dấu hỏi chấm có nghĩa là hẳn đề xuất chúng ta thực hiện nước đi này. Vậy từ đó có thể suy ra chúng ta đang là bên chơi quân trắng, còn đối thủ của chúng ta chọn quân đen.”

“Hợp làm sao,” César nhận xét. “Thích hợp một cách ám muội.”

“Tôi không rõ nó có ám muội hay không, nhưng đó là việc hẳn đang làm.

Hắn đang nói với chúng ta: ‘Tôi chơi quân đen và tôi mời các vị đi quân tháp đó tới ô b3.’ Hai người hiểu chứ? Nếu chúng ta đồng ý chơi, chúng ta cần thực hiện nước đi hấn đề xuất, cho dù chúng ta có thể chọn một nước đi hay hơn. Chẳng hạn, chúng ta có thể ăn quân tốt đen ở ô b7 bằng tốt trắng ở ô a6. Hoặc bằng quân tháp trắng ở ô b6...”

Ông ngừng lời, vẻ mặt trầm ngâm, toàn bộ tâm trí tự động chuyển sang xem xét mọi khả năng có thể của nước đi ông vừa nhắc tới. Rồi ông chớp mắt, quay trở lại thực tại với nỗ lực hiện rõ. “Đối thủ của chúng ta coi như chúng ta đã chấp nhận sự thách thức của hấn và coi như chúng ta đã di chuyển quân tháp trắng tới ô b3, nhằm bảo vệ vua trắng của chúng ta khỏi một nước đi ngang sang trái của hậu đen, và cùng lúc, sử dụng quân tháp này, được quân tháp còn lại và quân hiệp sĩ trắng hỗ trợ, để đe dọa vua đen ở ô a4 bằng một nước chiếu. Từ điểm này tôi đoán hấn là một kẻ ưa mạo hiểm.”

Julia, vẫn đang theo sát những lời giải thích của Muñoz trên bàn cờ, cảm thấy chắc chắn cô đã nhận ra trong những lời nói của ông âm hưởng của sự ngưỡng mộ dành cho kỳ thủ vô danh này.

“Điều gì khiến ông nói vậy? Làm thế nào ông biết hấn thích hay không thích gì?”

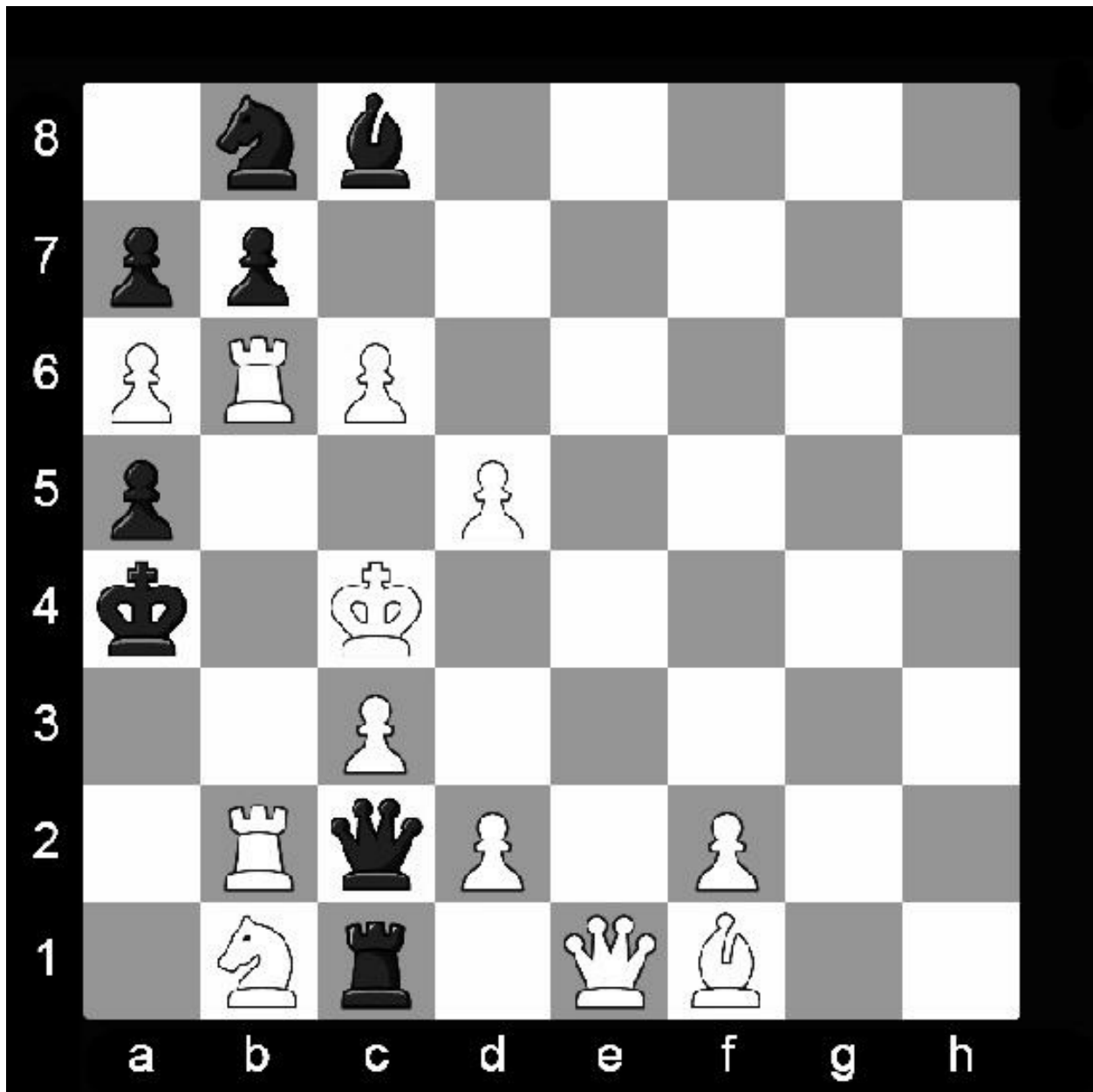
Muñoz nhún vai, cắn môi dưới.

“Tôi cũng không rõ,” ông trả lời sau một thoáng do dự. “Cho dù mỗi người đều chơi cờ theo bản chất con người anh ta. Tôi tin mình từng giải thích điều này một lần rồi.” Ông để tấm thẻ trên bàn, bên cạnh bàn cờ. “Pd7 – d5+ nghĩa là bây giờ quân đen chọn đi tiếp bằng cách đẩy quân tốt ở ô d7 lên ô d5, qua đó đe dọa vua trắng bằng một nước chiếu. Dấu + nhỏ bên cạnh con số 5 có nghĩa là nước chiếu. Nói cách khác, chúng ta đang gặp nguy hiểm. Một mối nguy chúng ta có thể tránh được bằng cách ăn tốt đen của hấn bằng quân tốt trắng ở ô e4.”

“Phải,” César nói. “Với các nước cờ thì đến giờ đã rõ ràng cả. Nhưng tôi không thấy tất cả chuyện này có gì liên quan tới chúng ta. Mối quan hệ giữa những nước cờ và thực tế ở đây là gì?”

Muñoz nhìn không có vẻ gì hứa hẹn, như thể họ đang đòi hỏi quá nhiều từ ông. Julia nhận thấy ông quay sang tìm kiếm ánh mắt cô, nhưng rồi lại quay đi chỉ một giây sau.

“Tôi không biết chính xác mối quan hệ là gì. Có thể là một lời nhắc nhở, một lời cảnh báo. Tôi không có cách nào biết được. Nhưng nước đi tất yếu của bên đen, sau khi đã mất quân tốt ở ô d5, sẽ là chiếu vua trắng lần nữa bằng cách chuyển quân hiệp sĩ đen ở ô d1 tới ô b2. Trong trường hợp đó, bên trắng chỉ có duy nhất một nước đi để tránh bị chiếu, đồng thời tiếp tục duy trì được thế bao vây vua đen, và nước đi đó là ăn hiệp sĩ đen bằng quân tháp trắng. Quân tháp ở ô b3 chuyển tới ô b2 và ăn quân hiệp sĩ. Bây giờ hãy quan sát tình thế trên bàn cờ.”



Cả ba người, bất động và im lặng, quan sát vị trí mới của các quân cờ. Sau này Julia nhận ra chính vào khoảnh khắc đó, từ rất lâu trước khi cô hiểu được ý nghĩa của các ký hiệu, cô cảm thấy bàn cờ không còn đơn thuần là những ô vuông đen và trắng nằm kề sát nhau, thay vào đó nó đã trở thành một không gian có thực thể hiện đường đời của chính cô.

Và, gần như thể bàn cờ đã trở thành một tấm gương, cô tìm thấy điều gì đó thật quen thuộc ở mảnh gỗ được tiện thành hình quân hậu trắng ở ô e1, trông

thật mong manh trước mối đe dọa cận kề của các quân đen.

Nhưng César mới là người đầu tiên hiểu ra.

“Chúa ơi,” ông kêu lên. Và những từ đó vang lên thật lạ lùng trên đôi môi vốn đầy ngờ vực của ông, khiến Julia bất giác hoảng hốt nhìn ông. Ông đang nhìn chăm chăm xuống bàn cờ, bàn tay cầm đót thuốc lá như bỗng dừng hóa đá cách miệng ông vài phân, như thể điều ông vừa vỡ lẽ bất ngờ tới mức đã làm tê liệt một cử chỉ vừa mới bắt đầu.

Cô lại nhìn xuống bàn cờ, cảm thấy dòng máu đang rần rật trong cổ tay và hai bên thái dương. Cô chỉ trông thấy quân hậu trắng vô phương tự vệ, nhưng những gì cô cảm thấy là một mối nguy hiểm như một gánh nặng chết chóc đang đè lên lưng mình. Cô đưa mắt nhìn sang Muñoz tìm kiếm sự giúp đỡ, và nhận ra ông đang trầm ngâm lắc đầu, nếp nhăn giữa hai chân mày càng sâu thêm. Rồi nụ cười thoáng qua cô từng bắt gặp trong nhiều lần trước lại xuất hiện trong chốc lát, không chút hài hước trên môi ông. Đó là một nụ cười bất chợt, có phần bực bội của một người thấy mình buộc phải miễn cưỡng thừa nhận tài năng của đối thủ. Và Julia cảm thấy một nỗi sợ hãi dữ dội, u ám bùng lên, vì cô hiểu ra thậm chí cả Muñoz cũng đã phải thấy ấn tượng.

“Có gì không ổn sao?” cô hỏi, hầu như không nhận ra giọng nói của chính mình. Các ô vuông trên bàn cờ bỗng bành trôi đi trước mắt cô.

Trao đổi một cái nhìn nghiêm trọng với Muñoz, César nói: “Có nghĩa là nước đi của quân tháp trắng đe dọa hậu đen. Đúng vậy không?”

Muñoz gật đầu.

“Phải,” ông nói. “Quân hậu đen, trước đó vẫn an toàn, giờ đây đang bị đe dọa.” Ông ngừng lời. Phải tiếp tục diễn giải theo ngôn ngữ ngoài cờ vua là một việc không hề dễ dàng với ông. “Có nghĩa là kỳ thủ vô hình kia đang cố gửi một thông điệp nào đó tới chúng ta: hẳn ta biết chắc chắn rằng bí ẩn của bức tranh đã được giải thích. Quân hậu đen...”

“Beatrice xứ Burgundy,” Julia thì thầm.

“Phải, Beatrice xứ Burgundy, quân hậu đen, người có vẻ đã từng một lần ra tay giết người.”

Những lời nói cuối cùng của Muñoz lơ lửng trong không trung, không trông đợi bất cứ lời đáp nào. César đưa một bàn tay ra, rồi, với sự tỉ mỉ của một người đang cần làm gì đó bằng mọi giá để giữ lấy mối liên hệ tới thực tại, nhẹ nhàng gỡ tàn từ điều thuốc lá của ông xuống một chiếc gạt tàn. Sau đó, ông đưa mắt nhìn quanh như thể hy vọng tìm thấy câu trả lời cho những câu hỏi mà ba người đang tự hỏi ở một món đồ gỗ, một bức tranh hay một đồ vật nào đó trong cửa hiệu của ông.

“Hai người biết đấy, các bạn thân mến của tôi, đây quả thực là một sự trùng hợp hoàn toàn không thể tin nổi. Nó chỉ đơn giản là không thể có thực.”

Ông giơ hai bàn tay lên rồi buông xuống thể hiện sự bất lực. Muñoz chỉ rầu rĩ nhún vai.

“Đây không phải là sự trùng hợp. Bất cứ kẻ nào lên kế hoạch cho việc này cũng là một bậc thầy.”

“Thế còn quân hậu trắng thì sao?” Julia hỏi.

Muñoz đưa một bàn tay về phía bàn cờ, bàn tay của ông dừng lại ngay trên quân cờ vừa được hỏi tới, như thể ông không dám động vào nó. Ông chỉ sang quân tháp đen ở ô c1.

“Có khả năng nó sẽ bị ăn,” ông bình thản nói.

“Tôi thấy rồi.” Julia cảm thấy thất vọng. Cô đã nghĩ chắc hẳn mình sẽ thấy choáng váng hơn nếu ai đó khẳng định bằng lời nói điều cô đang thầm lo sợ. “Nếu tôi hiểu đúng ý ông thì việc khám phá ra bí mật của bức tranh, nghĩa là tội lỗi của vị phu nhân mặc đồ đen, được thể hiện qua nước đi quân tháp tới ô b2. Và nếu hậu trắng gặp nguy hiểm, thì nguyên nhân là vì đáng ra nó nên rút lui từ trước về một nơi an toàn thay vì đi lang thang để rồi tự chuốc lấy rắc

rối cho mình. Có phải đó là tinh thần của bản thông điệp không, *senor* Muñoz?”

“Ít nhiều là vậy.”

“Nhưng tất cả đã xảy ra cách đây năm trăm năm rồi,” César phản đối. “Chỉ có đầu óc của một kẻ điên rồ...”

“Rất có thể chúng ta đang gặp phải một gã điên,” Muñoz bình thản nói. “Nhưng hẳn đã, hoặc đang, chơi cờ một cách xuất sắc.”

“Và rất có thể hẳn đã lại giết người,” Julia nói thêm. “Ở hiện tại, vài ngày trước, trong thế kỷ 20. Rất có thể chính hẳn đã giết Alvaro.”

César phẫn nộ giơ một bàn tay lên, như thể cô vừa đưa ra một nhận xét không thể chấp nhận được.

“Nào, dừng lại đã, công chúa. Chúng ta đang tự mua dây buộc mình ở đây đây. Không gã sát thủ nào có thể sống sót qua năm trăm năm. Và một bức tranh không thể giết ai đó được.”

“Còn tùy vào cách bác nhìn nhận sự việc.”

“Đừng nói vớ vẩn. Và thôi làm mọi thứ rối tinh rối mù lên đi. Một mặt, chúng ta có một bức tranh và một tội ác xảy ra năm trăm năm trước... Mặt khác, chúng ta có Alvaro, đã chết.”

“Mà vẫn gửi tài liệu đến.”

“Nhưng vẫn chưa ai chứng minh được người gửi tài liệu đi cũng chính là kẻ giết Alvaro. Thậm chí rất có thể anh chàng khốn khổ này đã tự làm vỡ đầu mình trong bồn tắm.” César giơ ba ngón tay lên. “Thứ ba, chúng ta có một người nào đó muốn chơi cờ. Tất cả là vậy. Không có gì chứng minh rằng có một mối liên hệ giữa ba chuyện này.”

“Bức tranh.”

“Đó không phải là một bằng chứng. Đó chỉ là một giả thiết.” César quay sang Muñoz. “Đúng vậy không?”

Muñoz không nói gì, từ chối đứng về bất cứ bên nào, và César ném về phía ông một cái nhìn bực bội. Julia chỉ vào tấm thẻ nằm trên mặt bàn cạnh bàn cờ.

“Bác muốn bằng chứng, phải không nào?” Cô bất ngờ lên tiếng, vì vừa hiểu ra tấm thẻ có ý nghĩa gì. “Đây là một mối liên hệ trực tiếp giữa cái chết của Alvaro và kẻ chơi cờ bí hiểm. Cháu biết quá rõ những tấm thẻ này. Alvaro vẫn dùng chúng khi làm việc.” Cô ngừng lại để có thời gian nhập tâm ý nghĩa của chính những lời mình đang nói. “Bất cứ ai sát hại giáo sư cũng có thể lấy đi vài tấm thẻ của ông ấy.” Cơn hoảng loạn vô nguyên cớ cô vừa cảm thấy chỉ vài phút trước đã tan biến hẳn, thay vào đó là một cảm giác chính xác hơn, rõ nét hơn rằng mình vừa vỡ lẽ ra mọi chuyện. Cô tự nhủ với chính mình, như một lời giải thích, rằng cảm giác sợ hãi một thứ gì đó tối tăm vô định, không giống nỗi sợ đã định hình vững chắc trước việc phải chết dưới tay một người bằng xương bằng thịt. Có lẽ ký ức về Alvaro, về cái chết của anh giữa thanh thiên bạch nhật dưới vòi nước đang chảy xối xả, đã giúp tâm trí cô trở nên sáng suốt hơn, giải phóng cô khỏi những nỗi sợ hãi vô căn cứ. Không có chúng cô cũng đã phải chịu đựng quá đủ rồi.

Cô đưa một miếng thuốc lên môi và châm lửa, hy vọng hai người đàn ông kia sẽ coi đó là một biểu hiện của khả năng làm chủ bản thân. Cô hít ngậm khói đầu tiên đầy khoang miệng rồi nuốt vào. Cổ họng cô khô rất thật khó chịu. Cô đang cần gấp một ly vodka. Mà cũng có lẽ là sáu ly. Hay một anh chàng đẹp trai, mạnh mẽ, lạng lã, một người có thể giúp cô tìm sự lãng quên trong tình dục.

“Giờ chúng ta làm gì đây?” cô hỏi, cố lấy hết bình tĩnh có thể.

César đang nhìn Muñoz, còn Muñoz nhìn sang Julia. Cô thấy đôi mắt Muñoz lại trở nên mờ đục, thiếu sức sống, như thể ông đã lại mất hết sự quan tâm cho tới khi nước cờ tiếp theo mời gọi sự chú ý của ông.

“Chúng ta đợi,” Muñoz nói, ra dấu về phía bàn cờ. “Giờ đến lượt quân đen đi.”



Menchu đang rất kích động, nhưng không phải vì kỳ thủ bí hiểm. Khi Julia thuật lại cho bà những gì đã xảy ra, đôi mắt Menchu trở nên tròn xoe, như thể nếu lắng nghe thật cẩn thận, ta có thể nghe thấy tiếng chiếc máy tính tiền reo chuông khi báo tổng số tiền cho khách hàng. Sự thật là mỗi khi liên quan đến tiền, Menchu luôn tỏ ra rất tham lam. Và vào lúc đó, trong lúc hân hoan nhắm tính lợi nhuận thu được trong tương lai, bà lại càng tham lam hơn bao giờ hết. Và ngu ngốc nữa, Julia tự nhủ với chính mình, vì Menchu dường như hoàn toàn dừng dừng trước khả năng tồn tại một gã sát nhân thích chơi cờ vua. Trung thành với bản chất của mình, phương pháp ưa thích của bà để đương đầu với các rắc rối là làm như thể chúng không tồn tại. Không bao giờ chú ý tới điều gì ổn định vững chắc trong một quãng thời gian dù ngắn hay dài, và có lẽ đã chán ngấy sự hiện diện của Max trong nhà mình với vai trò vệ sĩ – một sự có mặt khiến cho những cuộc ái ân trăng gió khác trở nên khó khăn – Menchu đã quyết định nhìn nhận toàn bộ vụ làm ăn từ một góc nhìn khác hẳn. Với bà, giờ đây nó chỉ là một chuỗi những sự trùng hợp lạ lùng, hoặc một trò đùa kỳ cục và nhiều khả năng hoàn toàn vô hại, được ai đó có khiếu hài hước hơi khác người bày đặt ra, còn mục đích của người này thì quá khó hiểu để bà có thể luận giải được. Đó là cách giải thích những sự kiện vừa diễn ra giúp người ta thấy yên tâm nhất, nhất là khi có thể kiếm được rất nhiều từ vụ làm ăn này. Còn về cái chết của Alvaro, chẳng lẽ Julia chưa bao giờ nghe tới các sai lầm tư pháp sao? Như vụ gã Dreyfus sát hại Zola, hay là

ngược lại nhỉ*? Rồi Lee Harvey Oswald* và những vụ sai lầm ngớ ngẩn tương tự. Hơn nữa, trượt chân trong bồn tắm là việc có thể xảy ra với bất kỳ ai. Hay hầu như bất cứ ai.

“Còn về bức tranh của Van Huys, rồi cô sẽ thấy: chúng ta sẽ kiếm được cả núi tiền từ nó.”

“Thế chúng ta sẽ làm gì với Montegrifo?”

Chỉ có vài khách hàng trong phòng trưng bày: hai quý bà đứng tuổi đang đứng trò chuyện trước một bức tranh sơn dầu theo phong cách cổ điển vẽ cảnh biển, một người đàn ông mặc bộ đồ sẫm màu đang lật qua tập ca ta lô những bức phù điêu chạm khắc. Menchu đặt một bàn tay lên hông như thể đặt lên báng một khẩu súng ổ quay rồi hạ giọng nói, chớp chớp mi làm bộ:

“Anh ta rồi cũng phải biết điều thôi, cô em thân mến.”

“Bà nghĩ vậy sao?”

“Hãy tin tôi đi. Hoặc anh ta đồng ý, hoặc chúng ta sẽ tìm tới kẻ thù của anh ta.” Bà mỉm cười đầy tự tin. “Với bản báo cáo nghiên cứu của cô và câu chuyện giật gân về công tước Ostenburg cùng cô vợ nanh nọc của ông ta, bên Sotheby hay Christie chắc chắn sẽ dang rộng vòng tay chào đón chúng ta. Mà Paco Montegrifo thì không phải là gã ngốc.” Rồi dường như bà chợt nhớ ra điều gì đó.

“Nhân tiện, chiều nay chúng ta sẽ đi uống cà phê với anh ta. Hãy trang điểm thật lộng lẫy vào.”

“*Chúng ta* sẽ đi gặp ông ta sao?”

“Phải, cô và tôi. Sáng nay anh ta gọi điện, hết sức ngọt ngào mềm mỏng. Gã con hoang khốn kiếp đó có một giác quan thứ sáu thật nhạy bén nếu nói tới chuyện làm ăn.”

“Thôi đi nào, đừng có lôi tôi vào chuyện này.”

“Tôi đâu có làm thế. Anh ta cứ khẳng khẳng đề nghị cả cô cũng đến. Tôi

không nghĩ ra nổi anh ta thấy gì ở cô, cô em yêu quý. Cô chỉ toàn da bọc xương.”

Đôi giày cao gót của Menchu – chúng được làm hoàn toàn bằng tay với mức giá cắt cổ, song đôi gót giày chỉ đơn giản là cao hơn một phân so với mức thực sự cần thiết – để lại những dấu vết khiến người ta phải xót ruột trên tấm thảm màu be. Trong phòng trưng bày của bà, trong cách chiếu sáng gián tiếp, tông màu nhạt và những khoảng không gian mở rộng rãi, hiển hiện một ưu thế rõ nét của cái mà César quen gọi là “nghệ thuật man rợ”. Điểm nhấn chủ đạo được tạo ra nhờ màu acrylic, màu bột kết hợp với tranh cắt dán, vài bức tranh nổi làm từ mảnh bao tải và những chiếc mỏ lết han gỉ hay ống nhựa và vô lăng sơn tuyền màu xanh da trời. Thỉnh thoảng, ở một góc khuất, bạn có thể tìm thấy một bức tranh chân dung hay phong cảnh ít nhiều trông bình thường hơn, giống như một vị khách lạc lõng, lúng túng song lại cần thiết để minh chứng cho sở thích phong phú của một nữ chủ nhân hóm hỉnh. Dẫu vậy, Menchu vẫn kiểm ra tiền từ phòng trưng bày; thậm chí cả César cũng phải (miễn cưỡng) thừa nhận điều này, đồng thời nhắc lại với vẻ hoài cổ những ngày mà bất cứ gian phòng họp nào cũng được trang hoàng bằng ít nhất một bức tranh được đánh giá cao, đã đạt được độ chín hợp lý nhờ thời gian, được lồng trong một khung gỗ nặng thếp vàng, chứ không phải những cơn ác mộng hậu công nghiệp đang trở thành thời thượng – tiền plastic, đồ dùng plastic, nghệ thuật plastic – của những thế hệ mới lúc này đang ngự trị trong chính những phòng họp đó, nơi được trang hoàng nhờ các chuyên gia trang trí nội thất hợp thời trang nhất và ra giá cắt cổ nhất.

Tình cờ, vào lúc đó Menchu và Julia đang chiêm ngưỡng một hỗn hợp pha trộn lạ lùng giữa màu đỏ và màu lục được dành cho cái tên phô trương là *Cảm xúc*. Nó mới chỉ dâng trào ra vài tuần trước từ bảng pha màu của Sergio, cơn điên rồ lãng mạn mới nhất của César, và cũng chính César đã giới thiệu

anh ta, cho dù ít nhất anh chàng cũng biết phép lịch sự khi khiêm tốn nhìn đi nơi khác trong khi ông đề cập tới chuyện đó.

“Bằng cách nào đó tôi sẽ bán được nó,” Menchu nói, kèm theo một tiếng thở dài cam chịu, sau khi cả hai người đã ngắm nhìn bức tranh một hồi lâu. “Thực ra, cho dù chuyện này nghe có vẻ khó tin, nhưng cuối cùng thì thứ gì rồi cũng bán được hết.”

“Bác César sẽ rất biết ơn bà,” Julia nói. “Và tôi cũng vậy.”

Menchu nhăn mũi đầy trách cứ.

“Chính chuyện đó làm tôi bận tâm đấy. Rằng cô lại biện hộ cho những trò xuẩn ngốc của ông bạn buôn đồ cổ của cô. Đã đến lúc bà hoàng già khủ này nên hành xử cho phù hợp với lứa tuổi của ông ta rồi.”*

Julia dứ dứ một nắm đấm đầy đe dọa trước mũi bà bạn.

“Bà để ông ấy yên. Bà cũng biết rồi đấy, với tôi bác César luôn là thiêng liêng.”

“Chẳng phải tôi đúng hay sao. Kể từ khi tôi biết cô, lúc nào cũng là César thế này, César thế kia.” Bà khó chịu nhìn bức tranh của Sergio. “Cô cần mang trường hợp của mình đến gặp một chuyên gia phân tích tâm lý; ông ta chắc sẽ phát điên. Tôi có thể mừng tượng cảnh cô nằm dài thượt ra trên xô pha, lải nhải kể cho ông ta câu chuyện ướt rượt xưa rích kiểu học thuyết tâm lý Freud*. ‘Bác sĩ, ông thấy đấy, tôi chưa bao giờ muốn ngủ với bố tôi, tôi chỉ muốn nhảy điệu waltz với bác César thôi. Nhân đây nói để ông hay, ông ấy đồng tính, nhưng ông ấy thực sự tôn thờ tôi.’ ”

Julia nhìn bạn cô với khuôn mặt không hề có chút dấu hiệu nào của sự thích thú.

“Đúng là rác rưởi. Bà biết quá rõ mối quan hệ giữa chúng tôi là gì mà.”

“Có thật vậy không?”

“Ôi, quý tha ma bắt bà đi. Bà biết quá rõ là...” Cô dừng lại, khịt mũi, cảm

thấy bức bối với chính mình. “Thật lố bịch. Mỗi khi bà nói về bác César, cuối cùng tôi lại phải biện hộ cho chính mình.”

“Bởi vì, cô em yêu quý ơi, đúng là có điều gì đó ám muội trong mỗi quan hệ giữa hai người. Nhớ lại xem, ngay cả khi cô còn qua lại với Alvaro...”

“Nào, đừng có bắt đầu với Alvaro nữa. Bà có Max để lo rồi.”

“Ít nhất Max cũng đem đến cho tôi thứ tôi cần... Nhân tiện, tay kỳ thủ mà cô luôn kín tiếng đến thế là người thế nào? Tôi rất nóng lòng muốn có dịp được chiêm ngưỡng anh ta.”

“Muñoz?” Julia không khỏi mỉm cười. “Bà sẽ rất thất vọng đấy. Ông ấy không phải loại bà thích. Hay tôi thích, nếu bà tò mò muốn biết.” Cô nghĩ ngợi một lát, vì chưa bao giờ cô bận tâm tới chuyện mình sẽ mô tả lại ông ra sao. “Ông ấy trông giống một nhân viên văn phòng trong một bộ phim đen trắng thời xưa vậy.”

“Nhưng anh ta đã giải thế cờ trong bức tranh của Van Huys cho cô.” Menchu chớp mi làm bộ ngưỡng mộ người kỳ thủ. “Hẳn anh ta phải có chút tài năng nào đó.”

“Ông ấy có thể thực sự xuất chúng, theo cách riêng của mình. Nhưng không phải lúc nào cũng thế. Có lúc ông ấy dường như rất tự tin vào mình, đưa ra những lời biện giải như một chiếc máy, thế rồi ngay sau đó ông ấy chỉ đơn giản là tắt phụt, ngay trước mắt bà. Bà sẽ thấy mình nhận ra chiếc cổ áo sơ mi cũ sần, vẻ ngoài hoàn toàn bình thường của ông ấy, và tôi dám cá bà sẽ nghĩ ông ấy là một trong những người đàn ông tầm thường ngoài kia, những người có đôi tất luôn nặng mùi.”

“Ông ấy có vợ chưa?”

Julia nhún vai. Cô đang nhìn ra ngoài con phố nằm sau khung cửa sổ trưng bày có vài bức tranh và mấy món đồ gốm tô màu.

“Tôi không biết. Ông ấy không thích tâm sự cho lắm.” Cô nghĩ lại những

gì vừa nói và nhận ra thậm chí trước đây cô còn chưa bao giờ nghĩ về chuyện đó. Cô quan tâm đến Muñoz như một cách giải quyết khó khăn hơn là như một con người. Chỉ mới hôm qua, ngay trước khi tìm thấy tấm thẻ, khi hai người sắp chào tạm biệt nhau, chỉ tới tận lúc đó cô mới biết thoáng qua về cuộc đời ông. “Tôi đoán ông ấy đã có vợ. Hoặc đã từng... Dường như ông ấy đã bị tổn thương theo cách mà chỉ chúng ta, những người phụ nữ, có thể làm đàn ông tổn thương.”

“Thế César nghĩ sao về ông ấy?”

“Bác César thích ông ấy. Tôi nghĩ bác César nhìn nhận ông ấy như một người có tính cách. Bác đối xử với ông ấy với vẻ gì đó lịch sự pha lẫn mỉa mai. Có vẻ như bác César cảm thấy ghen tị mỗi khi Muñoz đưa ra vài phân tích đặc biệt ấn tượng về một nước cờ. Nhưng ngay khi Muñoz rời mắt khỏi bàn cờ, ông ấy lại trở nên bình thường, và bác César cảm thấy thoải mái hơn.”

Cô ngừng lời, bất giác thấy bối rối. Cô vừa nhận ra bên kia đường, một chiếc xe có vẻ quen quen đang đậu sát bờ hè. Cô đã thấy nó ở đâu rồi nhỉ?

Một chiếc xe buýt lao qua, chặn chiếc xe nọ khỏi tầm nhìn. Menchu đã nhận ra vẻ lo lắng trên khuôn mặt cô.

“Có gì không ổn sao?”

Julia lúng túng lắc đầu. Sau chiếc xe buýt là một chiếc xe tải giao hàng dừng lại trước đèn đỏ, khiến cô không biết liệu chiếc xe kia có còn đậu ở đó hay không. Nhưng rõ ràng cô từng trông thấy nó. Đó là một chiếc Ford.

“Có chuyện gì vậy?”

Menchu hết nhìn Julia lại nhìn ra đường, tỏ vẻ không hiểu gì. Julia cảm thấy một cảm giác trống rỗng từ dạ dày dâng lên, một cảm giác khó chịu đã trở nên quá quen thuộc với cô trong mấy ngày qua. Cô đứng hoàn toàn bất động, nhìn chăm chăm sang bên kia đường, như thể đôi mắt của cô, chỉ nhờ

vào sức mạnh ý chí cô truyền cho nó, có thể nhìn xuyên qua chiếc xe tải tới chiếc xe nọ. Một chiếc Ford màu xanh.

Cô phát hoảng. Cảm giác sợ hãi đang từ từ len lỏi lan đi khắp cơ thể, cô có thể cảm nhận thấy nó đang rần rật ở hai cổ tay và hai bên thái dương. Nói cho cùng, hoàn toàn có khả năng ai đó đang bám theo cô. Và kẻ đó đã làm thế từ nhiều ngày nay, kể từ khi Alvaro và cô... Một chiếc Ford màu xanh có kính đen.

Rồi cô nhớ ra: chính nó đã đậu đối diện văn phòng công ty dịch vụ chuyên phát và vượt qua đèn đỏ để bám theo sau họ vào buổi sáng trời mưa hôm đó. Vậy lần này sao lại không thể chính là chiếc xe đó?

“Julia.” Menchu lúc này đã thực sự thấy lo lắng. “Trông cô xanh xao quá.”

Chiếc xe tải vẫn ở đó, vẫn dừng trước đèn giao thông. Có thể chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên. Thế giới này chẳng thiếu gì những chiếc xe màu xanh lấp kính đen. Cô bước một bước về phía cửa phòng trưng bày, thò bàn tay vào trong chiếc túi da cô đang đeo trên vai. Alvaro nằm trong bồn tắm, các vòi nước mở hết cỡ. Cô lục lọi bên trong túi, bỏ qua thuốc lá, bật lửa, hộp phấn. Cô chạm tay vào báng khẩu súng ngắn với cảm giác hân hoan nhẹ nhõm, kèm theo sự căm ghét tột độ chiếc xe lúc này đang nằm ngoài tầm mắt, hiện thân cho chiếc bóng hắc ám trần trụi của nỗi sợ hãi. Đồ khốn kiếp, cô thầm nghĩ, bàn tay đang giữ món vũ khí trong túi bắt đầu run lên vì kinh hoàng pha lẫn căm hận. Cho dù mi là ai, tên khốn kiếp kia, cho dù đang đến lượt quân đen đi, ta sẽ cho *mi* biết cần chơi cờ vua như thế nào. Và trước sự ngạc nhiên của Menchu, Julia lao ra ngoài đường, hàm nghiến chặt, đôi mắt nhìn chăm chăm vào chiếc xe tải đang che khuất chiếc xe đáng ngờ. Cô len qua giữa hai chiếc xe khác đang đậu sát vỉa hè đúng lúc đèn chuyển sang xanh. Cô né người tránh đầu một chiếc xe khác, tảng lờ tiếng còi đang réo lên ngay sau lưng mình, và trong lúc sốt ruột đợi chiếc xe tải vượt qua, cô đã

định rút khẩu súng ngắn ra khi cuối cùng, giữa một đám khói xăng xe, cô cũng sang được bên kia đường vừa đúng lúc để nhìn thấy một chiếc Ford màu xanh có các khung cửa kính đen với biển kiểm soát kết thúc bằng các chữ cái TH biến mất trong dòng xe cộ phía trước.

CON HÀO BÊN CỬA ĐÔNG

ACHILLES: Chuyện gì sẽ xảy ra nếu sau đó tôi tìm ra một bức tranh bên trong bức tranh tôi đã bước vào trong...?

RÙA: Chỉ đơn giản là thứ anh trông đợi, vậy thôi: anh sẽ bị cuốn vào trong bức-tranh-ở-trong-tranh đó.

_ Nhà khoa học Douglas R. Hofstadter _

“Chuyện đó thực sự hơi thái quá rồi đấy, cô bé thân mến.” César đang cuốn mì spaghetti bằng cách xoay chiếc nĩa của ông. “Cháu có thể hình dung ra không? Một công dân đứng dẫn tình cờ dừng lại trước đèn đỏ, ngồi sau tay lái chiếc xe của ông ta, chiếc xe lại tình cờ màu xanh, khi một phụ nữ trẻ xinh đẹp bất ngờ biến thành sát thủ, xông tới cố bắn hạ ông ta mà hầu như không có dấu hiệu nào cảnh báo trước.” Ông quay sang Muñoz, như thể tìm kiếm sự tán đồng từ một giọng nói có lý trí. “Thế là quá đủ để bất cứ ai cũng được một phen khiếp vía.”

Muñoz ngừng mân mê miếng bánh mì ông đang xoay tròn trên tấm khăn trải bàn, nhưng không hề ngước mắt nhìn lên.

“Thực ra cô ấy không hề đi xa đến thế. Ý tôi là cô ấy chưa hề bắn người kia,” ông khẽ nói bằng giọng bình thản. “Chiếc xe đã lao đi từ trước.”

“Tất nhiên là thế rồi.” César đưa tay với ly vang hồng của ông. “Đèn giao thông đã chuyển sang xanh.”

Julia thả rơi cả dao lẫn nĩa xuống đĩa mì lá bỏ lò lasagna mà cô hầu như chưa động tới, gây ra một tiếng động chúa khiến César ném cho cô một cái nhìn ngao ngán khổ sở từ đằng sau ly rượu vang của ông.

“Bác thôi làm bộ ngớ ngẩn và nghe cháu đây. Chiếc xe đã đậu ở đó từ trước khi đèn chuyển đỏ, khi đường phố còn vắng tanh... Ngay đối diện phòng trưng bày.”

“Có hàng trăm chiếc xe giống như thế.” César nhẹ nhàng đặt chiếc ly của ông xuống bàn, dùng khăn chấm nhẹ lên miệng rồi nở một nụ cười ngọt ngào trước khi nói thêm bằng giọng hạ xuống thành lời thì thầm như của một nhà

tiên tri, “Rất có thể đó là một trong số những anh chàng ngưỡng mộ bà bạn Menchu đức hạnh của cháu. Một anh chàng ứng viên cơ bắp nào đó đang nuôi hy vọng hất cẳng Max.”

Julia cảm thấy cực kỳ bất rút khó chịu. Vào những lúc nước sôi lửa bỏng César luôn ngả sang kiểu nói độc địa ác khẩu đầy mỉa mai gây gổ của ông. Nhưng cô không muốn bị tâm trạng khó chịu đẩy mình vào việc đôi co với ông, nhất là trước mặt Muñoz.

“Cũng có thể,” cô đáp, cố tỏ vẻ kiên nhẫn sau khi thầm đếm đến mười trong đầu, “đó là một người khi thấy cháu ra khỏi phòng trưng bày đã quyết định tốt nhất anh ta nên chuồn đi.”

“Với bác, điều đó thật khó tin, cô bé thân mến. Thực sự là thế.”

“Hẳn bác cũng thấy thật khó tin khi người ta tìm thấy Alvaro với một cái cổ gãy, nhưng sự thật lại đúng như vậy đấy.”

César bừ môi như thể ông thấy những lời ám chỉ của cô thật không đúng lúc, đồng thời ra hiệu chỉ vào đĩa của Julia.

“Món lasagna của cháu nguội hết rồi kìa.”

“Mặc xác món lasagna. Cháu muốn biết bác đang nghĩ gì. Và cháu muốn được nghe sự thật.”

César đưa mắt nhìn Muñoz, nhưng Muñoz, vẫn đang thấy thực sự khó hiểu, vẫn tiếp tục bận bịu với viên ruột bánh mì của mình. César đặt hai cổ tay xuống hai bên đĩa của ông một cách cân xứng, đưa mắt nhìn chăm chú vào chiếc lọ cắm hai bông cẩm chướng, một trắng, một đỏ, được bày trang trí ở chính giữa bàn.

“Có thể cháu đúng.” Ông nhướn hai bên mày lên như thể sự chân thành cô đòi hỏi ở ông và tình cảm ông dành cho Julia đang tranh đấu dữ dội với nhau. “Có phải đó là điều cháu muốn nghe không? Được thôi, cháu thẳng. Bác đã nói rồi đấy.” Đôi mắt xanh của ông bình thản nhìn cô đầy trù mến,

xóa tan đi tấm mặt nạ khinh khinh mỉa mai chúng vẫn mang lúc trước. “Bác phải thú nhận việc chiếc xe có mặt ở đó thực sự làm bác lo lắng.”

Julia ném về phía ông một cái nhìn giận dữ.

“VẬY cháu có thể biết tại sao bác lại dành tới nửa tiếng đồng hồ vừa rồi để chơi trò giả vờ ngờ ngẩn không?” Cô sốt ruột gõ các ngón tay xuống mặt bàn. “Không, đừng nói gì với cháu cả. Cháu biết hết rồi. Bố già không muốn cô con gái bé bỏng phải lo âu, đúng vậy không? Cháu sẽ khá hơn nhiều nếu đóng vai đà điểu rúc đầu xuống cát. Hay cứ xử giống Menchu.”

“Cháu sẽ chẳng giải quyết được gì bằng cách nhảy xổ vào bất cứ ai tình cờ trông có vẻ đáng ngờ. Thêm nữa, nếu cảm giác sợ hãi của cháu là đúng, thậm chí làm thế còn nguy hiểm là đằng khác. Ý bác là nguy hiểm cho cháu ấy.”

“Cháu có khẩu súng của bác.”

“Bác hy vọng sẽ không phải hối tiếc vì đã đưa cho cháu khẩu súng đó. Đây không phải là trò chơi, cháu biết rồi đấy. Trong đời thực, những gã khốn cũng có súng. Và biết cả chơi cờ vua nữa.”

Như thế Muñoz đang thể hiện một ấn tượng đặc trưng của riêng mình, từ “cờ vua” dường như đã phá vỡ được vẻ lãnh đạm bên ngoài của ông.

“Nói cho cùng,” ông lăm băm không cụ thể với ai, “về cơ bản, cờ vua là một sự kết hợp giữa hai xung lực đối nghịch nhau.”

César và Julia ngạc nhiên nhìn ông. Điều ông vừa nói chẳng có gì liên quan tới câu chuyện đang được bàn đến. Muñoz đang nhìn đăm đăm vào khoảng không, như thể vẫn chưa hoàn toàn trở lại từ chuyến đi dài tới một nơi xa xăm nào đó.

“Ông bạn thân mến,” César nói, có phần khó chịu vì bị chen ngang, “tôi không hề có ý nghi ngờ chân lý ngời ngời trong những lời nói của ông, song chúng tôi sẽ rất biết ơn nếu ông có thể nói dễ hiểu hơn.”

Muñoz tiếp tục lăn tròn viên ruột bánh mì giữa các ngón tay của mình.

Hôm nay ông mặc một chiếc áo vest xanh lam kiểu dáng đã lỗi mốt và đeo một chiếc cà vạt màu lục sẫm, nhưng các đầu nút cổ áo sơ mi của ông, nhăn nhúm và không lấy gì làm sạch sẽ, vẫn vểnh lên trên như thường lệ.

“Tôi không biết phải nói gì.” Ông đưa ngón tay lên cọ vào cằm. “Tôi đã dành mấy ngày vừa qua nghĩ đi nghĩ lại chuyện này.” Ông do dự một lát, như thể đang tìm kiếm cách diễn đạt thích hợp. “Nghĩ về đối thủ của chúng ta.”

“Julia cũng vậy, tôi đoán thế. Và tôi cũng vậy. Tất cả chúng ta đều đã bận tâm nghĩ về gã khốn đó.”

“Hai chuyện này không hề tương tự. Gọi người này là một ‘gã khốn’ đã bao hàm một nhận xét chủ quan... Điều đó không hề có ích chút nào cho chúng ta, và thậm chí còn đánh lạc hướng sự chú ý của chúng ta khỏi những gì thực sự quan trọng. Tôi cố nghĩ về con người này qua góc nhìn duy nhất chúng ta có hiện tại: những nước cờ của người này. Ý tôi là...” Ông đưa một ngón tay lướt trên bề mặt ly rượu vang mờ hơi nước, rượu trong ly vẫn chưa được ông động đến, như thể cử chỉ đó đã làm ông đứt mạch suy luận trong bài diễn thuyết ngắn của mình. “Phong cách chơi phản ánh tính cách của người chơi. Tôi nghĩ mình từng nói với hai người điều này rồi.”

Julia cúi người về phía ông, đầy vẻ quan tâm.

“Ý ông là mấy ngày vừa qua ông đã thực sự nghiên cứu nghiêm chỉnh về tính cách tên sát nhân? Ông có nghĩ giờ đây ông đã hiểu hẳn rõ hơn không?”

Một nụ cười mơ hồ thoáng lướt qua trên môi Muñoz. Nhưng Julia thấy rõ ông đang rất nghiêm túc. Người kỳ thủ chưa bao giờ biết đến mĩa mai châm biếm.

“Có rất nhiều kiểu kỳ thủ khác nhau.” Đôi mắt ông đang nhìn về thứ gì đó ngoài xa, một thế giới quen thuộc bên ngoài bốn bức tường của nhà hàng. “Bên cạnh phong cách chơi, mỗi kỳ thủ có những nét riêng biệt, những điểm đặc thù cho phép phân biệt anh ta với những kỳ thủ khác: đại kiện tướng

Steinitz hay ngâm nga các giai điệu của nhà soạn nhạc người Đức Wagner trong khi chơi cờ; thần đồng cờ vua Morphy không bao giờ nhìn vào đối thủ cho tới phút cuối cùng của ván đấu... Những người khác lẩm bẩm tiếng Latin hay một thứ ngôn ngữ nào đó họ tự sáng tác ra. Đó là một cách giải tỏa căng thẳng và giữ vững sự tỉnh táo. Một kỳ thủ có thể làm thế trước hay sau khi thực hiện một nước đi. Gần như tất cả mọi người đều làm gì đó.”

“Ông cũng vậy sao ?” Julia hỏi.

Muñoz do dự, tỏ vẻ bối rối.

“Tôi nghĩ là vậy.”

“Và nét riêng biệt của ông với tư cách một kỳ thủ là gì?”

Muñoz nhìn xuống các ngón tay của ông, vẫn đang mân mê viên ruột bánh mì.

“*Chúng ta tới Penjamo, một j và không h.*”

“*Chúng ta tới Penjamo, một j và không h sao?*”

“Phải.”

“Và ‘*Chúng ta tới Penjamo, một j và không h*’ có nghĩa là gì?”

“Chẳng có nghĩa gì cả. Chỉ đơn giản là một câu băng quơ tôi lẩm bẩm hay thầm nghĩ trong đầu mỗi khi thực hiện một nước đi quan trọng, ngay trước khi tôi nhắc quân cờ lên.”

“Nhưng điều đó thật phi lý.”

“Tôi biết. Nhưng cho dù những cử chỉ hay biểu hiện đặc trưng ấy có phi lý đến thế nào đi chăng nữa, chúng vẫn phản ánh phong cách chơi cờ của mỗi người. Chúng cũng cho cô biết về tính cách của đối thủ. Khi cân phân tích một phong cách thi đấu hay một kỳ thủ, mọi thông tin đều có ích. Chẳng hạn, kiện tướng Petrosian là một kỳ thủ rất thiên về phòng ngự, với linh cảm tuyệt vời trước các mối nguy hiểm. Ông có thể dành cả ván cờ để chuẩn bị các phương án phòng ngự chống lại các nước tấn công có thể xảy ra, thậm chí

trước cả khi các đối thủ của ông nghĩ tới những nước cờ đó.”

“Có thể ông ta là kẻ hoang tưởng,” Julia nói.

“Cô thấy nhận ra điều đó dễ đến mức nào chưa? Cách một người chơi cờ có thể làm bộc lộ bản tính tự cao, thích gây gổ, hay chứng hoang tưởng tự đại. Hãy thử lấy ví dụ trường hợp của Steinitz. Năm sáu mươi tuổi, ông tin rằng mình đang liên hệ trực tiếp với Chúa và rằng ông có thể đánh bại Người, cho dù ông nhận chấp một quân tốt và dành cho Người quyền đi quân trắng.”

“Còn về kỳ thủ vô hình của chúng ta?” César hỏi, ông đang chăm chú lắng nghe, ly rượu cầm trên tay dừng lại giữa chừng trong lúc đưa lên miệng.

“Người này rất giỏi,” Muñoz trả lời không chút do dự, “và các kỳ thủ giỏi thường là những con người phức tạp. Một kiện tướng bậc thầy luôn hình thành cho mình một linh cảm trực giác đặc biệt để nhận ra nước đi đúng và cảm nhận nguy hiểm trước những nước cờ sai lầm. Đó là một thứ linh tính không thể mô tả bằng lời. Khi anh ta nhìn vào bàn cờ, anh ta không thấy bất cứ thứ gì bất động; anh ta nhìn thấy một từ trường chẳng chịt những lực hút và lực đẩy khác nhau, bao hàm cả những lực chính bản thân anh ta sở hữu.” Ông nhìn viên ruột bánh mì nằm trên tấm khăn trải bàn trong vài giây rồi cẩn thận nhặt nó lên để sang một bên, như thể đó là một quân tốt nhỏ nhoi trên một bàn cờ tưởng tượng. “Người này là kẻ thích tấn công và thích chấp nhận mạo hiểm. Chẳng hạn như việc đối thủ của chúng ta không dùng quân hậu của mình để bảo vệ vua. Rồi cách sử dụng quân tốt đen, và sau đó là quân hiệp sĩ đen một cách tài tình để duy trì sức ép lên vua trắng, để ngò lơ lửng khả năng đổi hậu. Ý tôi là người đàn ông này...”

“Hay người phụ nữ này,” Julia xen vào.

Muñoz nhìn cô, vẻ không mấy chắc chắn.

“Về điều này tôi không rõ. Cũng có những phụ nữ rất giỏi cờ vua, nhưng không nhiều. Trong trường hợp này, những nước đi của đối thủ của chúng ta,

dù là đàn ông hay phụ nữ, đã thực hiện thể hiện một mức độ tàn nhẫn nhất định, và tôi dám nói là cả sự tò mò ác độc. Giống như một con mèo đang vờn chuột.”

“Như vậy, tóm lại,” Julia nói, đồng thời đưa từng ngón tay ra đếm, “nhiều khả năng đối thủ của chúng ta là một người đàn ông và khả năng là một phụ nữ thì ít hơn nhiều, đó là một ai đó rất tự tin, có bản chất thích gây hấn và tàn nhẫn, đồng thời cũng là một kẻ bệnh hoạn thích theo dõi người khác. Đúng vậy không?”

“Phải, tôi nghĩ là thế. Và người này ưa thích nguy hiểm. Điều này thể hiện rất rõ qua cách đối thủ của chúng ta từ chối cách nhập cuộc cổ điển, trong đó quân đen luôn đóng vai phòng ngự. Hơn nữa, người này có trực giác rất tốt về những nước cờ mà đối thủ của mình có thể đi. Hẳn ta có khả năng đặt mình vào vị trí của người khác.”

César mím môi, khẽ huýt sáo đầy ngưỡng mộ rồi nhìn Muñoz với thái độ tôn trọng trở lại. Người kỳ thủ lúc này có vẻ xa xăm, như thể các ý nghĩ của ông đã lại một lần nữa trôi dạt đi nơi khác.

“Ông đang nghĩ gì vậy?” Julia hỏi.

Phải một lát sau Muñoz mới trả lời.

“Không có gì đặc biệt. Trên bàn cờ, cuộc chiến không phải diễn ra giữa hai trường phái chơi cờ, mà giữa hai triết lý, hai thế giới quan.”

“Trắng và Đen, phải không nào?” César nói, như thể đang dẫn ra vài câu từ một bài thơ cũ. “Thiện và ác, thiên đường và địa ngục, và tất cả những thái cực thú vị khác.”

“Có thể lắm.”

Muñoz nhún vai. Julia nhìn lên vầng trán rộng và hai quầng thâm dưới đôi mắt ông. Trong đôi mắt uể oải ủ dột ấy đang cháy một tia sáng nhỏ thu hút sự chú ý của cô, làm cô thầm tự hỏi liệu nó sẽ kéo dài thêm bao lâu nữa trước

khi lại vụt tắt như những lần trước. Khi ánh sáng còn lưu lại đó, cô cảm thấy một khao khát thực thụ muốn tìm hiểu đời sống nội tâm của ông, được biết rõ hơn về con người lầm lì đang ngồi đối diện với cô.

“VẬY ông thuộc về trường phái nào?”

Dường như ông có phần ngạc nhiên trước câu hỏi này. Bàn tay ông đưa về phía ly rượu vang của mình nhưng rồi dừng lại nửa chừng, nắm yên trên tấm khăn trải bàn. Ly rượu của ông vẫn đầy nguyên từ đầu bữa.

“Tôi nghĩ mình không thuộc về bất cứ trường phái nào,” ông khẽ đáp. Người kỳ thủ khiến người khác có ấn tượng rằng nói về chính mình là một hành động vi phạm không thể chấp nhận được đối với ý thức về sự khiêm tốn của ông. “Tôi cho rằng mình là một trong số những người coi cờ vua như một phương pháp trị liệu. Có lúc tôi tự hỏi những người như cô, những người không chơi cờ vua, làm gì để thoát khỏi sự thất vọng và điên loạn. Như tôi từng nói với cô trước đây, có những người chơi cờ để chiến thắng, như các kiện tướng Alekhine, Lasker và Kasparov, như hầu hết các đại kiện tướng lừng danh. Giống như kỳ thủ giấu mặt mà chúng ta đang gặp phải, tôi cho là vậy. Những người khác, như đại kiện tướng Steinitz và kỳ thủ xuất chúng Przepiorka, lại tập trung vào việc thể hiện lý thuyết cờ vua của họ và tạo ra những nước đi xuất sắc.”

“Còn ông?” Julia hỏi.

“Tôi ư? Tôi không phải là kẻ thích tấn công, cũng không thích mạo hiểm.”

“Có phải vì thế ông không bao giờ thắng?”

“Trong thâm tâm, tôi tin mình có thể thắng, rằng nếu tôi quyết định thắng, tôi sẽ không bao giờ thua dù chỉ một ván. Nhưng tôi chính là kẻ thù tệ hại nhất của bản thân mình.” Ông chạm ngón tay vào chóp mũi, hơi ngả đầu sang một bên. “Tôi từng đọc được một điều: con người ta không được sinh ra để giải quyết những vấn đề của thế giới, mà chỉ đơn thuần để khám phá xem

những vấn đề đó nằm ở đâu. Có lẽ đó là lý do tại sao tôi không cố gắng giải quyết bất cứ điều gì. Tôi đắm mình trong ván cờ chỉ vì chính cuộc chơi, và đôi lúc, trông tôi có vẻ như đang xem xét bàn cờ, nhưng thực ra tôi đang chìm trong mộng tưởng. Tôi cân nhắc những nước đi khác nhau, với những quân cờ khác nhau, hoặc tôi tính xa hơn sáu, bảy nước đi hay nhiều hơn nữa so với đối thủ.”

“Cờ vua ở trạng thái thuần khiết nhất,” César nói, dường như ông thực sự thấy ấn tượng, mặc dù khá miễn cưỡng.

“Chuyện đó tôi không rõ,” Muñoz nói. “Nhưng điều tương tự cũng diễn ra với rất nhiều người tôi quen biết. Ván cờ có thể kéo dài hàng giờ, và trong lúc nó diễn ra, thời gian, gia đình, rắc rối, công việc, tất cả đều bị bỏ lại phía sau, bị gạt sang một bên. Đó là điểm tương đồng giữa tất cả mọi người. Khác biệt nằm ở chỗ trong khi một số người coi đó là một trận đánh họ cần giành lấy phần thắng, một số người khác, như tôi chẳng hạn, lại nhìn nhận nó như một đấu trường giàu tưởng tượng và đầy ắp những khả năng kết hợp trong không gian, nơi chiến thắng và thất bại chỉ còn là những từ vô nghĩa.”

“Nhưng trước đó, khi ông nói với chúng tôi về một trận chiến giữa hai triết lý, ông đang nói về kẻ sát nhân, về gã kỳ thủ bí ẩn của chúng ta,” Julia nói. “Lần này dường như ông có quan tâm tới việc giành phần thắng. Đúng thế không?”

Một lần nữa, cái nhìn của Muñoz lại trôi dạt tới một điểm bất định nào đó trong không gian.

“Tôi đoán là vậy. Phải, lần này tôi thực sự muốn giành phần thắng.”

“Tại sao?”

“Linh tính. Tôi là một kỳ thủ, một kỳ thủ xuất sắc. Ai đó đang tìm cách khiêu khích tôi, và điều đó buộc tôi phải cẩn thận chú ý tới từng nước cờ người này thực hiện. Sự thực là tôi không còn lựa chọn nào khác.”

César mỉm cười giễu cợt, châm thêm một trong những điếu thuốc có đầu lọc vàng đặc biệt của ông.

“Hãy hát lên đi, hỡi nàng thơ,” ông trích dẫn với giọng nhại vẻ trang trọng lễ nghi, “cơn cuồng nộ của Muñoz u sầu, người rút cuộc cũng quyết định bước chân ra khỏi căn lều ẩn dật của mình. Cuối cùng người bạn của chúng ta cũng chuẩn bị xung trận. Cho tới lúc này ông mới chỉ đóng vai một quan sát viên đứng ngoài cuộc, vì thế tôi thật vui khi cuối cùng được chứng kiến ông tuyên thệ dưới cờ. Một vị anh hùng bất đắc dĩ, nhưng dấu sao vẫn cứ là một vị anh hùng. Chỉ có điều thật hổ thẹn,” một bóng tối lướt qua vầng trán trắng trẻo, phẳng lặng của ông, “là cuộc chiến này lại tinh vi một cách ma quái đến thế.”

Muñoz nhìn César với vẻ hứng thú.

“Thật lạ vì ông lại nói thế.”

“Tại sao?”

“Vì trên thực tế cờ vua là một sự thay thế cho chiến tranh và cả những thứ khác nữa. Ý tôi muốn nói tới tội giết cha.” Ông nhìn hai người một cách không chắc chắn, như thể muốn họ đừng xem những lời ông nói là nghiêm túc. “Trong cờ vua, mọi nước đi đều hướng tới mục đích đặt vua vào thế bị chiếu, hai người biết đấy. Tất cả đều nhằm hướng tới giết người cha. Tôi sẵn lòng nói cờ vua có nhiều điểm tương đồng với việc giết người hơn là với chiến tranh.”

Sự im lặng băng giá làm không khí quanh bàn bỗng trở nên lạnh ngắt. César đang nhìn chăm chăm vào đôi môi giờ đây đã mím chặt của Muñoz, mắt ông hơi nheo lại như thể khó chịu vì làn khói từ điếu thuốc của mình. Trong đôi mắt ông hiện rõ vẻ ngưỡng mộ chân thành, như thể Muñoz vừa mở toang một cánh cửa chứa đựng phía sau nó vô vàn bí ẩn khó lường.

“Thật đáng kinh ngạc,” ông lẩm bẩm.

Julia dường như cũng bị Muñoz mê hoặc như thế. Mặc dù bề ngoài có vẻ xoàng xĩnh tầm thường, nhưng người đàn ông này, với đôi tai to và bộ dạng rụt rè, nhàu nhĩ, biết chính xác mình đang nói về cái gì. Trong cái mê cung đầy bí ẩn mà thậm chí chỉ nguyên ý nghĩ về nó cũng đủ khiến những người khác run rẩy vì bất lực và sợ hãi này, Muñoz là người duy nhất biết cần giải nghĩa các dấu hiệu như thế nào, người duy nhất sở hữu chìa khóa cho phép ông thoải mái đến rồi đi mà không bị quái vật Minotaur* ăn thịt. Và tại đó, trước đĩa lasagna hầu như chưa động đến của mình, Julia đã biết với mức độ chắc chắn chính xác như toán học, sự chắc chắn gần như của một kỳ thủ cờ vua, rằng theo cách của riêng mình, người đàn ông này chính là người mạnh nhất trong ba người bọn họ. Nhận định của ông không bị ảnh hưởng bởi những định kiến về đối thủ của mình, gã kỳ thủ bí hiểm, và nhiều khả năng cũng chính là kẻ sát nhân. Ông xem xét bí ẩn cũng với thái độ lạnh lùng vị kỷ đậm chất khoa học mà Sherlock Holmes đã sử dụng để hóa giải những thách thức mà gã giáo sư quý quyết Moriarty bày ra. Muñoz sẽ không theo đuổi ván cờ này tới cùng vì ý thức trước công lý; mục đích của ông không phải đạo đức, mà là logic. Ông vào cuộc chỉ đơn giản vì có một kỳ thủ mà sự tình cờ đã đặt ngòi vào phía bên này bàn cờ, cũng giống như – Julia rùng mình trước ý nghĩ này – nó đã đặt ông xuống phía bên kia. Cô cũng nhận ra ông hoàn toàn dừng đứng với việc mình phải chơi quân trắng hay quân đen. Với ông, điều duy nhất đáng quan tâm là lần đầu tiên trong đời mình, ông có hứng thú với việc chơi một ván cờ cho tới cùng.

Cô bắt gặp ánh mắt của César, và biết rằng ông cũng đang suy nghĩ như cô. Và ông là người lên tiếng đầu tiên, với giọng nói nhỏ nhẹ, như thế, cũng như cô, ông sợ làm tắt mất ánh sáng trong đôi mắt của Muñoz.

“Giết nhà vua...” César từ tốn đưa chiếc đót thuốc lá lên miệng và rít vào một lượng khói vừa đủ. “Rất thú vị. Ý tôi là cách giải thích mang phong cách

Freud đó về trò chơi này. Tôi không hề nghĩ cờ vua lại có gì đó liên quan tới những chuyện chẳng hay ho gì như thế.”

Đầu Muñoz hơi nghiêng sang một bên, dường như đang đắm chìm trong những ý nghĩ của riêng mình.

“Người cha thường là người dạy đứa trẻ đi những nước cờ đầu tiên. Và giấc mơ của bất cứ đứa con trai nào từng chơi cờ cũng là đánh bại ông bố của mình. Là giết nhà vua. Bên cạnh đó, ai cũng nhanh chóng nhận ra trong cờ vua người cha, hay quân vua, chính là quân yếu nhất trên bàn cờ. Nó liên tục bị tấn công, lúc nào cũng cần được bảo vệ, cần đến những chiến thuật như nước nhập thành, và mỗi nước đi chỉ có thể di chuyển được một ô. Nhưng thật ngược đời, vua cũng lại là quân cờ không thể thiếu. Vua đã mang đến cái tên cho trò chơi này, vì cái tên ‘cờ vua’ bắt nguồn từ từ *shah*, có nghĩa là vua trong tiếng Ba Tư, và trong mọi ngôn ngữ khác cùng gần tương tự như thế.”

“Còn quân hậu?” Julia hỏi.

“Đó là người mẹ và người vợ. Trong bất cứ tình huống nào trong đó vua bị tấn công, nó đem đến khả năng phòng ngự hữu hiệu nhất. Hậu chính là quân cờ mạnh và hữu hiệu nhất. Và ở bên cạnh quân vua và quân hậu là quân giám mục: người ban phước lành cho mỗi liên kết và trợ giúp trong cuộc đấu. Đừng quên từ Ả Rập *faros*, chỉ quân hiệp sĩ, quân kỵ binh cho phép xuyên qua phòng tuyến của kẻ thù. Thực ra, vấn đề này đã tồn tại từ rất lâu, trước khi Van Huys vẽ bức *Ván cờ*; người ta đã cố gắng lý giải nó từ một nghìn bốn trăm năm nay.”

Muñoz ngừng lời, và dường như định nói thêm điều gì đó nữa, nhưng thay vì nói ra, một nụ cười lại thoáng hiện trên môi ông trong chốc lát.

“Đôi lúc,” cuối cùng ông lên tiếng, như thể vừa phải nỗ lực tột độ để định hình ý nghĩ của mình, “tôi tự hỏi liệu cờ vua là một thứ do con người sáng tạo nên hay chúng ta chỉ đơn thuần khám phá ra nó. Như thế nó là thứ gì đó vẫn

luôn tồn tại ngoài kia, từ khi tạo thiên lập địa. Giống như tất cả những con số.”

Tựa hồ đang trong một giấc mơ, Julia nghe thấy tiếng một dấu xi bị bẻ gãy, và lần đầu tiên cô thực sự ý thức được tình hình hiện tại: một bàn cờ rộng lớn bao trùm cả quá khứ và hiện tại, cả Van Huys và chính cô, thậm chí cả Alvaro, César, Montegrifo, gia đình Belmonte, Menchu và Muñoz. Và cô đột nhiên cảm thấy sợ hãi khủng khiếp, đến mức gần như phải gõ mình lên để không hét to thành tiếng. Nỗi sợ hãi hằn đã hiện rõ trên khuôn mặt cô, vì cả César và Muñoz đều nhìn cô đầy lo lắng.

“Tôi không sao,” cô nói, lắc đầu như thể làm thế có thể giúp cô bình tĩnh lại. Rồi cô lấy trong túi ra tờ giấy có ghi lại các tầng không gian tồn tại trong bức tranh theo lời luận giải đầu tiên của Muñoz. “Hãy nhìn vào đây xem.”

Muñoz nhìn qua tờ giấy rồi chuyển cho César mà không bình luận gì.

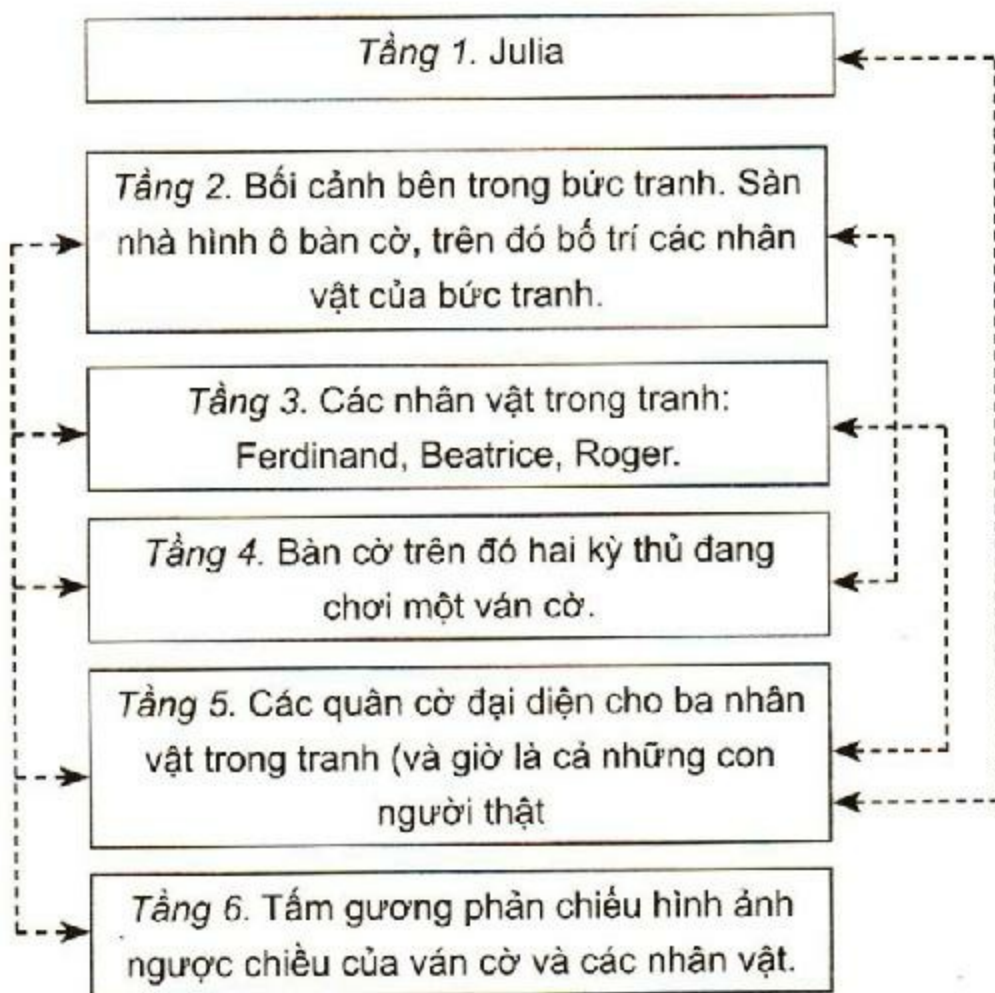
“Bác nghĩ thế nào?” Julia hỏi.

César do dự.

“Rất đáng lo ngại,” ông nói. “Nhưng có lẽ chúng ta đã hiểu hơi quá thuần túy theo nghĩa đen.” Ông lại đưa mắt nhìn sơ đồ Julia đã vẽ. “Bác không dám chắc chúng ta đang đau đầu nhức óc vì một thứ thực sự hóc búa hay chỉ là một chuyện hoàn toàn chẳng có gì đáng bận tâm.”

Julia không trả lời. Cô đang nhìn chăm chăm vào Muñoz. Ông để tờ giấy xuống bàn, lấy một chiếc bút ra khỏi túi, ghi thêm gì đó vào bản sơ đồ rồi đưa lại cho cô.

“Bây giờ đã có thêm một tầng không gian nữa,” ông nói với giọng lo âu. “Ít nhất cô cũng liên quan tới nó như bất cứ nhân vật nào khác.”



“Đó chính là điều tôi nghĩ,” Julia nói.

“Tầng thứ sáu là tầng không gian bao hàm toàn bộ những lớp còn lại.” Muñoz chỉ vào sơ đồ. “Cho dù cô có thích điều đó hay không, cô cũng nằm ở trong đó.”

“Nghĩa là,” Julia nói, đôi mắt mở to nhìn ông, “rằng nhiều khả năng kẻ đã sát hại Alvaro, cũng chính là kẻ đã gửi tấm thẻ tới cho chúng ta, đang chơi một ván cờ diên rồ nào đó. Một ván cờ trong đó không chỉ tôi, mà chúng ta, tất cả chúng ta, đều là những quân cờ. Đúng không?”

Không có chút phiền muộn nào trên khuôn mặt của Muñoz, chỉ có vẻ

trông đợi tò mò, như thể từ những gì cô vừa nói có thể rút ra những kết luận thật đáng kinh ngạc, những kết luận mà hẳn ông sẽ rất vui mừng được đưa ra lời bình luận về chúng.

“Tôi rất mừng,” cuối cùng ông lên tiếng, đồng thời nụ cười thoáng qua cũng xuất hiện trở lại trên môi, “rằng rốt cuộc cả hai người đều đã nhận ra được điều đó.”



Menchu trang điểm cẩn thận, tỉ mỉ, tới từng mi li mét và lựa chọn trang phục để đạt tới hiệu ứng mà bà muốn tạo ra: một chiếc váy ngắn bó rất sát và một chiếc áo vest da rất tao nhã mặc ngoài chiếc áo len màu kem làm nổi bật bộ ngực người mặc tới mức Julia lập tức mô tả là “tai tiếng”. Có lẽ vì đã lường trước được điều này, chiều hôm đó Julia chọn cho mình phong cách thoải mái: giày lười bằng da, quần jean, một chiếc áo vest da ngắn, chun ở cổ tay và một chiếc khăn quàng lụa. César hẳn sẽ nói, nếu ông trông thấy hai người đậu chiếc Fiat của Julia bên ngoài văn phòng của Claymore, rằng ông hoàn toàn có thể nhầm họ là hai mẹ con.

Mùi nước hoa cùng tiếng động phát ra từ đôi giày cao gót của bà đã vượt lên trước hai người, len vào một văn phòng có tường lát gỗ rất đẹp, một chiếc bàn lớn bằng gỗ gụ, cùng những cây đèn và chiếc ghế theo phong cách siêu hiện đại, tại đó Paco Montegrifo bước tới hôn tay hai người, trên môi nở nụ cười tươi đã trở thành thương hiệu của anh ta, giúp trưng ra hai hàm răng đều tăm tắp, một tia sáng trắng nổi bật trên nền nước da bánh mật của người phụ trách đầu giá. Hai vị khách ngồi xuống những chiếc ghế bành cho phép họ có được góc nhìn tuyệt hảo về phía bức tranh quý giá của danh họa người Pháp

Vlaminck đang nổi bật trong căn phòng; Montegrifo ngồi xuống ngay dưới bức tranh, ở phía đối diện chiếc bàn làm việc, với bộ dạng khiêm tốn của một người vô cùng áy náy vì đã không thể dành cho các vị khách một tầm nhìn tốt hơn, về phía một bức tranh của danh họa người Hà Lan Rembrandt chẳng hạn. Hay một tác phẩm của Leonardo, ít nhất đó cũng có thể là hàm ý phía sau cái nhìn nòng nọc anh ta dành cho Julia, sau khi đã dừng dừng đưa mắt lướt qua đôi chân bắt tréo đầy phô trương của Menchu.

Montegrifo nhanh chóng vào việc ngay sau khi thư ký của anh ta mang cà phê cho họ, được đựng trong những chiếc tách sứ của Công ty Đông Ấn, món cà phê được Menchu cho thêm đường hóa học vào để làm ngọt. Julia dùng cà phê nguyên chất, đắng và nóng bỏng mà không cho thêm đường, và cô uống từng ngụm nhỏ. Đến khi cô châm một điếu thuốc lá – Montegrifo bất lực cúi người qua bàn với chiếc bật lửa mạ vàng của anh ta – người phụ trách đấu giá đã phác xong những nét chính của tình hình hiện tại. Và Julia buộc phải thừa nhận không thể buộc tội anh ta quanh co lòng vòng.

Thoạt nhìn, mọi thứ có vẻ rõ như ban ngày: Claymore lấy làm tiếc họ không thể chấp nhận các điều kiện của Menchu về việc chia phần ngang nhau số lợi nhuận thu được từ bức tranh của Van Huys. Menchu cần biết chủ sở hữu bức tranh, *don* – Montegrifo bình thản xem lại các ghi chú của anh ta – Manuel Belmonte, với sự đồng thuận của cô cháu gái và chồng của cô ta, quyết định hủy bỏ thỏa thuận đã có với *dona** Menchu Roch và chuyển mọi quyền quyết định liên quan tới bức tranh của Van Huys cho công ty Claymore và đồng sự. Tất cả, anh ta nói thêm, đã được soạn thảo thành văn bản, được một công chứng viên chứng thực. Montegrifo dành cho Menchu một cái nhìn bày tỏ sự nuối tiếc sâu sắc, kèm theo một tiếng thở dài thông cảm của một kẻ từng trải.

“Ý anh muốn nói,” Menchu choáng váng nói, tách cà phê của bà đập

xuống đĩa lạch cạch, “anh đang đe dọa giật bức tranh khỏi tay tôi?”

Montegrifo nhìn xuống hai chiếc khuy măng sét mạ vàng của mình như thể chính chúng mới vừa nói ra một nhận xét không đúng chỗ nào đó rồi cảnh vệ kéo hai cổ tay áo hồ cứng lên.

“Tôi e rằng chúng tôi đã làm điều đó rồi,” anh ta nói với giọng ái ngại của một người lấy làm tiếc phải đưa cho một bà góa hóa đơn cần thanh toán mà ông chồng quá cố của bà ta để lại. “Tuy nhiên, tỷ lệ phần trăm ban đầu của bà trong phần lợi nhuận trên giá đấu giá vẫn như cũ; tất nhiên là trừ các chi phí liên quan. Claymore không hề có ý muốn tước đoạt bất cứ cái gì của bà, mà chỉ tránh những điều kiện quá đáng mà bà, thưa quý bà thân mến, đã tìm cách áp đặt.” Anh ta chậm rãi lấy hộp đựng thuốc lá bằng bạc của mình ra đặt trên mặt bàn. “Claymore chỉ đơn giản không thấy có lý do nào để nâng tỷ lệ phần trăm của bà lên. Vậy thôi.”

“Không có lý do nào sao?” Menchu tuyệt vọng đưa mắt sang Julia, trông đợi phản ứng phần nộ đồng cảm với mình. “Lý do ở đây, anh Montegrifo ạ, là nhờ những nghiên cứu chúng tôi thực hiện, giá của bức tranh sẽ tăng lên rất nhiều. Lý do như thế đã đủ chưa?”

Montegrifo nhìn Julia, phân trần trong im lặng một cách lịch thiệp rằng chưa bao giờ anh ta gộp cả cô vào màn mặc cả bản thiêu này. Quay sang Menchu, đôi mắt anh ta trở nên sắc lạnh.

“Nếu nghiên cứu mà hai người đã thực hiện,” – cách nói “hai người” đã thể hiện hoàn toàn rõ ràng anh ta nghĩ sao về tài năng nghiên cứu của Menchu – “làm tăng giá trị bức tranh của Van Huys, điều đó sẽ tự động làm tăng giá trị khoản phần trăm lợi nhuận bà đã thỏa thuận với Claymore.” Anh ta tự cho phép mình trưng ra một nụ cười nhã nhặn trước khi rời mắt khỏi Menchu và chuyển sang nhìn Julia. “Còn về phần cô, tình hình mới này không hề ảnh hưởng tới lợi ích của cô. Ngược lại là khác. Claymore,” anh ta

nói, và nụ cười anh ta dành cho cô khiến người ta không thể còn có nghi ngờ nào khác về việc anh ta đang muốn nói chính xác tới ai ở Claymore, “nhận thấy cách cư xử của cô trong việc này thực sự mầu mịch. Vì thế chúng tôi mong muốn cô tiếp tục công việc phục chế bức tranh. Cô không cần lo lắng gì về mặt tài chính.”

“Và liệu tôi có thể biết,” Menchu nói, môi dưới của bà, cũng như bàn tay đang cầm tách cà phê, giờ đang run lên, “bằng cách nào anh biết được về bức tranh tường tận đến thế? Vì Julia có thể hơi ngậy thơ, nhưng tôi không thể hình dung ra cô ấy có thể tâm sự hết chuyện đời mình cho anh chỉ trong một bữa tối dưới ánh nến. Hay cô ấy đã làm thế thật?”

Đó quả là một lời xúc phạm, và Julia định lên tiếng phản đối. Song Montegrifo đã ra hiệu đề nghị cô bình tĩnh.

“Thế này nhé, *senorita* Roch, khi tôi tự cho phép mình đưa ra vài đề nghị thuần túy mang tính chuyên môn với bạn bà mấy ngày trước, cô ấy đã chọn cách trả lời rất tế nhị bằng cách chỉ nói sẽ cân nhắc tới lời đề nghị của tôi. Những chi tiết về tình trạng bức tranh, dòng chữ được giấu kín và những chuyện khác, đã được cháu gái ông chủ sở hữu bức tranh vui lòng cung cấp cho chúng tôi. Cũng xin nói thêm, *don* Manuel quả là một người đáng mến. Và tôi phải nói rằng ông ấy rất miễn cưỡng khi phải rút lại ủy quyền trách nhiệm với bức tranh của bà. Dường như ông ấy là một người cực kỳ trung thành, vì ông ấy cũng đề nghị, mà thực ra là khẳng định đòi không ai ngoài Julia được động tới bức tranh cho tới khi việc phục chế hoàn tất. Trong toàn bộ cuộc thương lượng này, mỗi liên minh, một liên minh mang tính chiến thuật, nếu bà muốn coi như thế, giữa tôi với cháu gái *don* Manuel đã tỏ ra rất hữu ích. Còn về phần *senor* Lapena, chồng cô ấy, anh ta không đưa ra thêm bất cứ lời phản đối nào sau khi tôi đề cập tới khả năng có một khoản ứng trước.”

“Thêm một tên phản đồ Judas nữa,” Menchu rít lên qua hai hàm răng nghiền chặt.

“Tôi nghĩ,” Montegrifo nhún vai nói, “bà có thể gọi anh chàng này như thế. Cho dù ta cũng có thể nghĩ tới những tên gọi khác nữa.”

“Tôi còn có trong tay một văn bản đã được ký kết, anh biết mà,” Menchu phản kháng.

“Tôi biết. Nhưng đó là một thỏa thuận không được chứng thực, trong khi thỏa thuận của tôi được soạn thảo trước sự chứng kiến của một công chứng viên, có cô cháu gái ông chủ sở hữu và chồng cô ta làm nhân chứng, kèm theo tất cả các loại đảm bảo, bao gồm một khoản ứng trước làm thế chấp từ phía chúng tôi. Nếu tôi được phép sử dụng cách diễn đạt mà Alfonso Lapena đã dùng khi anh ta ký vào bản thỏa thuận giữa chúng tôi, thì đó là một ván bài hoàn toàn mới, thừa quý bà thân mến của tôi.”

Menchu nhòai người ra trước với bộ dạng khiến Julia e rằng rất có thể tách cà phê bà đang cầm trên tay sẽ được dành trọn vẹn cho vạt trước chiếc áo sơ mi trắng tinh tươm của Montegrifo, nhưng bà chỉ đặt nó xuống bàn. Bà đang bưng bưng phần nộ, và mặc dù đã trang điểm kỹ lưỡng, cơn tức giận vẫn làm cho khuôn mặt của bà già đi mấy tuổi. Khi bà nhồm người, chiếc váy lại co lên còn cũn cợn hơn nữa, và Julia vô cùng bối rối, thực sự hối tiếc vì đã có mặt tại đây lúc này.

“VẬY Claymore sẽ làm gì,” Menchu gắt gỏng hỏi, “nếu tôi quyết định mang bức tranh tới một nhà bán đấu giá khác?” Montegrifo đang ngắm nhìn làn khói cuộn lên thành vòng xoáy ốc từ điều thuốc của anh ta.

“Nói một cách chân thành,” anh ta nói, dường như đang suy nghĩ nghiêm túc về vấn đề được tranh cãi, “tôi khuyên bà không nên phức tạp hóa tình hình lên làm gì. Làm thế sẽ là bất hợp pháp.”

“Tôi cũng có thể khởi kiện tất cả các người và trói chặt các người vào một

vụ tranh tụng nhiều khả năng sẽ kéo dài nhiều tháng, đặt dấu chấm hết cho chuyện mang bức tranh ra đấu giá. Anh đã cân nhắc tới khả năng đó chưa?”

“Tất nhiên là rồi. Nhưng kết cục chỉ càng tệ hại hơn cho bà mà thôi.” Montegrifo mỉm cười lịch thiệp. “Như bà có thể hình dung, Claymore có trong tay những luật sư rất giỏi. Bà có nguy cơ sẽ mất tất cả. Mà như thế thì thật đáng tiếc.”

Menchu giận dữ kéo váy xuống khi đứng lên.

“Tất cả những gì tôi có thể nói với anh” – và giọng bà vỡ ra, hoàn toàn bị cơn giận dữ khống chế – “là tôi chưa từng gặp tên khốn kiếp nào đều giả như anh.”

Montegrifo và Julia cùng đứng dậy, cô không khỏi thấy bối rối, còn người phụ trách đấu giá hoàn toàn làm chủ được bản thân.

“Tôi không thể nói sao cho cô biết tôi lấy làm tiếc về tình thế này đến mức nào,” anh ta bình thản nói với Julia. “Tôi thực sự rất tiếc.”

“Cả tôi cũng vậy.” Julia đưa mắt nhìn Menchu, lúc này đang khoác túi lên vai bằng một cử chỉ dứt khoát như thể đeo một khẩu súng trường. “Liệu tất cả chúng ta có thể trở nên biết điều hơn một chút được không?”

Menchu lờm cô.

“Cô có thể tỏ vẻ biết điều nếu muốn, tôi thấy rõ là cô đã bị mắc câu gã lừa đảo này tới mức nào rồi, nhưng tôi sẽ rời khỏi ổ trộm cướp này ngay lập tức.”

Đôi giày cao gót của bà giận dữ khua trên sàn và bà bước ra thật nhanh. Julia vẫn đứng im tại chỗ, không biết có nên đi theo bà hay không.

“Một phụ nữ đầy cá tính,” Montegrifo nói.

Julia quay về phía anh ta, vẫn chưa chắc mình nên làm gì.

“Chỉ là bà ấy đã đặt quá nhiều hy vọng vào bức tranh. Hẳn ông cũng hiểu điều đó.”

“Ồ, tôi hiểu chứ.” Anh ta nở một nụ cười hòa giải. “Nhưng tôi không thể

để bà ấy tổng tiền tôi được.”

“Nhưng ông lại âm mưu sau lưng bà ấy, thông đồng với cô cháu gái và chồng cô ta. Tôi gọi việc đó là chơi bẩn.”

Nụ cười của Montegrifo càng nở rộng hơn. Đời là thế mà, dường như anh ta đang muốn nói vậy. Anh ta nhìn về phía khung cửa mà qua đó Menchu đã bỏ đi.

“Cô nghĩ bây giờ bà ấy sẽ làm gì?”

Julia lắc đầu.

“Không gì hết. Bà ấy biết mình đã thua cuộc.”

“Tham vọng, Julia, là một cảm xúc hoàn toàn chính đáng,” Montegrifo nói sau một thoáng im lặng. “Nhưng khi nói đến tham vọng, tội lỗi duy nhất chính là thất bại. Thắng lợi đương nhiên sẽ bao hàm cả phẩm hạnh.” Anh ta lại mỉm cười, lần này không hướng tới ai cả. “*Senorita* Roch cố can dự vào một thứ quá lớn với bà ấy... Chúng ta hãy coi như là” – anh ta nhả ra một vòng khói và dõi theo nó bồng bênh bay lên trần nhà – “bà ấy chỉ đơn giản không đủ lớn mạnh cho tham vọng của mình.” Đôi mắt nâu của anh ta trở nên cứng rắn, và Julia nhận ra, phía sau tấm mặt nạ lịch thiệp bất di bất dịch, Montegrifo thực sự là một đối thủ nguy hiểm. “Tôi tin bà ấy sẽ không gây thêm cho chúng tôi rắc rối nào nữa,” anh ta nói tiếp, “vì điều đó sẽ là một tội lỗi cần phải bị trừng phạt. Cô hiểu chứ? Bây giờ, nếu cô không thấy phiền, ta hãy bàn về bức tranh của chúng ta.”



Belmonte ở nhà một mình, ông tiếp Julia và Muñoz trong phòng khách, ngồi trên chiếc xe đẩy ngay gần chỗ bức *Ván cờ* từng được treo. Chiếc đỉnh nằm

trơ trọi cùng dấu vết còn lưu lại trên tường tạo ra một cảm giác thật náo nùng về một căn nhà hoang phế, bị tước đoạt đi mọi thứ có giá trị. Belmonte nhìn theo hướng nhìn của hai vị khách và mỉm cười buồn bã.

“Tôi vẫn chưa muốn treo thứ gì khác lên đó,” ông giải thích, “lúc này thì chưa.” Ông giơ một bàn tay xương xẩu lên khẽ phác một cử chỉ đượm vẻ cam chịu. “Thật khó có thể quen với...”

“Tôi hiểu,” Julia nói với sự thông cảm chân thành.

Ông già chậm rãi gật đầu.

“Phải, tôi biết cô hiểu.” Ông nhìn Muñoz, hẳn hy vọng tìm thấy vẻ cảm thông tương tự từ người kỳ thủ, song Muñoz vẫn lặng thinh, nhìn lên bức tường trống trải với đôi mắt vô cảm. “Tôi luôn cho rằng cô là một cô gái trẻ thông minh, ngay từ hôm đầu tiên gặp cô.” Ông nhìn sang Muñoz. “Ông không tán thành sao, thưa ông?”

Muñoz chậm rãi đưa mắt rời khỏi bức tường sang ông chủ nhà rồi hơi gật đầu, không nói một lời. Dường như ông đang chìm đắm trong những ý nghĩ xa xăm nào đó.

“Về phần bạn cô,” Belmonte nói, và ông dường như có vẻ bối rối, “tôi muốn cô giải thích với bà ấy... rằng tôi thực sự không có lựa chọn nào khác.”

“Ông đừng lo. Tôi hiểu. Và Menchu cũng sẽ hiểu.”

“Tôi rất mừng. Người ta đã gây sức ép rất nhiều với tôi. *Senor Montegrifo* cũng đưa ra một đề nghị rất hời. Ông ấy cũng cam kết sẽ quảng bá tối đa về lịch sử của bức tranh.” Ông xoa chiếc cằm được cạo không kỹ càng. “Và, tôi phải thừa nhận, điều đó cũng ít nhiều gây ảnh hưởng tới tôi,” ông khẽ thở dài, “cả điều đó lẫn tiền.”

Julia chỉ về phía chiếc máy quay đĩa.

“Ông có nghe Bach liên tục không, hay đây chỉ là sự trùng hợp tình cờ? Tôi đã nghe đĩa nhạc này vào lần trước tới đây.”

“Bản *Musical Offering* ư?” Belmonte có vẻ thích thú. “Tôi vẫn hay nghe nó. Một bản nhạc phức tạp và tài tình đến mức thỉnh thoảng tôi vẫn tìm ra điều gì đó không ngờ tới trong nó.” Ông dừng lời, như thể nhớ ra điều gì. “Cô có nhận ra một vài giai điệu âm nhạc dường như gói gọn lại trong đó cả một đời người không? Chúng giống như những tấm gương cô có thể nhìn vào và thấy mình phản chiếu trong đó. Trong bản nhạc này chẳng hạn, một giai điệu chủ đề xuất hiện bằng sự thể hiện của nhiều giọng ca và gam nhạc khác nhau; thực ra, đôi lúc còn ở các nhịp độ khác nhau, với những quãng đảo, hoặc thậm chí những đoạn quay trở lại nổi bật trên nền nhạc.” Ông tựa người lên tay vịn của chiếc xe lăn. “Nghe xem. Cô có nghe thấy không? Nó bắt đầu bằng một giọng duy nhất hát giai điệu chủ đề, rồi sau đó một giọng thứ hai tham gia vào, bắt đầu ở bốn tông cao hơn hay bốn tông thấp hơn, và trở thành giai điệu chủ đề thứ hai. Mỗi giọng ca nhập cuộc ở một thời điểm cụ thể nhất định, cũng giống như những khoảnh khắc khác nhau trong một đời người. Và khi tất cả các giọng ca đã hòa vào hợp xướng, mọi quy luật cũng đều không còn.” Ông dành cho Julia và Muñoz một nụ cười hết cỡ nhưng buồn bã. “Như các vị thấy, đó là một sự tương đồng hoàn hảo với tuổi già.”

Muñoz chỉ lên bức tường.

“Chiếc đình đó,” ông lên tiếng có phần đột ngột, “dường như cũng đại diện cho rất nhiều thứ.”

Belmonte nhìn Muñoz chăm chú và chậm rãi gật đầu. “Rất đúng,” vị chủ nhà xác nhận với một tiếng thở dài nữa. “Và đôi khi tôi nhận ra chính mình đang nhìn vào khoảng trống nơi bức tranh từng được treo và dường như thấy nó vẫn còn ở đó. Bức tranh đã bị tháo xuống, nhưng tôi vẫn thấy nó. Sau bấy nhiêu năm đã qua, tôi vẫn còn nguyên bức tranh ở trong này.” Ông vỗ nhẹ lên trán. “Các nhân vật và những chi tiết tinh xảo. Phần tôi thích nhất luôn là phong cảnh ta có thể nhìn thấy qua khung cửa sổ và chiếc gương lồi phía bên

trái, phản chiếu lại hình các kỳ thủ bị biến dạng theo góc phối cảnh.”

“Và bàn cờ nữa,” Muñoz nói.

“Phải, và cả bàn cờ nữa. Tôi vẫn hay tái hiện lại vị trí của các quân cờ trên chính bàn cờ của tôi, nhất là thời gian đầu khi tôi được thừa kế bức tranh từ Anna tội nghiệp của tôi.”

“Ông có chơi cờ sao?” Muñoz bình thản hỏi.

“Tôi từng chơi. Giờ thì hiếm khi tôi chơi cờ nữa. Nhưng sự thật là, tôi chưa bao giờ ngờ người ta có thể chơi ngược trở lại một ván cờ.” Ông chủ nhà ngừng lời, vỗ hai bàn tay lên đầu gối. “Chơi ngược. Thật lạ lùng. Ông có biết Bach rất ưa thích những đoạn nhạc đảo ngược không? Trong một số luân khúc của mình ông đảo ngược lại giai điệu chủ đề, tạo ra một giai điệu luôn hạ xuống một tông mỗi khi giai điệu nguyên bản lên cao một tông. Hiệu quả đem lại có thể dường như hơi kỳ lạ, nhưng khi ta đã quen với nó, ta sẽ thấy nó thật tự nhiên. Thậm chí trong *Musical Offering* còn có một luân khúc được chơi ngược lại hoàn toàn so với cách nó được viết ra.” Ông nhìn Julia. “Tôi nghĩ tôi đã nói với cô trước đây rằng Johann Sebastian Bach là một người thích đùa cợt tới mức thâm căn cố đế. Các tác phẩm của ông luôn đầy ắp những trò đánh lừa. Như thế thỉnh thoảng lại có một nốt nhạc, một đoạn thay đổi giai điệu hay một khoảng lặng cố nói với ta: ‘Tôi đang giấu một thông điệp ở đây: hãy tìm nó đi.’ ”

“Giống như trong bức tranh,” Muñoz nói.

“Đúng thế. Với điểm khác biệt là âm nhạc không chứa đựng hình ảnh, vị trí của các quân cờ, hay trong trường hợp này là sự rung động trong không khí, mà nó bao hàm những cảm xúc do sự rung động ấy tạo ra trong bộ óc của mỗi con người. Ông sẽ gặp rắc rối lớn nếu cố gắng áp dụng những phương pháp ông từng dùng để giải ván cờ trong bức tranh để giải thích âm nhạc. Ông cần tìm ra nốt nhạc cụ thể nào đã gây ra hiệu ứng cảm xúc nào.

Hay một tập hợp những nốt nhạc nào. Điều đó với ông có khó hơn nhiều so với chơi cờ vua không?”

Muñoz cẩn thận suy nghĩ về câu hỏi.

“Tôi không cho là thế,” cuối cùng ông lên tiếng. “Vì dù có là thứ gì thì các quy luật chung của logic vẫn luôn như vậy. Âm nhạc, giống như cờ vua, cũng tuân theo các nguyên tắc. Tất cả chỉ là việc tập trung nghiên cứu chúng cho tới khi ông tách riêng ra được một biểu tượng, một chiếc chìa khóa.” Một bên miệng người kỳ thủ dường như vừa uốn lên thành một nụ cười. “Giống như phiến đá Rosetta* của các nhà Ai Cập học vậy. Một khi ông đã có nó, phần còn lại chỉ là vấn đề phương pháp và làm việc chuyên tâm. Và cả thời gian.”

Belmonte nháy mắt giễu cợt.

“Ông nghĩ vậy sao? Ông thực sự nghĩ mọi thông điệp bị che giấu đều có thể được giải mã? Rằng người ta luôn có thể đi tới một giải pháp cụ thể chỉ bằng cách áp dụng đúng phương pháp?”

“Tôi tin chắc vào điều đó. Vì luôn tồn tại một hệ thống chung nhất và những quy luật tổng quát cho phép người ta giải thích những gì có thể giải thích được và loại trừ những gì không thể.”

Ông già phác một cử chỉ ngờ vực.

“Xin thứ lỗi cho tôi, nhưng về điểm này tôi thực sự không thể đồng ý với ông. Tôi tin rằng mọi cách phân lớp, xếp loại, chia nhóm và hệ thống hóa chúng ta gán cho thế giới này đều là tưởng tượng và tùy tiện. Không có một cách phân loại nào không chứa đựng trong bản thân nó những mâu thuẫn nội tại. Đó là ý kiến của một ông già với ít nhiều kinh nghiệm về những chuyện đó.”

Muñoz hơi cựa quậy trên ghế của mình và đưa mắt nhìn quanh phòng. Ông không mấy thoải mái với ngã rẽ vừa rồi của cuộc trò chuyện, nhưng Julia có cảm giác ông cũng không hề muốn thay đổi chủ đề. Cô biết ông

không phải là người phí lời vô ích và cô đi tới kết luận rằng người kỳ thủ chắc chắn đang theo đuổi một ý tưởng nào đó. Có thể Belmonte là một trong những quân cờ Muñoz đang nghiên cứu để tìm ra lời giải cho bí ẩn của bức tranh.

“Điều này còn phải bàn,” cuối cùng Muñoz lên tiếng. “Chẳng hạn, vũ trụ đầy ắp những thứ vô hạn có thể diễn tả được như các số nguyên tố hay những tổ hợp nước đi trong cờ vua.”

“Ông thực sự nghĩ vậy sao? Ý tôi là ông thực sự nghĩ mọi thứ đều có thể giải thích được sao? Với tư cách một nhạc sĩ tôi đã từng là trong quá khứ, hay, đúng hơn, với tư cách một nhạc sĩ tôi vẫn đang là lúc này, bất chấp tất cả chuyện này,” ông chỉ xuống đôi chân vô dụng của mình với vẻ khinh miệt bình thản, “cho phép tôi được nói rằng mọi thứ đều không hoàn chỉnh. Cái suy nghĩ rằng mọi thứ đều có thể giải thích được là một khái niệm yếu ớt hơn nhiều so với sự thật.”

“Sự thật cũng giống như nước đi hoàn hảo trong cờ vua: nó tồn tại, nhưng ông cần phải tìm kiếm nó. Nếu ta dành ra đủ thời gian, ta lúc nào cũng có thể giải thích được nó.”

Nghe tới đây, Belmonte mỉm cười tinh quái.

“Nếu là tôi, tôi sẽ lựa chọn nói rằng nước cờ hoàn hảo mà ông vừa nói đến, cho dù ông gọi nó bằng cái tên này hay gọi nó là sự thật đi nữa, có thể tồn tại. Nhưng không phải lúc nào người ta cũng chứng minh được điều đó. Và bất cứ hệ thống nào cố gắng làm việc này cũng bị giới hạn, đồng thời chỉ mang tính tương đối. Hãy thử đưa bức tranh của tôi do Van Huys vẽ lên sao Hỏa hay hành tinh X bí ẩn, rồi xem ở đó có ai giải quyết được thách thức ông đặt ra không. Tôi sẽ đi xa hơn: hãy gửi tới cho họ đĩa nhạc ông đang nghe lúc này, hoặc, để làm cho thử thách thêm khó khăn, hãy bẻ chiếc đĩa ra và gửi các mảnh vỡ cho họ. Giờ thì chúng sẽ chứa đựng ý nghĩa gì đây? Và vì ông

có vẻ thích thú với các quy luật chính xác đến thế, tôi xin nhắc lại với ông là tổng số đo ba góc của một tam giác bằng một trăm tám mươi độ trong hình học Euclide, nhưng lại nhiều hơn trong hình học Elip và ít hơn trong hình học Hyperbol. Và nguyên nhân gây ra sự khác biệt đó là vì không tồn tại một hệ thống, một tiên đề phổ quát nào cho toàn vũ trụ này hết. Các hệ thống đều hỗn độn không đồng nhất, ngay cả trong nội tại của chúng. Ông có thích lý giải các nghịch lý không? Không chỉ âm nhạc thôi đâu, cả hội họa và, theo như tôi hình dung, cờ vua nữa cũng đầy ắp các nghịch lý.” Vị chủ nhà cầm bút chì và giấy trên mặt bàn, viết vài dòng rồi đưa cho Muñoz xem. “Hãy xem qua cái này một chút, ông sẵn lòng chứ?”

Muñoz đọc lên thành tiếng.

“Câu bây giờ tôi đang viết chính là câu bây giờ anh đang đọc.” Vị kỳ thủ nhìn Belmonte với vẻ ngạc nhiên. “Vậy thì sao?”

“Tất cả là thế đấy. Câu này được tôi viết ra một phút rưỡi trước và ông đọc nó chỉ cách đây bốn mươi giây. Như thế để nói rằng, việc tôi viết và ông đọc tương ứng với những khoảnh khắc khác nhau trong tiến trình thời gian, song trên mảnh giấy ‘bây giờ’ và ‘bây giờ’ không nghi ngờ gì nữa đều chỉ là một ‘bây giờ’. Do đó, một mặt câu này đúng, nhưng mặt khác nó lại thiếu hoàn toàn sự hợp lý. Hay đó là do khái niệm thời gian mà chúng ta đã quên không tính đến? Ông không nghĩ đây là một ví dụ hay về một nghịch lý sao? Tôi có thể thấy ông không có câu trả lời nào cho nó. Được thôi, ông sẽ gặp phải thách thức tương tự trong các bí ẩn do bức họa Van Huys của tôi hay bất kỳ thứ gì đặt ra. Ai dám chắc giải pháp ông đưa ra để giải quyết vấn đề là đúng? Trực giác và hệ thống của ông chẳng? Được lắm, nhưng ông sẽ dựa vào hệ thống cao hơn nào để chứng minh rằng trực giác và hệ thống kia của mình là đúng? Và còn hệ thống nào khác ông có thể viện đến để minh chứng cho hai hệ thống vừa nêu không? Với tư cách một kỳ thủ cờ vua, tôi hình dung ông sẽ

thấy những câu thơ dưới đây đáng quan tâm.”

Belmonte đọc, ngừng lại giữa mỗi câu thơ:

Bản thân kỳ thủ cũng là tù nhân của sự thất thường
(Những lời này là của Omar) trên một miền đất khác

Nơi những đêm đen thay phiên cùng ngày trắng

Chúa điều khiển người chơi cờ, người chơi di chuyển các quân cờ

Nhưng vị thần nào ở trên Chúa đã khởi động ván cờ

*Của cát bụi, thời gian, giấc ngủ và sự thống khổ?**

“Thế giới chỉ đơn thuần là một nghịch lý khổng lồ,” ông già kết luận. “Và tôi thách ông chứng minh điều ngược lại.” Julia đưa mắt nhìn Muñoz và thấy ông đang khẽ lắc đầu, đôi mắt lại trở nên đờ đẫn. Dường như ông đang bối rối.



Được lọc qua thứ vodka cô đã uống, âm nhạc – thứ nhạc jazz nhẹ nhàng với âm lượng được chỉnh nhỏ xuống mức chỉ còn là những tiếng rì rầm khe khẽ mà dường như bay ra từ các góc tối của căn phòng – bao quanh cô như những bàn tay vuốt ve ấm áp, mềm mại và rất thật, thứ cảm giác được chuyển hóa thành sự tỉnh táo bình thản. Như thế mọi thứ, từ màn đêm, âm nhạc, những bóng đen, thậm chí cả cảm giác dễ chịu lan tới từ tay vịn của chiếc xô pha bọc da dưới cổ cô, cùng pha trộn vào nhau trong sự hài hòa hoàn hảo; mọi thứ, từ những đồ vật bé nhỏ nhất trong phòng, từ những ý nghĩ băng quơ nhất của cô, đều tìm thấy vị trí chính xác của chúng trong tâm trí cô và trong không gian, ăn khớp với sự chính xác mang tính hình học trong tầm nhìn và ý thức của cô.

Không gì, thậm chí cả những hồi ức u ám nhất, có thể phá vỡ sự bình yên đang ngự trị trong tâm hồn cô. Đây là lần đầu tiên cô lấy lại được cảm giác thăng bằng đó, hoàn toàn thả lỏng bản thân và đắm chìm trong đó. Thậm chí cả tiếng chuông điện thoại, khi nó vang lên báo hiệu một trong những thông điệp đe dọa trong im lặng đó, mà giờ đây đã trở nên gần như quen thuộc, cũng không thể phá vỡ được cảm giác êm ái này. Mắt nhắm lại, đầu nhẹ nhàng lắc lư theo điệu nhạc, Julia cho phép mình nở một nụ cười ấm áp, bí hiểm. Vào những lúc như thế này thật dễ sống bình yên với bản thân mình.

Cô lười nhác mở mắt ra. Trong bóng tối, khuôn mặt nhiều màu sắc của một trinh nữ được vẽ theo phong cách Gothic cũng đang mỉm cười, cái nhìn chìm khuất trong sự tĩnh lặng của bao thế kỷ đã trôi qua. Được đặt dựa vào chân bàn, trên tấm thảm Shiraz dính đầy màu vẽ, là một bức tranh lồng trong khung hình bầu dục, lớp véc ni phủ trên mặt mới được tẩy đi một nửa, một bức tranh phong cảnh xứ Andalusia* lãng mạn, đượm vẻ hoài cổ và yên bình, thể hiện con sông ở Seville* đang êm đềm chảy giữa hai bên bờ rợp bóng cây xanh, với một con tàu và vài thân cây trong hậu cảnh. Và ở giữa căn phòng – nằm giữa những bức tượng, khung tranh, những món đồ đồng thau, các bức họa, những lọ dung môi, những tấm toan, một bức chân dung Chúa Jesus theo phong cách Ba Rốc, những cuốn sách mỹ thuật xếp chồng lên nhau cạnh các đĩa hát và những món đồ gốm – ở đúng giao điểm lạ lùng, tình cờ nhưng không thể phủ nhận của các đường nét và góc phối cảnh, bức *Ván cờ* kiêu hãnh ngự trị giữa bối cảnh lộn xộn một cách đầy trật tự làm người ta nhớ tới một phòng bán đấu giá hay một hiệu đồ cổ. Quầng sáng yếu ớt hắt vào từ lối đi tạo ra một dải sáng mờ hẹp hình chữ nhật trên bức tranh, đủ để đem đến sức sống cho toàn bức họa cũng như để mọi chi tiết trong đó, cho dù tất cả đều chìm trong một ảo giác tương phản, có thể được thấy rõ ràng từ nơi Julia đang ngồi dựa người ra sau, cả hai chân để trần dưới chiếc áo len lụng thụng

nhà nhĩ. Mưa đang rơi rả rích xuống khung cửa sổ trên trần nhưng hệ thống sưởi đã giữ chân cái lạnh ở ngoài.

Những chữ cái màu vàng của dòng chữ mới được hé lộ lấp lánh trong bóng tối. Đó quả là một công việc khó khăn, tỉ mỉ, thường xuyên bị gián đoạn để cô chụp lại từng giai đoạn của quá trình khi cô loại bỏ lớp màu đồng pha trong nhựa thông ở trên cùng và khi lớp màu vàng sáng của các chữ cái Gothic dần được bộc lộ, năm trăm năm sau khi Pieter Van Huys che chúng đi để giấu kín điều bí mật.

Giờ cả dòng chữ đang hiện lên trước mắt cô: *Quis necavit equitem*. Julia muốn nó được giấu kín dưới lớp màu nguyên thủy, vì dù sao những tấm ảnh chụp tia X cũng đã chứng tỏ sự tồn tại của nó. Tuy nhiên, Montegrifo đã khẳng khái muốn bộc lộ dòng chữ ra; theo anh ta, điều đó sẽ kích động trí tò mò bệnh hoạn của khách hàng, chẳng mấy chốc bức tranh sẽ được mang ra triển lãm công khai trước mắt mọi người: các nhà môi giới bán đấu giá, các nhà sưu tầm, các sử gia. Bầu không khí riêng tư kín đáo mà bức tranh đã được hưởng cho tới lúc này, trừ một quãng thời gian ngắn hiện diện tại bảo tàng Prado, sẽ kết thúc mãi mãi. Bức *Ván cò* sẽ sớm được các chuyên gia kiểm tra kỹ lưỡng; rồi nó sẽ trở thành chủ đề của những cuộc tranh luận nảy lửa, và người ta sẽ viết về nó trong nhiều bài báo, cũng như các bài luận văn và những đề tài nghiên cứu chuyên ngành, giống như bài viết lúc này cô đang chuẩn bị. Người họa sĩ bậc thầy già cả theo trường phái Flemish, người đã tạo nên bức tranh, không bao giờ có thể hình dung tác phẩm của ông sẽ trở nên nổi tiếng đến vậy. Và nếu Ferdinand Altenhoffen biết được điều này, năm xương tàn của ông chắc hẳn sẽ run lên vì sung sướng trong ngôi mộ phủ đầy bụi dưới hầm mộ của một tu viện nào đó trên đất Bỉ hoặc Pháp. Cuối cùng, tên tuổi của ông cũng được rửa sạch, và người ta có thể sẽ phải viết lại vài dòng trong các cuốn sách lịch sử.

Cô nhìn vào bức tranh. Gần như toàn bộ lớp véc ni bị ôxy hóa theo thời gian, cùng với nó là sắc vàng trên bề mặt làm nhạt nhạt đi màu sắc của tác phẩm, đã được lấy đi. Khi không còn lớp véc ni, và khi dòng chữ đã được lộ diện, có gì đó đang bừng sáng từ bức tranh cùng sự hoàn hảo về màu sắc một cách rõ ràng ngay cả trong điều kiện gần như không có ánh sáng của căn phòng. Đường viền quanh các nhân vật hiện lên rõ nét với sự chính xác tuyệt đối của chúng, hoàn toàn rõ ràng và sáng sủa, một cảm giác cân đối tiêu biểu cho các cảnh gia đình – nghịch lý gia đình, Julia thầm nghĩ – quá điển hình cho một phong cách và thời kỳ cụ thể, tới mức chắc chắn bức tranh sẽ giành được một mức giá đáng kinh ngạc.

Nghịch lý gia đình là cách diễn đạt không thể đúng hơn. Không có gì ở hai nhà quý tộc nghiêm nghị đang chơi cờ vua hay vị phu nhân mặc đồ đen ngồi bên cửa sổ đọc sách với đôi mắt sụp xuống, khuôn mặt đầy vẻ kín đáo, có thể khiến ai đó ngờ vực về bi kịch đang ẩn chứa dưới bề mặt ấy, giống như bộ rễ vụn vụn xấu xí của một thân cây đẹp đẽ.

Cô ngắm nghía khuôn mặt trông nghiêm của Roger de Arras khi ông cúi xuống bàn cờ, hoàn toàn đắm mình vào ván cờ, một ván cờ trong đó ông đã bị loại khỏi cuộc chơi. Tấm giáp che cổ và chiếc áo giáp da làm vị hiệp sĩ trông giống với người lính ông đã từng là trong quá khứ, giống người chiến binh với tấm phù hiệu mà ông đã giành được (có thể trong lúc mặc trên người bộ giáp trụ sáng chói giống như trang phục của người hiệp sĩ cưỡi ngựa đi bên Quý dũ) khi ông hộ tống người phụ nữ ấy tới cuộc hôn nhân được thu xếp cho bà vì lý do chính trị. Julia có thể hình dung ra Beatrice thật rõ ràng – lúc ấy vẫn còn là một trinh nữ, trẻ hơn nhiều so với khi bà xuất hiện trong tranh, trước khi nổi sần mụn đặng cay làm hằn lên những nếp nhăn quanh miệng – đang thò đầu ra ngoài rèm của chiếc kiệu, ngồi bên bà là một tùy nữ, và thán phục chiêm ngưỡng nhà quý tộc hào hoa mà tiếng tăm đã lan xa trước

cả khi ông xuất hiện: người bạn thân nhất của chồng tương lai của bà, vẫn còn là một người đàn ông trẻ tuổi, người sau khi chinh chiến dưới những đóa hoa huệ của nước Pháp để chống lại những con sư tử nước Anh đã quay về tìm kiếm sự bình yên bên cạnh người bạn thuở niên thiếu. Và Julia hình dung đôi mắt to xanh thẳm của Beatrice bắt gặp, chỉ trong chốc lát, cái nhìn điềm tĩnh, mệt mỏi của người hiệp sĩ.

Không thể có chuyện hai người họ chưa từng được gắn kết với nhau bởi điều gì khác ngoài một cái nhìn ấy. Vì một lý do không rõ nào đó, một bước ngoặt không thể nào lý giải nổi của trí tưởng tượng – như thể những giờ bỏ ra nghiên cứu về bức tranh đã tạo nên một mối liên hệ thần bí nào đó giữa cô và mảnh quá khứ ấy – Julia ngắm nhìn khung cảnh trong bức tranh của Van Huys với sự quen thuộc của một người đã tận mắt chứng kiến mọi chi tiết của câu chuyện về các nhân vật được thể hiện trong tranh. Tấm gương trên bức tường trong tranh phản chiếu lại hình dáng đã bị biến dạng vì phối cảnh của hai kỳ thủ và cũng chứa đựng cả Julia, tương tự như cách tấm gương trong bức *Las Meninas** phản chiếu hình nhà vua và hoàng hậu trong lúc họ quan sát – liệu là từ bên trong hay bên ngoài bức tranh nhỉ? – khung cảnh đang được danh họa Velazquez vẽ lại, hay cũng như tấm gương trong bức *Chân dung kép của Arnofini* phản chiếu sự hiện diện và cái nhìn tỉ mỉ của Jan Van Eyck.

Ngọn lửa từ que diêm cô quẹt khi châm một điếu thuốc lá khiến cô hoa mắt trong chốc lát, làm bức *Ván cờ* biến mất khỏi tầm nhìn của cô cho tới khi, dần dần, đôi mắt cô thích ứng trở lại với bối cảnh của bức tranh, các nhân vật và màu sắc của nó. Bản thân cô cũng đã luôn ở đó – giờ thì cô tin chắc như vậy – ngay từ lúc khởi đầu, kể từ lúc đầu tiên Pieter Van Huys hình dung ra khoảnh khắc đó, thậm chí từ trước cả khi ông bắt đầu cẩn thận chuẩn bị canxi cacbonat và keo động vật để trát lên nền gỗ trước khi bắt đầu vẽ.



Beatrice, nữ công tước Ostenburg, với một thoáng phiền muộn đọng trên đôi mắt đang chăm chú nhìn xuống cuốn sách – một cảm xúc có thể do tiếng đàn của cây măng cầm mà một người hầu đang chơi bên ngoài chân tường khơi gợi – đang hồi tưởng lại tuổi trẻ của bà ở Burgundy, cùng những hy vọng, những giấc mơ bà từng ấp ủ. Phía trên khuôn cửa sổ đóng khung lại một góc trời xanh không một gợn mây của xứ Flanders, là một bức tượng bằng đá khắc họa cảnh Thánh George đâm cây thương vào bụng con rồng đang quằn quại dưới vó ngựa của ngài. Con mắt bậc thầy của người họa sĩ khi quan sát bối cảnh đã không bỏ sót chi tiết mũi cây thương của Thánh George bị cùn mẻ đi theo thời gian, và bàn chân phải của vị thánh, nơi chắc hẳn từng đeo một cây đinh thúc ngựa nhọn, nổi bật lên giữa khung cảnh xung quanh, giờ đây chỉ còn lại một mẫu cụt – và những chi tiết ấy cũng không lọt khỏi mắt Julia khi cô như đang ngắm nhìn bức tranh. Vị Thánh George này, người đang kết liễu mạng sống của con rồng xấu xa, không chỉ được vũ trang nửa vời, chiếc khiên chạm bằng đá của ông đã mòn đi theo thời gian, mà còn cụt chân. Có lẽ điều đó chỉ càng làm người xem thêm xúc động khi chiêm ngưỡng bức tượng vị hiệp sĩ, nó gợi cho Julia nhớ, với những suy nghĩ lạ lùng, tới tư thế đứng nghiêm của một anh lính chì.

Vị phu nhân đang đọc sách, Beatrice xứ Ostenburg, người vì lý do huyết thống và niềm tự hào của gia đình, người bất chấp cuộc hôn nhân của mình, chưa bao giờ thực sự thôi là Beatrice xứ Burgundy. Và bà đang đọc một cuốn

sách lạ lùng, với gáy sách được trang trí bằng những nóm đỉnh bạc, có một dải ruy băng lụa để đánh dấu trang, một cuốn sách với các trang đầu chương được trang trí bằng những hình vẽ nhỏ rực rỡ màu sắc hết sức tinh xảo do bậc thầy cuốn *Trái tim si tình* sáng tạo nên, một cuốn sách có tiêu đề *Thơ về hoa hồng và hiệp sĩ*, một tác phẩm mà, cho dù tác giả về chính thức là khuyết danh, ai cũng biết nó được viết ra gần mười năm trước tại triều đình của vua Pháp là Charles Valois, bởi một nhà quý tộc Ostenburg có tên Roger de Arras:

Thưa phu nhân, những giọt sương
vào lúc bình minh
đọng trên những đóa hồng
trong khu vườn phủ đầy sương muối của bà
rớt xuống giữa chốn sa trường
như những giọt lệ
trên trái tim tôi
trên đôi mắt tôi, trên thanh kiếm của tôi.

Có những khi đôi mắt ấy, một đôi mắt Flanders trong sáng, rời khỏi cuốn sách đang đọc để hướng về phía hai người đàn ông đang chơi cờ tại bàn. Chồng bà đang tựa người lên khuỷu tay trái, các ngón tay lơ đãng mân mê tấm phủ hiệu Hiệp sĩ Cừu vàng mà ông bác bên vợ, công tước Philip Nhân Từ quá cố, đã gửi tặng ông như một món quà cưới, món quà lúc này ông đang đeo trên cổ bằng một sợi dây chuyền vàng nặng nề. Ferdinand xứ Ostenburg không thể quyết định được nước đi tiếp theo của mình; ông đưa tay về phía một quân cờ, chạm vào nó, đổi ý, rồi với vẻ xin lỗi, nhìn vào đôi mắt bình thản của Roger de Arras, người đang nở một nụ cười lịch thiệp trên môi – “Chạm tay vào một quân cờ cũng đồng nghĩa với việc di chuyển nó, thưa đức ông,” đôi môi đó khẽ nói với chút đùa bỡn thân mật bạn bè, và công

tướng Ferdinand, không khỏi có chút bối rối, di chuyển quân cờ ông đã chạm tay vào, vì ông biết đối thủ của mình không chỉ đơn giản là một triều thần, mà còn là bạn ông. Ông khẽ cựa người trên ghế, cảm thấy hạnh phúc một cách mơ hồ, vì công tước biết sẽ là chuyện không tồi chút nào khi bên mình có ai đó thỉnh thoảng nhắc nhở ông rằng luôn tồn tại những nguyên tắc thậm chí các ông hoàng cũng phải tuân thủ.

Tiếng đàn măng cầm bay lên từ khu vườn tìm vào một khung cửa sổ khác, không thể nhìn thấy từ nơi này, khung cửa sổ căn phòng nơi Pieter Van Huys, họa sĩ của triều đình, đang chuẩn bị một tấm ván gỗ sồi, được tạo thành từ ba mảnh ván mà người phụ việc của ông mới dùng keo dán ghép lại với nhau. Người họa sĩ bậc thầy già cả vẫn chưa rõ ông sẽ dùng nó vào việc gì – có thể là một bức tranh chủ đề tôn giáo mà ông đã nghiên ngẫm trong đầu được một thời gian: một đức Mẹ trẻ tuổi, gần như một đứa trẻ, nhỏ những giọt lệ đỏ như máu trong khi đau đớn sững sờ nhìn xuống vòng tay trống rỗng của mình. Nhưng sau một hồi cân nhắc, Van Huys lắc đầu thờ dài chán chường. Ông biết mình sẽ không bao giờ vẽ ra bức họa đó. Sẽ không ai hiểu được ý nghĩa thực sự của nó, và trong quá khứ ông đã có quá đủ rắc rối với Tòa án dị giáo; thân thể đã mỏi mệt của ông sẽ không thể chịu đựng thêm nổi một lần trên chiếc máy tra tấn ấy nữa. Người họa sĩ già đưa những ngón tay dính đầy màu vẽ lên gãi vàng trán hói bên dưới chiếc mũ bê rê len mình đang đội. Ông đã trở thành một người già cả và ông biết rõ điều đó; ông còn quá ít ý tưởng thực tế và quá nhiều ảo ảnh mơ hồ trong đầu. Để tổng khứ chúng đi, ông nhắm đôi mắt mệt mỏi của mình lại. Khi người họa sĩ già mở mắt ra, ông thấy tấm ván gỗ sồi vẫn nằm đó, chờ đợi cái ý tưởng sẽ đem đến cho nó sự sống. Dưới vườn ai đó vẫn mãi mê chơi măng cầm; hẳn là một anh hầu nào đó đang nặng trĩu tương tư. Người họa sĩ mỉm cười với chính mình, rồi sau khi nhúng cọ vào một chiếc lọ đất nung, ông phết lần sơn lót lên tấm ván theo

tường lớp mỏng, từ trên xuống dưới, theo đường thớ gỗ. Thỉnh thoảng, ông lại đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ, và đôi mắt người họa sĩ già chột ngập tràn ánh sáng. Ông thầm biết ơn tia nắng mặt trời chiếu xiên vào phòng đã giúp sưởi ấm tấm thân già nua của mình.

Roger de Arras vừa khẽ đưa ra một lời nhận xét, và công tước đang bật cười, lần này với tâm trạng vui vẻ, vì ông vừa ăn được một quân hiệp sĩ. Beatrice xứ Ostenburg, hay xứ Burgundy, lại thấy điệu nhạc bà đang nghe buồn bã đến không sao chịu nổi. Nữ công tước đã định sai một tỳ nữ ra bảo người chơi đàn ngừng lại, nhưng rồi bà không làm thế, vì bà nghe thấy trong từng nốt nhạc của giai điệu ấy một tiếng vọng chính xác, một sự hài hòa hoàn hảo với nỗi phiền muộn đang tràn ngập trong tim bà. Điệu nhạc quyện lẫn vào những lời thì thầm của hai kỳ thủ đang mải mê với ván cờ, và đột nhiên vị phu nhân quyền quý nhận ra một vẻ đẹp đến nhói lòng trong những câu của bài thơ đang nằm run rẩy trên tay bà. Cũng sinh ra từ chính những giọt sương đã đọng trên bông hồng và thanh kiếm của người hiệp sĩ, một giọt lệ long lanh xuất hiện trong đôi mắt xanh của nữ công tước khi bà ngược nhìn lên và bắt gặp cái nhìn của Julia, đang im lặng ngắm nhìn trong bóng tối. Và nữ công tước thầm nghĩ cái nhìn của cô gái trẻ có đôi mắt sẫm màu đậm chất Italia đó chỉ là một hình ảnh phản chiếu của chính đôi mắt bà, bất động và sâu muộn, lơ mờ trên bề mặt một chiếc gương đặt phía xa. Beatrice xứ Ostenburg, hay xứ Burgundy, cảm thấy như thể bà đang ở bên ngoài căn phòng, ở phía bên kia của một tấm kính sẫm màu, từ đó bà dõi theo chính mình ngồi dưới bức tượng Thánh George cụt chân, bên một ô cửa sổ đóng khung bầu trời xanh ngắt tương phản hoàn toàn với bộ đồ đen bà đang mặc. Và nữ công tước biết không lời xưng tội nào có thể rửa sạch được tội lỗi của mình.

CHIẾC XE MÀU XANH

“Đó là một thủ đoạn bẩn thỉu,” Haroun nói.

*“Vậy hãy cho tôi thấy một thủ đoạn khác... một thủ đoạn trung thực, xem
nào.”*

_ Nhà toán bọc Raymond Smullyan _

Dưới vành mũ, César bực bội nhướn một bên mày lên trong lúc vẫy chiếc ô và nhìn quanh với vẻ khinh khỉnh được làm dịu lại nhờ bộ dạng buồn chán tinh tế ông thường lấy làm lá chắn mỗi khi thực tế xác nhận những lo ngại tồi tệ nhất của ông. Cũng cần phải nói, sáng hôm đó khu chợ Rastro trông chẳng mấy niềm nở chào mời. Bầu trời xám xịt đe dọa sẵn sàng trút mưa xuống, và chủ các quầy hàng nằm dọc những con phố của khu chợ đang hối hả chuẩn bị đề phòng một cơn mưa nặng hạt trút xuống. Đôi chỗ, đi bộ bỗng trở thành một quá trình luồn lách vòng vèo để tránh né người đi qua lại và len qua giữa những tấm bạt và vải nhựa chẳng mấy bắt mắt được dựng lên che các quầy hàng.

“Nói thực,” ông nói với Julia, lúc đó đang ngắm nhìn một cặp chân nện bằng đồng đã cũ nát bày trên một tấm chăn trải dưới đất, “chuyện này chỉ phí thời gian vô ích thôi. Đã lâu lắm rồi bác không tìm thấy gì ra hồn ở chỗ này.”

Nói thế cũng không hoàn toàn đúng, và Julia cũng biết vậy. Thịnh thoảng, nhờ con mắt tinh tường của mình, César vẫn moi ra được từ giữa đồng đồng nát ở khu chợ bán đồ cũ này – lấy được từ khu nghĩa địa khổng lồ nơi vô vàn những giấc mơ bị cuốn dạt ra hè phố theo cơn thủy triều của vô vàn vụ tán gia bại sản vô danh – một viên ngọc trai bị bỏ quên, một kho báu nho nhỏ nào đó mà số phận đã lựa chọn che khuất khỏi con mắt của những người khác: một chiếc cốc vaj pha lê từ thế kỷ 18, một khung tranh cổ, một bức tượng mỹ nghệ nhỏ bằng sứ. Một lần, trong một cửa hàng xập xệ bán sách và tạp chí cũ, ông từng tìm thấy hai bản vẽ tuyệt đẹp các chữ cái hoa mỹ thường dùng để trang trí đầu chương sách do bàn tay tài hoa và tinh tế của một tu sĩ vô danh

thế kỷ 13 vẽ nên. Sau khi được Julia phục chế, chúng đã đem lại một gia tài nhỏ nhỏ cho ông khi được bán đi.

Hai người chậm chạp lách lên khu trên của chợ, tới trước một dãy nhà thấp với những bức tường đã bong tróc cùng những khoảng sân trong tối tăm được nối với nhau nhờ những đường hẻm nhỏ có cổng bằng sắt uốn, nơi tọa lạc những tiệm chuyên kinh doanh đồ cổ ít nhiều xứng đáng với tên gọi này – cho dù César luôn tỏ vẻ ngờ vực một cách thận trọng mỗi khi ông nói về chúng.

“Bác hẹn gặp người bán hàng lúc nào?”

César chuyển chiếc ô của ông – một vật tuyệt đẹp có tay cầm uốn cong bằng bạc – sang bàn tay bên kia, kéo cổ tay áo lên xem giờ từ chiếc đồng hồ đeo tay mạ vàng. Nom ông thật lịch lãm với chiếc mũ phớt rộng vành màu nâu sáng có trang trí một dải băng lụa, chiếc áo khoác lông lạc đà khoác hở trên vai cùng một chiếc khăn lụa rất đẹp thắt bên trong cổ áo sơ mi không cài khuy. Ông luôn đẩy cách ăn mặc của mình tới gần một cách nguy hiểm giới hạn của gu thời trang tinh tế, mặc dù không bao giờ bước qua giới hạn đó.

“Khoảng mười lăm phút nữa.”

Hai người lướt qua các quầy hàng. Trước cái nhìn giễu cợt của César, Julia cầm lên một bức tranh trên ván gỗ vẽ phong cảnh với tông màu vàng khá thô thiển, một cảnh đồng quê với cỗ xe bò đang đi qua một con đường nằm giữa hai rặng cây.

“Chắc là cháu không định mua nó đấy chứ, cô bé yêu quý?” César nói, khoan khoái tận hưởng sự phản đối của mình. “Thật kinh tởm. Thậm chí cháu còn không định mặc cả phải không nào?”

Julia mở chiếc túi đeo vai và lấy ví ra, phớt lờ những lời phản đối của César.

“Cháu không rõ bác phản nản cái gì nữa,” cô nói trong khi bức tranh được

gói lại cho cô trong mấy trang của một số tạp chí ảnh. “Bác vẫn luôn nói rằng con người ta, theo phép tắc chuẩn mực, không bao giờ mặc cả về giá của bất cứ thứ gì: bác trả mức giá được đưa ra rồi bước đi với cái đầu ngẩng cao.”

“Nguyên tắc đó không áp dụng ở đây được.” César, nhìn quanh với vẻ tách biệt đầy chuyên nghiệp, nhăn mũi trước bộ dạng rẻ tiền của những quầy hàng lộn xộn chất đủ loại đồ hồ lớn. “Không thể áp dụng, khi cháu phải đối phó với loại người như ở đây.”

Julia cho món đồ vừa mua vào túi của cô.

“Dù vậy đi nữa, đáng ra bác cũng nên mua nó cho cháu theo phép lịch sự mới phải. Khi cháu còn nhỏ, bác luôn mua cho cháu bất cứ thứ gì cháu thích.”

“Bác đã chiều cháu kinh khủng khi cháu còn nhỏ. Mà dù gì thì gì, bác từ chối mất tiền oan uổng cho những thứ rác rưởi như thế.”

“Càng già bác càng trở nên keo kiệt, rắc rối của bác là vậy đấy.”

“Im ngay, đưa răn độc kia.” Vành chiếc mũ phủ bóng lên khuôn mặt ông khi ông cúi xuống châm một điếu thuốc lá bên ngoài một cửa hiệu chất đầy những con búp bê cũ phủ đầy bụi. “Thêm một lời nữa là bác xóa tên cháu khỏi di chúc đấy.”

Julia nhìn ông leo lên những bậc cầu thang, trên đường rời đi tới cuộc gặp của ông. Ông bước đi một cách đĩnh đạc, bàn tay cầm chiếc đót thuốc lá bằng bạc hơi nâng lên, mang trên mình dáng vẻ nửa khinh bạc, nửa chán chường của một người không trông đợi tìm được gì nhiều ở cuối con đường, song vì tôn trọng cái đẹp mà vẫn chấp nhận đi cả con đường đó với phong thái tao nhã nhất có thể. Giống như một Charles Stuart* bước lên đoạn đầu đài với dáng vẻ không khác gì đang làm vậy để ban ơn cho gã đao phủ, với câu nói “Hãy nhớ lấy” đã được tập luyện nhuần nhuyễn sẵn sàng trên môi cùng hy vọng sẽ được chặt đầu ở tư thế quay nghiêng, đúng như ông xuất hiện trên

các đồng tiền được đúc ra với hình ảnh của mình.

Nắm chặt chiếc túi đeo vai để phòng những tay móc túi, Julia len lỏi qua các quầy hàng. Khu vực này của chợ rất đông người, nên cô quyết định quay trở lại chỗ cầu thang và hàng lan can nhìn xuống quảng trường cùng con phố chính chạy qua khu chợ, nơi dòng người không ngừng qua lại dưới vô vàn những tấm mái hiên và mái nhựa.

Cô có một giờ trước khi gặp lại César tại một quán cà phê trên quảng trường, nằm giữa một cửa hàng bán dụng cụ hàng hải và một cửa hàng quần áo cũ chuyên bán đồ quân đội. Ngay dưới hàng lan can, ngồi bên rìa một đài phun nước ngập đầy vỏ quả và lon bia rỗng, một người đàn ông trẻ tuổi tóc vàng mặc áo poncho đang thổi một giai điệu của vùng Andes, Nam Mỹ, với cây sáo cục mịch trên tay. Cô ngừng lại lắng nghe tiếng sáo trong lúc phóng tầm mắt khắp khu chợ. Sau một lúc, cô quay lại đi xuống cầu thang rồi dừng bước trước cửa hiệu có khung kính bày đầy búp bê. Một vài con có trang phục, một số khác trần trụi; có vài con búp bê được mặc quần áo nông dân rất vui mắt hay những bộ trang phục lãng mạn với đủ bộ găng tay, mũ và ô. Một số là búp bê bé gái, số khác là những búp bê phụ nữ trưởng thành. Đường nét khuôn mặt của vài con búp bê rất thô kệch, trong khi có những khuôn mặt lại hiện rõ vẻ bướng bỉnh trẻ con một cách ngây thơ. Cánh tay và bàn tay chúng chết cứng lại ở nhiều tư thế khác nhau, như thể bị rét cóng bất ngờ trước những cơn gió lạnh buốt từ quãng thời gian đã trôi qua kể từ khi chủ nhân bỏ rơi chúng, bán chúng đi hay qua đời. Những cô bé con trở thành phụ nữ, Julia thầm nghĩ – một số xinh đẹp, một số bình thường, đã yêu hay thậm chí được yêu – từng có lúc vuốt ve âu yếm những thân hình làm bằng vải vụn, bìa các tông và sứ này. Những con búp bê đã sống lâu hơn chủ nhân của chúng, chúng là những nhân chứng câm lặng, bất động mà trên vông mạc tưởng tượng của mình vẫn còn lưu giữ hình ảnh của những khoảnh khắc đã từ lâu bị

xóa khỏi ký ức của những người đang sống: những bức ảnh ngả màu được phác nên giữa màn sương hoài niệm, những khoảnh khắc riêng tư của cuộc sống gia đình, những bài hát trẻ con, những vòng tay âu yếm tràn đầy yêu thương, cũng như nước mắt và sự thất vọng, những giấc mơ biến thành tro bụi, thành sự mục nát và phiền muộn, thậm chí cả sự xấu xa. Có điều gì đó khiến người ta cảm động không cầm lòng được từ vô vàn những đôi mắt bằng thủy tinh và sứ đang nhìn cô không chớp, đầy ắp những hiểu biết vô biên mà chỉ thời gian mới sở hữu, những đôi mắt vô hồn nằm trên những khuôn mặt bằng sáp trắng hay giấy bồi, phía trên những bộ trang phục đã sẫm màu vì thời gian đến mức những dải viền đăng ten trông thật nhem nhuốc bẩn thỉu. Và còn cả những mái tóc nữa, một số được chải gọn gàng, một số xơ tung, những món tóc thật – ý nghĩ khiến cô bất giác rùng mình – từng thuộc về những người phụ nữ có thật. Theo dòng chảy của những suy nghĩ u sầu, vài câu trong một bài thơ cô từng nghe César trích dẫn đã từ lâu lắm chợt hiện lên trong tâm trí cô:

Nếu người ta giữ lại từng sợi tóc
của tất cả những phụ nữ đã từ già cõi đời...

Cô thấy thật khó rời mắt khỏi khung cửa kính đó được, trên mặt kính phản chiếu những đám mây xám xịt nặng nề đang che khuất bầu trời, khiến thành phố tối sầm lại. Và khi Julia rút ra được để quay người chuẩn bị rời đi, cô trông thấy Max, đang mặc một chiếc áo vest nặng nề màu xanh hải quân, mái tóc, như thường lệ, vẫn cột thành đuôi ngựa sau lưng. Anh ta nhìn xuống cầu thang như thể đang chạy trốn ai đó đã khiến anh ta bất an khi phải ở gần.

“Một sự ngạc nhiên thú vị làm sao!” anh ta nói, hướng về phía cô nụ cười tươi tắn của một con sói đã luôn làm Menchu thích thú. Hai người trao đổi vài câu nhận xét vô thưởng vô phạt về thời tiết đáng chán của ngày hôm đó và số lượng người có mặt ở khu chợ. Anh ta không giải thích gì về lý do anh

ta có mặt ở đó, song Julia nhận thấy dường như anh ta có vẻ lo lắng, thậm chí hơi lấm lét. Có thể anh ta đang đợi Menchu, vì anh chàng có nhắc tới chuyện hai người họ hẹn gặp nhau gần đó, một chuyện rắc rối nào đó với những khung tranh rẻ tiền, vốn sau khi được phục chế lại – một công việc Julia cũng hay tự tay làm – có thể dùng để lồng những bức tranh triển lãm tại phòng trưng bày.

Julia không ưa Max, và cô cho rằng đây là lý do cô luôn cảm thấy không thoải mái với anh ta. Không tính đến bản chất mối quan hệ của anh ta với bạn cô, còn có điều gì khác khiến cô khó chịu, một điều cô cảm thấy ngay từ khoảnh khắc đầu tiên hai người gặp nhau. César, với linh cảm nhạy bén đượm nữ tính vốn không bao giờ nhầm lẫn của mình, từng nói, ngoại trừ thân hình bắt mắt ra, ở Max có cái gì đó ti tiện khó lòng mô tả được, nó hiển hiện trong điệu cười cợt nhả và thái độ lấc cấc của anh ta khi nhìn Julia. Cô không bao giờ chịu đựng được lâu cái nhìn của Max, song bất cứ khi nào cô lãng quên nó và nhìn trở lại anh ta, cô đều thấy ánh mắt anh chàng dán chặt vào cô một cách bướng bỉnh, láu cá và thận trọng, lảng tránh nhưng vẫn dai dẳng. Không phải là những cái đưa mắt mơ hồ như của Montegrifo, luôn lang thang xung quanh trước khi bình thần quay về dừng lại trên đồ vật hay con người thu hút sự chú ý của anh ta; đây là một cái nhìn thoáng qua sẽ chuyển thành chăm chú sẫm soi khi chủ nhân của nó nghĩ không ai nhìn mình và trở nên tránh né ngay khi anh ta cảm thấy đang bị để mắt tới. “Đó là cái nhìn của một kẻ có dự định, chí ít là thế, nằng đi cái ví của cháu.” César từng nhận xét như vậy về nhân tình của Menchu. Khi đó Julia chỉ đáp lại nhận xét đầy khinh miệt của César bằng một cái cau trán không tán đồng, song cô buộc phải thừa nhận ông hoàn toàn đúng.

Ở anh chàng này còn có những khía cạnh ám muội khác nữa. Julia biết những cái liếc mắt của anh ta còn hàm chứa điều gì đó ngoài sự tò mò đơn

thuần. Tự tin vào sức hấp dẫn ngoại hình của mình, Max nhiều khi vẫn cư xử, khi Menchu vắng mặt hay khi anh ta ở sau lưng bà, theo một cách vừa tính toán vừa khơi gợi. Mọi ngõ vực của cô về chuyện này đều tan biến trong một bữa tiệc tại nhà Menchu, vào buổi sáng sớm. Khi ấy, những cuộc trò chuyện đã tàn, và bạn cô rời khỏi phòng để đi lấy thêm đá. Cúi xuống chiếc bàn thấp bày đồ uống, Max cầm ly của Julia đưa lên môi anh ta. Cử chỉ này cũng chẳng có gì đáng nói nếu sau đó anh ta không đặt ly xuống bàn, nhìn cô rồi mỉm cười liếm môi với vẻ tiếc rẻ trơ trẽn rằng hoàn cảnh ngăn cản anh ta tiếp cận gần gũi cô hơn nữa. Khởi cần phải nói, Menchu hoàn toàn không hay biết chuyện này, còn Julia thà tự cắt lưỡi mình đi còn hơn thuật lại một chuyện mà rồi sẽ chỉ nghe có vẻ lộ bịch khi mô tả lại thành lời. Vì thế cô đành chọn thái độ duy nhất có thể thể hiện với Max: vẻ coi thường ra mặt mỗi khi không thể tránh khỏi việc phải nói chuyện với anh ta, cùng việc cố tình đứng cách anh ta một khoảng quá tầm tay cùng dáng bộ lạnh tanh mỗi khi hai người gặp nhau mà không có sự chứng kiến của người khác, như lúc này ở Rastro chẳng hạn.

“Một lúc lâu nữa tôi mới phải gặp Menchu,” anh ta nói, trưng ra trước mặt cô nụ cười tự mãn luôn khiến cô ghét cay ghét đắng. “Cô có muốn uống chút gì không?”

Cô nhìn anh ta chăm chăm rồi chậm rãi lắc đầu thẳng thừng.

“Tôi đang chờ bác César.”

Max thừa biết anh ta chẳng phải người được César ưa thích.

“Tiếc quá,” anh ta lẩm bẩm. “Chúng ta chẳng mấy khi có cơ hội gặp nhau thế này. Ý tôi là riêng hai chúng ta.”

Julia chỉ nhướn mày rồi đưa mắt nhìn quanh như thể César sẽ xuất hiện bất cứ lúc nào. Max dõi theo cái nhìn của cô và nhún vai.

“Tôi đã hẹn gặp Menchu sau nửa giờ nữa, bên cạnh bức tượng người lính.

Nếu cô muốn, sau đó chúng ta có thể gặp nhau và cùng uống gì đó.” Anh ta im lặng một hồi đầy ngụ ý trước khi nói thêm: “Cả bốn chúng ta.”

“Để tôi xem ý bác César thế nào.”

Cô nhìn theo anh chàng trong lúc anh ta quay đi hòa vào đám đông, đôi vai rộng đưa đẩy, cho tới khi anh chàng gà trống tốt mã biến mất khỏi tầm nhìn. Cũng giống như những lần khác, cô lại phải chịu đựng cảm giác khó chịu của một người không thể đơn giản để mặc cho mọi thứ trôi qua, như thế, bất chấp việc cô từ chối lời đề nghị của anh ta, một lần nữa Max lại thành công trong việc xâm phạm đến nội tâm sâu kín của cô. Cô thấy bức bối với chính mình, cho dù thực sự cô cũng không rõ nên làm gì. Đôi lúc, cô thầm nghĩ, cô cảm thấy mình sẵn sàng đánh đổi bất cứ thứ gì để đủ sức mạnh và thoi một đấm thật lực vào giữa khuôn mặt bánh trai vênh vác của Max.



Cô lang thang giữa các quầy hàng thêm chừng mười lăm phút trước khi đi tới quán cà phê. Cô cố giải khuây bằng cách dõi theo những người đi qua đi lại quanh mình, lắng nghe giọng nói của những người bán hàng và khách mua xúm quanh các quầy hàng, nhưng vô dụng. Sau khi đã quên được Max, bức tranh và cái chết của Alvaro, rồi ván cờ kỳ quái vụt quay trở lại như một nỗi ám ảnh, đặt ra vô vàn câu hỏi không có lời giải đáp. Rất có thể gã kỳ thủ vô hình kia cũng đang ở ngay gần đây, hòa lẫn trong đám đông, theo dõi cô trong lúc hẩn tính toán nước cờ tiếp theo. Cô ngờ vực nhìn quanh, kéo sát chiếc túi da đeo vai vào người, trong đó có khẩu súng César đưa cho cô. Tất cả đều lộ bịch một cách khủng khiếp, hoặc hoàn toàn ngược lại, khủng khiếp một cách lố bịch.

Quán cà phê có sàn lát gỗ và những chiếc bàn mặt cẩm thạch có chân sắt uốn. Julia gọi một món đồ uống lạnh rồi ngồi xuống bên một khung cửa sổ phủ mờ hơi nước, cố không suy nghĩ về bất cứ điều gì cho tới khi bóng dáng mờ mờ của César xuất hiện trên đường phố bên ngoài. Cô đứng dậy tới gặp ông, tìm kiếm sự an ủi, vì đó là điều cô đang cần.

“Cháu trở nên đáng yêu hơn sau từng phút một đấy,” César nói với giọng ngưỡng mộ và đứng giữa phố với bộ dạng đầy phô trương, hai tay chống lên hông. “Sao lúc nào cháu cũng làm thế được nhỉ, hả cô bé yêu quý?”

“Đừng ngốc nghếch thế,” cô nói, cầm lấy cánh tay ông với tâm trạng vô cùng nhẹ nhõm. “Cháu mới rời khỏi bác chừng một giờ đồng hồ trước thôi.”

“Ý bác chính là vậy đấy, công chúa.” César hạ giọng như thể đang thì thầm tiết lộ những điều bí mật. “Cháu là người phụ nữ duy nhất bác biết có khả năng trở nên xinh đẹp hơn trong vòng sáu mươi phút. Giá mà bác biết cháu làm được điều đó bằng cách nào, chúng ta có thể đăng ký bản quyền cho nó. Thật đấy.”

“Bác đúng là đồ ngốc.”

“Còn cháu, cô bé yêu quý, đúng là lộng lẫy.”

Hai người đi bộ xuống phố về phía chỗ chiếc xe của Julia. Dọc đường, César báo cho cô biết vụ làm ăn ông vừa tiến hành đã thành công: một bức *Đức Mẹ sầu đau* có thể an tâm cho là của Murillo theo ý kiến một người mua không mấy sành sỏi và một chiếc bàn viết thời Biedermeier* có chữ ký kèm ngày tháng vào năm 1832 của Virienichen, đã hơi lung lay nhưng là đồ thật chính hiệu, và hoàn toàn có thể được một người thợ chuyên đóng bàn viết lành nghề sửa sang lại nghiêm chỉnh. Hai món đáng tiền này thực sự giành được với giá rất phải chăng.

“Nhất là chiếc bàn viết, công chúa thân mến.” César đang quay chiếc ô của ông, phấn khởi với vụ mua bán vừa thực hiện. “Như cháu biết đấy, có

một tầng lớp trong xã hội, Chúa ban phước lành cho họ, một tầng lớp không thể sống được nếu thiếu một chiếc giường từng thuộc về nữ hoàng Eugenie* của Pháp hay chiếc bàn viết nơi giám mục Talleyrand* ký những bản khai man của ông ta. Vậy đấy, ngày nay có một lớp tư sản mới phát, những kẻ, trong cố gắng đua tranh với tầng lớp kể trên, cảm thấy họ chỉ cần đơn giản có trong tay một kiệt tác từ thời Biedermeier như biểu tượng tối thượng cho sự thăng tiến của họ. Bọn họ tìm tới bác và hỏi trắng ra như thế mà không buồn nói rõ họ muốn một cái bàn ăn hay bàn viết; thứ họ muốn là một món đồ thời Biedermeier bằng bất cứ giá nào, cho dù món đồ đó là thứ gì. Một số thậm chí còn tin tưởng mù quáng vào sự tồn tại trong lịch sử của một ông Biedermeier khốn khổ và gần như kinh ngạc khi thấy món đồ trên thực tế lại mang chữ ký của một người khác. Đầu tiên, những kẻ như thế dành cho bác một nụ cười bối rối, sau đó bọn họ huých khuỷu tay vào nhau rồi lập tức hỏi liệu bác có một món đồ Biedermeier nào khác, một món chính hiệu, hay không.” César thở dài, chắc chắn là để than phiền cho những thời khắc khó khăn ông từng phải trải qua. “Nếu không vì hầu bao của bọn họ, bác có thể cam đoan với cháu là bác từng rất muốn tống khứ vài kẻ trong đám này ra khỏi cửa.”

“Theo cháu nhớ thì hình như có lần đúng là bác đã làm thế thật.”

César lại thở dài, kèm theo một cái nhăn mặt khổ sở.

“Đó là mặt táo tợn trong con người bác, cô bé yêu quý. Đôi khi tính khí của bác đã thắng sự kiềm chế; chắc đó chính là bà hoàng già nua thích sinh sự đang tiềm ẩn trong con người bác, bác cho là vậy. Ít nhiều đại loại như bác sĩ Jekyll và ông Hyde*. Cũng giống như chuyện thời nay khó lòng tìm được ai đó còn biết nói tiếng Pháp cho ra hồn.”

Hai người tới được chỗ chiếc xe của Julia, đậu trong một con hẻm, đúng lúc cô đang kể cho ông về cuộc gặp gỡ với Max. Chỉ riêng việc nghe thấy cái

tên này là đủ để khiến César cau mày.

“Bác lấy làm mừng vì đã không phải gặp gã trai bao đó,” ông cúi kính nhận xét. “Có phải hẳn ta vẫn đưa ra những lời chào mời xảo trá không vậy?”

“Chẳng có gì nghiêm trọng cả. Cháu đoán nói cho cùng anh ta vẫn sợ Menchu phát hiện ra.”

“Đó là điều sẽ khiến con chuột cống cắn thiu đó đau lòng. Bị giật mất ví tiền.” César bước vòng qua bên cửa ghế phụ. “Nhìn xem! Bọn họ ghi giấy phạt chúng ta.”

“Không phải thế chứ?”

“Ồ, phải đấy. Họ kẹp giấy dưới cần gạt nước.” Bực bội, ông động mạnh cái ô xuống đất. “Bác không tin nổi chuyện này nữa. Ngay giữa Rastro mà cảnh sát bỏ thời gian đi viết giấy phạt thay vì làm những việc họ nên làm, như là bắt giữ đám tội phạm và những gã vô tích sự khác. Thật đáng hổ thẹn!” Ông lớn tiếng lặp lại, đưa mắt nhìn quanh đầy thách thức: “Một chuyện thực sự đáng hổ thẹn!”

Julia nhắc một bình đựng khí rỗng tuếch ai đó đã đặt lên nắp ca pô xe ra và nhặt mảnh giấy lên, quả thực đó là một tấm thẻ nhỏ, kích thước cỡ một danh thiếp thông thường. Sau đó cô đứng sững lại, bất động như trời trồng, vẻ sững sờ hẳn đã hiện lên rõ mồn một trên khuôn mặt cô, vì César lập tức giật mình hồi hải lao tới bên cô.

“Trông cháu xanh quá, cô bé yêu quý. Có gì không hay sao?”

Khi cô lên tiếng, chính cô cũng không nhận ra được giọng nói của mình nữa. Cô chợt có mong muốn được chạy tới một nơi ấm áp, an toàn, nơi cô có thể nấp kín, nhắm mắt lại và cảm thấy bình yên.

“Không phải là giấy phạt, bác César ạ.”

Cô đưa tấm thẻ ra, và César thốt lên một từ không ai có thể nghĩ sẽ nghe thấy từ miệng ông. Bởi vì trên đó, theo cách viết tắt giờ đây đã trở nên quá

quen thuộc, ai đó đã đánh máy những ký tự ngắn gọn đầy đe dọa:

Pa7 x Rb6

Trong lúc sững sờ đứng đó, cô cảm thấy như thể đầu mình đang quay cuồng. Con hẻm vắng tanh. Người ở gần chiếc xe nhất là một phụ nữ bán các bức tranh và tượng tôn giáo ngồi trên một chiếc ghế mây ở góc đường, cách hai người chừng hai mươi mét, đang quan sát khách bộ hành qua lại trước những món hàng bà ta bày ra trên mặt đất. “Hắn đã ở đây, bác César. Bác không hiểu sao? Hắn đã ở đây.”

Cô nhận ra nỗi sợ hãi đang run rẩy trong từng lời mình nói, nhưng không hề thấy ngạc nhiên. Lúc này – cô chợt hiểu ra điều đó trong lúc cảm giác tuyệt vọng tột cùng ào đến – không phải cô đang sợ điều gì đó không thể lường trước được, nỗi sợ cô cảm thấy đã trở thành một cảm giác cam chịu u ám, như thể gã kỳ thủ bí hiểm và sự hiện diện cận kề đầy đe dọa của hắn ta đã trở thành một lời nguyện vô phương hóa giải luôn ám ảnh cô trong suốt phần đời còn lại. Và đó là giả định, cô thầm nghĩ đầy bi quan mà tỉnh táo, rằng cô vẫn còn nhiều thời gian để sống.

Mặt xám ngoét, César quay vòng vòng tấm thẻ. Ông hầu như không nói nổi nên lời vì phẫn nộ:

“Con lợn thối tha... đồ đê tiện.”

Dòng suy nghĩ của Julia bất thần bị kéo rời khỏi tấm thẻ. Thứ thu hút sự chú ý của cô là cái bình đựng khí rỗng nằm trên nắp ca pô lúc trước. Cô nhặt nó lên, và trong lúc cúi người xuống để làm điều đó, cô có cảm giác như thể mình đang ở trong một giấc mơ. Tuy vậy cô vẫn có thể tập trung chú ý lên nhãn bình đủ lâu để hiểu ra bên trong nó là gì. Cô lắc đầu bối rối trước khi đưa cho César xem.

“Cái gì thế này?” ông hỏi.

“Một loại khí dùng những khi bị xẹp lốp. Bác gắn nó vào van và lốp xe lại

căng lên. Nó chứa một thứ keo trắng cho phép trám lại các lỗ thủng từ bên trong.”

“Vậy nó đang làm trò quái gì ở đây?”

“Đó chính là điều cháu muốn biết.”

Hai người kiểm tra các lốp xe. Không có gì bất thường với hai bánh xe bên trái. Julia bước vòng quanh xe sang kiểm tra hai bánh bên phải, trông chúng dường như cũng ổn cả. Song đúng lúc định ném chiếc bình xuống đất, cô nhận ra chiếc van ở bánh sau bị mất nắp đậy. Thay vào đó là một bong bóng tròn tạo thành từ một thứ keo trắng.

“Có người đã bơm chiếc lốp này lên,” César nói sau một hồi nhìn chăm chăm vào chiếc bình rỗng. “Có thể nó đã bị thủng.”

“Khi chúng ta đậu xe nó có thủng đâu,” Julia nói, và họ nhìn nhau, cái nhìn của cả hai hiện rõ những dự cảm chẳng lành.

“Đừng vào trong xe,” César nói.



Người phụ nữ bán tranh và tượng tôn giáo không thấy gì lạ. Có không ít người luôn qua lại quanh chỗ này, bên cạnh đó, bà ta còn phải bận rộn với công việc của mình, cụ thể là bày những trái tim thiêng và đủ loại tượng Thánh Pancras và tượng Đức Mẹ nhỏ xinh. Còn ở phía con hẻm, bà ta cũng không dám chắc. Vài ba người sống quanh đây đã đi qua con hẻm trong vòng một giờ vừa qua, mà cũng có thể còn thêm dăm người khác nữa.

“Bà có nhớ được ai đó cụ thể không?” César đã bỏ mũ ra cúi xuống người

bán hàng, với chiếc áo choàng khoác qua vai và chiếc ô cặp nách. Hình ảnh của một quý ông hoàn hảo, người phụ nữ hẳn đã nghĩ vậy.

“Tôi không nghĩ mình có nhớ được ai.” Bà bán hàng kéo chiếc khăn choàng len chặt hơn quanh người và cau mày như thể cố vắt óc nhớ lại. “Có một phụ nữ, tôi cho là vậy. Và hai người đàn ông trẻ.”

“Bà có nhớ trông họ thế nào không?”

“Chỉ là những anh chàng trẻ tuổi thôi, ông biết kiểu người đó mà: áo khoác da và quần jean...”

Một ý nghĩ thật vô lý chọt lướt qua tâm trí Julia. Nhưng nói cho cùng, giới hạn của sự vô lý đã bị nới rộng ra đáng kể trong vài ngày gần gũi vừa qua.

“Bà có thấy ai mặc áo vest màu xanh hải quân không? Một người đàn ông chừng ba mươi tuổi để tóc cột đuôi ngựa?”

Người bán hàng không nhớ từng trông thấy Max. Tuy nhiên, bà ta có vẻ nhớ ra người phụ nữ vừa nhắc tới lúc trước, vì bà này có dừng lại một lát như thể định mua gì đó. Một phụ nữ tóc vàng, trạc tuổi trung niên và ăn mặc lịch sự. Nhưng bà ta không thể hình dung được người phụ nữ đó lại có thể cạy cửa một chiếc xe hơi, quý bà này rõ ràng không phải loại người đó. Người phụ nữ này có mặc áo mưa.

“Và đeo kính đen chẳng?”

“Phải.”

César nhìn Julia với vẻ nghiêm trọng.

“Hôm nay trời không nắng cho lắm,” ông nói.

“Cháu biết.”

“Hoàn toàn có thể chính là người phụ nữ đã gửi các tài liệu đến.” César ngừng lời, đôi mắt ông trở nên sắc lạnh. “Hoặc Menchu.”

“Đừng ngó ngán thế.”

César lắc đầu, đưa mắt nhìn những người qua đường.

“Không phải vậy, cháu nói đúng. Nhưng chính cháu từng nghĩ người đó có thể là Max.”

“Max... là chuyện khác.” Khuôn mặt cô tối sầm lại khi cô nhìn xuống cuối phố, như thể Max hay người đàn bà tóc vàng mặc áo mưa có thể vẫn quanh quẩn đâu đây. Thứ cô nhìn thấy khiến môi cô cứng lại không thốt nên lời, đồng thời làm cả người cô choáng váng như vừa phải nhận một cú đánh trời giáng. Không có người phụ nữ nào trong tầm nhìn của cô tương ứng với lời mô tả, song cô thấy, giữa những tấm mái hiên và mái nhựa, một chiếc xe đậu gần góc đường. Một chiếc xe màu xanh.

Từ chỗ đang đứng, Julia không dám chắc đó có phải là một chiếc Ford hay không, song dòng cảm xúc vừa bùng lên thôi thúc cô hành động. Trước sự ngạc nhiên của César, cô rời khỏi chỗ bà bán hàng, bước đi một quãng ngắn dọc theo vỉa hè, sau đó đi men bên cạnh hai quầy hàng rồi đứng lại nhìn chăm chăm qua góc đường, hơi kiễng chân lên để có tầm nhìn tốt hơn. Đó là một chiếc Ford màu xanh lấp kính đen. Vô vàn ý nghĩ ùa về chen chúc trong đầu cô. Cô không thấy được biển số xe, nhưng sáng hôm đó đã xảy ra quá nhiều chuyện trùng hợp: Max, Menchu, tấm thẻ trên kính chắn gió, bình đựng khí rỗng, người phụ nữ mặc áo mưa và giờ là chiếc xe hơi vốn đã trở thành yếu tố chủ đạo trong cơn ác mộng của cô. Ý thức được hai bàn tay mình đang run lẩy bẩy, cô cho cả hai bàn tay vào túi áo đúng lúc cảm thấy sự có mặt của César sau lưng mình.

“Chính là chiếc xe đó, César. Bác biết điều đó có nghĩa là gì không? Cho dù kẻ đó là ai, hẳn đang ở trong xe.”

César không nói gì. Ông chậm rãi bỏ mũ ra, có lẽ nghĩ nó sẽ không phù hợp với bất cứ chuyện gì có thể sắp xảy ra, và đưa mắt nhìn Julia. Cô chưa bao giờ thấy yêu ông nhiều như lúc này, khi đôi môi ông mím chặt, cằm ngẩng cao, đôi mắt xanh nheo lại, trong đó lóe lên ánh thép sắc lạnh hiếm khi

xuất hiện. Những đường nét gầy gò trên khuôn mặt được cạo rất cẩn thận của ông trông thật căng thẳng; cơ hàm ông giật giật. Đôi mắt ông dường như đang nói, dầu là một người có phong cách lịch lãm không chệ vào đâu được và không mấy ưa thích bạo lực, nhưng ông không hề hèn nhát. Ít nhất là khi có can dự tới công chúa của ông.

“Đợi bác ở đây,” ông nói.

“Không. Chúng ta cùng đi. Cả bác và cháu.” Cô dịu dàng nhìn ông. Đã có lần, khi cô còn là một đứa trẻ, cô từng nghịch ngợm hôn lên môi ông. Vào khoảnh khắc này cô lại cảm thấy sự thôi thúc muốn làm thế lần nữa; nhưng hiện tại thứ họ đang tham gia không phải một trò chơi.

Cô cho tay vào túi xách, lên đạn khẩu súng. Rất bình thản, César kẹp chiếc ô dưới nách, bước tới bên một quầy hàng, và như thể đang muốn tìm một cây gậy đi dạo, rồi cầm lấy một cây gậy lớn bằng sắt.

“Tôi lấy nó, được chứ?” ông nói, nhét tờ giấy bạc đầu tiên tìm thấy trong ví vào tay người chủ quầy đang ngỡ ngàng. Sau đó ông lại bình thản nhìn Julia và nói: “Chỉ một lần này thôi, cô bé yêu quý, hãy cho phép bác đi trước.”

Hai người tiếp cận chiếc xe, nấp mình sau các quầy hàng. Tim Julia bắt đầu đập dữ dội khi cuối cùng cô cũng thoáng nhìn thấy biển chiếc xe. Không còn nghi ngờ gì nữa: một chiếc Ford màu xanh, lắp kính đen với biển kiểm soát có các chữ cái TH. Miệng cô khô khốc, một cảm giác khó chịu từ dạ dày cuộn lên như thể nó đang thắt lại. Cảm giác đó, cô thầm nhủ thật nhanh, chính là những gì thuyền trưởng Peter Blood* cảm thấy trước khi áp mạn một chiếc tàu địch.

Hai người tới góc đường, và mọi thứ diễn ra thật nhanh. Ai đó bên trong xe vừa hạ cửa kính cạnh ghế lái xuống để ném một điều thuốc ra ngoài. César thả chiếc ô và cái mũ của ông xuống, giơ cây gậy lên, đi vòng sang bên trái

chiếc xe, sẵn sàng hạ thủ bọn cướp biển hay bất cứ kẻ nào đang ngồi trong xe nếu cần thiết. Hai hàm răng Julia nghiến chặt, máu chảy rần rật hai bên thái dương, và cô bắt đầu chạy. Cô lấy khẩu súng ra chìa vào trong khung cửa trước khi người lái xe kịp nâng cửa kính lên. Trước mũi súng của cô xuất hiện một khuôn mặt lạ hoắc: một anh chàng trẻ tuổi để râu, đôi mắt thất thần nhìn chăm chăm vào họng súng. Người đàn ông ngồi trên ghế phụ bật dậy khi César giật mở cánh cửa, cây gậy sắt giơ lên đầy đe dọa trên đầu ông ta.

“Ra ngoài! Mau!” Julia quát lớn, gần như một cách vô thức.

Khuôn mặt xám ngoét như mặt người chết, anh chàng để râu giơ hai bàn tay lên, các ngón tay xò rộng như van nài.

“Bình tĩnh nào, *senorita!*” anh ta lắp bắp. “Vì chúa, bình tĩnh lại! Chúng tôi là cảnh sát.”



“Tôi thừa nhận,” thanh tra Feijoo nói, hai bàn tay đan vào nhau đặt trên bàn làm việc của ông ta, “cho tới giờ chúng tôi đã không được hiệu quả lắm trong vụ việc này...”

Ông ta mỉm cười bình thản với César, như thể việc thiếu hiệu quả của cảnh sát là chuyện hoàn toàn có thể biện minh được. Vì chúng tôi đang ở trong bối cảnh phức tạp, ánh mắt ông ta dường như đang nói, chúng tôi có thể cho phép bản thân tự phê phán mình đôi chút theo hướng xây dựng.

Song César dường như không có bụng dạ nào để chấp nhận lời thanh minh của viên cảnh sát.

“Đó,” ông khinh miệt nói, “chỉ là một cách để mô tả điều những người khác hẳn sẽ gọi trắng ra là sự bất lực.”

Từ nụ cười méo mó của Feijoo có thể thấy rõ câu nhận xét của César là giọt nước cuối cùng làm tràn ly. Hàm răng trên của viên thanh tra xuất hiện dưới bộ ria, cắn lên môi dưới trong khi ông ta bắt đầu bực bội dùng cán chiếc bút bi rẻ tiền của mình gõ xuống mặt bàn. Sự có mặt của César đồng nghĩa với việc ông ta không còn lựa chọn nào khác ngoài cư xử một cách thận trọng, và cả ba người đang có mặt đều hiểu tại sao.

“Cảnh sát có phương pháp của mình.”

Chỉ là những lời rỗng tuếch, và César dần trở nên sốt ruột, cáu bẳn. Chuyện ông từng làm ăn với Feijoo không có nghĩa ông phải niềm nở mềm mỏng với viên cảnh sát, và ông càng có ít lý do phải làm vậy hơn khi vừa bắt quả tang tay này trong một phi vụ thật tức cười.

“Nếu những phương pháp ấy bao gồm chuyện cho người bám theo Julia trong lúc một gã điên nào đó đang tự do nhón nhơ ngoài kia, gửi đi những thông điệp nặc danh, tốt nhất tôi không nên nói ra những gì tôi nghĩ về những phương pháp này.” Ông quay sang Julia, rồi trở lại viên thanh tra. “Tôi không tin nổi các vị coi cô bé là một đối tượng tình nghi trong cái chết của giáo sư Ortega. Tại sao các vị không điều tra tôi đi?”

“Chúng tôi đã làm thế rồi.” Feijoo bị chạm nọc trước sự khiêu khích của César và buộc phải đáp trả cho hả cơn tức. “Trên thực tế, chúng tôi đã điều tra tất cả, không trừ một ai.” Ông ta lật ngửa hai lòng bàn tay lên, chấp nhận chịu trách nhiệm cho điều mà ông ta đã sẵn sàng thừa nhận là một sai lầm ngớ ngẩn tai hại. “Thật không may, những chuyện như thế vẫn xảy ra trong loại công việc này.”

“Và ông đã tìm ra được gì chưa?”

“Tôi e là chưa.” Feijoo luồn tay vào trong áo vest để gỡ nách rồi cựa quậy

không mấy thoải mái trên chiếc ghế đang ngồi. “Thành thật mà nói, chúng tôi đang phải quay về vạch xuất phát. Các chuyên gia pháp y không thể đi đến nhất trí về nguyên nhân gây ra cái chết của Alvaro Ortega. Nếu thực sự có một kẻ sát nhân đang nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật, hy vọng duy nhất của chúng tôi là đến thời điểm nào đó hẳn sẽ phạm phải một sai lầm.”

“Đó là lý do tại sao các vị theo dõi tôi hả?” Julia hỏi, vẫn còn chưa hết bức bối. Cô đang giữ chặt chiếc túi trong lòng. “Để xem tôi có phạm sai lầm không chứ gì?”

Viên thanh tra nhìn cô dứt khoát.

“Cô không nên nhìn nhận việc này theo chiều hướng cá nhân. Đây là chuyện thủ tục thông thường. Chỉ đơn thuần là chiến thuật của cảnh sát.”

César nhướn một bên mày lên.

“Nếu đó là một chiến thuật thì tôi chẳng hề thấy nó đặc biệt hứa hẹn hay đặc biệt hiệu quả.”

Feijoo cố nuốt trôi câu nhận xét đượm hương vị mỉa mai. Vào lúc này, Julia thầm nghĩ một cách thích thú và ma mãnh, ông ta hẳn đang cực kỳ hối tiếc về những vụ làm ăn bất hợp pháp từng có với César. Chỉ cần César mở miệng ở một vài nơi thích hợp, vậy là không cần đến bất cứ lời buộc tội trực tiếp hay giấy tờ chính thức nào dính líu vào, theo cách tế nhị mà mọi việc thường có xu hướng được thu xếp ở một cấp độ nhất định nào đó, viên thanh tra sẽ phải chứng kiến mình kết thúc sự nghiệp trong văn phòng xập xệ ở một đồn cảnh sát khi họ cò gáy nào đó với tư cách một chân cạo giấy đúng nghĩa, không có bất cứ cơ hội nào để xoay xử thêm đồng ra đồng vào.

“Tôi chỉ có thể cam đoan với các vị,” cuối cùng ông ta nói, sau khi đã tiêu hóa được phần nào cơn hậm hực mà, như khuôn mặt viên thanh tra đang thể hiện rõ mòn một, vẫn đang mắc trong họng ông ta, “rằng chúng tôi sẽ tiếp tục các cuộc điều tra của mình.” Ông ta dường như nhớ ra điều gì đó, một cách

rất miễn cưỡng. “Và tất nhiên quý cô trẻ tuổi đây sẽ được hưởng sự bảo vệ đặc biệt.”

“Xin đừng bận tâm,” Julia nói. Về nhũn nhận xuống nước của Feijoo vẫn chưa đủ để cô quên đi cảm giác khó chịu mà cô từng phải chịu đựng. “Làm ơn đừng bày ra thêm chiếc xe màu xanh nào nữa. Thế là quá đủ rồi.”

“Nhưng điều đó là vì sự an toàn của chính cô đấy, *senorita*.”

“Như ông thấy rồi đấy, tôi có thể tự lo cho mình.”

Viên cảnh sát nhìn đi chỗ khác. Tất nhiên, cổ họng ông ta vẫn còn đau rát sau tràng quát tháo trút xuống đầu hai anh chàng cảnh sát đã để mình bị tóm gáy bất ngờ. “Đồ đần độn!” ông ta đã gầm lên với hai anh chàng nọ. “Đồ nghiệp dư khốn kiếp! Lần này các anh thực sự đã trát bùn lên mặt tôi, và tin tôi đi, các anh sẽ phải trả giá đắt cho điều đó!” César và Julia đã nghe thấy tất cả trong lúc ngồi chờ ngoài hành lang đồn cảnh sát.

“Về chuyện đó...” Viên thanh tra bắt đầu lên tiếng, sau khi hiển nhiên đã trải qua một cuộc đấu tranh nội tâm quyết liệt giữa trách nhiệm và việc được yên thân, để rồi quy ngã trước đòi hỏi có sức nặng hơn hẳn của lý lẽ thứ hai. “Nếu tính đến hoàn cảnh hiện tại, tôi không nghĩ rằng... ý tôi muốn nói tới khẩu súng ngắn...” ông ta nuốt khan lần nữa trước khi đưa mắt nhìn César. “Nói cho cùng, đó là một món đồ cổ, không phải là một vũ khí hiện đại theo đúng nghĩa đen của khái niệm này. Và ông, với tư cách là người kinh doanh đồ cổ, đã có đủ giấy phép hợp lệ.” Ông ta cúi mặt nhìn xuống chiếc bàn làm việc, hiển nhiên đang nhớ tới món đồ cuối cùng, một chiếc đồng hồ chế tác từ thế kỷ 18 mà César đã mua của ông ta chỉ vài tuần trước với cái giá rất hời. “Về phần mình, và ở đây tôi đang nói luôn cho hai cấp dưới của tôi có liên quan tới vụ việc...” Một lần nữa, viên thanh tra lại nở nụ cười xảo trá đầy vẻ hòa giải. “Ý tôi là chúng tôi sẵn sàng làm ngơ một số chi tiết của vụ rắc rối vừa xảy ra. Ông, *don César*, có thể lấy lại khẩu súng cổ của mình chừng nào

ông cam kết sẽ để mắt trông coi nó cẩn thận hơn trong tương lai. Còn cô, *senorita*, hãy thông báo cho chúng tôi biết nếu có bất cứ biến cố mới nào xảy ra và, tất nhiên rồi, gọi điện cho chúng tôi ngay lập tức nếu cô gặp bất cứ rắc rối nào. Về phía chúng tôi, ở đây coi như chưa từng có khẩu súng nào hết. Tôi nói vậy đã rõ chưa nhỉ?”

“Hoàn hảo,” César nói.

“Tốt.” Sự nhượng bộ về chuyện khẩu súng dường như đem tới cho Feijoo ít nhiều lợi thế về mặt tinh thần, do đó viên thanh tra có vẻ thoải mái hơn khi quay sang nói với Julia. “Còn về chiếc lốp xe của cô, tôi cần biết cô có định làm đơn khiếu nại không.”

Cô ngạc nhiên nhìn ông ta.

“Đơn khiếu nại? Khiếu nại ai mới được chứ?”

Viên thanh tra chờ một lát trước khi trả lời, như thể hy vọng Julia sẽ đoán ra ý mình mà không cần nói ra lời.

“Khiếu nại một người hay vài người nào đó chưa rõ danh tính,” ông ta nói. “Về tội mưu sát.”

“Ý ông là mưu sát Alvaro ư?”

“Không, mưu sát cô.” Hàm răng của ông ta lại xuất hiện dưới hàng ria. “Vì kẻ bí ẩn đang gửi những tấm thẻ cho cô, cho dù hẳn là ai đi nữa, đang nung nấu trong đầu hẳn điều gì đó nghiêm trọng hơn một ván cờ đơn thuần. Cô có thể mua một bình khí giống chiếc đã được dùng để bơm đầy chiếc lốp của cô, sau khi hẳn ta đã xì hết hơi ra, ở bất cứ cửa hàng phụ tùng xe hơi nào. Ngoại trừ việc ở đây thứ khí này được thêm vào cả một xi lanh đầy dầu hỏa. Thứ chất lỏng này, cùng với khí ga và thứ chất dẻo đã có sẵn trong bình chứa, tạo nên một hỗn hợp rất dễ phát nổ ở nhiệt độ cao hơn một giới hạn nhất định nào đó. Thậm chí cô chỉ cần lái xe chạy vài trăm mét là đủ để chiếc lốp nóng tới mức phát nổ ngay dưới thùng xăng của chiếc xe. Lúc đó, cả chiếc xe sẽ

bùng cháy cùng với hai người ở bên trong.” Ông ta mỉm cười với vẻ ác ý không giấu giếm, như thể chuyện thuật lại tất cả với họ là một chút báo thù nho nhỏ. “Không khủng khiếp sao?”



Muñoz tới cửa hiệu của César một giờ sau đó, với đôi tai nhô ra trên cổ áo mưa và mái tóc ướt đẫm. Trông bộ dạng của ông chẳng khác gì một con chó hoang gầy trơ xương, Julia thầm nghĩ trong lúc quan sát ông giữ nước mưa ngoài cửa. Ông bắt tay Julia, một cái bắt tay ngăn ngừa, không chút hồ hởi, một tiếp xúc đơn thuần không kèm theo bất cứ sự hứa hẹn nào từ phía ông, rồi chào César bằng một cử chỉ gật đầu. Cố hết sức không giẫm đôi giày ướt nhẹp lên thảm, vị khách bình thản lắng nghe kể lại những gì đã xảy ra ở chợ Rastro, thỉnh thoảng hơi cử động đầu như một cử chỉ mơ hồ xác nhận đã hiểu cả, như thể câu chuyện về chiếc Ford màu xanh và cây gậy sắt của César chẳng hề khiến ông bận tâm chút nào. Đôi mắt vô hồn của vị khách chỉ sáng lên khi Julia lấy tấm thẻ từ trong túi của cô ra và đặt nó xuống trước mặt ông. Mấy phút sau, ông lại bày ra bộ bàn cờ bỏ túi, món đồ hầu như bất ly thân với ông trong thời gian gần đây, rồi chăm chú nghiên cứu vị trí của các quân cờ sau nước đi cuối cùng.

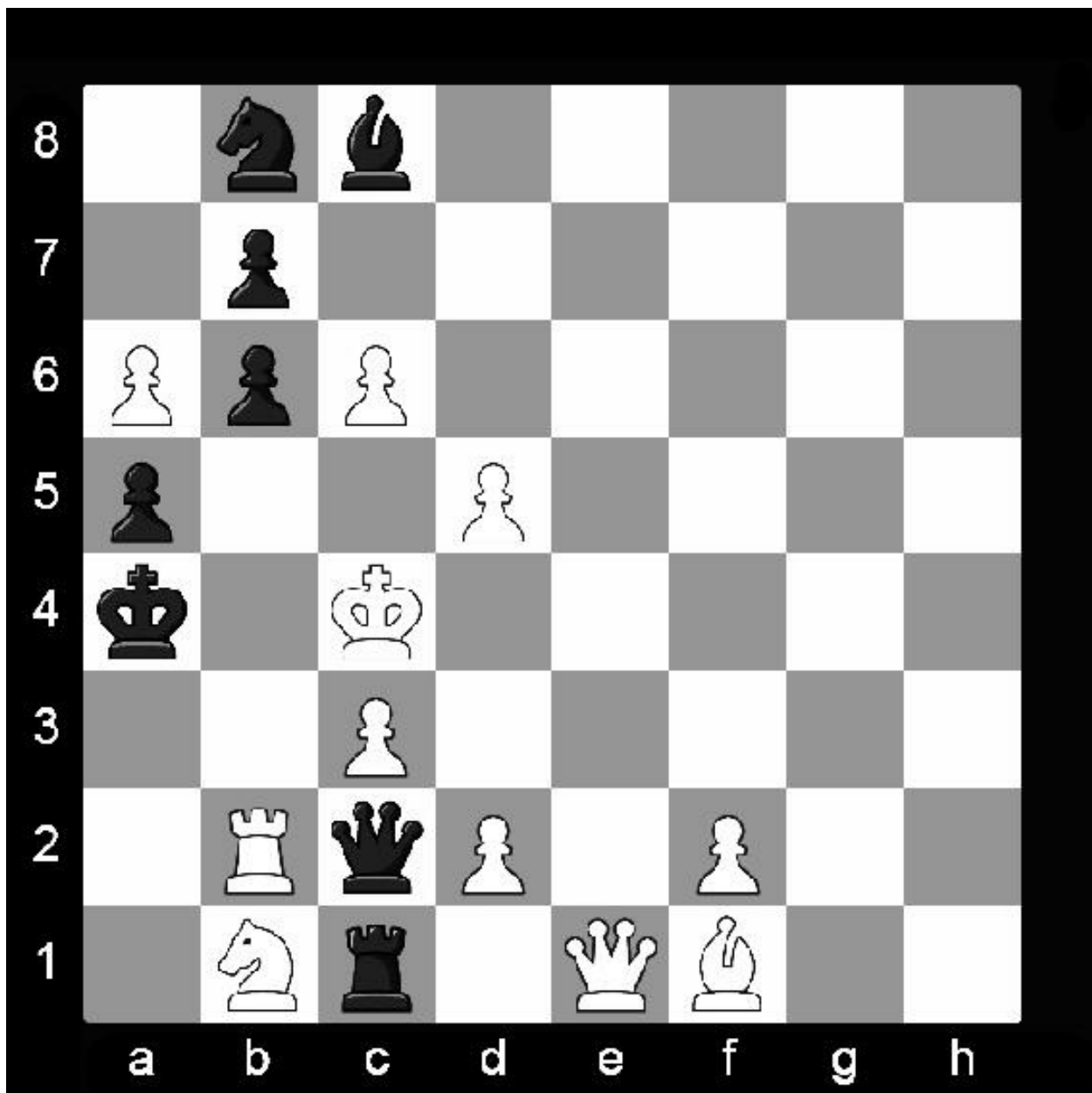
“Điều tôi không hiểu,” Julia nói, nhìn qua vai Muñoz, “Là tại sao bình khí rỗng đó lại được để lại trên nắp ca pô. Chắc chắn kiểu gì chúng tôi cũng sẽ thấy nó được để đó. Trừ phi hẳn đã để quên trong lúc vội vàng.”

“Có thể đó chỉ là một lời cảnh cáo,” César đưa ra ý kiến từ chiếc ghế bành bọc da dưới khung cửa sổ kính mờ xỉn. “Một lời cảnh cáo có khẩu vị không thể lợm hơn.”

“Nhưng để làm việc đó cũng phải bỏ ra không ít công sức, đúng không nào? Chuẩn bị bình khí, xì hơi ra khỏi lốp, sau đó bơm lại như cũ. Chưa tính việc bà ta có nguy cơ bị phát hiện trong lúc thực hiện tất cả những trò này... Thực sự hoàn toàn lỗ bịch,” cô nói thêm, “nhưng bác có để ý thấy cháu gọi đối thủ giấu mặt của chúng ta là bà ta không? Cháu không thể dứt bỏ được suy nghĩ về người đàn bà bí ẩn mặc áo mưa đó.”

“Có thể chúng ta đang đi quá xa,” César nói. “Nếu cháu cân nhắc lại, chắc hẳn cháu sẽ thấy chí ít cũng có hàng tá phụ nữ tóc vàng mặc áo mưa nữa ở Rastro sáng nay. Một số trong bọn họ thậm chí cũng có thể đeo kính đen nữa. Nhưng về chiếc bình rỗng thì cháu có lý. Để nó lại ngay trên chiếc xe, ở chỗ ai cũng thấy. Thật là kỳ cục.”

“Có thể chưa hẳn đã kỳ cục đâu,” Muñoz nói, và cả hai người cùng đưa mắt nhìn ông. Ngồi trên ghế đầu, trước bộ cờ vua bỏ túi được bày trên một cái bàn thấp, người kỳ thủ chỉ còn mặc áo sơ mi, hai tay áo được xắn lên quá khuỷu tay. Ông lên tiếng mà không hề rời mắt khỏi các quân cờ. Và Julia, đang ngồi bên cạnh ông, nhìn thấy ở một bên khóe miệng ông một biểu hiện khó diễn tả đã trở nên quen thuộc với cô, một thái độ biểu cảm nằm đâu đó giữa một suy tưởng im lặng và một nụ cười thoáng qua, và cô hiểu ông đã giải mã thành công nước đi cuối cùng của đối thủ.



Muñoz đưa một ngón tay về phía quân tốt ở ô a7 mà không chạm hẳn tay vào nó.

“Quân tốt đen ở ô a7 ăn quân tháp trắng ở ô b6,” ông nói, chỉ cho hai người thấy tình hình trên bàn cờ. “Đó là những gì đối thủ của chúng ta nói trên tấm thẻ.”

“Và điều đó nghĩa là gì?” Julia hỏi.

“Có nghĩa là hẳn từ chối thực hiện một nước đi nữa, nước đi mà chúng ta

đã e ngại có thể hấn sẽ thực hiện. Ý tôi là, dùng quân tháp đen ở ô c1 để ăn quân hậu trắng ở ô e1. Nước đi đó chắc chắn sẽ dẫn tới một cuộc đổi hậu.” Ông ngẩng đầu lên khỏi các quân cờ và dành cho Julia một cái nhìn đượm vẻ lo ngại. “Đó là tất cả ý nghĩa của nó.”

Hai mắt Julia mở to hết cỡ.

“Ý ông là hấn đã từ chối tấn công *tôi*?”

Khuôn mặt Muñoz vẫn có vẻ nước đôi.

“Cô có thể hiểu như thế.” Ông cúi xuống nghiên cứu quân hậu trắng.

“Và, nếu đúng là vậy, điều hấn muốn nói với chúng ta là: ‘Tôi hoàn toàn có khả năng giết các người, nhưng tôi sẽ chỉ làm thế khi tôi muốn.’ ”

“Giống như mèo vờn chuột,” César lẩm bẩm, không ngừng gõ lên tay vịn của chiếc ghế bành đang ngồi. “Gã đàn ông này quả là một tên khốn kiếp.”

“Đàn ông hoặc đàn bà,” Julia nói.

César tặc lưỡi.

“Không ai nói rằng người đàn bà mặc áo mưa, nếu quả thực người đã xuất hiện trong con hẻm chính là bà ta, đã tự mình ra tay. Rất có thể người đàn bà này là tông phạm của một kẻ khác.”

“Phải, nhưng của ai đây?”

“Đó chính là điều bác muốn biết, cô bé thân mến.”

“Dù sao đi nữa,” Muñoz nói, “nếu các vị quên người phụ nữ mặc áo mưa đi và tập trung vào tấm thẻ, rất có thể các vị sẽ có kết luận khác hấn về tính cách đối thủ của chúng ta.” Ông lần lượt nhìn hai người trước khi chỉ xuống bàn cờ, như thể cho rằng việc tìm kiếm câu trả lời ở bất cứ nơi nào khác chỉ là chuyện mất thời gian vô ích. “Chúng ta biết hấn là một kẻ đầu óc đòi bại, nhưng hóa ra hấn cũng cực kỳ tự mãn. Người đàn ông này, hay đàn bà này cũng rất ngạo mạn. Hấn đang đùa cợt chúng ta.” Ông lại chỉ vào bàn cờ, thúc giục hai người còn lại hãy tập trung quan sát vị trí của các quân cờ. “Hãy

nhìn xem, theo cách nói thực tế, hoàn toàn thuần túy cờ vua, ăn quân hậu trắng nhiều khả năng là một nước đi tồi. Bên trắng khi đó sẽ không còn lựa chọn nào khác ngoài chấp nhận đổi hậu, tức là ăn lại quân hậu đen bằng quân tháp trắng ở ô b2, nước đi này sẽ đẩy quân đen vào tình thế rất xấu. Lối thoát duy nhất cho quân đen khi đó là đưa tháp đen từ ô e1 sang ô e4 để đe dọa vua trắng. Nhưng vua trắng hoàn toàn có thể bảo vệ mình bằng cách chuyển tốt trắng từ ô d2 tới ô d4. Sau đó, nếu nhìn tới vị trí vua đen, lúc ấy bị vây quanh bởi các quân đối phương mà không có bất kỳ cơ hội được trợ giúp nào, thì việc bị chiếu hết là không thể tránh khỏi. Khi đó quân đen sẽ thua.”

“Ý ông là,” Julia hỏi, “toàn bộ chuyện cố tình để lại chiếc bình rỗng lẫn việc đe dọa quân hậu trắng chỉ đơn thuần là một đòn nghi binh thôi sao?”

“Điều này hoàn toàn không hề làm tôi ngạc nhiên.”

“Nhưng tại sao?”

“Bởi vì đối thủ của chúng ta đã lựa chọn nước đi hăn tôi sẽ thực hiện ở vị trí của hăn: ăn tháp trắng ở ô b6 bằng quân tốt ở ô a7. Việc này giúp giải tỏa sức ép của quân trắng lên vua đen, hiện đang lâm vào tình thế rất khó khăn.” Ông lắc đầu ngưỡng mộ. “Tôi đã nói với các vị hăn là một kỳ thủ rất giỏi.”

“Vậy giờ thì sao đây?” César hỏi.

Muñoz đưa một bàn tay lên vuốt trán và trầm ngâm nhìn bàn cờ.

“Giờ chúng ta có hai lựa chọn. Có thể chúng ta nên ăn quân hậu đen, nhưng làm thế sẽ buộc đối thủ của chúng ta thực hiện đổi hậu,” ông nói trong lúc nhìn Julia, “và tôi không thích điều đó xảy ra. Chúng ta không nên ép buộc hăn phải làm một việc mà hăn đã quyết định không làm.” Ông lại lắc đầu như thể các quân cờ đen và trắng vừa xác nhận những ý nghĩ của mình. “Điều lạ lùng là ở chỗ hăn biết chúng ta sẽ suy nghĩ như thế nào, một điều có lợi thế riêng của nó, vì tôi được thấy tận mắt những nước đi hăn thực hiện và gửi tới cho chúng ta, trong khi hăn chỉ có thể hình dung ra các nước đi của

tôi. Tuy nhiên, hẳn vẫn có thể gây ảnh hưởng tới chúng. Cho tới giờ, chúng ta vẫn luôn làm những gì hẳn muốn chúng ta làm.”

“Chúng ta có lựa chọn nào không?” Julia hỏi.

“Đến giờ thì chưa. Nhưng sau này thì có thể.”

“Vậy nước đi tiếp theo của chúng ta là gì?”

“Chúng ta chuyển quân giám mục từ ô f1 tới ô d3, đe dọa hậu của hẳn.”

“Vậy hẳn sẽ làm gì tiếp theo?”

Muñoz im lặng trước khi trả lời. Ông ngồi bất động trước bàn cờ, như thể không nghe thấy câu hỏi.

“Ngay cả trong cờ vua,” cuối cùng ông lên tiếng, “việc dự đoán những nước đi khả thi cũng có giới hạn của nó. Nước cờ tốt nhất có thể, hay nước cờ nhiều khả năng nhất sẽ được thực hiện, là nước đi đưa đối thủ của kỳ thủ đó vào vị trí có ít lợi thế nhất. Chính vì thế một cách để ước lượng khả năng xảy ra của nước đi tiếp theo chỉ đơn thuần là hình dung ra trường hợp nước cờ đó đã được thực hiện, rồi sau đó phân tích cục diện ván cờ từ vị thế đối thủ của mình. Có nghĩa là quay trở lại sử dụng chính năng lực tư duy của mình, nhưng lần này ngồi vào vị trí đối phương. Từ đó, cô thực hiện một nước đi giả định nữa rồi lập tức lại đặt mình vào vai đối thủ của đối thủ của mình, hay nói cách khác là chính cô. Và cứ thế tiếp tục, tiến xa hết mức cô có thể. Nói vậy ý tôi là tôi biết phải đi tới đâu, nhưng tôi không thể biết hẳn sẽ đi xa tới mức nào.”

“Theo cách suy luận đó,” Julia nói, “chẳng phải nhiều khả năng hẳn sẽ chọn nước cờ gây cho chúng ta nhiều tổn thất nhất sao?”

Muñoz đưa tay lên gãi gáy. Sau đó, rất chậm rãi, ông di chuyển quân giám mục trắng tới ô d3, đặt nó xuống gần hậu đen. Dường như người kỳ thủ hoàn toàn bị thu hút vào dòng suy nghĩ của mình trong lúc phân tích tình thế mới của ván cờ.

“Có một điều tôi dám chắc,” cuối cùng ông lên tiếng, “đó là hẳn chuẩn bị ăn một quân nữa của chúng ta.”

PHÂN TÍCH TIẾP CẬN

Đừng ngốc nghếch. Không thể là lá cờ, vì nó không thể uốn lượn được, chính là cơn gió đang uốn lượn.

_ Nhà khoa học Douglas R. Hofstadter _

Điện thoại đồ chuông làm cô bật dậy. Một cách cẩn thận, cô gỡ miếng bông tẩm dấm dung môi khỏi góc bức tranh đang phục chế dở dang – chút véc ni bướng bỉnh bám vào một khoảng nhỏ trên trang phục của công tước Ferdinand xứ Ostenburg – và cẩn lấy chiếc nhíp giữa hai hàm răng. Sau đó cô đưa mắt nhìn chiếc điện thoại đang nằm trên mặt thảm ngay dưới chân mình với vẻ ngờ vực, tự hỏi liệu khi nhắc ống nghe lên cô có phải lắng nghe thêm một hồi im lặng dài dằng dặc nữa, những khoảng im lặng đã trở nên quen thuộc trong mấy tuần qua. Ban đầu, cô chỉ đơn giản đưa ống nghe lên tai mà không nói gì, sốt ruột chờ đợi một âm thanh nào đó, dù chỉ là tiếng thở, cho thấy sự hiện diện của sự sống, sự có mặt của một con người, ở đầu dây bên kia, cho dù điều đó có làm cô bất an đến mấy. Nhưng cô chỉ gặp một sự im lặng trống rỗng, thậm chí còn không có cả cảm giác được an ủi mơ hồ khi nghe thấy tiếng lạch cạch của ống nghe được đặt xuống ở đầu dây bên kia. Lần nào cũng vậy, kẻ gọi điện bí ẩn – dù là đàn ông hay đàn bà – luôn trụ lại lâu hơn. Cho dù ở đầu dây bên kia là ai, kẻ đó chỉ đơn giản đứng đó, im lặng lắng nghe, không thể hiện bất cứ dấu hiệu nóng vội nào, cũng chẳng hề có vẻ e ngại khả năng cảnh sát có thể theo dõi cuộc gọi để định vị vị trí của hẳn. Điều tồi tệ nhất là kẻ gọi điện cho cô không hề biết hẳn hoàn toàn an toàn. Julia đã không nói với ai về những cuộc gọi đến này, kể cả César hay Muñoz. Không thực sự hiểu rõ tại sao, cô chỉ thấy xấu hổ về những cuộc gọi này, cảm thấy bị bê mặt trước cách chúng xâm nhập vào không gian riêng tư của cô, xâm nhập vào buổi đêm và sự im lặng cô vẫn yêu quý trước khi cơn ác mộng này bắt đầu. Chuyện này giống như một sự cưỡng bức về tinh thần, không

cần đến bất cứ lời nói hay cử chỉ nào, không ngừng lặp đi lặp lại hằng ngày.

Khi chuông điện thoại vang lên tới hồi thứ sáu, cô nhắc máy lên, và thực sự nhẹ nhõm khi nghe thấy giọng nói của Menchu. Nhưng cảm giác nhẹ nhõm chỉ được trong chốc lát, vì Menchu rõ ràng đang say mềm. Có lẽ, Julia lo ngại thầm nghĩ, trong máu bà bạn của cô còn đang có thứ gì đó mạnh hơn cả cồn. Cố nói lớn tiếng để át đi những âm thanh ồn ã của những cuộc trò chuyện và tiếng nhạc, gần như một nửa các câu nói của bà biến thành một mớ hỗn độn không đầu không đuôi, Menchu cho Julia hay bà đang ở quán Stephan, rồi sau đó thuật lại một câu chuyện lung củng dính dáng đến Max, bức tranh của Van Huys và Paco Montegrifo. Julia không hiểu bà muốn nói gì, và khi cô đề nghị bạn mình giải thích lại xem chuyện gì đang xảy ra, Menchu bèn phá lên cười như người mất trí. Rồi gác máy.

Bầu không khí thật nặng nề, lạnh lẽo và ẩm thấp. Co ro trong chiếc áo khoác da lưng chừng dài tới gối, Julia mò xuống đường vẫy một chiếc taxi. Những ánh đèn của thành phố lướt qua khuôn mặt cô như những chớp sáng khi chốc chốc cô lại phải gạt đầu hưởng ứng những câu bắt chuyện huyền thuyên chẳng hề được chào đón của tay lái xe taxi. Cô ngả lưng tựa lên ghế rồi nhắm mắt lại. Trước khi rời khỏi nhà, cô đã bật hệ thống báo động điện tử và khóa an ninh, và xoay chìa khóa đủ hai vòng trong ổ. Dừng chân trước cánh cửa dưới tầng, cô không thể không liếc mắt đầy nghi ngờ vào khung lưới sắt bên chuông cửa của mình, e sợ sẽ tìm thấy một tấm thẻ nữa được cài vào đó. Nhưng cô không thấy gì hết. Gã kỳ thủ vô hình vẫn đang nghiền ngẫm nước đi tiếp theo của hẳn.

Có khá đông người tại quán Stephan. Người đầu tiên cô nhận ra là César, đang ngồi trên một chiếc xô pha, cạnh Sergio. Anh chàng trẻ tuổi đang gạt đầu, trông thật hấp dẫn với mái tóc vàng bù xù xõa xuống đôi mắt, trong lúc César thì thầm gì đó với anh ta. César đang ngồi hút thuốc, hai chân bắt chéo.

Bàn tay kẹp điều thuốc lá đang đặt trên đầu gối ông; còn bàn tay kia ông hươ lên không khí trong khi nói, sát gần cánh tay chàng thanh niên được ông bảo trợ, song không bao giờ thực sự chạm vào nó. Vừa thấy Julia, ông đứng ngay dậy chào đón cô. Dường như ông không mấy ngạc nhiên khi bắt gặp cô ở đây vào giờ này, không trang điểm và mặc quần jean.

“Bà ấy ở đằng kia,” ông nói, chỉ tay vào phía trong hộp đêm với vẻ mặt bình thản song vẫn hiện rõ chút chờ đợi háo hức. “Trên một trong những chiếc xô pha kê phía cuối phòng.”

“Bà ấy uống nhiều lắm phải không?”

“Như một cái hũ không đáy. Và bác e rằng bột trắng đang tuôn ra mù mịt từ khắp người bà bạn của cháu. Bà ấy đã ghé vào phòng vệ sinh nữ với mức độ thường xuyên đáng ngờ; bà ấy không thể có chuyện cần tiểu tiện nhiều đến thế.” Ông ngắm nhìn chỗ tàn trên điều thuốc của mình và nở một nụ cười ranh mãnh. “Lúc trước bà bạn cháu vừa gây ra một màn ẩu đả tại quầy bar: bà ta tát Montegrifo. Cháu tưởng tượng được không, cô bé yêu quý? Cảnh tượng lúc đó quả thực là” – ông nhâm nhi tận hưởng ý nghĩ của mình như một người sành thưởng thức, trước khi nói ra thành tiếng những từ cuối cùng – “tuyệt hảo.”

“Còn Montegrifo?”

Vẻ mặt César chột trở nên tàn nhẫn.

“Đáng kinh ngạc, cô bé yêu quý, gần như là siêu phàm. Anh ta rời đi với điệu bộ cứng nhắc, kiêu hãnh quen thuộc của mình, mang theo trong vòng tay một cô nàng tóc vàng rất hấp dẫn, có phần hơi tầm thường nhưng ăn mặc chảnh chu. Cô ta đã vô cùng bối rối, người đẹp tội nghiệp, mà có thể hoàn toàn có lý do. Nói thực lòng, cháu cũng không thể trách cô nàng được.” Ông mỉm cười đậm vẻ tàn nhẫn. “Bác buộc phải thừa nhận, công chúa à, rằng gã khốn đó quả là có phong cách. Anh ta đón nhận cái tát một cách rất bình tĩnh, thậm

chí không chớp mắt, hết như những tay cứng cựa trên phim vậy. Một nhân vật rất thú vị, anh chàng chuyên bán đấu giá của cháu. Bác đành phải thừa nhận anh ta cư xử chẳng chê vào đâu được. Bình thản như không vậy.”

“VẬY Max đâu?”

“Tối nay bác không thấy anh ta, rất tiếc phải báo cho cháu biết như vậy.” Một lần nữa nụ cười tinh quái lúc trước lại xuất hiện. “Giờ thì hẳn sẽ vui lắm đây. Đã hay lại còn hay hơn.”

Rời khỏi César, Julia đi vào sâu trong hộp đêm. Cô chào hỏi vài người quen biết nhưng không dừng lại nói chuyện, rồi nhìn thấy Menchu đang ngồi ngật ngưỡng một mình trên một chiếc xô pha. Đôi mắt bà dờ dẩn vô hồn, chiếc váy ngắn đang mặc bị kéo xé lên, một bên tất có một vết rách kệt cồm. Trông bà già đi đến cả chục tuổi.

“Menchu.”

Bà nhìn Julia, khó khăn lắm mới nhận ra cô. Lắm bẫm không đầu không đuôi, bà lắc đầu rồi bật cười, tiếng cười ngắn, mơ hồ của một người đã say.

“Cô đã lỡ mất lúc ấy,” bà nói sau một hồi cố gắng, giọng líu lại. “Gã con hoang khốn kiếp đó đứng chờ tại chỗ, một bên mặt đỏ rần.” Bà ngồi thẳng dậy, đưa tay xoa chiếc mũi đỏ ửng, hoàn toàn không biết tới những cái nhìn tò mò pha lẫn vẻ chướng mắt của các vị khách ngồi ở những chiếc bàn gần đó. “Đồ kệnh kiệu khốn kiếp ngu ngốc.”

Julia có cảm giác mọi con mắt đang đổ dồn cả vào mình; cô nghe thấy những lời rì rầm bình phẩm và không khỏi đỏ bừng mặt.

“Bà có đủ sức đứng dậy để rời khỏi đây không?”

“Tôi nghĩ là có. Nhưng trước hết tôi cần phải cho cô hay...”

“Hãy cho tôi biết sau. Đi thôi.”

Menchu loạng choạng cố đứng dậy, vụng về kéo váy xuống. Julia khoác chiếc áo choàng lên vai bà và đi ra cửa với bộ dạng tương đối nghiêm chỉnh.

César bước tới gặp họ. “Mọi chuyện ổn cả chứ?”

“Ổn. Cháu nghĩ cháu có thể lo liệu được.”

“Cháu chắc chứ?”

“Chắc. Mai cháu sẽ gặp lại bác.”

Ra tới ngoài phố, Menchu lão đảo lắc lư, và một kẻ nào đó hét lớn một câu thật tục tĩu về phía bà từ sau khung cửa một chiếc xe lao ngang qua.

“Đưa tôi về nhà, Julia. Xin cô đấy.”

“Nhà bà hay nhà tôi?”

Menchu nhìn cô như thể không nhận ra cô. Bà lão đảo bước đi như người mộng du.

“Nhà cô,” bà nói.

“Còn Max thì sao?”

“Mọi chuyện với Max kết thúc rồi. Chúng tôi cãi nhau. Chấm dứt rồi.”

Họ vẫy một chiếc taxi, Menchu chui vào và ngồi co ro trên băng ghế sau. Rồi bà bật khóc. Julia quàng một cánh tay quanh đôi vai đang run rẩy của bạn cô. Chiếc taxi dừng lại trước đèn giao thông và khung cửa kính sáng lung linh của một cửa hàng ven đường soi sáng khuôn mặt hốc hác của Menchu.

“Tôi xin lỗi. Tôi đúng là một...”

Julia cảm thấy thực sự bối rối và bất an. Chuyện này mới lở bịch làm sao. Quỷ tha ma bắt Max đi, cô thầm tự nhủ. Quỷ tha ma bắt tất cả bọn họ đi.

“Đừng ngốc thế,” cô lên tiếng cắt ngang lời bà bạn.

Cô vừa thấy tay lái taxi tò mò quan sát hai người họ qua gương chiếu hậu, và khi quay lại nhìn Menchu, cô bắt gặp một cái nhìn không bình thường trong đôi mắt bà, một thoáng tỉnh táo ngăn ngùi không ngờ tới, như thể vẫn còn nơi nào đó bên trong con người bà chưa bị rượu và ma túy chạm tới. Cô ngạc nhiên khi bắt gặp thứ gì đó xuất phát từ đáy sâu tối đen hun hút của nội tâm. Một cái nhìn quá không ăn khớp với tình trạng của Menchu, làm Julia

không khỏi băn khoăn. Khi Menchu lên tiếng, những lời bà nói còn lạ lùng hơn.

“Cô chẳng hiểu gì hết,” bà nói, đầu đón lắc đầu như một con thú bị thương. “Nhưng cho dù là chuyện gì xảy ra... tôi muốn cô biết...”

Bà đột ngột ngừng bật, như thể muốn rút lại những gì vừa nói, cái nhìn của bà một lần nữa lại chìm vào bóng tối, để mặc cho Julia bối rối. Thế là quá nhiều cho chỉ một đêm. Tất cả những gì cô cần thêm vào lúc này, Julia thầm nghĩ, cảm thấy một nỗi lo sợ mơ hồ không hứa hẹn điều gì tốt lành, là tìm thấy một tấm thẻ nữa gài bên chuông cửa.



Nhưng tối hôm đó không có tấm thẻ nào xuất hiện, và cô có thể dồn hết tâm trí vào việc chăm sóc Menchu, lúc này dường như đang lơ mơ giữa một biển sương mù. Julia cho bà uống hai tách cà phê trước khi đưa bà vào giường nằm. Với cảm giác của một bác sĩ tâm thần ngồi bên ghế của bệnh nhân, dần dần, với sự nhẫn nại cao độ, cô cũng hình dung được chính xác chuyện gì đã xảy ra từ những lời lấp bấp lộn xộn của Menchu. Vào khoảnh khắc tồi tệ nhất có thể, Max, anh chàng Max vô ơn, lại nảy ra ý tưởng thực hiện một chuyến ra nước ngoài, một câu chuyện ngớ ngẩn nào đó về một công việc tại Bồ Đào Nha. Bà bạn cô đang có một khoảng thời gian tồi tệ, và việc anh ta đi ra nước ngoài như thế dường như là một hành động trốn tránh trách nhiệm đầy ích kỷ. Hai người đã cãi nhau, và thay vì giải tỏa rắc rối trên giường như họ vẫn thường làm, lần này anh ta đã bỏ đi, đóng sầm cửa lại

trước mũi bà. Menchu không rõ anh ta có định quay lại hay không, nhưng dù thế nào bà cũng bất cần. Quyết tâm không chịu cảnh cô đơn, bà tìm tới quán Stephan. Vài dải bột cocain đã giúp đầu óc bà tỉnh táo hơn, đồng thời đẩy bà tới trạng thái hưng phấn đến hưng hân. Đã tổng khứ xong anh chàng Max vào quên lãng, bà ngồi trong góc của mình uống hết ly này tới ly khác thứ martini nguyên chất và ngắm nhìn một anh chàng bánh trai đã để mắt đến bà. Thế rồi giai điệu của buổi tối bất ngờ đổi nhịp. Thật không may cho Paco Montegrifo, anh ta cũng chường mặt ra ở đó, dắt theo một trong những ả làng chơi trang sức đầy người mà thỉnh thoảng người ta lại bắt gặp thấy bên cạnh anh ta. Câu chuyện về tỷ lệ phần trăm vẫn còn nóng hổi trong trí nhớ của bà, và Menchu nghĩ bà đã nhận ra ít nhiều sự mỉa mai trong cách anh ta chào mình. Và như người ta vẫn nói trong các cuốn tiểu thuyết, điều đó giống như ngoáy mũi dao vào một vết thương vậy. Bà tung ra một cái tát duy nhất, *bốp*, một cú ra trò, khiến đám khách trong hộp đêm nhao lên. Tiếp theo là một tràng om sòm ầm ĩ, hết chuyện. Hạ màn.

Julia đắp một tấm chăn lên người Menchu và ngồi bên bà hồi lâu. Cuối cùng bà cũng ngủ thiếp đi vào khoảng 2 giờ sáng. Thỉnh thoảng, bà lại trở mình và lẩm bẫm những từ nghe không rõ, đôi môi mím chặt, tóc xõa đầy trên khuôn mặt. Julia quan sát những nếp hằn quanh miệng và môi bà, những vết đen lem nhem ở nơi nước mắt và mồ hôi đã làm nhòe nhoẹt lớp trang điểm. Chúng làm cho khuôn mặt bà trở nên thật thảm hại: giống như khuôn mặt của một kỹ nữ sau một đêm tồi tệ. Nếu được tận mắt chứng kiến, kiểu gì César cũng rút ra vài kết luận cay độc nào đó, nhưng lúc này Julia không muốn nghĩ tới César. Cô chợt nhận ra mình đang cầu xin cuộc sống hãy cho cô đủ sự cam chịu cần thiết để nâng cao đầu đón nhận tuổi già khi đến lượt cô. Hẳn sẽ khủng khiếp lắm khi đứng vào khoảnh khắc đắm tàu lại không có chiếc bè vững chãi nào để bầu vùi. Cô nhận ra Menchu đã đủ tuổi để làm mẹ

cô, và cảm thấy xấu hổ trước ý nghĩ đó, như thể theo một cách nào đó cô đang lợi dụng lúc bạn mình ngủ để phản bội bà.

Cô uống nốt chỗ cà phê còn lại của mình, lúc này đã lạnh ngắt, và châm một điếu thuốc lá. Mưa lại đang giội xuống khung cửa sổ, âm thanh của sự cô đơn hiu quạnh, cô buồn bã trầm nghĩ. Nó làm cô nhớ đến một đêm mưa dầm khác, cách đây đã một năm, khi cô chấm dứt mối quan hệ với Alvaro và biết rằng có thứ gì đó đã đổ vỡ vĩnh viễn trong cô, giống như một cỗ máy bị trục trặc vô phương sửa chữa. Và cô cũng biết rằng, kể từ giây phút đó, nỗi cô đơn trộn lẫn cay đắng ngọt ngào đang đầy ắp trái tim cô sẽ là một người đồng hành trung thành đi cùng cô trên bất cứ chặng đường nào còn lại để cô dần bước theo, dưới một thiên đường nơi các vị thần đang chết dần chết mòn giữa những tràng cười âm ỉ. Tối hôm đó cô đã ngồi bó gối dưới vòi hoa sen, hơi nước bao quanh cô như một màn sương mù nóng bỏng, nước mắt cô hòa lẫn vào dòng nước đang xối xả chảy xuống mái tóc ướt sũng và thân hình trần trụi của cô. Thứ nước sạch sẽ, ấm áp đó đã cuốn trôi Alvaro đi một năm trước khi cái chết thực sự tìm đến anh. Và như một trong những trùng hợp lạ kỳ đầy mỉa mai mà Số phận vẫn luôn ưa thích, đó cũng chính là cách Alvaro kết thúc cuộc đời mình, trong một bồn tắm, với đôi mắt mở to và cái cổ gãy, ngay dưới vòi hoa sen, dưới làn nước xối xả tuôn xuống như mưa.

Cô xua đuổi ký ức đó đi, cảm nhận được nó mờ dần, chìm khuất vào giữa những bóng đen trong căn hộ của cô. Rồi cô nghĩ về César và chậm rãi lắc đầu theo giai điệu của một bản nhạc tưởng tượng buồn bã. Vào một lúc như thế này, cô hẳn sẽ ao ước được tựa đầu lên vai ông, nhắm mắt lại và hít mùi thuốc lá quyện lẫn nhựa thơm nhẹ cô đã quen từ khi còn nhỏ, mùi hương đồng nghĩa với César. Và để cùng ông sống lại tất cả những câu chuyện mà cô biết quá rõ từ trước rằng sẽ có một kết thúc hạnh phúc. Dường như giờ đây chúng đã lùi đi thật xa, ngày tháng của những kết thúc hạnh phúc đó không

còn phù hợp với bất cứ suy nghĩ tinh táo nào của tuổi trưởng thành! Và đôi lúc thật nặng nề khi phải nhìn vào chính mình trong gương và biết cô đã vĩnh viễn bị lưu đày khỏi Neverland.

Cô tắt đèn, ngồi xuống thắm trước bức tranh của Van Huys, ngắm nhìn các nhân vật trong tranh bằng trí tưởng tượng của mình, lắng nghe những tiếng vọng xa xăm từ cuộc đời họ, xoay quanh ván cờ đã kéo dài bấy lâu qua thời gian, không gian và giờ vẫn đang được chơi tiếp – giống như bộ máy chậm rãi, không gì cản nổi của một chiếc đồng hồ thách thức cả những thế kỷ trôi qua bên cạnh nó – một ván cờ mà không ai có thể dự đoán được kết cục. Rồi cô quên đi tất cả – quên đi Menchu, quên đi những hoài niệm về quá khứ – thay vào đó giờ đây cô lại cảm thấy một cơn ớn lạnh quen thuộc lan khắp người, một cơn rùng mình vì sợ hãi, cũng xuất hiện một cách mơ hồ, như một nguồn an ủi không ngờ tới. Một kiểu trông chờ pha lẫn hồi hộp. Giống như khi cô còn là một đứa trẻ ngồi nép người bên cạnh César lắng nghe một câu chuyện mới. Có lẽ thuyền trưởng Hook rốt cuộc cũng không hề biến mất vào trong màn sương mù của quá khứ. Thay vì thế, có lẽ giờ đây hắn chỉ đơn giản đang chơi cờ.



Khi cô thức giấc, Menchu vẫn đang ngủ. Cô mặc đồ một cách nhẹ nhàng nhất có thể, để lại một bộ chìa khóa trên bàn và ra khỏi nhà, cẩn thận khóa trái cửa ngoài lại. Đã gần mười giờ, cơn mưa cũng đã nhường chỗ cho một hỗn hợp tối tăm của khói và sương mù, một hỗn hợp làm mờ đi đường nét xám xịt của những tòa nhà và khiến những chiếc xe chạy ngang qua trông giống như những bóng ma, ánh sáng phản chiếu từ đèn pha của chúng vỡ ra trên mặt

đường rải nhựa thành vô vàn chấm sáng nhỏ, chúng khoác một tấm mạng ánh sáng huyền ảo lên không khí xung quanh cô trong lúc cô bước đi, hai bàn tay đút sâu vào túi áo mưa.

Belmonte chào đón cô trên chiếc xe lăn của ông, trong căn phòng vẫn mang dấu vết mà bức tranh của Van Huys để lại. Đĩa nhạc bất di bất dịch của Bach vẫn được chơi trên chiếc máy quay đĩa và Julia tự hỏi, trong lúc lấy tập tài liệu ra khỏi túi xách, liệu có phải ông già luôn cố tình bật đĩa nhạc này mỗi lần cô tới hay không. Ông chủ nhà lấy làm tiếc về sự vắng mặt của Muñoz, nhà-toán-học-kiêm-kỳ-thủ-cờ-vua, như ông vẫn gọi với vẻ châm biếm không giấu giếm, rồi chăm chú đọc bản báo cáo Julia mang tới, trong đó trình bày chi tiết về các biến cố lịch sử liên quan tới bức tranh, kết luận cuối cùng của Muñoz về bí ẩn liên quan tới Roger de Arras, những tấm ảnh chụp lại các giai đoạn khác nhau của quá trình phục chế và bản tờ rơi màu vừa được Claymore in ra công bố các chi tiết về bức tranh và cuộc bán đấu giá. Thỉnh thoảng ông già lại gật đầu tỏ vẻ hài lòng, đôi lúc đưa mắt nhìn Julia trong chốc lát trước khi tiếp tục chăm chú đọc tiếp bản báo cáo.

“Tuyệt vời,” ông nói khi đã đọc xong và đóng tập tài liệu lại. “Cô quả là một cô gái trẻ xuất sắc hiếm có.”

“Không chỉ mình tôi. Như ông biết đấy, rất nhiều người đã tham gia vào việc này... Paco Montegrifo, Menchu Roch, Muñoz...” Cô do dự. “Chúng tôi cũng đã tham khảo ý kiến của các chuyên gia về mỹ thuật.”

“Ý cô muốn nói tới giáo sư Ortega quá cố?”

Julia lúng túng nhìn vị chủ nhà.

“Tôi không biết là ông đã biết cả chuyện đó.”

Ông già mỉm cười ranh mãnh.

“À, như cô thấy đấy, tôi có biết. Khi người ta tìm thấy thi thể ông ấy, cảnh sát đã liên hệ với cháu gái tôi, chồng nó và tôi. Một viên thanh tra tới đây gặp

tôi; tôi không nhớ họ ông ta nữa... Ông ta có bộ ria rậm và dáng người rất béo.”

“Ông ta là Feijoo, thanh tra Feijoo.” Julia bối rối đưa mắt nhìn đi chỗ khác. Chết tiệt, cô thầm nghĩ, đám cảnh sát vô dụng mắc dịch. “Nhưng ông không hề nói gì về chuyện này khi tôi đến đây lần trước.”

“Lúc đó tôi đợi cô nói cho tôi biết. Còn nếu cô không nói, tôi đoán hẳn cô có lý do của mình.”

Có chút giữ ý trong giọng nói của ông già, và Julia hiểu cô sắp mất đi một đồng minh.

“Tôi từng nghĩ là... Ý tôi là tôi xin lỗi, thực sự xin lỗi... tôi sợ có thể làm ông phật ý vì những tin như thế. Nói cho cùng, ông...”

“Có phải ý cô là vì tuổi tác và tình trạng sức khỏe của tôi không?” Belmonte vỗ hai bàn tay xương xẩu đầy đốm đồi mồi lên bụng mình. “Hay cô lo rằng chuyện đó có thể ảnh hưởng tới số phận bức tranh?”

Julia lắc đầu, không biết phải nói gì. Rồi cô mỉm cười nhún vai, với vẻ bối rối một cách chân thành, như là cách trả lời duy nhất, như cô biết quá rõ, có thể làm ông chủ nhà hài lòng.

“Tôi có thể nói gì đây?” cô thì thầm, tin chắc mình đã chơi đúng quân bài khi Belmonte cũng mỉm cười, chấp nhận bầu không khí đồng lõa mà cô đang đưa ra với ông.

“Đừng lo. Cuộc đời rất khó khăn, và những mối quan hệ giữa con người với nhau còn khó khăn hơn.”

“Tôi có thể cam đoan với ông...”

“Cô không cần phải cam đoan gì với tôi cả. Chúng ta đang nói dở về giáo sư Ortega. Có phải đó là một tai nạn không?”

“Tôi nghĩ thế,” Julia nói dối. “Ít nhất, theo tôi hiểu thì là vậy.”

Ông già đưa mắt nhìn xuống hai bàn tay mình. Không thể biết được ông

có tin cô hay không.

“Vẫn thật khủng khiếp... cô không nghĩ vậy sao?” Ông nhìn cô hồi lâu, cái nhìn nghiêm nghị trong đó biểu hiện một thoáng lo âu. “Những chuyện như thế, ý tôi muốn nói tới cái chết, luôn làm tôi choáng váng ít nhiều. Và vào tuổi của tôi đáng ra phải ngược lại. Thật kỳ lạ làm sao, đối lập với tất cả các loại logic, một người lại níu kéo lấy cuộc sống theo mức độ quyết liệt tỷ lệ nghịch với quãng thời gian còn lại mà anh ta có thể trông đợi từ cuộc đời.”

Trong một khoảnh khắc, Julia đã định tâm sự với ông phần còn lại của câu chuyện: sự tồn tại của gã kỳ thủ vô hình, những mối đe dọa, những cảm giác u ám đang đè nặng lên cô, lời nguyện đồng hành cùng bức tranh của Van Huys, trong khi dấu vết còn lại của nó, một khoảng trống trơn hình chữ nhật bên dưới một chiếc đỉnh, đang quan sát họ từ trên tường như một điềm báo chẳng lành. Nhưng như thế cũng có nghĩa là phải đưa ra những lời giải thích cô không cảm thấy mình đủ mạnh mẽ để đề cập đến. Cô cũng e ngại sẽ làm ông già bị nổi lo sợ ám ảnh nhiều hơn nữa, và theo một cách quá là vô ích.

“Không có gì phải lo ngại cả,” cô lại nói dối, một cách đầy tự tin. “Tất cả đều đang trong tầm kiểm soát. Giống như bức tranh vậy.”

Hai người mỉm cười với nhau, nhưng lần này đầy gượng gạo. Julia không rõ Belmonte có tin cô hay không. Ông ngả lưng ra sau trên chiếc xe lăn và cau trán.

“Có một chuyện liên quan tới bức tranh tôi muốn nói với cô.” Ông dừng lời để suy nghĩ một lát trước khi tiếp tục. “Hôm trước, sau khi cô và ông bạn kỳ thủ của cô tới gặp tôi, tôi có nghĩ về bức tranh của Van Huys. Cô còn nhớ cuộc tranh luận của chúng ta về việc cần thiết phải có một hệ thống để hiểu một hệ thống khác, và rằng cả hai đều cần đến một hệ thống cao hơn, rồi cứ như vậy tiếp diễn đến vô tận, cô có nhớ không? Và bài thơ của Borges về cờ vua và về việc vị thần nào ở trên Chúa điều khiển các kỳ thủ di chuyển các

quân cờ? Thế này nhé, tôi nghĩ có điều gì kiểu đó như thế với bức tranh này. Điều gì đó vừa chứa đựng chính nó vừa tự lặp lại chính nó, điều gì đó liên tục đưa cô lùi về tới tận điểm xuất phát. Theo quan điểm của tôi, chìa khóa thực sự để giải mã bức *Ván cờ* không đi theo một đường thẳng, một quá trình được khởi động từ một điểm bắt đầu. Thay vì thế, bức tranh này dường như quay trở lại hết lần này tới lần khác, như thể đang thu mình lại vậy. Cô hiểu ý tôi chứ?”

Julia gật đầu, chăm chú lắng nghe những lời ông nói. Những gì cô vừa nghe được là một lời khẳng định linh tính của chính cô, nhưng lần này được diễn tả bằng các thuật ngữ logic và nói ra thành lời. Cô nhớ tới bản sơ đồ đã thiết lập, sau đó được Muñoz chỉnh sửa thành sáu tầng không gian lồng vào nhau, tới vòng quay bất tận trở lại điểm xuất phát, tới những bức tranh ẩn trong tranh.

“Tôi còn hiểu rõ hơn ông có thể ngờ,” cô nói. “Chuyện này giống như thế bức tranh đang tự tố cáo chính nó vậy.”

Belmonte có vẻ bối rối.

“Tự tố cáo chính nó ư? Điều này có phần đi quá xa so với ý tưởng của tôi.” Hơi nhướn mày, vị chủ nhà bác bỏ nhận xét thoát nghe có vẻ lạc đề của cô. “Tôi đang nói tới một việc khác kia.” Ông chỉ tay về phía chiếc máy quay đĩa. “Hãy lắng nghe Bach.”

“Chúng ta luôn làm thế mà.”

Belmonte dành cho cô nụ cười của một người cùng hội cùng thuyền.

“Hôm nay tôi không định nhờ đến âm nhạc của Johann Sebastian làm bạn đồng hành, nhưng rồi tôi quyết định đánh thức ông ấy vì cô. Đây là Tổ khúc Pháp số 5, và cô sẽ nhận ra nó bao gồm hai nửa, mỗi nửa đều được lặp lại. Âm chủ trong nửa đầu tiên là son, và nó kết thúc với âm chủ là rê. Được rồi chứ? Giờ hãy lắng nghe. Đúng vào lúc dường như bản nhạc đã kết thúc ở nốt

này, ông bạn Bach hay lừa lọc bắt ngờ lôi chúng ta nhảy thẳng trở lại điểm khởi đầu, lại với son là âm chủ đạo, rồi sau đó lại trôi trở về rê. Và, dù chúng ta không hiểu bằng cách nào, điều này cứ thế lặp đi lặp lại. Cô nghĩ thế nào?”

“Tôi nghĩ điều đó thật đáng kinh ngạc.” Julia đang chăm chú lắng nghe giai điệu của bản nhạc. “Giống như một vòng lặp liên tục. Như những bức tranh và bản vẽ của Escher*, trong đó có một dòng nước chảy hiền hòa, rồi biến thành một thác nước và theo cách nào đó không lý giải nổi quay trở lại điểm xuất phát ban đầu. Hay một cầu thang không dẫn tới đâu cả, chỉ đơn thuần quay trở lại điểm đầu của chính cầu thang đó.”

Belmonte gật đầu hài lòng.

“Chính xác. Và hoàn toàn có thể chơi tổ khúc này trên nhiều âm chủ khác nhau.” Ông nhìn lên khoảng trống hình chữ nhật trên tường. “Cái khó, tôi nghĩ, là phải biết cần đặt mình vào đâu trên những vòng quay đó.”

“Ông nói đúng. Sẽ mất nhiều thời gian để lý giải, song có điều gì đó tương tự đang diễn ra trong bức tranh. Đúng vào thời điểm dường như câu chuyện kết thúc, nó lại bắt đầu một lần nữa, nhưng đi theo một hướng khác. Hay có vẻ như đi theo một hướng khác. Bởi vì có lẽ thực ra chúng ta chưa bao giờ rời khỏi chỗ mình đang đứng.”

Belmonte nhún vai.

“Đó là một nghịch lý mà cô và ông bạn kỳ thủ của cô cần tìm ra lời giải. Tôi thiếu các thông tin cần thiết. Như cô biết đấy, tôi chỉ là một kẻ nghiệp dư mà thôi. Thậm chí tôi còn không thể đoán ra người ta có thể lần ngược trở lại ván cờ.” Ông nhìn Julia hồi lâu. “Thật đáng xấu hổ, nếu nghĩ tới những gì tôi vừa nói về Bach.”

Julia ngẫm nghĩ về những lý giải mới mẻ cô không hề trông đợi này. Những sợi len từ một cuộn len, cô thầm nghĩ. Quá nhiều sợi cho một cuộn len duy nhất.

“Ngoài cảnh sát và tôi ra, gần đây có ai đến tìm gặp ông không, ai đó cũng quan tâm tới bức tranh ấy? Hoặ là tới cờ vua?”

Ông già nghĩ ngợi hồi lâu trước khi trả lời, như thể cố xác định xem dụng ý ẩn sau câu hỏi là gì.

“Không có ai như thế cả. Khi vợ tôi còn sống, vẫn hay có khách đến chơi nhà. Bà ấy quảng giao hơn tôi. Nhưng kể từ khi góa vợ, tôi chỉ còn giữ liên hệ với vài người bạn cũ. Như Esteban Cano chẳng hạn. Cô còn quá trẻ để có thể biết ông ấy khi ông ấy là một nghệ sĩ violin thành công. Nhưng ông ấy đã qua đời hai năm nay rồi. Sự thực là số bạn bè ít ỏi của tôi đang dần dần biến mất.” Vị chủ nhà mỉm cười cam chịu. “Còn có Pepe, một người bạn tốt. Pepin Perez Gimenez, cũng đã nghỉ hưu như tôi, ông ấy vẫn tới câu lạc bộ và thỉnh thoảng ghé qua đây chơi với tôi một ván cờ. Nhưng ông ấy đã gần bảy mươi và phải chịu đựng những cơn đau nửa đầu khủng khiếp nếu chơi lâu hơn nửa giờ. Ông ấy từng là một kỳ thủ giỏi. Và còn cả cháu gái của tôi nữa.”

Lúc đó, khi đang lấy một điều thuốc ra, Julia chợt sững lại. Khi cô cử động lại, động tác của cô trở nên rất chậm chạp, như thể bất cứ cử chỉ quá phấn khích hay nóng vội nào cũng có thể khiến điều cô vừa nghe thấy tan biến mất.

“Cháu gái ông cũng chơi cờ sao?”

“Lola hả? Phải, rất giỏi.” Ông già nở một nụ cười lạ lùng, như thể hối tiếc vì phẩm chất đáng quý này của cô cháu gái không mở rộng sang những lĩnh vực khác của cuộc sống. “Chính tôi đã dạy nó chơi cờ, từ nhiều năm trước; nhưng nó đã vượt xa thầy nó.”

Julia cố giữ bình tĩnh. Cô gồng mình lên để có thể chặm điều thuốc một cách thản nhiên và từ tốn phả ra hai ngụm khói trước khi tiếp tục nói. Song cô có thể cảm thấy tim mình đang phi nước đại.

“Vậy cháu gái ông nghĩ thế nào về bức tranh? Cô ấy có tán thành việc ông

bán nó đi không?” Một cú thăm dò năm ăn năm thua.

“Cháu gái tôi vô cùng tán thành chuyện đó. Và chồng nó thậm chí còn hăng hái hơn.” Giọng nói của ông già có chút gì đó cay đắng. “Không nghi ngờ gì nữa, Alfonso đã tính được anh ta sẽ đặt tới đồng xu cuối cùng có được từ bức tranh của Van Huys vào ô số mấy trên guồng quay roulette.”

“Nhưng anh ta đâu đã có số tiền ấy,” Julia chen vào.

Ông già đón nhận cái nhìn của cô, trong đôi mắt nhạt màu ươn ướt của ông lóe lên một tia sáng sắc lạnh, nhưng nó cũng nhanh chóng tắt ngấm.

“Vào thời của tôi,” ông nói với thái độ vui vẻ khó tin, còn trong đôi mắt chỉ còn lại vẻ mĩa mai một cách bình thản, “chúng tôi thường hay nói không nên đếm gà con trước khi trứng nở.”

“Cháu gái ông đã bao giờ đề cập tới điều gì đó bí hiểm liên quan tới bức tranh, các nhân vật hay ván cờ được vẽ trong đó chưa?”

“Theo như tôi nhớ thì chưa. Cô là người đầu tiên đề cập tới chuyện đó. Với chúng tôi, đó luôn là một bức tranh đặc biệt, nhưng không có gì khác thường hay bí ẩn.” Ông trầm ngâm nhìn lên khoảng trống hình chữ nhật trên tường. “Mọi thứ dường như đều rất hiển nhiên.”

“Ông có biết liệu vào khoảng thời gian trước hay cùng lúc Alfonso giới thiệu ông với Menchu Roch, cháu gái ông có thương lượng với một ai khác không?”

Belmonte cau mày. Khả năng này dường như khiến ông rất không hài lòng.

“Tôi chắc chắn hy vọng là không. Nói cho cùng, bức tranh đó là của tôi.” Khuôn mặt ông đầy vẻ tinh quái của người ý thức được mọi thứ. “Và hiện tại vẫn là như thế.”

“Tôi có thể hỏi thêm một câu nữa không, *don Manuel*?”

“Tất nhiên rồi.”

“Ông có bao giờ nghe thấy cháu gái mình và chồng cô ấy nói tới việc hỏi ý kiến tư vấn của một chuyên gia về lịch sử mỹ thuật không?”

“Tôi không nghĩ thế đâu. Tôi không nhớ chúng có làm như thế, và tôi nghĩ tôi sẽ nhớ nếu chúng làm vậy.” vẻ ngờ vực hiện rõ trong đôi mắt ông. “Đó là công việc của giáo sư Ortega, đúng vậy không? Lịch sử mỹ thuật. Tôi hy vọng cô không đang cố ám chỉ...”

Julia nhận ra cô đã đi quá xa, vậy là cô trưng ra một trong những nụ cười dễ mến nhất có thể.

“Không hẳn là tôi nói tới Alvaro Ortega, mà có thể là bất cứ chuyên gia nào khác về lịch sử mỹ thuật. Việc cháu gái ông có thể tò mò muốn biết giá trị của bức tranh hay tìm hiểu lịch sử của nó cũng không phải là một ý nghĩ gì quá kỳ lạ.”

Belmonte trầm ngâm nhìn ngắm hai mu bàn tay đầy đốm đồi mồi với vẻ suy nghĩ.

“Cháu gái tôi không bao giờ nhắc tới điều đó. Và tôi nghĩ chắc nó có làm thế, vì chúng tôi vẫn thường nói chuyện về bức tranh của Van Huys. Nhất là những lúc chúng tôi chơi lại ván cờ đang chơi dở của các nhân vật trong tranh. Chúng tôi chơi tiếp nó, tất nhiên rồi. Và cô biết chuyện gì đã xảy ra không? Cho dù quân trắng có vẻ đang có lợi thế, Lola đã luôn giành phần thắng với quân đen.”



Cô lang thang vô định trong sương mù suốt gần một giờ đồng hồ, cố gắng

sắp xếp lại các ý nghĩ trong đầu. Không khí ẩm thấp làm đọng lại những giọt sương trên khuôn mặt và mái tóc cô. Cô đi qua trước khách sạn Palace, nơi người gác cửa đội mũ chóp cao và bộ đồng phục viền vàng đang đứng dưới mái hiên bằng kính, choàng trên người chiếc áo khoác khiến ông ta trông giống như ai đó mới lạc bước tới từ thành phố London của thế kỷ 19, hoàn toàn tương xứng với màn sương mù. Tất cả những gì còn thiếu, cô thầm nghĩ, là một cỗ xe ngựa với ánh đèn lờ mờ trong màn sương xám xịt, từ trong đó bước ra là dáng người gầy gò của Sherlock Holmes, theo sau là Watson, người bạn đồng hành trung thành của ông. Ở đâu đó trong màn sương gã giáo sư Moriarty độc ác hẳn đang rình mò. Ông hoàng của tội ác. Thiên tài ma quỷ.

Gần đây, dường như cô đã gặp quá nhiều người biết chơi cờ vua. Và tất cả đều có những lý do hoàn hảo cho mối liên hệ của họ với bức tranh của Van Huys. Có quá nhiều chân dung bên trong bức tranh khốn kiếp đó.

Muñoz: ông là người duy nhất cô đã gặp *kể từ khi* các biến cố bí ẩn bắt đầu xảy ra. Khi cô không tài nào chớp mắt được, khi cô vật vờ trở mình trên giường, ông là người duy nhất cô không liên hệ tới những hình ảnh xuất hiện trong ác mộng. Muñoz đang ở một đầu dây của cuộn len và tất cả các quân cờ, tất cả những nhân vật khác đều ở cả đầu còn lại. Nhưng thậm chí cô cũng không dám chắc về ông. Đúng là cô đã gặp ông *sau* khi bí ẩn xuất hiện, nhưng vẫn *trước* khi câu chuyện quay trở lại điểm xuất phát của nó và bắt đầu trở lại theo một chìa khóa mật mã khác. Thậm chí không thể biết hoàn toàn chắc chắn liệu cái chết của Alvaro và sự tồn tại của gã kỳ thủ bí ẩn kia có thuộc về cùng một tiến trình hay không.

Cô dừng lại, cảm thấy trên khuôn mặt mình hơi lạnh của màn sương ẩm thấp đang bao bọc xung quanh. Nghĩ cho cùng, người duy nhất cô có thể chắc chắn tin tưởng được chỉ có một mình cô. Và đó là điều duy nhất cô có thể

trông cây để tiếp tục, cùng với khẩu súng cô vẫn mang theo trong túi xách.



Cô tìm đến câu lạc bộ cờ vua. Mạt cửa dính đầy ngoài tiền sảnh, trên những chiếc ô, áo khoác và áo mưa. Chúng tỏa ra mùi ẩm mốc, mùi khói thuốc lá, và bầu không khí không lẫn vào đâu được của những nơi chỉ có riêng đàn ông lui tới. Cô chào Cifuentes, ông giám đốc câu lạc bộ, khi ông này vội vã tới đón cô, và, trong lúc những tiếng rì rầm do sự xuất hiện của cô trong câu lạc bộ gây ra đang lắng dần xuống, cô đưa mắt tìm kiếm quanh các bàn cờ cho tới khi tìm thấy Muñoz. Ông đang chăm chú để tâm vào một ván cờ, ngồi bất động như một bức tượng nhân sư, với một khuỷu tay chống lên tay vịn chiếc ghế ông đang ngồi, cằm tựa lên lòng bàn tay. Đối thủ của ông, một anh chàng trẻ tuổi đeo kính dày cộp, liên tục liếm môi và đưa những cái nhìn bối rối về phía Muñoz, như thể lo sợ rằng vào bất cứ lúc nào ông cũng có thể phá hủy thế trận bảo vệ quân vua đầy phức tạp mà, căn cứ vào bộ dạng căng thẳng và vẻ kiệt sức của anh ta, người kỳ thủ trẻ đã phải nỗ lực tột bậc để thiết lập nên.

Muñoz dường như vẫn là con người bình thản, lơ đãng thường ngày của ông; thay vì quan sát bàn cờ, đôi mắt bất động của ông lại có vẻ chỉ dừng lại trên đó. Có thể ông đang chìm vào một trong những giấc mơ hão huyền mà ông từng kể với Julia, cách xa ván cờ đang diễn ra trước mắt ông cả nghìn dặm, trong khi đầu óc toán học của ông đang liên tục thử nghiệm và loại bỏ hết khả năng này tới khả năng khác của các nước cờ. Quanh họ, vài người đứng ngoài theo dõi đang nghiên cứu ván cờ với vẻ còn quan tâm hơn cả hai kỳ thủ trong cuộc. Thỉnh thoảng, những người này khẽ thì thầm những lời bình luận hay đề xuất di chuyển quân cờ này hay quân cờ khác. Điều có vẻ đã

rõ ràng, nếu tính đến không khí căng thẳng quanh bàn, là họ đang chờ Muñoz thực hiện một nước đi quyết định đặt dấu chấm hết cho anh chàng trẻ tuổi đeo kính. Nó cũng lý giải về luống cuống của anh này, đôi mắt anh ta, được hai tròng kính phóng to lên, nhìn đối thủ như một nô lệ sắp làm mồi cho sư tử dưới dấu trường đang cầu khẩn sự khoan hồng từ vị hoàng đế có quyền lực vô hạn trong bộ y phục màu đỏ tía.

Đúng lúc đó, Muñoz ngẩng đầu lên và trông thấy Julia. Ông nhìn cô chăm chăm trong vài giây như thể không nhận ra cô, rồi từ từ hồi tỉnh, với vẻ mặt của một người vừa chột tỉnh khỏi một giấc mơ hay vừa quay về sau một chuyến đi dài. Khuôn mặt ông bừng sáng khi thể hiện cử chỉ chào đón mơ hồ. Rồi ông đưa mắt trở lại bàn cờ, như thể để xem xem mọi thứ có còn như cũ không, rồi, không chút vội vã hoặc như thể ông chỉ vừa ngẫu hứng chột nghĩ ra, nhưng kỳ thực là kết quả của một quá trình tư duy dài, di chuyển một quân tốt. Tiếng rì rầm thất vọng vang lên quanh bàn, và người đàn ông trẻ tuổi đeo kính đưa mắt nhìn sang ông, thoát tiên với vẻ ngạc nhiên, sau đó sững sờ như một tù nhân được bãi bỏ lệnh hành hình vào phút chót, rồi nở một nụ cười tự mãn đầy hài lòng.

“Vây là hòa,” một trong những người đứng xem nhận xét.

Muñoz, đang đứng dậy khỏi bàn cờ, chỉ nhún vai. “Phải,” ông đáp, không buồn nhìn lại bàn cờ. “Nhưng nếu tôi đưa quân giám mục tới vị trí của quân hậu, chỉ sau năm nước đi nữa là chiếu hết.”

Ông tới bên Julia, mặc cho những người khác suy nghĩ về nước đi ông vừa nhắc đến. Tế nhị chỉ về phía nhóm người đang xúm quanh bàn cờ, Julia khẽ nói:

“Họ chắc phải thực sự ghét ông lắm.”

Muñoz nghiêng đầu sang bên, vẻ mặt của ông có thể dễ dàng hiểu là một nụ cười lơ đãng hay một cái nhìn coi thường.

“Tôi đoán là thế,” ông đáp, cầm áo mưa lên. “Bọn họ luôn xúm lại như một bầy kền kền, hy vọng được tận mắt chứng kiến khi rốt cuộc có ai đó xé xác tôi thành từng mảnh.”

“Nhưng ông cố tình để mình bị đánh bại... Như thế chắc họ cảm thấy rất bẽ mặt.”

“Nói thế còn là nhẹ đấy,” ông nói, nhưng trong giọng nói không hề có chút âm hưởng tự mãn hay kiêu ngạo nào, chỉ có sự coi thường một cách khách quan. “Họ sẽ không bỏ lỡ dù chỉ một ván cờ của tôi, dù là vì bất cứ điều gì.”

Ra ngoài, đứng đối diện bảo tàng Prado trong màn sương xám xịt, Julia kể lại cho ông cuộc trò chuyện mới nhất của cô với Belmonte. Muñoz lắng nghe cô, không đưa ra lời bình luận nào, thậm chí cả khi cô kể cho ông về sở thích cờ vua của cháu gái ông chủ nhà. Ông có vẻ dừng dừng với thời tiết âm ướt trong lúc thong thả bước đi, chăm chú lắng nghe những gì Julia nói, chiếc áo mưa không cài cúc, chiếc cà vạt vẫn bung ra như thường lệ, đầu cúi xuống, đôi mắt nhìn đăm đăm vào đôi mũi giày đầy vết trầy xước.

“Cô từng hỏi tôi liệu có phụ nữ nào chơi cờ vua không,” cuối cùng ông lên tiếng. “Và lúc đó tôi đã nói với cô cho dù về cơ bản cờ vua là một trò chơi dành cho nam giới, nhưng vẫn có một số kỳ thủ nữ rất giỏi. Nhưng họ là những trường hợp ngoại lệ.”

“Ngoại lệ càng chứng minh cho quy luật, tôi đoán là vậy.”

Muñoz cau trán.

“Không. Tới đây thì cô sai rồi. Một ngoại lệ không chứng minh điều gì hết; nó làm mất hiệu lực hay phá hủy bất cứ quy luật nào. Đó là lý do vì sao cô cần phải rất thận trọng khi suy luận theo phương pháp quy nạp. Điều tôi muốn nói là phụ nữ *thường có xu hướng* chơi cờ vua kém, chứ không phải *tất cả* phụ nữ đều chơi cờ vua kém. Cô hiểu chứ?”

“Tôi hiểu.”

“Nhận xét này không hề mâu thuẫn với sự thật là, trên thực tế phụ nữ không đạt nhiều thành công với tư cách kỳ thủ. Chỉ để cung cấp cho cô một ví dụ: Tại Liên bang Xô viết, nơi cờ vua là trò giải trí phổ biến nhất, chỉ có duy nhất một phụ nữ, Vera Menchik, từng được coi là đạt trình độ đại kiện tướng.”

“Tại sao vậy?”

“Có thể vì cờ vua đòi hỏi mức độ thờ ơ với thế giới bên ngoài quá cao.” Ông dừng lại, đưa mắt nhìn Julia. “Cô Lola Belmonte này là người thế nào?”

Julia suy nghĩ một lát trước khi trả lời.

“Thực sự tôi không biết phải mô tả cô ta thế nào nữa. Không mấy dễ chịu. Có thể coi là hống hách. Hay gây gổ. Thật tiếc cô ta không có mặt ở nhà hôm ông cùng tôi tới đó.” Hai người đang đứng bên một đài phun nước bằng đá, trên cùng lơ mờ hình dáng một bức tượng đứng sừng sững đầy đe dọa phía trên đầu họ trong làn sương mù. Muñoz đưa tay lên vuốt tóc rồi nhìn vào hai lòng bàn tay ướt đẫm của ông trước khi chùi vào áo mưa.

“Hay gây hấn, cho dù bộc lộ ra ngoài hay ẩn kín trong nội tâm,” ông nói, “là tính cách của nhiều kỳ thủ.” Ông thoáng mỉm cười, không hề nói rõ liệu ông có đặt mình nằm ngoài nhận định đó hay không. “Và một kỳ thủ thường có xu hướng là một người đang tuyệt vọng hay bị chèn ép về mặt nào đó. Cuộc tấn công nhằm vào quân vua, cũng chính là mục đích trong cờ vua, đồng nghĩa với việc chống lại uy quyền, sẽ là một cách để giải thoát bản thân khỏi trạng thái đó. Từ góc nhìn này, với một phụ nữ, môn cờ vua có thể coi là đáng quan tâm.” Nụ cười thoáng qua lại vụt hiện lên trên môi ông. “Khi cô chơi cờ, những người khác dường như trở nên không đáng kể.”

“Ông có phát hiện ra điều gì giống như thế trong ván cờ đối thủ của chúng ta đang chơi không?”

“Một câu hỏi rất khó trả lời. Tôi cần nhiều thông tin hơn. Nhiều nước đi hơn. Chẳng hạn, phụ nữ thường thể hiện sự ưa thích đặc biệt với quân giám mục.” Khuôn mặt của Muñoz vụt trở nên sống động khi ông đi vào các chi tiết. “Tôi không rõ tại sao, nhưng những quân cờ này, cùng các nước đi chéo thật sâu của chúng, có lẽ mang nhiều chất nữ tính nhất trong các quân cờ.” Ông khoát tay như thể không mấy tin vào những lời vừa nói và đang cố xóa chúng khỏi không trung. “Nhưng cho tới lúc này hai quân giám mục đen vẫn chưa đóng vai trò quan trọng trong ván cờ. Như cô biết đấy, chúng ta có không ít lý thuyết hay ho song rốt cuộc lại chẳng dẫn tới đâu cả. Vấn đề của chúng ta chỉ đơn giản đúng như nó đặt ra trên bàn cờ: chúng ta chỉ có thể đưa ra những giả thiết trong trí tưởng tượng, đưa ra những phỏng đoán, mà không được chạm tới các quân cờ.”

“Vậy ông đã đi tới giả thiết nào chưa? Đôi lúc ông làm tôi có cảm giác ông đã đi tới những kết luận mà ông không muốn đã động đến với chúng tôi.”

Muñoz hơi nghiêng đầu sang một bên, như ông vẫn luôn làm thế mỗi khi đối diện với một câu hỏi khó.

“Chuyện này hơi rắc rối một chút,” ông trả lời sau một thoáng im lặng. “Tôi có trong đầu vài ý tưởng, nhưng vấn đề của tôi chính là điều tôi vẫn nói với cô. Trong cờ vua cô không thể chứng minh bất cứ điều gì cho tới khi đã thực hiện nước đi, và lúc đó cô không thể quay trở lại được nữa.”

Hai người tiếp tục bước đi giữa những băng ghế đá và hàng rào lờ mờ sau màn sương mù. Julia khẽ thở dài.

“Nếu từng có ai nói với tôi rằng một ngày kia tôi sẽ phải lần theo dấu vết của một người nhiều khả năng là kẻ sát nhân với sự trợ giúp của một bàn cờ, hẳn tôi sẽ nói với người đó rằng anh ta là một kẻ hoàn toàn mất trí.”

“Tôi từng nói với cô có rất nhiều mối liên hệ giữa cờ vua và công việc điều tra của cảnh sát.” Bàn tay của Muñoz làm động tác di chuyển các quân

cờ trong không khí. “Thậm chí trước thời của Conan Doyle, đã từng tồn tại phương pháp điều tra của nhân vật Dupin trong các tác phẩm do Poe viết.”

“Nhà văn Edgar Allan Poe ư? Đừng nói với tôi là ông ta cũng chơi cờ đấy.”

“Ồ, phải, ông ấy là người rất mê môn cờ vua. Từng có một chiếc máy chơi cờ tự động có tên Kỳ thủ Maelzel, nó hầu như không bao giờ thua ván nào. Poe viết một bài tiểu luận về nó vào khoảng năm 1830. Để tìm hiểu tới tận gốc rễ của bí ẩn, ông ấy đã thiết lập mười sáu cách phân tích tiếp cận và đi tới kết luận chắc chắn phải có một người nấp kín bên trong chiếc máy đó.”

“Và đó cũng là điều ông đang làm? Tìm kiếm kẻ đang nấp kín đó.”

“Tôi đang cố, nhưng chuyện đó chưa hứa hẹn được gì hết. Tôi không phải là Poe.”

“Tôi hy vọng ông thành công. Như thế chắc chắn sẽ có lợi cho tôi. Ông là hy vọng duy nhất của tôi.”

Muñoz nhún vai, không nói gì suốt một hồi lâu.

“Tôi không muốn cô hy vọng quá nhiều,” ông lên tiếng sau khi hai người đã đi thêm được một quãng nữa. “Khi tôi bắt đầu chơi cờ, có những lúc tôi cảm thấy chắc chắn tôi không thể nào thua, dù chỉ một ván. Rồi sau đó, trong trạng thái lâng lâng phấn khích, tôi bị đánh bại, và thất bại đó đưa tôi trở lại mặt đất.” Ông nheo mắt lại, tựa như có thể nhìn ra ai đó trong màn sương mù phía trước. “Luôn có ai đó giỏi hơn ta. Đó là lý do tại sao việc giữ cho bản thân mình trong trạng thái hoài nghi lành mạnh là điều rất hữu ích.”

“Trạng thái hoài nghi mà ông vừa nói đến, tôi thấy nó thật khủng khiếp.”

“Cô có lý do để nghi vậy. Cho dù một ván cờ có trở nên căng thẳng đến mức nào đi nữa, cả hai kỳ thủ đều biết đây là một trận chiến không đổ máu. Nói cho cùng, anh ta tự an ủi bản thân, nó cũng chỉ là một trò chơi... Nhưng trong trường hợp của cô thì không phải vậy.”

“Còn ông thì sao? Ông có nghĩ hẳn biết vai trò của ông trong chuyện này không?”

Đôi mắt Muñoz lại trở nên xa xăm.

“Tôi không rõ liệu hẳn có biết tôi là ai không. Nhưng chắc chắn hẳn biết có ai đó có khả năng giải mã được những nước cờ của hẳn. Nếu không, ván cờ hẳn lôi chúng ta vào sẽ hoàn toàn vô nghĩa.”

“Tôi nghĩ chúng ta cần đến gặp Lola Belmonte một chuyến.”

“Tôi đồng ý.”

Julia xem đồng hồ.

“Vì chúng ta cũng sắp tới chỗ tôi ở rồi, sao ông không lên uống một tách cà phê nhỉ? Menchu đang ở nhà tôi, và chắc lúc này bà ấy đã dậy rồi. Bà ấy đang gặp chút rắc rối.”

“Rắc rối nghiêm trọng lắm ư?”

“Có vẻ là thế, và tối qua bà ấy đã xử sự rất lạ lùng. Tôi cũng muốn ông gặp bà ấy... Nhất là lúc này.”

Họ băng qua đại lộ, chói mắt vì những chiếc đèn pha ô tô.

“Nếu tôi phát hiện ra Lola Belmonte đứng sau tất cả chuyện này,” Julia đột nhiên thốt lên, “tôi sẽ dùng chính hai bàn tay này bóp chết cô ta.”

Muñoz nhìn cô đầy ngạc nhiên.

“Giả sử lý thuyết về sự hung hãn của tôi là đúng,” ông nói, cô nhận ra ông đang quan sát mình với vẻ tôn trọng rất mới mẻ, “cô sẽ là một kỳ thủ xuất sắc nếu có lúc nào đó cô quyết định chơi cờ.”

“Tôi đã dính dáng tới nó rồi đấy,” Julia đáp, sầm soi nhìn đầy hiềm khích về phía những chiếc bóng đang lướt qua cạnh cô trong làn sương mù. “Cho tới giờ tôi đã chơi cờ được một thời gian rồi, và chẳng hề thấy có chút hứng thú nào cả.”



Cô tra chìa khóa vào ổ an toàn và xoay hai vòng. Muñoz đứng đợi bên cạnh cô ngoài lối đi. Ông đã cởi áo mưa ra, gập lại vắt lên tay.

“Nhà tôi đang bừa bộn lắm,” cô nói. “Sáng nay tôi không có thời gian dọn dẹp.”

“Đừng lo. Cà phê mới là thứ đáng quan tâm.”

Julia bước vào trong nhà, kéo bức rèm lớn che khung cửa sổ trời lên. Ánh sáng lờ mờ của một ngày sương mù rọi vào trong căn phòng, chiếu sáng không gian bằng thứ ánh sáng xám xịt không đủ để xua bóng tối ra khỏi những góc phòng xa nhất.

“Vẫn còn tối quá,” cô nói và vừa định bật công tắc chiếu sáng lên thì trông thấy cái nhìn trên khuôn mặt Muñoz. Một cảm giác hoảng hốt đột ngột bùng lên, cô hướng mắt trông theo cái nhìn của ông.

“Cô đã để bức tranh ở đâu?” ông hỏi.

Julia không trả lời. Cô cảm thấy như vừa có thứ gì đó vỡ bung ra bên trong cô, tận sâu thẳm bên trong, và cô đứng hoàn toàn bất động, hai mắt mở to hết cỡ, nhìn chăm chăm vào chiếc giá trống trơn.

“Menchu,” cuối cùng cô lẩm bẩm, cảm thấy như thể mọi thứ đang quay cuồng xung quanh mình. “Tối qua bà ấy vừa cảnh cáo tôi về chuyện này, chỉ có điều tôi đã không ngờ tới nó.”

Dạ dày cô co thắt lại, cô cảm thấy dường như có vị mật đắng ngắt trong miệng mình. Cô ngơ ngẩn nhìn Muñoz như người mất trí rồi chạy vội về phía buồng tắm, nhưng rồi, cảm thấy mình đang xiêu dần, cô dừng lại, tựa lưng vào khung cửa phòng ngủ. Và đúng lúc đó cô nhìn thấy Menchu. Bà đang nằm ngửa trên sàn nhà dưới chân giường. Chiếc khăn đã bị dùng để siết cổ

Menchu vẫn còn quàng nguyên quanh cổ bà. Váy của bà bị tọc ngược lên tận hông, và một cái chai bị nhét sâu đến tận cổ của mình Menchu.

HẬU, HIỆP SĨ, GIÁM MỤC

Không phải tôi đang chơi với những quân tốt trắng và đen vô hồn. Tôi đang chơi với những con người bằng xương bằng thịt.

_ Kịch tướng E. Lasker _

Mãi đến 7 giờ thăm phán mới ra lệnh chuyển thi thể đi, lúc đó trời đã tối hẳn. Suốt buổi chiều, ngôi nhà đông nghịt nhân viên cảnh sát và viên chức tòa án hết đến lại đi, những ánh chớp đèn flash liên tục nháy sáng ngoài hành lang và trong phòng ngủ. Cuối cùng, họ mang Menchu đi trên một chiếc cáng, đựng trong một chiếc bao ni lông màu trắng có khóa kéo, và tất cả những gì còn lại nhắc tới bà lúc này là một hình vẽ bằng phấn do bàn tay không mấy khéo léo của một viên cảnh sát khoanh lại, chính là anh chàng ngồi sau tay lái chiếc Ford màu xanh bị Julia chĩa súng vào tại chợ Rastro.

Thanh tra Feijoo là người cuối cùng rời đi; ông ta lưu lại hiện trường gần một giờ đồng hồ để hoàn tất các bản lời khai trước đó của Julia và Muñoz, và của cả César, ông đã tới nơi ngay khi biết tin. Viên cảnh sát, một người chưa bao giờ lại gần bàn cờ trong cả đời mình, hiển nhiên đang cực kỳ lúng túng. Ông ta không ngớt nhìn chăm chăm vào Muñoz như thể đang nhìn một con vật kỳ lạ, nhưng vẫn gật đầu với vẻ nghiêm nghị dè chừng trong lúc lắng nghe những giải thích mang tính chuyên môn của người kỳ thủ, đồng thời chốc chốc lại quay sang César và Julia như thể tự hỏi liệu tất cả những gì ông ta đang nghe có phải chỉ là một trò đùa nữa do ba người này bày ra không. Thịnh thoảng, viên thanh tra viết vài dòng ghi chú, đưa tay lên chỉnh chiếc cà vạt trên cổ rồi lại ném một cái nhìn của một người không hiểu nổi thứ mình đang nhìn vào lên những ký tự đánh máy trên tấm thẻ tìm thấy cạnh thi thể Menchu. Lời giải thích của Muñoz về những ký tự đó chỉ khiến Feijoo có thêm một cơn nhức đầu như búa bổ nữa. Điều thực sự khiến ông ta quan tâm, ngoài tính chất lạ lùng của toàn bộ tình huống này, là những chi tiết về cuộc

cãi vã giữa Menchu và anh chàng bạn trai của bà tối hôm trước. Và nguyên nhân của sự quan tâm này là vì – như các cảnh sát viên được cử đi điều tra đã báo cáo lại vào chiều hôm đó – Maximo Olmedilla Sanchez, hai mươi tám tuổi, độc thân, một người mẫu chuyên nghiệp, đã biến mất đi đâu không rõ. Thêm vào đó, hai nhân chứng, một tài xế taxi và một người gác cổng của tòa nhà đối diện, đã thấy một người đàn ông trẻ tuổi hoàn toàn phù hợp với mô tả nhân dạng của anh ta rời khỏi tòa nhà nơi Julia đang sống trong khoảng từ 12 giờ đến 12 giờ 15 phút ngày hôm đó. Theo báo cáo đầu tiên của bác sĩ pháp y, Menchu đã bị sát hại bằng cách siết cổ đến chết từ phía trước trong khoảng thời gian từ 11 giờ đến 12 giờ. Về chi tiết cái chai nhét vào cửa mình nạn nhân – một chai gin hiệu Beefeater cỡ lớn, gần như còn đầy ắp – mà Feijoo không ngớt nhắc đến hết lần này tới lần khác với ngôn từ không mấy tế nhị (như một cách trả đũa cho câu chuyện ngớ ngẩn về cờ vua mà ba người bị thẩm vấn đang cố nhét vào đầu ông ta), viên thanh tra coi nó như một bằng chứng vững chắc theo hướng mọi thứ đều dẫn tới khả năng một vụ án mạng do mâu thuẫn tình cảm. Nói cho cùng, người phụ nữ bị sát hại – viên thanh tra cau mày trưng ra một khuôn mặt nghiêm trang khá hợp cảnh, bày tỏ rõ ràng cảm nhận của ông ta là nhìn chung ở đời ai cũng sẽ nhận được những gì xứng đáng với họ – là một người, như cả Julia và César vừa mới giải thích, có đời sống tình dục khó có thể coi là đứng đắn. Còn về việc vụ án mạng này có liên quan thế nào tới cái chết của giáo sư Ortega, mối quan hệ đã quá rõ ràng, nếu tính tới chi tiết bức tranh đã biến mất. Viên thanh tra mạnh dạn đưa ra thêm vài lời lý giải nữa, đồng thời chăm chú lắng nghe những câu trả lời nhận được từ Julia, Muñoz và César cho những câu hỏi tiếp theo của mình, rồi cuối cùng chào tạm biệt họ, sau khi đã hẹn gặp ba người tại đồn cảnh sát vào sáng hôm sau.

“Về phần cô, *senorita*, cô sẽ không còn gì phải lo lắng nữa.” Viên thanh

tra dừng bước trên ngưỡng cửa, với vẻ đĩnh đạc của một nhân viên công quyền đang nắm toàn quyền kiểm soát tình hình. “Giờ chúng tôi đã biết cần tìm ai. Chúc cô ngủ ngon.”

Khi đã đóng cửa lại, Julia tựa lưng vào cánh cửa và đưa mắt nhìn hai người bạn của mình. Dưới đôi mắt lúc này đã khô của cô hiện rõ hai quầng thâm. Cô đã khóc rất nhiều, vì đau khổ và phẫn nộ, bị giày vò vì sự bất lực của chính mình. Ngay sau khi phát hiện ra thi thể của Menchu cô đã bật khóc trước mặt Muñoz, rồi sau đó, khi César tới, khuôn mặt tái nhợt nặng trĩu, vẻ kinh hoàng trước tin dữ vừa được biết hiện rõ trên mặt ông, cô đã ôm chầm lấy ông như từng làm khi còn nhỏ, những giọt nước mắt trở thành những cơn nức nở, và cô mất hết tự chủ, bấu chặt lấy César, trong khi ông chỉ biết thì thầm những lời an ủi vô nghĩa. Cô khóc không chỉ vì cái chết của một người bạn; đó còn là vì, cô nói, giọng cô vỡ vụn ra trong lúc những giọt nước mắt nóng hổi chảy thành dòng trên khuôn mặt, sự căng thẳng không tài nào chịu nổi trong mấy ngày vừa qua, cảm giác ê chề một cách rõ ràng rằng kẻ sát nhân đang đùa bỡn với tính mạng của họ mà không hề bị trừng phạt, với sự tự tin rằng hẳn có thể làm gì họ tùy thích.

Ít nhất cuộc thẩm vấn của cảnh sát cũng đem đến một hiệu quả tích cực: nó đã kéo cô trở lại thực tế. Sự ngu ngốc ương ngạnh của Feijoo trong việc nhất quyết từ chối không chịu nhìn nhận sự thật hiển nhiên đã rõ ràng rành, vẻ lịch sự vờ vĩnh của ông ta khi ra vẻ chấp nhận – trong khi chẳng hiểu gì hết, và cũng chẳng buồn cố gắng để hiểu – những lời giải thích chi tiết họ cung cấp cho ông ta về những gì đang xảy ra, đã củng cố thêm niềm tin của cô rằng cô chẳng thể trông mong gì từ đám cảnh sát. Cuộc gọi điện thoại của viên cảnh sát cho Max cùng việc tìm ra hai nhân chứng xác nhận cho ý tưởng của Feijoo, một giả thiết đặc sệt chất cảnh sát điển hình, rằng động cơ đơn giản nhất lại thường là hướng điều tra đúng nhất. Câu chuyện về ván cờ quả

là thú vị, tất nhiên rồi, một câu chuyện chắc hẳn sẽ bổ sung thêm đầy đủ chi tiết cho biến cố đáng buồn này. Nhưng nếu cân nhắc tới các bằng chứng xác thực của vụ việc, nó chỉ là một giai thoại bên lề. Chi tiết về cái chai chứng tỏ rõ ràng điều đó. Chỉ đơn thuần là tâm lý tội phạm. “Bởi vì, bất chấp những gì cô đọc được trong các cuốn tiểu thuyết trinh thám, *senorita*, bằng chứng không bao giờ lừa dối hết.”

“Giờ thì không còn gì để nghi ngờ về điều đó nữa,” Julia nói trong lúc cô vẫn còn có thể nghe thấy tiếng bước chân của viên thanh tra dưới cầu thang. “Alvaro đã bị sát hại, cũng giống như Menchu. Rõ ràng có kẻ nào đó đã dõng theo bức tranh từ lâu rồi.”

Muñoz đang đứng bên chiếc bàn và nhìn xuống mảnh giấy mà trên đó, ngay sau khi Feijoo đi khỏi, ông đã ghi lại nội dung của tấm thẻ tìm thấy bên thi thể nạn nhân. César ngồi trên xô pha, nơi Menchu đã ngủ tối hôm trước, ngơ ngẩn nhìn đăm đăm vào chiếc giá trống trơn. Khi nghe thấy những lời Julia nói, ông lắc đầu.

“Kẻ làm chuyện này không phải là Max,” ông nói. “Không thể có chuyện một thằng ngốc như hẳn ta có thể nghĩ ra toàn bộ trò này.”

“Nhưng anh ta đã ở đây. Ít nhất là ở trong tòa nhà này.”

César thừa nhận chứng cứ này, nhưng không có vẻ bị thuyết phục mấy.

“Chắc chắn phải có ai đó khác can dự vào. Nếu Max là kẻ trợ thủ được thuê, cứ tạm gọi thế đi, phải có ai đó khác giật dây đằng sau.” Ông từ tốn giơ một bàn tay lên, rồi gõ ngón trỏ lên trán. “Một kẻ rất có đầu óc.”

“Gã kỳ thủ bí hiểm. Và giờ hẳn đã thắng ván cờ.”

“Chưa đâu,” Muñoz nói, và hai người ngạc nhiên quay về phía ông.

“Hẳn đã có bức tranh,” Julia lên tiếng. “Nếu như thế không phải là thắng cuộc...”

Trong đôi mắt Muñoz ánh lên vẻ tập trung đến xuất thần; đôi tròng đen

dường như đang hướng ra ngoài không gian bốn bức tường của căn phòng, chăm chú nhìn vào nơi những khả năng tổ hợp phức tạp gặp gỡ nhau trong không gian toán học.

“Cho dù có bức tranh hay không, ván cờ vẫn tiếp tục,” ông nói, và đưa cho họ tờ giấy:

... Q x R

Qe7? – Qb3+

Kd4? – Pb7 x Pc6

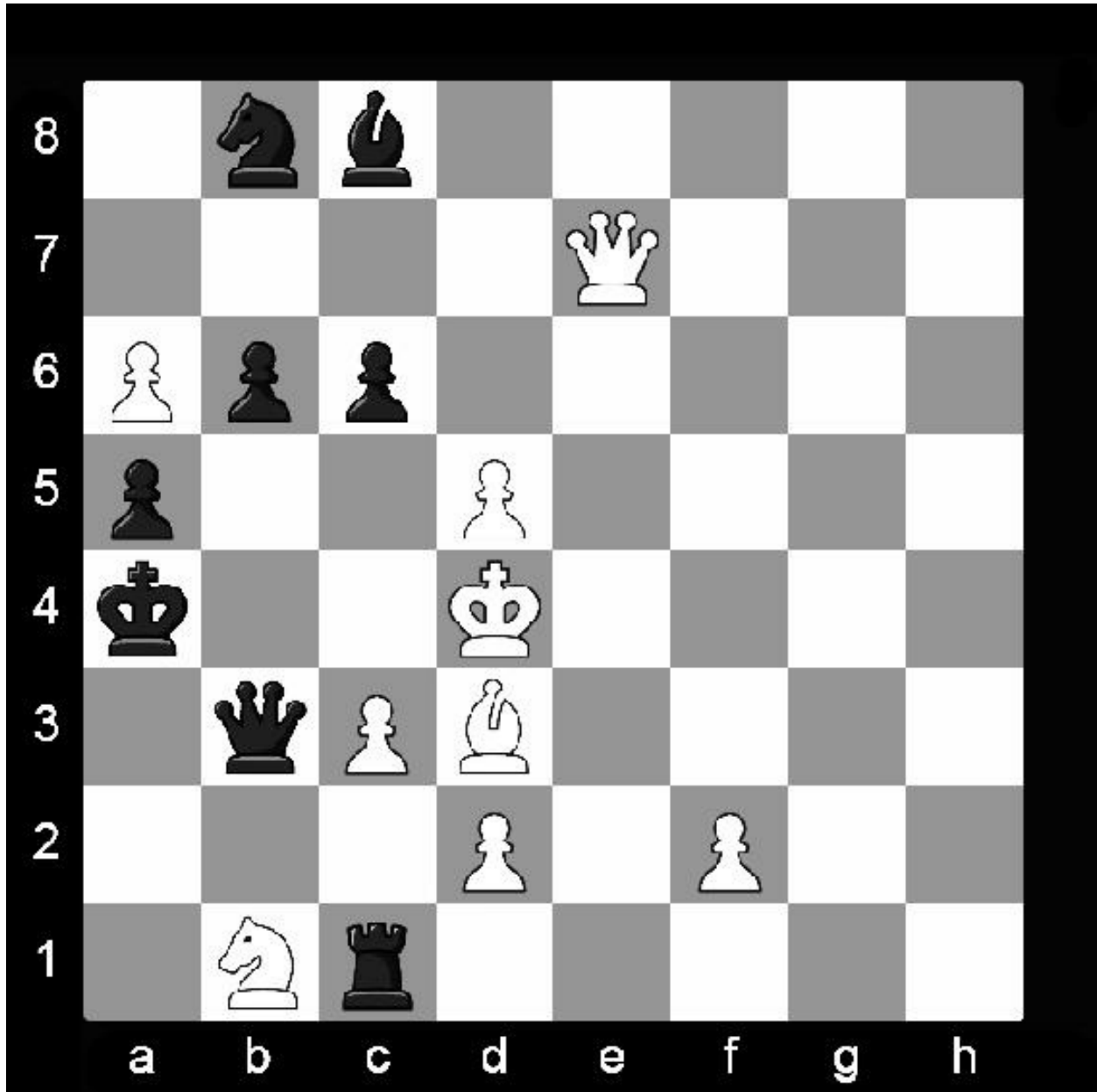
“Lần này,” ông nói thêm, “kẻ sát nhân không chỉ đưa ra một nước đi, mà là ba.” Ông cúi xuống chiếc áo mưa để lấy bộ cờ bỏ túi ra. “Nước đi đầu tiên đã rõ ràng: Q x R, tức là hậu đen ăn tháp trắng. Nước đi ăn quân tháp trắng thể hiện vụ sát hại Menchu Roch, cũng giống như việc trong ván cờ này hiệp sĩ trắng đại diện cho người bạn Alvaro của cô, và cho Roger de Arras trong bức tranh.” Muñoz xếp các quân cờ vào vị trí trong lúc ông nói. “Vì vậy, tính tới thời điểm này trong ván cờ, hậu đen mới ăn hai quân trắng. Và trên thực tế,” ông đưa mắt nhìn César và Julia, hai người cũng vừa tới bên để quan sát bàn cờ, “mỗi quân cờ đó tượng trưng cho một vụ án mạng. Đối thủ của chúng ta lấy quân hậu đen làm đại diện cho hãn; khi một quân đen khác ăn một quân trắng, như đã từng xảy ra cách đây hai nước đi, lúc chúng ta mất quân tháp đầu tiên, đã không có gì xảy ra. Ít nhất, theo như chúng ta biết cho tới lúc này.”

Julia chỉ vào tờ giấy.

“Tại sao ông lại thêm dấu chấm hỏi vào bên cạnh hai nước đi của quân trắng?”

“Tôi không thêm chúng vào đó. Chúng được ghi trên tấm thẻ; kẻ sát nhân đã tiên lượng trước chúng ta sẽ đi nước nào tiếp theo. Tôi đoán những dấu chấm hỏi đó là một lời đề xuất chúng ta thực hiện những nước đi đó, nếu các

người đi nước này, tôi sẽ đi nước này, hẳn đang nói với chúng ta như thế. Và nếu chúng ta làm như hãn đề xuất” – ông di chuyển một vài quân cờ – “ván cờ trông sẽ như thế này.”



“Như hai người có thể thấy, đã có những thay đổi quan trọng. Sau khi ăn quân tháp ở ô b2, quân đen lưỡng trước được nhiều khả năng chúng ta sẽ thực hiện nước đi tốt nhất có thể, có nghĩa là chuyển hậu trắng của chúng ta từ ô e1 tới ô e7. Nước đi này đem đến cho chúng ta một lợi thế: một tuyến tấn

công chèo đe dọa vua đen, lúc này khả năng di chuyển đã bị hạn chế rất nhiều do sự hiện diện của hiệp sĩ, giám mục và tốt trắng ở ngay gần nó. Giả thiết rằng chúng ta sẽ đi nước cờ vừa rồi, hậu đen sẽ di chuyển từ ô b2 sang ô b3 để hỗ trợ vua đen, đồng thời đe dọa chiếu vua trắng. Vua trắng không còn lựa chọn nào ngoài việc rút lui sang phải một ô, như trên thực tế chúng ta đã làm, rút từ ô c4 sang ô d4, ra ngoài tầm khống chế của hậu đen.”

“Đây là lần thứ ba hãn chiếu được vua của chúng ta,” César nói.

“Đúng thế. Và chúng ta có thể hiểu điều đó theo vài cách. Có thể là do bất quá tam chẳng hạn, vì đúng vào lần thứ ba hãn chiếu vua của chúng ta, kẻ sát nhân cũng đánh cắp được bức tranh. Tôi nghĩ tôi bắt đầu ít nhiều hiểu hãn. Kể cả gu hài hước lập dị của hãn.”

“Tiếp theo thì sao?” Julia hỏi.

“Sau đó quân đen ăn tốt trắng của chúng ta ở ô c6 bằng quân tốt đen đang ở ô b7. Nước cờ này được bảo vệ nhờ hiệp sĩ đen ở ô b8. Sau đó đến lượt chúng ta đi, nhưng đối thủ của chúng ta không đưa ra đề xuất nào trên tấm thẻ. Như thế hãn muốn nói những gì chúng ta sẽ làm tiếp theo hoàn toàn tùy thuộc vào chúng ta, không phụ thuộc vào hãn.”

“Và chúng ta sẽ làm gì đây?” César hỏi.

“Lựa chọn đúng đắn duy nhất: tiếp tục chơi với quân hậu trắng.” Ông nhìn Julia trong khi nói ra câu này. “Nhưng chơi bằng quân hậu cũng có nghĩa là chúng ta đang đối mặt với nguy cơ mất nó.”

Julia nhún vai. Tất cả những gì cô muốn là chấm dứt ván cờ quái đản này, cho dù có phải chịu rủi ro nào đi nữa.

“Vậy thì làm thế đi.”

César cúi người xuống bàn cờ, hai tay chắp sau lưng, như thể ông đang xem xét thật gần và thật kỹ lưỡng một món đồ sứ cổ có chất lượng đáng ngờ vức.

“Quân hiệp sĩ trắng đó, quân ở ô b1, trông cũng không có vẻ được an toàn cho lắm,” ông khẽ nói với Muñoz. “Ông có đồng ý là vậy không?”

“Tôi biết. Tôi không nghĩ quân đen sẽ cho nó được ở yên đó lâu. Sự hiện diện của nó, thông qua việc đe dọa đánh tập hậu quân đen, đem đến sự hỗ trợ chủ yếu cho cuộc tấn công bằng hậu trắng. Còn có cả giám mục trắng ở ô d3 nữa. Cả hai quân cờ nằm gần quân hậu này đều có thể đóng vai trò quyết định.”

Hai người đàn ông im lặng nhìn nhau, và Julia nhận ra sự thân thiện đang lớn dần giữa họ, một điều trước đó cô chưa hề thấy. Tựa như tinh thần đoàn kết chấp nhận đối mặt với hiểm nguy hiện lên trên khuôn mặt những người Sparta tại Thermopylae khi họ nghe thấy tiếng động của những chiếc chiến xa Ba Tư đang tới gần.

“Tôi sẵn sàng đánh đổi bất cứ điều gì để biết được chúng ta là những quân cờ nào,” César nói, đồng thời nhướn một bên mày. Môi ông nhếch lên. “Tôi hy vọng mình không phải là con ngựa đó.”

Muñoz đưa một ngón tay lên.

“Đó là một hiệp sĩ, hãy nhớ lấy. Một cái tên đáng trân trọng hơn nhiều.”

“Tôi chẳng mấy băn khoăn về cái tên.” César ngắm nhìn quân cờ với vẻ lo lắng hiện rõ. “Trông có vẻ như nó đang ở vào một vị trí đầy hiểm nguy, anh chàng hiệp sĩ của ông ấy.”

“Tôi đồng ý.”

“Theo ông thì nó là ông hay tôi?”

“Tôi không rõ.”

“Tôi thú thực tôi sẽ sẵn lòng nhận vai quân giám mục hơn.”

Muñoz trầm ngâm nghiêng đầu sang một bên, không hề rời mắt khỏi bàn cờ.

“Tôi cũng vậy. Nó đang ở một vị trí an toàn hơn quân hiệp sĩ.”

“Ý tôi chính là thế đấy, ông bạn thân mến.”

“Vây xin chúc ông may mắn.”

“Cũng xin chúc ông điều tương tự. Chúng ta sắp tiêu đời cả rồi.”

Sau đó là một hồi lâu im lặng, cuối cùng Julia phá vỡ nó khi lên tiếng nói với Muñoz.

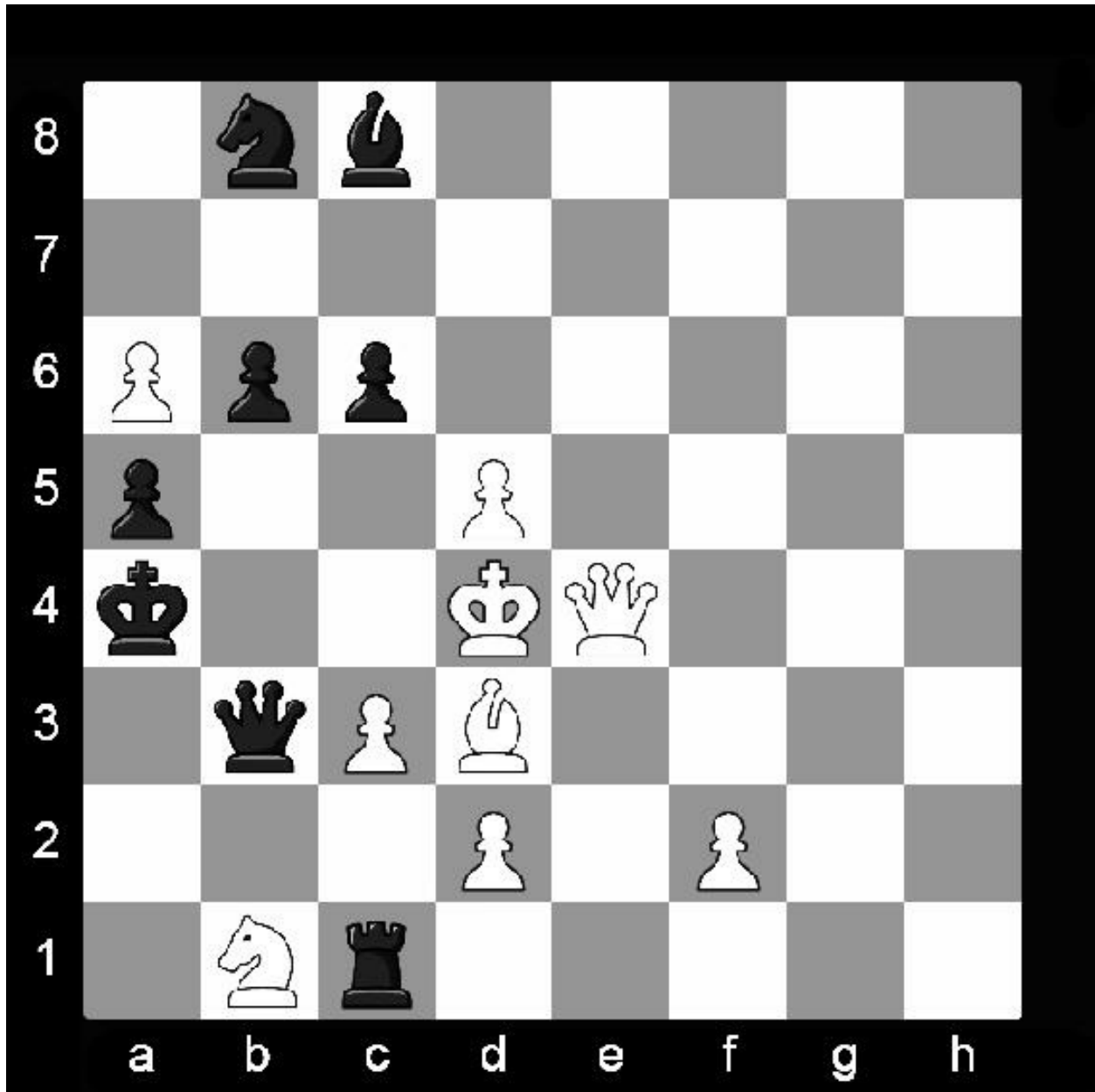
“Vì giờ đến lượt chúng ta đi, nước cờ tiếp theo của chúng ta là gì? Ông đã nhắc tới quân hậu trắng...”

Muñoz đưa mắt liếc qua bàn cờ. Mọi nước đi có thể đều đã được phân tích trong đầu ông.

“Ban đầu, tôi từng nghĩ tới việc ăn tốt đen ở ô c6 bằng quân tốt của chúng ta ở ô d5, nhưng làm thế sẽ đem lại cho đối thủ của chúng ta quá nhiều không gian để di chuyển. Vây nên chúng ta sẽ đi quân hậu của mình từ ô e7 tới ô e4. Đến nước tiếp theo, chúng ta chỉ cần đi quân vua của mình là chiếu được vua đen. Nước chiếu đầu tiên của chúng ta.”

Lần này César là người di chuyển quân hậu trắng, đặt nó vào ô mà Muñoz vừa nói, ngay cạnh vua trắng. Julia nhận thấy, mặc dù bề ngoài có vẻ bình thản, nhưng các ngón tay của ông vẫn hơi run rẩy.

“Đúng rồi,” Muñoz gật đầu. Và cả ba người cùng nhìn lại bàn cờ.



“Và hãn sẽ làm gì tiếp theo?” Julia hỏi.

Muñoz khoanh hai tay trước ngực, không rời mắt khỏi bàn cờ và cứ thế đứng im suy nghĩ. Khi ông trả lời, cô biết không phải vừa rồi ông đang cân nhắc các nước đi, mà chỉ đang xem có nên nói ra thành lời hay không mà thôi.

“Hãn có một số lựa chọn,” ông nói. “Một vài lựa chọn có vẻ đáng quan tâm hơn những lựa chọn khác. Và cũng nguy hiểm hơn. Từ thời điểm này trở

đi, ván cờ sẽ rẽ sang một số hướng khác nhau. Ít nhất cũng có tới bốn biến thể. Một số trong chúng nhiều khả năng sẽ lôi chúng ta vào một ván cờ kéo dài và phức tạp, mà rất có thể đây chính là toan tính của hắn. Trong khi đó, theo những biến thể còn lại, ván cờ có thể sẽ kết thúc sau bốn hay năm nước đi.”

“Ông đang nghĩ tới biến thể nào?” César hỏi.

“Lúc này tôi chưa muốn đưa ra nhận định. Giờ đang tới lượt quân đen đi.”

Ông nhặt các quân cờ lên, gấp bàn cờ lại và cho vào áo mưa. Julia nhìn ông, ít nhiều cảm thấy tò mò.

“Điều ông mới nói lúc nãy thật kỳ lạ, ý tôi muốn nói tới gu hài hước của gã sát nhân. Khi ông nói rằng ông cũng bắt đầu hiểu về nó ấy. Chẳng lẽ ông thực sự thấy có điều gì hài hước trong chuyện này sao?”

“Cô có thể gọi là hài hước, hay mỉa mai nếu cô thích cách gọi này hơn,” ông nói. “Nhưng đối thủ của chúng ta thích bỡn cợt, điều này là không thể phủ nhận.” Ông đặt một bàn tay lên tờ giấy để trên mặt bàn. “Có một điều rất có thể cô chưa nhận ra. Khi sử dụng các ký tự $Q \times R$, kẻ sát nhân liên hệ cái chết của bạn cô với quân tháp bị hậu đen ăn. Họ của Menchu là Roch, đúng vậy không? Và từ đó, cũng giống như tên gọi gốc của quân tháp*, đều bắt nguồn từ từ ‘rock’.”



“Cảnh sát có tới đây sáng nay.” Lola Belmonte ném về phía Julia và Muñoz một cái nhìn đầy vẻ khó chịu, như thể cô ta cho là họ phải chịu trách nhiệm trực tiếp về cuộc viếng thăm phiền hà đó. “Tất cả...” cô ta tìm kiếm vô vọng một từ vừa ý, rồi quay sang ông chồng cầu cứu.

“Rất khó chịu,” Alfonso nói, sau đó anh ta lại tiếp tục chăm chú ngắm nghía ngực Julia một cách lộ liễu không giấu giếm. Có thể thấy rõ, cho dù có bị cảnh sát quấy rầy hay không, anh ta cứ chỉ mới vừa bò ra khỏi giường. Những quầng thâm xít dưới đôi mắt vẫn còn sưng húp càng tô đậm thêm bộ dạng chơi bời phóng đãng thường thấy của anh ta.

“Còn tồi tệ hơn thế nữa.” Cuối cùng Lola Belmonte cũng tìm ra từ cô ta muốn dùng và nhô thân hình xương xẩu của mình ra trước từ trên ghế ngồi. “Chuyện này thật nhục nhã. Cô có thể tưởng tượng ra không? Ai đó dám cả gan nghĩ chúng tôi là những tên tội phạm.”

“Và chúng tôi không phải vậy,” chồng cô ta nói với vẻ nghiêm túc đầy mỉa mai.

“Đừng ngốc thế.” Lola Belmonte dành cho ông chồng một cái nhìn hằn học. “Đây là chuyện nghiêm túc.”

Alfonso bật ra một tràng cười ngắn.

“Chỉ phí thời gian vô ích. Tất cả những gì đáng bận tâm là bức tranh đã biến mất, và cùng với nó tiền của chúng tôi cũng bốc hơi.”

“Tiền của tôi chứ, anh Alfonso,” Belmonte lên tiếng từ chiếc xe lăn của ông, “nếu anh không thấy phiền.”

“Chỉ là một cách nói thôi mà, bác thân mến.”

“Được thôi, nhưng sau này hãy nói năng cho chính xác vào.

Julia khẽ khuấy tách của cô. Cà phê đã nguội ngắt, và cô tự nhủ liệu có phải cô cháu gái ông chủ nhà đã cố tình mời khách như thế hay không. Hai người đã tìm tới đây không báo trước vào cuối buổi sáng, lấy cớ thông báo các biến cố vừa xảy ra cho gia đình biết.

“Cô có nghĩ người ta sẽ tìm thấy bức tranh không?” ông già chủ nhà hỏi. Ông đón tiếp họ trong lúc ăn mặc thoải mái với một chiếc áo len dài tay và đi dép lê, nhưng kèm theo là thái độ thân thiện bù đắp cho vẻ mặt sưng mày sía

của cô cháu gái. Lúc này ông đang vô cùng phiền muộn. Tin về vụ trộm tranh và việc Menchu bị sát hại đã khiến ông choáng váng cực độ.

“Cảnh sát đang tích cực điều tra,” Julia nói. “Tôi tin chắc họ sẽ tìm thấy nó.”

“Tôi hiểu luôn có thị trường chợ đen dành riêng cho các tác phẩm nghệ thuật. Và những kẻ đánh cắp có thể bán nó ra nước ngoài.”

“Phải, đúng là vậy, nhưng cảnh sát có trong tay các tấm ảnh chụp, chính tôi đã cung cấp cho họ một số tấm ảnh. Sẽ không dễ gì mang được bức tranh ra khỏi đất nước đâu.”

“Tôi không hiểu bọn chúng làm cách nào mà đột nhập được vào căn hộ của cô. Cảnh sát cho tôi biết tại đó có lắp khóa an ninh và hệ thống báo động điện tử.”

“Có thể Menchu đã mở cửa. Đối tượng nghi vấn chủ yếu là Max, bạn trai của bà ấy. Có các nhân chứng đã nhìn thấy anh ta rời khỏi tòa nhà theo lối ra phố.”

“Chúng tôi đã gặp anh chàng bạn trai,” Lola nói. “Anh ta từng đến đây cùng bà ấy. Một anh chàng cao ráo, đẹp mã. Tôi nghĩ là quá đẹp mã... tôi hy vọng người ta sẽ sớm tóm được hắn và dành cho hắn những gì hắn đáng phải nhận. Còn về phần chúng tôi” – cô ta nhìn lên khoảng trống trên tường – “mất mát là không thể bù đắp.”

“Ít nhất em có thể đòi tiền bảo hiểm,” ông chồng cô ta nói, đồng thời mỉm cười với Julia. “Nhờ quý cô trẻ tuổi đáng mến đây đã nhìn xa trông rộng...” Anh ta dường như đột ngột nhớ ra bối cảnh hiện tại, khuôn mặt lại trở lại nghiêm chỉnh một cách rất hợp phép xã giao. “Cho dù, tất nhiên rồi, điều đó không thể giúp bạn cô sống lại.”

Lola Belmonte hẳn học nhìn Julia.

“Sẽ thực sự quá sức chịu đựng nếu, ngoài tất cả những gì vừa xảy ra, bọn

họ lại quên mất chuyện mua bảo hiểm cho bức tranh.” Cô ta chìa môi dưới ra đầy khinh miệt. “Nhưng *senor* Montegrifo nói rằng nếu so sánh với mức giá bức tranh có thể đạt được khi bán đấu giá, khoản tiền bảo hiểm chỉ là một món còm cõi thảm hại.”

“Cô đã nói chuyện với Paco Montegrifo rồi sao?” Julia hỏi.

“Phải. Ông ấy đã gọi điện thoại tới sáng sớm hôm nay. Ông ấy gần như đã dựng chúng tôi dậy để báo tin. Chính vì thế chúng tôi đã biết đầy đủ mọi chuyện khi cảnh sát tới đây. Ông ấy quả là một quý ông.” Cô cháu vị chủ nhà nhìn chồng mình với vẻ thù ghét ra mặt. “Tôi đã luôn nói rằng vụ làm ăn này khởi đầu rất tệ mà.”

Alfonso làm một cử chỉ tỏ thái độ anh ta chối bỏ toàn bộ trách nhiệm trong vụ làm ăn đang được nói đến.

“Khoản tiền bà Menchu tội nghiệp đề xuất cũng không hề tồi,” anh ta nói. “Không phải lỗi của tôi nếu sau đó mọi thứ trở nên rắc rối. Hơn nữa, bác luôn là người có tiếng nói cuối cùng.” Anh ta nhìn Belmonte với vẻ kính trọng thái quá. “Có phải vậy không ạ?”

“Về việc đó thì tôi không dám chắc,” cô cháu gái lên tiếng.

Belmonte đưa mắt nhìn Julia trong lúc cầm chiếc tách đưa lên môi, và cô nhận ra trong đôi mắt ông vẻ kiềm chế mà giờ đây cô đã quá quen thuộc.

“Bức tranh vẫn đứng tên bác, Lolita ạ,” ông nói, sau khi cẩn thận lau môi bằng một chiếc khăn mùi soa vo tròn. “Cho dù tốt hay xấu, bị mất cắp hay không, nó là mối bận tâm riêng của bác.” Khi đôi mắt ông bắt gặp mắt Julia lần nữa, trong đó hiện rõ vẻ đồng cảm chân thành. “Còn về phần quý cô trẻ tuổi đây” – ông mỉm cười động viên, như thể lúc này chính cô là người cần phải phấn chấn lên – “bác tin chắc những gì cô ấy đã làm trong chuyện này là không thể chê trách được.” Ông chủ nhà quay sang Muñoz, người vẫn chưa nói lời nào. “Ông có đồng ý vậy không?”

Muñoz ngồi xuống một chiếc ghế bành, hai chân duỗi dài ra, các ngón tay đan vào nhau tựa dưới cằm. Khi nghe thấy câu hỏi, ông hơi chớp mắt và nghiêng đầu sang một bên, như thể vị chủ nhà vừa làm gián đoạn giữa chừng một dòng suy tưởng phức tạp của vị kỳ thủ.

“Chắc chắn rồi,” ông nói.

“Có phải ông vẫn tin bất cứ bí ẩn nào cũng có thể được giải mã nhờ sử dụng các quy luật toán học?”

“Đương nhiên.”

Đoạn trao đổi ngắn làm Julia nhớ ra một điều.

“Hôm nay Bach không hề xuất hiện,” cô nói.

“Sau những gì xảy đến với bạn cô cùng việc bức tranh biến mất, hôm nay không phải là ngày dành cho âm nhạc.” Belmonte có vẻ đang đắm chìm trong suy nghĩ, rồi sau đó mỉm cười đầy bí hiểm. “Dẫu sao đi nữa, im lặng cũng quan trọng không kém gì các giai điệu có cấu trúc. Ông có đồng ý thế không, *senor* Muñoz?”

Ít nhất lần này Muñoz cũng tỏ ra nhất trí.

“Hoàn toàn nhất trí,” ông đáp, một lần nữa lại tỏ ra hứng thú. “Tôi nghĩ điều đó cũng giống như những tấm phim âm bản vậy. Hậu cảnh, thứ có vẻ không được phơi bày, cũng chứa đựng thông tin. Có phải đó là điều diễn ra với các bản nhạc của Bach không?”

“Tất nhiên rồi. Bach sử dụng những khoảng trống, những khoảnh khắc im lặng cũng giàu ý nghĩa như những nốt nhạc, nhịp độ và các tiết tấu nhấn lạch. Mà ông có đưa việc nghiên cứu các khoảng trống vào các hệ thống suy luận của mình không vậy?”

“Đương nhiên. Điều đó cũng giống như thay đổi cách nhìn của ông vậy. Đôi khi việc đó cũng giống như nhìn vào một khu vườn vậy, nếu nhìn từ một góc, sẽ không thấy bất cứ trật tự rõ rệt nào, song cũng khu vườn đó, nhìn từ

một góc phối cảnh khác, lại hiện ra với bố cục hình học cân xứng.”

“Tôi e rằng,” Alfonso lên tiếng, đồng thời ném về phía hai người một cái nhìn giễu cợt, “lúc này tôi khó mà tiêu hóa được một cuộc tọa đàm khoa học kiểu này.” Anh ta đứng dậy tới chỗ quầy bar. “Có ai muốn uống gì không?”

Không ai trả lời. Sau một cái nhún vai, anh ta rót cho mình một ly whisky, tựa vào chiếc tủ ly rồi giơ ly lên hướng về phía Julia.

“Một khu vườn ư? Tôi thích chủ đề này,” anh ta nói rồi nhấp một ngụm rượu.

Muñoz không có vẻ gì nghe thấy câu nhận xét, lúc này đang quan sát Lola Belmonte. Giống như một thợ săn đang ẩn mình chờ đợi, chỉ có đôi mắt ông dường như còn sức sống, với cái nhìn trầm tư, sắc sảo đã trở nên quá quen thuộc với Julia, bằng chứng duy nhất cho biết đằng sau vẻ ngoài thờ ơ là một trí tuệ tinh táo đang chăm chú quan sát các biến cố diễn ra ở thế giới bên ngoài. Ông chuẩn bị ra đòn, Julia không khỏi hài lòng thầm nghĩ, đồng thời uống một hớp thứ cà phê nguội ngắt trong tách nhằm giấu đi nụ cười đang lộ rõ trên môi cô, nụ cười của người biết trước chuyện gì sắp xảy ra.

“Tôi có thể hình dung,” Muñoz chậm rãi nói với Lola, “chuyện này cũng là một tổn thất nặng nề với cả cô nữa.”

“Tất nhiên là thế rồi.” Lola dành cho bác cô ta một cái nhìn còn nặng mùi oán hận hơn. “Bức tranh đó đáng giá cả một gia tài.”

“Tôi không chỉ muốn nói tới khía cạnh kinh tế của sự việc. Tôi tin rằng cô từng thử chơi ván cờ được vẽ trong tranh. Cô có thích chơi cờ vua không?”

“Cũng tương đối.”

Chồng Lola giơ chiếc ly của anh ta lên.

“Cô ấy chơi rất giỏi. Tôi chưa bao giờ thắng được cô ấy.” Anh ta nháy mắt rồi uống một hơi dài. “Mà chuyện đó thì cũng chẳng có gì đáng nói mấy.”

Lola đang nhìn Muñoz với vẻ ít nhiều nghi ngờ. Cô ta, Julia thầm nghĩ, có

vẻ vờ bảo thủ vừa tham lam, điều đó thể hiện rõ qua chiếc váy dài thái quá, hai bàn tay xương xẩu như có móng vuốt, đôi mắt luôn nhìn chăm chăm cùng với chiếc mũi điều hâu và cái cằm hung hãn. Julia nhận thấy những sợi gân trên mu bàn tay Lola luôn căng lên rồi chùng xuống liên tục như thể đầy ắp năng lượng bị dồn nén. Một tác phẩm thể thảm của tạo hóa, Julia thầm nghĩ, một người phụ nữ cay nghiệt, ngạo mạn. Chẳng khó để hình dung cảnh cô ta tung ra khắp nơi những chuyện ngòi lê đôi mách đầy ác ý, trút lên người khác chính những rắc rối và thất vọng cô ta gặp phải. Một tính cách bị bó buộc, bị đè nén bởi chính hoàn cảnh sống của cô ta, cách phản ứng duy nhất với quyền lực bên ngoài là, nói theo ngôn ngữ cờ vua, tấn công vào quân vua; độc ác và đầy toan tính, cô ta luôn tìm cách tính sổ với điều gì đó hay với ai đó, với bác mình, với chồng mình, có lẽ thế. Mà cũng có khi với cả thế giới. Bức tranh dường như đã trở thành nỗi ám ảnh của một đầu óc bệnh hoạn, cố chấp. Và hai bàn tay gầy guộc luôn trong trạng thái kích động kia hẳn nhiên đủ mạnh mẽ để giết người với một cú đánh vào sau gáy, để siết cổ ai đó đến chết với một chiếc khăn lụa. Julia không khó để hình dung cô ta với một cặp kính đen và một chiếc áo mưa. Tuy vậy, cô không thể thiết lập được bất kỳ mối liên hệ nào giữa cô ta và Max. Như thế sẽ chẳng khác gì đẩy mọi thứ tới tận cùng của sự phi lý.

“Quả là hiếm có,” Muñoz nói, “khi gặp được một phụ nữ thích chơi cờ vua.”

“Vậy ư, tôi có chơi đấy.” Lola Belmonte dường như trở nên cảnh giác, thủ thế. “Ông không tán thành chẳng?”

“Trái lại. Tôi hoàn toàn ủng hộ. Trên bàn cờ cô có thể làm những điều mà trên thực tế, ý tôi muốn nói là trong cuộc sống thực, là không thể. Cô có đồng ý đúng là như vậy không?”

Một cái nhìn ngờ vực thoáng hiện lên trên khuôn mặt Lola.

“Có thể lắm. Với tôi nó chỉ đơn giản là một trò chơi. Một thú vui.”

“Một trò chơi mà cô rất có năng khiếu, tôi tin là vậy. Song tôi vẫn cho rằng rất hiếm gặp một phụ nữ chơi cờ vua giỏi.”

“Phụ nữ hoàn toàn có khả năng làm bất cứ điều gì. Còn việc họ có được cho phép làm hay không lại là chuyện khác, tất nhiên rồi.”

Muñoz nở một nụ cười động viên.

“Có phải cô thích chơi quân đen không? Chúng thường có xu hướng bị hạn chế trong vai trò phòng ngự. Nói chung thường quân trắng hay chiếm thế chủ động.”

“Thật ngớ ngẩn! Tôi không thấy tại sao quân đen lại chỉ có thể ngồi im nhìn mọi thứ diễn ra. Chẳng khác gì một bà nội trợ bị mắc kẹt trong nhà.” Cô ta đưa mắt nhìn ông chồng đầy khinh bỉ. “Dường như ai cũng cho rằng đương nhiên chỉ có đàn ông mới được nắm thế chủ động.”

“Không đúng vậy sao?” Muñoz hỏi, nụ cười nửa miệng vẫn giữ trên môi. “Chẳng hạn như ván cờ trong bức tranh, tình thế của ván cờ dường như có lợi cho quân trắng. Vua đen đang bị đe dọa nghiêm trọng. Và, thoát đầu, quân hậu đen không thể làm được gì.”

“Trong ván cờ đó, vua đen chẳng có gì đáng kể; quân hậu mới là quân cờ làm nên mọi chuyện. Đó là một ván cờ trong đó hậu và các quân tốt đem về chiến thắng.”

Muñoz thò tay vào túi lấy ra một tờ giấy.

“Cô đã bao giờ chơi qua biến thể này chưa?”

Lola Belmonte, với vẻ bối rối rõ rệt, ban đầu nhìn ông, sau đó nhìn xuống tờ giấy ông vừa đưa cho cô ta. Muñoz đưa mắt lướt quanh phòng cho tới khi, như thể hoàn toàn tình cờ, đôi mắt ông dừng lại ở Julia. Cái nhìn của cô đáp lại ông như muốn nói, “diễn tốt lắm”, nhưng vẻ mặt Muñoz vẫn không biểu lộ bất cứ cảm xúc nào.

“Có, tôi nghĩ tôi đã từng chơi qua,” Lola nói sau một hồi im lặng. “Quân trắng hoặc ăn một tốt hoặc di chuyển hậu tới cạnh vua, sẵn sàng chiếu trong nước đi tiếp theo.” Cô cháu gái ông chủ nhà nhìn Muñoz với vẻ hài lòng, “ở đây, quân trắng đã chọn di chuyển hậu, có vẻ là một lựa chọn đúng đắn.”

Muñoz gật đầu.

“Tôi đồng ý. Nhưng tôi quan tâm nhiều hơn tới nước đi tiếp theo của quân đen. Cô sẽ làm gì?”

Lola nheo mắt đầy vẻ nghi ngờ. Cô ta có vẻ đang tìm kiếm động cơ ẩn sau câu hỏi. Rồi cô ta trả tờ giấy lại cho Muñoz.

“Tôi chơi ván cờ này cách đây cũng lâu rồi, nhưng tôi có thể nhớ ít nhất bốn biến thể: tháp đen ăn hiệp sĩ trắng, mở đường cho quân trắng giành chiến thắng một cách nhạt nhẽo nhờ vào tốt và hậu. Một khả năng nữa, theo tôi, là quân hiệp sĩ ăn quân tốt. Sau đó là khả năng giám mục ăn tốt. Số lượng các khả năng là vô tận. Nhưng tôi không thấy việc này có liên quan tới bất cứ chuyện gì cả.”

“Nhưng cô sẽ làm gì,” Muñoz kiên quyết hỏi, phớt lờ sự phản đối của Lola, “để đảm bảo quân đen sẽ giành phần thắng? Tôi muốn được biết, giữa hai người chơi cờ với nhau, vào thời điểm nào quân đen giành được lợi thế.”

Lola Belmonte trông có vẻ tự đắc.

“Chúng ta có thể chơi ván cờ bất cứ lúc nào ông muốn. Khi đó ông sẽ thấy thôi.”

“Tôi cũng muốn vậy và rất trông đợi ở cô. Nhưng còn một biến thể cô vẫn chưa nhắc đến, có lẽ vì cô đã quên. Một biến thể liên quan tới việc đổi hậu.” Ông phác một cử chỉ nhanh với bàn tay của mình, như thể gạt hết quân cờ ra khỏi một bàn cờ tưởng tượng. “Cô có biết tới biến thể tôi đang nhắc đến không?”

“Tất nhiên. Khi hậu đen ăn quân tốt ở ô d5, việc đổi hậu là không thể tránh

khỏi.” Nói đến đây, trên khuôn mặt cô ta bùng lên vẻ đắc thắng tàn nhẫn. “Và quân đen thắng.” Đôi mắt ác là của cô ta khinh khỉnh nhìn về phía ông chồng trước khi quay sang Julia. “Thật tiếc là cô lại không chơi cờ, *senorita*.”



“Ông nghĩ thế nào?” Julia hỏi ngay sau khi hai người ra tới ngoài đường.

Muñoz hơi nghiêng đầu sang một bên. Đôi môi ông khẽ mím lại, cái nhìn lang thang lơ đãng lướt qua khuôn mặt của những người qua đường. Julia nhận ra dường như ông không muốn trả lời.

“Về mặt kỹ thuật,” cuối cùng ông cũng lên tiếng, “hoàn toàn có thể là cô ta. Cô ta biết mọi khả năng biến thể của ván cờ và chơi cờ cũng giỏi nữa. Rất giỏi, tôi phải công nhận là vậy.”

“Nhưng trông ông không có vẻ bị thuyết phục về khả năng này.”

“Chỉ là có một số chi tiết không ăn khớp.”

“Nhưng cô ta rất giống với những gì chúng ta nghĩ về hãn. Cô ta biết tường tận về ván cờ trong bức tranh. Cô ta đủ khỏe để giết một người đàn ông hay một phụ nữ, và có điều gì đó bất ổn ở người phụ nữ này, điều gì đó khiến người ta cảm thấy khó chịu khi cô ta có mặt.” Cô cau mày, cố tìm ra từ phù hợp để hoàn tất bản mô tả. “Cô ta có vẻ là một người xấu xa. Hơn nữa, vì một vài lý do nào đó tôi không sao hiểu nổi, cô ta đặc biệt có ác cảm với tôi. Và điều đó, nếu chúng ta buộc phải coi những gì cô ta nói là nghiêm chỉnh, bất chấp thực tế rằng tôi là những gì một phụ nữ nên trở thành: độc lập, không có bất cứ mối ràng buộc gia đình nào, với sự tự tin nhất định... Hiện đại, như *don Manuel* hãn sẽ nói.”

“Có lẽ chính vì thế mà cô ta ghét cô. Vì cô là hiện thân của người phụ nữ

mà cô ta muốn trở thành nhưng không thể. Tôi không nhớ lắm về những câu chuyện mà cô và César có vẻ rất tâm đắc, nhưng dường như tôi nhớ cuối cùng mục phù thủy trở nên căm ghét chiếc gương*.”

Bất chấp tình cảnh u ám hiện tại, Julia vẫn phải bật cười. “Có thể lắm. Tôi chưa bao giờ nghĩ tới khả năng này.”

“Được thôi, vậy giờ cô đã biết rồi đấy.” Muñoz cũng mỉm cười nửa miệng. “Tốt nhất trong vài ngày tới cô nên tránh xa những quả táo ra.”

“Và tôi cũng có các hoàng tử của mình. Ông và bác César. Giám mục và hiệp sĩ. Không phải vậy sao?”

Muñoz không còn mỉm cười nữa.

“Đây không phải là trò chơi, Julia,” ông nói. “Đừng quên điều đó.”

“Tôi không quên đâu,” cô nói và cầm lấy tay ông. Rất khó nhận ra, nhưng Muñoz đã cứng người lại. Có vẻ ông không được thoải mái, nhưng cô vẫn nắm lấy tay ông trong khi họ bước đi. Thực ra, cô đã dần dần ngưỡng mộ người đàn ông lạ lùng, vụng về và lặng lẽ này. Sherlock Muñoz và Julia Watson, cô thầm nghĩ, đột nhiên trở nên tràn đầy lạc quan đến thái quá, một cảm xúc chỉ bớt dần khi cô nhớ về Menchu.

“Ông đang nghĩ gì thế?” cô hỏi Muñoz.

“Về cô cháu gái.”

“Tôi cũng vậy. Sự thực, cô ta chính xác là thứ mà chúng ta đang tìm kiếm. Cho dù ông không đồng ý.”

“Tôi đâu nói cô ta không thể là người phụ nữ mặc áo mưa, chỉ là tôi không thể hình dung ra cô ta là gã kỳ thủ bí ẩn.”

“Nhưng lại có những chi tiết ăn khớp hoàn hảo. Ông không thấy lạ sao khi một phụ nữ hám lợi đến thế, chỉ vài giờ sau khi xảy ra vụ mất cắp một bức tranh rất giá trị, lại có thể đột nhiên quên biến sự bực bội của mình và bắt đầu bình thản nói về cờ vua?” Julia buông tay Muñoz ra rồi nhìn ông. “Hoặc cô ta

là một ả đạo đức giả, hoặc cờ vua có ý nghĩa với cô ta hơn nhiều so với những gì ông nghĩ. Mà trong cả hai trường hợp, cô ta đều đáng ngờ. Cô ta có thể đã đóng kịch từ đầu đến cuối. Từ lúc Montegrifo thông báo, cô ta có thừa đủ thời gian để chuẩn bị cho mình thứ mà chắc ông sẽ gọi là một tuyến phòng ngự, dựa trên giả thiết cảnh sát rồi sẽ thẩm vấn cô ta.”

Muñoz gật đầu.

“Đúng là cô ta có thể như vậy. Nói cho cùng, cô ta là một kỳ thủ. Và một kỳ thủ biết cách sử dụng một số nguồn lực có trong tay như thế nào. Nhất là khi cần thoát ra khỏi những tình huống khó khăn.”

Ông im lặng bước đi một hồi, mặt cúi xuống nhìn chăm chăm vào mũi giày. Rồi ông ngẩng lên và lắc đầu.

“Tôi vẫn không nghĩ hẳn là cô ta,” cuối cùng ông lên tiếng. “Tôi luôn nghĩ mình sẽ cảm nhận thấy điều gì đó đặc biệt khi đối diện với ‘hắn’. Nhưng lúc đó tôi đã không cảm thấy gì cả.”

“Ông có bao giờ nghĩ mình đã lý tưởng hóa kẻ thù quá nhiều không?” Julia hỏi. “Có thể nào vì vỡ mộng trước tình hình thực tế, ông chỉ đơn giản là không muốn chấp nhận sự thật không?”

Đôi mắt của Muñoz nheo lại không thể hiện bất cứ cảm xúc nào.

“Tôi đã nghĩ tới điều này rồi,” ông lẩm bẩm, nhìn cô với cái nhìn mơ hồ quen thuộc của mình. “Và tôi không chối bỏ khả năng đó.”

Bất chấp câu trả lời ngắn gọn của Muñoz, Julia biết vẫn còn điều gì đó. Trong sự im lặng của người kỳ thủ, trong cách ông nghiêng đầu sang bên nhìn mà như thể không hề trông thấy cô, chìm đắm trong các ý nghĩ ông giữ lại cho riêng mình, cô cảm thấy chắc chắn còn điều gì đó nữa, không liên quan gì tới Lola Belmonte, đang nung nấu trong đầu ông.

“Còn gì nữa sao?” cô hỏi, không thể nén được sự tò mò. “Có phải ông đã tìm ra được điều gì mà chưa cho tôi biết không?”

Muñoz từ chối trả lời.



Hai người ghé qua cửa hiệu của César và kể cho ông nghe các chi tiết của cuộc gặp. Ông đang bồn chồn đợi họ và hồi hả lao tới chào đón hai người ngay khi nghe tiếng chuông cửa vang lên.

“Bọn họ đã bắt được Max. Sáng nay, tại sân bay. Cảnh sát gọi điện tới cách đây nửa giờ. Hẳn ta đang ở đồn cảnh sát tại Paseo del Prado, Julia. Và hẳn ta muốn gặp cháu.”

“Sao lại là cháu?”

César nhún vai như để nói, mặc dù ông có thể biết rất nhiều về đồ sứ Trung Hoa hay hội họa thế kỷ 19, nhưng vấn đề liên quan đến tâm lý của đám trai bao và tội phạm nói chung không phải là chuyên môn của ông, xin cảm ơn.

“Còn bức tranh thì sao?” Muñoz hỏi. “Ông có biết liệu họ đã tìm thấy nó hay chưa không?”

“Chuyện ấy thì tôi lấy làm ngờ.” Đôi mắt xanh của César thoáng hiện vẻ quan tâm. “Tôi nghĩ vấn đề chính là chỗ này đây.”



Thanh tra Feijoo có vẻ không mấy hào hứng khi trông thấy Julia. Ông ta tiếp cô trong phòng làm việc của mình song lại quên băng mời cô ngồi. Viên thanh tra rõ ràng đang không mấy vui vẻ và ông ta đi thẳng vào vấn đề.

“Việc này có chút không theo quy chế,” ông ta cộc cằn nói, “vì chúng ta

đang nói đến một người bị tình nghi phải chịu trách nhiệm về hai vụ giết người. Nhưng anh ta khẳng khái sẽ không chịu khai báo cho tới khi đã nói chuyện với cô. Và luật sư của anh ta” – viên thanh tra dừng lời, như thể chuẩn bị văng ra chính xác điều ông ta nghĩ về các luật sư – “cũng đồng ý.”

“Làm thế nào các ông tìm ra anh ta?”

“Chẳng khó khăn gì. Tối qua chúng tôi gửi mô tả nhận dạng anh ta đi khắp nơi, bao gồm cả các cửa khẩu và sân bay. Anh ta bị phát hiện sáng nay tại cửa kiểm tra hộ chiếu ở sân bay Barajas trong lúc chuẩn bị lên một chuyến bay tới Lisbon với một tấm hộ chiếu giả. Anh ta không hề chống cự.”

“Anh ta đã nói cho các vị biết bức tranh đang ở đâu chưa?”

“Anh ta chưa chịu nói gì hết.” Feijoo giơ một ngón tay múp míp ngăn ngừa lên. “À, ngoại trừ chuyện anh ta vô tội. Nhưng đó là một câu chúng tôi vẫn thường được nghe; gần như là một điều thông thường của quá trình thẩm vấn. Nhưng khi tôi đưa cho anh ta xem lời khai của người lái taxi và người gác cổng, anh ta xiù hẩn, và nhất quyết đòi có luật sư. Và cũng lúc đó anh ta yêu cầu được gặp cô.”

Viên thanh tra đưa cô ra khỏi phòng làm việc của ông ta, dọc theo hành lang tới trước cánh cửa nơi một cảnh sát mặc cảnh phục đang đứng gác.

“Tôi sẽ ở ngay đây nếu cô cần. Anh ta khẳng khái đòi gặp một mình cô.”

Người ta khóa trái cửa lại sau lưng cô. Max đang ngồi trên một trong những chiếc ghế kê hai bên một chiếc bàn gỗ ở giữa căn phòng không cửa sổ với những bức tường ốp nệm bản thiêu. Ngoài ra trong phòng không còn món đồ nào khác. Max mặc một chiếc áo len dài tay nhàu nhĩ bên ngoài chiếc áo sơ mi cổ mở phanh, mái tóc của anh ta, không còn buộc ra sau thành đuôi ngựa, lòa xòa rối tung, vài lọn tóc xõa xuống che cả mắt. Hai tay anh ta, nằm im trên mặt bàn, đang bị còng.

“Xin chào, Max.”

Anh ta ngẩng đầu lên nhìn cô chăm chăm. Dưới đôi mắt anh ta là hai quầng thâm do mất ngủ, và anh ta có vẻ ngập ngừng, như một người đã đi tới hồi kết của một nỗ lực dài vô ích.

“Cuối cùng, một khuôn mặt quen thuộc,” anh ta nói với giọng mỉa mai nặng như chì, rồi ra dấu chỉ vào một chiếc ghế.

Julia mời anh ta một điếu thuốc, anh ta lập tức hăm hở đón nhận, cúi mặt lại gần chiếc bật lửa cô chìa ra.

“Tại sao anh muốn gặp tôi, Max?”

Nhịp thở của anh ta nhanh và nông. Anh ta không còn là một con sói bảnh bao, mà đã trở thành một con thỏ đang run rẩy cuộn tròn lại trong hang, lắng nghe tiếng con chồn sừng tiến lại mỗi lúc một gần. Julia tự hỏi liệu đám cảnh sát có đánh anh ta hay không, song có vẻ như anh ta không có dấu vết bầm dập nào. Người ta không còn đánh người nữa, cô tự nhủ. Không còn như thế nữa.

“Tôi muốn cảnh báo cô,” anh ta nói.

“Cảnh báo tôi ư?”

“Bà ấy đã chết từ trước, Julia,” anh ta hạ giọng nói. “Tôi không làm việc đó. Khi tôi tới căn hộ của cô, bà ấy đã chết rồi.”

“Vậy anh vào bằng cách nào? Có phải bà ấy mở cửa không?”

“Tôi nói với cô rồi; bà ấy đã chết... lần thứ hai tôi tới.”

“Lần thứ hai ư? Ý anh là đã từng có một lần thứ nhất sao?”

Max chống hai khuỷu tay xuống mặt bàn, tựa cái cằm chưa cạo của anh ta lên hai ngón tay cái, để mặc tàn thuốc rơi xuống từ điếu thuốc lá anh ta đang hút dở.

“Đợi đã,” anh ta nói với vẻ mệt mỏi tột độ. “Tốt nhất tôi nên bắt đầu từ đầu.” Anh ta lại đưa điếu thuốc lên môi, khép hờ hai mắt lại trong làn khói. “Cô biết Menchu bực mình đến thế nào về vụ làm ăn với Montegrifo rồi đấy.

Bà ấy lờng lộn đi vòng quanh nhà như một con thú bị nhốt, lảm nhảm đủ thứ ngôn từ sỉ nhục và đe dọa. ‘Bọn họ đã cướp trắng của tôi!’ Bà ấy cứ liên tục la lối như thế. Tôi đã làm bà ấy dịu lại, và chúng tôi đã cùng bàn bạc. Ý tưởng ấy là của tôi.”

“Ý tưởng nào?”

“Tôi có quan hệ với những người hầu như có thể đưa mọi thứ ra khỏi đất nước này. Tôi đề xuất chúng tôi sẽ đánh cắp bức tranh của Van Huys. Thoạt đầu bà ấy nổi đóa lên, trút xuống đầu tôi đủ kiểu chửi rửa rồi nói tới tình bạn của bà ấy và cô. Sau đó bà ấy nhận ra thực chất việc đó sẽ chẳng làm tổn hại gì tới cô. Phần trách nhiệm của cô đã được bảo hiểm gánh vác, còn về phần của cô trong lợi nhuận thu được... chà, chúng tôi sẽ tìm ra cách nào đó để đền bù lại cho cô sau.”

“Tôi luôn biết anh là một gã khốn mà, Max.”

“Có thể là vậy, nhưng đó không phải là chuyện quan trọng ở đây. Điều quan trọng là Menchu đồng ý với kế hoạch của tôi. Bà ấy cần tìm cách để cô đưa bà ấy về nhà cô. Say rượu hay quá liều ma túy... Nói một cách thành thật, tôi chưa bao giờ nghĩ bà ấy có thể làm việc đó tốt đến thế. Sáng hôm sau, tôi sẽ gọi điện tới xem mọi chuyện đã sẵn sàng chưa. Và tôi đã làm thế, rồi tôi tới chỗ cô ở. Chúng tôi cùng gói bức tranh lại để ngụy trang nó, và tôi lấy chùm chìa khóa Menchu đưa cho tôi. Tôi sẽ phải đậu xe dưới đường và quay trở lên nhà để lấy bức tranh của Van Huys. Theo kế hoạch là sau khi tôi mang bức tranh đi khỏi, Menchu sẽ ở lại để gây ra đám cháy.”

“Đám cháy nào?”

“Trong căn hộ của cô.” Max bật cười rầu rĩ. “Đó là một phần của kế hoạch. Tôi xin lỗi.”

“Anh xin lỗi!” Julia phẫn nộ dấm xuống bàn. “Chúa ơi, anh còn đủ trơ tráo để nói với tôi là anh xin lỗi!” Cô nhìn lên các bức tường rồi nhìn trở lại Max.

“Hai người hẳn đều điên hết rồi mới có thể nghĩ ra một chuyện như thế.”

“Thực ra chúng tôi hoàn toàn tỉnh táo, và đáng ra sẽ chẳng có gì bất ổn. Menchu hẳn sẽ làm một tai nạn giả, một điều thuốc bị ném đi một cách bất cẩn chẳng hạn. Và với lượng dung môi và sơn màu trong căn hộ của cô... chúng tôi quyết định bà ấy sẽ ở lại tới phút chót rồi sau đó rời đi trong bộ dạng bị sặc khói, hoảng hốt cuống cuồng kêu cứu. Trước khi lính cứu hỏa tới được đó, chắc hẳn nửa tòa nhà đã chìm trong lửa.” Anh ta trưng ra một bộ mặt đang vào vai hối lỗi và ân hận một cách thô thiển. “Bất cứ ai cũng sẽ cho rằng bức tranh của Van Huys đã bị thiêu rụi trong đám cháy cùng những thứ khác. Về phần còn lại cô có thể tự hình dung ra. Tôi sẽ mang bức tranh đi bán tại Bồ Đào Nha cho một nhà sưu tập tư nhân mà chúng tôi đã thương lượng trước đó... Nói thực lòng, hôm chúng ta gặp nhau ở chợ Rastro, Menchu và tôi vừa gặp tay môi giới trung gian xong. Còn về vụ hỏa hoạn, Menchu sẽ nhận trách nhiệm về mình; nhưng vì bà ấy là bạn cô và đó là một tai nạn, hình phạt chắc cũng không tới mức nghiêm trọng. Một đơn kiện từ các chủ sở hữu của bức tranh, có lẽ là thế, không hơn. Điều khiến bà ấy thích thú nhất, bà ấy nói, là việc tưởng tượng ra khuôn mặt của Montegrifo khi anh ta biết chuyện.”

Julia không tin nổi vào những gì vừa nghe, cô chỉ còn biết lắc đầu.

“Menchu không thể làm được những chuyện như thế.”

“Menchu, như tất cả chúng ta, có thể làm bất cứ chuyện gì.”

“Chúa ơi, anh đúng là đồ đê tiện, Max.”

“Tới lúc này, tôi là người thế nào cũng không có gì quá quan trọng.” Khuôn mặt Max chuyển sang bộ dạng của kẻ thất bại. “Điều quan trọng là tôi đã phải tốn khá nhiều thời gian để mang xe của mình tới đậu trên con phố nơi cô ở. Sương mù đúng là rất dày và tôi không tìm thấy được chỗ nào để đậu xe. Chính vì thế tôi liên tục xem đồng hồ; tôi lo cô có thể quay về bất cứ lúc

nào. Khi tôi leo lên gác lần nữa, có lẽ đã 12 giờ 15. Tôi không bấm chuông. Tôi mở cửa bằng chìa khóa. Menchu đang ở trên lối đi, nằm ngửa, hai mắt mở to. Thoạt đầu, tôi nghĩ có lẽ bà ấy ngất vì căng thẳng quá, nhưng khi quỳ xuống bên cạnh bà ấy, tôi nhìn thấy vết bầm trên cổ. Bà ấy đã chết, Julia, và người bà ấy vẫn còn ấm. Tôi phát hoảng. Tôi biết nếu gọi cảnh sát, tôi sẽ có không ít chuyện phải giải thích. Vậy là tôi ném chùm chìa khóa xuống sàn, đóng cửa lại và vội vàng lao xuống cầu thang. Tôi không thể nghĩ ngợi được gì nữa. Tôi trải qua đêm đó trong một nhà nghỉ, run lên vì kinh hoàng. Tôi không hề chớp mắt được lấy một giây. Sau đó, vào buổi sáng, tại sân bay... Thế đấy, cô biết phần còn lại rồi.”

“Bức tranh có còn trong nhà khi anh tìm thấy thi thể Menchu không?”

“Còn. Đó là điều duy nhất tôi nhận ra ngoài bà ấy. Nó đang nằm trên xô pha, được gói lại trong giấy báo và dán băng dính, đúng như khi tôi để nó lại đó lúc trước.” Anh ta bật cười cay đắng. “Nhưng tôi không còn bụng dạ nào để mang nó theo. Tôi đã có quá đủ rắc rối rồi.”

“Anh nói Menchu nằm ngoài lối đi ư? Thế nhưng bà ấy lại được tìm thấy trong phòng ngủ. Anh có thấy chiếc khăn nào quấn quanh cổ bà ấy không?”

“Chẳng có cái khăn nào hết. Quanh cổ bà ấy không hề có gì, và bà ấy đã bị gãy cổ. Bà ấy bị giết vì một cú đánh vào cổ họng.”

“Còn cái chai?”

“Đừng có bắt đầu nhắc đến cái chai chết tiệt ấy nữa. Tất cả những gì cảnh sát liên tục hỏi đi hỏi lại tôi là tại sao tôi lại nhét cái chai đó vào chỗ kín của bà ấy. Tôi thề là tôi không biết bọn họ đang nói về chuyện quỷ quái gì nữa.” Anh ta đưa phần còn lại của điều thuốc lên môi và bòn chòn rít một hơi thật sâu, rồi đưa mắt nhìn Julia đầy ngờ vực. “Menchu đã chết, có thể thôi. Bị giết vì một cú đánh duy nhất, không gì khác. Tôi không hề di chuyển bà ấy. Tôi chỉ có mặt ở đó trong chừng một phút. Chắc chắn có người nào khác đã làm

việc này sau đó.”

“Sau đó sao? Khi nào chứ? Theo như anh nói, kẻ sát nhân đã bỏ đi từ trước rồi.”

Max cau mày, cố nhớ lại.

“Tôi không biết.” Anh ta có vẻ thực sự bối rối. “Có thể hắn đã quay lại, sau khi tôi bỏ đi.” Rồi anh ta chợt tái nhợt đi như thể vừa hiểu ra điều gì đó. “Hoặc có thể...” Julia nhận thấy hai bàn tay đang bị còng của anh ta run lẩy bẩy. “Có thể hắn vẫn còn ở đó, nấp kín. Đợi cô.”



Họ quyết định sẽ chia sẻ công việc. Trong khi Julia tới gặp Max và thuật lại toàn bộ câu chuyện với viên thanh tra cảnh sát, người lắng nghe cô mà không buồn che giấu vẻ hoài nghi của mình, César và Muñoz đi hỏi han những người láng giềng. Ba người gặp lại nhau tại một quán cà phê cũ kỹ ở phố Calle del Prado vào buổi tối. Câu chuyện Max thuật lại được xem xét từ mọi góc độ trong một cuộc thảo luận kéo dài quanh một chiếc bàn mặt cẩm thạch, một chiếc gạt tàn đầy có ngọn và cả những chiếc tách không chặt ních cả mặt bàn. Họ cúi người lại gần nhau, giống như những kẻ đồng mưu, và nói chuyện bằng giọng rất khẽ.

“Tôi tin Max,” César kết luận. “Những gì hắn ta nói rất có lý. Nói cho cùng, câu chuyện ăn cắp tranh đúng là loại hành động hắn ta sẵn sàng làm. Nhưng bác không tin hắn ta có thể làm những việc còn lại... chai rượu gin đó là quá nhiều, cô bé thân mến. Ngay cả với một kẻ như hắn ta. Mặt khác, chúng ta biết người đàn bà mặc áo mưa cũng lảng vảng quanh đó. Cho dù bà ta là Lola Belmonte, Nemesis* hay bất cứ ai.”

“Tại sao không phải là Beatrice xứ Ostenburg?” Julia hỏi.

César nhìn cô với vẻ chê trách.

“Bác thấy kiểu pha trò này hoàn toàn không đúng thời điểm chút nào.” Ông bứt rứt cựa mình trên ghế, đưa mắt nhìn khuôn mặt không biểu lộ bất cứ cảm xúc nào của Muñoz, rồi nửa đùa nửa thật giơ hai tay lên như thể muốn xua đi các bóng ma. “Người phụ nữ lảng vảng quanh khu nhà cháu là một kẻ bằng xương bằng thịt. Ít nhất bác cũng hy vọng là thế.”

Ông đã kín đáo dò hỏi người gác cổng tòa nhà đối diện, người ông đã biết mặt. Từ người này, César biết được vài chi tiết hữu ích. Chẳng hạn, vào quãng 12 giờ, đúng lúc người gác cổng vừa quét dọn xong tiền sảnh, ông ta đã trông thấy một người đàn ông trẻ tuổi, tóc cột đuôi ngựa, đi ra khỏi cửa trước tòa nhà Julia đang sống và đi ngược lên đầu phố đến chỗ một chiếc xe đậu bên lề đường. Ít lâu sau – giọng nói của César trở nên khàn khàn vì kích động, như vẫn thường xảy ra mỗi khi ông thuật lại một giai thoại ngòi lê đôi mách đặc sắc nào đó của xã hội thượng lưu – có lẽ khoảng nửa giờ sau, khi người gác cổng mang thùng rác vào, ông ta đi ngang qua một phụ nữ tóc vàng đeo kính đen và mặc áo mưa. Nói đến đây, César hạ giọng xuống, dè dặt đưa mắt nhìn quanh như thể người phụ nữ nọ rất có thể đang ngồi tại một trong những chiếc bàn gần đó. Dường như người gác cổng cũng không nhìn được rõ mặt người phụ nữ, vì bà ta đi ngược lên đầu phố, cùng hướng với người đàn ông trẻ. Ông ta cũng không thể đoán chắc liệu có phải người phụ nữ ấy vừa đi ra từ cửa trước tòa nhà Julia đang sống hay không. Người gác cổng chỉ đơn giản là đang kéo thùng rác quay vào thì bắt gặp người phụ nữ đó. Không, ông ta chưa nói gì với mấy người cảnh sát đã thẩm vấn mình sáng hôm đó vì họ không hề hỏi ông ta về chuyện đó. Và có lẽ ông ta cũng sẽ chẳng nhớ ra chuyện này, người gác cổng gãi đầu thú nhận, nếu *don* César không hỏi ông ta. Không, ông ta không nhớ liệu người phụ nữ có mang theo

một kiện hàng lớn hay không. Ông ta chỉ đơn giản đã thấy một phụ nữ tóc vàng đi ngang qua trên phố. Chỉ vậy thôi.

“Đường phố,” Muñoz nói, “luôn đầy ắp những phụ nữ tóc vàng.”

“Tất cả đều đeo kính đen và mặc áo mưa chẳng?” Julia bình luận. “Rất có thể đó là Lola Belmonte. Lúc đó tôi đang nói chuyện với *don* Manuel. Và cả cô ta lẫn chồng cô ta đều không có nhà.”

“Không,” Muñoz nói, “vào lúc trưa cô đã ở cạnh tôi tại câu lạc bộ cờ vua rồi. Chúng ta đã đi bộ chừng một giờ đồng hồ và về đến căn hộ của cô lúc khoảng 1 giờ.” Muñoz nhìn César, đôi mắt ông đáp lại bằng cái nhìn của một người cùng chia sẻ một bí mật chung, tất cả không lọt khỏi mắt Julia. “Nếu lúc đó kẻ sát nhân đang đợi cô, chắc hẳn đã phải thay đổi kế hoạch khi cô không xuất hiện. Vậy là hẳn lấy bức tranh và chuồn. Có thể điều đó đã cứu mạng cô.”

“Vậy tại sao hẳn giết Menchu?”

“Có thể hẳn không trông đợi sẽ gặp bà ấy ở đó và hẳn loại bỏ bà ấy như một nhân chứng phiền toái,” Muñoz nói. “Nước đi hẳn lên kế hoạch có thể ban đầu không phải là dùng hậu ăn quân tháp. Rất có thể đó chỉ là một ý tưởng đột xuất tài tình.”

César nhướn một bên mày lên, có vẻ hơi sốc.

“Gọi chuyện đó là ‘tài tình’ thì hơi quá đấy, ông bạn thân mến.”

“Vậy cứ việc gọi là gì tùy thích. Thay đổi nước đi như thế, vào đúng thời khắc thực hiện, đưa ra tức thì một biến thể phù hợp với tình hình và để lại tấm thẻ với ghi chú tương ứng ngay cạnh nạn nhân...” Muñoz hồi tưởng lại. “Tôi đã có cơ hội xem qua nó. Tấm thẻ được đánh máy, trên chiếc máy hiệu Olivetti của Julia, theo như Feijoo nói. Và không hề có dấu vân tay. Cho dù kẻ làm điều này là ai, hẳn đã hành động hết sức bình tĩnh, đồng thời cũng rất nhanh chóng và chính xác. Như một cái máy.”

Julia đột nhiên nhớ ra nhiều giờ trước đó, trong khi họ đang đợi cảnh sát đến, Muñoz đã quỳ xuống bên thi thể Menchu, không chạm vào bất cứ thứ gì, cũng không nói gì, chỉ lặng lẽ đọc tấm thẻ kẻ sát nhân để lại một cách bình thản như thể đang ngồi trước một bàn cờ tại câu lạc bộ Capablanca.

“Tôi vẫn không hiểu tại sao Menchu lại mở cửa.”

“Bởi vì bà ấy nghĩ đó là Max,” César nói.

“Không.” Muñoz nói. “Anh ta có chìa khóa, chúng tôi đã tìm thấy chùm chìa khóa trên sàn khi về tới đó. Bà ấy biết người đến không phải là Max.”

César thở dài, xoay chiếc nhẫn mặt topaz vòng quanh ngón tay ông.

“Tôi không ngạc nhiên khi đám cảnh sát cứ chăm chăm quần lấy Max, mặc dù bọn họ không phải là không có năng lực,” ông nói, giọng có vẻ chán nản. “Chẳng còn đối tượng tình nghi nào khác. Và cứ theo đà này, chẳng mấy chốc cũng sẽ chẳng còn nạn nhân nào sót lại. Nếu *senor* Muñoz tiếp tục khư khư ôm chặt lấy các hệ thống suy luận của ông ấy, kết cục – bây giờ tôi đã có thể thấy được nó một cách rõ ràng – sẽ là một mình ông, Muñoz thân mến, đứng giữa bốn bề xung quanh toàn là xác chết, giống như màn cuối của vở *Hamlet*, và buộc phải đi tới kết luận không tránh khỏi: ‘Ta là kẻ sống sót duy nhất, vì vậy, theo suy luận chặt chẽ, sau khi đã loại trừ tất cả các đối tượng tình nghi, nghĩa là những kẻ đã chết, tên sát nhân chắc chắn phải là tôi...’ rồi sau đó nộp mình cho cảnh sát.”

“Không nhất thiết phải như thế,” Muñoz nói.

“Rằng ông là kẻ sát nhân? Thứ lỗi cho tôi, ông bạn thân mến, nhưng cuộc nói chuyện này bắt đầu giống một màn tán gẫu trong trại điên đến mức đáng báo động. Chưa bao giờ, dù chỉ trong một phút, tôi từng nghĩ...”

“Ý tôi không phải vậy.” Muñoz đang chăm chú nhìn xuống hai bàn tay mình, lúc đó đang giữ chiếc tách không. “Tôi đang nói về điều ông vừa nhắc đến lúc nãy: rằng không còn đối tượng tình nghi nào nữa.”

“Ông không định nói,” Julia thì thầm, “rằng ông đã nghĩ tới ai đó trong đầu rồi đấy chứ?”

Muñoz nhìn cô hồi lâu. Rồi ông tặc lưỡi, hơi nghiêng đầu sang một bên và nói:

“Có thể lắm.”

Julia không hài lòng, nài nỉ ông giải thích, song cả cô lẫn César đều không moi được từ ông dù chỉ một lời. Muñoz lơ đãng nhìn xuống dải mặt bàn trống trơn giữa hai bàn tay ông, như thể ông có thể nhìn thấy những nước đi bí hiểm của những quân cờ tưởng tượng trên mặt bàn cẩm thạch. Thỉnh thoảng, nụ cười mơ hồ ông vẫn dùng để thủ thế mỗi khi không muốn bị lôi kéo vào chuyện gì đó lại lướt qua trên môi ông như một chiếc bóng.

DẤU ẤN THỨ BẢY⁹²

Trong khoảng trống rực lửa ấy, anh đã nhìn thấy một thứ khủng khiếp đến mức không thể chịu đựng nổi, toàn bộ nỗi kinh hoàng trước vực sâu thăm thẳm không đáy của cờ vua.

_ Nhà văn Vladimir Nabokov _

“Tất nhiên,” Paco Montegrifo nói, “biến cố đáng tiếc này sẽ không ảnh hưởng tới thỏa thuận của chúng ta.”

“Cảm ơn ông.”

“Không cần cảm ơn tôi. chúng tôi biết những gì xảy ra hoàn toàn không phải lỗi của cô.”

Vị giám đốc văn phòng của Claymore đã tới gặp Julia tại xưởng phục chế của bảo tàng Prado, nhân tiện, như anh ta nói khi xuất hiện ở đó không hề báo trước, có một cuộc gặp với giám đốc bảo tàng để bàn về việc công ty anh ta được ủy nhiệm mua một tác phẩm của Zurbaran. Anh ta tìm thấy cô trong lúc cô đang bơm một hỗn hợp kết dính làm từ keo và mật ong vào một mảng bong tróc trên một tấm tranh bộ ba được cho là của danh họa Italia Duccio di Buoninsegna. Julia không thể dừng công việc đang làm dở dang, cô chào đón Montegrifo bằng một cái gật đầu trong lúc tiếp tục đẩy pít tông của chiếc xi lanh để bơm hỗn hợp. Montegrifo có vẻ rất thích thú được có cơ hội làm cô bất ngờ *in fragrante** – như anh ta nói, đồng thời dành cho cô nụ cười long lanh nhất của mình. Rồi anh ta ngồi xuống một chiếc bàn và quan sát cô làm việc.

Julia cảm thấy không mấy thoải mái và cố hết sức để hoàn tất công việc đang làm dở nhanh nhất có thể. Cô che vùng tranh mới được xử lý bằng giấy không thấm nước để bảo vệ, rồi đặt lên trên một túi cát, cẩn thận chỉnh cho nó áp đều lên bề mặt bức tranh.

“Một họa phẩm tuyệt vời,” Montegrifo nói, chỉ về phía bức tranh. “Vào khoảng năm 1300, phải vậy không? Của danh họa Buoninsegna, nếu tôi

không nhầm.”

“Đúng thế. Bảo tàng mới có bức tranh này mấy tháng trước.” Julia chăm chú ngắm nghía kết quả làm việc của mình một cách nghiêm túc. “Tôi gặp chút khó khăn với đám lá vàng nằm dọc rìa áo choàng của đức Mẹ. Tại đôi chỗ nó đã biến mất hoàn toàn.”

Montegrifo cúi người về phía bức tranh bộ ba, chiêm ngưỡng nó với con mắt nhà nghề.

“Vẫn là một nỗ lực tuyệt vời,” anh ta nói khi đã xem xét xong. “Như mọi công việc cô từng làm.”

“Cảm ơn ông.”

Montegrifo nhìn cô với vẻ cảm thông sâu sắc.

“Mặc dù, tất nhiên rồi,” anh ta nói, “không thể so sánh với bức tranh Flanders thân thuộc của chúng ta được.”

“Tất nhiên là không. Với tất cả sự tôn trọng dành cho Duccio.”

Cả hai cùng mỉm cười. Montegrifo khẽ kéo hai cổ tay áo sơ mi trắng tinh tươm lên để đảm bảo chúng nhô ra khỏi đôi ống tay của chiếc áo vest cài khuy chéo màu xanh hải quân đúng khoảng hai xăng ti mét cần thiết, vừa đủ để hé lộ chiếc khuy măng sét vàng mang hai chữ cái đầu họ tên anh ta. Ngoài ra, Montegrifo đang mặc một chiếc quần màu xám lịch thiệp không chệ vào đâu được, còn đôi giày Italia đen của anh ta, bất chấp trời mưa, vẫn bóng nhoáng.

“Ông có biết thêm tin gì về bức tranh của Van Huys không?” Julia hỏi.

Người phụ trách đấu giá lựa chọn vẻ buồn bã một cách tao nhã.

“Than ôi, không.” Mặc dù sàn nhà phủ đầy mạt chấu, giấy vụn và những vết sơn màu bắn tung tóe, vị khách vẫn chu đáo gõ tàn thuốc xuống gạt tàn. “Nhưng chúng tôi vẫn giữ liên lạc thường xuyên với cảnh sát. Gia đình Belmonte đã ủy quyền cho tôi thực hiện mọi cuộc thương thảo.” Đồng thời,

khuôn mặt anh ta bày tỏ thái độ tán thưởng gia đình người chủ sở hữu vì lựa chọn đúng đắn khi làm vậy, và vẻ lấy làm tiếc là họ không đưa ra lựa chọn này sớm hơn. “Trớ trêu ở chỗ, Julia, nếu bức *Ván cờ* có xuất hiện trở lại, toàn bộ chuỗi sự kiện không hay này sẽ đẩy giá của nó lên tận mây xanh.”

“Chắc chắn là thế. Nhưng như ông vừa nói, đó là nếu nó xuất hiện trở lại.”

“Dường như cô không lạc quan lắm.”

“Sau những gì đã trải qua mấy ngày vừa rồi, tôi thực sự không có nhiều lý do để lạc quan.”

“Tôi hiểu. Nhưng tôi tin vào cuộc điều tra của cảnh sát. Hoặc vận may. Và nếu chúng ta tìm lại được bức tranh và đưa nó ra bán đấu giá, tôi có thể cam đoan với cô đây sẽ là một sự kiện thực thụ.” Anh ta mỉm cười như thể đang có một món quà tuyệt vời dành cho cô sẵn ngay trong túi. “Cô đã đọc qua tạp chí *Nghệ thuật và cổ vật* chưa? Họ đã dành năm trang in màu cho câu chuyện này. Chúng tôi đã nhận được không biết bao nhiêu cuộc điện thoại của các nhà báo chuyên ngành. Còn tạp chí *Thời báo tài chính* đang sửa soạn đăng một bài về bức tranh của chúng ta vào tuần tới. Nhân đây tôi muốn nói luôn, một vài người trong số các nhà báo đó đã yêu cầu được liên hệ với cô.”

“Tôi không muốn bất cứ cuộc phỏng vấn nào.”

“Tiếc quá, nếu cô không phật ý khi tôi nói như vậy. Danh tiếng cũng chính là cần kiếm cơm của cô. Quảng bá tên tuổi chỉ làm tăng thêm vị thế chuyên môn của cô.”

“Không phải là dạng quảng bá đó. Nói cho cùng, bức tranh đã bị đánh cắp trong chính căn hộ của tôi.”

“Chúng tôi đang cố ém chi tiết đó đi. Cô không hề có lỗi, và báo cáo của cảnh sát đã chứng minh quá rõ điều đó. Mọi thứ đều hướng tới khả năng bạn trai của bạn cô đã chuyển bức tranh cho một kẻ đồng phạm chưa rõ danh tính. Đó là hướng điều tra chính của cảnh sát. Tôi chắc chắn nó sẽ đem lại kết quả.

Không dễ gì mang được một bức tranh nổi tiếng như bức của Van Huys ra khỏi biên giới một cách bất hợp pháp. Ít nhất về mặt lý thuyết là vậy.”

“Tôi rất vui vì ông có niềm tin đến vậy. Đó là điều tôi vẫn gọi là tính cách của một người thua cuộc đàng hoàng. Tinh thần thượng võ, tôi nghĩ người ta hay gọi thế. Tôi từng nghĩ vụ trộm này hẳn sẽ là một đòn nghiêm trọng với công ty của ông.”

Montegrifo tỏ vẻ đau khổ. Không gì khiến người ta phiền muộn bằng sự ngờ vực, đôi mắt anh ta dường như đang nói vậy.

“Quả thực đúng là thế,” anh ta đáp, nhìn Julia như thể cô vừa xử sự rất không công bằng với mình. “Trên thực tế, tôi đã phải giải trình rất nhiều với trụ sở chính của chúng tôi ở London. Nhưng những rắc rối kiểu này luôn có nguy cơ xảy ra trong nghề này. Dẫu sao, nó vẫn là một chuyện chẳng hay ho gì... Chi nhánh của chúng tôi tại New York vừa khám phá ra một bức tranh nữa của Van Huys: bức *Người đổi tiền ở Louvain*.”

“Tôi thấy từ ‘khám phá’ có vẻ như hơi thổi phồng quá. Đó là một bức tranh nổi tiếng và đã được đưa vào các danh mục. Nó thuộc sở hữu của một nhà sưu tầm tư nhân.”

“Tôi thấy là cô được thông tin rất tốt. Ý tôi muốn nói chúng tôi đang thương lượng với người chủ sở hữu. Ông ấy cho rằng lúc này chính là thời điểm để kiếm được mức giá hời cho bức tranh của mình. Các đồng nghiệp của tôi tại New York đã nhanh chân hơn các đối thủ cạnh tranh của chúng tôi.”

“Xin chúc mừng.”

“Tôi nghĩ chúng ta có thể ăn mừng.” Anh ta nhìn chiếc đồng hồ Rolex đeo trên cổ tay. “Đã gần 7 giờ rồi, cô nghĩ sao nếu tôi mời cô cùng ra ngoài ăn tối? Chúng ta cần thảo luận về những công việc tương lai mà cô sẽ làm cho chúng tôi. Có một bức tượng Thánh Miguel được sơn nhiều màu, niên đại từ

thế kỷ 17, xuất xứ từ vùng thuộc địa của Bồ Đào Nha tại Ấn Độ tôi đang muốn cô xem giúp.”

“Ông thật tốt quá, nhưng tâm trạng của tôi vẫn đang không được tốt. Cái chết của bạn tôi, rồi vụ mất trộm bức tranh... Tối nay chắc tôi không thể là một người bạn đồng hành dễ chịu được.”

“Tùy cô vậy.” Montegrifo đón nhận lời từ chối của cô với thái độ cam chịu lịch thiệp và không hề mất đi nụ cười. “Nếu cô muốn, tôi sẽ gọi điện cho cô vào đầu tuần tới. Thứ Hai được chứ?”

“Được.” Julia đưa một bàn tay ra, và anh ta nhẹ nhàng bắt tay cô. “Cảm ơn ông đã ghé qua.”

“Được gặp cô luôn là một niềm hân hạnh đối với tôi, Julia. Nếu cô cần bất cứ thứ gì” – anh ta nhìn cô hồi lâu, đầy những ngụ ý mà cô không thể giải mã hết – “và ý tôi thực sự là bất cứ thứ gì, cho dù nó là gì đi nữa, đừng do dự mà gọi cho tôi.”

Anh ta ra về, quay người lại khi ra tới cửa để hướng về phía cô một nụ cười rạng rỡ cuối cùng. Julia dành thêm nửa giờ nữa cho bức tranh của Buoninsegna trước khi thu xếp ra về. Muñoz và César đã nhất quyết đề nghị cô không quay về nhà trong vài ngày, và một lần nữa César lại đề nghị cô tới nhà ông; song Julia vẫn không chịu thay đổi chỗ ở, cô chỉ thay ổ khóa. Cứng đầu và không tài nào thuyết phục nổi, César đã gọi cô như thế với vẻ bức bối giữa một trong những cuộc điện thoại ông liên tục gọi đến cho cô để kiểm tra xem mọi thứ có ổn hay không. Cả Muñoz cũng vậy, Julia biết vì César đã để lộ với cô rằng cả hai người đã trải qua cả đêm sau lúc xảy ra vụ án mạng để châu chực canh chừng gần tòa nhà cô đang ở, co ro vì rét, chỉ với một chiếc phích đựng cà phê và một chai rượu brandy (mà César đã nhìn xa trông rộng mang theo) làm bạn đồng hành. Quấn kín người trong áo khoác và khăn quàng cổ, họ củng cố thêm tình bạn lạ lùng mà hoàn cảnh đã thúc đẩy hình

thành giữa hai con người có tính cách rất khác biệt qua mối liên hệ của họ với Julia. Khi biết chuyện, Julia lập tức cấm hai người không được lặp lại màn canh phòng này thêm lần nào nữa, đổi lại cô cũng hứa sẽ không mở cửa cho bất cứ ai và sẽ đi ngủ với khẩu súng để sẵn dưới gối.

Cô trông thấy khẩu súng khi thu dọn đồ đạc vào trong túi và bất giác đưa các đầu ngón tay chạm lên bề mặt kim loại mạ crom lạnh ngắt của nó. Đã bốn ngày kể từ khi Menchu chết, bốn ngày không có thêm tấm thẻ hay cuộc điện thoại nào. Có lẽ cơn ác mộng đã kết thúc, cô nhủ thầm mà không mấy tin tưởng vào điều mình nghĩ. Cô trùm một tấm vải lên bức tranh của Buoninsegna, treo bộ áo liền quần cô vẫn mặc khi làm việc vào trong tủ áo rồi khoác áo mưa lên người. Chiếc đồng hồ có mặt hướng vào trong cổ tay trái của cô cho biết đã 7 giờ 45. Cô vừa định tắt đèn thì điện thoại đổ chuông.



Đặt ống nghe xuống, cô đứng đó nín thở, cố kìm nén cảm giác muốn vùng chạy càng xa càng tốt. Một cơn rùng mình, một luồng không khí lạnh như băng chạy dọc cột sống khiến cô run lấy bầy, và cô phải tựa vào bàn để định thần lại. Julia không tài nào rời mắt khỏi chiếc điện thoại được. Giọng nói cô vừa nghe thấy hoàn toàn xa lạ, không thể đoán được là đàn ông hay đàn bà, giống như giọng mà những người có khả năng nói tiếng bụng thường lồng tiếng cho những con rối của họ, những con rối khiến người ta phải sờn tóc gáy. Một giọng nói với những tiếng nheo nhéo làm cô nổi da gà vì kinh hoàng.

“Phòng 12, Julia.” Im lặng, rồi đến tiếng thở bị bóp nghẹt, có thể vì một chiếc khăn tay đang che trên ống nói. “Phòng 12,” giọng nói lặp lại.

“Brueghel Cha*,” nó nói thêm sau một khoảng im lặng nữa. Sau đó là một tiếng cười ngắn ngủn khô khốc, độc địa, rồi tiếng gác máy lách cách.

Cô cố sắp xếp lại các ý nghĩ hỗn loạn đang quay cuồng trong đầu, không để cơn hoảng loạn chiếm quyền kiểm soát.

César từng nói với cô khi những con vịt bị những người xua thú lừa ra làm mồi trước họng súng của thợ săn, những con hoảng hốt luôn bị bắn hạ đầu tiên. César. Cô cầm ống nghe lên, quay số cửa hiệu của ông, rồi số nhà riêng, nhưng không có ai nhắc máy. Cô cũng không thành công hơn với Muñoz. Vậy là cô sẽ phải tự xoay xở lo cho bản thân, một ý tưởng khiến cô bất giác run bần bật.

Cô lấy khẩu súng ra khỏi túi và lên đạn. Ít nhất như thế, cô thầm nghĩ, cô cũng có thể trở nên đáng sợ như bất cứ ai. Một lần nữa, những lời César từng nói với cô hồi nhỏ lại vang lên rõ mồn một. Vào ban đêm, mọi thứ ở trong phòng vẫn hệt như lúc ban ngày; chỉ có điều cháu không thể nhìn thấy chúng thôi.

Súng trên tay, cô bước ra ngoài hành lang. Vào giờ này, tòa nhà đã hoàn toàn vắng lặng, chỉ còn các nhân viên bảo vệ đang đi tuần, nhưng cô không biết phải tìm họ ở đâu. Cô cần đi xuống ba tầng cầu thang làm thành một góc nhọn với một khoảng đầu cầu thang rộng ở mỗi tầng. Tại đó ánh đèn tạo ra những khoảng tranh tối tranh sáng ngả màu xanh, trong đó có thể lờ mờ nhận ra hình bóng tối sẫm của những bức tranh, lan can cầu thang bằng cẩm thạch và những bức tượng bán thân các vị quý tộc La Mã đang giương mắt nhìn ra từ trong các hốc tường.

Cô tháo giày ra cho vào túi xách. Cảm giác lạnh lẽo từ dưới sàn len lỏi qua gan bàn chân xâm nhập vào bên trong cơ thể cô. Cuộc phiêu lưu ban đêm này rất có thể cuối cùng sẽ khiến cô bị một cơn đau đầu số mũi ra trò. Chốc chốc, cô lại dừng bước, ngó qua lan can cầu thang, cho dù không nhìn thấy hay

nghe thấy gì đáng nghi ngờ. Khi xuống tới chân cầu thang, cô cần phải đưa ra lựa chọn. Một đường, đi qua một loạt các căn phòng được sử dụng làm xưởng phục chế, sẽ dẫn cô tới một cửa an ninh mà sau khi sử dụng chiếc thẻ điện tử của mình để đi qua nó, cô có thể ra ngoài tới con phố nằm gần cổng Murillo. Đường còn lại, bắt đầu từ cuối một hành lang hẹp, sẽ dẫn cô tới một cánh cửa mở vào chính khu bảo tàng. Thường cánh cửa này vẫn bị khóa, nhưng không bao giờ trước 10 giờ tối, khi các nhân viên bảo vệ thực hiện xong phiên tuần tra đêm cuối cùng qua khu nhà nhánh.

Cô đứng dưới chân cầu thang, súng trong tay, cân nhắc giữa hai khả năng. Cô có thể chọn hoặc thoát ra ngoài nhanh nhất có thể, hoặc tìm hiểu xem có chuyện gì diễn ra tại phòng 12. Lựa chọn thứ hai đồng nghĩa với một cuộc hành trình chẳng mấy thú vị kéo dài chừng sáu hay bảy phút qua tòa nhà vắng vẻ. Trừ phi trên đường cô may mắn gặp được nhân viên bảo vệ phụ trách khu vực đó, một anh chàng trẻ tuổi bất cứ khi nào nhìn thấy Julia làm việc trong xưởng đều đi lấy cà phê từ máy bán tự động mang đến cho cô rồi tán hươu tán vượn về chuyện cô có đôi chân đẹp đến thế nào, đồng thời quả quyết rằng chúng chính là điểm hấp dẫn chính của cả bảo tàng.

Quý tha ma bắt, cô tự nhủ, nói cho cùng, cô cũng đã từng giết cướp biển rồi kia mà. Nếu kẻ sát nhân đang ở đâu đó ngoài kia, đó sẽ là một cơ hội tốt, thậm chí có khi là duy nhất, để gặp hăn mặt đối mặt. Không khác gì một chú vịt nhạy cảm, cô liếc nhìn xung quanh qua hai khóe mắt; trong lúc đó, bàn tay phải của cô đang cầm trong tay nửa cân kim loại mạ crom được khảm xà cừ và nạm đạn chì, và một khi được siết cò ở khoảng cách ngắn, khẩu súng có thể dễ dàng đảo ngược các vai trong cuộc đi săn lạ lùng này.

Nở rộng hai lỗ mũi như thể cố gắng ngửi xem nguy hiểm có thể tới từ phía nào, cô nghiêng chặt răng lại, huy động toàn bộ cảm giác phần nộ chất chứa trong những ký ức về Alvaro và Menchu tới trợ giúp, cùng với quyết định

không cam chịu làm một con tốt bất lực run rẩy trên bàn cờ, mà là một người mà một khi có cơ hội, hoàn toàn có khả năng buộc đối phương phải đổi mạng. Nếu hắn, cho dù có là ai đi nữa, muốn tìm cô, kiểu gì hắn cũng sẽ tìm được cô, dù là ở phòng 12 hay dưới địa ngục.

Cô đi qua cánh cửa phía trong, vẫn chưa khóa đúng như cô nghĩ. Người bảo vệ hắn vẫn còn ở xa, vì bốn phía vẫn hoàn toàn im lặng. Cô đi qua một dãy hành lang với những chiếc bóng đầy ám ảnh của những bức tượng cẩm thạch đang nhìn cô đi qua bằng đôi mắt cứng đờ vô cảm, rồi tiếp tục đi qua căn phòng trưng bày một bức tranh trang trí ban thờ thời Trung cổ, từ trong những bóng đen chúng tạo thành trên các bức tường, cô chỉ có thể thỉnh thoảng bắt gặp một tia phản chiếu mờ mờ từ bề mặt được thếp hay dát vàng lá. Về phía tay trái, ở cuối hành lang dài đó, cô nhìn thấy cầu thang nhỏ dẫn tới dãy phòng trưng bày các bức tranh trường phái Flemish thời kỳ đầu, trong số những căn phòng đó có phòng 12.

Cô dừng lại trên bậc thang đầu tiên, nhìn chăm chăm vào bóng tối với sự thận trọng cao độ. Ở khu vực này trần nhà thấp hơn, và ánh sáng từ các ngọn đèn an ninh cho phép nhìn rõ hơn các chi tiết. Trong màn ánh sáng xanh mờ mờ, mọi màu sắc của các bức tranh đều chuyển thành một tông đơn điệu. Cô có thể nhận ra bức *Đưa Chúa xuống từ cây thập tự* của danh họa Van der Weyden, gần như không thể thấy rõ trong bóng tối. Trong thứ bóng tối hư ảo này, bức tranh trở nên trang nghiêm một cách u ám, chỉ những khoảng màu sáng nhất của nó mới hiện rõ lên, như thân hình của Chúa cùng khuôn mặt người mẹ của Ngài đang ngất đi, đôi cánh tay rũ xuống song song với hai cánh tay đã chết của người con trai.

Không còn ai ở đó ngoài các nhân vật trong những bức tranh, và phần lớn họ, khuất trong bóng tối, dường như đang chìm trong một giấc ngủ dài. Nghi ngờ về yên ảng bề ngoài đó và không khỏi bị ám ảnh bởi sự hiện diện của bấy

nhiều hình ảnh được tạo ra bởi bàn tay những con người đã chết từ hàng trăm năm trước, những hình ảnh như thể đang theo dõi cô từ trên các tấm khung treo trên tường cũ, Julia tới được cánh cửa dẫn vào phòng 12. Cổ họng khô khốc, nhưng cô không thể nuốt nước bọt. Cô đưa mắt nhìn về phía sau lần nữa, nhưng không thấy gì đáng ngờ. Ý thức được từng cú giật căng thẳng trên cơ hàm, cô hít một hơi thật sâu trước khi bước vào căn phòng theo tư thế giống như cô từng thấy các nhân vật trong phim vẫn làm: giữ khẩu súng bằng cả hai tay, chìa súng vào bóng tối, ngón trỏ đặt sẵn sàng lên cò súng.

Không có ai trong phòng, và Julia cảm thấy một cảm giác nhẹ nhõm vô bờ bến, gần như khiến cô ngây ngất. Thứ đầu tiên cô nhìn thấy, với các gam màu chìm ngấm trong bóng tối, là cơn ác mộng khiến người ta sững sờ của danh họa Bosch, bức *Khu vườn hoan lạc*, chiếm gần như trọn vẹn một bức tường. Cô tựa người vào bức tường đối diện, hơi thở của cô làm mờ đi tấm kính bảo vệ bức chân dung tự họa của họa sĩ người Đức Durer. Cô đưa mu bàn tay lên lau mồ hôi trán trước khi bước tới bức tường phía cuối phòng. Khi cô bước tới, các đường nét và mảng màu sáng trên bức tranh của Brueghel bắt đầu hiện lên. Bức tranh đó luôn có sự thu hút đặc biệt với cô. Âm hưởng bi kịch trong từng nét cọ, sự sống động của vô vàn nhân vật run rẩy trong hơi thở chết chóc không gì thay đổi được, cũng như vô số bối cảnh nhỏ tạo thành tổng thể rùng rợn của bức họa đã khuấy động trí tưởng tượng của cô trong suốt nhiều năm qua. Thứ ánh sáng xanh lam yếu ớt tỏa ra từ trên trần rọi sáng những bộ hài cốt đang rùng rùng chui ra khỏi lòng đất thành từng đoàn, trong một cơn cuồng phong báo thù hủy diệt tất cả; những đám cháy phía xa làm nổi bật hình bóng của những đồng đồ nát đen kịt ở chân trời; những chiếc bánh xe của Tantalus thấp thoáng ngoài xa, đang quay tròn trên đỉnh những chiếc cọc của chúng, bên cạnh bộ hài cốt đứng thẳng, tay vung lên thanh kiếm đã tuốt trần, chuẩn bị chém xuống cổ người tù nhân bị bịt mắt đang quỳ

gối cầu nguyện; ở tiền cảnh, vị vua bị bắt ngờ giữa buổi tiệc tùng, còn đôi tình nhân vẫn không hay biết gì cho dù đã tới giờ tận số, gần đó một bộ hài cốt đang mỉm cười đánh tiếng trống báo hiệu Ngày Phán xét; và vị hiệp sĩ, run rẩy vì kinh hoàng, vẫn còn đủ can đảm để thực hiện cử chỉ thách thức kiêu hãnh cuối cùng, rút thanh kiếm của mình ra khỏi vỏ, sẵn sàng chiến đấu cho tính mạng bản thân trong trận chiến vô vọng cuối cùng.

Tấm thẻ năm đó, được cài vào khung tranh, ngay trên tấm biển mạ vàng mà trên đó Julia biết rõ có ghi bốn từ tàn khốc hợp thành tên của bức tranh: *chiến thắng của Thần Chết*.



Khi cô ra tới ngoài phố, trời đang mưa như trút nước. Ánh sáng vàng vọt của những cột đèn đường soi sáng màn nước mưa đang trút xuống như thác từ trong màn đêm, giội xuống những viên đá lát đường. Những vũng nước không ngọt bản tung tóe khi những giọt nước mưa nặng trĩu trút xuống, làm hình ảnh của thành phố phản chiếu trên chúng vỡ vụn ra thành từng đợt sáng tối liên tục quay cuồng xen kẽ nhau.

Julia ngược mặt lên đón cơn mưa, để mặc cho nước mưa thoải mái chảy tràn trên mái tóc và khuôn mặt cô. Hai gò má và môi cô cứng đờ vì lạnh, trong khi mái tóc ướt sũng dính bết xuống mặt. Cô cài khuy cổ áo mưa lại, rồi bước đi giữa những dãy hàng rào và băng ghế đá, hoàn toàn đứng đưng với cơn mưa và hơi ẩm đang dần dần ngấm vào đôi giày cô đang đi. Những hình ảnh trong bức tranh của Brueghel vẫn còn in đậm trong võng mạc Julia; vở bi kịch ghê rợn thời Trung cổ vẫn quay cuồng nhảy múa trước mắt cô. Và trong cơn cuồng phong ấy, trong số những người đàn ông và đàn bà bị nhấn chìm

dưới cơn hồng thủy của những bộ xương khô báo thù đang cuộn cuộn tuôn ra từ lòng đất, cô có thể trông thấy rõ ràng những nhân vật trong một bức tranh khác: Roger de Arras, Ferdinand Altenhoffen, Beatrice xứ Burgundy. Ở xa hơn, thậm chí cô còn thấy cả cái đầu cúi gằm và khuôn mặt già nua phó mặc cho số phận của Pieter Van Huys. Tất cả hợp lại trong một bối cảnh rõ ràng duy nhất, ở nơi mà cho dù con súc sắc cuối cùng được số phận ném xuống trong ván bạc mang tên Trái Đất có đổ mặt nào đi nữa, vẻ đẹp và sự xấu xa, tình yêu và thù hận, cái thiện và cái ác, sự cần cù chăm chỉ hay phóng dăng hoang tàn, tất cả đều phải đối diện với hồi kết của chính mình. Julia cũng trông thấy chính mình trong tấm gương, trong đó đang tái hiện lại không chút thương xót việc mở dấu ấn thứ bảy của ngày tận thế. Cô là người phụ nữ trẻ quay lưng lại với bối cảnh, chìm đắm trong những giấc mộng tưởng của mình, mê mẩn trước giai điệu phát ra từ cây đàn lúýt trên tay một bộ hài cốt đang cười nhả nở. Trong bối cảnh tối tăm ảm đạm ấy không còn chỗ cho những tên cướp biển và kho báu bị cất giấu, tất cả các cô bé Wendy đều đang không ngừng gào thét giãy giụa trong lúc bị những bộ xương khô lôi đi xềnh xệch; Lộ Lem và Bạch Tuyết, với đôi mắt mở to kinh hãi, có thể cảm thấy tai họa đã cận kề, còn chú lính chì bé nhỏ, Roger de Arras, giống như Thánh George không còn như lúc ở bên con rồng, đứng sừng với thanh gươm đang rút ra nửa chừng khỏi vỏ, giờ đây bất lực, không thể trợ giúp cho họ được nữa. Anh ta đã quá mệt mỏi với việc tấn công vô ích vào khoảng không, chỉ để gỡ gạc chút danh dự trước khi, giống như những người khác, nắm lấy bàn tay xương xẩu của Thần Chết, lúc này đang kéo tất cả họ vào vũ điệu rùng rợn của mình.

Ánh đèn pha của một chiếc xe soi sáng một buồng điện thoại công cộng. Julia quờ quạng tìm vài đồng tiền xu trong túi trong lúc bước đi như một kẻ mộng du. Một cách máy móc, trong lúc mái tóc ướt sũng rỏ nước xuống ống

nghe, cô quay số của César và Muñoz mà không nhận được trả lời. Cô tựa đầu vào vách kính, lấy một miếng thuốc ảm đặt lên đôi môi đã cứng đờ vì lạnh. Đứng im, mắt nhắm nghiền, cô mặc cho làn khói thuốc quấn quanh mình cho tới khi miếng thuốc bắt đầu cháy sát tới giữa hai ngón tay và cô ném nó xuống. Trong lúc cơn mưa đơn điệu trút xuống, cô biết, cùng cảm giác chán nản mệt mỏi cực độ, rằng đây chỉ là một quãng tạm ngừng mong manh, không thể bảo vệ cô khỏi cái lạnh, khỏi ánh sáng và bóng tối.



Cô không rõ mình đã đứng đó bao lâu. Chỉ biết, tới một lúc nào đó, cô lại nhét tiền xu vào điện thoại và quay số, lần này là số của Muñoz. Khi cô nghe thấy giọng nói của ông, dường như cô bắt đầu chậm rãi tỉnh lại, như thể quay về sau một chuyến lang thang dài trong thời gian và trong chính nội tâm của mình. Với tâm trạng càng lúc càng bình tĩnh hơn trong lúc nói, cô thuật lại cho ông nghe những gì đã xảy ra. Muñoz hỏi trên tấm thẻ viết gì, và cô nói cho ông biết: B x P, giám mục ăn tốt. Đầu dây bên kia chìm vào im lặng. Sau đó Muñoz, với giọng nói lạ lùng cô chưa bao giờ nghe thấy trước đây, hỏi cô đang ở đâu. Khi cô cho ông biết, ông dặn cô không được rời khỏi đó, ông sẽ tới sớm nhất có thể.

Mười lăm phút sau, một chiếc taxi dừng lại trước buồng điện thoại, Muñoz mở cửa gọi cô vào trong xe. Julia lao qua làn mưa chui vào chiếc xe. Khi chiếc taxi lao đi, Muñoz giúp cô cởi chiếc áo mưa ướt sũng ra, rồi lấy áo của ông khoác lên vai cô.

“Có chuyện gì vậy?” cô rùng mình hỏi.

“Cô sẽ sớm biết thôi.”

“Giám mục ăn tốt nghĩa là gì?”

Những vệt sáng bên ngoài lướt qua khuôn mặt nghiêm trọng của Muñoz.

“Có nghĩa là,” ông nói, “hậu đen sắp ăn một quân trắng nữa.”

Julia chớp mắt, sững sờ trước tin vừa được nghe. Hai bàn tay tê cóng của cô nắm lấy bàn tay Muñoz, hoảng hốt nhìn ông.

“Chúng ta cần báo cho bác César biết.”

“Chúng ta vẫn còn thời gian,” Muñoz đáp.

“Chúng ta đi đâu bây giờ?”

“Tới Penjamo. Một j và hai h.”



Trời vẫn mưa nặng hạt khi chiếc taxi dừng lại trước câu lạc bộ cờ vua. Muñoz mở cửa, song vẫn nắm chặt tay Julia.

“Đi thôi,” ông nói.

Cô ngoan ngoãn bước theo ông vào sảnh. Vẫn còn một vài kỳ thủ ngồi lại các bàn, nhưng ông giám đốc Cifuentes thì không thấy đâu. Muñoz dẫn cô đi thẳng tới thư viện. Tại đó, giữa những chiếc cúp và chứng chỉ, có những chiếc giá sách cửa kính xếp tới vài trăm cuốn sách. Buông tay Julia ra, ông mở một trong những cánh cửa kính và lấy ra một tập sách bìa da dày. Julia lúng túng đọc tên sách được in trên gáy bằng những chữ cái mạ vàng đã mờ đi do thời gian và việc sử dụng thường xuyên: *Tuần báo cờ vua. Quý bốn*. Không còn đọc được năm phát hành.

Muñoz để tập sách xuống bàn, lần giở qua những trang giấy rẻ tiền đã ố vàng. Các thế cờ vua, những bản phân tích các ván cờ, thông tin về các giải đấu, những bức ảnh cũ chụp các nhà vô địch đang mỉm cười trong bộ trang

phục áo sơ mi trắng và vest với cà vạt, tóc được cắt theo kiểu thông dụng đương thời. Ông dừng lại ở một trang đúp in toàn ảnh.

“Hãy nhìn chúng thật kỹ,” ông nói với Julia.

Cô cúi xuống nhìn các bức ảnh. Chất lượng của chúng đều rất tồi, tất cả đều chụp những nhóm kỳ thủ đang đứng tạo dáng. Một số cầm trong tay cúp hay chứng chỉ. Cô đọc qua hàng tiêu đề: CÚP QUỐC GIA JOSE RAUL CAPABLANCA LẦN THỨ HAI.

“Tôi không hiểu,” cô thì thầm.

Muñoz chỉ vào một trong số những bức ảnh. Có một nhóm thiếu niên, hai trong số này cầm hai chiếc cúp nhỏ; bốn cậu bé còn lại đều nghiêm trang nhìn thẳng vào máy ảnh. Dưới bức ảnh là dòng chữ: CÁC KỲ THỦ VÀO CHUNG KẾT GIẢI THIẾU NIÊN.

“Cô có nhận ra ai không?” Muñoz hỏi.

Julia nhìn qua từng khuôn mặt. Chỉ có một khuôn mặt ở ngoài cùng bên phải dường như hơi quen thuộc. Đó là khuôn mặt của một cậu bé mười lăm hoặc mười sáu tuổi. Mái tóc cậu ta được chải lật ra sau, cậu bé mặc áo vest, đeo cà vạt, trên tay trái đeo một dải băng đen. Cậu ta nhìn vào ống kính với đôi mắt bình thản, thông minh, trong đó cô nghĩ có thể nhận ra một tia thách thức. Rồi sau đó cô nhận ra cậu ta. Khi cô chỉ tay vào cậu thiếu niên, cả bàn tay cô run rẩy, và khi cô ngược mắt nhìn lên Muñoz, ông gật đầu.

“Phải,” ông nói, “đó là gã kỳ thủ vô hình chúng ta tìm kiếm.”

LỘ DIỆN

“Tôi tìm ra nó chỉ đơn giản vì tôi đã tìm kiếm nó.”

“Cái gì? Ý anh là anh trông đợi sẽ tìm thấy nó?”

“Tôi nghĩ hoàn toàn có thể là thế.”

_ Ngài Arthur Conan Doyle _

Đèn cầu thang không sáng, vậy là hai người phải leo lên trong bóng tối. Muñoz đi trước, dò đường bằng cách đặt bàn tay lần theo lan can. Khi lên tới đầu cầu thang, họ dừng lại, lặng im lắng nghe. Hai người không nghe thấy tiếng động nào từ bên trong vọng ra, song có một dải ánh sáng hắt ra từ khe cửa. Julia không thể trông thấy khuôn mặt của người bạn đồng hành trong bóng tối, song cô biết Muñoz đang nhìn mình.

“Giờ chúng ta không thể quay lại được nữa,” cô lên tiếng để trả lời câu hỏi không nói ra của ông. Đáp lại cô chỉ có tiếng thở đều đặn bình thản của Muñoz. Cô đưa tay sờ tìm chuông cửa và bấm một lần. Bên trong, tiếng chuông lặng xuống thành một tiếng vọng xa xăm.

Phải một hồi lâu hai người mới nghe thấy tiếng bước chân chậm chạp hướng ra cửa. Tiếng bước chân ngừng lại trong khoảnh khắc, rồi lại tiếp tục, lần này di chuyển còn chậm hơn nữa, lại gần hơn nữa, cho tới khi ngừng lại hoàn toàn. Ổ khóa chậm chạp quay trong một khoảng thời gian tưởng như vô tận, rồi cuối cùng cánh cửa mở ra, làm một quầng sáng hình chữ nhật ủa tới khiến hai người lóa mắt trong chốc lát. Julia nhìn thân hình quen thuộc hiện lên trong ánh sáng nhẹ nhàng, thầm nghĩ đây quả là một chiến thắng cô không hề mong đợi.



Ông bước tránh sang bên để hai vị khách bước vào, có vẻ không hề lúng túng trước cuộc tới thăm bất ngờ của họ. Dấu hiệu bên ngoài duy nhất là một nụ

cười có vẻ gì đó bối rối mà Julia thoáng nhận ra khi ông đóng cửa lại sau lưng họ. Trên chiếc giá treo áo khoác bằng gỗ óc chó bịt đồng thời Edward* có treo một chiếc áo mưa, mũ và ô vẫn còn đang nhỏ nước.

Ông dẫn họ qua một lối đi dài có trần cao và trang trí tao nhã, với các bức tường được trang hoàng bằng những bức tranh phong cảnh thế kỷ 19 từ thành phố Seville. Ông đi trước hai người, chốc chốc lại quay ra sau với vẻ ân cần của một chủ nhà hiếu khách. Julia cố tìm kiếm trong vô vọng đầu mối của con người khác mà giờ đây cô đã biết đang nằm ẩn kín bên trong ông, như một bóng ma luôn lơ lửng quanh họ, và cô sẽ không bao giờ có thể lờ đi sự hiện diện của nó được nữa. Bất chấp việc ánh sáng của lý trí đã xua tan đi mọi dấu tích nghi ngờ cuối cùng trong tâm trí cô, bất chấp những sự kiện thực tế giờ đây đã ăn khớp vào nhau vừa khít như các miếng ghép của một bộ ghép hình, làm hiện lên từ các hình ảnh trong bức *Ván cờ* những đường nét, trong cả những mảng sáng và mảng tối, của những bi kịch khác giờ đây đã hòa lẫn vào tấn bi kịch được thể hiện trong bức họa theo trường phái Flemish – bất chấp tất cả những điều đó cùng cảm giác đau đớn sắc buốt đang dần dần thay thế sự sững sờ ban đầu, Julia vẫn không thể căm ghét người đàn ông đang bước đi phía trước họ, nửa quay lại với vẻ lịch sự niềm nở, luôn tao nhã cho dù cả ở chốn riêng tư, với một chiếc áo choàng mặc trong nhà bằng lụa màu xanh da trời, mặc trùm lên chiếc quần được cắt may rất khéo, cùng một chiếc khăn quàng được thắt trên cổ áo sơ mi để mở, mái tóc bạc trắng hơi lượn sóng ở phía sau gáy và hai bên thái dương, đôi lông mày hơi cong lên với vẻ dửng dưng hoàn toàn tương xứng với một người đàn ông có tuổi thích ăn diện bánh bao, nhưng mỗi khi Julia có mặt, thái độ ấy luôn được làm dịu đi bằng một nụ cười buồn, dịu dàng, trù mến như lúc này đang hé lộ trên đôi môi mỏng nhợt nhạt của ông.

Không ai trong ba người nói gì cho đến khi họ vào tới gian phòng khách

lớn có trần cao được trang trí bằng những bức họa vẽ các chủ đề cổ điển. Cho tới tối hôm đó, bức họa Julia ưa thích nhất vẫn là cảnh Hector* trong bộ giáp trụ sáng ngời đang từ biệt Andromache và con trai mình. Căn phòng khách, với các bức tường bị lấp kín sau những tấm thảm thêu và những bức tranh, chứa đựng những tài sản đáng giá nhất của César, những thứ ông chọn giữ lại cho riêng mình, cho dù người ta có trả giá cao đến đâu đi nữa. Julia biết rõ tất cả như thể chúng là của chính cô: chiếc xô pha bọc lụa kiểu đế chế*, mà lúc này Muñoz, khuôn mặt nghiêm nghị như hóa đá, hai bàn tay đút trong túi áo mưa, đang e dè không dám ngồi xuống dù César đã giục ông làm thế; bức tượng nhỏ bằng đồng thau tạc hình một thầy dạy kiếm có chữ ký của triết gia người Áo Steiner, mô tả một người đàn ông điển trai đứng thẳng, chiếc cằm kiêu hãnh hơi ngẩng lên, ngạo nghễ trên tấm đế, nổi bật lên trong căn phòng từ vị trí của nó trên mặt chiếc bàn viết Hà Lan có niên đại cuối thế kỷ 18 nơi, như Julia còn nhớ, César luôn ngồi viết các bức thư của ông; chiếc tủ kiểu nhiếp chính* kê trong góc phòng có bày một bộ sưu tập tuyệt đẹp những món đồ bạc mà ông luôn tự tay đánh bóng mỗi tháng một lần; và những bức tranh ưa thích của ông: một bức *Thiếu nữ* được cho là của Lorenzo Lotto, một bức *Loan báo* rất đẹp của Juan de Soreda, một *Thần Chiến tranh* vạm vỡ gân guốc của Luca Giordano, một bức *Chiều hôm* sầu muộn của Thomas Gainsborough*; bộ sưu tập đồ sứ Anh; những tấm thảm trải sàn, thảm treo tường và những chiếc quạt. Đây là những món đồ có lịch sử riêng đã được César tỉ mỉ gom góp, tìm tòi cho tới những chi tiết nhỏ nhất về phong cách, nguồn gốc và phả hệ để tạo ra một bộ sưu tập đầy chất cá nhân, vô cùng gần gũi với sở thích và tính cách đậm vẻ duy mỹ của chính con người ông, như thể ông là một phần không thể thiếu của mỗi hiện vật cũng như của toàn bộ chúng.

Muñoz vẫn đứng, ông tỏ ra điềm tĩnh và yên lặng, cho dù ở ông có điều gì

đó, có lẽ là cách hai bàn chân ông đặt bên rìa tấm thảm hay cách hai khuỷu tay ông nhô ra trên hai bàn tay đút vào túi áo, cho biết ông đang cảnh giác, sẵn sàng đối đầu với bất cứ diễn biến bất ngờ nào. Về phần mình, César nhìn người kỳ thủ với vẻ thú vị thản nhiên và lịch sự, chỉ thỉnh thoảng mới đưa mắt nhìn sang Julia, như thế, vì cô coi đây như nhà mình, Muñoz, người lạ mặt duy nhất trong nhà lúc này, cần đưa ra lời giải thích về lý do ông xuất hiện đột ngột vào lúc muộn như hiện giờ. Julia, người biết rõ César cũng như chính bản thân mình – cô thậm chí lại trong đầu: người mà cho tới tận tối hôm ấy cô từng nghĩ cô biết rõ như chính bản thân mình – đã thấy rõ, từ khoảnh khắc César mở cửa, rằng ông hiểu cuộc thăm viếng của họ hàm chứa một ý nghĩa nào khác chứ không chỉ đơn thuần là ghé qua để gặp người đồng hành thứ ba trong cuộc phiêu lưu. Dưới vẻ niềm nở chịu đựng bên ngoài của ông, cô nhận ra, trong cách ông mỉm cười và trong cái nhìn vô tư lự trên đôi mắt màu xanh sáng của ông, có bóng dáng tâm trạng chờ đợi một cách thận trọng kèm thêm một chút hứng thú. Giống hệt như cách ông vẫn nhìn cô khi bế cô ngồi trên đầu gối mình, chờ đợi cô nói ra những từ thần diệu, câu trả lời cho những câu đố trẻ con cô luôn thích mê mỗi khi ông đặt ra cho cô: Nó giống như vàng, và nó không phải bạc... Hay: Con gì buổi sáng đi bốn chân, buổi trưa đi hai chân, và buổi chiều đi ba chân?... Và, câu hỏi tuyệt hơn tất cả: Người yêu tuyệt vời biết rõ tên vị phu nhân và màu áo của nàng...

Thế nhưng trong buổi tối kỳ lạ này, dưới ánh sáng được khuếch tán qua khung chụp giấy của chiếc đèn bàn kiểu Anh, với chân đèn hình một chiếc máy nén sách đang hắt những cái bóng lạ lùng lên các đồ vật khác, César không mấy để tâm đến cô. Ông không hề lẩn tránh cái nhìn của cô, vì mỗi lần đưa mắt về phía cô, ông đều nhìn thẳng vào mắt cô, thẳng thắn và trực diện, cho dù chỉ trong thoáng chốc, như thể giữa hai người không hề có gì bí mật, như thể mọi thứ giữa ông và cô đều đã có một câu trả lời, một câu trả lời

chính xác, đầy thuyết phục, hợp lý và rõ ràng, có lẽ là lời giải đáp cho mọi câu hỏi cô từng đặt ra cho ông trong suốt cuộc đời mình. Nhưng đây là lần đầu tiên Julia không muốn lắng nghe. Sự tò mò của cô đã được thỏa mãn hoàn toàn khi cô đứng trước bức *Chiến thắng của Thần chết* của Brueghel Cha. Giờ đây cô không còn cần đến ai nữa, kể cả ông. Và điều đó đã diễn ra từ trước khi Muñoz mở một tập sách cũ về cờ vua ra và chỉ cho cô thấy một bức ảnh trong đó. Tối nay, việc cô có mặt tại đây, tại nhà César, hoàn toàn xuất phát từ sự tò mò, một sự tò mò về thẩm mỹ, chắc César sẽ nói như vậy. Bốn phận của cô buộc cô phải có mặt, vừa là giọng ca chính vừa là ban đồng ca, vừa là diễn viên vừa là khán giả trong tấn bi kịch ẩn tượng nhất trong những vở bi kịch cổ điển. Tất cả họ đều hiện diện: Oedipus, Orestes, Medea* cũng như những người bạn cũ thân thuộc khác của cô. Nói cho cùng, màn trình diễn là dành cho cô.

Dẫu vậy, nó vẫn có vẻ gì đó hư ảo. Julia ngồi trên xô pha, gác tréo hai chân và đặt một cánh tay lên lưng ghế. Hai người đàn ông đứng phía trước mặt cô, vậy là họ tạo thành một tổng thể rất giống với bối cảnh trong bức tranh đã mất. Muñoz, bên trái, đang đứng bên mép một tấm thảm Pakistan cổ, những sợi chỉ đã bạc màu trên tấm thảm càng làm nổi bật tông đỏ và nâu vàng tuyệt đẹp của nó. Người kỳ thủ – giờ thì cả hai người họ đều là kỳ thủ, Julia thầm nghĩ với vẻ hài lòng pha chút tinh quái – vẫn không cởi áo mưa ra. Ông đang nhìn César, đầu hơi ngả sang một bên, khuôn mặt đậm chất Sherlock Holmes đem đến cho ông vẻ nghiêm nghị khác thường. Nhưng không phải ông đang nhìn César với tâm trạng tự mãn của một kẻ chiến thắng. Không có chút thù hận nào, thậm chí cả chút e dè hoàn toàn có thể hiểu được trong hoàn cảnh hiện tại cũng không, chỉ có vẻ căng thẳng tột độ hiện rõ trong đôi mắt và những múi cơ căng cứng trên hàm ông. Thái độ này, theo nhận định của Julia, xuất phát từ việc Muñoz hiện đang nghiên cứu *dáng*

vẻ thực tế của kẻ thù sau khi đã phải nghiên cứu tìm hiểu quá lâu chỉ với hình dung về *dáng vẻ lý tưởng* của hắn. Hắn ông đang soát lại những sai lầm trước đây, mừng tượng lại từng nước đi hay cân nhắc các ý định. Đó là dáng vẻ ương bướng, lơ đãng của một người mà sau khi thắng một ván cờ bằng một loạt nước đi tài tình, lúc này chỉ còn băn khoăn muốn tìm ra lý do bằng cách nào đối thủ của anh ta lại ăn được một quân tốt nằm tại một ô bàn cờ vô nghĩa bị lãng quên.

César đứng phía bên phải, với mái tóc bạc trắng và chiếc áo choàng mặc trong nhà bằng lụa, trông ông giống như một nhân vật lịch thiệp trong một vở hài kịch đầu thế kỷ: bình thản và nổi bật, ý thức được ông là người sở hữu tấm thảm đã hai trăm năm tuổi mà Muñoz đang đứng lên. Julia quan sát ông lấy ra một bao thuốc lá đầu lọc mạ vàng rồi gắn một điếu lên chiếc đót ngà. Cảnh tượng trước mắt hắn sẽ hắn sâu mãi mãi trong tâm trí cô: hậu cảnh là những món đồ cổ lấp lánh những tia sáng sẫm màu, những nhân vật cổ điển tinh tế được vẽ trên trần nhà; và hai người đàn ông đang đứng mặt đối mặt với nhau, một ông già chải chuốt, với dáng vẻ tao nhã và đầy mâu thuẫn, và một người đàn ông gầy gò ăn mặc xoàng xĩnh với chiếc áo mưa nhàu nhĩ còn khoác nguyên trên người, họ nhìn nhau trong im lặng, như thể đang chờ ai đó, có lẽ là một người nhắc vở đang ẩn kín sau một trong những món đồ nội thất cổ, ra lệnh bắt đầu màn cuối.

Từ lúc Julia nhận ra vẻ gì đó quen thuộc trên khuôn mặt cậu thiếu niên đang nhìn thẳng vào ống kính máy ảnh với toàn bộ sự nghiêm túc của tuổi mười lăm hay mười sáu, cô đã đoán trước màn cuối ít nhiều sẽ giống như thế này, cũng như nó sẽ kết thúc ra sao. Cô đưa mắt nhìn hai nhân vật ưa thích của mình trong lúc ngồi trên chiếc xô pha tiện nghi của César, thả cho dòng suy nghĩ của mình lười biếng trôi dạt vẩn vơ. Hắn không bao giờ cô có được một chỗ ngồi lý tưởng đến thế trong nhà hát. Thế rồi một hồi ức chợt quay về

với cô, một hồi ức cũng vừa mới xảy ra. Cô đã nhìn qua một lượt kịch bản. Cũng chỉ mới vài giờ trước, trong phòng 12 của bảo tàng Prado: bức tranh của Brueghel, những chiếc trống đang rền vang làm nền cho hơi thở hủy diệt của một kết cục không sao tránh khỏi, quét sạch mọi thứ khi nó lướt qua ngọn cỏ cuối cùng còn tồn tại trên mặt đất, và tất cả bị cuốn vào một vòng xoáy khổng lồ, bị chìm ngấm trong tiếng cười sảng sặc của một vị thần say khướt vì dư vị một thứ rượu nặng tại Olympia, nằm đâu đó phía sau những ngọn đồi u ám, những đồng đồ nát nghi ngút khói và những quầng lửa. Pieter Van Huys, một người vùng Flanders khác, vị họa sư già của triều đình Ostenburg, cũng đã mô tả tất cả những điều đó theo cách riêng của ông, có lẽ theo một cách tao nhã và tế nhị hơn, kín đáo vòng vo hơn Brueghel tàn nhẫn, nhưng mục đích thì vẫn là một. Tự trung lại, mọi bức tranh đều là sự họa lại cùng một bức tranh, cũng như mọi tấm gương đều đem lại hình ảnh phản chiếu của cùng một hình ảnh phản chiếu, và mọi cái chết đều là cái chết của cùng một Thần Chết.

“Tất cả thứ này là một tấm bảng chia ô của Đêm và Ngày
Nơi Số Mệnh dùng Con Người làm Quân Cờ cho ván đấu...”

Cô thầm tự nhẩm lại những từ đó trong lúc nhìn César và Muñoz. Mọi thứ đã sẵn sàng. Họ có thể bắt đầu. Ánh sáng vàng vọt từ cây đèn kiểu Anh tạo nên một quầng sáng hình nón bao lấy hai nhân vật chính. César hơi cúi đầu xuống để châm điếu thuốc lá của mình. Như thế đây là tín hiệu để bắt đầu cuộc hội thoại, Muñoz khẽ gật đầu rồi lên tiếng:

“Tôi hy vọng ông có sẵn một bàn cờ, César.”

Không phải là khúc dạo đầu sáng chói nhất, Julia thầm nghĩ, thậm chí cũng không phải phù hợp nhất. Một người viết kịch bản giàu ý tưởng hơn hẳn sẽ tìm ra những từ hay hơn làm lời thoại cho Muñoz. Song kẻ viết nên tấn bi hài kịch này, Julia buồn bã thầm nghĩ, nói cho cùng cũng thảm hại chẳng

khác gì thế giới do ông ta tạo ra.

“Tôi không nghĩ chúng ta cần đến một bàn cờ,” César đáp, và cùng với câu trả lời đó, màn đối thoại khá hẳn lên. Không phải vì lời thoại, mà vì âm điệu trong đó chúng được nói ra, một giọng nói hoàn hảo, đặc biệt là chút chấm phá chán chường César dành cho câu nói. Một giọng nói đặc trưng của riêng ông, giọng nói ông có thể sẽ sử dụng khi ngồi quan sát một cảnh diễn ra phía xa từ một chiếc ghế kê trong vườn, một chiếc ghế khung sắt uốn sơn trắng, trên tay là một ly martini nặng. César đã nâng các cử chỉ suy đồi của ông lên thành một thứ nghệ thuật, cũng như ông vẫn làm với bản chất đồng tính luyến ái và lối sống phóng túng buông thả của mình, và Julia, người yêu ông cũng vì cả những điều đó, có thể thưởng thức hết giá trị của phong cách được thực hiện một cách nghiêm khắc, hoàn hảo tới từng chi tiết ấy. Và điều đáng kinh ngạc nhất là ông đã lừa dối cô trong suốt hai mươi năm. Mặc dù, nói cho công bằng, người phải chịu trách nhiệm về sự lừa dối đó không phải ông, mà chính là cô. Chưa từng có gì thay đổi trong con người César. Giờ đây ông không hề cảm thấy ân hận hay bất an vì những gì đã làm. Cô hoàn toàn biết chắc được điều này. Trông ông vẫn đường hoàng chín chu như khi Julia nghe ông kể những câu chuyện về các người tình và chiến binh, về Long John Silver*, Wendy, Lagardère*, ngài Kenneth – hiệp sĩ Báo Năm*. Thế nhưng cũng chính ông là kẻ đã hạ sát Alvaro dưới vòi hoa sen, nhét một chai rượu gin vào giữa hai chân Menchu. Julia nhắm nháp hơi hường cay đắng trong chính bản thân mình. Nếu ông vẫn là chính ông, cô thầm nghĩ, và rõ ràng là như thế, vậy thì người thay đổi chính là tôi. Và đó là lý do tại sao tối nay tôi nhìn ông theo một cách khác, với con mắt khác: tôi nhìn thấy một kẻ đê tiện, giả dối, một tên sát nhân. Ấy thế mà tôi vẫn ngồi đây, chăm chú dõi theo từng lời ông nói một cách mê mẩn. Trong vài giây nữa thôi, thay vì kể cho tôi nghe một câu chuyện phiêu lưu trên biển Caribe, ông sẽ nói với tôi

ông đã làm tất cả những điều đó vì tôi hay điều gì đại loại như thế. Và tôi sẽ lắng nghe ông, như tôi vẫn luôn lắng nghe, bởi vì chuyện này đáng chú ý hơn tất cả những câu chuyện khác mà ông từng kể. Nó vượt chúng xa cả về trí tưởng tượng lẫn mức độ ghê sợ.

Cô nhắc cánh tay khỏi lưng ghế và cúi người ra trước thêm một chút, không muốn bỏ sót bất cứ chi tiết nhỏ nào của màn kịch. Cử chỉ đó dường như là tín hiệu để cuộc đối thoại tiếp tục. Muñoz, hai tay đút túi áo, đầu nghiêng sang một bên, đưa mắt nhìn thẳng vào César.

“Chỉ cần ông làm rõ cho tôi một việc,” ông nói. “Sau khi giám mục đen ăn tốt trắng ở ô a6, quân trắng quyết định di chuyển vua từ ô d4 tới ô e5, mở đường cho hậu trắng chiếu vua đen. Vậy tiếp theo quân đen sẽ làm gì?”

Đôi mắt César dường như đang tự mình mỉm cười, hoàn toàn độc lập với vẻ dửng dưng vô cảm hiện diện trên phần còn lại của khuôn mặt.

“Tôi không biết,” ông đáp sau một lát. “Ông mới là đại kiện tướng, ông bạn thân mến. Ông phải biết mới đúng.”

Muñoz phác một cử chỉ mơ hồ, như thể gạt sang bên danh xưng César vừa gán cho mình.

“Tôi nhắc lại,” ông chậm rãi nói, nhấn mạnh vào từng từ, “tôi muốn biết phiên bản chính thức.”

Đến lúc này nụ cười trước đó chỉ giới hạn trong đôi mắt César bắt đầu lan xuống đôi môi ông.

“Trong trường hợp đó, tôi sẽ bảo vệ vua đen bằng cách đưa giám mục tới ô c4.” Ông nhìn Muñoz với vẻ quan tâm lịch thiệp. “Ông thấy vậy có được không?”

“Vậy tôi sẽ ăn quân giám mục đó,” Muñoz nói, giọng nói gần như cộc cằn, “bằng giám mục trắng của tôi ở ô d3. Và sau đó ông sẽ chiếu vua của tôi bằng cách đi quân hiệp sĩ của ông tới ô d7.”

“Tôi sẽ không làm thế đâu, ông bạn thân mến.” César đón nhận ánh mắt người kỳ thủ không chút nao núng. “Tôi không biết ông đang nói về chuyện gì. Và bây giờ không phải lúc để diễn kịch.”

Muñoz cau mày, khuôn mặt ông vụt trở nên bướng bỉnh.

“Ông sẽ chiếu vua của tôi từ ô d7,” ông khẳng khăng lặp lại. “Đừng giả vờ nữa mà hãy tập trung vào bàn cờ đi.”

“Sao tôi lại phải làm thế?”

“Bởi vì bây giờ ông còn rất ít đường tháo thân. Tôi tránh nước chiếu của quân đen bằng cách chuyển vua trắng sang ô d6.”

Nghe đến đây, César thờ dãi, đôi mắt xanh của ông dừng lại ở Julia. Trong thứ ánh sáng dịu, dường như chúng trở nên rất nhạt, gần như không màu. Sau khi cắn chiếc đót thuốc lá giữa hai hàm răng, ông gật đầu hai lần, trên khuôn mặt thoáng hiện chút nuối tiếc.

“Nếu vậy, tôi lấy làm tiếc phải nói” – và ông có vẻ thực sự phiền muộn – “tôi sẽ phải ăn quân hiệp sĩ trắng thứ hai, ở ô b1.” Ông nhìn Muñoz đầy ân hận. “Thật đáng tiếc, ông không nghĩ thế sao?”

“Có. Nhất là từ góc độ của quân hiệp sĩ.” Muñoz cắn môi dưới. “Và ông sẽ ăn nó bằng quân tháp hay quân hậu?”

“Quân hậu, tất nhiên rồi.” César dường như cảm thấy bị xúc phạm. “Có một số quy luật nhất định...” Ông bỏ lửng câu nói, đồng thời phác một cử chỉ với bàn tay phải. Một bàn tay đẹp, trắng trẻo, trên mu bàn tay có thể thấy những đường ven xanh mờ, một bàn tay giờ đây Julia biết rõ rằng nó hoàn toàn có thể giết người, thậm chí tung ra cú đánh chết người cũng bằng cử chỉ lịch thiệp đó.

Thế rồi, lần đầu tiên kể từ lúc họ đến, Muñoz mỉm cười, vẫn nụ cười mơ hồ, xa xăm không bao giờ mang bất cứ ý nghĩa nào, như một câu trả lời cho những suy tưởng toán học kỳ lạ trong đầu ông hơn là hiện thực xung quanh.

“Ở tình thế của ông tôi sẽ đưa hậu tới ô c2, nhưng giờ thì chuyện đó không còn quan trọng nữa,” ông hạ giọng nói. “Điều tôi muốn biết lúc này là ông nghĩ sẽ giết tôi như thế nào.”

“Đừng nói vớ vẩn,” César đáp, và dường như ông thực sự bị sốc. Rồi sau đó, như thể kêu gọi ý thức lịch sử của Muñoz, ông chỉ về phía chiếc xô pha nơi Julia đang ngồi, song không hề nhìn cô. “Ở đây đang có một cô gái trẻ...”

“Vào lúc này,” Muñoz lên tiếng, nụ cười vẫn lưu lại trên khóe môi, “cô gái trẻ đang có mặt, theo tôi hình dung, cũng tò mò muốn biết không kém gì tôi. Nhưng ông vẫn chưa trả lời câu hỏi của tôi. Có phải ông đang nghĩ tới việc một lần nữa dùng đến một cú đánh vào họng hay sau gáy, hay ông định dành một hồi kết cổ điển hơn cho tôi? Ý tôi là thuốc độc, một con dao hay thứ gì đó tương tự... Nói theo cách của ông là như thế nào nhỉ?” ông ngược mắt nhìn lên các hình vẽ trên trần nhà, tìm kiếm cách diễn đạt phù hợp. “À, phải rồi, thứ gì đó ‘kiểu Venice’.”

“Tôi sẽ nói là ‘kiểu Florence’,” César đính chính lại, vẫn tỉ mỉ kỹ tính như mọi khi, cho dù lần này không giấu được ít nhiều ngưỡng mộ. “Tôi không hề nghĩ ông lại có khiếu hài hước trong những chủ đề như thế.”

“Tôi không có khiếu hài hước đó,” Muñoz đáp. “Không hề có.” Ông nhìn Julia và chỉ tay về phía César. “Kia chính là hẳn: kẻ có được niềm tin của cả vua và hoàng hậu. Nếu cô muốn hư cấu mọi thứ, ông ta chính là viên giám mục đầy mưu mô, gã tế tướng phản phúc ngấm ngấm bày mưu tính kế trong bóng tối, bởi vì ông ta, trên thực tế, chính là Hậu Đen trá hình.”

“Kịch bản này có thể làm nên một bộ phim truyền hình rẻ tiền hạng nhất,” César giễu cợt nhận xét, vỗ hai bàn tay vào nhau trong sự tán thưởng im lặng và chậm rãi. “Nhưng ông vẫn chưa cho tôi biết quân trắng sẽ làm gì sau khi mất hiệp sĩ. Nói thực lòng, ông bạn thân mến, tôi nóng lòng muốn biết lắm rồi.”

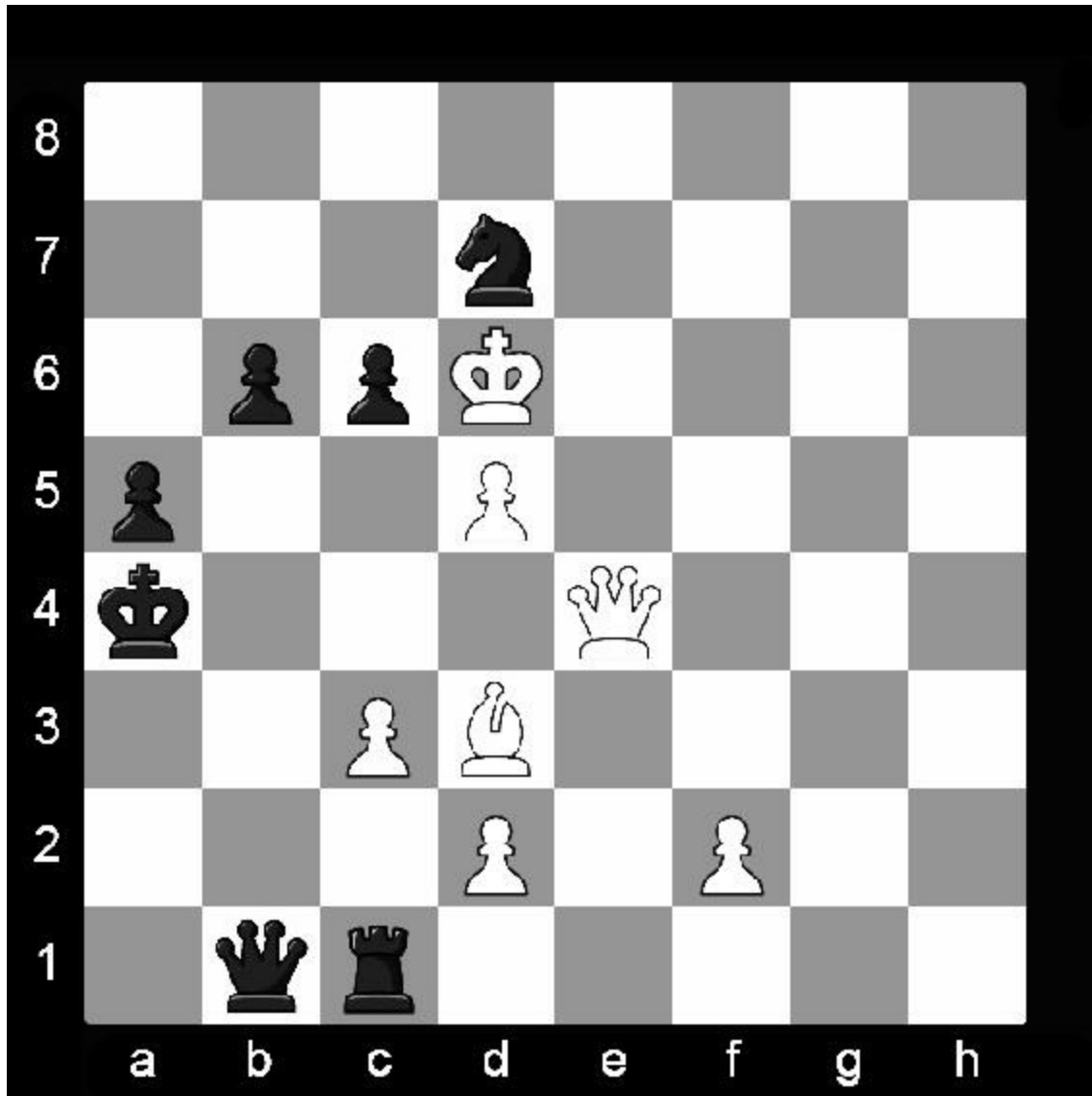
“Giám mục tới ô d3, chiếu. Và quân đen thua.”

“Phải, thật dễ dàng.”

César tiếp tục ngẫm nghĩ trong lúc bỏ điếu thuốc cũ khỏi đót và đặt xuống chiếc gạt tàn, sau khi đã kiểu cách gõ hết tàn thuốc xuống.

“Rất thú vị,” ông nói rồi bước tới chỗ chiếc bàn chơi bài kiểu Anh kê bên cạnh xô pha một cách chậm rãi, như thể để tránh không làm Muñoz bị kích động không cần thiết. Sau khi dùng chiếc chìa khóa nhỏ bằng bạc mở khóa một chiếc rương bằng gỗ xymalos, ông lấy ra những quân cờ màu đen và trắng ngả vàng của một bộ cờ bằng ngà voi rất cũ mà Julia chưa bao giờ trông thấy trước đây.

“Rất thú vị,” ông lặp lại. Những ngón tay mảnh dẻ của ông, với các móng tay được cắt ngắn bắt đầu sắp xếp các quân cờ lên bàn cờ. “Nếu vậy, tình thế ván cờ sẽ như thế này.”



“Chính xác,” Muñoz nói, trong lúc đứng cách xa một quãng quan sát bàn cờ. “Giám mục trắng, khi rút lui từ ô c4 về ô d3, cho phép một nước chiếu kép: hậu trắng chiếu vua đen trong khi bản thân quân giám mục chiếu hậu đen. Vua đen không còn lựa chọn nào khác ngoài rút chạy từ ô a4 tới ô b3 và bỏ mặc hậu đen cho số phận. Hậu trắng khi đó sẽ thực hiện một nước chiếu nữa sau khi đi tới ô c4, buộc vua của đối phương phải rút lui, trước khi giám mục trắng ăn hậu đen.”

“Quân tháp đen sẽ ăn quân giám mục đó.”

“Phải, nhưng điều đó không quan trọng. Không có hậu, quân đen coi như

chấm hết. Hơn nữa, khi quân cờ này biến mất khỏi bàn cờ, ván cờ chẳng còn lý do nào để tiếp tục nữa.”

“Có thể ông đúng.”

“Tôi chắc chắn đúng. Ván cờ, hay những gì còn lại của nó, được quyết định bởi quân tốt trắng ở ô d5, sau khi ăn tốt đen ở ô c6 nó sẽ tiến lên, không còn bị ai cản lại cho tới khi nó được thăng cấp*. Việc này sẽ xảy ra trong vòng sáu, hay nhiều nhất là chín nước đi nữa.” Muñoz cho một bàn tay vào túi áo và lấy ra một tờ giấy có ghi đầy những ký tự bằng bút chì. “Như thế này chẳng hạn.”

Pd5 x Pc6	Ktd7 - f6
Qc4 - e6	Pa5 - a4
Qe6 x Ktf6	Pa4 - a3
Pc3 - c4+	Kb2 - c1
Qf6 - c3+	Kc1 - d1
Qc3 x Pa3	Rb1 - c1
Qa3 - b3+	Kd1 x Pd2
Pc6 - c7	Pb6 - b5
Pc7 - c8...	(Đen thua cuộc)

César cầm tờ giấy lên, bình thần quan sát bàn cờ, chiếc đót hút thuốc rỗng vẫn ngậm giữa hai hàm răng. Nụ cười trên khuôn mặt ông là nụ cười của một người chấp nhận một thất bại đã được định sẵn. Ông lần lượt di chuyển các quân cờ cho tới khi chúng thể hiện tình thế cuối cùng. “Ông nói đúng. Không còn lối thoát nào cả,” cuối cùng ông lên tiếng. “Đen thua cuộc.”

Muñoz đưa mắt từ bàn cờ sang César.

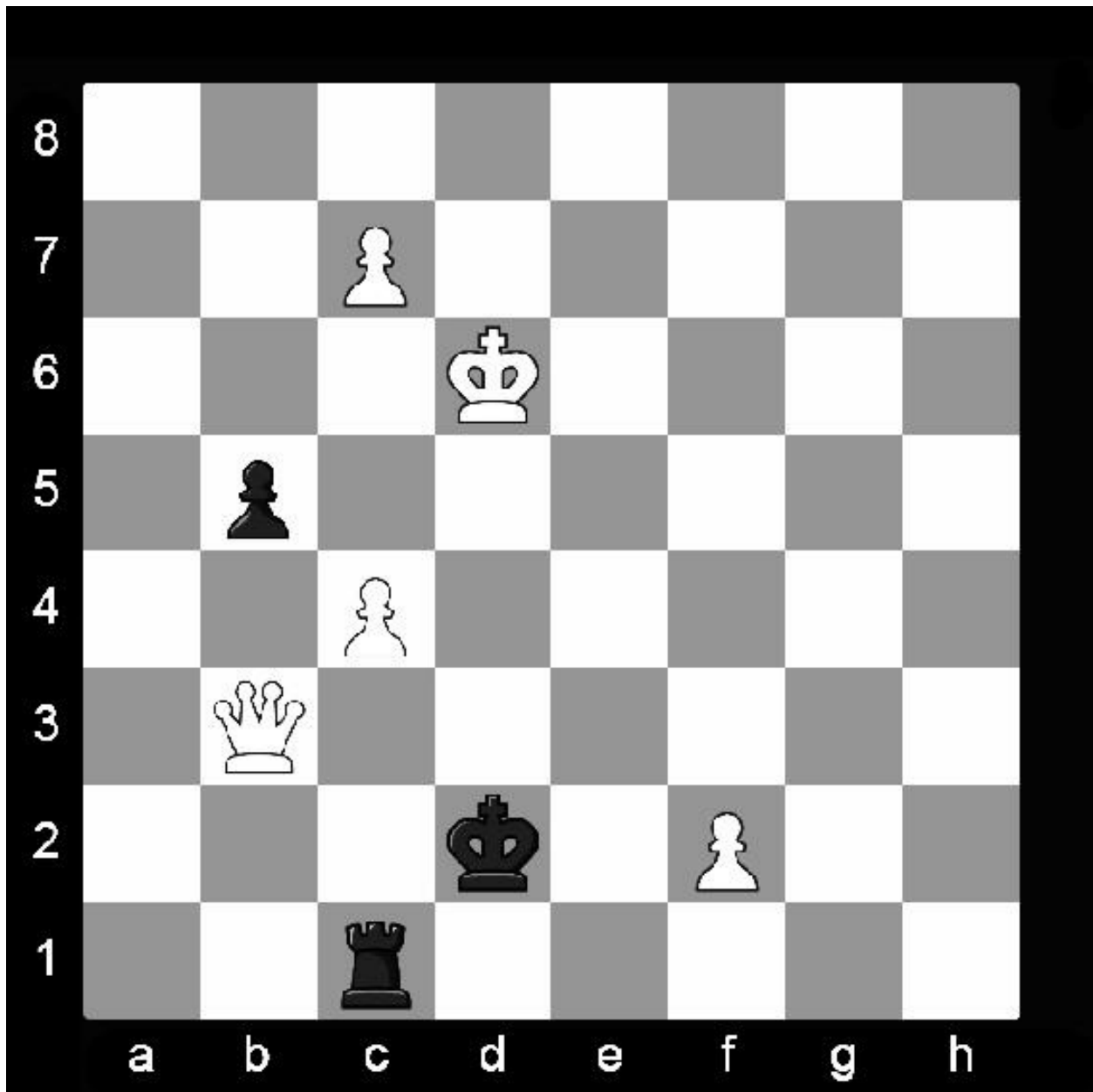
“Ăn quân hiệp sĩ thứ hai,” ông khẽ nói với giọng hoàn toàn bình thản, “là một sai lầm.”

César nhún vai, vẫn mỉm cười.

“Đến một thời điểm nào đó quân đen không còn lựa chọn nào khác. Ông có thể nói quân đen cũng là tù nhân của chính sự linh hoạt, sự năng nổ tự nhiên của nó. Quân hiệp sĩ đó đã hoàn tất ván cờ.” Trong phút chốc, Julia bắt gặp trong đôi mắt César tia sáng đầy tự hào. “Trên thực tế, mọi việc gần như hoàn hảo.”

“Nếu xét về phương diện cờ vua thì không,” Muñoz khô khan nói.

“Cờ vua ư? Ông bạn thân mến của tôi ơi” – César khinh khỉnh chỉ về phía các quân cờ.



“Tôi muốn nói tới điều còn hơn cả một bàn cờ đơn thuần.” Đôi mắt xanh của ông trở nên tối sẫm, như thể một thế giới vốn được ẩn kín dưới bề mặt chúng đang hé lộ. “Tôi đang nói tới chính cuộc sống, tới sáu mươi tư ô vuông của đêm đen và ngày trắng mà các thi sĩ thường nhắc tới. Hay cũng có thể là ngược lại, có thể phải là đêm trắng và ngày đen. Tất cả phụ thuộc vào việc chúng ta chọn bên nào để đặt các hình ảnh... hay, vì chúng ta đang nói tới các khái niệm mang tính biểu tượng, phụ thuộc vào việc chúng ta đặt tấm

gương ở vị trí nào.”

Julia có cảm giác những lời ông nói là dành cho cô. “Làm thế nào ông biết đó là César?” cô hỏi Muñoz, và César dường như vừa giật mình. Có điều gì đó bất ngờ thay đổi trong thái độ của ông, như thể Julia, khi lên tiếng chia sẻ lời buộc tội của Muñoz, đã phá vỡ một lời thề giữ im lặng. Thái độ chùng mịch ban đầu của vị chủ nhà lập tức biến mất, và nụ cười của ông trở nên chua chát, mĩa mai.

“Phải đấy,” ông nói với Muñoz, và đó là lời thừa nhận tội trạng chính thức đầu tiên của ông, “hãy nói cho cô ấy biết bằng cách nào ông biết thủ phạm là tôi.”

Muñoz hơi nghiêng đầu hướng về phía Julia.

“Ông bạn cô đã phạm phải một số sai lầm.” Ông do dự một giây để ngẫm nghĩ chính xác ý nghĩa của những từ mình vừa nói, sau đó đưa mắt nhìn César, có lẽ để xin lỗi. “Mặc dù tôi đã sai khi gọi chúng là ‘sai lầm’, vì ông ấy luôn biết chính xác mình đang làm gì và đối diện với nguy cơ nào. Thật trớ trêu, chính cô đã làm ông ấy sơ hở.”

“Tôi ư? Nhưng tôi chẳng hề biết gì cho tới khi...”

César lắc đầu, gần như trù mẫn, Julia thầm nghĩ, đồng thời cũng hoảng sợ trước cảm xúc của mình.

“Ông bạn Muñoz của chúng ta đang nói một cách ẩn dụ, công chúa.”

“Làm ơn đừng gọi tôi là công chúa.” Julia không nhận ra giọng nói của mình nữa. Nó có vẻ cứng rắn và xa lạ. “Không phải tối nay.”

César nhìn cô một lát trước khi gật đầu đồng ý.

“Được thôi.” Dường như ông cảm thấy khó khăn trong việc nối tiếp mạch đối thoại. “Điều Muñoz đang cố giải thích là sự hiện diện của cháu trong ván cờ đem đến cho ông ấy một cái nền tương phản, cho phép quan sát các dự định của đối thủ. Ông bạn của chúng ta là một kỳ thủ giỏi, nhưng hóa ra ông

ấy còn là một tay thám tử cừ khôi hơn nhiều so với những gì bác trông đợi. Không giống như gã Feijoo dằn độn, kẻ nhìn vào đầu mẫu thuốc lá nằm trong gạt tàn và từ đó chỉ có thể suy luận ra nhiều lắm là ai đó đã hút thuốc.” Ông nhìn Muñoz. “Chính việc dùng giám mục ăn tốt thay vì hậu ăn tốt ở ô d5 đã khiến ông cảnh giác, phải vậy không?”

“Đúng thế. Hay ít nhất đó cũng là một trong những chi tiết khiến tôi nghi ngờ. Trong nước đi thứ tư của mình, quân đen đã bỏ qua một cơ hội để ăn hậu trắng, một nước đi đáng ra đã cho phép kết thúc ván cờ có lợi cho nó. Thoạt đầu, tôi nghĩ đối thủ của chúng ta chỉ đơn thuần đang chơi trò mèo vờn chuột, hoặc Julia còn cần thiết cho trò chơi, nên cô chưa thể bị loại khỏi bàn cờ, hay bị sát hại, cho tới tận sau đó hơn. Nhưng khi kẻ thù của chúng tôi, cũng chính là ông, chọn giám mục ăn tốt thay vì dùng hậu ăn tốt ở ô d5, một nước đi dứt khoát sẽ dẫn tới đối hậu, tôi nhận ra đối thủ bí ẩn kia chưa bao giờ có ý định ăn hậu trắng, rằng thậm chí hẳn còn sẵn sàng chấp nhận thua cuộc thay vì thực hiện nước đi ấy. Và mối liên hệ giữa nước đi này với bình khí bị bỏ lại trên xe của Julia ở chợ Rastro, thông điệp đầy tự phụ đó: ‘Ta có thể giết mi nhưng ta không làm thế’, rõ ràng đến mức tôi không còn chút nghi ngờ nào về việc mối đe dọa tới hậu trắng chỉ là một màn nghi binh.” Ông nhìn sang Julia. “Bởi vì, trong toàn bộ câu chuyện này, cô chưa bao giờ thực sự gặp nguy hiểm cả.” César gật đầu như thể điều đang được bàn tới không phải là những hành động chính ông đã làm mà là của một kẻ thứ ba nào đó, một kẻ ông hoàn toàn dừng dừng với số phận của hắn.

“Ông cũng hiểu ra,” ông nói, “rằng kẻ thù không phải là vua đen mà là hậu đen.”

Muñoz nhún vai.

“Cũng không có gì khó khăn. Mối liên hệ với các vụ án mạng đã quá rõ ràng: chỉ các quân cờ bị hậu đen ăn mới thực sự đại diện cho một vụ án

mạng. Tôi tập trung vào nghiên cứu các nước đi của quân cờ này và rút ra được vài kết luận thú vị. Chẳng hạn, vai trò bảo vệ của nó, nếu xét tới cách chơi của quân đen nói chung, thậm chí vai trò ấy còn mở rộng tới tận quân hậu trắng, kẻ thù chính của nó, song lại được nó tôn trọng như thể quân cờ này là thiêng liêng bất khả xâm phạm. Dù có vị trí gần gũi với quân hiệp sĩ trắng, tức là tôi, hai quân nằm trên hai ô kề nhau, gần như hai người láng giềng tốt, thế nhưng hậu đen đã lựa chọn không hưởng đòn tấn công chết chóc của nó vào quân cờ này cho tới tận sau đó, khi không còn lựa chọn nào khác.” Ông vẫn đang nhìn César với đôi mắt mơ hồ. “Ít nhất tôi cũng được an ủi khi biết ông sẽ giết tôi mà không hề căm ghét, thậm chí còn dành cho tôi mức độ tinh tế nhất định và tình cảm thân thiết, với một lời xin lỗi trên môi, mong tôi thông cảm. Rằng ông phải làm thế chỉ hoàn toàn bởi ván cờ yêu cầu ông phải làm vậy.”

César đưa tay phác một cử chỉ đậm chất sân khấu thế kỷ 18 rồi cúi đầu, như thể biết ơn sự chính xác trong phân tích của Muñoz.

“Ông hoàn toàn đúng,” ông nói. “Nhưng hãy cho tôi biết, làm thế nào ông biết mình là quân hiệp sĩ chứ không phải quân giám mục?”

“Nhờ vào một loạt đầu mối, một số khá vặt vãnh, một số khác quan trọng hơn. Manh mối mang tính quyết định là vai trò biểu tượng của quân giám mục, như tôi từng nhắc tới trước đây, là quân cờ có được sự tin cậy của cả vua và hậu. Ông, César, đóng một vai thật kỳ lạ trong ván cờ này: giám mục trắng giả trang thành hậu đen, hành động từ cả hai phía của bàn cờ. Và chính điều kiện đó đã đẩy ông tới thất bại trong một ván cờ mà, thực sự rất kỳ lạ khi ông khởi đầu chính xác vì mục đích đó, để bị đánh bại. Và ông đã nhận cú đòn kết liễu do chính tay mình giáng xuống: giám mục trắng ăn hậu đen, ông bán bán đồ cổ của Julia để lộ danh tính của kỳ thủ vô hình do chính những nước đi của ông ta, giống như một con bọ cạp dùng đuôi đốt chính nó. Tôi có

thể cam đoan với ông đây là lần đầu tiên trong đời tôi từng chứng kiến một cuộc tự sát trên bàn cờ được thực hiện hoàn hảo đến thế.”

“Xuất sắc,” César nói, và Julia không dám chắc ông đang nói về lập luận phân tích của Muñoz hay về ván cờ do chính ông bày ra. “Nhưng hãy cho tôi biết một điều. Trong suy đoán của mình, bằng cách nào ông lý giải được sự hiện diện của tôi trong cả hậu đen và giám mục trắng?”

“Tôi cho rằng một lời giải thích chi tiết sẽ làm chúng ta mất cả đêm, còn cuộc bàn luận tiếp theo chắc phải mất vài tuần. Lúc này tôi chỉ có thể nói về những gì tôi nhận ra trên bàn cờ, và đó là một nhân cách bị chia đôi: cái ác và César, trong tất cả sự tối tăm của nhân cách ấy. Mặt nữ tính của ông, ông nhớ chứ? Ông từng yêu cầu tôi phân tích một trường hợp: một người bị giam hãm, o ép bởi môi trường xung quanh, luôn thách thức trước uy quyền, bị thôi thúc bởi sự thù địch và xu hướng đồng tính luyến ái. Tất cả những tính cách ấy hiện diện bên dưới bộ đồ đen của Beatrice xứ Burgundy, hay nói cách khác, quân hậu đen trên bàn cờ. Và đối lập với nó, cũng khác biệt như ngày và đêm, là tình yêu ông dành cho Julia. Một nửa khác của con người ông, cái nửa mang đến sự đau đớn dẫn vạt cho chính ông: nửa nam tính, với một vài biến đổi; khía cạnh duy mỹ thể hiện trong thái độ nghĩa hiệp của ông; điều ông muốn trở thành nhưng không thể. Roger de Arras hiện diện không phải trong quân hiệp sĩ mà lại là trong quân giám mục trắng tao nhã sang trọng. Ông nghĩ thế nào?”

César tái nhợt, bất động, lần đầu tiên trong đời Julia thấy ông đờ đẫn vì bất ngờ như thế. Rồi sau quãng thời gian tưởng dài như vô tận, chỉ có tiếng tích tắc của một chiếc đồng hồ treo tường đánh dấu mỗi thời khắc trôi qua, cuối cùng César cũng nở được một nụ cười gượng gạo ở một bên khóe môi nhợt nhạt của ông. Nhưng đó chỉ là một phản ứng máy móc, một cách để đối diện với bản mỗ xẻ chính xác không thể nào phản bác về tính cách của chính ông

mà Muñoz vừa nói thẳng vào mặt ông, như thể vừa ném xuống một chiếc găng*.

“Hãy nói cho tôi nghe về quân giám mục,” ông nói với giọng khàn khàn.

“Vì ông đã yêu cầu, tôi sẽ nói.” Lúc này đôi mắt Muñoz sáng bừng lên nhờ những nước cờ quyết định xuất sắc của ông. Ông đang trả lại cho đối thủ toàn bộ cảm giác ngờ vực hoài nghi mà vị chủ nhà đã buộc ông phải trải qua trên bàn cờ; đây là màn báo thù nhà nghề của ông. Và khi hiểu ra điều đó, Julia biết từng có thời điểm trong quá trình trải qua ván cờ đó, Muñoz chắc chắn đã nghĩ ông sẽ thua. “Quân giám mục, với những nước đi chéo dài của nó,” ông nói, “là quân cờ tượng trưng tốt nhất cho sự đồng tính luyến ái. Phải, ông đã dành cho mình một vai tuyệt vời nữa là vị giám mục che chở cho hậu trắng đang tuyệt vọng, chính quân giám mục vào giây phút cuối cùng, một khoảnh khắc quyết định tối hậu đã được lên kế hoạch ngay từ đầu, sẽ giáng đòn chí tử vào chính nửa giấu kín của bản thân mình, đồng thời dành cho hậu trắng mà ông ta tôn thờ một bài học đáng giá và ghê sợ. Tôi chỉ có thể dần dần nhận ra tất cả những điều đó, khi tôi từng bước ghép các suy nghĩ của mình lại với nhau. Nhưng ông lại không chơi cờ. Thoạt đầu, chi tiết này khiến cho các nghi vấn của tôi không tập trung vào ông. Và thậm chí cả khi tôi đã gần như chắc chắn, chi tiết đó vẫn khiến tôi băn khoăn. Kết cấu của ván cờ quá hoàn hảo với trình độ của một kỳ thủ bình thường, và không thể có được ở một người chơi cờ nghiệp dư, dù rất có năng khiếu đi nữa. Nói đúng ra, tới lúc này nó vẫn làm tôi băn khoăn.”

“Luôn có một lời giải thích cho mọi thứ,” César đáp. “Nhưng tôi không có ý ngắt lời ông, ông bạn thân mến. Mời ông tiếp tục.”

“Cũng không còn nhiều nữa để nói. Ít nhất không phải ở đây, vào tối nay. Alvaro Ortega nhiều khả năng bị giết bởi một người ông ta quen biết, nhưng tôi không hoàn toàn chắc chắn về điều đó. Tuy nhiên, Menchu Roch sẽ không

bao giờ mở cửa cho một người lạ, nhất là trong bối cảnh như Max đã kể. Tối hôm trước, trong quán cà phê ông từng nói gần như chẳng còn kẻ tình nghi nào nữa, và ông hoàn toàn đúng. Tôi cố tiếp cận các vụ án mạng này bằng lập luận phân tích, theo từng bước kế tiếp nhau. Lola Belmonte không phải đối thủ của tôi; chỉ vừa gặp cô ta tôi đã biết ngay điều đó. Chồng cô ta cũng vậy. Về phần *don* Manuel Belmonte, những nghịch lý lạ lùng về âm nhạc của ông ấy đã làm tôi phải tốn không ít công suy nghĩ... Nhưng kẻ tình nghi chúng ta đang tìm kiếm là một kẻ mất cân bằng. Khả năng chơi cờ của Belmonte, nếu tôi có thể gọi như vậy, không đạt được trình độ của hẳn. Hơn nữa, ông ấy lại là người tàn tật, hoàn toàn không có khả năng thực hiện những hành vi bạo lực nhằm vào Alvaro và Menchu. Giả thiết về sự kết hợp giữa ông bác và cô cháu gái, nếu chúng ta không quên người phụ nữ tóc vàng mặc áo mưa, cũng không đứng vững khi được phân tích chi tiết: tại sao họ phải đánh cắp thứ gì đó vốn đã thuộc về họ? Về phần Montegrifo, tôi đã thử tìm hiểu, và tôi biết anh ta không có bất cứ mối liên hệ nào với cờ vua. Thêm vào đó, không bao giờ có chuyện Menchu mở cửa cho anh ta vào sáng hôm đó.”

“Vậy là chỉ còn lại tôi.”

“Như ông biết đấy, khi người ta đã loại bỏ hết những khả năng không thể xảy ra, khả năng còn lại, cho dù khó tin đến mức nào đi nữa, chắc chắn phải là sự thật.”

“Tất nhiên tôi nhớ, ông bạn thân mến. Và tôi xin chúc mừng ông. Tôi rất vui khi thấy rằng mình đã không đánh giá sai về ông.”

“Đó là lý do tại sao ông chọn tôi, phải không? Ông biết tôi sẽ thắng ván cờ. Ông muốn bị đánh bại.”

Với một nụ cười mỉm thờ ơ, César như muốn nói chuyện đó giờ không còn quan trọng nữa.

“Đúng là tôi trông đợi sẽ bị đánh bại. Tôi mượn đến tài năng của ông vì

Julia cần một người hướng đạo trong chuyến đi xuống địa ngục này... Bởi vì lần này tôi cần chú tâm vào diễn vai Quỷ dữ. Cô bé cần một người bạn đồng hành. Vậy là tôi tìm cho cô bé một người như thế.”

Mắt Julia lóe sáng khi nghe tới đó. Giọng nói của cô sắc lạnh với âm hưởng của kim loại.

“Không phải ông đang đóng vai Quỷ dữ, mà là vai Chúa. Đưa ra phán quyết về thiện và ác, về sự sống và cái chết.”

“Đó là ván cờ của cháu, Julia.”

“Ông nói dối. Nó là của ông. Tôi chẳng qua chỉ là một cái cờ.”

César nhìn cô với vẻ trách cứ.

“Cháu chẳng hiểu gì cả, cô bé yêu quý. Nhưng giờ điều đó cũng không quan trọng nữa. Hãy nhìn vào bất cứ tấm gương nào; có thể khi đó cháu sẽ đồng ý với bác.”

“Ông có thể giữ lại những tấm gương của ông, César.”

Ông thực sự bị tổn thương, giống như một chú chó hay một đứa trẻ bị mắng oan. Lời trách móc âm lạnh, đượm vẻ trung thực đến lối bạch, dần dần mờ đi khỏi đôi mắt ông, và còn lại trong chúng chỉ là một cái nhìn chăm chú, gần như rưng rưng nước mắt, dăm dăm hướng vào không gian vô định. Rồi ông từ tốn quay đầu lại nhìn về phía Muñoz.

“Ông vẫn chưa nói cho tôi biết,” ông lên tiếng, và dường như đang gặp khó khăn trong việc tìm lại giọng điệu đã sử dụng lúc trước để nói chuyện với Muñoz, “bằng cách nào cuối cùng ông thiết lập được chiếc bẫy cho phép các giả thiết suy đoán của ông trở nên khớp với thực tế. Chẳng hạn tại sao ông lại cùng Julia tới tìm gặp tôi tối nay, mà không phải là hôm qua?”

“Bởi vì hôm qua ông chưa từ bỏ cơ hội ăn hậu trắng lần thứ hai. Và cũng vì cho tới tận chiều nay tôi vẫn chưa tìm được thứ tôi tìm kiếm: một cuốn tạp chí về cờ vua xuất bản vào quý bốn năm 1945. Trong đó có một bức ảnh

chụp các kỳ thủ vào chung kết giải thiếu niên, và ông có mặt ở đó, César, họ tên của ông được in rõ ở trang tiếp theo. Điều khiến tôi ngạc nhiên là ông không phải người chiến thắng. Tôi cũng rất bối rối trước việc sau đó không hề có ai nhắc tới ông với tư cách một kỳ thủ. Ông đã không bao giờ chơi cờ trước công chúng nữa.”

“Có một điều tôi không hiểu,” Julia nói. “Hay, nói cho đúng, còn một điều nữa tôi không hiểu, ngoài rất nhiều điều vốn tôi đã không tài nào hiểu được trong câu chuyện điên rồ này. Tôi đã quen ông từ rất lâu, từ khi tôi bắt đầu có ký ức, César. Tôi lớn lên bên cạnh ông, và tôi từng nghĩ mình biết rõ mọi góc cạnh của cuộc đời ông. Nhưng ông không bao giờ nhắc tới cờ vua, dù chỉ một lần. Không bao giờ. Tại sao?”

“Đó là một câu chuyện dài.”

“Chúng ta có thời gian,” Muñoz nói.



Đó là ván cờ cuối cùng của cuộc thi, và cũng chỉ còn lại lát đá vài quân cờ trên bàn cờ. Ngồi đối diện với sàn đấu nơi hai kỳ thủ vào chung kết đang so tài là vài khán giả ít ỏi đang dõi theo các nước cờ được một giám khảo viết lên một tấm bảng treo trên tường, giữa một bức ảnh chân dung tướng Franco* và một cuốn lịch – ngày hôm đó là 12 tháng Mười năm 1945 – nằm phía trên chiếc bàn bày chiếc cúp bạc long lanh dành cho nhà vô địch.

Cậu thiếu niên mặc áo vest xám đang bứt rứt nói qua nói lại nút thắt chiếc cà vạt của mình trong lúc tuyệt vọng quan sát các quân đen trên bàn cờ. Những nước đi gần nhất trong lối chơi thận trọng, chặt chẽ của đối thủ đã không ngừng dồn cậu ta vào thế bí. Không phải quân trắng đã thể hiện một

chiến thuật xuất sắc, mà chỉ đơn thuần là một quá trình chậm rãi bắt đầu bằng một thế trận phòng ngự vững chắc – thế phòng thủ vua kiểu Ấn Độ – và chiếm thế thượng phong đơn thuần chỉ nhờ vào việc kiên nhẫn chờ đợi và khai thác những sai lầm của đối phương. Một chiến thuật không chút sáng tạo, không chấp nhận một chút mạo hiểm nào, và chính xác đó là lý do đã phá hỏng mọi nỗ lực tấn công lên vua trắng của quân đen, làm cho lực lượng của bên đen lúc này bị phân tán, không còn khả năng hỗ trợ lẫn nhau, thậm chí không còn khả năng cản đường tiến của hai quân tốt trắng đang thay nhau lần lượt tiến lên và sắp được thăng cấp.

Đôi mắt cậu bé mặc áo vest xám dờ dẫm ừ ừ vì mệt mỏi và tủi hổ. Việc biết rõ lối chơi của mình xuất sắc hơn, táo bạo và sáng tạo hơn đối thủ cũng không thể an ủi được cậu trước thất bại không sao tránh khỏi này. Trí tưởng tượng tuổi mười lăm của cậu bé, thái quá và đầy kiêu hãnh, kèm theo sự nhạy cảm tột độ trong tâm hồn và sáng suốt trong tư duy, thậm chí cả thứ gần như là khoái cảm cậu cảm thấy khi di chuyển các quân cờ bằng gỗ được đánh véc ni trên bàn cờ một cách tao nhã, tạo nên trên những ô vuông đen và trắng một mạng lưới tinh tế mà cậu coi là một hiện thân gần như hoàn hảo của vẻ đẹp và sự hài hòa, tất cả giờ đây dường như đều trở nên vô ích, bị làm hoen ố bởi sự đặc ý thô thiển và vẻ khinh khinh hiện rõ mồn một trên khuôn mặt đối thủ của cậu: một cậu nhóc đáng vẻ vụng về với nước da nhợt nhạt, đôi mắt ti hí và khuôn mặt thô kệch chỉ biết một chiến lược duy nhất là thận trọng chờ đợi, giống như một con nhện nằm giữa mạng lưới của nó, một chiến thuật hèn nhất không lời nào tả nổi.

Vậy là cờ vua cũng thế, cậu bé chơi quân đen thầm nghĩ. Trong bản phân tích cuối cùng, sẽ là sự ê chề của một thất bại không đáng có, với sự tưởng thưởng dành cho những kẻ không mạo hiểm bất cứ thứ gì. Đó là những gì cậu bé cảm thấy vào khoảnh khắc đó, khi ngồi chơi một ván cờ vốn không chỉ là

một tập hợp của những nước đi ngu ngốc, mà là tấm gương phản chiếu của chính cuộc sống, của máu và thịt, sự sống và cái chết, sự anh hùng và đức hy sinh. Giống như những hiệp sĩ kiêu hãnh của nước Pháp tại Crécy*, gục ngã trong một chiến thắng rỗng tuếch dành cho các cung thủ xứ Wales của vua Anh, cậu bé đã phải chứng kiến các đợt tấn công của các quân hiệp sĩ và giám mục của mình, di chuyển theo những nước đi táo bạo tiến sâu vào thế trận kẻ thù như những đường gươm dũng mãnh sáng chói bị bẻ gãy hết lần này tới lần khác, như những đợt xung phong anh dũng nhưng vô ích, trước sự bất động lạnh lùng của đối thủ. Và quân cờ đáng ghét đó, vua trắng, đứng đằng sau hàng rào không thể xuyên thủng của những quân tốt hạ tiện, quan sát từ một khoảng cách an toàn, cũng với bộ dạng khinh miệt hết như những gì đang hiện rõ trên khuôn mặt của kẻ chơi quân trắng, tình thế bất lợi và bất lực của vua đen cô độc, không thể hỗ trợ được những quân tốt trung thành còn lại của mình, lúc đó đang lăn xả vào một trận chiến vô vọng, một tàn cuộc mạnh ai nấy đánh.

Trên chiến trường không khoan nhượng của những ô vuông đen và trắng không có chỗ cho thất bại trong danh dự. Thất bại xóa đi tất cả, hủy hoại không chỉ kẻ thua cuộc mà cả trí tưởng tượng, những giấc mơ và sự tự tôn của anh ta. Cậu bé mặc áo vest xám chống khuỷu tay xuống bàn, áp trán vào lòng bàn tay và nhắm mắt lại, lắng nghe tiếng binh khí va vào nhau lặng dần trong thung lũng ngập tràn bóng tối. Không bao giờ nữa, cậu bé tự nhủ. Giống như những người Gaul bị Rome chinh phục từng từ chối không bao giờ nhắc đến thất bại của họ, cậu cũng vậy, trong suốt phần đời còn lại của mình, cậu cũng sẽ từ chối nhớ tới thất bại của mình, cũng như sự vô ích của chiến thắng. Cậu sẽ không bao giờ chơi cờ vua nữa. Và, nếu may mắn, cậu sẽ có thể xóa bỏ nó ra khỏi ký ức của mình, giống như tên của các vị pharaoh đã băng hà bị xóa đi khỏi mọi đền đài.

Đối thủ, giám khảo và các khán giả đang chờ đợi nước đi tiếp theo của cậu bé với vẻ sốt ruột không giấu giếm, vì ván cờ quả thực đã kéo dài quá lâu. Cậu bé nhìn lần cuối vị vua đang bị bao vây của mình, và với cảm xúc buồn bã của nỗi cô đơn cậu đang cùng chia sẻ với nó, quyết định rằng giờ đây cậu chỉ còn việc thực hiện một cử chỉ nhân từ cuối cùng, dành cho nó một cái chết xứng đáng bởi chính bàn tay cậu, qua đó tránh được nỗi nhục bị dồn vào chân tường như một con chó hoang. Cậu bé đưa tay ra, và với một cử chỉ dịu dàng tột độ, chậm rãi lật nghiêng vị vua bại trận và đặt nó nằm xuống thật đẹp đẽ trên một ô bàn cờ trống.

ĐOẠN KẾT CỦA HẬU ĐEN

Những gì tôi làm đã tạo ra vô vàn tội lỗi cũng như đam mê, bất đồng và những lời nói vô nghĩa – đó là chưa kể tới những lời dối trá – trong chính bản thân tôi, trong đối thủ của tôi, hoặc có thể cả hai. Cờ vua đẩy tôi tới chỗ sao nhãng bốn phận của tôi với Chúa và con người.

_ Hợp tuyển Harley _

Khi giọng nói khe khẽ của César dừng lại, ông nở một nụ cười lơ đãng rồi thong thả đưa mắt từ một nơi vô định nào đó trong căn phòng trở lại bộ quân cờ bằng ngà voi trên mặt bàn. Sau đó ông nhún vai như thể muốn nói, “VẬY ĐÂY, KHÔNG AI ĐƯỢC QUYỀN CHỌN QUÁ KHỨ CỦA CHÍNH MÌNH.”

“Ông chưa bao giờ kể cho tôi nghe chuyện đó,” Julia nói, và giọng của cô nghe như một sự xâm phạm lỗ bịch.

César im lặng một hồi trước khi trả lời. Ánh sáng tỏa ra qua chiếc chao đèn giấy chỉ soi sáng một nửa khuôn mặt ông, trong khi nửa còn lại chìm trong bóng tối. Điều kiện ánh sáng càng làm nổi bật các đường nét của đôi mắt và khuôn miệng ông, tô đậm thêm góc nhìn nghiêng quý phái, phần mũi và chiếc cằm tinh tế của ông, giống như hình rập nổi trên một chiếc mề đay cổ.

“Bác khó có thể nói với cháu về một thứ không hề tồn tại,” ông dụ giọng thì thầm, và đôi mắt ông, hoặc có lẽ chỉ đơn thuần là tia sáng mờ đục ánh lên từ đôi mắt đang chìm trong vùng tranh tối tranh sáng của ông, dừng lại ở Julia. “Trong bốn mươi năm bác đã cẩn thận yêu cầu mình phải tin rằng đúng là như thế.” Giờ đây trong giọng nói của ông lại có âm hưởng mỉa mai, hẳn là dành cho chính mình. “Bác không bao giờ động đến cờ vua nữa, kể cả khi chỉ có một mình. Không bao giờ.”

Julia lắc đầu, cảm thấy khó có thể tin nổi.

“Ông thật bệnh hoạn.”

Ông bật cười cụt lủn, không chút hài hước.

“Cháu làm bác thất vọng quá, công chúa. Bác vẫn hy vọng ít nhất cháu

cũng không dùng tới những cách nói sáo mòn đó.” Ông trầm ngâm ngắm nhìn chiếc đót hút thuốc bằng ngà voi của mình. “Bác cam đoan với cháu là bác hoàn toàn tỉnh táo. Nếu không làm sao bác có thể xây dựng nên câu chuyện đẹp đẽ này hoàn chỉnh tới từng chi tiết như vậy được?”

“Đẹp đẽ?” Cô ngỡ ngàng nhìn vị chủ nhà. “Chúng ta đang nói về Alvaro và Menchu đấy... Một câu chuyện đẹp đẽ ư?” Cô rùng mình kinh sợ và ghê tởm. “Vì Chúa! Ông đang nói về chuyện điên rồ nào vậy?”

César đón nhận cái nhìn của cô không chút dao động, sau đó quay sang Muñoz như thể tìm kiếm sự ủng hộ.

“Có những khía cạnh... duy mỹ,” ông nói, “có một vài yếu tố độc đáo lạ thường không thể bị gạt bỏ theo cách hời hợt như thế. Bàn cờ không chỉ là màu đen và màu trắng. Có những cấp độ cao hơn thế, từ đó cháu có thể nhìn thấy các sự kiện. Những cấp độ khách quan.” Ông nhìn hai người với vẻ mặt đột ngột trở nên đau khổ một cách chân thành. “Tôi cứ nghĩ cả hai người đã nhận ra điều đó.”

“Tôi biết ý ông muốn nói gì,” Muñoz lên tiếng. Ông vẫn đứng im ở vị trí cũ, hai tay vẫn đút trong túi chiếc áo mưa nhàu nhĩ. Nụ cười thoáng qua lại xuất hiện trên khóe môi, mơ hồ và xa xăm.

“Ông biết, thật vậy sao?” Julia kêu lên. “Ông biết những gì về nó?”

Cô phần nộ nắm chặt hai bàn tay, nén lại trong lồng ngực hơi thở đang âm vang trong hai tai cô giống như tiếng thở dốc của một con vật sau một cử chạy đường dài. Nhưng Muñoz không phản ứng gì, và Julia nhận thấy César lặng lẽ nhìn ông đầy hàm ơn.

“Tôi đã đúng khi chọn ông,” vị chủ nhà nói. “Và tôi thật mừng vì điều đó.”

Muñoz không đáp. Ông chỉ đưa mắt nhìn qua các bức tranh, những món đồ gỗ, các hiện vật có mặt trong căn phòng và chậm rãi gật đầu, như thể đang

rút ra những kết luận bí hiểm. Sau khoảnh khắc im lặng, ông hất hàm ra hiệu về phía Julia.

“Tôi nghĩ cô ấy đáng được biết toàn bộ câu chuyện.”

“Cả ông cũng vậy, ông bạn thân mến,” César nói thêm.

“Phải, tôi cũng vậy. Mặc dù tôi chỉ có mặt ở đây với vai trò nhân chứng.”

Không có chút hàm ý chỉ trích hay đe dọa nào trong những lời ông nói. Như thể người kỳ thủ đang khăng khăng giữ một vị thế trung lập kỳ quặc nào đó. Một vị thế trung lập không có chỗ để tồn tại, Julia thầm nghĩ, bởi sớm muộn gì cũng tới thời điểm không còn chỗ cho lời nói nữa và chúng ta sẽ phải đưa ra một quyết định.

Tuy vậy, bị tê liệt bởi một cảm giác không có thực mà cô không thể rũ bỏ được, Julia cảm thấy thời điểm đó vẫn còn ở xa phía trước.

“Vậy thì bắt đầu thôi,” cô nói, và khi nghe thấy giọng nói của chính mình, cô nhận ra với tâm trạng nhẹ nhõm không hề trông đợi rằng cô đang lấy lại được sự bình tĩnh đã đánh mất. Cô dành cho César một cái nhìn khắc nghiệt. “Hãy nói cho chúng tôi nghe về Alvaro.”

César gật đầu.

“Phải rồi, Alvaro,” ông khẽ lặp lại. “Nhưng trước hết tôi nên nói về bức tranh.” Một cái nhìn phiền muộn bất ngờ xuất hiện trên mặt ông, như thể ông đã quên mất vài điều thuộc về phép lịch sự tối thiểu. “Tôi vẫn chưa hỏi các vị có muốn uống gì đó không... Thật không thể tha thứ được. Hai người có muốn dùng gì không?”

Không ai trả lời. César bước tới bên chiếc rương cổ bằng gỗ sồi ông dùng làm chỗ cất đồ uống.

“Lần đầu tiên bác trông thấy bức tranh đó là khi bác có mặt tại căn hộ của cháu, Julia. Cháu còn nhớ chứ? Người ta vừa mang nó tới vài giờ trước, và trông cháu chẳng khác gì một cô bé vừa có đồ chơi mới. Trong suốt gần một

giờ đồng hồ bác lặng lẽ quan sát cháu tỉ mỉ nghiên cứu từng chi tiết nhỏ của bức tranh, giải thích cho bác những kỹ thuật cháu nghĩ sẽ dùng để phục chế nó, và bác đã nói đó là tác phẩm tuyệt vời nhất cháu từng thực hiện.” Vừa nói César vừa chọn một chiếc cốc hẹp lòng đặt tiền bằng thủy tinh được cắt gọt tinh xảo, rồi cho đá và đổ đầy rượu gin cùng nước chanh vào đó. “Bác đã rất ngạc nhiên được chứng kiến cháu hạnh phúc đến thế, và sự thực là, công chúa yêu quý, bác cũng rất hạnh phúc vào lúc đó.” Ông quay lại, cầm cốc trên tay, và sau khi thận trọng nhấp thử món đồ uống đựng trong đó, dường như ông rất hài lòng với nó. “Nhưng điều lúc đó bác chưa nói với cháu... À phải, ngay cả lúc này cũng khó nói thành lời. Cháu đang phấn khích tột độ trước vẻ đẹp của hình ảnh, sự cân xứng của bố cục, cùng màu sắc và ánh sáng. Bác cũng có tâm trạng đó, nhưng vì những lý do khác. Bàn cờ đó, các kỳ thủ và quân cờ, vị phu nhân ngồi đọc sách bên cửa sổ, tất cả đã làm sống dậy niềm đam mê cũ của bác. Vốn vẫn tin nó đã hoàn toàn bị lãng quên, bỗng chốc bác cảm thấy nó quay trở lại như một tia chớp lóe sáng trên trời xanh. Bác cảm thấy đồng thời cả cơn phấn khích bùng lên lẫn cảm giác kinh hoàng, như thể sự điên rồ đang phả hơi thở của nó lên má bác vậy.”

César chợt im lặng, nửa miệng ông bên phía có ánh đèn vẽ thành nụ cười thân mật một cách tinh quái, như thể giờ đây ông cảm thấy một sự khoan khoái đặc biệt khi nhâm nhi ký ức đó.

“Nó không chỉ là cờ vua,” ông nói tiếp, “mà là một cảm nhận sâu sắc hoàn toàn cá nhân về trò chơi này như một mối liên hệ giữa sự sống và cái chết, giữa thực tế và mộng mơ. Và trong khi cháu, Julia, đang nói về bột màu và sơn phủ, bác hầu như chẳng nghe thấy gì, sững sờ trước rung động của khoái cảm và nỗi thống khổ tinh tế đang lan đi trong khắp cơ thể bác trong lúc bác ngồi cạnh cháu trên xô pha và nhìn vào, không phải những gì Pieter Van Huys đã vẽ trên tấm ván gỗ Flemish đó mà những gì ông ta có trong đầu khi

thực hiện bức họa.”

“Và ông quyết định mình nhất định phải có nó.”

César nhìn Julia với vẻ chê trách đầy mỉa mai.

“Đừng đơn giản hóa mọi thứ thái quá như thế, công chúa.” Ông nhấp một ngụm nhỏ món đồ uống của mình rồi mỉm cười với cô như thể mong cô rộng lượng. “Điều bác đã quyết định, một cách hết sức đột ngột, là dứt khoát bác phải để cho đam mê của mình được thỏa sức tự do. Một người đã sống lâu như bác thì hẳn phải vì một lý do nào đó. Chắc chắn chính vì thế bác hiểu ra ngay lập tức, không phải bản thông điệp được mã hóa, như sau đó chúng ta đã khám phá ra, mà là sự thật hiển nhiên rằng bức tranh chứa đựng một bí ẩn đầy cuốn hút và ghê gớm nào đó. Thử nghĩ về nó xem: rất có thể bí ẩn đó cuối cùng sẽ chứng minh bác có lý.”

“Có lý sao?”

“Phải. Thế giới không đơn giản như người đời muốn chúng ta tin. Các đường ranh giới đều mơ hồ; chỉ có các chi tiết là đáng quan tâm. Không có thứ gì là độc một màu đen hay trắng, cái ác có thể là tấm mặt nạ giả trang cho cái thiện hay vẻ đẹp và ngược lại, trong khi cái này không nhất thiết phải loại trừ cái kia. Một con người có thể vừa yêu vừa phản bội đối tượng của tình yêu đó mà không hề làm suy yếu sự chân thực trong cảm xúc của người đó. Ta có thể là người cha, người anh trai, người con trai và người tình cùng một lúc; là cả nạn nhân và đao phủ... Cháu có thể tự chọn lấy ví dụ cho mình. Cuộc sống là một cuộc phiêu lưu đầy bất trắc trên một bối cảnh không giới hạn, với những đường biên không ngừng dịch chuyển, nơi mọi ranh giới đều giả tạo, nơi vào bất cứ lúc nào mọi thứ cũng có thể dừng lại để rồi bắt đầu lại từ đầu hoặc đột ngột chấm dứt, cứ thế lặp đi lặp lại mãi mãi, như một nhát chém bất ngờ ập xuống từ một lưỡi rìu. Nơi thực tế duy nhất, tuyệt đối, chắc chắn, không thể bàn cãi và rõ ràng là cái chết. Nơi chúng ta chỉ như một tia

sáng nhỏ nhoi lóe lên giữa đêm trường vĩnh cửu, và cũng là nơi, công chúa, chúng ta có rất ít thời gian.”

“Tất cả những điều này có gì liên quan tới cái chết của Alvaro?”

“Mọi thứ đều liên quan tới mọi thứ khác.” César đưa một bàn tay lên, ra hiệu yêu cầu cô kiên nhẫn. “Bên cạnh đó, cuộc sống là một chuỗi các sự kiện kế tiếp nhau cho dù người ta có muốn hay không.” Ông giơ chiếc cốc ra ánh sáng, ngắm nhìn thứ đồ uống đựng trong cốc như thể đó là nơi suy nghĩ của ông đang nổi bông bênh. “Sau đó – ý bác là trong ngày hôm ấy, Julia – bác quyết định tìm cho ra mọi thứ có thể về bức tranh. Và, cũng như cháu, người đầu tiên bác nghĩ tới là Alvaro. Bác chưa bao giờ ưa hẳn, cả khi cháu còn quan hệ với hẳn lẫn sau đó, với sự khác biệt quan trọng là bác không bao giờ tha thứ cho tên khốn đó về chuyện hẳn đã làm cháu bị tổn thương như thế...”

“Đó là việc của tôi,” Julia nói, “không phải của ông.”

“Cháu sai rồi. Nó cũng là việc của bác nữa. Alvaro đã chiếm được vị trí mà bác không bao giờ có được. Nói theo cách khác...” ông do dự một lát và mỉm cười cay đắng, “hẳn là tình địch của bác. Kẻ duy nhất có khả năng mang cháu đi khỏi bác.”

“Chuyện giữa anh ấy và tôi đã kết thúc. Thật lỗi bịch khi liên hệ hai chuyện này với nhau.”

“Không lỗi bịch lắm đâu. Nhưng chúng ta không bàn tới chuyện này nữa. Bác căm ghét hẳn, và sự thật là thế. Tất nhiên, đây không phải là lý do để giết ai đó. Nếu vì lý do này, bác có thể cam đoan với cháu bác đã không đợi lâu đến thế trước khi ra tay. Thế giới này của chúng ta, thế giới của mỹ thuật và đồ cổ, là một nơi rất nhỏ bé. Alvaro và bác thỉnh thoảng vẫn có liên hệ về vấn đề chuyên môn, điều đó là không thể tránh khỏi. Mọi quan hệ giữa bác và hẳn không thể coi là thân mật, tất nhiên rồi, nhưng đôi khi tiền bạc và lợi ích tạo ra những kẻ cùng hội cùng thuyền thật lạ lùng. Bằng chứng là khi gặp phải

khó khăn với bức tranh của Van Huys, chính cháu cũng đi thẳng tới tìm hãn. Vậy là bác cũng tìm hãn và đề nghị hãn tìm kiếm tài liệu về bức tranh. Bác không trông đợi hãn làm vậy vì tình yêu dành cho nghệ thuật, tất nhiên rồi. Bác đề nghị với hãn một khoản tiền hợp lý. Anh chàng bạn trai cũ của cháu, Chúa an ủi linh hồn anh ta, luôn là một anh chàng cao giá. Rất cao giá.”

“Tại sao ông không nói gì với tôi về việc này?”

“Vì vài lý do. Thứ nhất, bác không muốn thấy cháu bắt đầu một mối quan hệ nữa với hãn, cho dù chỉ thuần túy chuyên môn. Cháu sẽ chẳng bao giờ đảm bảo được rằng không còn vài mẩu than hồng vẫn còn âm ỉ cháy dưới lớp tro. Nhưng cũng còn một nguyên nhân khác nữa. Bức tranh đó có liên quan tới những cảm xúc cá nhân rất riêng tư.” Ông chỉ vào bộ cờ bằng ngà voi đặt trên mặt bàn. “Nó liên quan tới một phần con người bác mà bác từng nghĩ đã mãi mãi từ bỏ, một góc nội tâm của bác mà không ai được phép tiếp cận, kể cả cháu, công chúa. Nói với cháu cũng có nghĩa là mở toang cánh cửa dẫn tới những điều bác sẽ chẳng bao giờ đủ can đảm để trò chuyện về chúng với cháu.” Ông nhìn sang Muñoz, người vẫn đang đứng ngoài cuộc đối thoại. “Bác nghĩ ông bạn đây của chúng ta có thể khai sáng cho cháu về chủ đề này. Có phải vậy không? Cờ vua là sự thể hiện cái tôi cá nhân, thất bại là sự thất vọng trong khoái cảm xác thịt và những thứ thú vị tối tăm tương tự. Những nước đi dài theo đường chéo xuyên qua bàn cờ của quân giám mục.” Ông liếm quanh miệng cốc và khẽ rùng mình. “À, phải. Bác dám chắc ông lão Sigmund sẽ có khối thứ để nói về chủ đề này.”

Ông thở dài mặc niệm những bóng ma của chính mình, rồi chậm rãi nâng cốc lên hướng về phía Muñoz.

“Tôi vẫn không hiểu,” Julia khẳng khẳng, “những điều ông vừa nói có gì liên quan tới Alvaro.”

“Ban đầu thì không nhiều,” César thừa nhận. “Bác chỉ muốn một bản tập

hợp tư liệu nho nhỏ về lịch sử bức tranh. Một thứ mà vì nó, như bác đã nói, bác sẵn sàng trả hào phóng. Nhưng mọi chuyện trở nên rắc rối khi cháu quyết định cũng tìm đến nhờ hãn tư vấn. Về nguyên tắc thì chuyện này cũng không có gì quan trọng. Với Alvaro, hãn đã thể hiện thái độ kín đáo chuyên nghiệp một cách đáng khen ngợi, kìm nén không kể cho cháu nghe mỗi quan tâm của bác với bức tranh, vì bác đã đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu hãn phải hoàn toàn giữ bí mật.”

“Nhưng chẳng lẽ anh ấy không thấy lạ về việc ông bí mật tìm hiểu về bức tranh sau lưng tôi sao?”

“Không hề. Hoặ c nếu có thì hãn cũng không nói ra lời. Có lẽ hãn nghĩ bác muốn dành cho cháu một bất ngờ, bằng cách cung cấp cho cháu vài thông tin mới. Hoặ c có lẽ hãn nghĩ bác đang lừa cháu.” César trầm ngâm cân nhắc một cách nghiêm túc. “Bây giờ, khi nghĩ tới điều đó, chỉ riêng việc ấy thôi cũng đáng để hãn bị giết.”

“Anh ấy đã cố gắng báo trước cho tôi. Anh ấy có nói về việc gần đây tranh của Van Huys trở nên rất thời thượng.”

“Một kẻ đê tiện tới lúc chết,” César nhận xét. “Bằng cách nói với cháu lời ám chỉ chung chung đó, hãn đã giữ được thể diện trước mặt cháu, đồng thời cũng không làm bác bực mình. Hãn giữ cho cả hai chúng ta cùng cảm thấy hài lòng: hãn vừa có tiền, vừa để mở được khả năng hâm nóng lại những cảnh lãng mạn của một năm trước.” Ông nhướn một bên mày lên, bật cười cụt lủn. “Nhưng bác đang kể cho cháu nghe chuyện gì đã xảy ra giữa Alvaro và bác.” Ông lại chăm chú ngắm nghía chiếc cốc của mình. “Hai ngày sau cuộc nói chuyện giữa bác và hãn, cháu tới nói cho bác biết về dòng chữ bị che kín. Bác đã cố giấu kín cảm xúc của mình tốt nhất có thể, song phát hiện đó tác động lên bác như một cú điện giật vậy. Nó xác nhận linh cảm của bác về sự tồn tại của một bí ẩn nào đó. Bác biết điều đó sẽ làm tăng giá trị bức tranh

của Van Huys, và bác nhớ từng nói với cháu như thế. Điều đó, cùng với lịch sử bức tranh và các nhân vật của nó, sẽ có thể mở ra những khả năng mà vào lúc đó bác nghĩ sẽ thật tuyệt diệu: bác và cháu sẽ cùng nhau chia sẻ cuộc tìm kiếm và giải đáp bí ẩn. Sẽ giống như những ngày xưa, cháu thấy đấy, giống như tìm kiếm các kho báu bị chôn giấu, nhưng lần này là một kho báu thực sự. Và với cháu, Julia, điều đó sẽ đồng nghĩa với sự nổi tiếng. Tên tuổi của cháu nổi bật trên các tạp chí chuyên ngành, trong các cuốn sách về mỹ thuật. Còn về phần bác... hãy chỉ nói đơn giản là bác hài lòng với điều đó. Nhưng tự mình tham gia vào trò chơi cũng đồng nghĩa với một thách thức cá nhân phức tạp. Có một điều chắc chắn, tham vọng không liên quan gì tới việc này hết. Cháu có tin bác không?”

“Tôi tin ông.”

“Bác rất mừng. Vì chỉ vậy cháu mới có thể hiểu được những gì diễn ra sau đó.” César lắc những viên đá trong chiếc cốc của ông, tiếng chúng va vào nhau lanh canh dường như giúp ông sắp xếp lại ký ức trong đầu tuần tự hơn. “Khi cháu về rồi, bác gọi điện thoại cho Alvaro, bác và hẳn nhất trí bác sẽ tới gặp hẳn vào buổi trưa. Bác tới nơi không có bất cứ dự tính ác ý nào, và bác thú nhận lúc đó bác đang run lên thuần túy vì phấn khích. Alvaro nói với bác những gì hẳn tìm hiểu được. Bác hài lòng nhận thấy hẳn không biết gì về dòng chữ bị giấu kín. Mọi việc diễn ra xuôi chèo mát mái cho tới khi hẳn bắt đầu nói về cháu. Khi đó, công chúa ạ, bầu không khí của cuộc gặp gỡ thay đổi hoàn toàn.”

“Theo hướng nào vậy?”

“Theo mọi hướng.”

“Ý tôi là Alvaro đã nói gì về tôi?”

César cựa người trên ghế, có vẻ bối rối, trước khi miễn cưỡng trả lời.

“Cuộc viếng thăm của cháu đã gây ấn tượng rất mạnh với hẳn. Hay ít nhất

đó là những gì hắn nói. Bác thấy cháu đã khuấy động trở lại những cảm xúc cũ theo cách nguy hiểm nhất có thể, còn Alvaro chẳng hề ngại nếu mọi thứ lại đi theo con đường cũ.” Ông ngừng lời và cau mày. “Julia, cháu chỉ đơn giản không thể tưởng tượng được điều đó làm bác khó chịu tới mức nào. Alvaro đã hủy hoại hai năm của đời cháu, còn bác đang ngồi đó, đối diện với hắn, lắng nghe những dự định trớ tráo vô liêm sỉ của hắn để xâm nhập trở lại cuộc sống của cháu. Bác đã nói với hắn, một cách dứt khoát, rằng hãy để cháu được yên. Hắn nhìn bác như thể bác là một bà hoàng già nua hay nhúng mũi vào chuyện của người khác, và hai người bắt đầu to tiếng. Bác sẽ không bắt cháu phải nghe những chi tiết của nó, nhưng quả thực đó là một cuộc đối co đáng chán đến tột độ. Hắn buộc tội bác đã nhúng mũi vào chuyện không ai khiến bác quan tâm.”

“Và anh ấy đã nói đúng.”

“Không, hắn không hề đúng. Cháu rất quan trọng với bác, Julia. Cháu có ý nghĩa với bác hơn bất cứ thứ gì trên thế giới này.”

“Đừng lỗ bịch. Sẽ không bao giờ có chuyện tôi nổi lại quan hệ với Alvaro.”

“Bác lại không thấy chắc chắn đến thế. Bác hiểu gã khốn đó có ý nghĩa đến thế nào với cháu.” Ông nhìn vào khoảng không, mỉm cười châm biếm như thể hồn ma của Alvaro, đã bị làm cho trở thành vô hại, lúc này cũng đang có mặt ở đó. “Trong lúc bác và hắn tranh cãi, bác cảm thấy cảm giác căm ghét lâu ngày dành cho hắn đang trỗi dậy trong con người mình. Nó dâng lên đầu bác giống như thứ vodka nóng bỏng của cháu. Cô bé yêu quý, đó là một cảm giác căm ghét bác không nhớ từng cảm thấy trước đó; một sự căm ghét mạnh mẽ, dữ dội, đậm chất Latin. Bác đứng dậy, và bác nghĩ mình đã mất tự chủ, vì bác lớn tiếng nhục mạ hắn, sử dụng vốn từ vựng chọn lọc nhất của một bà hàng cá mà bác luôn dành riêng cho những dịp rất đặc biệt. Thoạt đầu,

hắn dường như ngỡ ngàng trước cơn nổi khùng của bác. Sau đó, hắn châm tẩu thuốc và cười vào mặt bác. Hắn nói mối quan hệ của hắn với cháu kết thúc là do lỗi của bác. Rằng bác là kẻ đáng trách trong chuyện cháu không bao giờ trưởng thành lên được. Sự hiện diện của bác trong cuộc đời cháu, sự hiện diện mà hắn mô tả là không lành mạnh và bệnh hoạn, đã cắt mất đôi cánh của cháu. ‘Và điều tệ hại nhất,’ hắn nói thêm với một nụ cười nhục mạ, ‘là ở chỗ, trong sâu thẳm, chính ông là người Julia luôn yêu, vì ông chính là hiện thân cho người cha cô ấy chưa bao giờ biết... Và đó là lý do vì sao cô ấy rơi vào mớ bòng bong hiện tại.’ Nói xong, Alvaro đút một tay vào túi, rút vài hơi thuốc từ chiếc tẩu của hắn rồi nhìn chăm chăm vào bác qua làn khói. ‘Mối quan hệ của hai người,’ hắn kết luận, ‘là một trường hợp loạn luân trong tâm tưởng không hơn không kém. Chỉ do một may mắn tình cờ mà ông lại là kẻ đồng tính.’ ”

Julia nhắm mắt lại. César để những lời nói của mình lơ lửng trong không gian và rút lui vào im lặng. Khi cô lấy lại được đủ can đảm để đưa mắt nhìn ông lần nữa, trong tâm trạng hổ thẹn và bối rối, ông chỉ nhún vai khinh khỉnh như thể ông không chịu trách nhiệm về những gì sắp nói ra.

“Với những lời đó, công chúa, Alvaro đã tự ký án tử hình cho hắn. Hắn tiếp tục ngồi hút thuốc trên chiếc ghế đối diện với bác, nhưng trên thực tế hắn đã là người chết. Không phải vì những gì hắn đã nói – vì nói cho cùng, quan điểm của hắn cũng hợp lý như của bất cứ ai khác – mà vì những điều hắn nói đã làm hé lộ cho bác về bản thân mình. Như thế hắn đã kéo lên một tấm màn suốt nhiều năm qua đã chia tách bác khỏi thực tế. Có lẽ vì nó xác nhận những suy nghĩ bác vẫn giữ kín trong những góc tối tăm nhất của nội tâm, chưa bao giờ cho phép mình dùng ánh sáng của lý trí và logic để soi rọi lên chúng.”

Ông ngừng lời, như thể đã đánh mất mạch chuyện đang nói dở, và do dự nhìn Julia cùng Muñoz. Cuối cùng, với nụ cười mơ hồ trên môi, vừa quái ác

vừa e dè, ông đưa cốc lên miệng nhấp một ngụm gin.

“Một cảm hứng bất ngờ đã thúc đẩy bác. Rồi sau đó, như một điều kỳ diệu phi thường nhất trong những điều phi thường, cả một kế hoạch hoàn chỉnh tự nó hiện ra, như thể trong một câu chuyện thần tiên. Mỗi chi tiết trôi nổi ngẫu nhiên tìm thấy vị trí và ý nghĩa chính xác của nó. Alvaro, cháu, bác, bức tranh. Nó cũng ăn khớp với phần tính cách ẩn kín trong bóng tối của bác, với tất cả những tiếng vọng xa xôi, những cảm xúc đã chìm vào quên lãng, những đam mê đang ngủ yên. Trong vài giây ngắn ngủi ấy, mọi thứ bày ra trước mắt bác, giống như một bàn cờ khổng lồ trên đó mỗi con người, mỗi ý tưởng, mỗi tình huống đều tìm thấy biểu tượng đại diện cho chúng ở một quân cờ, đều tìm thấy vị trí chính xác của chúng trong thời gian và không gian. Đó là một Ván cờ với chữ V viết hoa, ván cờ vĩ đại của cuộc đời bác. Và của cả cuộc đời cháu. Bởi vì tất cả đều ở đó, công chúa: cờ vua, sự phiêu lưu, tình yêu, sự sống và cái chết. Và đến đoạn kết của nó, là cháu đang đứng đó, được giải thoát khỏi mọi thứ và mọi người, xinh đẹp và hoàn mỹ, được phản chiếu trong tấm gương sáng chói của sự trưởng thành. Cháu cần phải chơi cờ, Julia; chắc chắn là như vậy. cháu cần phải giết tất cả chúng ta một cách lần lượt để cuối cùng được tự do.”

“Lạy Chúa.”

César lắc đầu.

“Chúa không liên quan gì đến chuyện này cả. Bác có thể cam đoan với cháu rằng khi bác lao tới chỗ Alvaro và dùng chiếc gạt tàn bằng đá vôi chai trên mặt bàn nện vào gáy hắn, bác không còn căm ghét hắn nữa. Hành động đó chẳng là gì ngoài một phần nhạt nhẽo của kế hoạch. Khó chịu nhưng cần thiết.”

Ông ngắm nghía bàn tay phải của mình với chút tò mò. Dường như ông đang đánh giá khả năng gieo rắc cái chết chứa đựng trong những ngón tay dài

trắng trẻo của mình, với những móng tay được cắt ngắn chẵn chu, mà vào khoảnh khắc đó, với điệu bộ tao nhã lười nhác, đang cầm cốc rượu gin của ông.

“Hắn đổ vật xuống như một tảng đá,” ông kết luận bằng giọng bình thản dửng dưng, sau khi đã thôi ngắm nghía hai bàn tay mình. “Hắn ngã xuống mà thậm chí không kịp kêu một tiếng, chiếc tẩu vẫn cắn chặt giữa hai hàm răng. Khi hắn đã lăn ra sàn, bác giáng tiếp một cú nữa để đảm bảo là hắn thực sự chết hẳn, lần này có vẻ được thực hiện chuẩn xác hơn. Nói cho cùng, đó cũng là một việc đáng làm, đáng được làm một cách chu đáo. Phần còn lại thì cháu đã biết rồi: vôi hoa sen và những thứ khác chỉ là vài nét chấm phá nghệ thuật. *Brouillez les pistes**, *Arsene Lupin** từng nói như thế. Mặc dù Menchu, Chúa giúp bà ta được an nghỉ, hắn sẽ cho rằng câu nói này là của *Coco Chanel**. Người đàn bà tội nghiệp.” Ông nhấp một ngụm gin như để tưởng nhớ Menchu. “Dù sao đi nữa, bác cũng đã lau sạch mọi dấu vân tay của mình bằng một chiếc khăn mùi soa và mang theo chiếc gạt tàn để phòng xa, sau đó ném nó vào một thùng rác cách đó vài cây số. Bác biết mình không nên nói thế này, công chúa, nhưng với một người mới nhập môn thì đầu óc của bác đã làm việc một cách thực sự đáng ngưỡng mộ trong vai trò tội phạm. Trước khi rời đi, bác cầm theo tập tài liệu về bức tranh mà Alvaro định chuyển cho cháu, và bác đánh máy địa chỉ lên phong bì.”

“Và ông cũng cầm theo một ít thẻ ghi chú màu trắng của anh ấy.”

“Không, thực ra thì không. Đó là một ý tưởng tài tình, nhưng nó chỉ đến với bác sau này. Bác không thể quay lại để lấy chúng, vậy là bác đã mua một ít thẻ giống hệt như thế tại một cửa hàng văn phòng phẩm. Nhưng trước hết bác cần lên kế hoạch cho ván cờ; mỗi nước đi cần phải thật hoàn hảo. Việc bác đã làm là đảm bảo cháu nhận được tập tài liệu. Điều tối cần thiết ở đây là cháu phải biết mọi thứ cần biết về bức tranh.”

“Vây là ông việu tới người phụ nữ mặc áo mưa.”

“Phải. Và đến đây bác có một điều phải thú nhận. Bác chưa bao giờ mặc đồ phụ nữ đi ra ngoài đường, ý tưởng đó chưa bao giờ khiến bác có bất kỳ chút hứng thú nào. Đôi lúc, nhất là khi còn trẻ, bác cũng từng mặc thử đồ phụ nữ chỉ để cho vui, như thế lúc đó là thời gian diễn ra hội Carnival vậy. Nhưng bác luôn làm việc đó khi chỉ có một mình, trước một tấm gương.” Khuôn mặt César mang vẻ tinh nghịch, đê mê của một người đang nhắc lại những hồi ức vui vẻ. “Khi cần phải tìm cách chuyển chiếc phong bì tới cho cháu, bác đã nghĩ hẳn sẽ rất thú vị nếu thử lặp lại trải nghiệm đó. Đúng là một ý tưởng bất chợt, hay một dạng thách thức, nếu cháu muốn nghĩ về nó một cách khoa trương hơn. Để thử xem liệu bác có thể đánh lừa người khác bằng cách giả bộ nói ra một dạng sự thật hay một phần của nó. Vây là bác đi mua sắm. Một quý ông dáng vẻ lịch lãm đi mua một chiếc áo mưa, một túi xách tay, một đôi giày nữ đế bằng, một bộ tóc giả màu vàng, tất dài và một chiếc váy sẽ không gây ra bất cứ sự nghi ngờ nào nếu ông ta làm thế đúng cách, tại một trong những cửa hàng bách hóa lớn luôn đông nghịt người. Phần còn lại được hoàn tất sau một màn cạo râu cẩn thận và một chút trang điểm, mà lúc này bác có thể thú nhận không chút bối rối là bác quả thực đã tự thực hiện cho mình. Không có gì xuất sắc, tất nhiên rồi. Chỉ là một chút chấm phá tế nhị về màu sắc. Không ai tại công ty chuyển phát có bất cứ nghi ngờ nào. Và bác phải nói bác thấy nó quả là một trải nghiệm thú vị... và hữu ích nữa.” Ông buông một tiếng thở dài buồn bã được cân nhắc kỹ lưỡng. Sau đó khuôn mặt ông tối sầm lại.

“Thực ra,” ông nói thêm, giọng nói lúc này đã bớt đi vẻ phù phiếm, “cháu có thể gọi đó là phần đùa cợt vui vẻ trong vụ này.” Ông nhìn Julia thật chăm chú, như thể đang cẩn thận lựa chọn từ ngữ để dành cho một thánh giả vô hình và nghiêm túc hơn nhiều, người ông tin cần phải tạo được một ấn tượng

tốt. “Phần khó khăn thực sự đến sau đó. Bác cần dẫn dắt cháu và Muñoz tới việc giải quyết bí ẩn, đó là phần thứ nhất của ván cờ, và tới phần thứ hai, nguy hiểm và phức tạp hơn nhiều. Rắc rối là ở chỗ, bác không chơi cờ một cách chính thức. Chúng ta cần cùng nhau tiến triển trong cuộc điều tra với bức tranh, nhưng bác lại bị trói tay khi muốn giúp cháu. Thật khủng khiếp. Bác cũng không thể chơi cờ chống lại chính mình; bác cần một đối thủ, một ai đó có tầm cỡ. Vậy là bác không còn lựa chọn nào khác ngoài tìm kiếm một Virgil để dẫn dắt cháu trong cuộc phiêu lưu này. Ông ta là quân cờ cuối cùng bác cần đưa lên bàn cờ.”

Ông uống nốt cốc rượu gin rồi đặt xuống bàn. Sau đó ông dùng chiếc khăn mùi soa lụa vừa rút ra từ cánh tay chiếc áo choàng ngủ và cẩn thận lau môi. Cuối cùng, ông đưa mắt nhìn sang Muñoz và dành cho người kỳ thủ một nụ cười thân mật.

“Chính vào lúc đó, sau khi đã tham khảo cẩn thận ý kiến hàng xóm của tôi, *senor* Cifuentes, giám đốc câu lạc bộ Capablanca, tôi quyết định chọn ông, ông bạn thân mến.”

Muñoz gật đầu, một cái duy nhất. Nếu ông có suy nghĩ nào về vinh hạnh mơ hồ này, ông cũng kìm lại không nói ra lời.

“Ông không bao giờ nghi ngờ rằng tôi sẽ thắng, đúng không?” Muñoz khẽ hỏi.

César làm điệu bộ ngả một chiếc mũ tưởng tượng trong cử chỉ cúi chào đầy mỉa mai.

“Không, không bao giờ,” ông đồng ý. “Ngoài tài năng với tư cách một kỳ thủ của ông, điều đã rõ ràng ngay từ khoảnh khắc tôi thấy ông đứng trước bức tranh của Van Huys, tôi đã chuẩn bị sẵn sàng, ông bạn thân mến, để cung cấp cho ông một loạt manh mối rất hấp dẫn, mà nếu được lý giải đúng đắn, sẽ dẫn ông tới việc khám phá ra bí ẩn thứ hai: danh tính của gã kỳ thủ bí hiểm.”

Ông tặc lưỡi hài lòng, như thể nhâm nhi một món ngon hiếm có. “Tôi phải thừa nhận ông đã gây được ấn tượng với tôi. Nói thật lòng, ngay cả lúc này cũng vẫn thế. Đó là cách thức rất đặc trưng của riêng ông mà ông đã dùng để phân tích từng nước đi và toàn bộ ván cờ, dần dần loại bỏ những giả thiết không hợp lý. Tôi chỉ có thể mô tả nó là bậc thầy.”

“Tôi rất hân hạnh,” Muñoz đáp một cách vô cảm, và Julia không dám chắc những lời ông nói có chủ ý chân thành hay mỉa mai.

César ngả đầu ra sau, khẽ bật ra một điệu cười khoan khoái đầy chất kịch.

“Tôi phải nói,” ông nói thêm với cái nhìn đầy mâu thuẫn, gần như làm dáng, trên khuôn mặt, “rằng cảm giác dần dần bị ông dồn vào chân tường đã trở nên rất kích thích, thực sự là thế. Có điều gì đó... gần như kích thích về thể xác, nếu ông cho phép tôi dùng từ đó. Mặc dù, phải thừa nhận ông quả thực không phải kiểu tôi thích.” Ông tiếp tục chìm đắm trong suy nghĩ một lát nữa, như thể cố xác định xem chính xác nên xếp loại Muñoz như thế nào, nhưng rồi có vẻ lại từ bỏ nỗ lực này. “Với những nước đi cuối cùng, tôi nhận ra mình bắt đầu trở thành đối tượng tình nghi duy nhất. Và ông biết rằng tôi biết điều đó... Tôi không nghĩ mình sai khi nói rằng từ khoảnh khắc đó chúng ta bắt đầu xích lại gần nhau hơn. Ông không đồng ý sao? Buổi tối chúng ta cùng ngồi trên một băng ghế đối diện với tòa nhà nơi Julia sống, canh chừng với sự trợ giúp của chai cô nhắc tôi mang theo, chúng ta đã trò chuyện rất lâu về các đặc tính tâm lý của kẻ sát nhân. Tới lúc đó, ông đã gần như chắc chắn tôi chính là đối thủ của ông. Tôi mê mẩn chăm chú lắng nghe trong lúc ông giải thích, để trả lời các câu hỏi tôi đặt ra, về mối quan hệ giữa các giả thiết đã biết về bệnh lý của cờ vua. Trừ một giả thiết, tất nhiên rồi. Giả thiết ông đã không hề nhắc đến cho tới hôm nay, cho dù ông luôn biết rõ về nó. Ông biết tôi đang nhắc tới giả thiết nào.”

Muñoz gật đầu, một cử chỉ xác nhận bình thản. César chỉ về phía Julia.

“Ông và tôi biết, nhưng cô ấy thì không. Hay ít nhất cũng chưa biết tất cả. Chúng ta cần giải thích cho cô ấy rõ.” Julia nhìn César.

“Phải,” cô nói, cảm thấy mệt mỏi và bức bối với cả hai người đàn ông đang có mặt. “Có lẽ tốt hơn ông nên giải thích mình đang nói về cái gì, vì tôi bắt đầu thấy chán ngấy đến tận cổ câu chuyện điên loạn quái gở này rồi.”

Muñoz vẫn chăm chú nhìn César.

“Khía cạnh toán học của cờ vua,” ông trả lời, hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi thái độ bức dọc của Julia, “đem đến cho trò chơi này một tính chất rất đặc thù, một thứ mà các chuyên gia hẳn sẽ định nghĩa là dâm loạn đồng giới. Ông hiểu ý tôi muốn nói gì: cờ vua là trận chiến trong im lặng giữa hai người đàn ông, nó gợi cho người ta liên tưởng tới những khái niệm như gây hấn, chứng tự yêu bản thân, thủ dâm... và đồng tính luyến ái. Thắng cuộc đồng nghĩa với việc khuất phục được người cha hay người mẹ vốn chi phối anh ta, vươn lên cao hơn họ. Thua cuộc đồng nghĩa với thất bại, quy phục.” César giơ một ngón tay lên yêu cầu được chú ý.

“Trừ phi, tất nhiên rồi,” ông chỉ ra một cách lịch thiệp, “đó là chiến thắng thực sự.”

“Phải,” Muñoz nói. “Trừ phi chiến thắng bao hàm chính xác việc thể hiện nghịch lý: đánh bại chính bản thân mình.” Ông nhìn Julia một lát. “Ông đã đúng trong lời nhận xét ông từng nói với Belmonte: ván cờ, cũng giống như bức tranh, đã tự tố cáo chính nó.”

César nhìn ông với vẻ ngạc nhiên gần như hứng khởi. “Hoan hô,” ông nói. “Biến bản thân thành bất tử trong thất bại của chính mình, phải vậy không? Giống như ông lão Socrates khi uống nước cây độc cần*.” Ông quay sang Julia với vẻ đắc thắng. “Ông bạn Muñoz thân mến của chúng ta biết hết tất cả những điều này từ nhiều ngày trước rồi, công chúa, nhưng không nói một lời với bất cứ ai, thậm chí với cả cháu và bác. Thấy mình thật dễ nhận ra qua sự

văng mặt của bản thân trong những tính toán đối thủ đưa ra, bác đã khiêm tốn tự suy đoán rằng ông ấy đang đi đúng hướng. Trên thực tế, một khi ông ấy đã nói chuyện cùng gia đình Belmonte và cuối cùng có thể chính thức loại trừ họ khỏi diện đối tượng nghi vấn, ông ấy không còn gì phải nghi ngờ về danh tính kẻ thù nữa. Tôi nói có đúng không?”

“Đúng thế.”

“Tôi có thể hỏi một câu riêng tư được không?”

“Cứ hỏi đi, rồi ông sẽ được biết.”

“Ông cảm thấy thế nào khi cuối cùng cũng tìm ra nước đi đúng, khi ông biết kẻ bí ẩn chính là tôi?”

Muñoz nghĩ ngợi một hồi.

“Nhẹ nhõm,” ông nói. “Tôi sẽ rất thất vọng nếu hãn là một kẻ khác.”

“Thất vọng vì đã suy đoán sai danh tính của gã kỳ thủ bí hiểm chẳng? Tôi sẽ không phóng đại tài năng của mình lên, nhưng không hiển nhiên đến thế đâu, ông bạn thân mến. Thậm chí ông còn không biết gì về một vài nhân vật trong câu chuyện này, và chúng ta mới chỉ biết nhau vài tuần. Ông chỉ có trong tay bàn cờ của mình để suy đoán.”

“Ông nhầm rồi,” Muñoz trả lời. “Tôi muốn hãn là ông. Tôi thích cái ý tưởng đó.”

Julia nhìn hai người đàn ông, vẻ không thể tin nổi vào những gì đang được nghe hiện lên rõ mồn một trên khuôn mặt cô.

“Tôi rất vui khi thấy hai người tâm đầu ý hợp với nhau đến vậy,” cô lên tiếng mỉa mai. “Nếu hai người muốn, lát nữa tất cả chúng ta có thể ra ngoài uống một ly, vỗ vai kể cho nhau nghe những khoảnh khắc vui vẻ mà chúng ta đều được nếm trải trong chuyện này.” Cô lắc đầu, như thể cố thức tỉnh để trở lại với thực tế. “Thật không thể tin nổi, nhưng tôi có cảm giác mình hoàn toàn đang là chương ngại vật ở đây.”

César dành cho cô một cái nhìn đượm vẻ yêu mến đau khổ. “Có những điều cháu không thể hiểu được, công chúa.”

“Đừng gọi tôi là công chúa! Hơn nữa, ông làm rồi. Tôi hiểu quá rõ mọi thứ. Và bây giờ đến lượt tôi có một câu hỏi dành cho ông. Ông sẽ làm gì sáng hôm đó ở chợ Rastro, nếu tôi không phát hiện ra bình khí và tấm thẻ, nếu tôi chỉ đơn giản chui vào trong chiếc xe có lốp đã bị biến thành một quả bom và khởi động động cơ?”

“Thật ngớ ngẩn.” César có vẻ phật ý. “Bác sẽ không bao giờ để cháu làm thế.”

“Thậm chí bất chấp cả nguy cơ làm lộ bản thân?”

“Tất nhiên rồi. Cháu biết thế mà. Muñoz đã nói từ trước rồi đó thôi. Cháu chưa bao giờ gặp bất cứ nguy hiểm nào. Sáng hôm đó, mọi thứ đã được lên kế hoạch tới từng chi tiết nhỏ nhất: bộ đồ hóa trang chuẩn bị sẵn sàng trong căn phòng nhỏ chật chội có hai cửa riêng biệt mà bác đã thuê làm nhà kho, cuộc hẹn với đối tác, một cuộc gặp có thật mà bác đã giải quyết xong trong vòng vài phút... Bác thay đồ nhanh nhất có thể, đi tới con hẻm, bơm khí vào lốp xe, để lại tấm thẻ rồi đặt bình khí rỗng lên nắp ca pô. Sau đó bác dừng lại ở chỗ người phụ nữ bán tranh và tượng thánh để đảm bảo chắc chắn bà ta sẽ nhớ bác, rồi quay lại căn phòng kho, và sau khi thay quần áo và tẩy trang, quay ra đi tới gặp cháu ở quán cà phê. Cháu phải thừa nhận việc cản thời gian của bác thực sự không chệ vào đâu được.”

“Một cách bệnh hoạn.”

César nhìn cô trách móc.

“Đừng thô thiển vậy chứ, công chúa.” Ông nhìn cô với thái độ thật thà thực sự đáng ghi nhận bởi vẻ chân thật hoàn toàn của nó. “Sử dụng những từ ngữ kinh khủng đó sẽ chẳng dẫn chúng ta tới đâu cả.”

“Tại sao phải nhọc công đến vậy để hù dọa tôi?”

“Đó là một cuộc phiêu lưu, phải không nào? Nhất thiết phải có chút đe dọa ám ảnh trong không khí. Cháu có thể hình dung ra một cuộc phiêu lưu nào lại vắng mặt nỗi sợ hãi không? Bác không thể kể cho cháu nghe những câu chuyện từng khiến cháu run rẩy khi cháu còn là một cô bé con, vậy là bác sáng tạo ra cuộc phiêu lưu kỳ thú nhất bác có thể tưởng tượng được. Một cuộc phiêu lưu cháu sẽ không bao giờ quên trong suốt cuộc đời mình.”

“Về chuyện đó ông có thể yên tâm.”

“Vậy thì nhiệm vụ đã hoàn tất. Cuộc tranh đấu giữa lý trí và sự bí ẩn, cuộc tiêu diệt những bóng ma đang chằng bẫy cháu. Không tồi, phải không nào? Và thêm vào đó là việc khám phá ra cái thiện và cái ác không hoàn toàn tách biệt khỏi nhau như những ô đen và ô trắng trên bàn cờ.” Ông nhìn Muñoz trước khi nhếch mép mỉm cười, như thể muốn nhắc tới một bí mật chỉ riêng hai người biết với nhau. “Tất cả các ô vuông, cô bé yêu quý, đều màu xám, được nhuộm màu bởi ý thức về cái ác, thứ ý thức tất cả chúng ta đều thu được qua trải nghiệm, một ý thức nhắc nhở ta rằng thứ chúng ta gọi là cái thiện nhiều khi hóa ra có thể vô tích sự và hèn hạ một cách ti tiện đến thế nào. Cháu chắc còn nhớ Settembrini, một nhân vật bác từng rất ngưỡng mộ trong cuốn tiểu thuyết *Ngọn núi thần kỳ*. Ông ta từng nói cái ác chính là vũ khí sắc bén và sáng chói của lý trí để chống lại các thế lực xấu xa đen tối.”

Julia chăm chú quan sát khuôn mặt của César. Có những khoảnh khắc có vẻ như chỉ một nửa khuôn mặt của ông đang nói, nửa có thể nhìn thấy hoặc nửa đang chìm trong bóng tối, còn nửa kia chỉ ở đó làm nhân chứng. Và cô tự hỏi nửa nào trong chúng thật hơn.

“Buổi sáng hôm đó, khi chúng ta tấn công chiếc Ford màu xanh, tôi đã thực sự yêu ông, César.”

Một cách vô thức, cô hướng câu nói tới nửa khuôn mặt được chiếu sáng của ông, song câu trả lời lại tới từ nửa khuôn mặt đang chìm trong bóng tối.

“Bác biết là thế. Và điều đó giải thích cho tất cả. Bác cũng không hề biết chiếc xe ấy đang làm gì ở đó. Nó cũng khiến bác tò mò chẳng kém gì cháu. Thậm chí còn nhiều hơn, vì những lý do hiển nhiên. Chẳng có ai, nếu cháu chấp nhận lượng thứ cho cách pha trò có phần u ám này, mời nó tới dự tang lễ cả.” Ông khẽ lắc đầu trong lúc nhớ lại. “Bác phải nói là vài mét gần ngôi đó, cháu với khẩu súng trong tay và bác với cây gậy sắt, cũng như cuộc tấn công của chúng ta nhằm vào hai gã gốc đó, trước khi chúng ta phát hiện ra bọn họ là đám đệ tử của thanh tra Feijoo” – ông làm điệu bộ như thể không thể tìm ra từ nào phù hợp để diễn tả những cảm xúc của mình – “quả là tuyệt diệu. Bác ngắm nhìn cháu tiến thẳng tới kẻ thù, mày cau lại đầy giận dữ, răng nghiến chặt, can đảm và khủng khiếp như một nữ thần báo oán. Cùng với sự phấn khích, bác cảm thấy thực sự tự hào. Ngay kia là một người phụ nữ có tính cách thực thụ, bác tự nhủ, thực thụ một cách đáng ngưỡng mộ. Nếu như cháu thuộc về một kiểu người khác, kiểu người hay dao động hoặc dễ bị tổn thương, bác đã không bao giờ lôi cháu vào một bài kiểm tra như thế. Nhưng bác biết chắc cháu sẽ vượt qua nó để trở thành một người phụ nữ mới, cứng cỏi hơn, mạnh mẽ hơn.”

“Ông không nghĩ rằng cái giá phải trả cho điều đó quá đắt sao? Alvaro, Menchu... bản thân ông nữa.”

César dường như đang tìm kiếm trong trí nhớ, như thể cần cố gắng để nhớ ra người mà Julia vừa nhắc tới. “À, phải, Menchu,” cuối cùng ông thốt lên, và cau mày. “Menchu khốn khổ, bị mắc kẹt trong một ván cờ quá phức tạp với bà ta. Cho dù, nếu cháu lượng thứ cho cách diễn đạt thiếu khiêm tốn của bác, chuyện xảy ra với bà ta quả là một phút ngẫu hứng chói sáng. Sáng hôm đó, khi bác gọi điện thoại cho cháu để xem mọi chuyện diễn biến ra sao, Menchu đã nhắc máy và nói cháu không có nhà. Bà ta có vẻ vội vã muốn gác máy, và giờ chúng ta đã biết vì sao. Bà ta đang đợi Max để thực thi kế hoạch đánh cắp

bức tranh lỗ bích của bọn họ. Tất nhiên bác không biết gì về chuyện đó. Nhưng ngay khi đặt ống nghe xuống, bác biết nước đi tiếp theo của bác sẽ là gì: Menchu và bức tranh. Nửa giờ sau bác bấm chuông cửa, trong bộ dạng người phụ nữ mặc áo mưa.”

Nói đến đây, César có vẻ thú vị, như thể cố làm cho Julia nhìn ra khía cạnh hài hước kỳ cục của tình huống mà ông đang mô tả.

“Công chúa,” ông nói tiếp, nhướn một bên mày lên, “bác luôn nói với cháu rằng cháu nên trở một khe nhòm trên cửa ra vào – rất hữu dụng nếu cháu muốn biết người đang gọi cửa là ai. Menchu rất có thể đã không mở cửa cho một phụ nữ tóc vàng đeo kính đen. Nhưng bà ta chỉ nghe thấy giọng của César nói với bà ta rằng ông ấy nhận được một lời nhắn của cháu bảo tới gấp. Bà ta chẳng còn lựa chọn nào khác ngoài mở cửa, và bà ta đã làm thế thật.” Ông ngửa hai bàn tay lên, như thể một lời xin lỗi muộn màng dành cho sai lầm của Menchu. “Bác đoán vào khoảnh khắc đó bà ta nghĩ kế hoạch của mình cùng với Max sắp hỏng bét, nhưng rồi tâm trạng lo lắng chuyển thành ngạc nhiên khi bà ta nhìn thấy một người phụ nữ lạ mặt đứng trước ngưỡng cửa. Bác chỉ có vừa đủ thời gian để thấy cái nhìn sững sờ của bà ta trước khi tặng cho bà ta một đòn chí tử vào cổ họng. Bà ta chết ngay lập tức, không kịp biết ai đã giết mình, bác dám chắc là vậy. Bác đóng cửa lại, bắt tay vào dọn dẹp mọi thứ. Thế rồi – việc này quả thực bác không lường đến – bác nghe thấy tiếng chìa xoay trong ổ khóa.”

“Max,” Julia nói, dù không cần thiết.

“Đúng thế. Chính là anh chàng trai bao đẹp mã, kẻ mà như sau này bác được biết, khi hẳn ta thuật lại mọi chuyện cho cháu tại đồn cảnh sát, đã quay lại lần thứ hai vào sáng hôm đó để mang bức tranh đi trước khi Menchu gây hỏa hoạn trong căn hộ của cháu. Cũng phải nói đó quả là một kế hoạch hoàn toàn ngớ ngẩn, nhưng lại hoàn toàn đặc trưng cho đầu óc của Menchu và gã

ngốc của bà ta.”

“Cũng có thể người ngoài cửa chính là tôi. Ông có nghĩ tới tình huống đó không?”

“Bác phải thú thực khi nghe thấy tiếng chìa khóa mở cửa, bác đã nghĩ đó là cháu.”

“Và nếu đúng là thế thì ông sẽ làm gì? Tặng cho tôi một đòn chí tử vào cổ họng chẳng?”

Ông lại nhìn cô với dáng vẻ của một người bị phán xét không công bằng.

“Một câu hỏi như thế,” ông nói, tìm kiếm một câu trả lời hợp lý, “sẽ là vừa tàn nhẫn vừa kỳ quái.”

“Thật sao?”

“Phải, đúng thế. Bác không biết chính xác trong trường hợp đó bác sẽ phản ứng ra sao nữa. Nhưng sự thật là bác cảm thấy luống cuống thực sự, và tất cả những gì bác có thể nghĩ ra là trốn vào chỗ nào đó. Bác chạy vào phòng tắm, nín thở, cố tìm một lối thoát ra ngoài từ đó. Nhưng chắc chắn sẽ không có gì xấu xảy ra với cháu. Trong trường hợp đó ván cờ chỉ đơn giản là sẽ kết thúc nửa chừng. Vậy thôi.”

Julia bĩu môi, cảm thấy câu trả lời đang nóng rát lên trong miệng cô.

“Tôi không tin ông, César. Không bao giờ nữa.”

“Cho dù cháu có tin bác hay không, cô bé yêu quý, cũng không có bất kỳ sự thay đổi nào.” Ông phác một cử chỉ cam chịu, như thể cuộc đối thoại bắt đầu làm ông mệt mỏi. “Đến lúc này điều đó thực sự không còn quan trọng nữa. Điều quan trọng là người đó không phải cháu mà là Max. Bác nghe hẳn ta gọi: ‘Menchu, Menchu.’ Hẳn hoảng hồn, nhưng không dám la to lên, tên khốn kiếp. Lúc đó bác đã bình tĩnh lại. Bác có sẵn trong túi một con dao, con dao của Cellini mà cháu vẫn thường trông thấy. Và nếu lúc đó Max bắt đầu sục sạo quanh các căn phòng, chắc hẳn hẳn ta đã gặp con dao đó theo cách

ngu ngốc nhất có thể, ngay đúng tim, một cách bất ngờ, trước khi hắn ta kịp thốt ra dù chỉ một lời. May cho hắn, và cho bác, hắn không có đủ can đảm, mà thay vào đó hắn quyết định chuồn. Quả là một người anh hùng.”

Ông ngừng lời và thở dài, nhưng không có chút khoa trương nào.

“Vi thể hắn đã giữ được mạng, tên ngốc,” ông nói thêm, rồi đứng dậy. Sau khi đứng lên, ông đưa mắt nhìn Julia và Muñoz, cả hai đều đang nhìn ông, rồi đi vắn vớ quanh phòng, tấm thảm trải sàn nuốt chửng tiếng bước chân của ông.

“Đáng ra bác cũng nên làm điều mà Max đã làm là cao chạy xa bay càng nhanh càng tốt, vì theo như tất cả những gì bác biết, cảnh sát có thể sắp tới. Nhưng thứ mà chúng ta có thể gọi là danh dự nghệ sĩ của bác đã chiếm ưu thế, và bác kéo Menchu vào trong phòng ngủ và... vậy đấy, cháu biết chuyện gì đã xảy ra. Bác chỉnh trang lại bối cảnh một chút, để đảm bảo lời buộc tội sẽ rơi xuống đầu Max. Tất cả mất năm phút.”

“Tại sao ông phải làm như thế với cái chai? Điều đó hoàn toàn không cần thiết. Thật ghê tởm và kinh khủng.”

César tặc lưỡi. Ông dừng bước trước một trong những bức tranh treo trên tường, bức *Con người* của danh họa Luca Giordano, và ngắm nhìn nó như thể trông đợi vị thần bị giam hãm trong bộ giáp trụ sáng ngời kiểu Trung cổ đã hoàn toàn lỗi thời cung cấp cho mình câu trả lời.

“Cái chai,” ông lẩm bẩm, không quay mặt lại nhìn hai vị khách, “là một chi tiết bổ sung. Một nét chấm phá cuối cùng theo cảm hứng.”

“Nó chẳng có gì liên quan tới cờ vua cả,” Julia lên tiếng, giọng cô sắc lạnh như một lưỡi dao cạo. “Đúng hơn là một kiểu trả thù... tất cả phụ nữ.”

César chậm rãi quay lại hướng về phía cô. Lần này đôi mắt ông không cầu xin sự rộng lượng hay tỏ vẻ mĩa mai châm biếm nữa; ngược lại, chúng có vẻ xa xăm, bí hiểm.

“Sau đó,” cuối cùng ông lên tiếng, nói với giọng dửng dưng như thể không hề nghe thấy những gì Julia vừa nói, “bác dùng chiếc máy chữ của cháu để gõ nước đi tiếp theo, rồi cầm lấy bức tranh đã được Max đóng gói và cùng với nó rời khỏi đó. Tất cả chỉ có thế.”

Ông nói với giọng bình thản, như thể cuộc đối thoại không còn làm ông quan tâm nữa. Song Julia còn lâu mới coi như câu chuyện đã kết thúc.

“Nhưng tại sao lại giết Menchu? Ông có thể vào căn hộ của tôi bất cứ khi nào ông muốn. Có cả nghìn cách khác để đánh cắp bức tranh.”

Lời nhận xét đó làm đôi mắt César lại bừng lên đầy sức sống.

“Công chúa, bác thấy là cháu cương quyết dành cho vụ trộm tranh tầm quan trọng được phóng đại thái quá. Thực tế, nó cũng chỉ là một chi tiết như mọi chi tiết khác. Trong suốt câu chuyện này bác đã thực hiện một số hành động đơn giản vì chúng bổ sung cho những hành động khác. Như lớp kem trên chiếc bánh, cháu có thể gọi như vậy cũng được,” ông nói, cố gắng tìm ra cách diễn đạt ửng ý. “Có vài lý do Menchu phải chết: lúc này một số đã trở nên vô nghĩa, một số khác thì không. Hãy cho rằng chúng xuất phát từ lý do thuần túy thẩm mỹ, và cũng vì thế ông bạn Muñoz của chúng ta có được khám phá đáng kinh ngạc về mối liên hệ giữa họ của Menchu và quân thập bị ăn, cho tới những nguyên nhân sâu xa hơn. Bác đã sắp xếp mọi thứ để giải thoát cháu khỏi những ràng buộc và ảnh hưởng tai hại, để cắt đứt những mối liên hệ giữa cháu với quá khứ. Thật không may cho bà ta, Menchu, với sự ngu ngốc và thô thiển bẩm sinh của mình, là một trong những mối liên hệ đó, cũng như Alvaro.”

“Và ai đã cho ông quyền phán quyết về sự sống và cái chết?”

César dành cho cô một nụ cười độc ác.

“Chính bác, chỉ mình bác. Hãy thứ lỗi cho bác nếu câu trả lời nghe có phần ngạo mạn.” Dường như ông vừa đột ngột nhớ ra sự hiện diện của

Muñoz. “Về phần còn lại của ván cờ, bác không có nhiều thời gian. Muñoz giống như một con chó săn nòi bám sát đường đi nước bước của bác. Chỉ thêm vài nước cờ nữa và ông ấy hẳn sẽ chỉ tay thẳng vào bác. Nhưng bác biết ông bạn thân mến của chúng ta sẽ không ra tay cho tới khi ông ấy đã hoàn toàn chắc chắn. Mặt khác, tới lúc đó ông ấy đã biết chắc cháu không hề gặp bất cứ nguy hiểm nào. Ông ấy cũng là một nghệ sĩ, theo cách riêng của mình. Chính vì thế ông bạn của chúng ta để cho bác được tiếp tục ván cờ, trong khi ông ấy tìm kiếm những bằng chứng cho phép khẳng định các kết luận từ quá trình phân tích của mình. Tôi nói đúng chứ, ông bạn Muñoz?”

Muñoz chỉ trả lời bằng một cái gật đầu chậm rãi. César đã tới bên chiếc bàn nhỏ có bày bộ cờ. Sau khi ngắm nhìn các quân cờ một hồi, ông kiêu cách cầm quân hậu trắng lên, như thể nó được làm bằng thủy tinh mong manh dễ vỡ, và nhìn nó hồi lâu.

“Tối hôm qua,” ông nói, “trong lúc cháu đang làm việc trong xưởng phục chế ở bảo tàng Prado, bác vào trong bảo tàng mười phút trước giờ đóng cửa. Bác lang thang qua các căn phòng dưới tầng trệt và cài tấm thẻ vào chỗ bức tranh của Brueghel. Sau đó bác đi uống cà phê cho qua thời gian trước khi có thể gọi điện thoại cho cháu. Tất cả là vậy. Điều duy nhất bác không lường trước là Muñoz lại tìm ra tập tạp chí cờ vua cũ đó trong thư viện của câu lạc bộ. Bác đã quên mất sự tồn tại của nó.”

“Có điều gì đó không đúng ở đây,” Muñoz đột ngột lên tiếng, và Julia ngạc nhiên quay về phía ông. Người kỳ thủ đang nhìn chăm chăm vào César, đầu hơi nghiêng sang một bên, một tia sáng tò mò đang lóe lên trong đôi mắt; đó là dáng vẻ của ông khi ông đang tập trung vào bàn cờ, lần theo một nước đi không hoàn toàn làm ông hài lòng. “Ông là một kỳ thủ xuất sắc, chúng ta nhất trí về điều này. Hay đúng hơn, ông sở hữu năng lực để có thể trở thành một kỳ thủ xuất sắc. Dầu vậy, tôi không tin ông có khả năng chơi được ván

cờ theo cách ông đã chơi. Các nước đi kết hợp với nhau một cách quá hoàn hảo, không thể có được ở một người đã rời xa bàn cờ suốt ba mươi lăm năm. Trong cờ vua, kinh nghiệm và thực hành là những điều cốt yếu nhất. Đó là lý do tại sao tôi biết chắc ông đã nói dối chúng tôi. Hoặc ông đã chơi cờ rất nhiều trong suốt những năm qua, một mình, hoặc phải có ai đó khác giúp ông. Tôi không muốn làm tổn thương lòng kiêu hãnh phù phiếm của ông, César, nhưng tôi dám chắc ông có một kẻ tòng phạm.”

Một hồi lâu im lặng nặng nề buông xuống sau những câu nói này. Julia đưa mắt nhìn cả hai người đầy bối rối, không thể tin nổi vào những gì Muñoz vừa nói. Nhưng đúng vào lúc cô định nói rằng chuyện đó thật ngớ ngẩn, cô nhận ra César, khuôn mặt vốn này giờ dường như đóng băng lại thành một tấm mặt nạ vô cảm không thể nhìn thấu qua được, cuối cùng cũng nhướng một bên lông mày lên đầy bồn chồn. Nụ cười xuất hiện sau đó là một nụ cười hết cỡ biểu lộ sự thừa nhận và ngưỡng mộ. Ông thở dài thật sâu, khoanh tay lại và gật đầu.

“Ông bạn của tôi,” ông chậm rãi nói, nhấn nhá từng từ một, “ông xứng đáng trở thành ai đó khá hơn nhiều so với việc chỉ đơn thuần là một người vô danh tìm đến chơi cờ ở câu lạc bộ cờ địa phương mỗi dịp cuối tuần.” Ông vung bàn tay phải ra như thể chỉ ra sự hiện diện của một nhân vật vẫn luôn có mặt cùng họ suốt từ đầu cuộc gặp, trong một góc tối của căn phòng. “Quả thực, đúng là tôi có một tòng phạm, mặc dù trong trường hợp này kẻ tòng phạm của tôi có thể coi mình được an toàn trước bất cứ sự trừng phạt nào của công lý. Ông có muốn biết tên của anh ta không?”

“Tôi đang hy vọng ông sẽ cho tôi biết.”

“Tất nhiên là thế rồi, vì tôi không nghĩ sự phản bội của mình sẽ gây hại gì nhiều cho anh ta.” Ông nở một nụ cười, lần này còn rộng hơn. “Tôi hy vọng ông sẽ không cảm thấy bị xúc phạm, ông bạn đáng kính, khi tôi dành sự thỏa

mãn nhỏ nhoi này cho bản thân mình. Tin tôi đi, việc biết được ông không thể hoàn toàn tìm ra mọi thứ khiến tôi khoan khoái vô cùng. Ông có thể đoán ra anh ta là ai không?”

“Tôi không thể, và tôi dám chắc đó không phải là một người tôi quen biết.”

“Ông nói đúng đấy. Tên anh ta là Alfa PC-1212. Anh ta là một chiếc máy tính cá nhân có cài một chương trình chơi cờ vua phức tạp với hai mươi cấp độ chơi. Tôi đã mua nó một ngày sau khi giết Alvaro.”

Đây mới là lần thứ hai kể từ khi biết ông, Julia nhìn thấy vẻ ngỡ ngàng trên khuôn mặt Muñoz. Ánh sáng trong đôi mắt ông tắt ngấm, và miệng ông há ra kinh ngạc.

“Ông không có gì để nói sao?” César hỏi, quan sát người kỳ thủ với vẻ tò mò thích thú.

Muñoz nhìn ông hồi lâu song không trả lời. Sau một hồi, người kỳ thủ đưa mắt nhìn sang Julia.

“Cô vui lòng cho tôi xin một liều thuốc,” ông đề nghị nói.

Cô đưa cho ông cả bao thuốc, và người kỳ thủ xoay xoay nó bằng các ngón tay của mình trước khi lấy ra một liều đưa lên môi. Julia quẹt diêm châm thuốc cho ông, và Muñoz chậm rãi hít một hơi thuốc thật sâu vào đây hai buồng phổi. Dường như tâm trí ông đang cách xa nơi ông đứng cả triệu cây số.

“Thật khó để chấp nhận nổi, phải không nào?” César nói, bật cười khê. “Suốt thời gian vừa qua ông đã chỉ đấu trí với một chiếc máy tính, một cỗ máy không có bất cứ cảm xúc hay cảm giác nào. Tôi chắc ông sẽ đồng ý với tôi rằng đây là một nghịch lý thật thú vị, một biểu tượng hoàn hảo cho thời đại chúng ta đang sống. Cỗ máy kỳ diệu của Maelzel có một người ẩn nấp bên trong, theo như suy đoán của Poe. Ông còn nhớ chứ? Nhưng thời thế đã

thay đổi, ông bạn thân mến. Giờ đến lượt các cỗ máy tự động ẩn nấp bên trong hình hài của con người.” Ông giơ quân hậu làm bằng ngà voi đã ngả vàng lên, trưng nó ra đầy mĩa mai. “Và tất cả tài năng của ông, trí tưởng tượng phong phú và khả năng phân tích toán học hiếm có ông sở hữu, *senor* Muñoz thân mến, cũng chỉ tương đương với một chiếc đĩa mềm nhỏ bé bằng chất dẻo đặt gọn trong lòng bàn tay, giống như một hình ảnh phản chiếu đầy mĩa mai trong một tấm gương chỉ cho phép chúng ta thấy một hình ảnh châm biếm về con người của chính mình. Tôi e rằng, cũng như Julia, ông sẽ không bao giờ có thể trở lại như trước đây sau trải nghiệm này. Cho dù trong trường hợp của ông,” vị chủ nhà thừa nhận với nụ cười trầm ngâm, “tôi không nghĩ ông sẽ thu được gì nhiều từ sự thay đổi này.”

Muñoz vẫn không nói gì. Ông chỉ đứng đó, hai tay đút trở lại vào túi áo mưa, điều thuốc vẫn ngậm trên môi, đôi mắt hơi khép lại trong làn khói thuốc, không biểu lộ bất cứ cảm xúc nào. Trông ông giống như một người đang nhại lại điệu bộ của một anh chàng thám tử ăn mặc tồi tàn mà người ta vẫn hay thấy trong các bộ phim đen trắng.

“Tôi xin lỗi,” César nói, và dường như ông đang chân thành. Vị chủ nhà trả quân hậu xuống bàn cờ với điệu bộ của một người chuẩn bị hạ màn kết thúc một buổi tối vui vẻ rồi đưa mắt nhìn Julia.

“Để kết thúc,” ông nói, “tôi sẽ cho hai người xem một thứ.”

Ông bước đến chiếc bàn viết có ngăn kéo bằng gỗ gụ, mở và lấy ra một phong bì dày được dán kín và ba bức tượng sứ nhỏ của Bustelli.

“Cháu giành được giải thưởng, công chúa.” Ông mỉm cười nhìn cô với một thoáng tinh nghịch trong ánh mắt. “Một lần nữa cháu lại tìm ra kho báu được cất giấu. Giờ cháu có thể làm gì với nó tùy thích.”

Julia nhìn những bức tượng sứ và chiếc phong bì với vẻ nghi ngờ.

“Tôi không hiểu.”

“Cháu sẽ hiểu sau một phút nữa thôi. Trong mấy tuần vừa qua, bác cũng đã có thời gian để tự mình quan tâm tới lợi ích của cháu. Vào lúc này, bức *Ván cờ* đang nằm ở một nơi tốt nhất có thể: một két an toàn trong một ngân hàng Thụy Sĩ, được thuê bởi một công ty chỉ tồn tại trên giấy tờ có trụ sở tại Panama. Các luật sư và chủ ngân hàng Thụy Sĩ là những con người khá tế nhị, nhưng rất biết điều, họ không đưa ra dù chỉ một câu hỏi chùng nào cháu tôn trọng luật pháp của đất nước họ và trả phí nghiêm chỉnh.” Ông đặt phong bì lên mặt bàn, gần chỗ Julia. “Bảy mươi lăm phần trăm cổ phiếu trong công ty đó là của cháu, các giấy tờ chứng thực đều nằm cả trong phong bì. Demetrius Ziegler, một luật sư người Thụy Sĩ và là một người bạn lâu năm của bác mà cháu từng nghe bác nhắc tới trước đây, đã thực hiện việc này. Không ai, ngoại trừ chúng ta và một người thứ ba, về người này chúng ta sẽ bàn tới sau, biết được bức tranh của Van Huys sẽ nằm tại nơi đó và sẽ được cất giữ trong một thời gian, trong két an toàn ngoài tầm mắt người đời. Trong thời gian đó, câu chuyện về bức *Ván cờ* sẽ trở thành một sự kiện nổi bật trong thế giới mỹ thuật. Các phương tiện truyền thông, các tạp chí chuyên ngành sẽ khai thác triệt để sự hấp dẫn của vụ tai tiếng này. Bác và ông luật sư đã dự kiến, như một con số ước lượng làm tròn, giá trị của nó trên thị trường quốc tế lên tới chừng vài triệu... đô la, tất nhiên rồi.”

Julia nhìn phong bì, rồi lại nhìn César, ngỡ ngàng không thể tin nổi vào những gì vừa nghe thấy.

“Cho dù giá trị của nó có cao đến đâu cũng vô ích,” cô lẩm bẩm, không khỏi có chút khó khăn khi nói ra lời.

“Ông không thể bán một bức tranh ăn cắp, cho dù ở nước ngoài.”

“Điều đó phụ thuộc vào việc bán cho ai và bằng cách nào,” César đáp. “Khi mọi thứ đã sẵn sàng – hãy nói là sau vài tháng nữa – bức tranh sẽ rời khỏi nơi nó được cất giữ để xuất hiện, không phải trong một cuộc bán đấu giá

công khai, mà trên thị trường chợ đen của các tác phẩm nghệ thuật. Cuối cùng, bức tranh sẽ bí mật nằm trên tường tòa dinh thự xa hoa của một trong những nhà sưu tập triệu phú ở Brazil, Hy Lạp hay Nhật Bản, những người luôn háo hức lao bổ vào những tác phẩm giá trị như thế này chẳng khác gì những con cá mập, hoặc để bán lại chúng, hoặc để thỏa mãn đam mê cá nhân dành cho sự xa hoa, quyền lực và cái đẹp. Đó cũng là một cách đầu tư dài hạn tốt, vì tại một số quốc gia giới hạn truy cứu hình sự với các tác phẩm nghệ thuật bị đánh cắp là hai mươi năm. Và khi đó cháu vẫn còn rất trẻ trung tươi vui. Như vậy có tuyệt không? Dù sao đi nữa, cháu cũng không phải lo chuyện đó. Điều đáng bận tâm vào lúc này là, sau vài tháng nữa, trong khi bức tranh của Van Huys bắt đầu cuộc hành trình bí mật của nó, tài khoản ngân hàng của công ty mới tinh đặt trụ sở tại Panama của cháu, mới được mở hai ngày trước tại một ngân hàng Thụy Sĩ đáng kính khác, sẽ giàu lên thêm vài triệu đô la nữa. Cháu sẽ không phải làm gì hết, vì một người khác sẽ thực hiện toàn bộ quá trình chuyển tiền phiền phức đó. Công chúa, bác đã thu xếp để đảm bảo chắc chắn mọi thứ, đặc biệt là lòng trung thành có ý nghĩa sống còn của người đó. Một tay lính đánh thuê trung thành, phải nói là vậy. Nhưng cũng tốt như bất kỳ tay lính đánh thuê nào khác, thậm chí còn tốt hơn. Đừng bao giờ tin vào sự trung thành không vụ lợi.”

“Người này là ai vậy? Ông bạn Thụy Sĩ của ông chẳng?”

“Không. Ziegler là một luật sư làm việc có phương pháp và hiệu quả, song ông ta không biết mấy về nghệ thuật. Vì thế bác tìm tới một người có trong tay những mối liên hệ cần thiết, một kẻ *không bao giờ* do dự về bất kỳ lý do nào và có đủ hiểu biết để thực hiện giao dịch một cách suôn sẻ trong thế giới ngầm vô cùng phức tạp đó. Paco Montegrifo.”

“Ông đùa chắc.”

“Bác không đùa khi liên quan tới chuyện tiền bạc. Montegrifo là một con

người kỳ lạ, một người, cũng cần phải nói, ít nhiều phải lòng cháu, cho dù chuyện này không liên quan gì tới việc chúng ta đang nói tới. Điều quan trọng ở đây là anh ta cùng lúc vừa là một tên đê tiện hạng nhất vừa là một nhân vật cực kỳ tài năng, và anh ta sẽ không bao giờ làm gì có hại đến cháu.”

“Tôi không thấy tại sao lại không. Nếu anh ta có bức tranh, anh ta sẽ chuồn ngay lập tức. Montegrifo sẵn sàng bán cả mẹ đẻ anh ta để đổi lấy một bức tranh màu nước.”

“Không nghi ngờ gì về chuyện đó, nhưng anh ta không thể làm thế với *cháu*. Thứ nhất, vì Demetrius Ziegler và bác đã buộc anh ta ký một loạt văn bản sẽ không có giá trị pháp lý gì nếu mang ra công bố công khai, vì toàn bộ vụ này vốn đã sặc mùi phi pháp, nhưng thừa đủ để chứng minh cháu không có bất cứ can hệ nào tới mọi chuyện liên quan đến bức tranh, chúng cũng cho phép buộc tội anh ta nếu anh ta trở nên quá lảm lòi hay định chơi bẩn, đủ để tất cả cảnh sát trên thế giới này truy lùng anh ta suốt phần đời còn lại. Bác cũng nắm được một vài bí mật nếu được công bố sẽ hủy hoại tiếng tăm của anh ta, đồng thời khiến anh ta gặp rắc rối lớn với pháp luật. Theo bác được biết, Montegrifo, bên cạnh những chuyện khác, từng ít nhất hai lần thực hiện việc đưa ra khỏi đất nước và bán bất hợp pháp các hiện vật đáng ra phải thuộc về di sản quốc gia của chúng ta, những hiện vật đã tới tay bác và bác dùng anh ta làm môi giới trung gian: một tấm màn ban thờ từ thế kỷ 15 được cho là của cha Oller và đã bị đánh cắp khỏi nhà thờ Santa Maria ở Cascalls năm 1978 và bức họa nổi tiếng của danh họa Juan de Flandes biến mất khỏi bộ sưu tập của Olivares bốn năm trước, cháu còn nhớ chứ?”

“Có, tôi nhớ. Nhưng tôi chưa bao giờ hình dung ông...”

César thở dài nhún vai.

“Đời là thế mà, công chúa. Trong nghề của bác, trung thực một cách không thể chê trách là con đường chắc chắn nhất để chết dúi. Nhưng không

phải chúng ta đang nói về bác, mà về Montegrifo. Tất nhiên, anh ta sẽ cố giữ lại cho mình nhiều tiền nhất có thể; đó là chuyện không tránh khỏi. Nhưng anh ta sẽ phải thu mình bên trong một số giới hạn mà không làm ảnh hưởng tới mức lợi tức tối thiểu mà công ty của cháu ở Panama đảm bảo, các quyền lợi của công ty này sẽ được Ziegler canh giữ cẩn thận như canh giữ con người của ông ta vậy. Một khi vụ làm ăn đã xong xuôi, Ziegler sẽ tự động chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của công ty đó tới một tài khoản cá nhân khác có số tài khoản chỉ riêng cháu biết. Sau đó, ông ta sẽ đóng tài khoản của công ty kia lại để xóa dấu vết của chúng ta, đồng thời hủy toàn bộ các giấy tờ, ngoại trừ các giấy tờ liên quan tới phần can dự của Montegrifo vào vụ làm ăn. Ông ta sẽ giữ chúng lại để đảm bảo lòng trung thành của ông bạn chuyên gia bán đấu giá của chúng ta. Mặc dù bác tin chắc tới lúc đó biện pháp phòng xa như thế không còn cần thiết nữa... Nhân tiện bác cũng muốn nói luôn, Ziegler đã đưa ra các chỉ thị chuyển một phần ba khoản lợi nhuận thuộc về cháu vào nhiều hình thức đầu tư an toàn có lợi tức cao để rửa số tiền đó, đồng thời cũng đảm bảo tài chính cho cháu trong suốt phần đời còn lại, kể cả nếu cháu có quyết định phóng tay tiêu pha theo cách hoang phí nhất đi nữa. Hãy làm theo bất cứ lời khuyên nào ông ta đưa ra cho cháu, vì Ziegler là một người tử tế, người bác đã quen hơn hai mươi năm qua: trung thực, theo giáo phái Calvin* và đồng tính luyến ái. Tất nhiên, ông ta cũng kỹ tính chu đáo không kém trong việc khấu trừ các khoản hoa hồng và chi phí của mình.”

Cho tới lúc đó Julia, vẫn bất động lắng nghe, bất giác giật mình. Mọi thứ ăn khớp với nhau một cách hoàn hảo, như những mảnh của một bức tranh ghép kỳ quái khó lòng tin nổi. César không để lọt một kẽ hở nào. Cô nhìn ông hồi lâu, đồng thời đứng dậy đi quanh phòng, cố nhập tâm những gì vừa được nghe. Thật quá nhiều cho một buổi tối, cô thầm nghĩ khi dừng lại trước mặt Muñoz, người đang lạng lẽ quan sát cô. Thậm chí còn là quá nhiều cho

cả một đời người.

“Tôi thấy,” cô nói, quay lưng lại phía César, “rằng ông đã nghĩ tới mọi thứ. Hay hầu như mọi thứ. Chắc hẳn ông cũng đã nghĩ tới *don* Manuel Belmonte rồi chứ? Có thể ông chỉ coi đây là một chi tiết vặt vãnh, nhưng ông ấy là chủ nhân của bức tranh.”

“Bác đã nghĩ tới chuyện đó. Không cần phải nói, cháu luôn có thể cảm thấy một cơn khủng hoảng lương tâm rất đáng ca ngợi và quyết định không chấp nhận kế hoạch của bác. Trong trường hợp đó, cháu chỉ cần thông báo cho Ziegler và bức tranh sẽ lại xuất hiện tại một nơi thích hợp nào đó. Điều này sẽ làm Montegrifo bực bội, song anh ta đành phải chấp nhận thôi. Sau đó, mọi thứ sẽ y nguyên như trước: vụ tai tiếng sẽ làm tăng giá trị bức tranh, và Claymore vẫn giữ nguyên quyền mang nó ra bán đấu giá. Nhưng nếu cháu chấp nhận rẽ theo con đường hợp lý hơn, vẫn còn đủ lý lẽ để làm dịu lương tâm của cháu: Belmonte muốn tống khứ bức tranh đi để đổi lấy tiền, vậy nên, một khi cháu đã loại trừ mọi giá trị về tình cảm liên quan tới bức tranh, sẽ chỉ còn lại giá trị kinh tế của nó. Và thứ này đã được bảo hiểm đền bù rồi. Bên cạnh đó, không gì ngăn cản cháu giấu tên chuyển cho ông ta bất cứ khoản đền bù nào cháu thấy hợp lý. Cháu sẽ có thừa đủ tiền để làm như thế. Còn về Muñoz...”

“Phải,” Muñoz nói, “tôi đang tò mò muốn biết ông sẽ dành điều gì cho tôi.”

César dành cho người kỳ thủ một cái nhìn đượm vẻ châm biếm.

“Ông, bạn thân mến, ông đã trúng số độc đắc.”

“Ông không đùa chứ.”

“Ồ, tôi hoàn toàn nghiêm chỉnh. Lường trước quân hiệp sĩ trắng thứ hai sẽ sống sót qua ván cờ, tôi đã tự cho mình quyền gán ông, trên giấy tờ, với công ty tôi vừa nhắc tới, cụ thể là với hai mươi lăm phần trăm cổ phiếu của nó,

điều này, ngoài những việc khác, sẽ cho phép ông mua cho mình vài chiếc áo sơ mi mới và chơi cờ vua ở Bahamas nếu ông thích.”

Muñoz đưa một bàn tay lên miệng và cầm lấy phần còn lại của điếu thuốc đang hút. Ông nhìn qua đầu mẫu thuốc rồi cố tình ném nó xuống thảm.

“Ông thật rộng rãi,” ông nói.

César nhìn đầu mẫu thuốc đã tắt dưới sàn, sau đó nhìn lên Muñoz.

“Đó là những điều tối thiểu tôi có thể làm. Theo cách nào đó tôi cần mua sự im lặng của ông, bên cạnh đó, ông còn hơn cả xứng đáng được như thế. Hãy coi như đó là cách tôi bù đắp lại mảnh khoe tồi tệ tôi đã dùng để lừa ông với chiếc máy tính.”

“Ông có bao giờ nghĩ tới việc có thể tôi sẽ từ chối tham gia vào tất cả những trò này không?”

“Tất nhiên. Nói cho cùng, ông là một con người kỳ lạ. Nhưng giờ đó không còn là chuyện của tôi nữa. Giờ đây ông và Julia đã trở thành hai đối tác mới, vậy hai người có thể tự thu xếp với nhau. Tôi còn những chuyện khác cần bận tâm đến.”

“Vẫn còn ông nữa, César,” Julia nói.

“Bác ư?” Ông mỉm cười – một cách đau khổ, Julia thầm nghĩ. “Công chúa yêu quý của bác, bác có quá nhiều tội lỗi cần phải trả giá và còn quá ít thời gian để làm việc đó.” Ông chỉ vào phong bì dán kín trên mặt bàn. “Trong đó cháu sẽ tìm thấy một lời thú tội chi tiết, giải thích toàn bộ câu chuyện này từ đầu đến cuối, ngoại trừ, tất nhiên rồi, những gì chúng ta đã thu xếp ở Thụy Sĩ. Cháu, Muñoz và, vào lúc này, cả Montegrifo nữa, đều bước ra khỏi cuộc phiêu lưu hoàn toàn sạch sẽ tinh tươm. Về phần bức tranh, bác đã mô tả lại một cách cực kỳ chi tiết việc mình đã hủy hoại nó ra sao, kèm theo những lý do cá nhân và tình cảm đã thúc đẩy bác tới hành động đó. Bác tin chắc sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng bản thú tội của bác, đám chuyên gia tâm lý của cảnh

sát sẽ hân hoan dán cho bác cái mác một kẻ nguy hiểm mắc chứng tâm thần phân liệt.”

“Ông định trốn ra nước ngoài ư?”

“Chắc chắn là không rồi. Điều duy nhất làm cho việc có nơi nào đó để đi trở nên đáng ao ước là nó đem đến cho ta cái cơ thực hiện một chuyến đi. Nhưng bác đã quá già cho việc đó rồi. Mặt khác, bác cũng không mấy hứng thú với nhà tù hay một trại tâm thần. Cuộc sống hẳn sẽ khá rầy rà với những anh chàng y tá hấp dẫn cơ bắp cuộn lôi ta ra xối nước lạnh dưới vòi hoa sen. Bác e là không, cô bé yêu quý. Bác đã năm mươi tuổi và không còn thấy hứng thú với những chuyện như thế nữa. Bên cạnh đó, còn một chi tiết nhỏ nữa.”

Julia nghiêm nghị nhìn ông.

“Là gì vậy?”

“Cháu có từng nghe qua” – César nở một nụ cười mỉa mai – “về một thứ gì đó được gọi là ‘mắc phải’ hay ‘hội chứng’, thứ đang dường như trở nên thời thượng một cách khủng khiếp thời gian gần đây không? Thế đấy, bác là một ca giai đoạn cuối. Hay đại khái đó là điều họ nói.”

“Ông nói dối.”

“Không hề. Đó là cách họ gọi nó: giai đoạn cuối, giống như nhà ga cuối âm u của một tuyến tàu điện ngầm vậy.”

Julia nhắm nghiền mắt lại. Mọi thứ xung quanh cô dường như nhòe đi, và trong tâm trí cô chỉ còn đọng lại một âm thanh trầm đục, giống như tiếng một tảng đá rơi xuống hồ nước. Khi cô mở mắt ra, đôi mắt cô đã ướt đẫm.

“Ông nói dối, César. Không phải như thế. Hãy nói với tôi là ông đang nói dối đi.”

“Bác cũng muốn thế lắm, công chúa. Bác cam đoan với cháu không có gì làm bác vui thích hơn khi được nói với cháu rằng những gì bác vừa nói chỉ là

một trò bỡn cợt với khẩu vị tệ hại nhất trên đời. Nhưng cuộc sống hoàn toàn có thể chơi khăm người ta như vậy đấy.”

“Ông biết đã bao lâu rồi?”

César uể oải phẩy tay gạt câu hỏi sang một bên, như thể thời gian không còn làm ông bận lòng nữa.

“Hai tháng, quãng chừng đó,” ông nói. “Đầu tiên là một khối u nhỏ xuất hiện ở trực tràng. Chẳng dễ chịu chút nào.”

“Ông chưa bao giờ nói gì với tôi cả.”

“Sao bác phải làm thế? Nếu cháu vui lòng thứ lỗi cho lời lẽ có phần khiếm nhã, cô bé yêu quý, bác luôn cảm thấy trực tràng hoàn toàn là chuyện riêng của bác.”

“Ông còn bao nhiêu thời gian nữa?”

“Không nhiều lắm. Sáu hay bảy tháng, bác chắc vậy. Và họ nói bác sẽ cứ thế mà sút cân.”

“Vậy họ sẽ đưa ông tới một bệnh viện. Ông sẽ không phải vào tù. Thậm chí cũng không phải tới một trại tâm thần, như ông mới vừa nói.”

César bình thản lắc đầu.

“Bác sẽ không đi tới bất cứ đâu trong những nơi đó hết, cô bé yêu quý. Cháu có thể hình dung ra còn điều gì kinh khủng hơn việc phải chết dần chết mòn vì một thứ thô thiển đến vậy không? Ồ, không. Dứt khoát không. Bác từ chối. Ít nhất bác đòi hỏi quyền được dành chút dấu ấn cá nhân cho đoạn kết của chính mình. Thật kinh khủng khi hình ảnh cuối cùng của mình trên thế giới này lại phải gắn liền với một chai dịch truyền treo lủng lẳng trên đầu, với những người tới thăm phải bước qua bình ôxy mình đang dùng.” Ông nhìn quanh các món đồ vật, những tấm thảm và bức tranh trong phòng. “Bác muốn dành cho mình một cách chết theo phong cách Florence giữa những đồ vật mình yêu quý. Một đoạn kết tế nhị, nhẹ nhàng sẽ hợp với sở thích và tính

cách bác hơn.”

“Khi nào?”

“Lát nữa. Ngay khi hai người vui lòng để bác ở lại một mình.”



Muñoz đang đợi dưới đường, tựa lưng vào tường, cổ áo mưa kéo dựng lên. Đường như ông đang chìm đắm trong những suy nghĩ của riêng mình, và khi Julia xuống tới cửa rồi đến bên ông, thoát đầu ông vẫn chưa ngẩng đầu lên ngay.

“Ông ấy sẽ làm việc đó bằng cách nào?” ông hỏi.

“Axit hydrôxyanua*. Ông ấy có một lọ từ lâu lắm rồi.” Cô mỉm cười cay đắng. “Ông ấy nói một viên đạn hãn sẽ hùng tráng hơn, nhưng nó sẽ để lại một cái nhìn ngạc nhiên không dễ coi chút nào trên khuôn mặt ông ấy. Ông ấy muốn ra đi trong dáng vẻ chính tề nhất của mình.”

“Tôi hiểu.”

“Có một buồng điện thoại gần đây, ngay góc đường.” Cô lơ đãng nhìn Muñoz. “Ông ấy yêu cầu chúng ta cho ông ấy mười phút trước khi gọi cảnh sát.”

Họ cùng bước đi bên nhau trên vỉa hè, dưới ánh đèn đường vàng vọt. Ở cuối phố, đèn tín hiệu giao thông đang chuyển từ xanh qua vàng, rồi sang đỏ. Ánh sáng rọi lên mặt Julia, tạo nên trên đó những hình bóng kỳ dị.

“Bây giờ cô định sẽ làm gì?” Muñoz hỏi. Ông nói mà không hề nhìn cô, đôi mắt ông dán xuống mặt đường. Cô nhún vai.

“Còn tùy vào ông.”

Thế rồi Julia nghe thấy Muñoz bật cười. Một tiếng cười trầm trầm nhẹ

nhàng, hơi pha giọng mũi, dường như bật ra từ sâu thẳm bên trong ông. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, cô có cảm giác đó là một nhân vật trong bức tranh kia, chứ không phải Muñoz, đang cười bên cạnh cô.

“Ông bạn César của cô nói đúng,” Muñoz nói. “Đúng là tôi cần vài chiếc áo sơ mi mới.”

Julia lướt các ngón tay lên ba bức tượng nhỏ bằng sứ – Octavio, Lucinda và Scaramouche – mà cô đang mang theo trong túi áo mưa, cùng chiếc phong bì dán kín. Không khí ban đêm lạnh lẽo làm khô đi cả đôi môi lẫn những giọt nước mắt của cô.

“Ông ấy có nói gì khác trước khi cô để ông ấy lại một mình không?” Muñoz hỏi.

“ ‘*Nec sum adeo informis**... Tôi cũng không đến mức quá xấu xí. Vừa mới đây thôi tôi đã nhìn mình phản chiếu dưới làn nước bên bờ khi biển lặng.’ ” Thật đúng với tính cách của César khi viện dẫn Virgil như thế lúc cô đứng ở ngưỡng cửa để nhìn lại căn phòng khách nửa tối nửa sáng, với những mảng màu sẫm của các bức tranh cổ treo trên tường, thứ ánh sáng mờ được lọc qua chụp đèn bằng giấy đang chiếu lên đồ đạc trong phòng, những món đồ bằng ngà voi ngả vàng, những hàng chữ mạ vàng lấp lánh trên gáy các cuốn sách. Và César đứng ở giữa phòng, quay lưng vào nguồn sáng, nét mặt không sao nhìn rõ được, một hình thù mảnh dẻ nổi bật lên như một hình đúc nổi trên mặt mề đay hay một món đồ trang sức bằng đá chạm, bóng của ông đổ dài, gần như chạm tới chân Julia, trên nền đỏ và vàng nâu của tấm thảm trải sàn. Và tiếng chuông chòm vang lên đúng vào khoảnh khắc cô đóng sập cửa lại, như thể đó là tiếng phiến đá đập lên một huyết mộ. Dường như mọi thứ đã được lường trước từ cách đây rất lâu, và mỗi người trong họ đã chu đáo hoàn tất vai diễn được giao cho mình trong vở kịch đã kết thúc trên bàn cờ vào đúng thời khắc đó, năm thế kỷ sau màn thứ nhất, với sự chuẩn xác

mang tính toán học trong nước đi cuối cùng của quân hậu đen.

“Không,” cô khẽ lẩm bẩm, cảm thấy hình ảnh trong tâm trí mình đang chậm chậm trôi đi, chìm sâu xuống đáy ký ức của cô. “Không, thực ra ông ấy cũng không nói gì nhiều nữa.” Muñoz ngược mắt nhìn lên, giống như một con chó gầy guộc vụng về đang hít ngửi bầu trời tối sẫm trên đầu họ, rồi ông mỉm cười trêu mếu pha chút gượng gạo. “Thật đáng tiếc,” ông nói. “Lẽ ra ông ấy đã có thể trở thành một kỳ thủ tuyệt vời.”



Tiếng bước chân của bà âm vang trong dãy hành lang vắng lặng, dưới mái vòm đã chìm sâu vào bóng tối. Mặt trời đang lặn chiếu những tia nắng cuối cùng gần như theo phương nằm ngang, chúng xuyên qua những khung cửa có chấn song đá, nhuộm đỏ các bức tường tu viện, những hốc tường trống rỗng, những chiếc lá thường xuân, thứ sẽ ngả vàng vào mùa thu, đang cuộn xoắn lại quanh các đầu cột, nhuộm đỏ cả những bức tượng quái vật, chiến binh, các vị thánh, những con vật trong truyền thuyết trang trí cho các phần mộ, cả những mái vòm Gothic bao quanh khu vườn mọc đầy cỏ dại. Bên ngoài, gió rít lên từng cơn, báo hiệu cho những đợt lạnh của khí hậu phương Bắc luôn đi trước mùa đông, nó thổi qua sườn đồi, làm các cành cây trên đó va vào nhau xào xạc, nó luồn qua các mái hiên và miệng máng xối chạm hình đầu thú, tạo nên tiếng vang trầm trầm của những khối đá đã trải qua bao thế kỷ; cơn gió làm đung đưa những quả chuông đồng treo trên tháp, và cao hơn chúng, chiếc chong chóng gió han gỉ kê cốt kết vắn bướng bình chỉ về hướng Nam, một phương Nam có lẽ quang đãng, xa xăm và ngoài tầm với.

Người phụ nữ mặc đồ đen dừng bước bên một bức bích họa đã bị thời gian

và hơi ẩm ăn mòn. Chỉ còn sót lại thừa thớt vài mảng màu nguyên gốc: màu xanh của một chiếc áo dài, đường viền màu hoàng thổ của một khuôn mặt; một bàn tay bị cắt cụt ở cổ tay, ngón cái chỉ lên một bầu trời không hề tồn tại, một Đức Chúa với khuôn mặt đã tan biến trong lớp thạch cao bong tróc của bức tường; một tia sáng của mặt trời hay của ánh sáng thánh thần, không có điểm khởi đầu hay nơi kết thúc, nằm chơi vơi giữa trời và đất, một khoảng ánh sáng vàng bị đóng băng lại một cách kỳ quặc trong thời gian và không gian, đang dần dần bị năm tháng và thời tiết xóa mờ, để rồi đến một ngày nào đó nó sẽ tắt ngấm hoặc bị xóa sạch, như thể chưa bao giờ từng tồn tại. Và một thiên thần không có miệng với nét mặt nghiệt ngã như của một vị quan tòa hay một đao phủ, người ta chỉ còn có thể nhận ra ở ông ta, trong những mảng màu còn sót lại, một đôi cánh được tô bằng màu vàng chanh, một mảnh áo và hình dáng lơ mờ của một thanh kiếm.

Người phụ nữ mặc đồ đen nâng tấm mạng đen che khuôn mặt của bà lên, nhìn hồi lâu vào đôi mắt của vị thiên thần. Mười tám năm qua, ngày nào bà cũng dừng bước tại đây vào cùng một giờ và chứng kiến sự tàn phá của thời gian gặm nhấm dần đi những gì còn lại của bức bích họa. Bà đã tận mắt chứng kiến nó dần dần biến mất, như thể bị mắc phải căn bệnh phong, thứ bệnh đang hủy hoại dần đi từng phần da thịt của nó, xóa dần đi khuôn mặt của vị thiên thần, làm nó nhòa dần vào nền thạch cao bẩn thỉu của bức tường, trong khi hơi ẩm làm những mảng màu bong tróc đi, làm nứt vỡ các hình vẽ. Ở nơi bà sống không có chiếc gương nào. Chúng bị cấm ngặt trong dòng tu bà đã gia nhập, hay đã bị ép buộc phải gia nhập. Giống như bức bích họa trên tường, ký ức của bà ngày càng có nhiều khoảng trắng trống không. Bà đã không còn nhìn thấy khuôn mặt của chính mình từ mười tám năm nay, và với bà, vị thiên thần kia, người hẳn đã có lúc sở hữu một khuôn mặt đẹp đẽ, là mốc đối chiếu bên ngoài duy nhất giúp bà hình dung ra tác động của thời gian

trôi qua trên chính khuôn mặt mình: những mảng sơn bị tróc lở cũng giống như những nếp nhăn, những đường nét mờ nhạt dần cũng giống như làn da già cỗi. Trong những khoảnh khắc sáng suốt hiếm hoi chợt ùa tới như những con sóng vờn lên mặt cát của một bãi biển, những khoảnh khắc bà bầu vúi lấy, cố gắng một cách tuyệt vọng để ghép chúng vào ký ức hỗn độn đầy ắp những bóng ma ám ảnh của mình, dường như bà nhớ ra mình đã năm mươi tư tuổi.

Từ trong nhà nguyện vẳng ra tiếng một dàn đồng ca, âm thanh bị chìm lấp đi sau những bức tường dày, những giọng hát đang ngợi ca Chúa trước khi họ đi sang phòng ăn. Người phụ nữ mặc đồ đen được phép không tham dự một vài buổi lễ, và vào giờ đó người ta cho phép bà đi dạo một mình, như một chiếc bóng tối tăm, lặng lẽ trong dãy hành lang vắng lặng. Một chuỗi tràng hạt dài bằng gỗ sẫm màu treo bên thắt lưng người phụ nữ, chuỗi tràng hạt đã khá lâu bà không động đến. Tiếng hát thánh ca từ xa vẳng đến trở nên mơ hồ trong âm thanh của cơn gió thổi qua.

Khi người phụ nữ bắt đầu đi tiếp và tới được bên cửa sổ, mặt trời sắp lặn chỉ còn là một quầng sáng đỏ nhạt nhòa phía xa, bên dưới những đám mây đen nặng nề từ phía bắc trôi tới. Dưới chân đồi có một hồ nước rộng xám xịt lấp lánh ánh sáng như ánh thép. Người phụ nữ đặt hai bàn tay gầy guộc, xương xẩu lên rìa một khung cửa sổ có đỉnh hình chóp – một lần nữa, như vào mỗi buổi tối trước, ký ức tàn khốc lại ùa về – và bà cảm thấy hơi lạnh từ tảng đá chạy lên theo hai cánh tay và, chậm rãi nhưng đầy đe dọa, lan dần tới trái tim đã rã rời của bà. Người phụ nữ bật ho rũ rượi, cả cơ thể yếu ớt mong manh của bà rung lên bần bật, chính cơ thể đã bị xói mòn sau bấy nhiêu mùa đông âm thấp, bị giày vò hành hạ bởi sự xa lánh, cô đơn và những ký ức đứt đoạn luôn ám ảnh. Bà không còn nghe thấy những bài thánh ca vọng lại từ nhà nguyện hay tiếng gió thổi nữa. Giờ chỉ còn tiếng đàn măng cầm đơn điệu,

buồn bã vang vọng từ giữa lớp sương mù của thời gian, và đường chân trời cuối thu khắc nghiệt biến mất trước đôi mắt bà để chuyển thành một khung cảnh khác, như thể trong một bức tranh: một vùng đồng bằng hơi nhấp nhô và, ở phía xa, nổi bật lên nền trời xanh như thể được vẽ ra từ một cây cọ rất mảnh, là hình dáng mảnh mai của một gác chuông. Và đột nhiên dường như bà nghe thấy tiếng nói của hai người đàn ông ngồi bên một chiếc bàn, tiếng âm vang vọng lại của tiếng cười. Và bà nghĩ nếu quay người lại, bà sẽ thấy mình ngồi trên ghế với một cuốn sách trong lòng, và khi ngược mắt lên, bà sẽ thấy những tia sáng lóe lên trên tấm giáp che cổ bằng thép và trên tấm phù hiệu Hiệp sĩ Cừu Vàng. Và một người đàn ông già nua có bộ râu ngả xám sẽ mỉm cười với bà trong lúc, cọ trong tay, ông miệt mài vẽ lên một tấm ván gỗ sồi, với tất cả những kỹ năng thăm lặng mà nghề nghiệp của ông đòi hỏi, những hình ảnh sẽ lưu lại đến vĩnh cửu của khung cảnh đó.

Trong khoảnh khắc, cơn gió thổi bạt đi màn mây bao phủ bầu trời, và một tia sáng cuối cùng, phản xạ lại qua mặt nước hồ, chiếu lên khuôn mặt già nua của người phụ nữ, làm chói đôi mắt bà, một đôi mắt trong, lạnh lẽo, gần như không còn sức sống. Thế rồi, khi ánh sáng vụt tắt, dường như gió lại rít mạnh hơn, thổi tấm mạng đen bay vờn quanh bà như đôi cánh của một con quạ. Người phụ nữ lại cảm thấy cơn đau nhói buốt cào xé mình từ bên trong, ở nơi ngay gần trái tim, một cơn đau làm nửa người bà tê liệt, một cơn đau không thứ gì có thể làm dịu được. Nó làm chân tay và hơi thở của bà như đông cứng lại.

Hồ nước giờ chỉ còn là một mảng đục lờ mờ trong bóng tối. Và người phụ nữ mặc đồ đen, người thế gian biết đến dưới cái tên Beatrice xứ Burgundy, biết rằng mùa đông đang tràn về từ phương Bắc sẽ là mùa đông cuối cùng của bà. Và bà tự hỏi liệu ở nơi tối tăm bà sắp tới, có đủ sự khoan dung cho phép xóa đi khỏi tâm trí bà những mảnh ký ức cuối cùng hay không.

La Navata, tháng Tư 1990.

Scan: Cailubietdi

Text: Tornad

29/8/2017

Chú thích

Flemish: Trường phái hội họa rất hưng thịnh vào thế kỷ 15-17 ở châu Âu, xuất phát từ vùng Flanders, ngày nay là những vùng đất thuộc Bỉ, Hà Lan và Pháp. Những nghệ sĩ theo trường phái Flemish là những người đầu tiên sử dụng sơn dầu để vẽ tranh.

Don Cherry, Mozart, Miles Davis, Satie, Lester Bowie, Michael Hedges,
Vivaldi: Những nhà soạn nhạc và nghệ sĩ kèn nổi tiếng thế giới.

Mariano Benlliure (1862-1947): nhà điêu khắc nổi tiếng Tây Ban Nha.

Hiệp sĩ Cừu Vàng: Một dòng hiệp sĩ do Công tước Philip đệ tam xứ Burgundy thành lập năm 1430.

quân hiệp sĩ trắng: Để phù hợp với câu chuyện, một số quân cờ vua sẽ được dịch sát theo tên gọi gốc, thay vì theo cách thường gọi của người Việt, vốn lấy cảm hứng từ cờ tướng. Cụ thể, quân hiệp sĩ thay cho quân mã, giám mục thay cho tượng và tháp thay cho xe.

[quattrocento](#): Nghệ thuật Italia thế kỷ 15.

don: Cách gọi trang trọng một người đàn ông (tiếng Tây Ban Nha).

*: Vợ của Lot bị hóa thành một bức tượng bằng muối vì trái lời Chúa dạy.
(Theo Sáng Thế Ký – Kinh Cựu ước).

*: Khi nghỉ ngơi, đừng kết tội.

*: Trong mưa.

*: Định mệnh.

*: Con gái của Priam, vua thành Troy, bị thần linh giáng cho lời nguyền phải trở thành một nhà tiên tri biết trước tương lai, nhưng không được một ai tin lời.

*: Vùng đất nay thuộc miền Đông nước Pháp.

*: Vùng đất ven biển phía Tây châu Âu, bao gồm Bỉ, Luxembourg và Hà Lan ngày nay.

*: Công tước xứ Ostenburg (tiếng Latin).

*: Vua Charles Đại đế (742-814) của đế quốc Frank (là một vùng đất bao gồm Đức, Pháp, Ý ngày nay).

*: Brugge, Gand, Louvain: các thành phố của xứ Flanders. Gand phát âm theo tiếng Hà Lan là Ghent.

*: Van Huys, Vander Goes, Dieric Bouts: các danh họa thế kỷ 15.

*: Pietrus Husyus, họa sĩ xuất chúng.

*: Bậc thầy Pietro Van Hus, họa sĩ người Bruggia (Brugge).

*: Kiệt tác của một người có tên Piero di Juys, họa sĩ nổi tiếng ở Fiandra (Flanders).

*: Đã được vẽ bởi bậc thầy vĩ đại và nổi tiếng Pietrus Juisus, người vùng Flanders.

*: Một nhân vật trong truyền thuyết về vua Arthur, là một hiệp sĩ tài ba và là cánh tay phải của vua Arthur.

*: Vị tướng vĩ đại dưới trướng vua Charlemagne.

Cuộc chiến Trăm năm: diễn ra giữa Anh và Pháp suốt hơn một thế kỷ nhằm giành giật lãnh thổ và ngôi vua nước Pháp. Formigny và Castillon là hai trận trong cuộc chiến này, trong đó trận Castillon đem về thắng lợi cho Pháp.

Normandy và Guyenne: Các vùng thuộc Pháp ngày nay.

*: Bảo tàng Quốc gia lớn nhất Tây Ban Nha, tọa lạc tại thủ đô Madrid.

*: Robert Campin (1375-1444), danh họa được mệnh danh là bậc thầy đầu tiên của trường phái Flemish.

*: Vùng đất nay thuộc Bỉ.

*: Tên thường được đặt cho một loại nhân vật cụ thể trong các vở hài kịch Italia: Octavio thường là nhân vật nam chính, Lucinda là nhân vật nữ chính, người tình của Octavio, còn Scaramouche là nhân vật hề có tính cách huênh hoang khoáng lạc.

*: Phức cảm Oedipus và phức cảm Electra là thuật ngữ chỉ tình yêu của một đứa trẻ đối với người cha mẹ khác giới tính với nó, Menchu muốn ám chỉ César là người đồng tính.

*: Peseta: đơn vị tiền tệ cũ của Tây Ban Nha, được sử dụng từ năm 1869 đến 2002.

*: Hoàng hậu Nefertiti, vợ của Pharaoh Akhenaten của Ai Cập.

*: Khoản thay cho những kẻ thua cuộc.

*: Một nhân vật trong một vở kịch opera nổi tiếng lấy bối cảnh Ai Cập cổ đại.

*: Nữ hoàng Ai Cập Cleopatra được cho là đã tự tử bằng cách dụ một con rắn độc cắn.

*: Vùng đất nay thuộc Italia.

*: Một công quốc nay thuộc Bỉ và Hà Lan.

*: Petrus Van Huys vẽ xong bức tranh này năm 1471.

*: Vùng đất nay thuộc Bỉ.

*: Vùng đất nay thuộc Đức.

*: Thành phố nay thuộc Bỉ.

*: Quý ông (tiếng Tây Ban Nha).

*: Mẫu thiết kế các quân cờ vua được sử dụng trong các cuộc thi đấu cờ vua chính thức, được đặt theo tên bậc thầy cờ vua người Anh Howard Staunton.

*: Nước đi đặc biệt trong cờ vua, trong đó kỳ thủ có thể đồng thời di chuyển quân vua và một trong hai quân tháp của mình với điều kiện chúng đều đang ở vị trí ban đầu của mình trên bàn cờ. Kỳ thủ nhập thành bằng cách di chuyển quân vua hai nước về phía quân tháp, đồng thời đem quân tháp nhảy qua vua và đặt tháp ở ô kế bên vua.

*: Quý cô (tiếng Tây Ban Nha).

*: Theo phong tục La Mã cổ đại, khi một võ sĩ giác đấu bị đối thủ đánh ngã, nếu hoàng đế và khán giả ra hiệu đưa ngón trỏ lên trên thì võ sĩ thua cuộc sẽ được đối thủ tha mạng; ngược lại, nếu ngón trỏ quay xuống dưới, võ sĩ thua cuộc sẽ bị giết.

*: Nhân vật thuyền trưởng cướp biển độc ác trong truyện *Peter Pan*.

*: Bà Bướm và trung úy Pinkerton là đôi tình nhân trong một vở opera của Giacomo Puccini. Armand Duval là người tình của cô gái điếm có biệt danh Trà Hoa Nữ trong tiểu thuyết cùng tên của Alexandre Dumas.

*: Trong truyện, tên trộm Jose đã phát điên và giết người vợ là Carmen khi cô phản bội Jose để đến với người đàn ông khác.

*: Gaius Maecenas, cố vấn chính trị của hoàng đế La Mã Caesar, một nhà bảo trợ nghệ thuật quan trọng thời kỳ đó.

*: Triết gia Hy Lạp cổ đại, là nhà tư tưởng, văn hóa lỗi lạc của nhân loại.

antrum amoris: Hang động tình yêu.

Sophocles: một trong ba tác gia chuyên viết bi kịch nổi tiếng nhất của Hy Lạp cổ. Trong một giai thoại, Sophocles được kể lại đã lừa hôn một chàng trai trẻ trong khi ông uống ly rượu của mình, ở đây, Menchu giả bộ nhầm lẫn với Seneca, một triết gia và nhà biên kịch La Mã, và nhầm lẫn cả trong tình tiết uống nước cây độc cần (thực ra là Socrates uống).

[Alcibiades \(450-404 TCN\)](#): một chính khách lỗi lạc người Athen. Trong một tác phẩm đối thoại của triết gia Hy Lạp Plato, ông được xây dựng là người tình của Socrates.

Patroclus: Nhân vật người yêu đồng tính của Achilles trong thần thoại Hy Lạp.

Publius Vergilius Maro (70-19 TCN): một thi sĩ La Mã cổ đại.

condottiere mio: Chàng tướng đánh thuê của tôi. Condottiere là tên gọi các viên tướng chỉ huy những đội quân đánh thuê thời Trung cổ ở châu Âu.

Cave canem: Cần thận chó dữ (tiếng Latin).

[Jacob Burckhardt \(1818-1897\)](#): nhà sử học Thụy Sĩ, nổi tiếng về các nghiên cứu lịch sử nghệ thuật và văn hóa.

Et tu, Bruta?: “Là người sao, Brutus” (tiếng Latin), tương truyền là câu nói cuối cùng của Caesar khi bị Brutus, vốn là người được ông đỡ đầu, ám sát. Câu này thường được dùng để thể hiện tâm trạng phiền muộn, thất vọng khi bị một người tin cậy phản bội.

Monet, Ingres Zurbaran, Brueghel: Các danh họa nổi tiếng châu Âu.

Kasparov, Karpov Fischer, Capablanca, Paul Morphy, Ruy Loper: các kiện tướng cờ vua nổi tiếng thế giới.

Neverland: Một miền đất trong truyện *Peter Pan*.

Benvenuto Cellini: Thợ kim hoàn, nhà điêu khắc, nhạc sĩ Italia thế kỷ 16, là một trong những nghệ sĩ quan trọng nhất của trường phái Kiêu cách.

Crécy: Hoàng tử Đen, con trai cả vua Edward III của Anh đã dẫn dắt quân Anh chiến thắng quân Pháp trong trận Crécy, trận đánh diễn ra ngày 26 tháng Tám năm 1346 trong cuộc chiến Trăm Năm.

Alice ở xứ sở trong gương: Phần 2 truyện *Alice ở xứ sở diệu kỳ* của Lewis Carroll.

a la maniera ponentina: Theo phong cách phương Tây.

Wendy: Nhân vật chính trong truyện *Peter Pan*.

hoàng hậu Guinevere: Vợ của vua Arthur.

Dreyfus sát hại Zola: Thực ra đây là vụ Dreyfus, một sĩ quan gốc Do Thái, bị kết tội oan làm gián điệp. Emile Zola là một trong những người đấu tranh quyết liệt đòi trả lại danh dự cho Dreyfus.

*: Tay súng bị tình nghi đã ám sát tổng thống Mỹ Kennedy năm 1963.

*: Menchu mĩa mai chuyện César đồng tính.

*: Sigmund Freud (1856-1939), thuyết phân tâm học.

*: Quái vật nửa người nửa bò trong thần thoại Hy Lạp.

*: Cách gọi trang trọng một người phụ nữ (tiếng Tây Ban Nha).

*: Phiến đá Rosetta là một tấm bia Ai Cập cổ đại, trên đó có khắc một sắc lệnh viết bằng ba loại chữ: chữ tượng hình Ai Cập cổ đại, ký tự Demotic và chữ Hy Lạp cổ đại. Do ba đoạn văn bản được trình bày theo cùng một kiểu nên các nhà khoa học đã rất dễ dàng giải mã được chữ tượng hình Ai Cập.

*: Trích bài thơ *Ván cờ* của nhà văn Argentina Jorge Luis Borges.

*: Lãnh thổ tự trị đông dân nhất và lớn thứ nhì Tây Ban Nha.

*: Seville là thủ phủ của lãnh thổ tự trị Andalusia ở Tây Ban Nha.

*: Bức tranh khắc họa hình ảnh một buổi vẽ chân dung gia đình hoàng gia Tây Ban Nha từ góc nhìn của vua và hoàng hậu.

*: Vua Charles I của Anh (1600-1649) bị đưa ra xét xử và kết án tử hình vì tội phản quốc vào tháng 1 năm 1649.

*: Giai đoạn năm 1815-1848 ở châu Âu, thời kỳ tầng lớp trung lưu phát triển mạnh và nghệ thuật trở nên gần gũi hơn với đại chúng.

*: Nữ hoàng cuối cùng của Pháp.

*: Nhà chính trị, ngoại giao tài giỏi và có ảnh hưởng lớn trong lịch sử nước Pháp và thế giới.

*: Nhân vật trong tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Robert Louis Stevenson, ông Hyde chính là bác sĩ Jekyll sau khi uống một thứ thuốc có khả năng thay đổi vẻ bề ngoài. Toàn bộ phần thú tính của bác sĩ Jekyll đã được bộc lộ dưới nhân dạng ông Hyde.

*: Nhân vật cướp biển trong tiểu thuyết nổi tiếng *Thuyền trưởng Blood* của Rafael Sabatini.

*: Maurits Cornelis Escher: nghệ sĩ đồ họa người Hà Lan, được biết đến với những tác phẩm hội họa toán học, về những kiến trúc bất khả thi, khám phá về chiều vô tận.

*: Rook.

*: Âm chỉ chuyện *Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn*.

*: Nữ thần báo oán chuyên bám theo hành hạ những kẻ sát nhân trong thần thoại Hy Lạp.

*: Theo Sách Khải Huyền, sách cuối cùng của Kinh Tân Ước, Thiên Chúa trao vận mệnh thế giới cho Con Chiên trong một cuốn sách có niêm bảy dấu ấn, khi dấu ấn thứ bảy được mở cũng là lúc bắt đầu bảy tiếng kèn của bảy thiên thần báo hiệu hình phạt cuối cùng.

*: Bắt gặp giữa lúc đang làm điều gì đó.

*: Pieter Bruegel Cha (1525 – 1569): họa sĩ theo trường phái Flemish, nổi tiếng với các bức tranh phong cảnh và nông dân.

*: Thời kỳ vua Edward VII trị vì tại Anh (1901-1910).

*: Một nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, vợ là Andromache.

*: Phong cách thịnh hành thời Napoleon I (1804-1815).

*: Phong cách thời công tước d'Orléans còn làm nhiếp chính Pháp (1715-1723).

*: Lorenzo Lotto, Juan de Soreda, Lucca Giordano, Thomas Gainsborough:
các danh họa châu Âu thế kỷ 15-17.

*: Các nhân vật trong thần thoại Hy Lạp. Theo đó, Oedipus đã giết chính cha ruột và cưới mẹ ruột của mình làm vợ theo đúng như một lời tiên đoán, Orestes đã giết mẹ và người tình của mẹ để trả thù cho cha, còn Medea đã giết chính các con mình để trả thù người chồng bội bạc.

*: Nhân vật cầm đầu cuộc nổi loạn trên tàu trong tiểu thuyết *Đảo kho báu* của Robert Louis Stevenson.

*: Nhân vật chính trong tiểu thuyết *Le Bossu* của Paul Féval.

*: Nhân vật chính trong tiểu thuyết *The Talisman* của Sir Walter Scott.

*: Khi quân tốt tới được hàng thứ tám phía đối diện của bàn cờ, người chơi có quyền đổi quân tốt đó bằng quân hậu, hiệp sĩ, giám mục hay tháp tùy ý. Quân cờ được đổi sẽ thay vào đúng vị trí quân tốt trước đó.

*: Theo phong tục châu Âu thời trước, khi một người đàn ông ném một chiếc găng xuống trước mặt người khác, có nghĩa là anh ta thách người này quyết đấu. Nếu không muốn mất danh dự, người bị thách thức chỉ còn cách nhận lời thách đấu qua việc nhặt chiếc găng lên.

*: Francisco Franco y Bahamonde (1892-1975): độc tài Tây Ban Nha từ năm 1939 sau cuộc Nội chiến (1936-1939).

*: Trận đánh diễn ra ngày 26 tháng Tám năm 1346 giữa Anh và Pháp trong Chiến tranh Một trăm năm, với thắng lợi vang dội của quân Anh.

*: Hãy làm xáo trộn các dấu vết.

*: Nhân vật đạo chích nổi tiếng trong loạt tiểu thuyết của nhà văn Pháp Maurice Leblanc.

*: Người sáng lập ra thương hiệu nước hoa, mỹ phẩm và thời trang Chanel.

*: Socrates bị kết án tử hình bằng cách uống thuốc độc từ cây độc cần do đã đưa ra nghịch lý về sự khôn ngoan khiến những người cầm quyền ở Athens trở thành trò cười. Ông đã cố tình thách thức bồi thẩm đoàn của phiên tòa xử tội ông để được xử án tử hình, như thế tự tử là ý của ông và ông đã chiến thắng họ trong cuộc tranh đấu cuối cùng này.

*: Một trường phái thần học được đặt theo tên nhà cải cách John Calvin.

*: HCN, một chất lỏng không màu rất độc.

[← 114]

“Tôi cũng không đến mức quá xấu xí” (tiếng Latin), đây là một câu thơ của thi sĩ La Mã Virgil.